ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ GIANG

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN

***

LỊCH SỬ

ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN

(1944 - 2020)

---o0o---

Bản Sơ thảo lần 4

Tài liệu phục vụ thẩm định

Đồng Văn, tháng 11/2020

LỜI GIỚI THIỆU

Đồng Văn là huyện biên giới phía Bắc của tỉnh Hà Giang, nằm ở điểm cực Bắc của Tổ quốc Việt Nam, với 17 dân tộc cùng chung sống tạo nên nét văn hóa cao nguyên đa dạng, phong phú. Con người Đồng Văn có tinh thần cần cù lao động, kiên cường chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt và tinh thần đấu tranh bất khuất với các thế lực phản động, ngoại xâm để sinh tồn và phát triển.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần đó được phát huy cao độ làm nên truyền thống hào hùng, tô thêm trang sử vẻ vang của quê hương. Đồng bào các dân tộc Đồng Văn đã một lòng một dạ theo Đảng, đoàn kết thống nhất, phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, xây dựng cuộc sống ngày càng no đủ, văn minh.

Truyền thống vẻ vang đó là nguồn lực nội sinh để các thế hệ người dân Đồng Văn tiếp tục phát huy trong công cuộc đổi mới, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, phát triển mạnh về kinh tế - văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh, quốc phòng, làm cho Đồng Văn trở thành điểm tựa tin cậy của cả nước, xứng đáng là vị trí tiền tiêu của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhằm giáo dục truyền thống cho các thế hệ mai sau, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện đối với đồng bào các dân tộc Đồng Văn, thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Kế hoạch số 342-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc tiếp tục tăng cường nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, giáo dục lịch sử Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xuất bản cuốn sách ***"Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn (1944 - 2020)"*** *trên cơ sở tái bản, chỉnh lý, bổ sung cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn tập I (1944 - 1975) và tập II (giai đoạn 1975 - 2005), đồng thời biên soạn mới từ năm 2005 đến năm 2020. Nội dung cuốn sách phản ánh một cách chân thực về quá trình đấu tranh anh dũng, kiên cường của nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn dưới sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ; góp phần giáo dục truyền thống yêu nước cho nhân dân các dân tộc trong toàn huyện, đồng thời phát huy truyền thống cách mạng, sự tin tưởng vào đường lối cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn.*

Trong quá trình nghiên cứu, biên soạn cuốn sách, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hà Giang, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Văn, sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện qua các thời kỳ, các ban, ngành, đoàn thể cùng đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong

toàn huyện.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do tài liệu lưu trữ và các nhân chứng lịch sử không còn nhiều nên cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các độc giả để khi tái bản cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu: ***Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn (1944 - 2020)*** *với đồng chí, đồng bào và các bạn.*

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN ĐỒNG VĂN
Bí Thư
Hoàng Văn Thịnh

Chương I
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, XÃ HỘI HUYỆN ĐỒNG VĂN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Đồng Văn là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Hà Giang và là điểm cực Bắc của Tổ quốc Việt Nam. Huyện Đồng Văn có vị trí địa lý trong tọa độ từ $22^0$55’ đến $23^0$23’ Bắc; vĩ độ $105^0$42’ kinh Đông. Phía Bắc và Đông Bắc giáp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, với trên 54 km đường biên giới; phía Đông và Đông Nam giáp huyện Mèo Vạc; phía Tây và Tây Nam giáp huyện Yên Minh. Trung tâm huyện được đặt tại thị trấn Đồng Văn cách thành phố Hà Giang 150 km về phía Bắc.

Theo số liệu thống kê năm 2017, huyện Đồng Văn có tổng diện tích tự nhiên 45.171,22 ha, trong đó 16.552,43 ha là đất sản xuất nông nghiệp[(1)]. Diện tích núi đá chiếm 70% tổng diện tích tự nhiên.

Huyện Đồng Văn là trung tâm vùng lõi của cao nguyên đá Đồng Văn, có độ cao trung bình 1.400 m so với mặt nước biển, địa hình thấp dần từ Đông sang Tây, bị chia cắt phức tạp với nhiều dãy núi cao, vực sâu. Trên địa bàn huyện có một số ngọn núi cao như đỉnh Lũng Táo 1.926 m; Phố Là 1.949 m án ngữ phía Tây với dãy Mã Pì Lèng dựng đứng bên bờ sông Nho Quế gây nên sự khó khăn về đi lại, giao lưu, tạo nên sự cách biệt giữa các vùng và trong sự nghiệp mở mang, phát triển giao thông nơi đây.

Địa hình của huyện chia thành 2 dạng chính là:

Địa hình núi đất gồm 5 xã, thị trấn: Lũng Cú, Ma Lé, Đồng Văn, Phố Bảng, Phố Là.

Địa hình núi đá vôi gồm 14 xã còn lại đó là: Phố Cáo, Sủng Trái, Hố Quáng Phìn, Lũng Phìn, Lũng Táo, Lũng Thầu, Sảng Tủng, Sính Lủng, Sủng Là, Tả Lủng, Tả Phìn, Thài Phìn Tủng, Vần Chải và Sà Phìn.

Do địa hình bị chia cắt mạnh đồng thời do quá trình phong hóa từ đá vôi trầm tích và đá phiến thạch nên đất đai của huyện có thành phần cơ giới nặng, độ phì nhiêu tương đối cao và được chia thành 4 nhóm đất như sau:

- Nhóm đất phù sa, phân bố chủ yếu tại xã Phố Cáo, thị trấn Phố Bảng thích hợp cho việc trồng cây lương thực và các loại cây trồng hàng năm khác.

- Nhóm đất đen chủ yếu phân bố tại các xã Tả Lủng, Phố Là, loại đất này tương đối phì nhiêu, thường cho năng suất cây trồng cao, nhưng trong quá trình canh tác cần chú ý đến vấn đề nước tưới trong mùa khô.

[(1)]. *Niên giám thống kê 2017* - Cục thống kê Hà Giang, xuất bản năm 2018, tr.21.

- Nhóm đất xám phân bố rộng khắp các xã, đây là một trong những loại đất tốt của huyện thích hợp cho phát triển nông - lâm nghiệp như cây lâu năm, cây ngắn ngày.

Địa bàn huyện Đồng Văn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm được chia thành 4 mùa (xuân, hạ, thu, đông), nhiệt độ trung bình trong năm đạt 23,1^{0}C. Độ ẩm không khí bình quân năm đạt 84%. Bên cạnh đó, do địa hình núi cao, chia cắt nên tính chất khí hậu trên địa bàn huyện khắc nghiệt, chia thành nhiều vùng khác nhau (khí hậu tiểu vùng). Lượng mưa trung bình từ 1.600 - 2.000 mm, tính theo lượng mưa chia thành 2 mùa (mùa mưa và mùa khô): Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô kéo dài từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau với khí hậu khô hanh, độ ẩm xuống thấp, ở một vài tiểu vùng nhiệt độ có lúc xuống tới 4 - 5^{0}C như ở Lán Xì, Phó Bảng[(1)]… có ngày có sương muối, sương mù và mưa phùn giá rét, thi thoảng có mưa tuyết, nên ảnh hưởng không nhỏ đến cây trồng vật nuôi.

Là một trong bốn huyện thuộc khu vực cao nguyên đá Đồng Văn, nguồn nước phục vụ đời sống sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân trong toàn huyện gặp nhiều khó khăn. Trên địa bàn huyện có sông Nho Quế, bắt nguồn từ các dãy núi phía Bắc của huyện, chảy qua các điểm Lũng Cú, Ma Lé, Đồng Văn chảy sang các huyện Mèo Vạc, Bắc Mê rồi đổ vào sông Gâm là nguồn cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất, đồng thời phát triển thủy điện và điều hòa khí hậu trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, huyện còn có một số dòng suối nhỏ như suối Phố Cáo chảy về huyện Yên Minh, suối Đồng Văn, suối ở Phó Bảng, Phố Là mùa mưa mới có nước. Quá trình tạo sơn tự nhiên lâu đời trên địa hình núi đá vôi để lại những thắng cảnh đẹp cho Đồng Văn. Song, địa hình đá vôi cũng làm cho Đồng Văn thiếu nước sinh hoạt và tưới tiêu nghiêm trọng.

Rừng ở Đồng Văn có thảm thực vật phong phú, thích hợp cho sự phát triển nhiều loài như cây dẻ, sồi, thông đá, thông đỏ, pơ mu, vàng tâm, sa mộc, nghiến... Động vật có các loài như hổ, khỉ, lợn rừng, hoẵng, cày hương, sóc, gà lôi, nhím, trăn, rắn, tê tê… Tuy nhiên, trong một khoảng thời gian dài do bị khai thác quá mức đã dẫn đến nhiều loại gỗ, dược liệu, động vật quý hiếm hiện nay không còn. Trong những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã đẩy mạnh công tác trồng và chăm sóc rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, trả lại màu xanh cho nhiều vùng đất.

Về sản xuất nông nghiệp, do diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít và kinh

---

(1). Do nhiều nguyên nhân nên trong thực tế lịch sử, địa danh Phó Bảng hay Phố Bảng chưa có sự thống nhất về tên gọi. Vì vậy, trong quá trình biên tập, chỉnh lý, Ban biên soạn sử dụng địa danh Phó Bảng hay Phố Bảng ở những thời điểm có tài liệu lưu trữ.

nghiệm sản xuất được tích lũy, người nông dân đã biết trồng xen canh, gối vụ để tăng sản lượng và thu nhập, đa dạng các loài cây trên đơn vị diện tích nhất định. Vì thiếu đất canh tác người nông dân phải làm nương ruộng trên đá, gùi đất đổ lên hốc đá để trồng; làm nương canh tác rất khó nhọc và vất vả nên trước đây sản xuất không đủ tự cung tự cấp lương thực, nạn thiếu đói diễn ra phổ biến.

Sau nhiều năm nỗ lực khai phá đất đai, khai hoang phục hóa, tích cực xây dựng thủy lợi, cải tạo đất nên diện tích, năng suất, sản lượng cây lương thực (chủ yếu là lúa, ngô) đã tăng lên nhanh chóng, góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn huyện. Ngoài gieo trồng cây lúa và ngô, trên địa bàn huyện còn trồng một số loại cây có giá trị kinh tế như: cây có củ (sắn, dong giềng, khoai lang), cây công nghiệp (đậu tương, lạc, chè, mía, trẩu), cây thực phẩm (bí, rau, đậu các loại). Đặc biệt, khí hậu Đồng Văn mang tính ôn đới, thích hợp trồng các loại cây ăn quả như: Lê, đào, mận, táo... và các loại cây dược liệu quý như: Đỗ trọng, huyền sâm, xuyên khung, ý dĩ, thảo quả, tam thất, đương quy, cây thì là hóa gỗ, huyết đằng, ngũ gia bì, hà thủ ô, màng tang, bình vôi, cây hoa một lá, khúc khắc, đẳng sâm... Đồng Văn có giống chè ngon nổi tiếng phù hợp với vùng đất Lũng Phìn. Tuy nhiên, sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên cũng trực tiếp gây khó khăn lớn, khiến nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất khan hiếm, gây khó khăn cho cuộc sống của con người.

Điều kiện khí hậu Đồng Văn rất thích hợp trồng cây anh túc. Đồng bào có thói quen trồng cây anh túc từ lâu đời để sử dụng làm thuốc. Dưới chế độ cũ cây anh túc được khuyến khích trồng, sử dụng. Đây là loại hàng hóa đặc biệt thu hút nhiều khách hàng trong và ngoài nước; có nhiều thời điểm buôn bán thuốc phiện được tự do, các cửa khẩu tiểu ngạch là nơi mua bán thuốc phiện của thương gia nhiều nước; thị trấn Phó Bảng là nơi tấp nập. Đây cũng là nơi nảy sinh của các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cướp bóc, cờ bạc… Sau ngày giải phóng (1975), sản phẩm cây anh túc được Nhà nước thu mua và quản lý. Từ năm 1992, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhân dân đã phá bỏ cây anh túc và chuyển sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế khác.

Chăn nuôi của Đồng Văn tương đối phát triển. Từ xa xưa người dân đã nuôi các loại gia súc như lợn, bò, dê, ngựa để lấy thịt, dùng sức kéo và vận chuyển (ngựa thồ). Con ngựa gắn bó gần gũi với người dân vùng cao nói chung và Đồng Văn nói riêng trong đời sống, sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra, các gia đình còn chăn thả các loại gia cầm như gà, vịt, nuôi ong mật... Trong những năm gần đây, huyện Đồng Văn chú trọng phát triển mạnh ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi gia súc với số lượng lớn, vừa cung cấp thực phẩm có giá trị cho nhân dân, đồng thời là nguồn hàng

hóa quan trọng cho các địa phương lân cận.

Sản xuất công nghiệp ở Đồng Văn nhìn chung chưa phát triển. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, nhân dân các dân tộc Đồng Văn vẫn lưu giữ và phát triển các nghề thủ công truyền thống như: Rèn đúc, nung ngói máng, dệt vải lanh, thổ cẩm, đan lát, chế tác khèn Mông, đúc trạm bạc... Nghề dệt cổ truyền của Đồng Văn là trồng lanh dệt vải để sử dụng. Trình độ tay nghề ngày càng được nâng cao qua sắc màu áo váy. Trong những năm gần đây, trên địa bàn huyện đã hình thành và phát triển thêm một số ngành nghề khác như sản xuất đồ mộc dân dụng, chế biến nông sản (xay xát ngô, lúa, chế biến chè), sản xuất gạch không nung, khai thác đá sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện… nhưng quy mô còn nhỏ, phân tán, năng lực sản xuất thấp.

Nằm ở vùng lõi thuộc Công viên địa chất toàn cầu - cao nguyên đá Đồng Văn với nhiều di sản địa chất, di sản văn hóa và đa dạng sinh học, Đồng Văn có tiềm năng và thế mạnh để phát triển dịch vụ du lịch. Tiềm năng, thế mạnh đó đã và đang được Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện khai thác có hiệu quả trên con đường đưa Đồng Văn phát triển bền vững.

Có thể nói điều kiện tự nhiên khắc nghiệt của Đồng Văn gây nên trở ngại, khó khăn rất lớn cho huyện trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, xét một cách tổng quát, huyện Đồng Văn vẫn hội tụ đầy đủ yếu tố thuận lợi cơ bản để phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch. Những thuận lợi và khó khăn đã góp phần hun đúc lên ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất trước thiên tai, địch họa, tinh thần tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo để vượt qua mọi trở ngại về thiên tai, địa hình để vươn lên phát triển cùng dân tộc. Những đức tính đó đã tạo nên nét đẹp truyền thống xuyên suốt chiều dài lịch sử, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, đã và đang trở thành những giá trị tinh thần vô giá, sức mạnh to lớn để nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn tiếp tục viết nên những trang sử vàng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Quá trình hình thành

Xưa kia, Đồng Văn là tổng Đông Quan thuộc châu Bình Nguyên, phủ Tương Yên, tỉnh Tuyên Quang sau đó thuộc về châu Bảo Lạc (Cao Bằng) do một thổ quan người Tày, họ Nông ở Bảo Lạc cai quản như một lãnh địa. Khi thực dân Pháp xâm lược, chúng tách Đồng Văn ra khỏi Bảo Lạc. Dưới thời Pháp thuộc, toàn bộ phủ Tương Yên, trong đó có tổng Đông Quan được đặt trong Đạo quan binh thứ 2 Hà Giang.

Ngày 20/8/1891, thực dân Pháp chia đạo quan binh thứ 2 thành ba tỉnh: Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng.

Đến ngày 28/11/1905, Quyền Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định kể từ ngày 01/01/1906, thiết lập các trung tâm hành chính tại các Đạo quan binh 2, 3 và 4.

Theo đó, tại Đạo quan binh thứ 3 có thêm 4 trung tâm hành chính mới:

1. Đồng Văn (các tổng Đông Minh và Quang Mậu).

2. Quản Bạ (tổng Yên Bình).

3. Bắc Quang (các tổng Bằng Hành, Trinh Tương, Mục Hà và Tiên Yên).

4. Hoàng Su Phì (tổng Tụ Nhân).

Như vậy, từ đây (ngày 01/01/1906) huyện Đồng Văn chính thức được thành lập.

Trong "Danh mục các làng xã Bắc Kỳ" của Ngô Vi Liễn, xuất bản năm 1928 thì tỉnh Hà Giang có hai châu (châu Bắc Quang, Vị Xuyên) và hai đại lý (đại lý Đồng Văn, Hoàng Su Phì). Đại lý Đồng Văn có tổng Quang Mậu và tổng Đông Minh, gồm 465 làng, 19 xã.

Tổng Quang Mậu gồm các xã: Đồng Văn, Niêm Sơn, Sơn Vĩ, Sủng Máng.

Tổng Đông Minh gồm các xã: Bạch Đích, Đường Thượng, Lũng Chinh, Lũng Phìn, Mậu Duệ, Mèo Vạc, Na Khê, Ngam La, Phố Cáo, Phú Lũng, Sà Phìn, Sủng Là, Sủng Thài, Vần Chải, Yên Minh.

Đến tháng 01/1950, tỉnh Hà Giang thuộc khu Lao - Hà - Yên (Lào Cai - Hà Giang - Yên Bái), toàn tỉnh Hà Giang có 4 huyện là Bắc Quang, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì và huyện Đồng Văn (bao gồm huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và một phần của huyện Quản Bạ ngày nay). Toàn huyện Đồng Văn lúc đó có 22 xã: Đồng Văn, Niêm Sơn, Sủng Máng, Sơn Vĩ, Bạch Đích, Lũng Phìn, Đường Thượng, Lũng Chinh, Mậu Duệ, Mèo Vạc, Na Khê, Ngam La, Phố Cáo, Phú Lũng, Sà Phìn, Sủng Là, Sủng Thài, Vần Chải, Yên Minh, Cán Tỷ, Ngọc Long[(1)], Du Già[(2)].

Ngày 23/3/1959, Chủ tịch nước ký Sắc lệnh bãi bỏ cấp hành chính khu Lao - Hà - Yên, sáp nhập tỉnh Hà Giang vào Khu tự trị Việt Bắc.

Ngày 05/7/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 91-CP chia 13 xã thuộc huyện Đồng Văn thành các xã mới.

---

(1). Năm 1931, xã Ngọc Long tách khỏi xã Mậu Duệ thành lập đơn vị hành chính mới với tên gọi xã Thanh Sơn, thuộc tổng (khu) Đông Minh (khu Yên Minh), châu Đồng Văn. Tháng 01/1946, xã Thanh Sơn được đổi tên thành xã Ngọc Long. Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Ngọc Long (1945 - 2017), xuất bản năm 2018, tr 10.

(2). Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, để thuận tiện cho việc xây dựng phong trào cách mạng, xã Du Già được chuyển từ huyện Vị Xuyên về huyện Đồng Văn quản lý. Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Du Già (1945 - 2018), xuất bản năm 2019, tr 11.

Cụ thể như sau:

Xã Đồng Văn tách thành 4 xã: Đồng Văn, Lũng Cú, Má Lé, Pải Lủng.

Xã Sà Phìn tách thành 6 xã: Sà Phìn, Lũng Táo, Thài Phỉn Lùng, Sính Lủng, Tả Lủng, Tả Phìn.

Xã Mèo Vạc tách thành 5 xã: Thống Nhất (sau đổi thành Pả Vi), Hòa Bình (sau đổi thành Mèo Vạc), Đoàn Kết, Tự Do (sau đổi thành Cán Chu Phìn), Lũng Phù.

Xã Sơn Vĩ tách thành 3 xã: Sơn Vĩ, Thượng Phùng, Xín Cái.

Xã Niêm Sơn tách thành 3 xã: Khâu Vai, Niêm Sơn, Tát Ngà.

Xã Lũng Chinh tách thành 2 xã: Lũng Chà (Sủng Trà), Lũng Chinh.

Xã Mậu Duệ tách thành 2 xã: Nậm Ban, Mậu Duệ.

Xã Vần Chải tách thành 2 xã: Vần Chải, Lũng Thầu.

Xã Lũng Phìn tách thành 4 xã: Lũng Phìn, Sảng Tủng, Hố Quáng Phìn, Sủng Chái (Sủng Trái).

Xã Phú Lũng tách thành 3 xã: Phìn Lồ (sau đổi thành Phú Lũng), Thắng Mố, Sùng Chiếng (Sủng Cháng).

Xã Cán Tỷ tách thành 4 xã: Cán Tỷ, Bát Đại Sơn, Lao Và Chải, Lùng Tám.

Xã Đường Thượng tách thành 2 xã: Đường Thượng, Lũng Hồ.

Xã Sủng Là tách thành 1 thị trấn Phố Bảng và 2 xã: Sủng Là, Phố Là.

Ngày 15/12/1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 211-CP tách Đồng Văn làm 3 huyện: Đồng Văn, Yên Minh, Mèo Vạc. Sau khi chia tách, huyện Đồng Văn có 20 đơn vị hành chính, bao gồm thị trấn Phó Bảng và 19 xã: Thắng Mố, Tả Lủng, Sảng Tủng, Sính Lủng, Lũng Táo, Phố Là, Đồng Văn, Sủng Tráng (Sủng Cháng), Phú Lũng, Lũng Cú, Sà Phìn, Sủng Thài, Ma Lé, Sủng Là, Lũng Thầu, Thài Phìn Tủng, Phố Cáo, Vần Chải, Tả Phìn.

Ngày 27/12/1975, kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa V nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra nghị quyết bỏ cấp khu trong hệ thống các đơn vị hành chính và hợp nhất một số tỉnh. Tại thời điểm đó, huyện Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Tuyên.

Sau khi cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra (ngày 17/02/1979), do nhân dân thị trấn Phó Bảng đã được ta di chuyển về tuyến sau nên bộ máy hành chính của thị trấn dừng hoạt động. Địa giới hành chính của thị trấn đươc chuyển giao cho xã Sủng Là, rồi sau đó là xã Phố Là quản lý. Đến giữa năm 1991, thị trấn Phó Bảng được tái lập như thời điểm trước năm 1979.

Ngày 21/10/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 179-HĐBT "Về phân vạch địa giới một số xã của huyện Mèo Vạc, Yên Minh và Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Tuyên". Theo đó, huyện Đồng Văn tiến hành bàn giao 4 xã: Phú Lũng,

Thắng Mố, Sủng Cháng, Sủng Thài về huyện Yên Minh quản lý.

Năm 1984, các xã Lũng Phìn, Hố Quáng Phìn, Sủng Trái được chuyển giao từ huyện Mèo Vạc về huyện Đồng Văn quản lý [1].

Ngày 12/8/1991, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII ra Quyết định chia tách tỉnh Hà Tuyên thành 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Tỉnh Hà Giang chính thức được tái lập và đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mời từ ngày 01/10/1991. Huyện Đồng Văn lúc này thuộc tỉnh Hà Giang.

Ngày 31/3/2009, thực hiện Nghị định số 11/NĐ-CP của Chính phủ, thị trấn Đồng Văn được thành lập trên cơ sở diện tích và dân số của xã Đồng Văn và trở thành trung tâm chính trị của huyện.

Từ đó đến nay (2020), huyện Đồng Văn ổn định địa giới hành chính với 2 thị trấn: Thị trấn Đồng Văn, thị trấn Phó Bảng và 17 xã: Hố Quáng Phìn, Lũng Cú, Lũng Phìn, Lũng Táo, Lũng Thầu, Má Lé, Phố Cáo, Phố Là, Sà Phìn, Sảng Tủng, Sính Lủng, Sủng Là, Sủng Trái, Tả Lủng, Tả Phìn, Thài Phìn Tủng, Vần Chải.

2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trước những năm 1945, dân cư của huyện còn sống thưa thớt. Năm 1962, sau khi chia tách, huyện Đồng Văn còn lại 47.663 nhân khẩu. Đến năm 1984, toàn huyện có 39.200 người[2]. Năm 1991, có 45.348 người. Năm 1999, tăng lên 52.855 người[3]. Năm 2009, toàn huyện có 65.000 người[4]. Theo kết quả của cuộc tổng điều tra dân số năm 2019, toàn huyện có 16.243 hộ, với 80.958 khẩu, gồm 17 dân tộc cùng sinh sống. Trong đó người Mông chiếm đa số, còn lại là các dân tộc khác như: Tày, Hoa, Hán, Lô, Kinh, Pu Péo, Nùng, Xuồng, Cờ Lao, Giấy, Ngạn...

Tuy các dân tộc sống xen cư nhau, nhưng mỗi dân tộc đều có vốn văn hóa độc đáo riêng, đồng thời có mối giao lưu cởi mở, học hỏi lẫn nhau, tạo nên truyền thống chung tốt đẹp đó là cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên cường, dũng cảm trong đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc. Truyền thống tốt đẹp đó còn được thể hiện rõ nét trong tình làng nghĩa bản bền chặt, sự tương thân tương ái, kính già yêu trẻ. Sự cố gắng chung sức trong sản xuất và đời sống cũng chính là cơ sở nảy sinh tình đoàn kết và tính cộng đồng cao của đồng bào các dân tộc.

Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn có đời sống văn hóa, tinh thần khá phong phú, đa dạng. Mỗi dân tộc có những nét văn hóa truyền thống riêng biệt, khẳng định sự trường tồn trong quá trình hình thành, phát triển của mình như: Trống đồng Lô Lô,

---

[1]. Theo Quyết định số 511/UB-QĐ ngày 03/7/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên về việc tạm thời điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, thị xã.
[2]. Theo số liệu thống kê tỉnh Hà Tuyên, Cục Thống kê Hà Tuyên, 1985.
[3]. Theo Niên giám thống kê Hà Giang 1994 và 2000, tr. 47 và 41.
[4]. Theo Cục Thống kê Hà Giang, Niên giám thống kê năm 2010, tr. 30.

trống đồng Pu Péo, cây khèn của dân tộc Mông, các làn điệu dân ca của dân tộc Tày, Nùng, Dao, Giấy... cùng tồn tại và phát triển trong nền văn hóa truyền thống cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Bên cạnh những nét riêng biệt mang tính bản địa, trong quá trình giao tiếp văn hóa các dân tộc có sự đan xen, cộng sinh càng tăng thêm vẻ đẹp phong phú, đa dạng của văn hóa các dân tộc. Từ bao đời nay, các thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước khai sơn phá thạch làm nên ruộng nương, làng bản, hình thành nên những nét văn hóa truyền thống của các dân tộc. Yếu tố văn hóa cộng đồng qua thời gian được gạn đục khơi trong, dưới sự lãnh đạo của Đảng càng được phát huy và bảo tồn, lưu giữ.

Ngoài những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, huyện Đồng Văn có nhiều điểm di tích văn hóa nổi tiếng, thu hút hàng chục ngàn du khách trong và ngoài nước đến tham quan, du lịch.

Một trong những địa điểm được nhắc tới đầu tiên chính là Cột cờ Lũng Cú[(1)]. Cột cờ Lũng Cú tọa lạc ở đỉnh Lũng Cú hay còn gọi là đỉnh núi Rồng (Long Sơn) có độ cao khoảng 1.470 m so với mực nước biển, thuộc xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, nơi Đài vọng cảnh cực Bắc Việt Nam, cách điểm cực Bắc Việt Nam khoảng 3,3 km theo đường chim bay. Từ trên đỉnh cột cờ nhìn xuống có 2 hồ nước hai bên núi quanh năm không bao giờ cạn nước được gọi là mắt rồng.

Tương truyền, tiền thân của cột cờ Lũng Cú xuất hiện từ thời Lý. Khi Lý Thường Kiệt hội quân ở trấn ải biên thùy, ông đã cho treo một lá cờ tại vị trí này để đánh dấu chủ quyền lãnh thổ. Đến thế kỷ XVIII, sau khi đại thắng quân Thanh, vua Quang Trung cho đặt một chiếc trống đồng ở trạm gác tột cùng vùng biên ải này nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia, đồng thời làm hiệu lệnh xuất binh. Qua thời gian, chiếc trống đồng trong trạm gác trên đỉnh núi Rồng được thay bằng lá cờ Tổ quốc.

Đầu năm 1978, tuyến đường ô tô từ xã Ma Lé lên Lũng Cú chính thức được khai thông, tuyến đường mang ý nghĩa lớn lao đó là đất nước thống nhất nối liền một dải từ Lũng Cú đến mũi Cà Mau. Sự kiện này gắn liền với cột cột cờ Lũng Cú trên đỉnh núi Rồng được dựng nên từ cây Sa mộc có đường kính gốc 20 cm, cao 15 m là tiền thân của Cột cờ Quốc gia Lũng Cú ngày nay.

Ngày 17/7/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cho chủ trương xây dựng: "Cột cờ Lũng Cú là biểu tượng của tỉnh Hà Giang"[(2)]. Tháng 7/2000, công trình cột cờ được khởi công xây dựng. Ngày 26/12/2000, công trình Cột cờ Lũng Cú chính

---

(1). Lũng Cú theo tiếng địa phương là Long Cư nghĩa là đất thiêng nơi rồng cư ngụ.
(2). Công văn số 460/UB-CV ngày 17/7/1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang - tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn.

thức được nghiệm thu, bàn giao. Khi công trình cột cờ khánh thành, lá cờ đầu tiên treo có diện tích 13,5 m^2, sau đó được thay bằng lá cờ rộng 24 m^2. Nhưng sau đó, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn thấy rằng cần treo lá cờ vừa có ý nghĩa, vừa cân xứng với quy mô của Cột cờ mới xây dựng, từ đó ý tưởng về lá cờ có diện tích 54 m^2 - tượng trưng cho 54 dân tộc Việt Nam được thực hiện. Giữa năm 2001, lá cờ rộng 54 m^2 chính thức tung bay trên bầu trời cực Bắc, khẳng định chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc[1].

Ngày 16/11/2009, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp bằng xếp hạng *"Di tích Quốc gia Cột cờ Lũng Cú"*, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Năm 2010, Cột cờ Lũng Cú được trùng tu, tôn tạo mang tầm cỡ Quốc gia. Nhìn từ dưới lên, Cột cờ Lũng Cú sừng sững trên đỉnh núi Rồng, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trong gió đầy kiêu hãnh. Vừa là di tích lịch sử, vừa là điểm cực Bắc Tổ quốc linh thiêng, hùng vĩ, nên nhiều năm qua, di tích Cột cờ Lũng Cú luôn là một điểm đến yêu thích của hàng vạn du khách gần xa.

Di tích quốc gia "Khu Nhà Vương" do Vương Chính Đức, tên thật là Vàng Dũng Lùng (1865 - 1947) xây dựng. Tòa nhà được khởi công xây dựng năm 1898, hoàn chỉnh và khánh thành vào năm 1903[2], tiêu tốn khoảng 15 vạn đồng bạc trắng. Vương Chính Đức ở trong tòa dinh thự này được 44 năm. Khu dinh thự nhà Vương vừa là dinh cơ, kiêm pháo đài phòng thủ của dòng họ Vương, vừa để làm nơi ở, làm việc, tiếp khách trong và ngoài nước. Đồng thời là nơi đăng quang, đóng quân của lính dõng, là kho để cất giữ hàng hóa, lương thực, vàng bạc, thuốc phiện, súng đạn… Nơi xử án và và giam giữ phạm nhân.

Trải qua bao thăng trầm và biến cố của thời gian, thế nhưng dinh thự họ Vương vẫn giữ được nguyên vẹn những nét kiến trúc đặc sắc đậm chất cổ kính. Khu dinh thự họ Vương đã được Nhà nước công nhận Di tích Quốc gia vào năm 1993. Hiện nay, nơi đây trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng của huyện Đồng Văn cũng như tỉnh Hà Giang.

Khu phố cổ Đồng Văn nằm ở thị trấn Đồng Văn, Đồng Văn, Hà Giang. Khu vực trung tâm thị trấn Đồng Văn xưa thuộc tổng Đông Quan, châu Nguyên Bình, phủ Tường Vân, tỉnh Tuyên Quang và có lịch sử phát triển về kiến trúc, văn hóa hàng trăm năm. Những năm 1880, khi chiếm đóng khu vực này, người Pháp đã có những quy hoạch và để lại những điểm nhấn quan trọng về quy hoạch và kiến trúc, đặc biệt là chợ Đồng Văn, xây bằng đá trong những năm 1920 gần như còn nguyên

---

[1]. Đồng chí Trần Quang Hà - Bí thư Huyện ủy Đồng Văn là người trực tiếp đi đặt may lá cờ 54 m^2 đầu tiên tại Hà Nội. Dẫn theo Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Lũng Cú (1961 - 2018), xuất bản năm 2020, tr 133 - 135.

[2]. Hiện nay một số tư liệu, sử sách khác đều ghi khu dinh thự xây dựng trong khoảng thời gian từ 1919 đến 1923.

vẹn đến ngày nay. Phố cổ là sự kết hợp hài hòa giữa kiến trúc truyền thống của cư dân bản địa và của dân vùng Hoa Nam (Trung Quốc) được xây dựng chủ yếu bằng hai nguồn vật liệu tại chỗ là đá vôi và gỗ nghiến mọc ngay trên loại đá vôi này. Từ năm 2006, huyện Đồng Văn đã tổ chức mỗi tháng 3 "Đêm phố cổ" vào các ngày 14, 15, 16 âm lịch, với các hoạt động như: treo đèn lồng đỏ, trưng bày hàng thổ cẩm của các dân tộc, trình diễn và bán các món ăn truyền thống của các dân tộc... qua đó thu hút nhiều du khách thập phương đến với Đồng Văn.

Là một huyện biên giới phía Bắc của Tổ quốc, từ xưa nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang chẳng những đã phải liên tục đấu tranh để vượt qua bao khó khăn, trở ngại của thiên nhiên và chống lại sự áp bức, bóc lột của thổ ty phong kiến ở địa phương mà còn phải đối phó với thổ phỉ ở bên ngoài tràn vào biên giới cướp của giết người.

Từ khi chiếm đóng Hà Giang (1887), thực dân Pháp nắm lấy bọn thổ ty, phong kiến địa chủ để lập bộ máy thống trị từ tỉnh đến các châu, tổng và xã. Chúng thi hành chế độ "quân sự quản chế, lập ra đạo quan binh để kiểm soát mọi công việc hành chính ở địa phương. Thực hiện chính sách "chia để trị", thực dân Pháp chia vùng cao nguyên Đồng Văn ra thành 4 khu vực, đứng đầu mỗi khu vực là một dòng họ thổ ty cai quản; vùng phía Bắc (huyện Mèo Vạc ngày nay) do trùm thổ ty Dương Trung Nhân cai quản; vùng giữa cao nguyên Đồng Văn (chủ yếu là xã Đồng Văn) do trùm thổ ty Nguyễn Chánh Quay cai quản; vùng Phó Bảng - Sà Phìn do trùm thổ ty Vương Chính Đức cai quản; Phía Nam cao nguyên Đồng Văn (huyện Yên Minh ngày nay) do trùm thổ ty Nguyễn Doãn Quý và Nguyễn Chánh Tư cai quản. Một mặt thực dân Pháp dùng bọn thổ ty làm tay sai đắc lực, mặt khác chúng dùng mọi thủ đoạn để chia rẽ, gây hiềm khích, nghi ngờ, hằn thù lẫn nhau giữa các dòng họ, các dân tộc, từ đó gây mất đoàn kết để dễ bề cai trị. Mỗi một dân tộc, Pháp lại đặt một bộ máy cai trị riêng: vùng người Mông có tổng giáp, mã phài, séo phài; vùng người Tày, Dao và người Giấy có chánh tổng, lý trưởng, trưởng thôn, kỳ mục.

Về quân sự, đứng đầu cả châu Đồng Văn là một tên quan ba, vừa chỉ huy binh lính các đồn, vừa giải quyết công việc dân sự. Chúng điều hành việc xây dựng đồn Bạch Đích, đồn Yên Minh và đồn Đường Thượng. Bố trí lực lượng ở đồn Yên Minh một viên quan một và một trung đội lính khố xanh; đồn Đường Thượng do bang tá Đèo Văn Ất chỉ huy. Mạng lưới giúp việc cho thực dân Pháp về quân sự có châu đoàn, tổng đoàn, xã đoàn.

Về kinh tế, thực dân Pháp cùng với địa chủ và thổ ty ra sức bóc lột và vơ vét của cải, tài nguyên, chủ yếu là khai thác, cướp đoạt các sản phẩm nông - lâm nghiệp,

nguồn tài nguyên quý giá của địa phương. Chúng bóc lột đồng bào ta bằng các thứ thuế hết sức nặng nề, tàn nhẫn như thuế đinh, thuế điền, thuế gia ốc, thuế thuốc phiện, thuế nuôi quân... Ngoài việc bắt nộp tô, tức, thuế má như ở các nơi khác, thổ ty và địa chủ ở đây còn bóc lột nhân công, dùng sức lực của người nông dân để làm giàu. Hàng năm đến vụ sản xuất, chúng bắt nhân dân trong vùng (nhất là bần cố nông) phải làm không công cho chúng. Nhiều người suốt đời phải làm thuê, ở mướn cho thổ ty, địa chủ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc.

Thực hiện chính sách ngu dân, thực dân Pháp và phong kiến ra sức kìm hãm, đầu độc nhân dân các dân tộc về mọi mặt văn hóa - xã hội. Không có trường học, cả huyện chỉ có một vài lớp dân lập, cũng chỉ có con em nhà giàu mới được vào học. Hầu hết nhân dân trong huyện không biết chữ.

Về y tế, toàn huyện Đồng Văn chỉ có một y tá (ở tại xã Đồng Văn) chủ yếu phục vụ cho nhà binh và bọn quan lại phong kiến, thổ ty. Nhân dân ốm đau không được khám chữa bệnh, không có thuốc, các bệnh dịch như sốt rét, đậu mùa... xảy ra tràn lan, nhiều người mắc bệnh không có thuốc, không được điều trị đã chết. Tình trạng "hữu sinh vô dưỡng" diễn ra phổ biến.

Về đời sống xã hội, dưới chế độ thực dân phong kiến, huyện Đồng Văn là một trong những nơi điển hình về khổ cực, lạc hậu. Trong tình hình một nền sản xuất tự cấp, tự túc, phân tán, kỹ thuật canh tác lạc hậu, hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên, năng suất thấp, lại bị bọn thực dân, địa chủ, thổ ty vơ vét, cướp đoạt làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc hết sức khổ cực. Quần chúng lao động chẳng những đói rét, mù chữ, bệnh tật giày vò, mà còn thiếu cả nước uống, muối ăn và nhiều thứ hàng thiết yếu khác.

Chính sách ngu dân của thực dân phong kiến là nguồn gốc cho sự phát sinh, phát triển các tệ nạn xã hội như: rượu chè, cờ bạc, trai gái, nghiện hút, mê tín dị đoan bằng các tục lệ ma chay, bói toán, cúng lễ, kiêng kỵ, cưới xin rất nặng nề. Thông qua các tục lệ đó, chúng gieo rắc trong nhân dân tư tưởng mê tín, tin vào ma quỷ, bùa phép... Những thủ đoạn khai thác, bóc lột, đầu độc của thực dân, phong kiến đã đẩy nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vào cảnh ngày càng nghèo đói, ốm đau, chết dần, chết mòn. Tình hình đó quyết định thái độ chính trị của mỗi giai cấp, tầng lớp xã hội trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa một bên là đông đảo quần chúng nhân dân bị thống trị và một bên là thực dân và bọn phong kiến tay sai áp bức, bóc lột.

Tuyệt đại đa số nhân dân Đồng Văn là nông dân. Họ bị áp bức, bóc lột nặng nề, nhất là phải đi lính và chịu nhiều thứ thuế vô lý. Họ bị miệt thị về dân tộc, bị đầu độc hoặc mê hoặc về tư tưởng. Do vậy, mâu thuẫn giữa nông dân với bọn thực dân

phong kiến rất sâu sắc. Đấu tranh giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là đòi hỏi bức thiết của nông dân cũng như các tầng lớp nhân dân lao động khác. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi cơ bản để tiến hành việc xây dựng, phát động phong trào cách mạng. Song, bên cạnh đó cũng có không ít những khó khăn. Đó là do bị giàng buộc bởi ý thức hệ phong kiến và sống trong tình trạng một nền kinh tế manh mún, lạc hậu, sản xuất hàng hóa không có điều kiện phát triển, lại thêm những đặc thù của vùng đất có địa hình hiểm trở, thiên nhiên khắc nghiệt, đời sống văn hóa còn vô cùng lạc hậu, nên ngoài những nhược điểm phổ biến của giai cấp nông dân Việt Nam nói chung, nông dân huyện Đồng Văn còn có nhiều hạn chế khác. Điều đáng nói nhất là trình độ nhận thức cũng như ý thức giác ngộ chính trị của đại bộ phận quần chúng nói chung còn thấp. Tình hình đó gây ra không ít khó khăn trong việc tuyên truyền, vận động và tổ chức nhân dân đứng lên làm cách mạng để tự giải phóng mình và giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc.

Điểm qua về tình hình đời sống kinh tế, xã hội ở Đồng Văn dưới ách thống trị của thực dân phong kiến, chúng ta thấy ở huyện Đồng Văn cũng nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa nhân dân các dân tộc địa phương với bọn thực dân cướp nước và mâu thuẫn giữa nhân dân lao động mà đại đa số là nông dân với bọn địa chủ phong kiến, thổ ty tay sai, trong đó mâu thuẫn giữa nhân dân các dân tộc với bọn thực dân cướp nước là gay gắt nhất. Vì vậy, nhiệm vụ cơ bản của cuộc đấu tranh cách mạng trong thời kỳ này là đánh đổ thực dân và phong kiến, giành lại độc lập tự do cho dân tộc, xây dựng chính quyền nhân dân.

III. TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ

Qua quá trình đấu tranh sinh tồn phát triển, con người Đồng Văn đã làm nên một bề dày truyền thống anh hùng, thế hệ sau kế tiếp thế hệ trước tạc vào truyền thống lịch sử những trang hào hùng. Từ những mỏm núi đá tai mèo đen xạm lởm chởm, khô cằn như thiếu vắng của sự sống, con người Đồng Văn đã cần mẫn giữ đất, tỉa ngô làm nên màu xanh, làm nên sự sống; thiếu đất, thiếu nước không làm con người Đồng Văn sờn lòng nản chí mà càng chưng cất, tinh lọc một ý chí vươn lên: Đào đá làm nương, ghép đá lấy đất làm ruộng; biết giữ gìn nguồn nước, chăm lo làm ăn, gắn bó với ruộng nương làng bản, không chỉ cho mình mà cho cả thế hệ mai sau. Cuộc sống sinh tồn là một quá trình đấu tranh với thiên nhiên, khắc phục những điều kiện nghiệt ngã của thiên nhiên để xây dựng cuộc sống ngày càng no đủ hơn, văn minh, tiến bộ hơn đã làm nên nét truyền thống tốt đẹp của người Đồng Văn. Bao thế hệ con người Đồng Văn đã tạc vào mom sông dáng núi bóng hình của cha ông, cũng là điểm tựa cho các thế hệ tiếp theo phát huy, xây dựng tô thắm thêm. Đó

là đức tính cần cù, chịu khó, chịu khổ, kiên cường, sáng tạo vượt lên mọi thách thức, khó khăn để bám đất, giữ làng xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Bao thế hệ người Đồng Văn đã mài sắc ý chí căm thù, nêu cao tinh thần quật khởi trước các thế lực phong kiến cường quyền, áp bức, bóc lột và thực dân, phát xít xâm lược. Đó là nét tính cách thẳng thắn và trung thực, hiên ngang, truyền thống đấu tranh kiên cường và bất khuất của con người Đồng Văn. Điển hình cho tinh thần đấu tranh chống cường quyền áp bức là đồng bào các dân tộc theo thủ lĩnh của mình để chống lại các thế lực cát cứ phong kiến. Khi thực dân Pháp đặt chân lên Đồng Văn, chúng không dễ dàng đặt ngay được ách đô hộ để cai trị mà người Đồng Văn đã đứng lên đánh trả quyết liệt để bảo vệ chủ quyền quê hương mình. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của thủ lĩnh Sùng Mí Chảng, người dân tộc Mông, sinh ra và lớn lên trên quê hương Đồng Văn. Năm 18 tuổi, Sùng Mí Chảng tìm gặp mọi người, anh tập hợp các bạn họp bàn dấy binh khởi nghĩa. Khẩu hiệu của cuộc khởi nghĩa đưa ra là tự do trồng thầu và tự do chuyên chở muối nên đã tập hợp được đông đảo người Mông từ Đường Thượng, Mai Lo, Lũng Phìn, Mỏ Soi đến Mèo Vạc đồng lòng hưởng ứng. Mùa xuân năm 1911, nghĩa quân Sùng Mí Chảng bao vây đánh chiếm đồn Đồng Văn, nhanh chóng tiêu diệt hết bọn lính Pháp, tịch thu vũ khí làm chủ Đồng Văn. Đến năm 1912, một số tay sai lọt vào hàng ngũ nghĩa quân tìm cách sát hại thủ lĩnh Sùng Mí Chảng và bắt được anh. Thực dân Pháp dùng mọi thủ đoạn để mua chuộc, nhưng vẫn không lung lay được ý chí của Sùng Mí Chảng. Chúng tra tấn, đánh đập dã man và Sùng Mí Chảng đã anh dũng hy sinh khi mới 28 tuổi. Cuộc khởi nghĩa tan rã, nhân dân huyện Đồng Văn tiếp tục trượt dài trong đêm trường nô lệ. Mặc dù vậy, cuộc khởi nghĩa đã tô thắm thêm truyền thống dũng cảm quật cường và tinh thần yêu nước, lòng căm thù quân cướp nước[1]. Nó chính là nền tảng để nhân dân các dân tộc Đồng Văn tiếp thu và đón nhận ánh sáng cách mạng được chiếu rọi vào địa phương trong những năm sau này.

Thực dân Pháp thông qua những người đứng đầu các dân tộc ở từng vùng để cai trị, chúng không quản lý trực tiếp. Lợi dụng điều kiện khó khăn phức tạp, thiếu thông tin, nhiều dân tộc, dân trí thấp, kẻ thù đã thực hiện "chia để trị", lập nên các lãnh chúa thổ ty cát cứ phong kiến nhằm biến Đồng Văn thành một "Vương quốc biệt lập", sau này kẻ thù vẫn duy trì lực lượng lập nên các thế lực phản động gây các vụ bạo loạn nổi phỉ khi chính quyền đã nằm trong tay nhân dân. Dưới chế độ cũ, thổ ty phong kiến đã biến người dân thành nông nô phụ thuộc về đời sống vật chất và tinh thần vào các thổ ty cai quản. Đồng bào Đồng Văn khi được Đảng tuyên truyền

[1]. Sau này Di tích lưu niệm Sùng Mí Chảng - thôn Sì Phài, thị trấn Đồng Văn được công nhận theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

và giác ngộ đã không chấp nhận sự cưỡng bức, lôi kéo của các thế lực phản động, đã đứng lên đoàn kết chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện. Lực lượng dân quân du kích kết hợp với bộ đội chủ lực, công an cùng đồng bào các dân tộc chiến đấu dũng cảm, đập tan vụ nổi phỉ, giữ cuộc sống bình yên nơi biên cương, phá tam âm mưu của kẻ thù. Nhân dân Đồng Văn đã đoàn kết kề vai sát cánh bên nhau dưới sự lãnh đạo của Đảng, mưu lược trong đấu tranh để giành chiến thắng. Tiêu biểu cho tinh thần đó là Anh hùng Lực lượng vũ trang Sùng Dúng Lù[1] người kế tiếp sự nghiệp vẻ vang chống cường quyền áp bức của nhân dân các dân tộc Đồng Văn. Ý chí vươn lên chống ngoại xâm của đồng bào Đồng Văn cũng như tinh thần chống cường quyền áp bức được phát huy cao độ trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Nhật, ngăn ngừa quân Tưởng, cũng như trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Nhiều con em các dân tộc Đồng Văn vẫn còn nằm lại ở mọi miền Tổ quốc Việt Nam để đổi lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Đặc biệt, trong những năm trực tiếp chiến đấu bảo vệ biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã anh dũng kiên cường, chiến đấu để gìn giữ quê hương, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng nơi biên cương Tổ quốc. Cuộc chiến đấu đó được nhân dân cả nước tiếp thêm sức mạnh, cổ vũ và ghi nhận. Tinh thần đó ngày nay được phát huy cao độ trong việc đấu tranh chống các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "Diễn biến hòa bình", "Bạo loạn lật đổ". Mảnh đất Đồng Văn đã sinh ra những con người cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động để trường tồn với thiên nhiên xây dựng cuộc sống, đồng thời hun đúc tâm hồn các thế hệ Đồng Văn một tinh thần đoàn kết cộng đồng, anh dũng, kiên cường, bất khuất, trung kiên trong chiến đấu để bảo tồn, gìn giữ cuộc sống của mình. Đó là nét truyền thống xuyên suốt chiều dài thời gian, là nhân tố cơ bản làm nên những trang vàng rạng rỡ lịch sử Đồng Văn.

[1]. Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Sùng Dúng Lù được Nhà nước phong tặng ngày 11/01/1967.

Chương II
NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐỒNG VĂN TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1944 - 1954)

I. NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐỒNG VĂN TRONG CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1944 - 1945)

Sau một thời gian chuẩn bị về các lĩnh vực chính trị, tư tưởng và tổ chức, ngày 03/02/1930, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Đó là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng nước ta, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối của cách mạng Việt Nam. Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Sau khi Đảng thành lập, phong trào cách mạng đã diễn ra sôi nổi trong cả nước. Theo sự chỉ đạo của Quốc tế cộng sản và đồng chí Nguyễn Ái Quốc, những người cộng sản Đông Dương tích cực vận động cách mạng trong thanh niên các dân tộc thiểu số, đồng thời chủ trương đưa cán bộ về nước hoạt động. Tại vùng biên giới Việt - Trung, được sự quan tâm của Ban lãnh đạo Hải ngoại của Đảng, một số huyện vùng cao của tỉnh Cao Bằng đã xây dựng được cơ sở Đảng và phong trào cách mạng như: Hòa An, Nguyên Bình, Quảng Yên, Hà Quảng... Đến năm 1935, số đảng viên là người dân tộc thiểu số trong Đảng bộ Bắc Kỳ tăng lên rất nhanh.

Tại Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ nhất (tháng 3/1935) ở Ma Cao (Trung Quốc), trong khi đề ra chủ trương tiếp tục củng cố và phục hồi phong trào cách mạng trong cả nước, Đại hội nhấn mạnh việc xây dựng cơ sở và phong trào cách mạng trong đồng bào các dân tộc ở miền núi. Vì thế, từ năm 1935 - 1940, nhiều tổ chức cơ sở Đảng được xây dựng ở Thái Nguyên, Lạng Sơn và Tuyên Quang.

Ở Hà Giang, trong những năm 1932 - 1939 đã có nhiều cán bộ của Đảng đến tuyên truyền, vận động, gây dựng cơ sở cách mạng bằng nhiều hình thức như đồng chí Hồ Xanh đến cơ sở Lục Lộ (Sở Giao thông công chính); đồng chí Lê Đình Tuyên đến làng Trần, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên; đồng chí Phạm Trung Ngũ đến xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang... nhưng do đặc điểm của tỉnh miền núi, đất rộng người thưa, giao thông liên lạc rất khó khăn, cán bộ Đảng ở địa phương hầu như không có, vì thế các đồng chí đến chưa được bao lâu đã bị bọn Pháp và tay sai phát hiện, truy lùng. Các đồng chí phải chuyển đến nơi khác để hoạt động.

Đồng Văn là một huyện vùng cao núi đá của tỉnh Hà Giang, địa hình hiểm trở,

nằm sát biên giới, có nhiều dân tộc sinh sống, trước Cách mạng tháng Tám đời sống kinh tế, xã hội ở đây rất lạc hậu, giao thông đi lại rất khó khăn, bị chế độ thực dân, phong kiến, thổ ty kìm hãm, khống chế mọi mặt nên ảnh hưởng của Đảng đến với đồng bào các dân tộc rất hạn chế. Sau những cuộc nổi dậy của đồng bào, thực dân Pháp lại tăng cường khủng bố, phòng thủ, kiểm soát, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của nhân dân nhằm ngăn chặn mọi ảnh hưởng của cách mạng. Vì vậy, các cán bộ của Đảng trong thời gian này chưa thể xây dựng được cơ sở cách mạng tại đây.

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, nước Pháp bị cuốn vào cuộc chiến. Ngay sau khi tham chiến, Chính phủ phản động Pháp đã ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản và các tổ chức dân chủ tiến bộ ở Pháp cũng như ở các nước thuộc địa của Pháp. Ở Đông Dương, thực dân Pháp thi hành chính sách cực kỳ phản động, tăng cường đàn áp phong trào cách mạng, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản, ban bố lệnh tổng động viên, thực hiện chính sách kinh tế thời chiến nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

Tháng 9/1940, phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương, thực dân Pháp nhanh chóng đầu hàng Nhật. Hai thế lực phát xít, thực dân đã cấu kết với nhau đàn áp, bóc lột đẩy nhân dân Đông Dương, trong đó có nhân dân Việt Nam vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế.

Trước sự chuyển biến nhanh chóng của tình hình trong nước và quốc tế, Trung ương Đảng tiến hành Hội nghị lần thứ 6 (tháng 9/1939), lần thứ 7 (tháng 11/1940), xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc là nhiệm vụ bức thiết nhất của cách mạng Đông Dương. Nhiệm vụ trước hết của cách mạng Việt Nam lúc này là phải giành cho được độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Nghị quyết của Trung ương Đảng đã tiếp thêm luồng sinh khí cho phong trào cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra báo hiệu một thời kỳ đấu tranh mới bắt đầu, điển hình là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27/9/1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940), cuộc binh biến Đô Lương (13/01/1941). Các cuộc khởi nghĩa đó đã gây được tiếng vang lớn và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở nhiều nơi trong cả nước.

Trước khí thế của một thời kỳ đấu tranh mới như vậy, vấn đề xây dựng cơ sở, phát động phong trào cách mạng ở Hà Giang nói chung và ở huyện Đồng Văn nói riêng trở nên hết sức cấp thiết.

Ngày 28/01/1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng làm nơi đứng chân và Người đã trực tiếp xây dựng thí điểm Mặt trận Việt Minh ở 3 huyện Hà Quảng, Hòa An và

Nguyên Bình (Cao Bằng), lấy vùng này làm trung tâm căn cứ địa. Từ trung tâm này, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, lực lượng cách mạng tỏa đi các nơi, trong đó có hướng Tây tiến phát triển sang Hà Giang.

Trong quá trình xây dựng Cao Bằng trở thành căn cứ địa, đầu não của cách mạng Việt Nam, tại đây nguyễn Ái Quốc cùng các đồng chí của Người liên tiếp mở các lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo cán bộ địa phương người dân tộc thiểu số cho tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, đồng thời cung cấp cán bộ cách mạng xuất sắc tỏa đi các địa phương tuyên truyền chủ trương, đường lối của cách mạng tới đồng bào các dân tộc. Từ ngày 10 - 19/5/1941, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Tại Hội nghị, Đảng ta quyết định thành lập "Việt Nam độc lập đồng minh hội" gọi tắt là Việt Minh. Hội nghị đã nhấn mạnh đến vấn đề xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ở vùng dân tộc thiểu số.

Từ năm 1941, phong trào Việt Minh ở tỉnh Cao Bằng phát triển mạnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến vùng giáp ranh Bắc Mê của tỉnh Hà Giang. Tháng 9/1943, một số cán bộ Việt Minh do đồng chí Tô Vũ phụ trách từ Bảo Lạc (Cao Bằng) đã vào đến Thuôm Toòng, xã Đường Âm, huyện Vị Xuyên (nay là thôn Thâm Quảng, xã Đường Âm, huyện Bắc Mê). Cán bộ Việt Minh đã tuyên truyền chủ trương đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc của Mặt trận Việt Minh; vận động quần chúng gia nhập Hội Cứu quốc. Đồng bào địa phương rất phấn khởi, hăng hái hưởng ứng và tham gia vào các Hội Cứu quốc, cùng nhau cắt tiết gà, uống máu ăn thề, một lòng, một dạ đi theo cách mạng. Lực lượng thanh niên được tập hợp lại, thành lập đội tự vệ để bảo vệ phong trào và thực hiện nhiệm vụ cung cấp tin tức, làm liên lạc, tuyên truyền, vận động nhân dân quanh vùng ủng hộ Việt Minh.

Hoạt động của cán bộ Việt Minh ở đây đã gây được ảnh hưởng tới các vùng lân cận, một số vùng đã tìm đến đón cán bộ về tổ chức phong trào Việt Minh ở thôn, bản mình.

Đầu năm 1944, Xứ ủy Bắc Kỳ chủ trương tăng cường vận động cách mạng ở Hà Giang, khai thông con đường liên lạc từ Cao Bằng qua Hà Giang về Tuyên Quang, Việt Trì để đề phòng khi đường Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Cạn bị cản trở. Đồng thời tiếp tục mở thông con đường liên lạc từ Cao Bằng qua Hà Giang sang Vân Nam (Trung Quốc) để đón cán bộ và chuyển vũ khí về nước.

Thực hiện chủ trương đó, tháng 5/1944, một tổ cán bộ Việt Minh gồm các đồng chí Đặng Việt Hưng, Hồng Đào phụ trách đã tới khu vực Nhiêu Lai, Nam Lai nơi giáp ranh ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang để củng cố những cơ sở cách mạng đã được xây dựng từ năm 1943 và chuẩn bị phát triển những cơ sở mới vào các xóm

đồng bào Tày, Mông, Dao ở Tề Sùng, Cố Lùng thuộc Tổng Yên Phú, huyện Vị Xuyên; Phìa Liềng, Ngọc Long, huyện Đồng Văn. Tại đây, cán bộ Việt Minh đã tuyên truyền, vận động, giải thích chủ trương đánh Tây, đuổi Nhật của Mặt trận Việt Minh. Đồng bào rất phấn khởi. Cán bộ Việt Minh đi tới đâu cũng nhận được sự ủng hộ của đồng bào các dân tộc. Ở những thôn, bản lần đầu cán bộ đặt chân tới, đồng bào đã tổ chức ăn thề quyết tâm theo cách mạng. Ban Việt Minh ở các xóm, xã này được thành lập. Quần chúng được tổ chức vào các đoàn thể cách mạng, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, củng cố và phát triển vùng cách mạng, từng bước làm giảm ảnh hưởng của chính quyền tay sai địch và thu hẹp phạm vi hoạt động của chúng. Nhiều người con ưu tú trong đồng bào Mông, Dao, Tày được lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ Việt Minh để lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Cuối năm 1944, Mặt trận Việt Minh liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng đã cử thêm một số cán bộ ở Cao Bằng do đồng chí Lưu Ngọc phụ trách đến Hà Giang bổ sung, tăng cường cho việc mở rộng cơ sở tại vùng cao, vùng hẻo lánh nơi địch có nhiều sơ hở chưa kiểm soát được. Cơ sở cách mạng tiếp tục được phát triển trong vùng đồng bào Mông, Dao, Tày ở các xã Ngọc Long, Đường Thượng, Ngam La (thuộc huyện Yên Minh ngày nay). Sau đó tiến tới các xã Thái An, Đông Hà, Nghĩa Thuận (Vị Xuyên). Chủ trương, đường lối đánh Pháp, đuổi Nhật của Việt Minh được quần chúng hưởng ứng sôi nổi. Nhiều nơi quần chúng đã chủ động cử người đi tìm đón cán bộ Việt Minh về địa phương mình để phát động phong trào như xã Mậu Duệ, Du Già (Đồng Văn)[(1)]. Thanh thế của Việt Minh nhanh chóng truyền đi làm cho quân địch hoang mang, lo sợ. Cán bộ Việt Minh tiếp tục đi sâu hơn nữa vào quần chúng, thực hiện chủ trương "địa phương hóa", "quần chúng hóa", dùng tiếng nói của đồng bào địa phương như tiếng Tày, tiếng Dao, tiếng Mông... và sử dụng những tập quán cổ truyền của đồng bào gây lòng tin cho quần chúng như: nhận họ, kết bạn đồng niên... để tập hợp, tuyên truyền, vận động, giáo dục quần chúng phát huy truyền thống yêu nước và nhận rõ trách nhiệm của mình trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Đồng bào các dân tộc sẵn lòng giúp đỡ và hăng hái tham gia hoạt động cách mạng dưới sự hướng dẫn của cán bộ Việt Minh.

Tháng 8/1944, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh kêu gọi toàn dân "Sắm vũ khí đuổi thù chung". Đáp lại lời kêu gọi của Đảng và Mặt trận, nhân dân khắp nơi hăng hái góp tiền mua vũ khí, ra sức huấn luyện quân sự, củng cố và phát triển đội tự vệ. Tình hình đó làm cho thực dân Pháp lo sợ. Chúng mở nhiều đợt càn quét

---

[(1)]. Xã Mậu Duệ, Du Già nay thuộc huyện Yên Minh.

với quy mô lớn vào các căn cứ cách mạng Việt Bắc.

Để bảo vệ cơ sở cách mạng, đồng thời, trước yêu cầu ngày một lớn của việc phát triển các phong trào, ngày 15/9/1944, đồng chí Đặng Việt Hưng đã triệu tập Hội nghị cán bộ Việt Minh các xã Mậu Duệ, Đường Thượng, Ngam La, Du Già, Séo Lủng họp ở Nam Lai. Hội nghị đã quyết định thành lập Ban Việt Minh Tổng Đường Thượng (còn gọi là Khu Đường Thượng). Hội nghị đã lựa chọn 5 người phụ trách Ủy ban Khu do ông Lò Vạn Quả, người dân tộc Mông ở xã Đường Thượng làm Chủ tịch, Vàng A Váng, người dân tộc Mông ở Du Già làm Phó chủ tịch, Nguyễn Văn Tiến (tức Lý Tiến), người dân tộc Tày ở Ngọc Long là ủy viên, Hạng Chờ Lình, người dân tộc Mông ở Séo Lủng là ủy viên và một ủy viên là người dân tộc Dao ở thôn Xa Lỳ, xã Ngam La. Cơ quan Thường trực được đặt tại Đường Thượng. Ban Việt Minh có nhiệm vụ vận động đồng bào các dân tộc tham gia phong trào Việt Minh và tổ chức các Hội Cứu quốc (Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phụ nữ Cứu quốc, Hội Nông dân Cứu quốc...).

Sau một thời gian hoạt động, Ban Việt Minh Tổng Đường Thượng đã thành lập được một đội du kích tự vệ gồm 14 người làm nòng cốt cho việc bảo vệ, phát triển phong trào. Đến cuối năm 1944, phong trào cách mạng ở các xã thuộc Khu Đường Thượng (thuộc huyện Yên Minh ngày nay) phát triển rất mạnh. Chính quyền địch do Bang tá Đèo Văn Ất cai trị ở Đường Thượng tuy vẫn còn nhưng các tổng giáp, mã phài đều mang triện về nộp cho Việt Minh. Thời gian này, trên thực tế Ủy ban Việt Minh khu đã trở thành chính quyền cách mạng của nhân dân, thay mặt các dân tộc trong khu giải quyết mọi việc liên quan đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân. Cơ sở cách mạng ở Đường Thượng là cơ sở đầu tiên của huyện Đồng Văn và đã trở thành một khu căn cứ cách mạng vững chắc ở khu vực phía Bắc của tỉnh Hà Giang.

Để tăng cường sức mạnh cho phong trào Việt Minh, trên cơ sở xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang tiến tới giành chính quyền, Ban Việt Minh Tổng Đường Thượng gia nhập Liên châu Thường Kiệt vào ngày 25/10/1944. Liên châu Thường Kiệt là khu vực có phong trào cách mạng rộng lớn, bao gồm các dân tộc Dao, Tày, Mông ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Hà Giang cùng tham gia đánh Pháp và tay sai. Từ đây cơ sở cách mạng Đường Thượng được nối liền với khu căn cứ cách mạng Cao Bằng, một căn cứ địa do Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo. Phong trào cách mạng ở Đường Thượng phát triển, đã có sự chuyển biến về chất. Nó đã củng cố được lòng tin và động viên đồng bào các dân tộc hăng hái tham gia cách mạng, đồng thời làm cho hàng ngũ của địch bị phân

hóa nhanh chóng.

Cũng trong thời gian này, liên Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng chủ trương mở đường liên lạc sang tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) để chuẩn bị cho những cán bộ hoạt động ở nước ngoài chuyển vũ khí về nước. Qua nghiên cứu thực tế, phân tích tình hình, các cán bộ Việt Minh nhận định: con đường gần nhất từ Đường Thượng - Ngọc Long - Mậu Duệ - Lũng Phìn - Phó Bảng sang Tùng Cản (Vân Nam - Trung Quốc) nhưng con đường này phải qua khu vực đang bị tập đoàn thổ ty họ Vương khống chế, ta chưa khắc phục được. Do đó, các cán bộ Việt Minh đã quyết định phải mở đường ra hướng Quản Bạ - Na Chô Cai sang Phan Chư Hoa (Trung Quốc) để tạo thành một hành lang nối liền Đường Thượng với biên giới Việt - Trung. Để mở được con đường đó, các cán bộ Việt Minh phải tiếp tục xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng từ Đường Thượng, Ngam La, Yên Minh tới các xã Cán Tỷ, Đông Hà, Thái An, Quản Bạ, Thanh Vân, Nghĩa Thuận sang Na Chô Cai, đến Phan Chư Hoa (Trung Quốc). Ở khu vực này, cán bộ Việt Minh đi đến đâu cũng được đồng bào nhiệt tình đón tiếp. Hàng trăm quần chúng đã gặp cán bộ Việt Minh xin tham gia vào đoàn thể cách mạng. Cùng với việc xây dựng, tổ chức các đoàn thể cách mạng, vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang thoát ly và nửa thoát ly cũng sớm được chú ý đến. Tại các xã, thôn có phong trào như Đường Thượng, Séo Lủng, Ngam La, Cán Tỷ, Quản Bạ, Thanh Vân, nơi nào cũng được xây dựng từ một đến hai tổ đội du kích, tự vệ bao gồm những quần chúng tích cực trong phong trào tham gia và do những cốt cán của cơ sở trực tiếp chỉ huy. Dưới sự hướng dẫn của cán bộ Việt Minh, đến ngày 30/10/1944, cơ sở cách mạng của ta đã hoàn thành việc xây dựng con đường liên lạc nối liền Đường Thượng đến Phan Chư Hoa (Trung Quốc).

Năm 1945, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bước vào giai đoạn kết thúc. Tại Đông Dương, ngày 09/3/1945, phát xít Nhật làm đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương, đồng thời lập ra Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim. Chúng nhanh chóng nắm lấy chính quyền tay sai, tăng cường đàn áp phong trào cách mạng, ra sức vơ vét của cải của nhân dân ta phục vụ chiến tranh toàn cầu của Nhật. Tại Hà Giang, sau ngày đảo chính, quân Nhật đã tỏa đi khắp nơi bắt lính Pháp. Một số ít tàn quân Pháp phải lánh sang Trung Quốc. Nhật đã nhanh chóng nắm lấy và củng cố lại chính quyền tay sai từ cấp tỉnh tới xã. Chúng tìm cách thanh trừng những phần tử trung thành với Pháp, đưa bọn Việt gian, Hán gian tay sai của Nhật vào bộ máy chính quyền bù nhìn, ra sức vơ vét nguyên liệu, lương thực, tài sản của nhân dân và liên tiếp mở các cuộc hành quân đi cướp bóc các nơi trong tỉnh. Đồng thời chúng tung ra những luận điệu tuyên truyền lừa bịp nhân dân ta.

Tin Nhật đảo chính, đánh bại thực dân Pháp lan nhanh trong tỉnh, khiến những tên tay sai người Việt vô cùng hoang mang, lo sợ. Ngày 12/3/1945, Nhật kéo quân lên Quản Bạ và tiến vào Na Chô Cai, xã Nghĩa Thuận, đưa một trung đội đóng quân sát biên giới Việt - Trung và một trung đội ở Má Lùng. Một bộ phận khác của quân Nhật kéo lên khu vực Phó Bảng. Lúc đầu thổ ty Vương Chí Sình chống lại. Nhưng được Nhật chiêu hàng, Vương Chí Sình đã chấp nhận để quân Nhật vào địa phương. Ở Đường Thượng, Bang tá Đèo Văn Ất hốt hoảng bỏ đồn chạy trốn.

Nắm bắt thời cơ đó, cán bộ Việt Minh ở Đường Thượng đã họp khẩn cấp để quyết định những nhiệm vụ trước mắt là:

Chiếm và phá đồn cũ của Pháp, không cho Nhật chiếm đóng, phá kho lương thực của Pháp chia cho dân nghèo.

- Phát động du kích đánh Nhật.
- Tiếp tục củng cố và mở rộng cơ sở Việt Minh.
- Giữ vững căn cứ Đường Thượng.

Sau cuộc họp, một phong trào kháng Nhật nổ ra mạnh mẽ. Tại Đường Thượng, việc chiếm, phá đồn Đường Thượng, phá kho lấy ngô, thóc chia cho dân và đặt trạm cảnh giới ở ngoài khu căn cứ được tiến hành rất khẩn trương. Ngày 16/3/1945, ta đã chiếm Đường Thượng, làm chủ và kiểm soát hoàn toàn khu đồn Đường Thượng. Từ đây, các cán bộ Việt Minh tỏa về cơ sở để lãnh đạo phong trào. Cơ sở cách mạng của ta tiếp tục được mở rộng sang Lũng Phìn, Nậm Ban, Niêm Sơn, Mèo Vạc. Nhân dân ở các khu vực này ít nhiều được ảnh hưởng của phong trào cách mạng Khu Đường Thượng và Cao Bằng đã hưởng ứng rất sôi nổi. Ở những nơi này các đơn vị du kích, tự vệ được hình thành, các lớp huấn luyện quân sự được tổ chức để học về cách đánh du kích, học tập chủ trương, đường lối, chính sách của Mặt trận Việt Minh, cách động viên quần chúng nhân dân tham gia, ủng hộ cách mạng. Sự phát triển mọi mặt của các cơ sở cách mạng đã làm cho uy tín của Mặt trận Việt Minh ngày càng được đề cao.

Thời gian này, phát xít Nhật đang bị thất bại liên tiếp trên các mặt trận Thái Bình Dương, Đông Bắc Á, Đông Nam Á và cả ở Đông Dương. Vì vậy, ở Việt Nam, nhất là vùng miền núi xa xôi, hiểm trở, phát xít Nhật chủ trương rút bỏ những đơn vị nhỏ, tập trung quân về đóng giữ những nơi trọng yếu. Tại Hà Giang, quân Nhật lần lượt rút khỏi những đồn lẻ, kéo về đóng ở thị xã, thị trấn. Trước tình hình đó, lực lượng vũ trang của ta đã tổ chức nhiều trận phục kích, tập kích để quấy rối và tiêu hao sinh lực địch, trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 6/1945, các trận đánh liên tiếp xảy ra. Tiêu biểu nhất là trận đánh Nhật ở Tráng Kìm ngày 30/4/1945, dưới

sự lãnh đạo của cán bộ Việt Minh Khu căn cứ Đường Thượng, các cán bộ người địa phương đã tập trung lực lượng trên 300 du kích ở các xã Đường Thượng, Đông Hà, Quyết Tiến, Quản Bạ, Cán Tỷ (trong đó 150 du kích của Khu Đường Thượng tham gia trận đánh). Quân Nhật ở Tráng Kìm có một trung đội và gần 100 lính bảo an, chúng mới chiếm đóng chưa kịp chuẩn bị công sự, tối đến chúng ngủ ở nhà dân trong phố. Đêm 30/4/1945, quân ta chia thành hai mũi: Mũi từ Đường Thượng, Séo Lủng xuống Thái An, Lùng Tám, Đông Hà đánh lên do Thào Vản Dình, Xiê Pao, Hạng Chờ Lình chỉ huy; mũi thứ hai từ Cán Tỷ xuống do Giàng Mỉ, Giàng Lìa Pao chỉ huy. Đồng chí Đặng Việt Hưng - cán bộ Việt Minh chỉ huy trận đánh. Quân ta được trang bị phần lớn là súng kíp. Nửa đêm quân ta nổ súng tấn công địch, trận đánh diễn ra ác liệt đến gần trưa ngày 01/5/1945, ta tiêu diệt được 40 tên lính sĩ quan Nhật và lính bảo an, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm. Kết quả của trận đánh đã có tiếng vang rộng lớn ở khu vực phía Nam của huyện Đồng Văn. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh. Song, bên cạnh những thuận lợi đó, phong trào Việt Minh ở khu vực Đường Thượng, Yên Minh, huyện Đồng Văn nói riêng, toàn tỉnh nói chung đang phải đương đầu với nhiều khó khăn trở ngại lớn.

Ở khu vực Bắc Mê, do ta thiếu cảnh giác, không có kế hoạch cụ thể để bảo vệ phong trào, bọn phản động ở địa phương do tên Hoàng Văn Sài và Nguyễn Đình Phù cầm đầu đã câu kết với bọn cường hào, địa chủ phản động ở Bảo Lạc (Cao Bằng) thực hiện âm mưu phá hoại cơ sở cách mạng. Chúng uy hiếp tinh thần của quần chúng và giết hại một số cán bộ lãnh đạo phong trào. Trong tháng 5 và tháng 6/1945, chúng đã giết hại 13 cán bộ cốt cán ở đây. Bộ phận cán bộ vào Bắc Mê hoạt động chỉ còn lại một số ít đồng chí phải rút về Cao Bằng. Vì vậy, từ cuối tháng 6/1945, phong trào gặp rất nhiều khó khăn, không hoạt động được, tạm thời lắng xuống.

Cũng trong thời gian này, căn cứ cách mạng ở Đường Thượng cũng đang bị uy hiếp. Thổ ty Vương Chí Sình được Nhật đỡ đầu, có lực lượng vũ trang khá mạnh, âm mưu phá căn cứ của ta ở Đường Thượng. Vương Chí Sình cho 200 quân có trang bị 6 khẩu trọng liên dưới sự chỉ huy của Hầu Vạn Quả và tổng đoàn Ngô Chính Nguyên tiến vào Đường Thượng để tiêu diệt lực lượng cách mạng. Nhưng với tinh thần cảnh giác, quyết tâm bảo vệ cơ sở cách mạng, đông đảo quần chúng nhân dân đã sẵn sàng đối phó, ngăn chặn hành động của bọn chúng. Không những thế, cán bộ Việt Minh còn dùng các biện pháp ngoại giao rất linh hoạt, mềm dẻo, tranh thủ tuyên truyền, giải thích chính sách của cách mạng đối với bọn chúng, nên đã kịp thời cản phá được âm mưu chống đối của thổ ty, bảo vệ được phong trào và cơ sở cách mạng

ở khu vực Đường Thượng, Yên Minh tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ Việt Minh tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng để phát triển phong trào.

Ngày 20/7/1945, Ủy ban khu Yên Minh được thành lập. Ông Nguyễn Doãn Quý ở xã Yên Minh được cử làm Chủ tịch, ông Nguyễn Văn Phúc ở xã Mậu Duệ làm Phó Chủ tịch, ông Nguyễn Minh Hùng ở Mậu Duệ làm Ủy viên phụ trách quân sự, ông Lò Vạn Quả ở Đường Thượng làm Ủy viên vân động nhân dân, ông Nguyễn Văn Tiến ở Ngọc Long làm Ủy viên thư ký. Đồng thời, một trung đội du kích tập trung được thành lập gồm 30 người, gọi là Trung đội du kích tự vệ phân khu Đông Minh. Nhiệm vụ của trung đội là: bảo vệ đồn Yên Minh, ngăn chặn quân Tưởng từ Trung Quốc tràn sang và thổ phỉ ở Niêm Sơn, Mèo Vạc tràn xuống bảo vệ cách mạng và giữ gìn tài sản cho nhân dân. Nhờ có trung đội này mà đồn Yên Minh được giữ vững, bọn thổ phỉ và quân Tưởng không dám hoạt động khiêu khích chống đối, phong trào cách mạng ở khu Yên Minh được giữ vững và phát triển, uy tín của Việt Minh ngày càng được nhân dân các dân tộc tin tưởng.

Tháng 8/1945, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự toàn thắng của phe Đồng minh. Tình hình đó là điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Ở trong nước, nhằm vào lúc phát xít Nhật và bọn tay sai đang hoang mang cực độ, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, bằng chí căm thù sôi sục và tinh thần quyết thắng đã nổi dậy tổng khởi nghĩa và giành được thắng lợi, ngày 02/9/1945, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu tuyên bố nước nhà độc lập trước quốc dân và toàn thế giới. Sự kiện trọng đại ấy đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào cách mạng ở Hà Giang tiến nhanh vào giai đoạn đấu tranh giành chính quyền toàn tỉnh.

Ngày 29/8/1945, Nhật rút khỏi Hà Giang, ngay hôm sau (30/8/1945) một toán quân Tưởng thuộc Quân đoàn 52 do Thiếu tướng Mã Vi Nhàn chỉ huy theo đường Thanh Thủy vào chiếm đóng thị xã Hà Giang. Trên các tuyến đường từ Na Chô Cai vào Quản Bạ, từ Bạch Đích vào Yên Minh, Đồng Văn... đều có quân Tưởng đi qua. Đi tới đâu chúng cũng cướp bóc của cải và bắt dân phục dịch. Chúng chiếm các đồn, trại từ biên giới đến thị xã. Những phần tử phản động ở địa phương được dịp ngóc đầu dậy. Bọn Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch cho tay chân đi tuyên truyền lừa dối quần chúng ở địa phương nhằm chia rẽ giữa các dân tộc, nhất là giữa hai dân tộc Việt - Hoa. Nguy hại hơn, quân Tưởng còn che chở cho bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng lẩn trốn ở Trung Quốc trở về nước để tổ chức lực lượng phản cách mạng. Chúng lập ra tỉnh Đảng bộ Việt Nam Quốc dân Đảng do Hoàng Quốc Chính

làm chủ nhiệm đóng tại thị xã Hà Giang.

Trong bối cảnh khó khăn chung của đất nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hà Giang còn có những khó khăn phức tạp riêng, bởi lẽ chưa giành được chính quyền. Lực lượng cách mạng ở Hà Giang nói chung, của Đồng Văn nói riêng cùng một lúc phải đối phó với nhiều loại kẻ thù. Chúng câu kết với nhau chống phá cách mạng từ nhiều phía, đánh phá các cơ sở của ta, giết hại, bắt giữ, giam cầm cán bộ, chiến sỹ, tìm mọi cách bưng bít tình hình; khống chế, kìm hãm sự phát triển phong trào cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, gây hiềm khích giữa đồng bào với cán bộ là người Kinh. Lực lượng thổ ty ở Đồng Văn lúc này đang còn rất mạnh, đây là khó khăn trở ngại lớn cho việc phát triển phong trào cách mạng ở khu vực này.

Cuối tháng 9/1945, thổ ty Vương Chí Sình cho bọn tay chân đem quân xuống đòi lại đồn và đất đai vùng Yên Minh. Cán bộ Việt Minh ở đây đã dùng áp lực đấu tranh của đồng bào các dân tộc người địa phương đòi bọn họ phải rút quân khỏi Yên Minh về Phó Bảng. Cũng trong thời gian này, bọn phản động ở Bắc Mê đưa 60 tên lính lên khiêu khích, quấy phá phong trào ở Đường Thượng. Nhưng chúng chưa kịp hành động thì đã bị lực lượng vũ trang của ta bao vây, buộc chúng phải đầu hàng.

Tháng 10/1945, tên Hoàng Quốc Chính ở thị xã Hà Giang điên cuồng tìm mọi cách chống phá cách mạng, chúng cho một số binh lính ở đồn Bạch Đích lên phối hợp với thổ ty Vương Chí Sình định một lần nữa bao vây đánh chiếm đồn Yên Minh, lấy nơi này làm bàn đạp đánh vào căn cứ Đường Thượng. Tuy nhiên, với tinh thần cảnh giác cao độ, cán bộ, nhân dân đã nhanh chóng phát hiện âm mưu của chúng và kịp thời đẩy lui được cánh quân Quốc dân Đảng về Bạch Đích. Một lần nữa kế hoạch đánh chiếm Yên Minh của bọn chúng bị thất bại.

Ngày 05/10/1945, cán bộ Việt Minh ở khu Đường Thượng đã tổ chức Hội nghị họp tại Yên Minh. Hội nghị xác định rõ nhiệm vụ của cách mạng thời kỳ này là:

- Lôi kéo thổ tỵ, địa chủ, hạn chế đến mức thấp nhất sự phá hoại của chúng, phân hóa, trung lập, cô lập đối với từng bọn, từng tên.

- Tranh thủ tuyên truyền, lôi kéo binh lính và những người bị bọn phản động lừa gạt, dụ dỗ theo chúng.

- Tổ chức đấu tranh ngăn cản, hạn chế những hành vi phản dân hại nước của bọn phản động.

- Củng cố và kiểm soát chặt chẽ vùng có cơ sở cách mạng, đề phòng, đập tan những cuộc tấn công, đánh phá của bọn Quốc dân Đảng và tay chân của chúng.

Để thực hiện nhiệm vụ đề ra, cán bộ Việt Minh đã khéo léo thực hiện các biện

pháp tranh thủ, thuyết phục, lôi kéo về chính trị đi đôi với đẩy mạnh xây dựng lực lượng và hoạt động vũ trang. Nhờ vậy cơ sở cách mạng ở địa phương được giữ vững và phát triển, hoạt động của các đội vũ trang địa phương được đẩy mạnh hơn.

Cuối tháng 10/1945, một đơn vị gồm 60 người có trang bị vũ khí do Lý Thủy Thọ dẫn đầu, thuộc bộ phận tích cực của phân hội Việt Nam cách mạng Đồng minh Hội từ Vân Nam (Trung Quốc) tiến vào Đồng Văn, sau khi được cán bộ Việt Minh khéo léo vận động, tuyên truyền và giải thích đường lối cách mạng của Mặt trận Việt Minh, toàn bộ đơn vị này đã gia nhập Mặt trận Việt Minh, bổ sung thêm một lực lượng đáng kể cho cách mạng ở khu vực Yên Minh.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng đấu tranh cách mạng, bọn đặc vụ, thổ phỉ ở vùng Đồng Văn, Mèo Vạc đã phải lùi dần và rút khỏi các xã biên giới, một số khác bị tiêu diệt.

Ở khu vực phía Nam của tỉnh, phong trào cách mạng đã lan rộng khắp các xã trên địa bàn huyện Bắc Quang. Đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân gồm 54 chiến sỹ do đồng chí Lê Quảng Ba, Bế Triều lãnh đạo đã phối hợp với lực lượng tự vệ ở địa phương cùng với các cán bộ Việt Minh phát động quần chúng nổi dậy giải phóng các đồn, bốt, đập tan chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng. Ngày 04/11/1945, huyện Bắc Quang hoàn toàn giải phóng. Ngày 13/11/1945, lực lượng cách mạng tiến quân vào giải phóng huyện Hoàng Su Phì. Đêm 21/11/1945, binh lính đồn Quản Bạ nổi dậy bắt trói 2 tên chỉ huy, giao đồn và vũ khí cho Việt Minh. Được tin đồn Quản Bạ bị thất thủ, chỉ huy Quốc dân Đảng ở Phan Chư Hoa điều một trung đội đặc vụ gồm 42 tên theo đường Tùng Vài tiến vào định chiếm lại đồn. Lực lượng vũ trang của ta dưới sự chỉ huy của đồng chí Hoàng Đình Lộc đã chiến đấu dũng cảm, đánh đuổi quân địch sang bên kia biên giới. Khu Quản Bạ được giải phóng.

Hoảng sợ trước thanh thế của cách mạng, tại đồn Bạch Đích (thuộc huyện Yên Minh ngày nay), sĩ quan binh lính địch đã chủ động giao đồn cho Việt Minh và xin hưởng khoan hồng của cách mạng. Lực lượng của ta đã kiểm soát được cả vùng Yên Minh.

Đối với thổ ty Vương Chí Sình, sau một thời gian câu kết với Hoàng Quốc Chính đã nảy sinh nhiều bất mãn. Trong cuộc gặp tình cờ với đồng chí Mai Trung Lâm, cán bộ Việt Minh tại buổi tọa đàm với Hoàng Quốc Chính ở thị xã Hà Giang (đầu tháng 11/1945) và sau đó là cuộc gặp gỡ chính thức giữa Vương Chí Sình với đồng chí Mai Trung Lâm tại nhà riêng của Vương Chí Sình. Sau khi được nghe đồng chí Mai Trung Lâm giải thích rõ chủ trương, đường lối, chính sách của cách mạng,

mặc dù bị Hoàng Quốc Chính, lúc đó còn chiếm giữ thị xã Hà Giang ngăn cản, Vương Chí Sình đã quyết định về thủ đô Hà Nội để gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi về đến Hà Nội, Vương Chí Sình đã được gặp và nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần. Qua tiếp xúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận biết được vai trò, ảnh hưởng và sức mạnh của thổ ty Vương Chí Sình ở vùng biên cương có nhiều dân tộc ít người, có tình hình rất phức tạp về các mặt, nên Người đã giao cho Vương Chí Sình làm Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Đồng Văn, đồng thời cử cán bộ cùng Vương Chí Sình quay trở lại Đồng Văn, mời thêm đại diện các khu, các dân tộc để thành lập chính quyền huyện Đồng Văn.

Như vậy, trong quá trình tiến hành Cách mạng tháng Tám trong cả nước, trên địa bàn huyện Đồng Văn không diễn ra việc giành chính quyền như các địa phương khác, mà ta tạm thời thừa nhận trên thực tế chính quyền của thổ ty và biến nó thành "Ủy ban hành chính" để từng bước cải tạo chúng.

Ngày 06/01/1946, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Với cuộc bầu cử này, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn được thực hiện quyền dân chủ của mình, lần đầu tiên được tự tay bỏ lá phiếu bầu ra cơ quan quyền lực cao nhất, góp phần xây dựng chế độ mới, thể hiện lòng tin của nhân dân với Đảng, với cách mạng. Ông Nguyễn Thanh Phong, Chủ tịch lâm thời Ủy ban hành chính tỉnh và ông Vương Chí Sình[1], Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Đồng Văn được bầu vào Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi này đã làm thất bại âm mưu phá hoại chính quyền cách mạng của bọn tay sai Tưởng, củng cố những thành quả của Cách mạng tháng Tám.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946 - 1954)

Cuối năm 1946, quan hệ giữa ta và Pháp hết sức căng thẳng, chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, chúng quyết tâm chiếm lại nước ta một lần nữa. Tháng 11/1946, thực dân Pháp mở rộng phạm vi chiếm đóng, nổ súng tấn công Hải Phòng, Lạng Sơn. Nghiêm trọng hơn, ngày 18/12/1946, chúng ra tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ, giao quyền kiểm soát thủ đô cho chúng, nếu không chúng sẽ hành động. Tổ quốc lâm nguy!

Trước những hành động gây chiến ngày càng trắng trợn của quân Pháp, nhân dân buộc phải đứng lên cầm súng chiến đấu để bảo vệ nền độc lập.

---

[1]. Ông Vương Chí Sình, tên thật là Vàng Seo Lử (Vương Chí Thành - tên do Bác Hồ đặt) tham gia đại biểu Quốc hội khóa I, II. Ông được Bác Hồ tặng thanh bảo kiếm ghi 2 dòng chữ: "Tận trung báo quốc", "Bất thụ nô lệ"; năm 1950, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hải Dương tặng Bác Hồ chiếc áo trấn thủ, Bác Hồ đã tặng lại cho ông Vương Chí Sình vào năm 1951 (2 hiện vật này được phục chế và trưng bày tại di tích Khu Nhà Vương).

Sau khi công tác chuẩn bị cho cuộc kháng chiến đã cơ bản hoàn thành, ngày 12/12/1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Toàn dân kháng chiến"*, vạch ra đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta là *"Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh"*. Tiếp đó, tối 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"*, kêu gọi nhân dân cả nước không phân biệt già trẻ, gái trai, không phân giai cấp, đảng phái đứng lên kháng chiến chống quân xâm lược. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn và toàn thể dân tộc Việt Nam đã đoàn kết một lòng, đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, trên các chiến trường Nam bộ, miền Trung và đặc biệt là Thủ đô Hà Nội chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt. Quân dân cả nước kề vai chiến đấu, quyết tâm giữ vững nền độc lập của nước nhà. Hòa chung với khí thế sôi sục của cả nước, nhân dân các dân tộc Hà Giang, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh vừa tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất, vừa xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, bảo vệ hậu phương, chi viện cho tiền tuyến.

Trong bối cảnh chung của đất nước, nhân dân các dân tộc Hà Giang đang đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách, đặc biệt đối với huyện Đồng Văn thời kỳ này lại càng khó khăn, phức tạp hơn. Cơ sở của ta chỉ có ở một vài nơi trong phân khu Yên Minh nhưng còn yếu chưa phát triển được, bên cạnh đó là thế lực thổ ty đang còn rất mạnh. Dựa vào danh nghĩa Chủ tịch huyện và lợi dụng tình thế cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của ta còn nhiều khó khăn, Vương đã ra sức củng cố và mở rộng phạm vi thống trị của mình. Vương duy trì bộ máy gần như thời Pháp thuộc với luật lệ riêng, Tòa án, nhà tù riêng... nói đúng hơn, tất cả là do ông ta đặt ra. Bên cạnh Vương là những người giúp việc về từng mặt như: ngoại giao, kinh tế, quân sự, nội trị. Dưới ông ta là các tổng giáp, mã phài ở các xã. Vương có chính sách thuế riêng: thuế nương rẫy, thuế thuốc phiện, thuế bếp lửa, thuế lao dịch, thuế sòng bạc, thuế chợ. Thời gian này ở huyện Đồng Văn không chấp nhận tiêu tiền giấy Cụ Hồ (đồng tiền do Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phát hành), mà có tiền tệ riêng, đó là đồng bạc già do Pháp đúc và phát hành từ trước. Cán bộ do Chính phủ phái lên công tác phải mang muối lên bán lấy bạc già mới có tiền tiêu. Các chính sách của Đảng và Nhà nước được triển khai ở vùng tự do nhưng chưa được thi hành ở đây. Không có cuộc vận động tăng gia sản xuất, tiết kiệm, nuôi quân, tòng quân giết giặc, không có phong trào xóa nạn mù chữ. Các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, mê tín dị đoan vẫn đương nhiên tồn tại...

Nhiệm vụ đặt ra hết sức cấp bách, để lãnh đạo phong trào cách mạng ở Đồng Văn lúc này là phải có tổ chức Đảng. Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đó, Tỉnh ủy Hà Giang đã quyết định cho thành lập Chi bộ Đảng ở phân khu Yên Minh. Ngày 06/01/1948, Chi bộ được thành lập. Đây là chi bộ đầu tiên của huyện Đồng Văn, gồm có đồng chí Chu Văn Niệm, Kim Sơn, Đức Minh và đồng chí Kỳ. Đồng chí Chu Văn Niệm được chỉ định làm Bí thư chi bộ. Các đồng chí Kim Sơn, Đức Minh, dân tộc Tày là những đảng viên đầu tiên của huyện.

Sự ra đời của Chi bộ là bước ngoặt lớn trong quá trình phát triển phong trào cách mạng của huyện Đồng Văn. Từ đây, phong trào cách mạng trong huyện bắt đầu có điều kiện để đi vào chiều sâu và vững bước cùng cả tỉnh tiến lên trước những thử thách mới.

Ngay sau khi thành lập, Chi bộ phân khu Yên Minh đã tập trung vào việc xây dựng, củng cố tổ chức Mặt trận Việt Minh và xây dựng cơ sở Đảng, nhất là ở các xã thuộc vùng thổ ty cai quản, từng bước tuyên truyền trong nhân dân những chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, nhằm thu hẹp dần ảnh hưởng của thổ ty với đồng bào.

Để tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng ở khu vực này, ngày 06/3/1949, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban Huyện ủy lâm thời huyện Đồng Văn gồm có 4 ủy viên, đồng chí Triệu Quý Gia được chỉ định làm Bí thư Huyện ủy lâm thời. Nhiều cán bộ được tăng cường lên công tác tại huyện Đồng Văn. Đến thời điểm này toàn Đảng bộ đã có 17 đảng viên.

Ngày 26/3/1949, đồng chí Nguyễn Quang Phong - Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Trần Việt Quang - Tỉnh ủy viên phụ trách công tác mọi mặt ở Đồng Văn đã tổ chức cuộc họp với cán bộ Ban Huyện ủy. Sau khi nhận định, phân tích và đánh giá tình hình mọi mặt của huyện, nhất là thái độ 2 mặt của Vương Chí Sình và tình hình hoạt động của đặc vụ trên địa bàn, Hội nghị đã thống nhất chủ trương công tác của Đảng bộ huyện Đồng Văn năm 1949 như sau:

1- Về công tác Đảng, cán bộ phải tuyệt đối giữ bí mật công tác gây cơ sở chi bộ theo đúng quyết định của Hội nghị toàn tỉnh. Chú ý nhằm vào Mèo Vạc, Niêm Sơn, Đường Thượng, Cán Tỷ. Phải huấn luyện các đồng chí mới cho kịp đà phát triển, đào tạo cán bộ người Mông. Gây cơ sở quần chúng theo hình thức tổ chức công khai. Hội nghị đã phân công phụ trách cụ thể:

- Các đồng chí ở Phó Bảng phụ trách Lũng Phìn.
- Các đồng chí ở Đồng Văn phụ trách Mèo Vạc.
- Các đồng chí ở Yên Minh phụ trách Cán Tỷ.

- Các đồng chí ở Mậu Duệ phụ trách Ngam La, Đường Thượng.

2- Về công tác chính quyền.

Cải tổ lại Ủy ban hành chính huyện, bầu lại các ủy ban xã theo đúng Sắc lệnh 254.

3- Về công tác đối phó với đặc vụ

Cương quyết trừng trị bọn đặc vụ, đồng thời báo cho Vương biết là có hoạt động của bọn đặc vụ ở Đồng Văn.

4- Đối với thổ ty

Nhân nhượng kinh tế, nắm lực lượng quân sự, cương quyết, khôn khéo bám Vương, không để Pháp, Tưởng lợi dụng.

Thực hiện sự chỉ đạo sát sao đó của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã phân công, phân nhiệm cán bộ cụ thể, khắc phục đường sá khó khăn và đời sống nhân dân còn thiếu thốn, bám sát cơ sở, vận động, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, làm cho quần chúng dần dần biểu biết về Đảng và Chính phủ. Ta đã củng cố, xây dựng được các tổ chức quần chúng ở khu Yên Minh và 2 xã Đồng Văn, Phó Bảng thuộc vùng thổ ty. Từng bước khôn khéo lãnh đạo nhân dân chống lại sự bóc lột của chúng. Nhờ vậy, nhân dân ở những xã này ngày càng tin tưởng vào cán bộ, vào sức mạnh của chính quyền.

Tháng 9/1949, ta tiến hành bầu lại Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các xã trong khu Yên Minh. Nhờ đó, chính quyền cấp xã thuộc khu Yên Minh được củng cố và đi vào hoạt động, công việc được triển khai thực hiện có quy củ, nề nếp hơn trước. Cũng trong tháng này ta đã cử cán bộ vào Niêm Sơn sửa soạn và bầu Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính xã; tổ chức thêm lực lượng bộ đội địa phương, bầu xã bộ Việt Minh ở Đồng Văn; thành lập Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên ở Phó Bảng. Đặc biệt ta đã thành lập được 2 chi bộ Đảng ở xã Đồng Văn và ở Phó Bảng[(1)].

Đây là 2 chi bộ đầu tiên ở vùng thổ ty được thành lập. Ngay sau khi thành lập, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Văn, các chi bộ đã tập trung nghiên cứu triển khai thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; xác định nhiệm vụ trọng tâm trước mắt là làm tốt công tác vận động quần chúng, tích cực hướng dẫn nhân dân phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, thực hiện giảm tô, giảm tức, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tố cáo tội ác của đế quốc và thổ ty phong kiến.

Như vậy, sau một năm kể từ khi thành lập, dưới sự lãnh đạo sát sao của Tỉnh

[(1)]. Ngày 10/9/1949, Chi bộ Đảng xã Đồng Văn được thành lập với 4 đảng viên. Theo "Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Đồng Văn (1945 - 2015)", xuất bản năm 2016, tr. 23 - 24.

ủy, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh từng bước thu hẹp phạm vi ảnh hưởng và uy tín của Vương ở những khu vực như Đồng Văn, một phần Niêm Sơn và các xóm người Mông, Dao ở các xã lân cận. Làm suy yếu hàng ngũ đặc vụ của Tưởng và Pháp, dân chúng ngày càng tin tưởng vào Đảng bộ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Ngoài khu Yên Minh, ta đã gây dựng được cơ sở Đảng và cơ sở quần chúng rải rác trong vùng thổ ty. Song, chúng ta vẫn chưa thực sự làm cho phong trào của huyện tiến mạnh về mọi mặt, nhất là trong việc cương quyết thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của Vương. Việc giác ngộ và tổ chức dân trong vùng Vương chưa có kế hoạch tỉ mỉ, nhiều cán bộ không biết tiếng địa phương nên công tác này tiến triển rất chậm.

Đến thời điểm này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã và đang giành được những thắng lợi ngày càng to lớn, chúng ta đã trải qua giai đoạn phòng ngự, bắt đầu chuyển sang giai đoạn mới, tấn công quét sạch giặc Pháp xâm lược. Trong tỉnh, ở mặt trận Hoàng Su Phì, Bắc Quang cũng đã giành được thế chủ động, đẩy Pháp và phỉ vào thế bị động phải co về cố thủ. Bên kia biên giới, cách mạng Trung Quốc đang thắng lớn, giải phóng quân Trung Quốc đánh mạnh vào tàn quân Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Tình hình đó đã tác động mạnh đến phong trào cách mạng ở Đồng Văn.

Ngày 08/4/1950, Tỉnh ủy Hà Giang lần đầu tiên có Nghị quyết hoàn chỉnh về chủ trương hòa bình cải tạo chế độ thổ ty nhằm "thực hiện nhiệm vụ giải phóng cho dân chúng huyện Đồng Văn khỏi ách thổ ty, đem lại sự an ninh và sung túc cho họ"[(1)]; "đẩy mạnh công tác về mọi mặt làm cho huyện Đồng Văn tiến mạnh, tiến đều trong giai đoạn gấp rút tổng phản công"[(2)]. Từ nhiệm vụ chung đó, Tỉnh ủy đã chỉ rõ chủ trương hoạt động ở Đồng Văn là:

1- Đối với Vương Chí Sình, vẫn đứng trên lập trường đoàn kết nhưng không nhân nhượng một cách hữu khuynh, cương quyết ngăn cản sự bành trướng thế lực, hạn chế sự bóc lột của Vương bằng mọi cách.

2- Dân chủ hóa bộ máy chính quyền vùng thổ ty; làm cho thổ ty phải tôn trọng chính quyền địa phương, tước dần lực lượng vũ trang của thổ ty làm cho lực lượng vũ trang đó thành lực lượng của ta; cương quyết trừng trị bọn tay sai phản động của thổ ty, những bọn quấy rối ở địa phương, quét đặc vụ.

3- Xây dựng Đảng mạnh mẽ, đặc biệt tăng cường công tác dân vận, chú ý cải thiện đời sống và đem lại quyền lợi thiết thực cho dân chúng toàn huyện.

---

(1). Trích Nghị quyết án tiến tới thủ tiêu chế độ thổ ty Đồng Văn được Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng thông qua ngày 08/4/1950. (Tài liệu lưu trữ tại phòng NCLS Đảng tỉnh Hà Giang).

(2). Trích Nghị quyết án tiến tới thủ tiêu chế độ thổ ty Đồng Văn được Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng thông qua ngày 08/4/1950. (Tài liệu lưu trữ tại phòng NCLS Đảng tỉnh Hà Giang).

Trên cơ sở phân tích kỹ tình hình, đặc điểm kinh tế - xã hội của huyện 6 tháng cuối năm 1949, đầu năm 1950, Tỉnh ủy chỉ đạo tất cả các mặt hoạt động của huyện trong năm 1950 là làm tốt công tác dân vận, tích cực hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, thực hiện giảm tô, giảm tức, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tố cáo tội ác của đế quốc và thổ ty, mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Tăng cường xây dựng và kiện toàn hệ thống chính quyền từ huyện đến xã, xây dựng lực lượng quân sự làm hậu thuẫn cho công tác chính trị tiến tới nắm được lực lượng quân sự của thổ ty; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và các đoàn thể, nhất là vùng thổ ty và phân khu Đông Minh; tăng cường đào tạo và rèn luyện cán bộ về tư tưởng, chính trị, quân sự, văn hóa.

Từ sự chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của Tỉnh ủy về mọi mặt, Huyện ủy Đồng Văn đã từng bước được củng cố và kiện toàn. Cuối năm 1950, ta chuyển cơ quan Huyện ủy, Mặt trận huyện và các tổ chức quần chúng từ Yên Minh lên đóng tại xã Đồng Văn, sau đó chuyển hẳn về Phó Bảng. Cùng lúc này ta bàn với Chủ tịch huyện lập Tòa án tại đây và thiết lập một số đồn Công an ở Phó Bảng, Đồng Văn, Khâu Vai để giúp Ủy ban hành chính huyện trong việc xét xử và giữ gìn trật tự an ninh.

Cùng với những thắng lợi ngày càng to lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, đặc biệt là từ chiến dịch Biên giới (10/1950), Pháp rút khỏi Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Lào Cai và Hoàng Su Phì (Hà Giang). Bên kia biên giới, Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch bị quét sạch, Vương mất chỗ dựa, buộc phải thay đổi thái độ với ta. Việc Huyện ủy Đồng Văn công khai hoạt động trên đất thổ ty là một quyết định đúng đắn, khẳng định lợi thế so sánh giữa ta và thổ ty, việc làm này đã góp phần rất lớn vào công tác xây dựng, phát triển cơ sở quần chúng trong vùng của Vương, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, từng bước cải tạo chế độ thổ ty ở Đồng Văn.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, trong điều kiện dân chúng còn mù chữ, đói nghèo, khổ cực, đường sá đi lại khó khăn, từ tháng 6/1950, Huyện ủy Đồng Văn đã rất cố gắng khắc phục mọi trở ngại, cải thiện dân sinh, thường xuyên mở các đợt vận động sản xuất, cứu đói, cứu rét, tiếp tế cho dân chúng, giúp đỡ dân khai phá rừng hoang, tăng gia sản xuất, tăng diện tích trồng ngô... nhờ đó, đời sống của nhân dân tương đối dễ chịu hơn trước. Việc lãnh đạo đấu tranh giảm tô đã được thực hiện ở các xã Yên Minh, Mậu Duệ, Bạch Đích nhưng mới có ruộng cho cấy rẽ. Tình trạng cho vay lãi ở Đồng Văn vẫn còn nhưng đã giảm từ 350% xuống còn 50%. Mặt khác, ngoài số tiền của tỉnh cho dân nghèo vay được l.000.000 đồng, huyện đã

tìm cách giúp đỡ dân nghèo bằng cách huy động vốn nhà giàu có tinh thần tiến bộ cho vay được 10 con trâu, bò và một số tiền dự trữ. Các đợt vận động chính trị đoàn kết dân tộc, tuyên truyền vạch trần âm mưu chia rẽ của địch... đã góp phần làm cho nhân dân hiểu biết về chính quyền cách mạng, mở rộng ảnh hưởng của Chính phủ trong dân, gây dựng được một số cơ sở trong dân, tuy còn rất mỏng và chưa vững chắc.

Đến tháng 12/1950, nhờ tăng cường công tác dân vận, việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt ở huyện Đồng Văn đã làm xong. Trong Ban Chấp hành Liên Việt đã vận động được một số người trong vùng thổ ty Vương Chí Sình tham gia. Mặt trận ở Đồng Văn đã được củng cố. Các tổ chức Hoa Kiều, Chi hội Phụ nữ ở Phó Bảng bắt đầu được chấn chỉnh.

Đến thời điểm này, Vương Chí Sình vẫn giữ chủ trương địa phương tự trị (mặc dù ông vẫn đang giữ chức Chủ tịch huyện Đồng Văn), Vương tỏ vẻ không tín nhiệm và luôn đề phòng đối với ta, tuy không dám tỏ ra gay gắt như trước, nhưng rất bực tức về việc cán bộ ta tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc nhất là dân tộc Mông tham gia xây dựng các đoàn thể quần chúng. Bởi lẽ Vương Chí Sình là một thổ ty lớn đang có nhiều quyền lợi về kinh tế nên chỉ muốn địa vị, quyền lợi của mình được bảo đảm; là người có uy tín lớn trong tổng giáp, mã phài và dân chúng, nhưng lại dễ ngả nghiêng. Từ nhận định, đánh giá đó, Huyện ủy đã đề ra chủ trương: cần phải hết sức mềm dẻo, nhân nhượng về kinh tế, song về chính trị phải cương quyết ngăn cản những hành động phản tuyên truyền, dung túng cho bọn phản động âm mưu chống lại ta; dần dần giác ngộ, nắm vững và làm tê liệt những hoạt động phản lại kháng chiến của Vương, tập trung lôi kéo Vương đứng hẳn về phía ta.

Đối với lực lượng quân đội của Vương do Vương Quỳnh Sơn chỉ huy, ta đã gần gũi giáo dục họ, cho cán bộ trong đơn vị của Sơn về học các lớp của khu và tỉnh. Vì thế, Vương Quỳnh Sơn cũng tỏ ra gần gũi với ta hơn, đồng ý cho cán bộ của ta lên củng cố đơn vị quân đội và dân quân tự vệ. Vương Quỳnh Sơn còn giúp đỡ ta phần nào trong việc đi tuyên truyền trong dân chúng.

Trên lĩnh vực kinh tế, thực hiện chính sách thuế mới ban hành của Trung ương ngày 14/9/1951; theo tinh thần thông báo về chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy Đồng Văn đã xác định đây là nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thông qua đó tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở trong quần chúng. Lúc đầu, do trình độ giác ngộ của nhân dân và trình độ tổ chức, vận động của cán bộ ta còn hạn chế, thêm vào đó bọn phản động tung tin tuyên truyền, xuyên tạc chính sách thuế của ta làm cho nhân dân có phần hoang mang dao động, gây nhiều khó khăn, phức tạp cho ta trong

cuộc vận động thực hiện chính sách thuế nông nghiệp ở vùng Đồng Văn. Nhưng chỉ sau một thời gian, với sự khéo léo, kiên trì vận động, thuyết phục của cán bộ, đồng bào đã dần thấy được tính ưu việt của chính sách thuế nông nghiệp. Có người nói: "Có Hồ Chủ tịch thì chúng tôi mới được đóng thuế thế này. Còn trước đây lý trưởng nó bắt thế nào phải nghe như thế, đâu có được giải thích, dân bình như bây giờ[1].

Cùng với việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách và đường lối kháng chiến của Đảng, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tiến hành công tác xây dựng Đảng, củng cố được các cơ sở Đảng ở phân khu Đông Minh, phát triển Đảng ở một số xã thuộc khu vực của Vương Chí Sình quản lý. Rút kinh nghiệm mấy năm trước, việc phát triển Đảng được chú ý hơn đến đồng bào các dân tộc Mông, Dao. Do điều kiện thực tiễn lúc bấy giờ không thể cầu toàn mà chủ yếu tìm những người nhiệt tình, hăng hái với công tác nên có chiếu cố khắc phục không kết nạp bừa bãi, mà từng bước đảm bảo sự trong sạch của người vào Đảng. Năm 1951, ta kết nạp được 10 đồng chí (trong đó có 5 đồng chí là người Mông, 5 đồng chí là người Dao).

Năm 1952, thực dân Pháp bị thất bại phải rút khỏi Hoàng Su Phì nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ âm mưu chiếm đóng và phong tỏa vùng biên giới. Ở Đồng Văn, bọn phỉ, tàn quân Quốc dân Đảng câu kết với thổ ty, tổng giáp, mã phài cùng bọn đặc vụ do Pháp cài lại để quấy rối ta ở vùng biên giới. Chúng ra sức cướp bóc của cải của nhân dân, chờ thời cơ để mở rộng vùng chiếm đóng. Một số đồng bào hoang mang, lo sợ chạy tản cư sang nơi khác đã gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất và tổ chức cuộc sống.

Âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đã được tiến hành rộng khắp trên toàn tuyến biên giới phía Bắc của Tổ quốc, có sự câu kết giữa Pháp - Mỹ - Tưởng. Pháp dùng máy bay thả dù các toán gián điệp, biệt kích, đặc vụ và tiếp tế cho bọn phỉ cả vũ khí và lực lượng.

Tháng 5/1952, dưới sự chỉ đạo của Trung ương, của Liên Khu ủy Việt Bắc, Hà Giang và Lào Cai cùng tham gia chiến dịch "Đông - Tây tập đoàn". Chiến dịch này diễn ra dọc biên giới với chiều dài gần 400 km thuộc Hà Giang và Lào Cai. Tỉnh ủy đã phân công cán bộ đi các trọng điểm ở Đồng Văn và Hoàng Su Phì, có sự phối hợp với lực lượng giải phóng quân Trung Quốc trên toàn tuyến chiến dịch. Với phương châm dùng đấu tranh chính trị là chính, lấy quân sự làm áp lực, chúng ta vừa tổ chức vận động, tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, thức tỉnh, kêu gọi những người lầm đường lạc lối hoặc bị ép theo phỉ trở về với nhân dân; vừa thuyết phục lôi kéo tầng lớp thổ ty, cô lập bọn đầu sỏ phản động, tiêu diệt những phần tử ngoan cố.

---

[1] Trích Báo cáo tình hình mọi mặt công tác trong toàn tỉnh năm 1951 của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Hà Giang.

Chỉ huy trực tiếp chiến dịch ở mặt trận Đồng Văn là Phó Chính ủy Quân khu Việt Bắc Lê Đình Thiệp và Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Văn Xã. Lực lượng của ta có 2 tiểu đoàn của khu và một tiểu đoàn quân địa phương. Ban chỉ huy chiến dịch cùng với Huyện ủy đã trực tiếp gặp gỡ Vương Chí Sình giải thích rõ mục đích của chiến dịch tiễu trừ thổ phỉ và yêu cầu chính quyền địa phương phối hợp giúp đỡ bộ đội, đồng thời giải thích cho nhân dân hiểu và yên tâm, Vương Chí Sình đã đồng tình và tổ chức huy động lực lượng tham gia chiến dịch.

Do liên tục thất bại trên hầu hết các chiến trường, nên thực dân Pháp càng tích cực hà hơi tiếp sức cho bọn phỉ và bọn đặc vụ ở vùng biên giới với hy vọng sử dụng lực lượng này làm suy giảm đáng kể quá trình tập trung sức chiến đấu của ta. Để tiếp tục thực hiện kế hoạch phong tỏa biên giới, thực dân Pháp âm mưu thành lập một trung đoàn ngụy ở biên giới Việt - Trung. Do đó, ngày 03/7/1952, chúng cho quân nhảy dù xuống cánh đồng ngô ở thôn Pả Vi, xã Mèo Vạc. Rất nhạy bén và nắm chắc được âm mưu của địch, ta đã bố trí một đơn vị bộ đội do đồng chí Hoàng Đạo phụ trách phối hợp cùng với lực lượng địa phương Đồng Văn phục kích tại địa điểm nhảy dù. Ta đón bắt được 43 tên trong số 49 tên, cùng toàn bộ vũ khí trang bị ngay khi chúng vừa đặt chân xuống đất, 6 tên còn lại lẩn trốn vào rừng cũng bị ta lần lượt tóm gọn. Đây là những tên được Pháp huấn luyện, do tên Phrăng-xoa người Pháp và tên Dương Mí Sàng cầm đầu, chúng định sẽ lập ra một trung đoàn nguỵ để câu kết với các lực lượng phản động ở hai bên biên giới Việt - Trung hòng đánh vào hậu phương kháng chiến của ta. Nhưng ngay từ phút đầu đặt chân xuống đất, chúng đã bị thất bại hoàn toàn.

Cùng thời gian này, toàn bộ lực lượng phỉ Quốc dân đảng ở bên kia biên giới tràn sang các xã Đồng Văn, Ma Lé, Sơn Vĩ, Phú Lũng đã bị Tiểu đoàn 920, Tiểu đoàn 530 Đồng Văn và dân quân du kích bao vây, tiến công tiêu diệt và bắt sống gần hết. Trong 300 tên bị bắt có nhiều tên đầu sỏ phỉ Quốc dân đảng. Bọn phỉ nội gián ở Đồng Văn sợ hãi nằm im sau đó tự tan rã[(1)].

Thắng lợi trên đây của quân và dân Đồng Văn đã góp phần trực tiếp vào thắng lợi của chiến dịch "Đông - Tây tập đoàn", góp phần bảo đảm an ninh cho một vùng biên cương của Tổ quốc, bảo vệ vững chắc cho căn cứ địa Việt Bắc. Chiến dịch tiễu phỉ đã thu được thắng lợi lớn, không tổn thương xương máu của nhân dân, đồng thời đã cổ vũ, động viên nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn phấn khởi, tin tưởng vào đường lối kháng chiến của Đảng, nêu cao tinh thần cảnh giác, xây dựng lực lượng vũ trang, hăng hái thi đua sản xuất, thực hiện nghĩa vụ đóng góp sức người, sức của

---

(1). *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang (1945 - 2005)*, xuất bản năm 2008, tr. 135.

chi viện cho tiền tuyến.

Tháng 10/1952, chiến dịch tiễu phỉ "Đông - Tây tập đoàn" kết thúc thắng lợi. Kết quả, ta diệt và bắt 3.600 tên, thu 2.500 súng các loại, 24.000 viên đạn, 1.947 quả mìn, 1.950 chiếc dù, 7 vô tuyến điện, thu lại cho dân 960 con trâu, bò, ngựa. Ngày 21/11/1952, Bộ chỉ huy chiến dịch mở Hội nghị tổng kết kinh nghiệm công tác tiễu phỉ từ tháng 5 - 10/1952. Hội nghị đánh giá đây là chiến dịch tiễu phỉ có quy mô lớn nhất, đạt hiệu quả cao nhất từ trước tới nay. Quân dân ta đã đập tan "Đông - Tây tập đoàn" phỉ được Pháp, Mỹ, Tưởng nuôi dưỡng trang bị, tiếp tế trong phạm vi rộng lớn. Lực lượng phỉ với gần 4.000 tên được trang bị đủ vũ khí đã gần như trở thành con số không. Các lực lượng vũ trang Hà Giang đã trưởng thành nhanh chóng trong cuộc chiến đấu tiễu trừ thổ phỉ biên giới, nhiều cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta nêu cao tấm gương sáng về lòng dũng cảm hy sinh, lập nhiều chiến công được cấp trên khen thưởng. Trong đó, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn 530 Đồng Văn đã lập công lớn được tặng Huân chương Chiến công hạng Nhất ngay khi tiếng súng chiến dịch còn đang diễn ra[1].

Cũng từ năm 1952 - 1953 trở đi, một mặt ta giác ngộ dần các chiến sỹ trong Tiểu đoàn Đồng Văn mà đa số là người Mông, chọn một số người tích cực, có năng lực cử đi học văn hóa đào tạo họ thành cán bộ. Mặt khác, ta lần lượt cử Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn phó, cán bộ đại đội của Tiểu đoàn Đồng Văn đi học, kể cả đi học ở Trung Quốc. Ta thật sự tin tưởng ở khả năng tiến bộ của họ và sự thật đã khẳng định điều đó. Cùng với những việc làm trên, Chính phủ đã cấp quân trang và sinh hoạt phí cho Tiểu đoàn Đồng Văn. Như vậy, vừa xóa được cái cớ thu thuế chợ để nuôi bộ đội, vừa có điều kiện để quản lý tiểu đoàn tốt hơn và dần dần từng bước giáo dục, thuyết phục, cảm hóa họ. Ngày 15/4/1953, ta thành lập Ban Chỉ huy Huyện đội Đồng Văn, rút gọn Tiểu đoàn 530 Đồng Văn thành Đại đội 8 địa phương, đồng thời đẩy mạnh xây dựng dân quân du kích các xã do Ban Chỉ huy Huyện đội trực tiếp chỉ huy. Đây là đòn đánh mạnh vào thế lực thổ ty phong kiến ở Đồng Văn[2]. Đến tháng 7/1953, ta đã chuyển hóa hoàn toàn Tiểu đoàn Đồng Văn từ chỗ là lực lượng vũ trang tập trung của Vương Chí Sình, đóng tại các đồn bốt thành một đại đội địa phương và ở cấp huyện là Ban Chỉ huy Huyện đội, phụ trách dân quân như các Huyện đội khác. Các xã đội dân quân du kích trong vùng thổ ty cũng được chấn chỉnh.

Ngày 01/9/1953, thực dân Pháp đưa máy bay đến bắn phá 2 xã Ngam La, Đường Thượng, thả truyền đơn mua chuộc đồng bào hòng chia rẽ, kích động thù hằn

---

[1]. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang (1945 - 2005)*, Sđd, tr. 137.
[2]. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang (1945 - 2005)*, Sđd, tr. 141.

giữa các dân tộc. Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo bộ đội, công an, dân quân và nhân dân cùng tham gia tiến hành đồng bộ các nhiệm vụ, vừa đi vào làng bản vận động, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, vừa kiên trì truy lùng phỉ. Chỉ sau một thời gian ngắn, ta đã bắt được nhiều tên, kể cả những tên hoạt động ngầm, làm thất bại âm mưu phá hoại của địch. Nhân dân nhiều xã từ chỗ sợ sệt, dung túng phỉ đã dám tố cáo và đấu tranh kiên quyết với chúng như ở các xã: Ngam La, Đường Thượng, Mèo Vạc, Sơn Vĩ. Từ chỗ còn tin tưởng thổ ty phong kiến, nộp thuế cho chúng, chịu sự bóc lột của chúng, không hiểu biết gì về Chính phủ Hồ Chí Minh, nay đã hiểu rõ cán bộ, bộ đội, chán ghét chế độ thổ ty và đại đa số nhân dân đã tán thành đóng thuế nông nghiệp, thuế thuốc phiện và hăng hái đi dân công phục vụ kháng chiến.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Huyện ủy Đồng Văn đã tăng cường chỉ đạo củng cố chính quyền ở những nơi vừa thoát khỏi sự khống chế của phỉ và kiên quyết đưa ra khỏi cơ quan chính quyền, đoàn thể những phần tử thoái hóa biến chất, những người cản trở việc thực hiện chính sách của Đảng. Bổ sung những người tham gia kháng chiến hăng hái, tích cực, gương mẫu vào cơ quan chính quyền, đoàn thể.

Trên cơ sở củng cố chính quyền, đoàn thể, Huyện ủy chỉ đạo chính quyền, các đoàn thể tổ chức học tập chính trị cho quần chúng, quán triệt những quyết tâm lớn của Đảng để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi. Đồng thời, ta còn tuyên truyền đưa tin thắng trận của ta trên chiến trường và sự thất bại của thực dân Pháp để tạo không khí phấn khởi, tin tưởng của nhân dân vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp. Cũng trong thời gian này, để thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, Huyện ủy đã tổ chức mở các lớp học phổ biến chính sách dân tộc của Đảng cho đồng bào các dân tộc, qua học tập đồng bào các dân tộc đã nhận rõ âm mưu thâm độc của bọn phản động chia rẽ các dân tộc và hiểu rõ được chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng. Từ đó mà củng cố niềm tin của nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, phát huy truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc, hăng hái tham gia các công tác do chính quyền, đoàn thể phát động.

Trên lĩnh vực kinh tế, là một huyện vùng cao núi đá nên chưa có điều kiện để phát triển, nền kinh tế của huyện vẫn đang trong tình trạng tự cấp, tự túc, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Trong kháng chiến, thực hiện chủ trương của Đảng là vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn ra sức tăng gia sản xuất, phát triển kinh tế nông nghiệp để ổn định đời sống của nhân dân và đóng góp cho kháng chiến.

Cùng với việc tiến hành một số biện pháp thúc đẩy sản xuất, phong trào tổ đổi công trong nhân dân phát triển mạnh, đã tạo điều kiện cho năng suất lao động trong nông nghiệp được nâng cao. Việc thi hành sắc lệnh về thuế nông nghiệp do Chính phủ đề ra "đánh nặng vào địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bần nông" đã có tác dụng làm cho nông dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ, hăng hái thi đua sản xuất, khai hoang, phục hóa, tăng vụ, đóng góp một cách tự giác, đầy đủ thuế lương thực cho Nhà nước. Tuy nhiên, sản xuất mới được phát triển một bước ở những nơi có điều kiện, còn hầu như ở các xã vùng sâu, vùng xa của huyện chưa phát triển được, chủ yếu vẫn canh tác theo lối manh mún, lạc hậu, năng suất thấp. Phần lớn đồng bào Mông, Dao còn du canh, du cư, đời sống của đồng bào ở những vùng này còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được Đảng bộ rất quan tâm, thường xuyên chỉ đạo. Đến năm 1954, hầu hết các xã đã có lớp vỡ lòng, lớp 1, lớp 2. Tại huyện lỵ có trường Phổ thông cấp I từ lớp 1 đến lớp 4. Tuy nhiên, cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, chất lượng giáo dục còn rất thấp.

Cùng với việc phát triển trường phổ thông, phong trào Bình dân hoc vụ cũng được Đảng bộ, chính quyền quan tâm chỉ đạo, xây dựng các lớp bình dân học vụ tại các thôn, bản để xóa mù chữ cho nhân dân và nâng cao trình độ cho cán bộ tại địa phương. Đến thời kỳ này, bên cạnh việc duy trì tốt phong trào ở phân khu Đông Minh, ta đã mở được lớp học ở tất cả các xã vùng thổ ty, ít nhất là ở xã Sủng Là cũng mở được một lớp gồm 12 người.

Công tác thông tin tuyên truyền và phong trào văn hóa văn nghệ được chấn chỉnh một bước, ta đã tuyên truyền cho nhân dân vùng thổ ty hiểu được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Đến hết năm 1954, với đường lối hòa bình cải tạo của Đảng, sự lãnh chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã xóa bỏ được về căn bản các đặc quyền, đặc lợi, thu hẹp được ảnh hưởng và tàn tích của chế độ thổ ty. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về chủ trương hòa bình, cải tạo chế độ thổ ty, ta đã cải hóa Ủy ban huyện từ chỗ là chính quyền của Vương đóng tại tư dinh Sà Phìn thành Ủy ban hành chính huyện, trụ sở đặt ở Phó Bảng. Tuy vẫn do ông Vương Chí Sình làm Chủ tịch, nhưng đã có đại diện các dân tộc Mông, Dao, Tày, Nùng... tham gia trong Ủy ban, chính quyền của Vương dần dần trở thành chính quyền nhân dân, chịu sự lãnh đạo của Đảng.

Dưới chế độ mới, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân không ngừng phát triển. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã có nhiều hoạt động tích cực nhằm cải thiện

đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, vừa chăm lo bảo tồn các lễ hội văn hóa truyền thống, vừa tích cực vận động nhân dân cải cách các phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Các hủ tục như ma chay, cưới xin, bói toán trước đây rất nặng nề đã giảm đáng kể. Phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng phát triển, góp phần động viên nhân dân các dân tộc thêm phấn khởi, tích cực đẩy mạnh tăng gia sản xuất.

Đầu năm 1954, cả nước dồn sức cho chiến dịch Điện Biên Phủ với tinh thần "tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho chiến thắng". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn cùng với nhân dân cả nước tích cực chuẩn bị chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Hàng ngàn chiến sỹ, dân công nam nữ của huyện Đồng Văn đã hăng hái lên đường ra mặt trận. Từ mọi làng bản xa xôi, hẻo lánh, người người, nhà nhà đều góp công, góp của cho tiền tuyến. Chị em phụ nữ Phó Bảng đã quyên góp được 194.060 đồng cho thương binh. Đoàn ngựa thồ của huyện Đồng Văn vượt quãng đường dài 150 km trong 2 ngày rưỡi (bình thường phải đi 4 - 5 ngày) để vận chuyển lương thực, thực phẩm cho chiến dịch[1]. Ngoài việc hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, huy động dân công đi phục vụ chiến dịch, huyện còn huy động lực lượng du kích phối hợp với bộ đội của tỉnh tiễu phỉ để bảo vệ quê hương.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường (từ ngày 13/3 đến ngày 07/5/1954), quân và dân ta đã đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 20/7/1954, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được thắng lợi huy hoàng.

Trong chặng đường lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vô cùng phấn khởi, tự hào đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một huyện miền núi, biên giới trong tình hình vô cùng phức tạp. Phá tan được âm mưu bịt kín biên giới của địch, giữ vững con đường thông thương với nước bạn, tạo điều kiện tăng cường lực lượng cho kháng chiến chống Pháp thắng lợi, góp phần cùng nhân dân cả nước viết nên trang sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong những năm kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

---

[1]. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang (1945 - 2005),* Sđd, tr. 146.

Chương III
ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐỒNG VĂN TRONG THỜI KỲ KHÔI PHỤC, CẢI TẠO VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ (1955 - 1960)

I. XÂY DỰNG VÀ CỦNG CỐ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, KHÔI PHỤC KINH TẾ, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN (1955 - 1957)

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/1954) kết thúc chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương. Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định rõ: nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 (dọc sông Bến Hải) làm ranh giới quân sự tạm thời để hai bên chuyển quân tập kết. Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam thành lập chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, tổ chức bầu cử Quốc hội riêng rẽ nhằm chia cắt lâu dài đất nước ta.

Nước ta bị chia làm hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau. Vì vậy, Đảng ta xác định: Chúng ta phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng ở hai miền. Đó là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

Hòa bình lập lại (1954), cùng với đồng bào miền Bắc và toàn tỉnh Hà Giang, đồng bào các dân tộc huyện Đồng Văn bước sang thời kỳ cách mạng mới - thời kỳ xây dựng, củng cố chính quyền, khôi phục kinh tế và ổn định chính trị - xã hội.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ cách mạng mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Đồng Văn gặp muôn vàn khó khăn, thử thách. Vì vậy, sự lãnh đạo của Trung ương, sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh và huyện đối với vùng này là vô cùng quan trọng và cấp bách.

Xây dựng và củng cố Đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị là nhiệm vụ vô cùng cấp bách và nặng nề. Sau hòa bình lập lại (1954), toàn bộ huyện Đồng Văn còn 13 xã chưa có chính quyền nhân dân, mà vẫn nằm dưới sự khống chế của các thế lực thổ ty địa phương. Công tác xây dựng và củng cố cơ sở Đảng gặp nhiều khó khăn, số lượng đảng viên ít, tập trung chủ yếu ở các cơ quan, trình độ văn hóa và lý luận thấp, nhiều xã không có chi bộ và đảng viên. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể còn yếu, có nơi hầu như không hoạt động.

Trong hoàn cảnh đó, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã có nhiều biện pháp tích cực khắc phục tình trạng thiếu và yếu kém về cán bộ trên địa bàn của huyện. Trước hết, Đảng bộ huyện tăng cường tổ chức giáo

dục tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên, thường xuyên phát động và tổ chức học tập, sinh hoạt chính trị; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng và kết nạp đảng viên mới; cử người đi học tập và bồi dưỡng tại các trường Đảng của Trung ương, Khu và tỉnh; tổ chức cho đảng viên học tập Nghị quyết Trung ương 10, 11 và 12 về công tác xây dựng và phát triển Đảng... Về công tác tổ chức, năm 1957, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tăng cường kiện toàn, củng cố các chi bộ Đảng ở nông thôn, tăng cường thêm 19 đảng viên làm cốt cán cho các chi bộ cơ sở để phát huy khả năng lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ. Tiếp tục chỉ đạo chi bộ kết hợp với chính quyền các xã tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp và cuộc đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, thống nhất đất nước; tuyên truyền chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, đặc biệt là cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Đây là cuộc sinh hoạt chính trị bổ ích, mang tính chất quần chúng rộng rãi. Qua đợt sinh hoạt chính trị này, trình độ giác ngộ của cán bộ, đảng viên và quần chúng được nâng cao một bước.

Từ những biện pháp tích cực trên, năm 1956, toàn huyện có 6 chi bộ với 64 đảng viên, năm 1957 có 7 chi bộ với 71 đảng viên, 8/22 xã có tổ chức cơ sở Đảng[(1)]. Để củng cố Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn, tháng 7/1957, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phân công đồng chí Nông Quốc Việt - Tỉnh ủy viên làm Bí thư Huyện ủy Đồng Văn; số lượng của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tăng lên 8 đồng chí.

Nhiệm vụ xây dựng, kiện toàn bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm. Nhiệm vụ đầu tiên là xây dựng chính quyền ở những xã chưa có chính quyền dân chủ nhân dân; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở các xã; rà soát và lựa chọn những cán bộ có phẩm chất, năng lực và lòng nhiệt tình nắm giữ các cương vị chủ chốt trong chính quyền và các đoàn thể nhằm từng bước gạt bỏ ảnh hưởng của tầng lớp trên trong chính quyền, đưa mọi hoạt động ở xã đi dần vào nề nếp, có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong toàn huyện.

Để kiện toàn tổ chức, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện

---

[(1)]. Từ năm 1948 trở về trước, huyện Đồng Văn bị chia 5 sẻ 7 bởi các Thổ ty lớn nhỏ (Chánh Quay ở Đồng Văn; Dương Trung Nhân ở Mèo Vạc; Lý Huấn ở Niêm Sơn; Lý Phúc ở Mậu Duệ; Chánh Tư, Chánh Quý ở Yên Minh; Vương Chí Sình ở Sà Phìn, Phố Bảng). Đến tháng 01/1950, tỉnh Hà Giang thuộc khu Lao - Hà - Yên (Lào Cai - Hà Giang - Yên Bái), toàn tỉnh Hà Giang có 4 huyện là Bắc Quang, Vị Xuyên, Hoàng Su Phì và huyện Đồng Văn (bao gồm khu vực Mèo Vạc, Yên Minh và một phần của huyện Quản Bạ ngày nay). Thời điểm đó, huyện Đồng Văn bị chia cắt làm 2 khu vực: Khu vực thuộc ta (gọi là phân khu Đông Minh), có gần 10.000 dân (chiếm 1/3 huyện), gồm các xã: Yên Minh, Mậu Duệ, Ngọc Long, Du Già, 1/3 xã Sơn Vĩ (nay là xã Xín Cái) và 1/3 xã Niêm Sơn. Khu vực thuộc Vương Chí Sình quản lý chiếm 2/3 diện tích toàn huyện với gần 2 vạn dân, bao gồm các xã: Sà Phìn, Sủng Là, Sủng Thài, Phố Cáo, Mèo Vạc, Lũng Phìn, Lũng Chinh, Phú Lũng, Đồng Văn, Sủng Máng, Na Khê, Ngam La, Đường Thượng, Cán Tỷ, 2/3 xã Sơn Vĩ, 2/3 xã Niêm Sơn.

trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng, ngày 10/8/1957, Đảng bộ huyện Đồng Văn tổ chức Đại hội toàn thể lần thứ nhất. Đại hội đã tổng kết, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế của Đồng Văn trong giai đoạn 3 năm (1955 - 1957) khôi phục kinh tế, ổn định chính trị. Trong 3 năm qua, kinh tế - xã hội của huyện Đồng Văn đã có bước chuyển biến tích cực. Kinh tế nông nghiệp bước đầu phát triển, năng suất, diện tích đều tăng. Nhưng quan trọng hơn cả là quyền lợi chính trị và kinh tế của nhân dân bước đầu được củng cố, sự lệ thuộc vào thổ ty phong kiến ngày càng được hạn chế, dân trí và sức khỏe bước đầu được cải thiện, đời sống mới ở nông thôn dần được hình thành. Đảng, chính quyền cùng các tổ chức đoàn thể được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Uy tín và vai trò của Đảng được nâng cao trong quần chúng các dân tộc.

Tuy nhiên, huyện Đồng Văn còn gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Kinh tế tuy đã có bước phát triển nhưng còn ở trình độ rất thấp. Đó là nền kinh tế thuần túy nông nghiệp, lạc hậu, manh mún, năng suất thấp. Kết cấu hạ tầng yếu kém, dân trí chưa phát triển, trên 99% dân số mù chữ, đời sống còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Tình hình an ninh chính trị phức tạp, các tệ nạn xã hội như cờ bạc, nghiện hút, buôn lậu, mê tín dị đoan còn rất nặng nề. Trong khi đó, các phần tử phản động địa phương đang câu kết với bọn đặc vụ Tưởng Giới Thạch ngấm ngầm hoạt động chống phá công cuộc xâv dựng chủ nghĩa xã hội ở Đồng Văn...

Xuất phát từ tình hình trên, Đại hội toàn thể lần thứ nhất đã thảo luận và nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ trong các năm tới là:

- Tăng cường công tác quân sự, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang từ huyện đến xã.

- Tăng cường củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc. Tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo và cải thiện đời sống nhân dân.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các tổ chức đoàn thể để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo mọi mặt trong giai đoạn cách mạng mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa I gồm 9 đồng chí, đồng chí Nông Quốc Việt được bầu làm Bí thư Huyện ủy.

Đại hội toàn thể Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ nhất thắng lợi, đánh dấu bước phát triển mới của Đồng Văn trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội và an ninh, quốc phòng. Sự kiện này chứng tỏ rằng Đảng bộ huyện Đồng Văn ngày càng trưởng thành về số lượng và chất lượng, đủ sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc Đồng Văn hoàn thành nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn toàn huyện. Từ đây, vai trò, vị trí lãnh đạo

của Đảng bộ huyện ngày càng được nâng cao, góp phần quyết định đưa huyện Đồng Văn bước sang thời kỳ mới giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

Hệ thống chính trị được kiện toàn và củng cố đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp khôi phục kinh tế, văn hóa, ổn định đời sống và củng cố an ninh chính trị - xã hội.

Hòa bình lập lại (1954), tỉnh Hà Giang nói chung và huyện Đồng Văn nói riêng, tình trạng đói, rét hết sức trầm trọng. Năm 1955 - 1956, toàn huyện Đồng Văn có tới 1.108 hộ bị đói, trong đó trầm trọng nhất là các xã Cán Tỷ, Đường Thượng, Ngọc Long, Vần Chải... Thực hiện Chỉ thị cứu đói của Trung ương, được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã có nhiều biện pháp tích cực giúp nhân dân vùng khó khăn, đói kém ổn định đời sống, khôi phục sản xuất để cứu đói. Tháng 01/1955, Đảng bộ tỉnh thành lập Ban cứu tế xã hội và tổ chức đưa các đoàn cứu tế xuống điều tra, thi hành cứu đói ở những vùng có nạn đói trầm trọng của các huyện. Tỉnh quyết định dành một khoản kinh phí và lương thực để cứu đói, đồng thời phát động tinh thần tương thân, tương ái "lá lành đùm lá rách" để giúp nhau cùng vượt qua thời kỳ đói kém, khôi phục sản xuất. Từ năm 1955 - 1956, tỉnh đã huy động nhân dân đóng góp và xuất kho hàng nghìn tấn lương thực, hàng chục ngàn đồng để cứu đói cho nhân dân, trong đó có các xã đói trầm trọng của huyện Đồng Văn. Đói là bạn đồng hành của rét, đặc biệt là các xã vùng cao, vùng sâu. Năm 1955 - 1956, tỉnh cấp phát gần 20.000 m vải cho hai huyện Đồng Văn và Vị Xuyên; cung cấp chiếu, chăn cho vùng đặc biệt khó khăn của huyện Đồng Văn và nhiều nơi khác.

Trong quá trình cứu đói, đặc biệt là lĩnh vực huy động người dân cho nhau vay lương thực cứu đói, được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ và chính quyền huyện đã theo dõi sát sao, chỉ đạo cụ thể, ngăn ngừa hiện tượng nhà giàu cho vay nặng lãi.

Tuy nhiên, qua một thời gian thực hiện chính sách cứu đói, ở Hà Giang nói chung và Đồng Văn nói riêng, chúng ta còn mắc nhiều sai lầm như cán bộ làm công tác cứu đói chỉ biết huy động công quỹ của Nhà nước mà không biết vận động quần chúng giúp đỡ, hỗ trợ nhau cứu đói, không biết tổ chức nhân dân tự sản xuất để cứu đói; trong quá trình thực hiện cứu đói, thiếu lương thực nhưng cán bộ cứu đói lại không biết trưng vay của nhà giàu mà chỉ dựa vào sự cấp phát của Nhà nước; lương thực cứu đói chậm đến tay người đói, tình trạng tham ô, lãng phí còn nhiều, có nơi lương thực đến tay người đói chỉ còn một nửa.

Mặc dù còn nhiều hạn chế, song với chủ trương đúng đắn của Đảng bộ tỉnh, sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn cũng như truyền

thống đoàn kết "nhường cơm, sẻ áo" của đồng bào các dân tộc, từ cuối năm 1955 - 1956, đời sống nhân dân vùng bị đói đã bớt khó khăn hơn, tình đoàn kết các dân tộc được củng cố, uy tín của Đảng và chính quyền càng được nâng cao. Tuy vậy, biện pháp cứu đói đó mới chỉ là trước mắt, biện pháp lâu dài để xóa đói và từng bước nâng cao đời sống nhân dân là phải khôi phục kinh tế, tổ chức tăng gia sản xuất để tự cứu đói.

Huyện Đồng Văn là huyện thuần túy nông nghiệp, vì vậy, khôi phục kinh tế là khôi phục nền sản xuất nông nghiệp để giải quyết nhiệm vụ trước mắt là cứu đói. Thực hiện "Lời kêu gọi thi đua sản xuất, tiết kiệm mùa xuân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 3/1955, Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị với các huyện, các ngành kinh tế của tỉnh bàn kế hoạch thực hiện Chỉ thị 101 của Trung ương, Chỉ thị 144 của Thủ tướng Chính phủ, phát động phong trào tăng gia sản xuất, tiết kiệm để tự cứu đói; thực hiện 10 chính sách khuyến khích sản xuất; dùng thương nghiệp, tài chính và ngân hàng làm đòn bẩy thúc đẩy sản xuất phát triển; tích cực khai hoang, phục hóa và mở rộng diện tích; điều chỉnh ruộng đất hợp lý giữa các tầng lớp nhân dân.

Quán triệt chủ trương của Trung ương và Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ, chính quyền huyện Đồng Văn đã dấy lên các phong trào thi đua rầm rộ trong nhân dân toàn huyện như:

- Phong trào tích cực lao động sản xuất để phòng chống đói, phòng chống rét và dịch bệnh.

- Phong trào đoàn kết tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau về vốn, giống, trâu bò, nông cụ để đẩy mạnh phát triển sản xuất.

- Phong trào thành lập tổ đổi công ở vùng làm ruộng như Đồng Văn, Yên Minh, Mậu Duệ, Bạch Đích và Vần Chải.

Đảng bộ và chính quyền huyện trực tiếp lãnh đạo và kiểm tra các phong trào thi đua, chỉ đạo các xã đẩy mạnh tăng gia sản xuất, khai hoang, phục hóa, cải tiến nông cụ, phát triển chăn nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh cây trồng... Vì vậy, nền kinh tế của Đồng Văn đã có bước phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, nạn đói bị đẩy lùi dần. Năm 1955, huyện Đồng Văn đã khai hoang, phục hóa được 2.476 ha. Năm 1956 - 1957, huyện tiếp tục thực hiện cuộc vận động thi đua sản xuất, tiết kiệm, tập trung vào nhiệm vụ khai hoang, phục hóa và cải tiến kỹ thuật. Đảng bộ huyện căn cứ vào đặc điểm khí hậu, đất đai mà đề ra chủ trương phát triển các loại cây trồng thích hợp như: vùng rẻo cao, chủ yếu là vùng cư trú của đồng bào Mông thì phát triển mạnh cây ngô, các loại đậu, tam giác mạch. Riêng ngô phải bảo đảm diện tích đạt 619.519 ha. Vùng đồng bào Dao, giữ nguyên diện tích

trồng lúa nương, định canh, định cư ổn định cuộc sống. Vùng đồng bào Tày, Nùng, Giấy trồng lúa nước thì chủ trương và kế hoạch của huyện Đồng Văn là tăng vụ và mở rộng diện tích, mở rộng diện tích trồng màu ở tất cả các khu vực để tăng thêm thu nhập.

Đầu năm 1956, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn tổ chức 2 Hội nghị ở 2 khu vực Bắc và Nam Đồng Văn để sơ kết một năm thực hiện 3 phong trào trên. Hội nghị đã thảo luận và đi đến thống nhất giữa các xã và huyện về những nhận định, đánh giá kết quả đạt được và những khó khăn còn tồn tại để có hướng giải quyết, thúc đẩy phong trào tiếp tục phát triển. Sau Hội nghị sơ kết, Ban Chấp hành Đảng bộ và Ủy ban hành chính huyện đã chỉ đạo các ngành, các xã thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể đẩy mạnh phong trào tiếp tục phát triển cao hơn. Các nhiệm vụ đó là:

1- Thành lập các tổ công tác tiến hành điều tra và thống kê tình hình đói, rách, bệnh tật để báo cáo lên tỉnh đề nghị giúp đỡ giải quyết.

2- Đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh xin nhập khẩu 5 tấn mỳ giống từ Trung Quốc và giao cho một số xã trồng thí điểm để có kinh nghiệm nhân rộng ra xã phía Bắc Đồng Văn vào năm 1957.

3- Tiến hành sơ kết, củng cố các tổ đổi công ở xã Đồng Văn, thôn Nà Đồng (xã Yên Minh), thôn Nài Sài (xã Mậu Duệ) để có kinh nghiệm mở rộng ra các xã Bạch Đích, Niêm Sơn, Ngọc Long vào năm 1957.

Với những chủ trương và biện pháp tích cực trên của Đảng bộ, chính quyền huyện Đồng Văn, đời sống vật chất của các dân tộc đã được cải thiện, nạn đói rét dần được khắc phục. Năm 1956, bình quân lương thực đầu người đạt 106 kg thóc, 370 kg hoa màu; năm 1957, đạt 275 kg lương thực quy thóc. Chăn nuôi được chú trọng, năm 1956, toàn huyện có 2.956 con trâu, 3.671 con bò, các loại gia cầm, gia súc khác đều có bước phát triển hơn trước. Những thành tựu đó tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng nó đã củng cố và nâng cao thêm lòng tin của quần chúng nhân dân vào Đảng và Chính phủ. Đồng bào các dân tộc nhận thức được rằng chỉ có Đảng và Chính phủ lãnh đạo mới thực sự đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân các dân tộc. Từ đó, nhân dân các dân tộc Đồng Văn một lòng theo Đảng và Bác Hồ, quyết đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Song song với việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, khôi phục kinh tế, Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Văn được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh đã bước đầu tiến hành cuộc cải cách dân chủ trong toàn huyện nhằm từng bước xóa bỏ chế độ bóc lột của thổ ty, địa chủ. Căn cứ vào tình hình ruộng đất, địa hình, dân

tộc và mật độ dân cư thưa thớt, Hà Giang được chia thành 3 vùng rõ rệt là vùng thấp, vùng lưng chừng núi, vùng rẻo cao. Diện tích của huyện Đồng Văn nằm ở cả 3 vùng.

Các xã phía Nam Đồng Văn nằm trong khu vực vùng thấp. Địa hình vùng này thấp và bằng phẳng hơn, thuận lợi hơn trong sản xuất. Vì vậy, đời sống nhân dân vùng này khá hơn.

- Một số xã của huyện Đồng Văn nằm trong khu vực lưng chừng núi. Điều kiện canh tác vùng này gặp nhiều khó khăn hơn, đời sống nhân dân thường không ổn định.

- Đại bộ phận các xã Bắc Đồng Văn nằm trong vùng rẻo cao. Đây là vùng sinh sống của dân tộc Mông và một số dân tộc ít người khác. Đây là vùng núi đá, địa hình phức tạp, đất xấu, hiếm nước, khí hậu khắc nghiệt, không thuận tiện cho phát triển kinh tế. Đời sống nhân dân vùng này rất khó khăn, nạn đói triền miên xảy ra.

Trước năm 1955, tỉnh Hà Giang, chưa tiến hành cải cách ruộng đất, mà chỉ tiến hành một số chính sách cải cách dân chủ như giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất, thuế nông nghiệp... Xuất phát từ đặc điểm tình hình của Hà Giang là giai cấp địa chủ không điển hình như ở vùng xuôi, nên tỉnh chủ trương thi hành sắc lệnh giảm tô ở mức bình thường nhằm giải quyết nhiệm vụ trước mắt là "người cày có ruộng". Đối với huyện Đồng Văn, tình hình chính trị còn rất phức tạp, thế lực kinh tế chính trị của phong kiến thổ ty còn rất lớn, nên giai đoạn 1955 - 1957, Đảng bộ huyện mới bước đầu chuẩn bị về tư tưởng và đường lối, chính sách giảm tô, giảm tức để tiến hành thực hiện vào giai đoạn 1958 - 1960. Đảng bộ huyện thực hiện làm thí điểm giảm tô, giảm tức tại xã Yên Minh để rút kinh nghiệm cho giai đoạn đại trà tiếp theo.

Lúc này, do ảnh hưởng sai lầm của cuộc cải cách ruộng đất ở miền xuôi và cải cách ruộng đất ở Trung Quốc làm cho giai cấp bóc lột ở Hà Giang nói chung và huyện Đồng Văn nói riêng hoang mang, lo sợ bị mất quyền lợi, tìm cách tẩu tán tài sản, ruộng đất. Chúng câu kết với các phần tử phản động, bất mãn xuyên tạc và chống lại cuộc cải cách dân chủ của ta, đặc biệt là chính sách thuế nông nghiệp và các cuộc vận động xã hội khác.

Cùng với nhiệm vụ cải cách dân chủ, hạn chế dần sự bóc lột của giai cấp thổ ty phong kiến, Đảng bộ huyện Đồng Văn còn tích cực thực hiện Nghị quyết Trung ương về xây dựng tổ đổi công. Được sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn đã kết hợp cuộc vận động xây dựng tổ đổi công với cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Quán triệt đầy đủ trong quần chúng nhân dân 3 nguyên tắc về thành lập tổ đổi công[1]. Năm 1956, Đồng Văn có 22 xã thành

[1]. Ba nguyên tắc đó là: cùng có lợi, dân chủ và tự nguyện.

lập được 1.399 tổ đổi công với 10.388 hộ và 28.485 tổ viên[1]. Tổ đổi công ở Đồng Văn mới chỉ ở mức giản đơn như mượn công, đổi công từng vụ việc để hỗ trợ nhau về công lao động, sức kéo, giống, nông cụ... từng bước khắc phục nạn đói, nâng dần đời sống nhân dân.

Để kinh tế tiếp tục phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, các ngành kinh tế khác cũng được Đảng bộ huyện chú ý. Ngành thủ công nghiệp truyền thống bước đầu có chuyển biến tích cực, các lò đúc lưỡi cày, rèn cuốc, rèn dao, dệt vải tiếp tục được phát huy để cung cấp nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống. Tuy nhiên, thủ công nghiệp ở Đồng văn còn rất nhỏ bé, lạc hậu, thiếu nguyên vật liệu sản xuất, đặc biệt là sản phẩm thủ công nghiệp chưa trở thành hàng hóa mà chỉ là tự cung, tự cấp cho nên không thể phát triển lên quy mô lớn được. Hình thức sản xuất phân tán, chỉ là nghề phụ trong gia đình lúc nông nhàn. Trong khi đó, huyện thiếu quan tâm nên thiếu vốn để sản xuất, không có kế hoạch phát triển.

Giao thông - thương nghiệp tuy đã có nhiều cố gắng, song còn gặp nhiều khó khăn. Về giao thông, huyện chỉ đạo sửa sang lại cầu đường, quản lý tốt lực lượng ngựa thồ trên địa bàn toàn huyện (huyện có 245 con ngựa thồ). Nhìn chung, giao thông ở Đồng Văn phát triển chậm, chưa tiến kịp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gặp nhiều khó khăn trong công tác vận chuyển hàng hóa phục vụ nhân dân. Về thương nghiệp, trong giai đoạn 1955 - 1957, Đảng bộ huyện chủ trương khôi phục và mở rộng mạng lưới thương nghiệp, chủ yếu là buôn bán nhỏ và kinh doanh tổng hợp phục vụ các mặt hàng thiết yếu như nông cụ, muối, dầu, vải... Toàn huyện thành lập được 4 cửa hàng mậu dịch quốc doanh ở 4 khu vực là Đồng Văn, Yên Minh, Lũng Phìn và Phó Bảng. Riêng năm 1957, đã vận chuyển được gần 215 tấn muối và nhiều hàng hóa khác lên Đồng Văn, rồi phân phối đi các cửa hàng phục vụ nhân dân. Tuy Đảng bộ tỉnh và huyện đã có nhiều cố gắng nhưng do giao thông khó khăn, vận chuyển toàn bằng ngựa thồ, nên hàng hóa không đủ đáp ứng nhu cầu của nhân dân, từ đó làm cho giá cả đắt đỏ, đời sống nhân dân vẫn gặp không ít khó khăn[2].

Trong lĩnh vực thuế, do kinh tế bước đầu được khôi phục, đời sống nhân dân cao hơn trước, đặc biệt là lòng tin của nhân dân vào Đảng và Chính phủ được nâng cao, nên nhân dân hăng hái lao động sản xuất, tích cực đóng thuế cho Nhà nước. Tuy

---

[1]. Báo cáo công tác năm 1956 của Ban Chấp hành Nông hội tỉnh Hà Giang ngày 01/01/1957.

[2] Trích: Báo cáo tổng kết thương nghiệp năm 1956 của Ty Thương nghiệp tỉnh Hà Giang ngày 11/11/1957 thì tại thời điểm năm 1956.

- Tại thị xã Hà Giang: 1,27 kg gạo mua được 1 kg muối, hoặc 1 m vải, hoặc 1 lít dầu hỏa.
- Tại Yên Minh:

+ 3,2 kg gạo mới mua được 1 kg muối;
+ 7,4 kg gạo mua được 1 m vải;
+ 7,8 kg gạo mới mua được 1 lít dầu hỏa.

bọn phản động, thổ ty ra sức xuyên tạc và chống lại quyết liệt chính sách thuế nông nghiệp của ta ở Đồng Văn, nhưng công tác thuế vẫn đạt kết quả cao. Năm 1957, thuế nông nghiệp của Đồng Văn đạt 569.721 kg (quy ra bắp), thuế công - thương đạt 66.744.000 đồng (đạt 91% kế hoạch). Thu thuế đạt kết quả cao đã góp phần to lớn vào nhiệm vụ củng cố chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng lực lượng võ trang, bảo đảm trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hệ thống chính trị được kiện toàn và củng cố, kinh tế bước đầu được khôi phục và phát triển, đó là động lực quyết định tác động tới quá trình phát triển văn hóa - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng ở Đồng Văn.

Về công tác giáo dục, phong trào Bình dân học vụ được phát động từ năm 1946, nhưng do chiến tranh nên bị gián đoạn. Sau hòa bình lập lại (1954), ở Đồng Văn có tới 99% dân số mù chữ. Vì vậy, nhiệm vụ diệt "giặc dốt" của Đảng bộ huyện Đồng Văn là vô cùng nặng nề và cấp bách. Trong giai đoạn khôi phục kinh tế, củng cố chính quyền (1955 - 1957), Đảng bộ huyện xác định nhiệm vụ trọng tâm của công tác giáo dục là củng cố các Ban bình dân học vụ ở các xã; củng cố và xây dựng trường lớp; phát triển giáo viên dân lập. Đồng thời mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao nhận thức tư tưởng cho giáo viên. Kế hoạch năm 1957 của huyện Đồng Văn là phải huy động được khoảng 4.000 người đi học. Để thực hiện được kế hoạch đó, huyện đã tổ chức mở được 2 lớp huấn luyện cho 92 giáo viên học tập các chỉ thị thành lập Ban vận động "diệt dốt". Trong 6 tháng đầu năm 1957, huyện đã mở được 133 lớp bình dân học vụ. Về khối phổ thông, năm 1957, huyện Đồng Văn có 13 trường với 256 học sinh lớp 1, 89 học sinh lớp 2, 45 học sinh lớp 3 và 12 học sinh lớp 4. Điển hình có những trường có đông học sinh như trường Phó Bảng (60 học sinh), trường Mậu Duệ (50 học sinh...). Tuy nhiên, đây mới chỉ là thành tích bước đầu, khó khăn, thử thách còn rất nặng nề như giáo viên và cơ sở vật chất thiếu trầm trọng, tỷ lệ học sinh đi học còn rất thấp do đời sống kinh tế khó khăn.

Công tác y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường. Năm 1955, Phòng y tế huyện Đồng Văn được thành lập với nhiệm vụ quản lý hành chính, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, trực tiếp khám, điều trị các bệnh thông thường cho cán bộ, bộ đội và nhân dân. Ban đầu Phòng chỉ có 2 - 3 cán bộ, do 1 y tá làm Trưởng phòng[(1)]. Được sự giúp đỡ của tỉnh, huyện Đồng Văn đã củng cố và đẩy mạnh một bước công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trong 2 năm (1956 - 1957), tất cả các xã đều thành lập được Ban phòng bệnh với đủ các thành phần cán bộ các đoàn thể quần chúng ở xã tham gia do đồng chí Phó Chủ tịch xã, phụ trách văn hóa xã hội làm Trưởng ban,

(1). Theo *Truyền thống ngành y tế tỉnh Hà Giang (1945 - 2013)*, xuất bản năm 2013, tr. 28.

cán bộ y tế làm phó ban thường trực. Đồng thời xây dựng Quy chế làm việc cho Ban phòng bệnh xã. Chức năng nhiệm vụ chủ yếu của Ban phòng bệnh là tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch và chủng đậu cho nhân dân. Chủ trương của tỉnh trong giai đoạn này sẽ xây dựng một trạm xá tại huyện Đồng Văn. Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn đã tích cực xây dựng và củng cố các cơ sở y tế xã, tăng cường đào tạo cán bộ y tế cơ sở, xây dựng và kiện toàn các tủ thuốc thôn bản; vận động nhân dân ăn uống vệ sinh, xây dựng nếp sống mới, chống mê tín dị đoan, làm chuồng trại xa nhà...; thường xuyên phát động phong trào "phòng bệnh hơn chữa bệnh", kịp thời dập tắt các dịch bệnh như ho gà, sởi, đau mắt hột...

Đồng Văn là một huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang, kinh tế lạc hậu, dân trí thấp, nên lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân còn hết sức hạn chế, tình trạng mê tín dị đoan còn rất nặng nề, đòi hỏi phải có sự giúp đỡ, đầu tư của Trung ương, của tỉnh và sự lãnh đạo sát sao, cụ thể của Đảng bộ huyện mới có thể cải thiện được nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe của nhân dân huyện Đồng Văn.

Về lĩnh vực văn hóa - văn nghệ: Nhà văn hóa huyện được xây dựng tại Phó Bảng năm 1956, nhưng thiếu cán bộ quản lý và tổ chức hoạt động nên không phát huy được tác dụng. Đội ngũ cán bộ văn hóa từ huyện đến xã thiếu và yếu nên các hoạt động văn hóa - văn nghệ không phát triển, thậm chí có nơi hầu như không hoạt động. Đồng Văn là một huyện nhiều dân tộc, nhưng tiềm năng văn hóa các dân tộc không được phát huy. Trong khi đó, các tàn dư của văn hóa phong kiến, lạc hậu vẫn ăn sâu trong tư tưởng của nhân dân. Hiện tượng cúng bái, mê tín dị đoan, đám cưới tốn kém, đám ma dài ngày còn rất phổ biến. Do giao thông khó khăn, tình hình chính trị của Đồng Văn chưa ổn định, nên sự quan tâm của ngành văn hóa tỉnh đối với Đồng Văn còn nhiều hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhân dân.

Về tình hình an ninh chính trị. Sau hòa bình lập lại, mặc dù Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện rất quan tâm tới Đồng Văn. Song, huyện Đồng Văn thực tế vẫn là vùng đất của thổ ty. Thực hiện chủ trương của Đảng bộ tỉnh là: "qua trên nắm dưới", nên đại bộ phận chính quyền mới ở các xã đều do tầng lớp trên nắm. Xuất phát từ tình hình đó, bọn thổ ty, địa chủ phản động và đặc vụ có điều kiện để ngấm ngầm hoạt động chống lại cách mạng.

Tháng 02/1955, Vương Chí Sình tổ chức cuộc họp ở xã Phú Lũng với bọn tay chân như Lý Mèo (phỉ và tổng giáp cũ), Giàng Sì Pao, Ly Vạn Sán... tìm cách chống lại chính sách giảm tô, chống lại cuộc vận động thành lập Khu tự trị. Chúng tuyên truyền rằng: "chỉ có Thổ, Mán ở trong Khu tự trị, còn Mèo thì không có trong Khu tự trị". Tại các xã Bạch Đích, Na Khê, Yên Minh bọn địa chủ lập ra các đội trộm

cướp lưu động do bọn đặc vụ và phỉ cũ cầm đầu. Từ những vụ cướp nhỏ đến những vụ cướp lớn, giết người, ám sát cán bộ, gây xích mích dân tộc. Chúng cho người trà trộn vào các cuộc họp, trang bị vũ khí cho bọn tay chân, điều chỉnh đội ngũ dân quân, gạt bỏ thành phần tích cực để cài cắm người của chúng vào thay thế. Chúng ra sức tuyên truyền nói xấu cán bộ, ca ngợi Mỹ - Diệm: "Diệm đã được Mỹ giúp đỡ, tuyên bố Bắc tiến, nay mai lại đánh nhau, hòa bình chẳng được bao lâu..." nhằm gây hoang mang, làm mất lòng tin của quần chúng. Bước sang năm 1957, khi xảy ra cuộc bạo loạn ở Nậm Trinh (Trung Quốc) tháng 02/1957, bọn phản động ở Đồng Văn định nhân cơ hội này nổi dậy cướp chính quyền nhưng đã bị ta phát hiện và dập tắt.

Tháng 4/1957, trên địa bàn huyện xảy ra vụ âm mưu gây bạo động tại khu vực Lũng Cú. Một số tên đặc vụ Tưởng Giới Thạch bị công an và Quân giải phóng Trung Quốc truy quét đã chạy sang Lũng Cú. Tại đây, chúng liên lạc với bọn đặc vụ cũ và phỉ, đánh chiếm trại Lô Lô Chải, bắn giết cán bộ, lấy Lũng Cú làm nơi xây dựng căn cứ hoạt động của chúng. Để nhanh chóng ổn định tình hình, Huyện ủy Đồng Văn đã điều một số đơn vị bộ đội và trinh sát đến Lũng Cú trấn áp các đối tượng phản động, quản chế một số tên cầm đầu như Tăng Nhục Sồ, Cắm Nhục Coóng, Cắm Sùng Lao Vàng… Đồng thời giải thích rõ cho nhân dân, động viên nhân dân yên tâm lao động sản xuất, từ đó tình hình an ninh trên địa bàn xã Lũng Cú đã trở lại ổn định.

Xuất phát từ tình hình hoạt động của phỉ và đặc vụ ở Đồng Văn nói riêng và toàn tỉnh nói chung, từ đầu năm 1955, Tỉnh ủy quyết định mở đợt tiễu phỉ kết hợp với cải thiện dân sinh, vận động quần chúng chống âm mưu gây phỉ, vận động các gia đình có người thân theo phỉ mang vũ khí ra hàng. Phương châm công tác tiễu phỉ của Tỉnh ủy là sử dụng biện pháp chính trị là chính, biện pháp quân sự là phụ. Quán triệt phương châm này, các đội làm công tác tiễu phỉ kết hợp với củng cố cơ sở xã và thôn bản, thực hiện chế độ "ba cùng" với nhân dân, tuyên truyền, giáo dục và giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, vận động những người lầm đường làm phỉ quay trở về làm ăn lương thiện. Mặt khác, phát động quần chúng tố giác bọn đầu sỏ, ác ôn có nhiều tội với dân, cùng bộ đội, dân quân trừng trị thích đáng.

Sau một thời gian thực hiện công tác tiễu phỉ, tình hình an ninh - xã hội trên địa bàn huyện Đồng Văn đã bớt nóng bỏng, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, tích cực tham gia sản xuất, cải thiện đời sống, góp phần đưa sự nghiệp khôi phục kinh tế - xã hội của Đồng Văn đến thắng lợi, an ninh xã hội được giữ vững.

Sau 3 năm khôi phục kinh tế, củng cố hệ thống chính trị và an ninh xã hội (1955

- 1957), bộ mặt của Đồng Văn đã có bước khởi sắc. Tuy nhiên, khó khăn của Đồng Văn còn chồng chất, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện còn rất nặng nề mới có thể đưa Đồng Văn vượt qua khó khăn, thử thách để tiến kịp các huyện vùng thấp của tỉnh.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 3 NĂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - VĂN HÓA - XÃ HỘI (1958 - 1960)

Kết thúc kế hoạch 3 năm khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa - xã hội (1955 - 1957), tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội của miền Bắc đã có bước chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao một bước. Song, nền kinh tế của miền Bắc vẫn là nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ, năng suất thấp, kinh tế công nghiệp nhỏ bé, lạc hậu, mang nặng tính tự cung, tự cấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, đói kém chưa khắc phục được; dân trí thấp; tình hình chính trị - xã hội còn phức tạp.

Để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, từ ngày 16 đến ngày 24/4/1958, kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa I thông qua Nghị quyết: xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân để làm cơ sở cho cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, thống nhất đất nước. Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Quốc hội, giữa tháng 11/1958, Hội nghị mở rộng Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (khóa II) đề ra kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, phát triển văn hóa (1958 - 1960). Hội nghị xác định: "Nhiệm vụ cơ bản của miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh. Đồng thời phải ra sức phát triển kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân".

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa I, tháng 7/1958, Hội đồng nhân dân tỉnh họp Hội nghị bàn nội dung thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Đầu tháng 9/1958, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp bàn chủ trương, biện pháp và mục tiêu bổ sung cho kế hoạch năm 1958. Hội nghị quyết định xây dựng một số hợp tác xã thí điểm để rút kinh nghiệm cho xây dựng đại trà hợp tác xã trong toàn tỉnh. Đối với huyện Đồng Văn, Hội nghị chọn xã Yên Minh để thí điểm xây dựng hợp tác xã. Các xã còn lại, Hội nghị chủ trương tiếp tục củng cố và mở rộng các tổ đổi công dưới các hình thức như đổi công theo vụ, đổi công thường

xuyên và đổi công bình công chấm điểm. Nhiệm vụ trước mắt của kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) là tiến hành tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng hiểu rõ đây là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh tư tưởng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Đối với miền Bắc nói chung, tỉnh Hà Giang và huyện Đồng Văn nói riêng, khâu chính trong toàn bộ cải tạo xã hội chủ nghĩa là cải tạo quan hệ sản xuất nông nghiệp để giải quyết vấn đề lương thực, thúc đẩy công thương nghiệp phát triển. Quán triệt quan điểm của Đảng trong cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp là "tổ đổi công có mầm mống xã hội chủ nghĩa. Hợp tác xã bậc thấp nửa xã hội chủ nghĩa và hợp tác xã bậc cao hoàn toàn xã hội chủ nghĩa"[(1)].

Phong trào xây dựng tổ đổi công ở Đồng Văn đã có từ giai đoạn 1955 - 1957, nhưng mới ở mức đổi công theo từng vụ việc, chưa có đổi công thường xuyên. Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đồng Văn xác định nhiệm vụ trọng tâm trong cải tạo sản xuất nông nghiệp của huyện là xây dựng và củng cố các tổ đổi công. Tháng 11/1959, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn ra Nghị quyết về công tác củng cố các tổ đổi công và xây dựng hợp tác xã, tiến hành xây dựng hợp tác xã thí điểm và cải cách dân chủ ở xã Yên Minh.

Về xây dựng tổ đổi công, Đảng bộ huyện tiến hành theo trình tự 3 bước với 3 hình thức từ thấp đến cao, đó là đổi công theo vụ việc, đổi công thường xuyên và đổi công bình công chấm điểm để làm cơ sở cho việc thành lập hợp tác xã sau này. Huyện tập trung lực lượng cán bộ xuống các xã củng cố các tổ đổi công kết hợp với phát triển sản xuất, tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân về phương châm xây dựng tổ đổi công là củng cố tổ đổi công để phát triển sản xuất. Từ phong trào xây dựng tổ đổi công, phong trào tương trợ, giúp đỡ nhau, đặc biệt là các gia đình khó khăn, neo đơn ngày càng phát triển. Đến cuối năm 1958, tình hình sản xuất nông nghiệp ở Đồng Văn đã có bước chuyển biến mới, điển hình là xã Ngam La, diện tích ruộng được mở rộng đạt 4.514 kg giống, nương rẫy đạt 4.919 kg giống, bình quân lương thực đầu người đạt 335 kg/năm, trong đó lương thực chính đạt 107 kg. Như vậy, mô hình tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp đã có tác dụng thúc đẩy kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện. Thực chất đổi công theo vụ việc ở Đồng Văn là sự tương trợ, giúp đỡ nhau để phát triển sản xuất, giảm bớt nạn đói của nhân dân.

Về công tác xây dựng hợp tác xã, ngoài xây dựng hợp tác xã nông nghiệp thí điểm vùng người Tày ở Yên Minh, năm 1959, xây dựng thêm Hợp tác xã Lang Lệnh thuộc xã Mậu Duệ để rút kinh nghiệm cho phong trào xây dựng hợp tác xã ở vùng

---

[(1)]. Trường Chinh, *Kiên quyết đưa nông thôn miền Bắc qua con đường hợp tác hoá nông nghiệp lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb.Sự thật, Hà Nội.

dân tộc Mông và dân tộc Dao.

Nhiệm vụ xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã là những bước đi ban đầu của sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Vì vậy, phải thực hiện đúng đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn. Cần đưa những người thuộc tầng lớp bần nông và trung nông lớp dưới lên làm tổ trưởng và tổ phó tổ đổi công, chủ nhiệm và phó chủ nhiệm hợp tác xã. Những tổ đổi công và hợp tác xã nào do trung nông lớp trên lãnh đạo thì huyện phải có kế hoạch thận trọng để thay thế dần hoặc có thể sử dụng được thì phải tăng cường giám sát và giáo dục tư tưởng chính trị cho họ, tránh gây không khí căng thẳng và mất đoàn kết.

Nội dung cuộc vận động xây dựng tổ đổi công và thí điểm xây dựng hợp tác xã bao trùm cả nhiệm vụ cải cách dân chủ để hạn chế và tiến tới xóa bỏ quyền lực kinh tế - chính trị của giai cấp địa chủ, thổ ty. Năm 1958, toàn huyện Đồng Văn có 14 xã có địa chủ, thổ ty, trong đó, xã Yên Minh có 9 hộ địa chủ, sở hữu 2.978 ha ruộng đất. Phương châm cải cách dân chủ của Đảng bộ tỉnh là "còn nhiều làm nhiều, còn ít làm ít, không còn không làm"[(1)].

Thực hiện phương châm cải cách dân chủ của Tỉnh ủy, huyện Đồng Văn có các xã nằm ở khu Nam như Mậu Duệ, Ngọc Long, Du Già, Ngam La và Na Khê không tiến hành các nội dung cải cách dân chủ. Vì vậy, các xã này chỉ tổ chức tuyên truyền, giáo dục chính trị, học tập Chỉ thị 156 của Trung ương, sau đó đi thẳng vào củng cố, phát triển tổ đổi công hoặc xây dựng hợp tác xã. Còn 2 xã chưa hoàn thành nội dung cải cách dân chủ là Yên Minh và Bạch Đích. Hai xã này chưa qua đợt phát động quần chúng giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất, mà chỉ qua các cuộc vận động giảm tô, giảm tức ở mức bình thường, qua việc thi hành các chính sách lớn có tính chất cải cách dân chủ. Tại hai xã này, chế độ bóc lột của địa chủ chưa được giải quyết triệt để, cho nên vẫn tiếp tục tiến hành cải cách dân chủ ở những thôn bản chưa hoàn thành cải cách dân chủ. Nội dung và yêu cầu hoàn thành cải cách dân chủ ở những xã này là:

- Tổ chức cho đảng viên và toàn thể quần chúng học tập Chỉ thị 156 về cải cách dân chủ ở nông thôn của Trung ương.

- Tiến hành quy thành phần giai cấp theo điều lệ quy định của Trung ương, sau đó tổ chức họp quần chúng để quy thành phần giai cấp. Người nào trước đây đã bị quy là địa chủ, phú nông nhưng nay đã đủ tiêu chuẩn thay đổi thành phần thì tuyên bố thay đổi thành phần cho họ. Còn những địa chủ có tội với cách mạng, nay đã cải tạo tốt nhưng quần chúng thấy chưa thỏa đáng thì phải kiểm thảo lại theo nội dung

[(1)]. Nghị quyết của Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng về những công tác lớn trước mắt ở nông thôn từ nay đến đầu năm 1960, ngày 29/10/1959.

chỉ thị của Trung ương quy định. Địa chủ có biểu hiện chống đối cải tạo thì phải đưa ra kiểm thảo trước quần chúng.

- Giải quyết vấn đề còn lại về ruộng đất của địa chủ. Ruộng đất của địa chủ đã được giải quyết, nhưng nay vẫn còn bao chiếm rừng, đồi, khe suối, bắt nông dân biếu xén, làm không công dưới mọi hình thức thì Ủy ban hành chính xã buộc địa chủ đó phải chấm dứt.

Sau khi hoàn thành cải cách dân chủ về kinh tế (ruộng đất), giáo dục tư tưởng chính trị, tuyến bố quyền sở hữu ruộng đất của nông dân thì chuyển sang xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã. Phương hướng của Đảng bộ tỉnh là đến đầu xuân năm 1960, huyện Đồng Văn phải đưa 40% số tổ đổi công lên bình công chấm điểm, xây dựng thêm 30 hợp tác xã tại 5 xã mới và 1 xã cũ.

Thực chất cuộc vận động củng cố tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã và cải cách dân chủ ở Đồng Văn là cuộc đấu tranh giai cấp gay go, quyết liệt, vì qua các cuộc vận động lớn đó, quyền lợi kinh tế - chính trị của tầng lớp trên bị động chạm, nên chúng tìm mọi cách chống lại. Chúng câu kết với các phần tử phản động, bọn đặc vụ Tưởng Giới Thạch ra sức chống phá các chủ trương, chính sách của Đảng ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, sự tin tưởng của các dân tộc Đồng Văn vào Đảng và Chính phủ, các cuộc vận động lớn của ta ở Đồng Văn vẫn tiếp tục được giữ vững và phát triển.

Đồng thời với nhiệm vụ xây dựng tổ đổi công, xây dựng hợp tác xã và cải cách dân chủ, Đảng bộ huyện Đồng Văn tập trung mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế để nâng cao đời sống nhân dân. Đặc điểm của huyện Đồng Văn là diện tích tự nhiên rộng nhưng diện tích đất canh tác lại ít, núi đá chiếm đại bộ phận diện tích trồng trọt. Thực hiện chủ trương khôi phục và phát triển kinh tế, mở rộng diện tích, năm 1957 - 1958, Đảng bộ huyện chỉ đạo xã Sà Phìn và Sủng Là (xã đông dân nhưng ít đất) đưa dân xuống khai hoang vùng Yên Minh. Tích cực phát triển thủy lợi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác, do đó kinh tế tiếp tục phát triển. Năm 1959, bình quân lương thực đầu người đạt 337 kg/năm. Đến năm 1960, diện tích trồng trọt là 18.004,5 ha, tổng sản lượng lương thực đạt trên 15 ngàn tấn. Ngoài ra, Đảng bộ huyện còn vận động, khuyến khích nhân dân phát triển hoa màu như tam giác mạch, dong giềng, các loại đậu và các loại cây phù hợp với khí hậu ôn đới như đào, mận, lê, su hào, bắp cải, đỗ trọng... để cải thiện đời sống. Riêng đối với cây thuốc phiện là cây trồng truyền thống của các dân tộc ở Đồng Văn, nhưng vì có tác hại lớn đến sức khỏe, văn hóa và an ninh xã hội nên Nhà nước không khuyến khích nhân dân trồng thuốc phiện. Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn cương quyết thực hiện

đúng theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành tháng 4/1958 là không mở rộng diện tích trồng cây thuốc phiện, nơi nào còn trồng thì phải đăng ký diện tích với chính quyền huyện.

Kinh tế nông nghiệp phát triển thì thu thuế nông nghiệp ngày càng tăng. Đảng bộ huyện quán triệt cho ngành thuế phải làm tốt công tác 3 thu là thu thuế nông nghiệp, thu nợ thuế và thu mua lương thực. Riêng vụ đông - xuân năm 1959, tỉnh giao chỉ tiêu 3 thu cho huyện Đồng Văn là 600 tấn lương thực. Năm 1960, công tác 3 thu (thóc và ngô) của huyện đạt trên 1.300 tấn[(1)].

Về chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi trâu, bò đóng vai trò quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, "con trâu là đầu cơ nghiệp" của người nông dân, là tài sản quý giá không thể thiếu được trong sản xuất nông nghiệp, nó cung cấp sức kéo và phân bón cho sản xuất nông nghiệp. Đảng bộ, chính quyền huyện Đồng Văn luôn quan tâm tới phát triển chăn nuôi, tuyên truyền cho nhân dân chăm sóc sức khỏe cho trâu, bò. Về mùa đông phải che kín chuồng trại, dự trữ thức ăn để trâu bò không bị chết rét, chết đói. Nhiều xã có phong trào chăn nuôi trâu bò cày kéo khá phát triển. Điển hình là xã Lũng Phìn và Đồng Văn, bình quân 5 người có 1 con trâu hoặc bò; xã Ngam La, bình quân 6 người có 1 con trâu hoặc bò. Ngoài ra, huyện còn vận động, khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi ngựa, lợn, gà, dê... để phục vụ sản xuất, cải thiện đời sống.

Về phát triển lâm nghiệp, Đồng Văn là một huyện vùng cao núi đá, rừng bị tàn phá nhiều dẫn tới tình trạng mùa mưa thì bị lũ quét, sạt lở, mùa khô thì bị hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt rất trầm trọng. Chủ trương của Đảng bộ huyện là phải khoanh nuôi, bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn. Tuyên truyền và giáo dục quần chúng ý thức bảo vệ rừng, không đốt phá rừng làm nương rẫy, vận động định canh, định cư để ổn định đời sống. Tuy nhiên, công tác khoanh nuôi và bảo vệ rừng còn gặp nhiều khó khăn, ý thức bảo vệ rừng của nhân dân còn hạn chế, chưa có cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích nhân dân trồng và bảo vệ rừng. Vì vậy, diện tích rừng mỗi ngày một giảm đi để trơ lại những vùng núi đá rộng lớn không có cây gì có thể mọc và phát triển được.

Về thủ công nghiệp, trong giai đoạn 1958 - 1960 chưa có gì chuyển biến đáng kể, các ngành tiểu thủ công nghiệp truyền thống như rèn cuốc, dao, đúc lưỡi cày, dệt vải... được duy trì tại các gia đình nhưng cũng chỉ là ngành phụ để tăng thêm thu nhập cho người nông dân. Đảng bộ và Ủy ban hành chính thiếu quan tâm, chưa có biện pháp và kế hoạch cụ thể để đưa ngành thủ công nghiệp góp phần vào thúc đẩy

(1). Số liệu của liên cơ quan Cục Thống kê và Lương thực tỉnh Hà Giang về thực hiện công tác 3 thu của các huyện từ 1960 - 1965.

kinh tế phát triển. Các sản phẩm thủ công nghiệp, nhất là nông cụ chủ yếu vận chuyển từ Hà Giang lên hoặc nhập từ Trung Quốc về. Năm 1959, tỉnh đã có kế hoạch giúp Đồng Văn xây dựng lò luyện gang tại Phó Bảng để đúc lưỡi cày. Song ngành thủ công nghiệp Đồng Văn còn hết sức yếu ớt, kỹ thuật lạc hậu, chưa đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế ở địa phương.

Trong lĩnh vực giao thông thương nghiệp, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy là đảm bảo giao thông thông suốt, đảm bảo lưu thông hàng hóa, Đảng bộ huyện Đồng Văn chỉ đạo ngành giao thông kết hợp với nhân dân sửa sang tuyến đường ngựa thồ Hà Giang - Đồng Văn, một số tuyến đường đến các xã trọng điểm để đưa hàng hóa đến phục vụ nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại và giao lưu hàng hóa. Tháng 9/1959, tỉnh quyết định khởi công tuyến đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn (mang tên đường Hạnh phúc). Khi hoàn thành tuyến đường này sẽ góp phần to lớn vào phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng trên cả một vùng cao nguyên rộng lớn phía Bắc của tỉnh.

Lĩnh vực thương nghiệp được Đảng bộ tỉnh và huyện hết sức quan tâm. Nói đến thương nghiệp, trước hết phải nói đến tiền tệ và giá cả, hai yếu tố quyết định của lưu thông phân phối và mở rộng thị trường. Trong năm 1958, Đồng Văn là huyện được tỉnh đầu tư khối lượng tiền mặt lớn nhất vào thị trường, chiếm tới 2/5 số lượng tiền mặt đầu tư cho thị trường toàn tỉnh. Mục tiêu của Tỉnh ủy đối với Đồng Văn nói riêng và toàn tỉnh nói chung là vừa bảo đảm thu được tiền về, giữ được giá tiền, quản lý tốt thị trường giá cả[(1)]. Đồng thời với công tác quản lý và lưu thông tiền tệ, bình ổn giá cả thị trường, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn còn tăng cường mở rộng quỹ tiết kiệm từ huyện đến nông thôn để thu hút số tiền mặt nhàn rỗi trong nhân dân đầu tư vào phát triển sản xuất. Năm 1958, quỹ tiết kiệm của Đồng Văn đạt 15 triệu đồng.

Nhằm phục vụ tốt hơn đời sống của nhân dân, thúc đẩy sản xuất phát triển, năm 1959, huyện Đồng Văn mở thêm cửa hàng mậu dịch quốc doanh tại các xã Mậu Duệ, Đường Thượng, Lũng Phìn. Hàng hóa phục vụ nhân dân tương đối đầy đủ, đời sống nhân dân dần dần được cải thiện, lòng tin của nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vào Đảng và Chính phủ ngày càng cao.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - chính trị ở địa phương, một yêu cầu cấp bách là phải xây dựng, củng cố tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền và hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Trong công tác xây dựng Đảng, Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định mọi thắng

---

[(1)]. Báo cáo công tác năm 1958 của Tỉnh ủy đọc trước Hội nghị đại biểu toàn Đảng bộ ngày 20/02/1959.

lợi của cách mạng. Vì vậy, Đảng bộ huyện Đồng Văn xác định công tác xây dựng Đảng phải được quan tâm đặc biệt, có vị trí hết sức quan trọng trong đời sống chính trị của toàn huyện. Trong giai đoạn cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, sự lớn mạnh của Đảng, nhất là các cơ sở Đảng góp phần to lớn vào phát triển kinh tế, văn hóa và giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn toàn huyện. Đồng Văn là huyện vùng cao, biên giới, kinh tế khó khăn, dân trí thấp, công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế. Năm 1958, còn có tới 2/3 số xã chưa có cơ sở Đảng. Chuẩn bị cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp vào năm 1959, Đảng bộ huyện đã rất chú trọng tới công tác xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ. Năm 1958, Đảng bộ huyện đã mở được 2 lớp huấn luyện chính trị cho 46 đảng viên nông thôn (đạt 66%). Đến năm 1959, mở được một lớp bổ túc văn hóa cho 52 cán bộ, đảng viên toàn huyện.

Đảng bộ huyện tăng cường tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng để nâng cao trình độ lý luận, nhận thức và giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho đội ngũ đảng viên; bố trí đảng viên nắm các cương vị chủ chốt ở huyện và xã; tích cực củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của cơ sở Đảng, nhất là vùng nông thôn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Điển hình như Chi bộ xã Yên Minh, Mậu Duệ... trước năm 1958, hầu như không hoạt động, nay đã hoạt động trở lại, hàng tháng có sinh hoạt chi bộ và đóng Đảng phí đều đặn. Chi bộ xã Yên Minh đã lãnh đạo nhân dân sản xuất vượt kế hoạch. Một số đảng viên tích cực của Chi bộ xã Bạch Đích đã được đề nghị cấp trên khen thưởng vì có nhiều thành tích trong lãnh đạo lao động sản xuất và công tác xã hội.

Tuy nhiên, do đặc thù của huyện Đồng Văn, nên công tác xây dựng và phát triển Đảng còn hết sức khó khăn, số xã trắng cơ sở Đảng còn lớn; phát triển đảng viên mới còn thấp so với các huyện khác; trình độ và năng lực của đảng viên còn yếu, chưa đáp ứng được với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Vì vậy, nhiệm vụ xây dựng Đảng của Đảng bộ huyện Đồng Văn còn gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp.

Ngày 07/01/1959, Chính phủ ban hành Nghị định số 03-TTg "Về việc ấn định ngày bầu cử Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố". Theo đó, Hội đồng nhân dân ở khu vực tự trị và miền núi: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hải Ninh, Hòa Bình sẽ tổ chức bầu cử vào ngày 01/05/1959[(1)]. Ngày 23/3/1959, Chủ tịch nước ký Sắc lệnh bãi bỏ cấp hành chính

[(1)]. Ngày 02/3/1959, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 119-TTg về việc ấn định lại ngày bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, tỉnh Hà Giang sẽ tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân vào ngày 10/5/1959.

khu Lao - Hà - Yên, sáp nhập tỉnh Hà Giang vào Khu tự trị Việt Bắc. Ngày 03/4/1959, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TU, trong đó quyết định một số vấn đề cần giải quyết trong thời gian trước mắt, triển khai cuộc cải cách dân chủ ở Đồng Văn, đồng thời định hướng nhân sự và thời gian cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân trên địa bàn tỉnh được tiến hành sớm hơn dự kiến vào ngày 20/4/1959. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Đồng Văn đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc trong toàn huyện hiểu được ý nghĩa, mục đích của việc tham gia bầu cử, đồng thời chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc xây dựng quê hương, đất nước.

Ngày 20/4/1959, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn huyện Đồng Văn được tổ chức thắng lợi, thu hút đông đảo cử tri tham gia bỏ phiếu. Toàn huyện đã bầu được 187 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã với cơ cấu các đại biểu có đầy đủ các thành phần dân tộc. Tại kỳ họp lần thứ nhất, Hội đồng nhân dân huyện đã bầu Ủy ban hành chính huyện gồm 13 ủy viên: Vừ Mí Kẻ[(1)], Hoàng Lùng, Lệnh Tính, Việt Tiến, Mí Thè, Vàng Mí Sính, Liên Quân, Thào Mí Li, Ngô Chí Lình (Ngô Chí Lùng), Sìn Thị Tỵ, Nguyễn Thế Hưng, Lệnh Hậu Vinh, Ma Chí Lâm (Mã Chính Lâm). Đồng chí Vừ Mí Kẻ được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện, các đồng chí Hoàng Lùng, Lệnh Tính làm Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện[(2)].

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bộ máy chính quyền từ huyện đến xã đã được kiện toàn và củng cố một bước. Toàn huyện bầu được 187 đại biểu vào Hội đồng nhân dân huyện và xã. Cơ cấu đại biểu có đầy đủ thành phần các dân tộc. Điều đó thể hiện chính sách bình đẳng, chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng ta. Đặc biệt quan trọng hơn cả là sau cuộc bầu cử, tầng lớp trên hầu hết đã bị gạt ra khỏi bộ máy chính quyền mới, đưa những người thuộc giai cấp cơ bản, đảng viên vào tham gia chính quyền. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đảng bộ huyện lãnh đạo đẩy mạnh xây dựng và kiện toàn tổ chức Mặt trận và đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... Qua đó phát động các phong trào thi đua rộng rãi trong quần chúng trên các lĩnh vực như lao động sản xuất, thu nhặt phân xanh, làm thủy lợi, học tập xóa mù chữ, giữ vững an ninh chính trị xã hội... góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trên phạm vi toàn huyện.

---

(1). Đồng chí Vừ Mí Kẻ sinh năm 1930 tại Sà Phìn (Đồng Văn) là Đại biểu Quốc hội các khóa II, III, IV, V, VI, VII.
(2). Theo *Văn kiện Đảng bộ tỉnh Hà Giang toàn tập, tập I, 1945 - 1960*, xuất bản năm 2018, tr. 926 - 927.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội giai đoạn 1958 - 1960, tuy còn nhiều khó khăn, song đã có bước chuyển biến.

Về giáo dục của huyện Đồng Văn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên người địa phương; cơ sở vật chất nghèo nàn, thiếu thốn; tỷ lệ người mù chữ còn rất cao. Năm 1959, huyện Đồng Văn còn tới 12 xã chưa có cơ sở lớp vỡ lòng. Năm 1960, còn tới 16 xã chưa có trường học. Trong 2 kế hoạch 3 năm (1955 - 1957 và 1958 - 1960), tỉnh đã đầu tư nhiều cho phát triển giáo dục của huyện Đồng Văn, Đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng để phát triển sự nghiệp giáo dục. Phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì. Năm 1958, xóa mù chữ hơn 1.700 người, đạt 100% số học viên được huy động đến học. Bước sang năm 1959, tỉnh giúp Đồng Văn mở được 3 lớp (từ 8 đến 16 tuổi) với 774 học sinh. Để có nguồn cán bộ, huyện đã mở trường Văn hóa ở trung tâm huyện và tuyển mỗi xã 3 người đến học. Tiếp tục mở trường quốc lập từ lớp vỡ lòng trở lên ở nhiều xã nhằm từng bước xóa xã trắng về giáo dục, đáp ứng nhu cầu cán bộ cho huyện và xã.

Về công tác y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân được Đảng bộ huyện quan tâm. Năm 1958, sau khi bệnh xá Đồng Văn được hoàn thành, công tác khám chữa bệnh cho nhân dân có sự chuyển biến rõ nét. Năm 1959, huyện Đồng Văn thành lập được một đội y tế lưu động làm nhiệm vụ khám bệnh, phát thuốc, phun thuốc diệt muỗi, vận động nhân dân thực hiện phong trào "3 sạch" với khẩu hiệu "phòng bệnh hơn chữa bệnh"... Với những cố gắng đó, các dịch bệnh đã được ngăn chặn kịp thời. Tuy nhiên, công tác y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân ở Đồng Văn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu cán bộ y tế, thiếu thuốc men, cơ sở vật chất phục vụ cho khám chữa bệnh nghèo nàn và không đầy đủ. Vì vậy, nhiệm vụ khám chữa bệnh cho nhân dân còn hết sức hạn chế.

Công tác văn hóa văn nghệ bước đầu hoạt động đi vào nền nếp, được Đảng bộ và chính quyền huyện chú ý phát triển. Truyền thống văn hóa các dân tộc được duy trì, có sự hướng dẫn của các cấp ủy Đảng và chính quyền. Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, chống mê tín dị đoan, chống rượu chè, cờ bạc, nghiện hút... được quần chúng hưởng ứng. Tuy nhiên, do Đồng Văn là huyện trồng nhiều thuốc phiện nhất tỉnh nên tình trạng buôn bán thuốc phiện, nghiện hút còn khá phổ biến, kéo theo các tệ nạn xã hội khác như trộm cắp, cờ bạc, giết người... phát triển theo. Đồng thời, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu, nhất là ma chay, cưới xin còn rất nặng nề, đòi hỏi phải có một cuộc cách mạng thực sự trong lĩnh vực văn hóa - xã hội mới có thể khắc phục được.

Về công tác quốc phòng - an ninh, ngày 19/11/1958, Bộ Chính trị ban hành

Nghị quyết số 58-NQ/TW "Về việc xây dựng lực lượng cảnh vệ nội địa biên phòng". Ngày 03/3/1959, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 100/TTg "Về việc thành lập lực lượng công an nhân dân vũ trang". Ngày 29/3/1959, tại hội trường Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh Hà Giang đã tổ chức lễ thành lập lực lượng Công an nhân dân vũ trang Hà Giang với nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới có 7 đồn: Lũng Làn, Săm Pun, Phó Bảng, Nghĩa Thuận, Thanh Thủy, Bản Máy, Xín Mần và 1 đại đội cơ động (Đại đội 4 cơ động Hoàng Su Phì). Theo đó, trên địa bàn huyện Đồng Văn lúc đó gồm các đồn: Đồn Săm Pun quản lý đoạn biên giới của 4 xã: Đồng Văn, Lũng Cú, Thượng Phùng và Xín Cái[1]. Đồn Phó Bảng (thành lập ngày 03/3/1959 - ngày thành lập Bộ đội biên phòng Việt Nam) phụ trách khu vực biên giới các xã: Sà Phìn, Sủng Là, Phố Là, Phố Cáo, Lũng Táo và thị trấn Phó Bảng ngày nay.

Sự kiện Đồn Công an lực lượng vũ trang được thành lập có ý nghĩa rất lớn đối với địa bàn Đồng Văn - vùng đất biên cương của Tổ quốc. Những ngày đầu thành lập, mặc dù cán bộ, chiến sĩ của đồn chưa thạo địa bàn, đa số chưa thông hiểu tiếng địa phương..., song với sự giúp đỡ, đùm bọc của nhân dân các dân tộc, cán bộ, chiến sỹ luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, cán bộ, chiến sĩ của đồn đã góp công lớn trong công tác dẹp loạn, tiễu phỉ những năm 1959 - 1960 trên địa bàn huyện.

Trong những năm 1958 - 1960, thực hiện chủ trương của Đảng, huyện Đồng Văn đi sâu vào việc củng cố dân quân tự vệ theo hướng tinh gọn nhằm đáp ứng yêu cầu sẵn sàng bổ sung cho quân đội, bảo vệ sản xuất, giữ gìn trị an địa phương trong thời bình, sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh. Theo chủ trương của cấp trên, thời điểm này các đại đội địa phương cấp huyện được giải thể. Ở các nơi trong tỉnh, lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức thành dân quân 1, tự vệ 1 (lực lượng nòng cốt), biên chế thành các trung đội và dân quân 2, tự vệ 2 (lực lượng rộng rãi), biên chế thành các đại đội, sau đó bắt tay vào huấn luyện quân sự, học tập chính trị. Tuy nhiên, ở Đồng Văn, do tình hình chính trị còn phức tạp, ta không biên chế phân loại 1 và 2 mà cùng với cuộc vận động xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã, ta tích cực phát triển dân quân trong thành phần nông dân lao động, chuyển ½ số súng (khoảng 500 khẩu) từ tay chân thổ ty phong kiến sang dân quân mới[2].

Kết thúc kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội của Đồng Văn đã có bước khởi sắc, đời sống đồng bào các dân tộc tuy còn nhiều khó khăn nhưng tình thế đã hứa hẹn một cuộc sống ấm no, hạnh phúc sắp tới. Đồng bào các dân tộc Đồng Văn luôn tin tưởng vào

---

[1]. *Truyền thống Đồn Biên phòng Xín Cái (1959 - 2019)*, xuất bản năm 2019, tr. 14.
[2]. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang (1945 - 2005)*, Sđd, tr. 169.

tương lai sáng lạn của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng. Từ đó, họ càng yêu Đảng hơn và quyết tâm đi theo con đường cách mạng của Đảng.

III. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TRONG HUYỆN CÙNG VỚI TOÀN TỈNH DẬP TẮT VỤ BẠO LOẠN (1959)

Huyện Đồng Văn (bao gồm các huyện: Đồng Văn, Yên Minh, Mèo Vạc và một phần huyện Quản Bạ ngày nay) vốn là địa bàn chính trị phức tạp, là vùng biên giới, tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Sau ngày cách mạng Trung Quốc thắng lợi (năm 1949), Quốc dân Đảng bị đánh tan. Từng đợt tàn quân Quốc dân Đảng cùng các nhóm thổ phỉ, đặc vụ, địa chủ, ác bá cùng một số dân cư đã chạy sang huyện Đồng Văn. Trong nước ta lúc này, bọn phản cách mạng đã lợi dụng vùng biên giới phía Bắc đang diễn biến phức tạp để tụ tập hoạt động, chống phá cách mạng và hoạt động buôn lậu thuốc phiện. Huyện Đồng Văn vô hình chung đã trở thành nơi chứa chấp tất cả các phần tử cặn bã xã hội ở vùng biên giới Việt - Trung. Chúng có nhiều tổ chức khác nhau, nhưng chung quy lại đều là tay sai của các thế lực đế quốc thực dân, phản động nước ngoài, chúng không từ một thủ đoạn nào để lôi kéo các tầng lớp trên, kích động quần chúng, tận dụng mọi sơ hở của chính quyền cách mạng nhằm biến Đồng Văn thành căn cứ chống phá cách mạng 2 nước Việt Nam và Trung Quốc.

15 năm sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã được thay đổi từng ngày. Từ thân phận nô lệ dưới chế độ thực dân phong kiến thổ ty, người dân nay đã được sống tự do, dân chủ, bình đẳng. Chính quyền cách mạng ngày càng được củng cố, tăng cường phục vụ quyền lợi của tầng lớp nhân dân lao động. Đặc biệt, trải qua các cuộc vận động lớn của Đảng như cuộc vận động giảm tô, giảm tức, thành lập Khu tự trị Việt Bắc, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã phần nào hiểu được và tin theo chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và Chính phủ, tin tưởng dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân sẽ được cơm no áo ấm. Hằng năm, Chính phủ đã tổ chức các đợt trợ giúp, cứu tế cho nhân dân hàng nghìn tấn lương thực, thực phẩm, hàng hóa, nông cụ sản xuất. Các tệ nạn xã hội như cướp bóc, nghiện hút, mê tín dị đoan, bệnh tật đã giảm hẳn, đời sống của nhân dân ngày càng ổn định và phong phú thêm, bản sắc dân tộc được phát huy.

Đối với các phần tử phản động, chính quyền cách mạng đã nhiều lần phát động các đợt tiễu phỉ trừ gian, trấn áp các tổ chức phản động, bắt nhiều tên đặc vụ khiến hoạt động của chúng bị sứt mẻ nhiều, hạn chế từng bước sức phá hoại của những tên này. Với các tầng lớp trên, xuất phát từ chính sách đoàn kết dân tộc, ta đã kiên trì

thuyết phục, vận động họ thực tâm đứng về phía nhân dân, ủng hộ cách mạng. Tuy nhiên, không ít người do bị ảnh hưởng về quyền lợi đã không chịu cải tà quy chính, họ vừa làm việc với chính quyền cách mạng, vừa ngấm ngầm liên lạc với đế quốc và các thế lực phản động bên ngoài, chờ đợi thời cơ để cướp chính quyền cách mạng, âm mưu lập lại trật tự cũ hòng phục hồi quyền lợi đã mất.

Sau ngày kháng chiến chống thực dân Pháp thành công, miền Bắc nước ta bước vào thời kỳ khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng thời bước đầu xây dựng cơ sở vật chất để đi lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng lại quê hương còn gặp nhiều khó khăn. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể, lực lượng vũ trang được Đảng đẩy mạnh. Trước khi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (tháng 4/1959) được tổ chức, trên địa bàn huyện Đồng Văn, chính quyền cách mạng mới có 53 cán bộ được đào tạo, tại 16 xã vùng cao mới chỉ có 2 xã xây dựng được Chi bộ Đảng. Công tác xây dựng lực lượng dân quân du kích và mạng lưới an ninh cơ sở chưa được củng cố vững chắc. Trong quá trình thực hiện công cuộc cải cách dân chủ ở Đồng Văn, Đảng bộ, chính quyền của tỉnh, huyện đã xảy ra tình trạng nóng vội, chủ quan, chưa đánh giá thông suốt mọi vấn đề, nhất là phân tích khả năng phản ứng của các đối tượng thuộc tầng lớp trên. Các chủ trương, công tác lớn của Đảng và Nhà nước như bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, thí điểm xây dựng các hợp tác xã, tuyển quân theo Luật Nghĩa vụ quân sự, giảm diện tích trồng cây thuốc phiện, làm đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn chưa được chuẩn bị kỹ về nội dung và kế hoạch cụ thể. Khâu học tập, quán triệt, chuẩn bị tư tưởng cho nhân dân và tranh thủ sự ủng hộ của tầng lớp trên bị xem nhẹ, nhân dân ở nhiều địa phương chưa học tập đã làm. Do đó, bọn đặc vụ, phản động đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của quần chúng, lợi dụng sự bất mãn của các đối tượng thuộc tầng lớp trên, qua đó lôi kéo chúng chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, khiến tình hình huyện Đồng Văn trở nên căng thẳng.

Từ tháng 3/1959, khi Tỉnh ủy Hà Giang bắt đầu triển khai thực hiện chương trình cải cách dân chủ, các đối tượng thuộc tầng lớp trên ở Đồng Văn đã âm mưu cùng các phần tử đặc vụ Quốc dân Đảng vạch ra kế hoạch nổi dậy vào cuối năm, đồng thời triển khai lực lượng chuẩn bị vũ khí đạn dược, phân công người phụ trách trong từng khu vực. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, xã (20/4/1959), chúng phản ứng rất mạnh, đe dọa cán bộ mới được bầu cử, khủng bố nhân dân "đứa nào tích cực sẽ bị mất đầu, làm việc nhưng không được nói gì cho cán bộ biết, anh nào nói sẽ chết với chúng tôi"[1], đồng thời cố tình hoãn việc bàn

[1]. Lời khai của Vàng Chỉn Cáo (nguyên Chủ tịch xã Cán Tỷ, trước là tổng giáp) và của Sủng Pá - Thư ký Ủy ban xã Sủng Là.

giao súng cho lực lượng dân quân mới. Chúng còn nói "Cụ Vương dặn, ai đến thu súng hoặc bắt thì chống lại, chỉ nổ súng 3 ngày là có máy bay Mỹ đến giúp. Chính phủ muốn thu súng thì đọ súng với họ trong một thời gian"[1]. Vì vậy, đến tháng 7/1959, ta vẫn chưa thực hiện được việc chuyển giao súng cho dân quân và xã hội. Chúng phân tán súng khắp nơi, theo tài liệu điều tra của công an, số súng ta không quản lên tới hàng ngàn khẩu, chỉ riêng tại xã Sà Phìn đã có 211 súng công và 700 súng tư.

Tháng 4/1959, lấy cớ về Đồng Văn nghỉ mát, thổ ty Vương Chí Sình cùng vợ (Thị Thuận) từ Hà Nội về Đồng Văn họp bàn cùng tay chân, đôn đốc kế hoạch bạo loạn. Vương động viên bọn chúng: "Cứ đánh đi, tôi về Hà Nội liên lạc với Mỹ, Diệm, Tưởng, họ sẽ cho máy bay thả vũ khí tiếp viện. Dù được hay thua thì Chính phủ cũng sẽ phái tôi lên điều đình, lúc đó sẽ cử Quỳnh Anh, Quỳnh Sơn lên giúp sức giảng hòa nên không sợ thua"[2].

Được thổ ty Vương khích lệ, bọn phản động đã tăng cường các hoạt động phá hoại. Chúng cho tay chân đe dọa cán bộ, thủ tiêu cốt cán, đốt trụ sở xã Phố Cáo khi xã đang họp về bầu cử, đốt phá nhiều nhà quần chúng tích cực tại xã Bạch Đích khi dân đang học tập về hợp tác xã. Tại Thắng Mố, chúng đốt hết sổ sách, giấy tờ quan trọng, xé ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhằm ngăn chặn âm mưu gây rối của địch, tháng 7/1959, Tỉnh ủy Hà Giang quyết định mở đợt truy quét đặc vụ Quốc dân Đảng tại dọc biên giới, bắt 51 tên, trong đó tại huyện Đồng Văn có 39 tên. Cay cú trước đòn đánh bất ngờ này, địch ra sức tuyên truyền "bây giờ người Trung Quốc mới sang, sau bắt người đã sang lâu rồi tiến tới bắt những người làm việc cũ". Chúng ra sức rêu rao bọn đặc vụ đó vô tội, đòi chính quyền thả tự do. Những việc đó đã tác động đến một bộ phận quần chúng, khiến nhân dân nghi ngờ, một số không đồng tình với các chủ trương, đường lối của Đảng. Trong khi đó, cấp ủy, chính quyền tỉnh, huyện coi nhẹ công tác tuyên truyền ổn định tư tưởng tầng lớp trên và quần chúng nhân dân, chủ quan, vẫn đánh giá "địch không có khả năng gây bạo loạn, chúng chỉ phản ứng để gây áp lực, đòi yêu sách"[3], nên không đề ra biện pháp xử lý đúng đắn.

Lợi dụng sơ hở đó, bọn phản động đẩy mạnh kích động và lôi kéo quần chúng và dân quân du kích chống đối lại các chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tháng 8/1959, chúng họp bàn lần cuối cùng quyết định phát động nổi loạn.

---

[1]. Lời khai của Vàng Chúng Dình, Vàng Chỉn Cáo, Giàng Vạn Sùng bị bắt trong cuộc bạo loạn - tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ Tỉnh ủy.
[2]. Lời khai của Vàng Chúng Dình, Vàng Chỉn Cáo, Giàng Vạn Sùng bị bắt trong cuộc bạo loạn - tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ Tỉnh ủy.
[3]. Nghị quyết Ban Chấp hành Tỉnh ủy Hà Giang tháng 11/1959.

Vương Chí Sình giao cho Vàng Chúng Dình (đặc vụ Trung Quốc) làm Tổng chỉ huy quân sự; chỉ huy các khu vực là các tên Giàng Vạn Sùng, Vàng Chỉn Cáo, Lý Nhè Lùng, Vàng Vạn Ly, Giàng Sàng Sấn, Mã Học Văn.

Ngày 18/11/1959, khi nghe 3 tiếng súng do bộ đội ta thử súng, tưởng đó là hiệu lệnh, bọn phản động ở Lũng Cú kéo đến giết cán bộ xã rồi vào rừng chờ thời cơ. Vương Chí Sình thấy bọn tay chân nổ súng khi Vương đang ở Đồng Văn là bất tiện nên đã lệnh cho bọn phản động "Không được nổi loạn khi tôi còn ở Đồng Văn"[(1)], bọn phản động lại giải tán. Ngày 21/11/1959, đồng chí Nguyễn Văn Xã - Bí thư Tỉnh ủy đã cùng đồng chí Trưởng Ty Công an tỉnh và một trung đội Công an vũ trang lên Đồng Văn để nắm bắt tình hình. Ngày 29/11/1959, sau khi Vương Chí Sình từ Phó Bảng về Hà Giang, bọn phản động tại Bát Đại Sơn bắt đầu tập trung lực lượng, canh gác các ngả đường. Ngày 30/11/1959, sau khi Vương đi qua cổng trời Cán Tỷ, Vàng Chỉn Cáo đưa 40 tên lên gác tại cổng trời, làm trận địa chiến đấu. Chiều 30/11, Vương Chí Sình ra lệnh đóng cổng trời Cán Tỷ cắt đứt con đường từ Hà Giang lên Đồng Văn. Ngày 01/12/1959, Vàng Chỉn Cáo từ thôn Đầu Cầu chạy tắt về Bắc Xum (Quản Bạ) gặp Vương báo cáo, Vương đã chỉ thị "Đánh mạnh vào, không được bỏ giờ, bỏ giờ sẽ khó khăn" - cuộc bạo loạn chính thức nổ ra. Ngày 02/12/1959, bọn phản động ở cổng trời Cán Tỷ giữ 2 đoàn ngựa thồ hàng của tỉnh vào Đồng Văn, đuổi dân công quay về, chúng tăng cường đào đắp quân sự, lập các bẫy đá. Đồng chí Mã Chính Lâm - Huyện đội trưởng Đồng Văn báo cáo địch đã nổi loạn và xác định có lệnh của Vương.

Ngày 04/12/1959, Huyện ủy Đồng Văn đưa đoàn cán bộ lên cổng trời giải giáp, chúng đã bắn chết 1 cán bộ Công an huyện, bắn bị thương 1 cán bộ Huyện đội. Từ ngày 05 - 08/12/1959, bọn phản động hoạt động mạnh tại các xã vùng cao Đồng Văn, chúng ngăn chặn nhân dân đi nộp thuế, kích động lôi kéo dân quân theo chúng. Đến ngày 09/12/1959, bọn phản động chiếm nhiều nơi trong huyện, cuộc bạo động phản cách mạng đã thực sự nổ ra. Chúng tung ra khẩu hiệu "Chống lên hợp tác xã, chống bộ máy chính quyền mới được bầu cử, chống giảm trồng thuốc phiện, không đi làm đường, không nộp thuế, không nộp súng".

Trước tình hình cuộc bạo động diễn biến phức tạp, Khu ủy Khu tự trị Việt Bắc và Tỉnh ủy Hà Giang chủ trương đưa Vương Chí Sình, Quỳnh Anh, Quỳnh Sơn lên Đồng Văn kêu gọi bọn phản động hạ vũ khí, không được chống lại cách mạng. Tuy nhiên, Vương và đồng bọn đã lợi dụng địa vị hợp pháp của mình bí mật ra lệnh "Đánh thật mạnh để mau chóng giành thắng lợi"[(2)].

---

(1). Lời khai của Vàng Chỉn Cáo bị bắt trong cuộc bạo loạn.
(2). Lời khai của Vàng Chỉn Cáo bị bắt trong cuộc bạo loạn.

Ngày 12/12/1959, khi phiên chợ xã Đồng Văn đang lúc đông nhất, Vàng Chúng Dình chỉ huy hơn 200 tên, chia làm 2 mũi tấn công xã Đồng Văn. Dân quân Đồng Văn cùng cán bộ, đảng viên được nhân dân giúp đỡ tiếp tế đã chiến đấu hết sức dũng cảm, đánh lui nhiều đợt tiến công của địch, không cho chúng lọt vào địa bàn xã. Trong trận này, đồng chí Bế Ngọc Bảo - Phó Giám đốc Sở Văn hóa Khu Việt Bắc bị địch giết hại. Ngày 14/12/1959, bọn phỉ đánh chiếm xã Lũng Phìn, phá trụ sở xã, cướp kho chứa lương thực và cửa hàng mậu dịch, bắt 2 cán bộ thương nghiệp mổ bụng, moi gan, rán mỡ; bắn chết 2 người Mông vì không theo chúng làm phỉ. Ngày 19/12/1959, phỉ đánh chiếm xã Mèo Vạc cướp cửa hàng mậu dịch. Ngày 20/12/1959, chúng đánh Na Khê rồi tiến xuống Bạch Đích. Ngày 21/12/1959, tại Bạch Đích, phỉ đã bắt 2 cán bộ của huyện treo lên cây làm bia tập bắn. Cùng ngày, tên Vàng Chỉn Cáo chỉ huy đánh Tráng Kìm, Cán Tỷ, chúng giết một đôi vợ chồng trẻ, ném đứa con xuống sông. Tại Phú Lũng, tên Giàng Seo Páo tập hợp 300 tên phỉ nổi lên canh gác trong xã, chờ quân Vàng Chỉn Cáo đến sẽ phối hợp đánh lên Phó Bảng. Tại Vần Chải, tên Vàng Vản Ly tập trung bọn phỉ chia thành từng nhóm canh gác con đường từ Yên Minh lên Phó Bảng, chúng dự định xếp 1 giàn đá lớn ở Thẩm Mã chờ bộ đội đến sẽ lăn đá chặn đường.

Nhằm đối phó với tình hình diễn biến phức tạp tại Đồng Văn, ngày 02/12/1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng họp và nghe báo cáo nhận định tình hình, đồng thời đề ra các biện pháp giải quyết cụ thể: "Lấy chính trị làm chính, chĩa mũi nhọn vào bọn đặc vụ phản cách mạng Trung Quốc, phái gấp lên Đồng Văn một số lực lượng vũ trang cần thiết, kiên quyết bảo vệ cán bộ, cơ quan, kho tàng, giữ những mục tiêu quan trọng như Phó Bảng, Đồng Văn, Yên Minh".

Theo sự chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Khu ủy và Tỉnh ủy Hà Giang đã tiến hành uốn nắn một số chủ trương, chính sách chưa thích hợp với tình hình địa phương lúc đó nhằm tranh thủ các phần tử cốt cán trong tầng lớp trên, đánh mạnh, đánh trúng vào bọn đặc vụ, bọn đầu sỏ. Lực lượng vũ trang nhanh chóng hành quân lên Đồng Văn tiến hành chiến dịch dẹp bạo loạn. Ban Chỉ huy chiến dịch được thành lập, gồm có các đồng chí Đại tá Lê Đình Thiệp - Chính ủy Quân khu Việt Bắc; thượng tá Mai Trung Lâm - Chỉ huy trưởng Quân khu Việt Bắc; đồng chí Lê Đình Thảo - Giám đốc Sở Công an khu Việt Bắc; đồng chí Đặng Việt Hưng - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 246; trung tá Tiến Minh - Tham mưu trưởng Trung đoàn 246; đồng chí Trần Tấn Nghĩa - Trinh sát Công an Việt Bắc; đồng chí Nguyễn Văn Xã - Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang; đồng chí Đặng Hồng Tinh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Hà Giang; đồng chí Nguyễn Mạnh Đức - Ủy

viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, kiêm Trưởng Ty Công an Hà Giang; đồng chí Bùi Hùng - Trưởng ban 61, Ty Công an Hà Giang cùng một số đồng chí khác. Trụ sở Ban Chỉ huy chiến dịch đóng tại xã Quản Bạ. Ngoài lực lượng vũ trang tỉnh (Đại đội 10 - bộ đội địa phương của tỉnh, đại đội Công an nhân dân vũ trang cơ động và các đồn công an vũ trang ở biên giới phía Bắc và dân quân du kích trong tỉnh) còn có Trung đoàn 246 thuộc quân khu Việt Bắc chuyên làm nhiệm vụ tiễu phỉ ở biên giới, Tiểu đoàn 12 cơ động của Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang và phân đội 55 của Công an nhân dân vũ trang tỉnh Cao Bằng. Bên kia biên giới, 5 đại đội Biên phòng nước bạn cũng đánh nống ra phối hợp khóa chặt biên giới.

Hướng Hoàng Su Phì, 1 đại đội của Trung đoàn 246 cùng lực lượng Công an và dân quân du kích tại chỗ phối hợp truy lùng đầu sỏ phỉ và đặc vụ, sẵn sàng ngăn chặn phỉ nổi lên phối hợp với Đồng Văn gây bạo loạn.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy Đồng Văn đã chỉ đạo lực lượng Huyện đội, dân quân các xã cùng các lực lượng tham gia chiến dịch tiến hành triển khai các phương án đánh địch. Tuy nhiên, do việc triển khai thực hiện chậm nên cuộc bạo loạn đã nhanh chóng lan ra khắp vùng Đồng Văn và một số địa phương thuộc Quản Bạ (Vị Xuyên). Nghiêm trọng nhất là trên địa bàn huyện Đồng Văn, địch đã cắt đứt giao thông giữa các vùng và đang siết chặt vòng vây quanh xã Đồng Văn.

Trước nguy cơ địch uy hiếp và chiếm đóng xã Đồng Văn, ngày 12/12/1959 (ngay ngày đầu tiên phỉ tấn công vào xã Đồng Văn), tiểu đội Công an vũ trang Đồn Biên phòng Săm Pun do đồng chí Mai Xuân Hùng chỉ huy đã chủ động vượt sông Nho Quế sang chi viện cho xã Đồng Văn. Sau khi cho 200 quân tấn công không đạt kết quả, Vàng Chúng Dình điều thêm 300 quân nữa mở đợt tấn công mới vào xã Đồng Văn. Cuộc chiến đấu bảo vệ xã đã diễn ra ác liệt, các chiến sĩ công an vũ trang, dân quân và nhân dân xã Đồng Văn đã chọn Đồn cao làm trận địa phòng ngự chính, kiên cường chiến đấu, bẻ gẫy nhiều đợt tấn công của địch. Anh Vàng Mí Hầu, dân quân người Mông bị địch dụ dỗ đi theo chúng, sau khi được ta giáo dục đã tỏ ra ăn năn hối cải, muốn lập công chuộc tội, anh đã dũng cảm vượt qua vòng vây của địch đến Phó Bảng nhận đạn dược về tiếp tế cho các chiến sĩ của ta tiếp tục chiến đấu[1]. Tiếp đó, ta cử người vượt vòng vây mang thư xin chi viện lực lượng đến đồn Lũng Làn. Vì vậy, ngày 18/12/1959, tiểu đội Công an vũ trang đồn Lũng Làn đã kịp thời đến chi viện chiến đấu bảo vệ xã Đồng Văn.

[1]. Theo tư liệu đồng chí Hoàng Quốc Tôn - Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đồng Văn cung cấp.

Lúc này, một số đồng chí trong Ban Chỉ huy chiến dịch lên Đồng Văn đầu tiên gồm Lê Đình Thiệp, Lê Đình Thảo, Trần Tấn Nghĩa, Nguyễn Văn Xã, Vừ Mí Kẻ do đồng chí Bùi Hùng - Ban 61 và một số trinh sát có kinh nghiệm dẫn đường lên Phó Bảng. Thời điểm đó, phỉ đang canh giữ cổng trời, đoàn công tác phải đi từ Thanh Thủy qua Vân Nam (Trung Quốc) về Phó Bảng để chỉ huy chiến dịch. Cùng vào thời điểm này, Huyện đội trưởng Đồng Văn là đồng chí Mã Chính Lâm và Trưởng Công an huyện là đồng chí Phạm Minh Đăng đang công tác tại Đồng Cán (Trung Quốc) cũng cấp tốc trở về Đồng Văn để phối hợp chỉ đạo chống cuộc bạo loạn. Đến Phó Bảng, đồng chí Mã Chính Lâm lập tức dẫn một bộ phận của huyện đi đường vòng về Cán Tỷ phối hợp đánh phỉ thì gặp quân ta đang chuẩn bị đánh lên Cán Tỷ.

Trong lúc lực lượng tại chỗ chặn đánh địch quyết liệt thì ngày 16/12/1959, các đơn vị tham gia chiến dịch lên tới Đồng Văn và bắt đầu triển khai tấn công địch từ nhiều phía. Thấy lực lượng ta tiến đến Yên Minh, ngày 18/12/1959, bọn phỉ tập trung lực lượng từ Na Khê, Bạch Đích, Cán Tỷ, Mậu Duệ, Phó Bảng hình thành 4 gọng kìm bao vây nhằm tiêu diệt quân ta tại mặt trận Yên Minh. Cuộc chiến đấu tại Yên Minh diễn ra vô cùng phức tạp và khó khăn vì phỉ đánh lừa và lùa nhân dân đi trước làm bia đỡ đạn cho chúng, chúng lẩn vào trong dân để đánh ta nên ta không dám nổ súng. Để bảo vệ tính mạng cho nhân dân, ta thực hiện phương châm "lấy vận động chính trị là chính, quân sự làm áp lực", ta tích cực tuyên truyền, vận động và kêu gọi nhân dân không theo phỉ, thuyết phục phỉ rời ngũ trở về với gia đình, còn những tên phỉ liều lĩnh, cố xông lên thì cương quyết tiêu diệt. Được sự giúp đỡ, ủng hộ của nhân dân, trong vài giờ đồng hồ chiến đấu, toàn bộ lực lượng phỉ ở khu vực này, trong đó có những tên đầu sỏ như Vàng Chỉn Ly - chỉ huy toán phỉ tấn công Yên Minh đã bị ta tiêu diệt gọn, Yên Minh được giải phóng, lực lượng ta tiếp tục tiến lên phía Bắc.

Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 246), Tiểu đoàn 12 công an nhân dân vũ trang, phân đội 55 Công an Cao Bằng cùng Đại đội 10 của tỉnh tiến theo hướng Đông Bắc đánh qua Mậu Duệ, Niêm Sơn. Ngày 20/12/1959, cánh quân này đã đánh bật lực lượng phỉ khỏi các điểm Mèo Vạc, Sơn Vĩ. Ngày 23/12/1959, lực lượng của ta hành quân hỏa tốc đến giải vây cho xã Đồng Văn. Với chiến thuật trong đánh ra, ngoài đánh vào, quân phỉ không kịp trở tay, đội hình tan tác, Vàng Chúng Dình đưa tàn quân phỉ tháo chạy về vùng núi đá hiểm trở Mã Sồ giáp biên giới (thuộc địa bàn xã Lũng Táo ngày nay), một số tên đã chạy về khu vực cổng trời Cán Tỷ.

Cùng thời điểm này, tại các xã Tây Nam của huyện Đồng Văn và vùng ngoại vi huyện Quản Bạ, khu vực xã Yên Minh, lực lượng vũ trang của ta đã đánh bật địch

khỏi các khu vực quan trọng như Na Khê, Bạch Đích, Du Già, Đường Thượng, đưa cán bộ trở lại nắm quần chúng ở Ngam La, sau đó đánh bại cuộc tấn công chiếm Yên Minh lần thứ 2 của bọn phỉ. Lực lượng dân quân xã Bạch Đích đã chủ động tổ chức chiến đấu, chặn đứng nhiều đợt tấn công của bọn phỉ vào địa bàn xã.

Sau khi thất bại ở Yên Minh và nhiều nơi khác, phỉ không dám nghênh ngang như trước, chúng rút lực lượng về trấn giữ cổng trời Cán Tỷ, dựa vào vùng núi đá hiểm trở để xây dựng hệ thống phòng ngự trên cao. Cổng trời Cán Tỷ là nơi hiểm yếu, nếu ai chiếm được thì sẽ khống chế được con đường từ Hà Giang lên Đồng Văn. Vì vậy Ban Chỉ huy chiến dịch đã ra quyết tâm là phải giải phóng được cổng trời trước tết Nguyên đán để chi viện cho mặt trận Bắc Đồng Văn, vận chuyển hàng hóa lên phục vụ bộ đội và nhân dân ăn tết.

Sau khi nghiên cứu kỹ địa hình, đề ra phướng án tác chiến phù hợp, cuối tháng 12/1959, ta bắt đầu tấn công và giải phóng cổng trời Cán Tỷ. Phương án đánh cổng trời được chuẩn bị kỹ càng, vì đây là vị trí hiểm yếu của con đường độc đạo lên Đồng Văn, núi đá hiểm trở, trong khi đó, địch lại có sự chuẩn bị từ trước, chúng xếp nhiều dàn đá, bẫy đá trên cao, sẵn sàng lăn xuống nếu bị ta tấn công từ dưới lên. Vì vậy, phương án tối ưu nhất là tấn công từ trên cao xuống. Trung đoàn 246 được giao nhiệm vụ đánh và giải phóng cổng trời. Lực lượng của Trung đoàn 246 chia thành 3 mũi tiến công, mũi phía Bắc đánh xuống và mũi phía Nam đánh lên, hai mũi này chủ yếu là đánh nghi binh, mũi thứ 3 có trinh sát dẫn đường, đánh úp từ trên đỉnh núi xuống tạo thế bất ngờ, làm địch không kịp trở tay. Trong quá trình đánh cổng trời Cán Tỷ, ta vừa dùng lực lượng quân sự làm áp lực, vừa dùng loa và bắn truyền đơn kêu gọi quân phỉ hạ vũ khí, đầu hàng cách mạng. Do làm tốt công tác trinh sát, nắm chắc tình hình và xây dựng được cơ sở, lên phương án thích hợp, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ta đã nhanh chóng đánh bại lực lượng phỉ đang đóng tại đây, tiêu diệt hàng chục tên phỉ ngoan cố, qua đó giải phóng khu vực cổng trời Cán Tỷ một cách nhanh chóng, tuyến đường Hà Giang - Đồng Văn được khai thông, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi để chi viện cho mặt trận Bắc Đồng Văn, kết thúc nhanh chóng vụ bạo loạn.

Trên đà thắng lợi, lực lượng của Huyện đội, Công an huyện đã phối hợp cùng các đơn vị bạn tiến hành chuyển hướng truy kích địch từ hướng Tây sang hướng Đông, đánh vào Tung Lùn, Lô Lô Thàng. Một phân đội bộ đội lần theo dấu vết truy kích toán địch chạy theo hướng Bắc, đã tiêu diệt được 7 tên tại Sán Chủ, bắt tên Tưởng Vũ Phúc - Chỉ huy lực lượng Quốc dân Đảng. Khi ta đồng loạt đánh vào các xã Bát Đại Sơn và phía Nam Đông Hà, Thái An, Đường Thượng, bọn địch tại đây

bị dồn vào khu vực rừng núi Ngam La. Trước nguy cơ bị tiêu diệt, nghe theo lời kêu gọi của bộ đội, trên 60 tên phỉ đã ra hàng.

Tại khu vực Lũng Phìn, quân số bọn phỉ ở đây có khoảng 200 tên do tên Lò Chấn Hoán và Lò Sinh Ly chỉ huy. Ngày 21/12/1959, lực lượng vũ trang huyện Đồng Văn cùng các đơn vị đã cùng nhau bao vây, tiêu diệt 15 tên phỉ ngoan cố, bắt và gọi hàng 82 tên, số tên còn lại chạy về Hạng Chá Lủng (thuộc xã Ma Lé ngày nay). Trong trận này, bộ đội ta có 3 đồng chí hy sinh, 4 đồng chí bị thương. Đại đội 3, Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 246 đã phụ trách việc truy kích địch lên Hạng Chá Lủng. Đại đội 10 tỉnh Hà Giang đã chiếm vùng ngoại vi Ma Lé[1].

Lúc này, lực lượng phỉ còn khoảng 400 tên do Vàng Chúng Dình chỉ huy rút về cố thủ vùng rừng núi Ma Lé, Mã Sồ. Đây là vùng có nhiều thung lũng sâu, núi thẳm, giáp biên, là điểm gặp gỡ của bọn phỉ, bọn phản động ở Đồng Văn với bọn đặc vụ Tưởng Giới Thạch từ Trung Quốc sang. Mặc dù là những ngày giáp tết, nhưng chủ trương của ta là phải giải phóng xong Mã Sồ mới ăn tết.

Ngày 26/01/1960, ta mở cuộc công kích vào cụm cứ điểm Mã Sồ. Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Đồng Văn đã cử cán bộ về động viên các mẹ, các chị gói bánh chưng mang lên trận địa cho cán bộ, chiến sĩ đang tham gia chiến dịch. Khi vòng vây đã khép lại, ta bắn truyền đơn kêu gọi địch ra hàng, cho người thân địch vào thuyết phục. Nhiều tên phỉ đã trốn ra ngoài nhưng lại bị bọn chỉ huy bắn chết.

Sáng ngày 27/01/1960 (ngày 29 tết - theo Âm lịch là tháng thiếu nên không có ngày 30 tết), ta chính thức nổ súng đánh vào Mã Sồ. Tuy nhiên, do địa hình hiểm trở nên mãi đến 11 giờ đêm ta mới nổ súng. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trong đêm mưa phùn, gió rét, ta và địch giành giật nhau từng mỏm núi, hốc đá. Bọn phỉ do thông thạo địa hình nên chúng luồn lách và bắn lén rất nhanh, gây nhiều khó khăn cho ta. Ngày 28/01/1960 (mùng 1 tết)[2], rút kinh nghiệm chiến đấu của ngày hôm trước, ta đã thay đổi chiến thuật đánh mới, qua đó đã nhanh chóng làm chủ hoàn toàn 3 điểm cao chủ yếu ở Mã Sồ, đã bắt và diệt gần 200 tên, trong đó có tên Vàng Chỉn Cáo và một số tên chỉ huy quan trọng, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng, giải thoát hàng trăm người bị phỉ bắt cóc. Khi Mã Sồ thất thủ, lực lượng phỉ lúc này chỉ còn các tên Giàng Vạn Sùng, Lý Mí Lủng và tên Vàng Chúng Dình - chỉ huy đặc biệt nguy hiểm của địch cùng một số tên chạy thoát vào khu vực hang Trà Mần (Lũng Cú), với âm mưu về khu vực giáp biên giới để dễ bề hoạt động, đồng thời nuôi hy vọng đế quốc Mỹ sẽ viện trợ để chúng tiếp tục nổi loạn.

---

[1].Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Hà Giang 1945 - 2005, xuất bản năm 2008, tr 183.

[2]. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn 1944 - 1975 (tập I)*, xuất bản năm 2004, trang 126 ghi: ngày 31/01/1960 là ngày mùng 1 tết, nhưng thực tế ngày mùng 1 tết năm Canh Tý (1960) là ngày 28/01/1960.

Nhằm nhanh chóng kết thúc chiến dịch tiễu phỉ, tiêu diệt những tên ngoan cố còn lại, các lực lượng tham gia chiến dịch đã bày mưu để tiêu diệt nốt những tên còn lại. Sau gần 2 tháng hoạt động của đợt 1, lực lượng vũ trang của ta đã giải quyết được trên 20 mục tiêu quân sự của bọn phỉ. Từ khu vực rộng lớn trên 16 xã của huyện Đồng Văn, 3 xã phía Bắc huyện Vị Xuyên, 3 xã phía Tây huyện Bảo Lạc, tới nay phỉ chỉ còn hoạt động tại Bát Đại Sơn. Kế hoạch bao vây, truy lùng tàn binh phỉ tại vùng Bát Đại Sơn được Ban chỉ huy chiến dịch vạch ra khá tỉ mỉ với quyết tâm thanh toán triệt để các tên đầu sỏ ngoan cố, đem lại cuộc sống bình an cho nhân dân. Các đồng chí Nguyễn Văn Xã - Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Việt Hưng - Trung đoàn trưởng Trung đoàn 246, đồng chí Hoàng Văn Võ - Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Hà Giang, đồng chí Nguyễn Mạnh Đức - Trưởng ty Công an tỉnh Hà Giang cùng nhiều cán bộ khu, tỉnh đã thường xuyên có mặt tại Đồng Văn, trực tiếp chỉ huy chiến dịch. Chỉ sau môt thời gian ngắn, lực lượng vũ trang của ta đã diệt 14 tên phỉ ngoan cố, bắt 23 tên, gọi hàng 67 tên, thu nhiều vũ khí, vật tư chiến tranh đủ trang bị cho 1 tiểu đoàn. Đến tháng 4/1961, ta đã vận động, thuyết phục phục và bắt gần 300 tên. Đồng chí Trần Tấn Nghĩa - Trinh sát Công an vũ trang tỉnh Hà Giang đã lập mưu vào tận hang ổ phỉ, giả làm phỉ để bắt sống tên đầu sỏ Vàng Chúng Dình.

Trong hơn 2 tháng chiến đấu chống bạo loạn, lực lượng của ta đã bắt và làm tan rã 1.112 tên phỉ, tiêu diệt 61 tên, làm bị thương 21 tên, bắt 91 tên, gọi hàng 139 tên, tập trung cải huấn 466 tên, thu 335 súng các loại. Về phía ta, 42 cán bộ, bộ đội, công an, dân quân đã hy sinh trong chiến đấu, 16 đồng bào bị bọn phỉ sát hại.

Đồng Văn, Lũng Phìn, Yên Minh, cổng trời Cán Tỷ, Mã Sồ không còn bóng phỉ, đồng bào các dân tộc phấn khởi quay trở lại sinh hoạt bình thường. Qua những ngày chống phỉ, nhân dân các dân tộc Đồng Văn ngày càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, bộ đội cụ Hồ, trong đó trực tiếp là Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Đồng Văn. Một cụ già dân tộc Mông đã xúc động cho biết: "Ta đã sống 100 năm, biết nhiều loại lính nhưng chưa lính nào tốt như lính Cụ Hồ. Các anh ấy vừa đánh giặc mã phài, vừa giúp dân sản xuất, cứu chữa bệnh cho nhân dân, dạy chúng ta biết chữ, câu hát. Bà con ta từ nay không phải đóng thuế cho bọn mã phài nữa, nhà nào có người đi theo mã phài thì gọi về đi, cái lý của ta là cái lý của người Mông đó".

Trong những ngày tháng chiến đấu đó, nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm, kiên cường, không quản ngại hy sinh để bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân đã xuất hiện như: Lực lượng dân quân du kích xã Đồng Văn, Bạch Đích, Yên Minh đã kiên cường chiến đấu bảo vệ nhân dân. Đồng chí Sùng Vản Phùa (Chủ tịch xã Đồng

Văn), đồng chí Phạm Văn Bách (cán bộ tăng cường) chỉ huy Trung đội dân quân tự vệ ngoan cường quần lộn với phỉ trong suốt 12 ngày đêm, bảo vệ vững chắc xã Đồng Văn. Anh Vàng Mí Hầu đã dũng cảm vượt vòng vây của phỉ chạy bộ suốt đêm về Phó Bảng nhận đạn về tiếp tế cho bộ đội và dân quân chiến đấu. Đồng chí Mai Xuân Hùng - Tiểu đội trưởng Công an vũ trang đồn Săm Pun chi viện đến Đồng Văn cùng đồng đội và dân quân địa phương kiên cường chiến đấu đánh lùi các đợt tiến công của phỉ vào xã Đồng Văn. Đồng chí Mai Xuân Hùng được kết nạp Đảng ngay sau trận đánh. Đồng chí Mã Chính Lâm, Huyện đội trưởng huyện Đồng Văn không quản nguy hiểm, một mình vào hang ổ phỉ thuyết phục nhiều tên đầu sỏ phỉ ra hàng, được thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất và ngay sau chiến dịch được gặp Bác Hồ. Đồng chí Hoàng Quốc Thiết và Cháng Séo Thùng (dân quân xã Đồng Văn) được phân công, giao nhiệm vụ đưa một số cán bộ phái đoàn Sở Văn hóa khu Việt Bắc vượt vòng vây của phỉ, qua thôn Xì Phài, vượt sông Nho Quyết đến biên giới Việt - Trung an toàn, đảm bảo tính mạng, tài sản Nhà nước. Đồng chí Sùng Dúng Lù, Xã đội phó xã Vần Chải chỉ huy dân quân đánh thắng nhiều trận, bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân, không quản nguy hiểm, một mình tay không vào hang ổ của tướng phỉ Vàng Vạn Ly đấu tranh, thuyết phục Ly và hàng chục tên phỉ ẩn náu ở Vần Chải mang vũ khí ra trình diện chính quyền cách mạng[1].

Cuộc chiến đấu bảo vệ xã Đồng Văn là cuộc chiến đấu tiêu biểu, thể hiện tinh thần kiên cường, bất khuất của nhân dân các dân tộc trong huyện. Trong 12 ngày đêm (từ 12 - 23/12/1959) quần thảo với địch, từng đợt tấn công của bọn phỉ đều bị quân ta bẻ gãy. Nhân dân xã Đồng Văn, người nào việc nấy, tất cả cùng tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Nhiều người đã lập công xuất sắc, được khen thưởng tại mặt trận, tiêu biểu là bà Đoàn Thị Cẩm, bà Lương Thị Dẹt, chị Nguyễn Thị Tỵ... Họ là những người dân lao động bình thường, nhưng nồng nàn tình yêu quê hương, đất nước. Bằng vũ khí thô sơ, họ dũng cảm tham gia chiến đấu. Họ tự nguyện về lấy gạo của mình để nấu cơm cho các chiến sĩ. Lúc cần, họ là những chiến sĩ tải thương tận tụy, hết lòng thương yêu chăm sóc chiến sĩ.

Ngoài việc trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, nhân dân còn hiến kế cho dân quân chiến đấu, bảo vệ xã Đồng Văn. Bà Lương Thị Tiến, mẹ của đồng chí Bế Du[2] nói với đồng chí Lương Mãn Tuyên[3] và đồng chí Lục Văn Hương là hai cán bộ trong Ban Chỉ huy dân quân xã Đồng Văn: "Ta sống ở Đồng Văn từ nhỏ, ta biết mỗi khi loạn lạc, ai chiếm được Đồn Cao, người đó sẽ thắng. Các anh đem ngay lá

---

[1]. Ngày 01/01/1967, đồng chí Sùng Dúng Lù được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân".

[2]. Lúc đó, đồng chí Bế Du công tác ở một cơ quan Trung ương.

[3]. Đồng chí Tuyên sau này là giáo viên trường PTTH Lê Hồng Phong, tỉnh Hà Giang.

cờ Tổ quốc treo lên đỉnh Đồn Cao, rồi chỉ huy dân quân giữ cho được vị trí ấy".

Nghe anh Tuyên báo cáo, đồng chí Sùng Vản Phùa - Chủ tịch xã Đồng Văn nhận lá cờ Tổ quốc (từ tay bà Tiến, anh Tuyên và anh Hương) đã treo lên Đồn Cao, đồng thời tổ chức lực lượng quyết giữ Đồn Cao. Sau đó, quả nhiên bọn phỉ đã nhiều lần đánh chiếm Đồn Cao nhưng các cuộc tấn công của chúng đã bị dân quân bẻ gãy.

Trong những ngày phỉ bao vây, bọn chúng kiểm soát gắt gao tất cả các con đường lớn nhỏ nối xã Đồng Văn với các địa phương khác. Cụ Tạ Hồ Thần chuyên nghề kim hoàn ở xã Đồng Văn, xung phong đi quan sát tình hình địch. Cụ đem theo chiếc cân tiểu ly bị hỏng, lấy cớ là đem đi sửa chữa để che mắt địch. Kết quả, cụ đã nắm được tình hình và báo cáo với đồng chí Tuyên: "Phỉ đông quân, bao vây chặt xã. Các hướng khác, lực lượng của chúng cũng mỏng thôi. Các anh có thể cho lực lượng mạnh chọc thủng một lối mà ra để xin cấp trên chi viện". Nhờ có thông tin đó đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho quân ta tổ chức lực lượng vượt vòng vây đi xin chi viện đồn Lũng Làn thành công[1].

Sau khi vụ bạo loạn được dập tắt, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Khu ủy, Tỉnh ủy cùng Đảng bộ huyện Đồng Văn và các ngành chức năng như Quân đội, Biên phòng, Công an đã họp Hội nghị tìm nguyên nhân nổ ra cuộc bạo loạn, nghiêm khắc kiểm điểm những khuyết điểm, hạn chế của Đảng bộ tỉnh và Đảng bộ huyện trong nhiệm vụ thực hiện đường lối, chính sách dân tộc của Đảng ở Đồng Văn. Từ đó, Tỉnh ủy đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là cần phải thi hành đúng chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, chuyên chính mạnh mẽ, kiên quyết hơn với bọn phản cách mạng; thực hiện dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân lao động và quyền bình đẳng giữa các dân tộc; đẩy mạnh củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là cấp xã và thôn, bản, đoàn kết các dân tộc, tranh thủ cảm hóa, giáo dục đối với tầng lớp trên. Trên cơ sở đó, có chính sách cụ thể, thích hợp, toàn diện về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa - xã hội để nhanh chóng ổn định tình hình và phát triển ở Đồng Văn cũng như các vùng có đông dân tộc thiểu số.

Vụ bạo loạn ở Đồng Văn (1959) được dập tắt nhanh chóng, đó là một thắng lợi lớn có ý nghĩa chính trị sâu sắc. Đã đập tan âm mưu muốn tách cao nguyên Đồng Văn ra khỏi bản đồ Việt Nam để thành lập "ngũ xã tự trị" của người Mông của bọn phản động, tay sai thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Củng cố khối đoàn kết dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp cải cách dân chủ, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho các dân tộc, góp phần vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh thống nhất

[1]. *Lịch sử bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang (1959 - 2019)*, xuất bản năm 2019, tr. 69-71.

đất nước. Ý nghĩa quan trọng hơn cả là lòng tin của quần chúng các dân tộc ở Đồng Văn nói riêng và tỉnh Hà Giang nói chung vào Đảng, Chính phủ và Bác Hồ ngày càng được củng cố và phát triển. Từ đó, họ quyết tâm đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, quyết tâm xây dựng huyện Đồng Văn giàu mạnh, nhân dân được ấm no và hạnh phúc.

Chương IV
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1961 - 1975)

I. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THỰC HIỆN THẮNG LỢI KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1961 - 1965)

1. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Sau khi kết thúc kế hoạch 3 năm (1958 - 1960) về cải tạo và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, miền Bắc nước ta đã thu được nhiều thành tựu quan trọng, đời sống kinh tế - xã hội đã có bước chuyển biến căn bản. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn như kinh tế lạc hậu, chậm phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn thấp kém, quan hệ sản xuất mới chưa được củng cố vững chắc. Để đưa miền Bắc bước sang giai đoạn phát triển mới, cao hơn, cải thiện và nâng cao một bước đời sống nhân dân, đủ sức chi viện cho cách mạng miền Nam giành thắng lợi, từ ngày 05 - 10/9/1960, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III được diễn ra tại Hà Nội đã thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965).

Nhằm quán triệt và đưa Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng vào cuộc sống của đồng bào các dân tộc tỉnh Hà Giang, từ ngày 17 - 25/3/1961, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ III được tổ chức tại thị xã Hà Giang. Đại hội đã thông qua nhiệm vụ và phương hướng của Đảng bộ trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất với các mục tiêu cơ bản là: Tăng cường củng cố khối đoàn kết các dân tộc, thiết lập quan hệ sản xuất mới, cải thiện và nâng cao một bước đời sống nhân dân, xây dựng Hà Giang ngày càng giàu mạnh, góp phần chi viện sức người, sức của ủng hộ cách mạng miền Nam đấu tranh thống nhất đất nước. Trọng tâm của nhiệm vụ kế hoạch 5 năm mà Đại hội Đảng bộ nhấn mạnh là tập trung xây dựng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn, phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, kết hợp với nhiều ngành nghề khác, phát triển văn hóa - xã hội... đưa Hà Giang tiến kịp với các tỉnh miền xuôi.

Đối với huyện Đồng Văn, sau vụ bạo loạn năm 1959, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội còn hết sức phức tạp. Từ sau hòa bình lập lại (1954), cho đến hết năm 1960, kinh tế, chính trị của Đồng Văn vẫn nằm dưới sự khống chế của các thế lực thổ ty phong kiến, nền kinh tế chưa được khôi phục mà vẫn ở tình trạng mạnh mún, lạc hậu, năng suất thấp, đời sống nhân dân vẫn khổ cực do sự bóc lột của thổ ty

phong kiến địa phương. Tình hình chính trị xã hội chưa ổn định, bọn tàn quân phỉ vẫn ngấm ngầm hoạt động chống lại chính quyền cách mạng, chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cho Đồng Văn sau bạo loạn, tháng 3/1960, Tỉnh ủy Hà Giang phân công đồng chí Vũ Lăng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy lên làm Bí thư Huyện ủy Đồng Văn thay đồng chí Nông Quốc Việt đi học ở trường Nguyễn Ái Quốc; bổ sung thêm 2 đồng chí là Trương Liên Quân - Tỉnh ủy viên và Viên Thế Nghiêu - Tỉnh ủy viên dự khuyết tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Nhiệm vụ trước mắt của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện là nhanh chóng ổn định trật tự, chính trị xã hội, ổn định đời sống nhân dân do hậu quả bóc lột của chế độ thổ ty và cuộc bạo loạn (1959) gây ra, bước vào khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng và xây dựng quan hệ sản xuất mới, đưa Đồng Văn tiến kịp với các huyện vùng thấp.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh ủy Hà Giang, từ ngày 22 - 26/8/1962, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ II họp triển khai nhiệm vụ và phương hướng phấn đấu thực hiện kế hoạch 5 năm trong điều kiện và hoàn cảnh cụ thể ở địa phương. Dự Đại hội có 78 đại biểu chính thức, 10 đại biểu dự khuyết. Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 23 đồng chí, đồng chí Hoàng Đình Lộc được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy.

Báo cáo chính trị của Đại hội đã khẳng định rõ nhiệm vụ trọng tâm của huyện là tập trung phát triển nông nghiệp như lúa, ngô, chăn nuôi; phát triển lâm nghiệp, các cây dược liệu, phát triển mạng lưới giao thông, thương nghiệp, tài chính và sự nghiệp văn hóa, giáo dục.

Nhiệm vụ cụ thể trước mắt của Đảng bộ huyện là tiếp tục hoàn thành cải cách dân chủ kết hợp với tổ chức lại sản xuất. Tăng cường mở rộng phong trào đổi công, từng bước đưa lên đổi công thường xuyên chấm điểm chuẩn bị thành lập hợp tác xã nông nghiệp.

Do những khó khăn đặc thù ở Đồng Văn, phong trào xây dựng hợp tác xã có phần chậm hơn các huyện vùng thấp. Đến hết năm 1962, toàn huyện mới xây dựng được 3 hợp tác xã nông nghiệp ở các xã: Yên Minh, Mậu Duệ và Đồng Văn[(1)]. Huyện Đồng Văn cũng như hai huyện mới tách là Mèo Vạc và Yên Minh có đặc điểm về tự nhiên, trình độ xã hội và nền kinh tế giống nhau, đều là vùng cao núi đá gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn về kinh tế. Để đưa nhân dân huyện Đồng Văn nói riêng và nhân dân vùng cao phía Bắc của tỉnh nói chung thoát khỏi nghèo nàn,

(1). Đến hết năm 1962, trong 35 xã khu Bắc huyện Đồng Văn mới thành lập được 1 hợp tác xã Đồng Tâm ở xã Đồng Văn - theo báo cáo số 308/BC ngày 13/01/1963 của Huyện ủy Đồng Văn về Tổng kết tình hình mọi mặt năm 1962.

lạc hậu, từng bước cải thiện đời sống, ngày 21/10/1962, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết về kế hoạch phát triển sản xuất ở các xã dân tộc vùng Bắc Đồng Văn.

Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phân tích những khó khăn, những cố gắng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Đồng Văn trong việc khôi phục, phát triển kinh tế thời gian qua, nhất là từ năm 1960 trở đi, đồng thời vạch ra phương hướng cho Đảng bộ huyện trong thời gian tới. Quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tập trung lực lượng, thời gian vào xây dựng, củng cố quan hệ sản xuất mới, phát triển sản xuất. Đến hết năm 1962, Đồng Văn đã xây dựng được 670 tổ đổi công, khai hoang phục hóa được 800 ha đất trồng trọt. Đặc biệt, từ năm 1962, tuyến đường Hạnh phúc Hà Giang - Đồng Văn lên tới Phó Bảng đã tạo điều kiện thuận lợi góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội của Đồng Văn phát triển, thị trấn Phó Bảng vốn là một trung tâm buôn bán khá sầm uất, nay lại càng sầm uất hơn.

Phương hướng và nhiệm vụ tiếp theo của huyện Đồng Văn là đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân. Trên cơ sở đời sống được cải thiện, tiếp tục nâng cao giác ngộ chính trị, bảo vệ trị an biên giới. Nhiệm vụ kinh tế trọng tâm của huyện là sản xuất lương thực bằng biện pháp tăng năng suất, tăng vụ. Các nhân tố để tăng năng suất là phải chú ý đến thời vụ, phân bón và giống; biện pháp để tăng vụ là tăng diện tích, trồng xen kẽ các loại hoa mầu như đậu tương, đậu cô ve, lúa mì, mạch... vào nương ngô. Trung ương, tỉnh đầu tư hỗ trợ, Đảng bộ huyện chỉ đạo và hướng dẫn nhân dân xếp đá làm nương bậc thang, phát triển thủy lợi ở những xã có điều kiện như Phố Là, Đồng Văn, Sủng Thài... Căn cứ vào đặc điểm đất đai, khí hậu để phân vùng trồng các loại cây phù hợp như cây dược liệu, đậu tương, bông, su hào lấy hạt giống... nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của Đồng Văn.

Tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong nhiệm vụ phát triển kinh tế ở Đồng Văn nói riêng và vùng cao biên giới nói chung là phải quán triệt đầy đủ 4 nhiệm vụ và 4 yêu cầu cơ bản.

Bốn nhiệm vụ đó là:

1 - Tích cực và tạo điều kiện giúp đỡ các cơ sở thủ công nghiệp sản xuất nông cụ để đáp ứng được nhu cầu khai hoang và sản xuất.

2 - Củng cố và tổ chức mạng lưới giao thông vận tải bằng ngựa thồ nhằm cung cấp hàng hóa, nông cụ, phân bón... cho nhân dân các xã.

3 - Làm tốt công tác thu mua và quản lý thị trường để tích trữ lương thực cung cấp cho các đối tượng thiếu đói trong lúc giáp hạt, quản lý tốt giá cả thị trường, hạn

chế các đối tượng chuyên buôn bán lương thực, đặc biệt là quản lý tốt biên giới, không để lương thực lọt ra ngoài.

4 - Củng cố, phát triển quỹ tình thương nhằm giúp đỡ, hỗ trợ những vùng, những gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về lương thực, giống, vốn để phát triển sản xuất.

Bốn yêu cầu là:

1 - Làm tốt công tác tư tưởng cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân phải có sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của cấp ủy và các ngành về nhiệm vụ tập trung phát triển sản xuất lương thực, cải thiện đời sống nhân dân. Đó là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

2 - Quán triệt đầy đủ và đúng đắn đường lối nông thôn miền núi của Đảng, có nghĩa là phải biết dựa vào tầng lớp nhân dân lao động nghèo, kết hợp rộng rãi với tầng lớp trên. Kết hợp các nhiệm vụ giáo dục, tổ chức và giúp đỡ nông dân nghèo với chính sách khuyến khích, giúp đỡ và tạo điều kiện cho tầng lớp trên tiến bộ để tạo bầu không khí phấn khởi, đoàn kết sản xuất trong nông thôn.

3 - Coi trọng công tác đào tạo cán bộ dân tộc ít người phục vụ công cuộc vận động phát triển sản xuất, xây dựng tổ đổi công chuẩn bị tiến tới xây dựng hợp tác xã.

4 - Đi đôi với lãnh đạo sản xuất cần chú ý đúng mức nhiệm vụ tổ chức quần chúng, bảo vệ trị an. Từ đó nâng cao giác ngộ chính trị, bảo vệ bản làng, bảo vệ đất nước và biên giới.

Quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tổ chức nhiều Hội nghị quan trọng để bàn biện pháp phát triển kinh tế, trực tiếp cử cán bộ tăng cường xuống các cơ sở xã giúp và hướng dẫn nhân dân tổ chức và phát triển sản xuất.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về phát triển nông nghiệp và Chỉ thị số 27-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (ngày 26/02/1962) về chỉ đạo vụ đông xuân 1961 - 1962, hàng ngàn đồng bào các dân tộc vùng núi phía Bắc trong đó có huyện Đồng Văn đã nô nức xuống vùng thấp, vùng thuận lợi để khai hoang, phục hóa hàng ngàn héc-ta ruộng nương, mở rộng sản xuất. Đoàn viên, thanh niên là lực lượng chủ yếu, đi đầu và đóng vai trò xung kích trong phong trào "Thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước" trên mặt trận sản xuất, mặt trận khai hoang phục hóa mở rộng diện tích. Đảng bộ và chính quyền huyện thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn nhân dân về các phương pháp tiến bộ trong sản xuất để tăng năng suất lao động, uốn nắn kịp thời những vướng mắc lệch lạc trong quá trình thực

hiện.

Để tiến tới chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ IV, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, từ ngày 04 - 07/5/1963, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ III. Tham dự Đại hội có 57 đại biểu chính thức, 4 đại biểu dự khuyết. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 13 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hoàng Đình Lộc được tín nhiệm bầu lại làm Bí thư Huyện ủy.

Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ của Đảng bộ huyện đã được báo cáo chính trị khẳng định rõ là: tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã, tiến tới hoàn thiện quan hệ sản xuất mới - quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đại hội phân tích đặc điểm, điều kiện và hoàn cảnh của Đồng Văn, xác định nhiệm vụ trọng tâm vẫn là mặt trận kinh tế, trong đó nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu. Đồng thời tích cực mạnh dạn đầu tư vào phát triển các ngành nghề kinh tế phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và nâng cao đời sống nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp văn hóa - xã hội, góp phần nâng cao dân trí, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Mục tiêu phấn đấu của Đảng ta là cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đi qua hơn nửa chặng đường, song đời sống của đồng bào các dân tộc ở vùng cao nói chung, Đồng Văn nói riêng còn rất thấp kém, một phần do điều kiện thiên nhiên không thuận lợi, một phần do nhân dân chưa biết cách làm ăn mới, thiếu vốn sản xuất. Vì vậy, chủ trương của Trung ương và Đảng bộ tỉnh cũng như yêu cầu của Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn là Đảng và Nhà nước phải tăng cường đầu tư giúp đỡ vốn, kỹ thuật để phát triển kinh tế vùng cao, nâng cao đời sống. Trong phương hướng và mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đã chỉ rõ tạo mọi điều kiện đưa vùng cao tiến kịp vùng thấp, vùng biên giới tiến dần lên kịp vùng nội địa, vùng hẻo lánh tiến dần lên kịp vùng tập trung, toàn tỉnh tiến kịp miền xuôi, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, góp phần xây dựng khu tự trị Việt Bắc giàu mạnh, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy mạnh phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Đến năm 1964, Đồng Văn đã xây dựng được 3 hợp tác xã nông nghiệp với 50 hộ nông dân tham gia, tiếp tục phát triển các tổ đổi công, đưa dần lên bình công chấm điểm, làm cơ sở cho thành lập hợp tác xã sau này.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã tập trung huy động vốn, động viên công sức của nhân dân làm thủy lợi, phân bón, mở rộng diện tích và đầu tư khoa

học kỹ thuật. Do đó, năng suất lao động, sản lượng lương thực ngày càng tăng. Năm 1963, lương thực đạt 21.882 tấn, năm 1964 tăng lên 23.640 tấn, đạt 108,03%. Bình quân lương thực đầu người (lúa và ngô) năm sau cao hơn năm trước. Năm 1963, đạt 255,92 kg, đến năm 1964, đạt 264,9kg, so với năm 1963 đạt 104,43%.

Thủ công nghiệp địa phương được Đảng bộ huyện quan tâm và khuyến khích phát triển. Các nghề như rèn cuốc, dao, đúc lưỡi cày... phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngành chế biến lương thực, thực phẩm phục vụ đời sống nhân dân bước đầu được phát triển. Tuy nhiên, ngành thủ công nghiệp còn rất nhỏ bé, sản xuất theo mô hình gia đình là chủ yếu, sản xuất thủ công mới chỉ là nghề phụ trong gia đình để tăng thêm thu nhập. Do dân cư sống thưa thớt nên việc tập hợp các gia đình sản xuất thủ công nghiệp thành tổ hoặc hợp tác xã gặp rất nhiều khó khăn, sản xuất chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Trong lĩnh vực thương nghiệp và tài chính, bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, huyện Đồng Văn cũng như các huyện vùng cao khác còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, phương tiện lưu thông hàng hóa chỉ là ngựa thồ, giá cả hàng hóa cao hơn các huyện vùng thấp, chính sách thu mua của Nhà nước còn gặp nhiều khó khăn... Trong phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ tỉnh quyết tâm và phấn đấu hoàn thành tuyến đường Hà Giang - Đồng Văn, từ đó sẽ xây dựng và phát triển nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức là mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán; tập trung vốn thu mua hết sản phẩm của nông dân, góp phần tăng thêm thu nhập cho nhân dân. Thực hiện Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng tập trung sức lực chỉ đạo ngành thương nghiệp xây dựng và phát triển trên địa bàn toàn huyện như mậu dịch quốc doanh, cửa hàng hợp tác xã, thành lập các chợ ở khu đông dân cư, tạo thuận lợi cho nhân dân trao đổi mua bán hàng hóa. Tích cực thu thuế, động viên nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước. Thu ngân sách cho Nhà nước hàng năm có tăng nhưng chưa đạt yêu cầu. Năm 1960, thu ngân sách đạt 26,6%, năm 1964 đạt 37,3%.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải, Đảng bộ và chính quyền huyện đã huy động một khối lượng lớn sức người tham gia mở tuyến đường Hà Giang - Đồng Văn. Đến tháng 9/1963, tuyến đường mang tên Hạnh phúc Hà Giang - Đồng Văn được khánh thành. Đây là sự kiện có ý nghĩa lịch sử sâu sắc. Trong gần 70 năm thực dân Pháp đô hộ Hà Giang không làm được, đến nay chỉ trong vòng 4 năm, chúng ta đã hoàn thành tuyến đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn dài 164 km. Đối với nhân dân các dân tộc Đồng Văn, việc hoàn thành tuyến đường này đã đem lại hạnh phúc, ấm no cho

họ, đó là sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước đối với các dân tộc thiểu số ở vùng cao, tạo điều kiện cho Đồng Văn phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội.

Bên cạnh đó, Đảng bộ huyện còn lãnh đạo nhân dân mở mới và sửa chữa lại hệ thống đường giao thông nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, nhân dân đi lại được thuận tiện, trao đổi hàng hóa dễ dàng.

Đến hết năm 1964, trong lĩnh vực kinh tế, huyện Đồng Văn đã giành được thắng lợi bước đầu có ý nghĩa quan trọng. Tính chung cả hai huyện Đồng Văn và Mèo Vạc, tổng giá trị sản lượng năm 1963 đạt 6.261.965 đồng. Đến năm 1964, đạt 6.547.968 đồng, trong đó trồng trọt năm 1963 đạt 3.994.432 đồng, năm 1964, đạt 4.474.282 đồng. Chăn nuôi có phần giảm sút, năm 1963 đạt 978,827 đồng, nhưng đến năm 1964 chỉ đạt 956,154 đồng.

Phát triển lâm nghiệp và trồng rừng là một vấn đề cấp bách ở huyện. Đặc điểm nổi bật về tự nhiên của huyện là núi đá chiếm đại bộ phận diện tích tự nhiên, rừng bị tàn phá nghiêm trọng. Do đó, tình trạng thiếu nước sinh hoạt và sản xuất rất gắt gao. Phương hướng của Đảng bộ huyện là phải tăng cường trồng rừng, từng bước khoanh nuôi, bảo vệ rừng đầu nguồn... Tuy nhiên, công tác lâm nghiệp còn hạn chế, rừng bị tàn phá ngày càng nhiều mà chưa có biện pháp hữu hiệu để khắc phục. Vì vậy, tình hình khan hiếm nước sinh hoạt và sản xuất ở Đồng Văn vẫn chưa có cách nào giải quyết được.

Qua hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Văn đã giành được nhiều thành tựu quan trọng trên mặt trận kinh tế, đời sống của nhân dân đã có bước chuyển biến quan trọng. Song, vẫn còn khó khăn, hạn chế như kinh tế phát triển chậm, không toàn diện, năng suất chưa cao; sự lãnh đạo của Đảng bộ còn nhiều lúng túng, nhiều chỉ tiêu kế hoạch không đạt được, đời sống nhân dân còn đói kém.

Song song với những thành tựu kinh tế, trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục và y tế cũng có bước chuyển biến mạnh.

Về giáo dục, phương hướng, nhiệm vụ năm 1961 đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III thông qua là phát triển lớp vỡ lòng và phổ thông ở tất cả các xã trong các huyện vùng cao, tích cực tạo nguồn giáo viên bình dân học vụ để tham gia xóa mù chữ; vùng dân tộc có chữ viết, phải xóa mù chữ dân tộc như vùng người Mông phải xóa mù chữ Mông, vùng người Tày, Nùng phải xóa mù chữ Tày, Nùng. Được sự lãnh đạo của Khu ủy, của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn đã nỗ lực phấn đấu tìm mọi biện pháp để phát triển giáo dục. Phương châm phát triển giáo dục của Đảng bộ huyện là tự thân vận động kết hợp với sự giúp đỡ của

tỉnh và khu. Thực hiện phương châm này, huyện đã xây dựng trường Sư phạm ở Phố Cáo[1] đào tạo giáo viên tại chỗ, phục vụ cho chương trình xóa mù chữ; về phía khu và tỉnh đã có chính sách điều động giáo viên vùng thấp lên tăng cường cho Đồng Văn, có chính sách khuyến khích thu hút giáo viên vùng xuôi lên dạy học ở miền núi. Đó là nguồn bổ sung giáo viên tuy còn ít ỏi, song rất quý đối với một huyện miền núi thiếu giáo viên trầm trọng như Đồng Văn. Tỉnh quyết định đầu tư thêm ngân sách, huyện tăng cường huy động công sức của nhân dân địa phương xây dựng trường lớp, đóng bàn ghế.

Tuy nhiên, do thiếu giáo viên, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng thấp kém nên kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, kết quả về công tác giáo dục vùng cao nói chung và Đồng Văn nói riêng chưa đạt so với yêu cầu. Năm 1964, huyện còn 95% dân số mù chữ, nhiều cán bộ ở huyện, xã chưa biết đọc, chưa biết viết. Điển hình như xã Sủng Thài có 73 cán bộ, đảng viên thì mới có 7 người có trình độ lớp 1 và lớp 2; Ủy ban hành chính huyện còn 2 ủy viên mù chữ. Tỷ lệ người biết chữ so với số dân còn quá thấp, cứ 100 người Tày thì mới có 14 học sinh cấp I, 1,5 học sinh cấp II; 100 người Mông thì mới có 1,9 học sinh cấp I... Việc đưa chữ dân tộc vào dạy trong trường học không được thường xuyên, không được chú trọng nên bị thu hẹp dần. Năm 1962, đưa chữ Mông vào dạy ở tất cả các lớp vỡ lòng trong toàn huyện nhưng không đủ giáo viên, vì vậy, năm 1963, phải chuyển sang học chữ quốc ngữ. Công tác đào tạo giáo viên thiếu tích cực[2], đội ngũ giáo viên người dân tộc, người địa phương còn quá ít, cả huyện Đồng Văn mới có 1 giáo viên là người Mông.

Về y tế, huyện Đồng Văn mới có 1 bệnh viện được xây dựng từ năm 1962. Trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã xây dựng được thêm 5 trạm xá trong tổng số 20 xã để khám chữa bệnh và phát thuốc cho nhân dân. Để làm tốt nhiệm vụ chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, huyện đã tổ chức được 2 lớp tập huấn cho 40 người làm nhiệm vụ tiêu diệt bệnh sốt rét, tổ chức phát thuốc cho 6 xã, phun thuốc diệt muỗi, vận động nhân dân tích cực phòng bệnh, chuyển chuồng trại ra xa nhà ở, khơi thông cống rãnh, ăn uống vệ sinh... để bảo vệ sức khỏe. Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song công tác y tế, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân còn gặp không ít khó khăn như thiếu cán bộ y tế, còn nhiều xã trắng về y tế, cơ sở vật chất phục vụ cho khám, chữa bệnh hết sức thiếu thốn, nghèo nàn, cộng thêm vào đó là tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ y tế xã kém, do vậy nhân dân còn ngại đến bệnh viện khi ốm đau. Bên cạnh đó, ngành y tế lại có chủ trương xóa bỏ bệnh xá tiểu

[1]. Sau đó chuyển về xã Đồng Văn.
[2]. Năm 1963, quỹ đào tạo của trường Sư phạm Phố Cáo là 47.000 đồng nhưng đến cuối năm mới chi hết 5.000 đồng, còn 42.000 đồng không biết chi vào đâu.

khu Đồng Văn và cắt bỏ khoản thuốc phát khi nhân dân đến khám, chữa bệnh là không hợp lý với chính sách dân tộc của Đảng. Công tác phòng chống dịch bệnh mặc dù đạt nhiều kết quả nhưng các bệnh như: sốt rét, bướu cổ, đau mắt hột... còn rất phổ biến, vì vậy nhiệm vụ của ngành y tế Đồng Văn rất lớn và nặng nề.

Văn hóa - văn nghệ xã hội chủ nghĩa bước đầu phát triển. Mọi hoạt động đều nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, nâng cao đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc, hạn chế các hủ tục, mê tín dị đoan. Hoạt động của văn hóa biểu hiện ở hai lĩnh vực Nhà nước và quần chúng. Văn hóa Nhà nước, tỉnh kết hợp với huyện tổ chức chiếu phim, văn công biểu diễn, triển lãm để phục vụ nhân dân. Nhưng do điều kiện cơ sở vật chất thiếu thốn, thiếu phương tiện giao thông đi lại, nên hoạt động của văn hóa Nhà nước còn hạn chế, cả hai huyện (Đồng Văn và Yên Minh) mới có chung một đội chiếu bóng, các buổi biểu diễn của văn công lưu động chủ yếu tập trung ở thị trấn, vùng thuận lợi. Năm 1961, toàn tỉnh tổ chức được 1.338 buổi chiếu phim nhưng ở các huyện vùng cao, trong đó có Đồng Văn mới phục vụ được 392 buổi, tỷ lệ mới đạt 33%. Năm 1963, toàn tỉnh tổ chức phục vụ được 1.314 buổi chiếu phim, trong đó vùng cao mới phục vụ được 400 buổi, tỷ lệ mới đạt 30%. Đặc biệt, trong hoạt động còn mang nặng tư tưởng kinh doanh đơn thuần, cho nên các hoạt động văn hóa chỉ tập trung ở những nơi đông dân cư, thuận lợi. Vì vậy, mục tiêu phục vụ nhân dân vùng cao biên giới chưa đạt yêu cầu của Đảng đề ra. Về văn hóa - văn nghệ quần chúng, do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên không được chú ý đúng mức, mang tính tự phát. Năm 1963, nhân dân đã tự tổ chức được 5 tổ văn nghệ, nhưng vì không có kinh phí hoạt động và bồi dưỡng, không được sự giúp đỡ, ủng hộ của chính quyền nên nhanh chóng tan rã.

Được sự giúp đỡ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, huyện đã đầu tư kinh phí xây dựng bể nước, đặt ống dẫn nước cho các xã khó khăn thiếu nước như Sà Phìn, Sủng Thài, Sủng Cháng, Lũng Táo, Sủng Là, Lũng Phìn... giúp nhân dân giảm bớt khó khăn về nước sinh hoạt.

Đảng bộ huyện tập trung vào giải quyết các tàn dư xã hội cũ để lại, xây dựng nếp sống văn hóa mới ở nông thôn miền núi, nhưng kết quả đạt được còn rất thấp, mê tín dị đoan còn nặng nề, ngay cả một số cán bộ, đảng viên chủ chốt ở xã còn làm nghề cúng bái. Đồng Văn là huyện trồng nhiều thuốc phiện nhất tỉnh, do đó số người nghiện hút còn rất lớn. Theo báo cáo tổng kết kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của Đảng bộ tỉnh Hà Giang, toàn tỉnh có 2.761 người nghiện hút, trong đó tập trung ở Đồng Văn 1.326 người. Từ đó dẫn đến tình trạng buôn lậu, trộm cắp khá phổ biến, tác động tiêu cực đến quá trình phát triển sản xuất, xây dựng kinh tế - xã hội của huyện.

Qua thời gian thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã giành được nhiều thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, làm cho bộ mặt nông thôn có bước khởi sắc. Những thắng lợi đó tuy còn nhỏ bé, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của Đảng và nhân dân, song có một ý nghĩa to lớn, đó là bước khởi đầu, tạo đà cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa trên mảnh đất cao nguyên Đồng Văn - biên giới đầy khó khăn, thử thách.

2. Đẩy mạnh xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, giữ vững an ninh - quốc phòng và tích cực chi viện cho cách mạng miền Nam.

Đồng Văn bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trong điều kiện kinh tế - xã hội còn chồng chất khó khăn và thử thách. Đặc biệt sau vụ bạo loạn năm 1959, tình hình xã hội, an ninh, quốc phòng còn nhiều phức tạp. Để khắc phục tình trạng trên, đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng, nhất là Đảng bộ huyện Đồng Văn là rất quan trọng, đó là nhân tố quyết định của mọi thắng lợi trong sự nghiệp cải tạo, xây dựng và phát triển mọi mặt của huyện.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ II và III, Đồng Văn đã không ngừng chăm lo, xây dựng và củng cố tổ chức Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức. Thực hiện tốt đợt chỉnh huấn mùa xuân năm 1961 theo tinh thần Nghị quyết của Bộ Chính trị nhằm tạo ra khí thế cách mạng sôi nổi trong toàn Đảng bộ và nhân dân, Đảng bộ huyện đã tổ chức các lớp tập huấn chính trị sâu rộng trong toàn thể đảng viên. Qua đợt tập huấn, chất lượng đảng viên được nâng cao, năng lực, tinh thần trách nhiệm đã có bước chuyển biến mạnh. Tăng cường củng cố và thành lập các chi bộ ở những xã, cơ quan có đủ số lượng đảng viên; chú ý đến củng cố, xây dựng chi bộ Đảng ở nông thôn. Tháng 01/1961, Chi bộ xã Lũng Phìn được thành lập với 3 đảng viên[(1)]. Ngày 14/1/1962, Chi bộ xã Sà Phìn được thành lập với 5 đảng viên[(2)]. Đầu năm 1962, Chi bộ Sảng Tủng được thành lập với 3 đảng viên[(3)]. Cuối năm 1963, Chi bộ xã Lũng Cú được thành lập với 4 đảng viên[(4)]. Đến hết năm 1963, đảng viên khá đạt 45,06%, đảng viên trung bình 29,01%, đảng viên kém 15,87%. Năm 1963, có 19 chi bộ, chi bộ khá tăng 3% so với năm 1962, còn 5% chi bộ yếu kém. Ở nông thôn, số lượng đảng viên từ năm 1963 đến hết năm 1964 tăng 9%, tỷ lệ đảng viên kém chỉ còn 2,5% đến 3%.

Một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng là phát triển Đảng. Đồng Văn là huyện vùng cao, khó khăn, dân trí thấp, số dân mù chữ lớn, kinh tế chậm phát triển cho nên vấn đề phát triển Đảng cũng gặp nhiều khó khăn. So với

---

(1). Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Lũng Phìn (1945 - 2015), xuất bản năm 2018, tr 43.
(2). Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Sà Phìn (1945 - 2015), xuất bản năm 2018, tr 46 - 47.
(3) . Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Sảng Tủng (1961 - 2018), xuất bản năm 2020, tr 31.
(4). Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Lũng Cú (1961 - 2015), xuất bản năm 2020, tr 32.

các huyện khác, việc phát triển Đảng của Đồng Văn có phần yếu hơn. Năm 1963, toàn Đảng bộ mới kết nạp được 47 đảng viên. Đến hết năm 1964, tỷ lệ đảng viên so với số dân toàn huyện mới đạt 3,5%. Mỗi năm tổ chức xóa mù chữ cho 200 - 300 đảng viên.

Nhiệm vụ xây dựng và chỉnh huấn Đảng được Đảng bộ huyện gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Thực chất đây là cuộc đấu tranh tư tưởng giữa cái cũ lạc hậu, bảo thủ, trì trệ với cái mới, cái tiến bộ trong quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở một huyện miền núi. Công tác chỉnh huấn phát triển Đảng luôn bám chắc vào đường lối, chính sách dân tộc của Đảng, luôn phát huy được truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết các dân tộc. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị, từ Đảng bộ đến mỗi đảng viên đa phần đã nhận thức được những hạn chế, thiếu sót, sai lầm của mình, lấy phương châm phê và tự phê bình là phương tiện sắc bén nhất để không ngừng tiến bộ, một lòng quyết tâm vượt qua khó khăn, gian khổ, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đủ sức lãnh đạo toàn dân hoàn thành xuất sắc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất trên địa bàn.

Đồng thời với nhiệm vụ kiện toàn, củng cố và phát triển Đảng, Đảng bộ huyện Đồng Văn còn hết sức chú ý tăng cường kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền các cấp, nhất là chính quyền cấp xã. Tình hình huyện Đồng Văn từ cuối năm 1962 trở về trước chưa chia huyện nên các xã quá rộng, dân cư sống không tập trung, trong khi đó cán bộ lãnh đạo huyện và các xã đều thiếu và yếu, không đủ khả năng lãnh đạo. Vì vậy, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng gặp nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Giang, ngày 18/9/1960, Huyện ủy Đồng Văn đã có Báo cáo số 93-BC/HU "Về phương án chia tách các xã của huyện Đồng Văn" trình các cấp có thẩm quyền nhằm phù hợp với tình hình trên địa bàn huyện.

Ngày 15/4/1961, Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết dự kiến chia nhỏ huyện Đồng Văn để đề nghị Chính phủ ra Quyết định. Ngày 05/7/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 91-CP chia tách 13 xã của huyện Đồng Văn thành các xã mới.

Đến ngày 15/12/1962, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 211-CP chia huyện Đồng Văn thành 3 huyện mới: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh. Sau khi chia tách, huyện Đồng Văn có 47.663 nhân khẩu, gồm 16 dân tộc cùng sinh sống tại 20 đơn vị hành chính, bao gồm: thị trấn Phó Bảng và 19 xã: Thắng Mố, Tả Lủng, Sảng Tủng, Sính Lủng, Lũng Táo, Phố Là, Đồng Văn, Sủng Tráng (Sủng Cháng),

Phú Lũng, Lũng Cú, Sà Phìn, Sủng Thài, Ma Lé, Sủng Là, Lũng Thầu, Thài Phùn Tủng, Phố Cáo, Vần Chải, Tả Phìn.

Sau khi ổn định về tổ chức hành chính sau ngày chia tách huyện, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo và tổ chức thành công kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1963. Hội đồng nhân dân huyện bầu ra Ủy ban Hành chính huyện do đồng chí Vừ Mí Kẻ làm Chủ tịch; Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các xã được kiện toàn và củng cố. Trong việc tổ chức bầu cử, Đảng bộ huyện cùng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng quán triệt đến các cử tri nguyên tắc tập trung dân chủ. Từ đó, nhân dân biết phát huy quyền làm chủ Nhà nước, làm chủ tập thể, hiểu được trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của người công dân trong xây dựng đất nước, quê hương.

Về cơ cấu chính quyền các cấp, Đảng bộ huyện dựa vào chính sách, đường lối dân tộc để chỉ đạo đúng thành phần, dân tộc, do đó đã tránh được dị nghị, mất đoàn kết trong quần chúng nhân dân, bước đầu thực hiện được sự bình đẳng giữa các dân tộc.

Ngày 28/4/1964, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa III, với số cử tri đi bỏ phiếu, số phiếu hợp lệ đạt cao và rất tập trung. Kết quả, ông Vừ Mí Kẻ và bà Vương Thị Ngọc Vấn đại biểu của nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa III. Đây là một thắng lợi lớn chứng tỏ trình độ chính trị của nhân dân đã được nâng cao, nhân dân các dân tộc trong toàn huyện tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Kết hợp với củng cố, kiện toàn chính quyền, Đảng bộ huyện còn quan tâm xây dựng, củng cố các tổ chức chính trị, tổ chức quần chúng như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn... nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp, mọi lực lượng vào phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh.

Trong điều kiện hoàn cảnh của Đồng Văn lúc này, nhiệm vụ trọng tâm của Mặt trận Tổ quốc là đoàn kết và cải tạo tầng lớp trên, góp sức tham gia xây dựng làng bản, quê hương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, Mặt trận Tổ quốc huyện tăng cường tổ chức, xây dựng và củng cố Mặt trận các xã làm tròn trách nhiệm đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế cũng như xây dựng cuộc sống mới; thường xuyên cùng Đảng bộ, chính quyền và các tổ chức xã hội khác phát động các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, vận động phong trào ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; hoàn thành nhiệm vụ tổ chức Hội nghị Hiệp thương chính trị giới thiệu đại biểu cho bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu

Hội đồng nhân dân các cấp, góp phần xây dựng, củng cố chính quyền vững mạnh.

Được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện, phong trào Đoàn phát triển ngày càng mạnh mẽ, rộng khắp. Các phong trào thi đua như khai hoang, phục hóa, phong trào "Những người tình nguyện vượt mức kế hoạch"; phong trào học tập xóa mù chữ, bảo vệ an ninh trật tự... đã thu hút đông đảo lực lượng đoàn viên, thanh niên tham gia. Nhiệm vụ quan trọng trước mắt cũng như lâu dài của Đoàn Thanh niên là học tập xóa mù chữ. Lực lượng đoàn viên, thanh niên ở Đồng Văn tuy đông, nhiệt tình, song trình độ văn hóa còn thấp, số lượng mù chữ còn lớn, do đó còn hạn chế rất nhiều đến phong trào.

Hưởng ứng phong trào "3 sẵn sàng" do Trung ương Đoàn phát động, đoàn viên, thanh niên Đồng Văn càng hiểu rõ hơn vị trí, vai trò và nhiệm vụ của mình trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần to lớn vào thắng lợi của sự nghiệp xâv dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Hoạt động của Hội Phụ nữ cũng có bước phát triển mới. Vai trò của chị em trong lao động sản xuất, hoạt động xã hội và gia đình ngày càng lớn. Kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiều Chi hội Phụ nữ ở các xã được thành lập, bước đầu hoạt động có hiệu quả, góp phần vận động phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội, tham gia chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Ngoài ra, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Phụ lão, Đội Thiếu niên nhi đồng... tùy theo chức năng, tuổi tác và sức lực đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Trong lĩnh vực an ninh chính trị xã hội: Sau vụ bạo loạn năm 1959, tình hình Đồng Văn vẫn còn diễn biến phức tạp. Bọn phản động Trung Quốc thường chạy sang cấu kết với bọn phản động địa phương gây rối, chống lại chính quyền của ta. Chúng tàng trữ vũ khí, không chịu giao nộp cho chính quyền, tìm cách liên lạc, móc nối với bọn gián điệp, biệt kích do Pháp cài cắm lại, âm mưu nổi loạn; đế quốc Mỹ rải truyền đơn kích động quần chúng chống lại chính quyền và lực lượng vũ trang của ta, hòng gây hoang mang trong quần chúng, phá hoại công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta ở Đồng Văn. Nếu có điều kiện, chúng có thể nổi loạn cướp chính quyền, tách Đồng Văn ra khỏi Việt Nam, thành lập khu vực người Mông tự trị.

Khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, đối với Đồng Văn cũng như một số huyện vùng cao biên giới, ngoài nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy đã đặt công tác bảo vệ trị an, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững sự bình yên của nhân dân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được kết hợp chặt chẽ,

đồng bộ với cải tạo xã hội chủ nghĩa, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết 39 của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương mở rộng, phát triển hơn nữa công tác phát động quần chúng bảo vệ trị an, xây dựng lực lượng vũ trang ở vùng biên giới, hẻo lánh và các vùng xung yếu như các xã Lũng Cú, Ma Lé, Sủng Cháng...

Để trấn áp bọn phản động, giác ngộ quần chúng nhân dân, Bộ Chính trị, Khu ủy đã có Nghị quyết hướng dẫn xét xử bọn cầm đầu vụ bạo loạn năm 1959 ở Đồng Văn. Ngày 21/10/1961, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tiến hành 3 phiên tòa xét xử công khai bọn cầm đầu gây bạo loạn. Những kẻ "gieo gió ắt phải gặt bão" - ba tên Vàng Chúng Dình, Giàng Vạn Sùng và Vàng Chỉn Cáo những tên trùm sỏ vụ bạo loạn phải chịu hình phạt cao nhất là tử hình, còn những tên khác tùy vào mức độ nặng, nhẹ, chịu hình phạt từ cảnh cáo đến tù chung thân. Đó là những bài học thích đáng cho những kẻ nào còn ảo tưởng muốn tách cao nguyên Đồng Văn ra khỏi bản đồ Việt Nam, muốn làm vương chủ đồng bào các dân tộc trên cao nguyên núi đá này.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, được sự giúp đỡ của Khu ủy và Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã phát động quần chúng tiễu phỉ. Công tác tiễu phỉ được tiến hành đồng thời với cuộc phát động quần chúng hoàn thành cải cách dân chủ, là một bộ phận quan trọng của nhiệm vụ cải cách dân chủ.

Phương thức để thực hiện cuộc vận động quần chúng tiễu phỉ là giáo dục, giác ngộ, nâng cao trình độ nhận thức của quần chúng, từ đó quần chúng sẽ trở thành "tai mắt" của Đảng và chính quyền, giúp các lực lượng vũ trang phát hiện những tên phản động đang ẩn náu trong nhân dân. Kết hợp vận động quần chúng với nhiệm vụ trinh sát, công tác chính trị của lực lượng vũ trang để phát hiện bọn cầm đầu nguy hiểm.

Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm. Nhiệm vụ đầu tiên là đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở Công an xã, củng cố các đội dân quân tự vệ. Các đơn vị vũ trang ở cấp xã được biên chế theo đơn vị sản xuất hoặc nhóm để đảm bảo tổ chức gọn nhẹ, kết hợp hoạt động huấn luyện với lao động sản xuất. Công tác xây dựng lực lượng vũ trang được thực hiện theo phương châm "Trọng chất hơn lượng, đảm bảo Đảng lãnh đạo tuyệt đối trong dân quân"[(1)]. Từ đó, một mặt phát triển mạnh về số lượng, nhưng mặt khác lại rất chú trọng về chất lượng của lực lượng vũ trang. Đảng bộ huyện chỉ đạo các ngành, các cấp thường xuyên

[(1)]. Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và kế hoạch 5 năm ở vùng dân tộc tỉnh Hà Giang của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

giáo dục chính trị tư tưởng và văn hóa trong các lực lượng vũ trang. Tăng cường động viên những người đã kinh qua chiến đấu tham gia các đội tự vệ.

Với những cố gắng trên, trong Hội nghị tổng kết phong trào bảo vệ trị an, xây dựng mạng lưới công an xã của tỉnh, ngày 12/10/1964, Huyện đội Đồng Văn được Quân khu Việt Bắc tặng cờ "Huyện đội khá nhất", xã Sủng Cháng được công nhận là đơn vị tiêu biểu cho phong trào bảo vệ trị an. Cũng tại hội nghị này, đồng chí Sùng Dúng Lù - Xã đội trưởng xã Vần Chải được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

Thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Đảng bộ và đồng bào các dân tộc Đồng Văn đã giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa trên mọi lĩnh vực, làm cho bộ mặt kinh tế - xã hội có những biến đổi tích cực và căn bản. Những thắng lợi đó chính là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn, sự giúp đỡ tích cực của Đảng và Chính phủ, của Khu ủy và của Tỉnh ủy, là kết quả của sự vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách dân tộc của Đảng, là sự nỗ lực của Đảng bộ huyện, sự nhiệt tình cách mạng của nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ quê hương, đất nước.

Tuy nhiên, những thắng lợi đó còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu phấn đấu của Đảng, ước nguyện của nhân dân. Sự hạn chế đó do các nguyên nhân khách quan và chủ quan đem lại. Về mặt khách quan: Khí hậu khắc nghiệt, điều kiện tự nhiên khó khăn, phức tạp, dân trí thấp, kết cấu hạ tầng yếu kém, an ninh chính trị - xã hội chưa được ổn định.

Về mặt chủ quan: Đây là nguyên nhân cơ bản. Đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ các cấp chưa sát với thực tiễn địa phương, chưa đầu tư, quan tâm đúng mức đến phát triển kinh tế - xã hội; cán bộ, đảng viên còn quan liêu, bảo thủ, trình độ văn hóa, trình độ chính trị chưa đáp ứng so với yêu cầu; cán bộ vừa thiếu lại vừa yếu, thiếu cán bộ có trình độ chuyên môn, nhất là cán bộ khoa học kỹ thuật, yếu về năng lực nhận thức, năng lực lãnh đạo và thực tiễn.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI, GÓP PHẦN CÙNG CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG GIẶC MỸ XÂM LƯỢC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965 - 1975)

1. Hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến (1965 - 1970)

Cuối năm 1964, đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt": Ở miền Nam, quân nguỵ - xương sống của "Chiến tranh đặc biệt" có nguy cơ bị thất bại và sụp đổ hoàn toàn. Cuối năm 1964, đầu năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt

đưa quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam thực hiện "Chiến tranh cục bộ" nhằm cứu vãn quân nguỵ, tiêu diệt chủ lực quân giải phóng, tiêu diệt cách mạng ở miền Nam. Ở miền Bắc, sau khi đế quốc Mỹ dựng lên "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" (ngày 05/8/1964), chúng cho máy bay và tàu chiến ra đánh phá miền Bắc. Đến ngày 07/02/1965, để quốc Mỹ đánh phá miền Bắc với quy mô lớn và ngày càng ác liệt. Như vậy, chiến tranh đã lan rộng ra cả nước, miền Bắc lúc này vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến.

Hà Giang là tỉnh cực Bắc của Tổ quốc, ngày 08/8 và ngày 15/11/1965, đế quốc Mỹ đã hai lần cho máy bay đánh phá thị trấn Vĩnh Tuy (huyện Bắc Quang) gây thiệt hại cho ta về người và của.

Đồng Văn là huyện cực Bắc của Hà Giang, chiến tranh khó có thể leo thang đến, vì vậy nhiệm vụ trọng tâm của Đồng Văn là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất, củng cố chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội, trở thành hậu phương vững chắc, chi viện đắc lực cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước. Đồng thời, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu nếu chiến tranh leo thang đến thì không bị bất ngờ. Như vậy, lúc này nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu luôn gắn bó với nhau, trong đó nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng hậu phương là nhiệm vụ hàng đầu của Đồng Văn. Trong mỗi cuộc chiến tranh, việc xây dựng và củng cố hậu phương vững chắc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, qua đó phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân thực hiện khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Khi chiến tranh đã lan rộng ra cả miền Bắc, miền Bắc phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược là vừa sản xuất, vừa chiến đấu, mọi hoạt động kinh tế - xã hội phải có sự chuyển hướng phù với hợp hoàn cảnh có chiến tranh. Khẩu hiệu "Chắc tay súng, vững tay cày", "Chắc tay súng, vững tay búa"... được quán triệt rộng rãi tới mọi lực lượng lao động sản xuất, công tác và học tập.

Trước tình hình đó, tháng 8/1964, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiến hành Đại hội lần thứ IV. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới, đồng chí Hoàng Đình Lộc giữ chức Bí thư Huyện ủy.

Nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn trong giai đoạn này được Đại hội xác định là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và an ninh, quốc phòng để Đồng Văn trở thành hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Phong trào xây dựng hợp tác xã ở Hà Giang được bắt đầu từ những năm 1958 - 1959, đến nay cơ bản hoàn thành ở các huyện vùng thấp như Bắc Quang, vùng thấp

của huyện Vị Xuyên. Còn các huyện vùng cao, trong đó có Đồng Văn, phong trào được tiến hành chậm hơn. Đối với Đồng Văn, sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, được sự chỉ đạo của Trung ương, Khu ủy và Tỉnh ủy, phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp mới bắt đầu phát triển. Thực hiện Chỉ thị của khu và tỉnh, Đảng bộ, chính quyền huyện đã cùng các ngành, các cấp xúc tiến và mở rộng phong trào xây dựng hợp tác xã. Nhiệm vụ này ở vùng cao nói chung và huyện Đồng Văn nói riêng là vô cùng khó khăn, phức tạp do năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo xây dựng hợp tác xã của Đảng bộ huyện và chính quyền các cấp còn yếu; thiếu cán bộ chuyên môn am hiểu về công tác xây dựng hợp tác xã nên còn rất lúng túng; sự chống phá của bọn phản động... Nhưng xây dựng hợp tác xã là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của đại đa số nhân dân, nhất là nông dân vì nó xóa bỏ được chế độ bóc lột ở nông thôn, người nông dân được giải phóng và trở thành người làm chủ ruộng đất, làm chủ xã hội. Do đó, chủ trương xây dựng hợp tác xã của Đảng được người nông dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia. Năm 1965, huyện Đồng Văn đã xây dựng được 31 hợp tác xã nông nghiệp với 887 hộ, chiếm 17% số hộ nông dân trong toàn huyện, vượt chỉ tiêu tỉnh giao 170%. Những vùng khó khăn chưa có điều kiện thành lập hợp tác xã thì vận động chuyển lên tổ đổi công. Năm 1965, thành lập được 603 tổ đổi công, trong đó có 85 tổ được nâng lên ở mức bình công chấm điểm. Năm 1966, xây dựng được 60 hợp tác xã với 1.729 hộ nông dân. Điển hình cho phong trào xây dựng hợp tác xã ở Đồng Văn là xã Phú Lũng, đến hết năm 1965, xã chỉ còn 10 hộ chưa vào hợp tác xã, trở thành lá cờ đầu của huyện trong phong trào xây dựng hợp tác xã.

Nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân. Được sự lãnh đạo của Đảng, Khu ủy và Tỉnh ủy Hà Giang, Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thúc đẩy sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế khác phát triển.

Trong sản xuất nông nghiệp, yếu tố cần thiết đầu tiên bảo đảm cho sự phát triển là thủy lợi. Đồng Văn là huyện vùng cao, núi đá, nước để sản xuất cũng như phục vụ sinh hoạt gặp rất nhiều khó khăn. Sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, được sự chỉ đạo và giúp đỡ của Khu ủy, Tỉnh ủy, huyện đã tiến hành khảo sát, xây dựng một số hồ chứa nước. Năm 1966, hoàn thành hồ chứa nước xã Đồng Văn, xây dựng môt số mương máng ở các địa phương khác, khắc phục phần nào tình trạng thiếu nước tưới.

Huyện Đồng Văn có diện tích tự nhiên rộng, tuy nhiên địa hình dốc, chủ yếu là diện tích núi đá, diện tích trồng trọt còn thấp khiến điều kiện phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Căn cứ vào tình hình thực tế

tại địa phương, Đảng bộ huyện đã xác định phương hướng cho từng vùng là xác định thế mạnh tại mỗi xã để xây dựng các mô hình cây trồng, vật nuôi phù hợp, đồng thời đặc biệt chú ý đến việc thâm canh tăng năng suất, trồng xen kẽ cây ngô với các loại hoa màu khác như đậu, đỗ, mạch, bí... để tận dụng diện tích và tăng năng suất. Xuất phát từ đặc điểm địa hình của Đồng Văn, Đảng bộ huyện xác định cây lương thực chính là ngô, vùng có điều kiện thuận lợi thì trồng lúa nước, lúa nương.

Việc cải tiến kỹ thuật, tăng cường phân bón kết hợp với công tác thủy lợi là yếu tố quyết định đến thắng lợi của sản xuất nông nghiệp, tăng năng suất lao động. Năm 1965, tổng sản lượng lương thực đạt 309.470 kg ngô hạt.

Về chăn nuôi, đây là thế mạnh của Đồng Văn. Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên và khí hậu nên quy mô nhỏ, hình thức gia đình là chủ yếu. Năm 1965, toàn huyện có 619 con ngựa, đạt 102% chỉ tiêu kế hoạch; 1.474 con trâu, đạt 103%; 4.125 con bò, đạt 104,4%... Điểm chung của ngành chăn nuôi ở Đồng Văn là hàng năm vẫn phát triển nhưng chậm vì nó không trở thành hàng hóa mà chủ yếu phục vụ sức kéo.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, cây công nghiệp và cây dược liệu được Đảng bộ huyện xác định là quan trọng. Hưởng ứng chiến dịch "Lâm nghiệp mùa xuân" của Chính phủ, năm 1965, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã tổ chức tốt phong trào trồng cây gây rừng. Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn nhận thức rõ: Đồng Văn là vùng núi đá, rừng bị tàn phá nặng nề từ trước, nên ảnh hưởng trực tiếp tới sản xuất và đời sống. Đó là tình trạng mùa mưa thì lũ quét, sạt lở, đất bị xói mòn; mùa khô thì hạn hán, thiếu nước trầm trọng. Vì vậy, trồng và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn, phủ xanh đất trống, đồi, núi trọc là nhiệm vụ cấp bách và lâu dài. Năm 1967, trồng rừng đạt 96,5%, đạt 103,2% chỉ tiêu kế hoạch. Căn cứ vào đặc điểm khí hậu của Đồng Văn, Đảng bộ huyện đã khuyến khích trồng các loại cây ôn đới như: Mận, táo, lê, thảo quả, tam thất, đỗ trọng... để tăng thu nhập cho nhân dân.

Về phát triển thủ công nghiệp được Đảng bộ huyện tập trung vào 2 lĩnh vực chủ yếu là phục vụ sản xuất và đời sống. Thủ công nghiệp phục vụ sản xuất như rèn cuốc, dao, đúc lưỡi cày... nhằm tự túc nông cụ sản xuất ở địa phương. Thủ công nghiệp phục vụ đời sống như chế biến lương thực, thực phẩm, dệt vải... Tuy nhiên, quy mô rất nhỏ bé gần như là ngành, nghề phụ trong gia đình, khả năng phát triển lên quy mô tổ hoặc hợp tác xã rất hạn chế vì sự chuyên môn hóa lao động chưa phát triển, thiếu vốn, thiếu nguyên vật liệu, sự quan tâm của Đảng và chính quyền chưa đúng mức. Trong giai đoạn 1965 - 1966, thủ công nghiệp Đồng Văn chỉ đảm bảo được khoảng 30 đến 40% nông cụ, còn lại phải đưa từ tỉnh lên hoặc từ Trung Quốc

sang.

Về giao thông, thương nghiệp: Sau khi hoàn thành tuyến đường huyết mạch Hà Giang - Đồng Văn đã tác động mạnh và làm chuyển biến căn bản nền kinh tế - xã hội của huyện. Từ đó, đặt ra nhiệm vụ phải phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và củng cố công tác an ninh - quốc phòng. Tổ chức tu sửa, nâng cấp và làm mới các tuyến đường dân sinh phục vụ sự đi lại của nhân dân, tạo điều kiện giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các vùng trong huyện. Chủ trương của Đảng bộ huyện là phải đảm bảo giao thông thông suốt từ huyện xuống xã, từ huyện lên tỉnh.

Giao thông phát triển kéo theo sự phát triển của thương nghiệp, trao đổi hàng hóa. Nhiều cửa hàng mua bán ở các xã được thành lập, hàng hóa phục vụ nhân dân phong phú, đầy đủ hơn; công tác thu mua được tiện lợi, nhân dân không phải đi xa hàng ngày đường để bán sản phẩm làm ra cho Nhà nước, tiết kiệm được thời gian sản xuất. Mở rộng chợ ở thị trấn và một số khu vực đông dân cư, giao thông thuận lợi góp phần cho nhân dân giao lưu hàng hóa.

Trên mặt trận văn hóa - giáo dục và y tế: Xuất phát từ đặc điểm của huyện vùng cao, xa trung tâm tỉnh lỵ, dân trí thấp, nghèo nàn và lạc hậu, cho nên được Đảng bộ huyện Đồng Văn thực hiện một cách đồng bộ, đúng mức và bước đầu thu được kết quả.

Về giáo dục: Muốn cho dân giàu, nước mạnh, xóa đói, giảm nghèo thì không chỉ đơn thuần là đầu tư, phát triển kinh tế mà còn phải chăm lo phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nguồn lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nhân dân mới có đủ trình độ tiếp cận khoa học kỹ thuật, nắm được cung cách làm ăn mới hiệu quả. Với nhận thức đúng đắn này, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn được tỉnh và Khu tự trị Việt Bắc chỉ đạo quan tâm và đầu tư nhiều hơn, tự xây dựng trường lớp, vận động nhân dân đóng góp công sức, động viên con em đến trường học. Với chủ trương, chính sách khuyến khích của Đảng và Nhà nước, sau năm 1965, huyện Đồng Văn đã được tiếp nhận nhiều đợt với hàng chục giáo viên các tỉnh miền xuôi như Nam Hà, Thanh Hóa, Ninh Bình... lên dạy học, góp phần thúc đẩy sự nghiệp giáo dục của Đồng Văn ngày càng phát triển. Năm 1965, toàn huyện có 75 lớp vỡ lòng với 1.300 học sinh; 35 lớp cấp I với 474 học sinh, đạt 95% kế hoạch; 1 lớp cấp II với 14 học sinh, đạt 94% kế hoạch. Phong trào xóa mù chữ, bổ túc văn hóa phát triển sâu rộng. Thực hiện Chỉ thị phát động chiến dịch "Hè diệt dốt, bổ túc văn hóa, đẩy mạnh sản xuất, chống Mỹ, cứu nước" (5/1965) của Tỉnh ủy, Đảng bộ và chính quyền huyện đã chỉ đạo phát động phong trào học tập xóa mù

chữ trong mọi tầng lớp, mọi cơ quan và các địa phương toàn huyện, quyết tâm hoàn thành kế hoạch xóa mù chữ. Năm 1965, đã xóa mù được 3.240 người, học bổ túc 678 người.

Trong công tác chăm sóc trẻ em, năm 1965, huyện đã hoàn thành xây dựng được một nhà trẻ ở trung tâm huyện lỵ với 35 cháu và 4 bảo mẫu. Bước sang năm 1966, thực hiện Chỉ thị "Đẩy mạnh công tác nhà trẻ mẫu giáo" (05/02/1966) của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phong trào xây dựng nhà trẻ của Đồng Văn tiếp tục phát triển. Năm 1966, phát triển nhà trẻ trung tâm huyện lên quy mô lớn hơn với 71 cháu và 23 bảo mẫu.

Về lĩnh vực y tế - phòng bệnh: Trong điều kiện kinh tế - xã hội và đời sống còn nhiều khó khăn, lạc hậu, dịch bệnh phổ biến như sốt rét, bướu cổ, tả, sởi... thì nhiệm vụ phát triển và mở rộng mạng lưới y tế, tuyên truyền chính sách phòng, chống dịch bệnh cho nhân dân là vô cùng cấp bách. Đảng bộ huyện đã có nhiều cố gắng trong công tác bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Năm 1965, xây dựng mới được 3 trạm xá ở các xã Lũng Cú, Tả Phìn và Ma Lé; củng cố bệnh viện huyện và các trạm xá được xây dựng từ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; đào tạo 17 y tá người địa phương phục vụ cho nhiệm vụ chống sốt rét, tổ chức tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh được 231 lần cho 5.165 người; vận động nhân dân làm mới 567 hố xí; chuyển chuồng trại ra xa nhà, khai thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, ăn uống hợp vệ sinh... Vì vậy, các dịch bệnh đã giảm rõ rệt. Quan trọng hơn là lòng tin của nhân dân vào Đảng, Chính phủ ngày càng được củng cố và nâng cao.

Trong lãnh đạo lĩnh vực văn hóa văn nghệ, Đảng bộ huyện xác định: Văn hóa văn nghệ là phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, nên nhiệm vụ phát triển văn hóa văn nghệ đều nằm trong phương hướng, kế hoạch của Đảng bộ huyện. Năm 1965, Đảng bộ huyện chú trọng xây dựng bản tin ở các xã Vần Chải, Phố Là, Sính Lủng, Thắng Mố, Phú Lũng, Sủng Cháng, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần giác ngộ đường lối xây dựng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thống nhất nước nhà. Được sự giúp đỡ của tỉnh, Đảng bộ huyện đã thành lập đội văn nghệ, đội chiếu bóng, tổ chức triển lãm... để phục vụ và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Tuyên truyền, vận động nhân dân triệt phá cây thuốc phiện, không hút và không buôn bán thuốc phiện, xây dựng nếp sống văn hóa ở thôn, bản phù hợp với phong tục, tập quán truyền thống của các dân tộc; phát huy truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, chống lại các hủ tục, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội. Phát động phong trào thể dục thể thao nâng cao sức khỏe. Xây dựng chợ huyện và các chợ khu vực thành điểm văn hóa. Xây dựng thư viện, nhà văn hóa ở

huyện và những nơi có điều kiện.

Tuy nhiên, trong hoạt động văn hóa, giáo dục và y tế còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của Đảng. Sự yếu kém đó một phần do nền kinh tế của huyện còn nghèo nàn, lạc hậu; các ngành chủ quản chưa quan tâm thích đáng đến sự phát triển của ngành mình... Nhưng quan trọng hơn cả là Đảng bộ và chính quyền các cấp chưa quan niệm đúng đắn về vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục, y tế và văn hóa văn nghệ. Nhiều cấp ủy Đảng quan niệm đó là những ngành không tạo ra sản phẩm, không đem lại lợi nhuận về kinh tế. Đó là quan niệm hết sức sai lầm, từ quan điểm đó, sự quan tâm đầu tư cho văn hóa, giáo dục, y tế còn nhiều hạn chế so với quan tâm, đầu tư cho kinh tế.

Bước sang năm 1966, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc ngày càng quyết liệt. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta là vừa sản xuất, vừa chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước tình hình đó, ngày 25/02/1966, Đảng bộ tỉnh Hà Giang họp Hội nghị Ban Chấp hành mở rộng để đánh giá những thành tích và hạn chế năm 1965, đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu năm 1966. Hội nghị nhấn mạnh: "Ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển một cách mạnh mẽ, vững chắc và toàn diện... phát triển công nghiệp địa phương... Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp, giao thông, vận tải".

Để quán triệt và đưa Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ vào thực tiễn, đồng thời đánh giá những mặt làm được, những mặt còn yếu kém, đặt phương hướng và mục tiêu phấn đấu cho các năm tiếp theo, ngày 25/8/1966, Đảng bộ huyện Đồng Văn triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ V. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 19 đồng chí. Đồng chí Vừ Mí Kẻ được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy.

Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu của huyện Đồng Văn đã được Đại hội xác định: Tiếp tục phát triển phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, củng cố an ninh biên giới và nội địa, tạo nên một hậu phương phát triển và ổn định về mọi mặt, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Sau Đại hội, nhiệm vụ đầu tiên của Đảng bộ huyện là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hợp tác xã nông nhiệp, vì theo quan niệm của Đảng ta lúc đó, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa cho nên bằng bất kỳ giá nào cũng phải thực hiện bằng được mô hình hợp tác xã, mô hình làm ăn tập thể ở nông thôn. Trong thực tế, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là một nội dung quan trọng của cuộc cải cách dân chủ, xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về ruộng đất ở nông thôn. Từ đây, phong trào bắt đầu phát triển với tốc độ khá nhanh. Năm

1967, toàn huyện có 102 hợp tác xã với 3.597 hộ, chiếm 59% tổng số hộ; năm 1968, có 150 hợp tác xã với 4.448 hộ, chiếm 82,3% số hộ. Đến hết tháng 3/1969 đã tăng lên 177 hợp tác xã với 5.070 hộ, chiếm 93% tổng số hộ nông dân trong toàn huyện. Đẩy mạnh công tác kiện toàn, củng cố và quản lý hợp tác xã, mở lớp tập huấn cho cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, phương hướng của Đảng bộ huyện là phải mở rộng diện tích, sử dụng hết diện tích trồng trọt, tăng năng suất và sản lượng lương thực. Khó khăn lớn nhất là vấn đề thủy lợi. Nhận thức được vấn đề này, Đảng bộ huyện đã có chủ trương, biện pháp tích cực huy động nhân lực làm thủy lợi. Năm 1967, đã huy động 53.926 ngày công tu sửa, làm mới được 89 mương, 22 phai, 5 máy nước để tưới cho 476,5 ha; làm mới và tu sửa 3.939 giếng nước phục vụ sinh hoạt. Đặc biệt để tránh hạn hán, lũ lụt, huyện Đồng Văn phát động phong trào sản xuất sớm hơn các năm trước; cử cán bộ xuống các cơ sở xã động viên, hướng dẫn và giúp đỡ biện pháp phát triển sản xuất vụ đông - xuân. Với những nỗ lực trên, năm 1967, tổng sản lượng lương thực (ngô, lúa và màu) đạt 10.633,1 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 324,5 kg/năm; tổng giá trị lương thực và cây công nghiệp đạt 3.893.924 đồng.

Căn cứ vào khí hậu ôn đới của Đồng Văn, tỉnh quyết định phát triển trồng su hào, bắp cải lấy hạt giống cung cấp cho tỉnh và các tỉnh miền xuôi. Năm 1967, Đồng Văn bán cho Nhà nước được 7 tấn, năm 1968: 14,5 tấn hạt giống su hào. Năm 1970, tổng giá trị sản lượng hạt giống su hào bán cho Nhà nước đạt 250.000 đồng. Hạt giống su hào của Đồng Văn đã được nhiều địa phương miền Bắc biết đến.

Trong lĩnh vực thủ công nghiệp, huyện tiếp tục duy trì và phát triển ngành thủ công nghiệp gia đình, chủ yếu là sản xuất nông cụ nhằm tự túc phần nào nông cụ sản xuất, phục vụ tại địa phương. Thành lập được một xưởng thủ công do huyện trực tiếp quản lý. Thủ công nghiệp phục vụ đời sống được duy trì, trong đó nghề dệt vải là nghề truyền thống lâu đời tiếp tục được phát huy. Tuy nhiên, ngành thủ công nghiệp địa phương vẫn chưa có gì chuyển biến rõ nét, hình thức tổ chức sản xuất theo hộ vẫn là cơ bản. Xưởng thủ công của huyện do không có đủ nguyên, vật liệu, thiếu vốn, cơ chế quản lý và sản xuất không phù hợp nên sau một thời gian tồn tại đã ngừng hoạt động.

Về giao thông - vận tải, tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường giao thông nông thôn, tu sửa đường Hà Giang - Đồng Văn trong địa phận của huyện, đảm bảo giao thông thông suốt; huy động lực lượng ngựa thồ tham gia vào vận chuyển hàng hóa tới các xã vùng sâu, vùng hẻo lánh. Năm 1967, huyện đã huy động được 34.396 ngày

công để làm đường giao thông nông thôn, tạo điều kiện cho sự đi lại của nhân dân được dễ dàng và thuận lợi. Ngành giao thông kết hợp với ngành thương nghiệp đảm bảo cung cấp đầy đủ và kịp thời hàng hóa cần thiết phục vụ nhân dân, phục vụ an ninh, quốc phòng trong địa bàn.

Ngành giáo dục - đào tạo có bước chuyển biến khá, tất cả các xã đều có trường cấp I và lớp vỡ lòng, một số xã đã bắt đầu xây dựng trường cấp II. Phong trào xóa mù chữ và bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và phát triển, tỷ lệ người được xóa mù chữ ngày càng tăng.

Công tác nhà trẻ, mẫu giáo được củng cố và tăng cường. Năm 1967, Đồng Văn có 2 nhà trẻ với 119 cháu và 25 bảo mẫu; năm 1968, phát triển lên 5 nhà trẻ với 103 cháu và 19 bảo mẫu. Nhà trẻ, mẫu giáo trong giai đoạn này chủ yếu mới làm nhiệm vụ trông giữ trẻ để bố mẹ có thời gian và an tâm công tác, chứ chưa trở thành lớp học của hệ thống giáo dục.

Trong lĩnh văn hóa văn nghệ, Đảng bộ huyện luôn chú ý đến công tác thông tin tuyên truyền, vì đây là phương tiện có nhiều ưu thế trong tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với mọi tầng lớp nhân dân. Từ đó, góp phần nâng cao giác ngộ chính trị, nâng cao dân trí. Chủ trương của Đảng bộ huyện là mỗi xã phải có một bản tin để nhân dân nắm bắt được các thông tin của huyện, tỉnh, cả nước cũng như tin tức quốc tế. Phong trào văn hóa - văn nghệ phải tiếp tục được củng cố. Quan điểm của Đảng bộ huyện là văn hóa văn nghệ lấy mục đích phục vụ nhân dân là cơ bản, các đội chiếu bóng, đội văn nghệ phải khắc phục khó khăn đi vào vùng nông thôn, vùng sâu, vùng hẻo lánh để phục vụ quần chúng, động viên và cổ vũ quần chúng trong lao động sản xuất, trong học tập và sẵn sàng chiến đấu. Tuy đã có nhiều cố gắng, song phong trào văn hóa - văn nghệ phát triển chưa toàn diện, số lượng người được phục vụ chưa nhiều, vẫn chủ yếu là tập trung ở trung tâm huyện và các xã dọc đường ô tô.

Mạng lưới y tế luôn được Đảng bộ quan tâm, đã và đang phát triển khá mạnh ở hầu hết tất cả các xã. Bệnh viện huyện và các trạm xá xã đã được tăng cường cán bộ y tế, tăng cường về cơ số thuốc và cơ sở vật chất phục vụ cho khám chữa bệnh. Phong trào "phòng bệnh hơn chữa bệnh" tiếp tục được duy trì. Nhưng với một huyện vùng cao, đời sống nhân dân còn thấp kém, lạc hậu, bệnh dịch còn phổ biến thì sự phát triển của ngành y tế Đồng Văn vẫn chưa thể đáp ứng được. Các trạm xá xã chủ yếu mới hoàn thành nhiệm vụ phát thuốc và chữa được một vài bệnh thông thường, bệnh nặng hơn thì không đủ khả năng và điều kiện để chữa chạy nên tỷ lệ người chết ở nông thôn còn lớn.

Trong công tác an ninh và củng cố quốc phòng: Sau khi dập tắt vụ bạo loạn năm 1959 và hoàn thành đợt tiễu phỉ cuối cùng giai đoạn 1961 - 1965, tình hình an ninh chính trị - xã hội ở Đồng Văn đã trở lại ổn định. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân yên tâm bước vào lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, do Đồng Văn là một huyện miền núi, biên giới, một địa bàn quan trọng, có nhiều cơ sở xã hội để bọn phản động hoạt động; nhiều tên phỉ nguy hiểm vẫn còn lẩn trốn, không chịu ra hàng và nộp vũ khí cho cách mạng, chúng câu kết với bọn phản động đặc vụ bên kia biên giới chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đồng Văn. Đặc điểm hoạt động của bọn chúng là bí mật trên một địa bàn rộng, câu kết với tầng lớp trên bất mãn với cách mạng, nhen nhóm cơ sở, chờ thời cơ thuận lợi để nổi loạn, chống phá cuộc cải cách dân chủ, phá phong trào xây dựng hợp tác xã, tuyên truyền, lừa bịp nhân dân, nói xấu chế độ, nói xấu cán bộ...

Từ khi đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh đánh phá miền Bắc và Hà Giang, bọn phản động bắt đầu ngóc đầu dậy chống lại chính quyền. Chúng vừa công khai vừa ngấm ngầm tuyên truyền, xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tổ chức xưng vua, đón chúa, ca ngợi Mỹ - Diệm; đe dọa cán bộ; lập kế hoạch chờ biệt kích nhảy dù xuống để gây bạo loạn như ở Ma Lé, Lũng Cú. Ở Lũng Cú, có một số tên phản động ra sức tuyên truyền gây mất đoàn kết giữa dân tộc Mông với dân tộc Lô Lô. Ở Sủng Thài, Sủng Cháng, một số tên địa chủ ngóc đầu dậy đòi lại ruộng đất bị cách mạng tịch thu thời kỳ cải cách dân chủ…

Đứng trước tình hình đó, Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 22/10/1965 đã nhận định: Đồng Văn là vùng còn nhiều cơ sở xã hội cho bọn phản động hoạt động. Tại các xã Phố Là, Sủng Cháng, Lũng Cú, Ma Lé… còn nhiều tên đặc vụ hoạt động, nhiều tên không chịu cải tạo sau vụ bạo loạn năm 1959, là nơi có một số tên quan lại, thổ ty chạy theo Pháp vào Nam sau năm 1954. Như vậy, Đồng Văn là vùng quan trọng, có điều kiện thuận lợi để đế quốc Mỹ thả biệt kích, gián điệp xuống móc nối với bọn phản động ở địa phương chống lại cách mạng.

Xuất phát từ nhận định trên, chủ trương và biện pháp của ta là:

- Tập trung lực lượng điều tra, xác minh và kết luận để kịp thời trấn áp khi chúng chưa kịp gây bạo loạn.

- Tích cực phát động quần chúng nhân dân vận động, tố giác bọn phản động, tham gia giữ gìn trật tự an ninh thôn bản, luôn cảnh giác không mắc mưu kẻ xấu.

Khẩn trương tiến hành cải tạo các phần tử nguy hiểm. Lấy xã Lũng Cú làm thí điểm cải tạo tại chỗ để nhân rộng ra các địa phương khác. Tỉnh ủy giao trách nhiệm

cho Huyện ủy Đồng Văn và Đảng ủy Công an vũ trang mở cuộc phát động bảo vệ trị an ở 2 xã Lũng Cú và Ma Lé.

Với các biện pháp trên, được sự giúp đỡ của Khu ủy và Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang Đồng Văn đã nhanh chóng dập tắt các ổ nhóm phản động ở các địa phương. Thường xuyên tổ chức kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu, ngăn chặn tình trạng vượt biên trái phép; tuần tra biên giới, phát hiện và giải quyết tốt các trường hợp người Trung Quốc xâm canh, xâm cư, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ; vận động nhân dân nhổ bỏ cây thuốc phiện...

Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh đánh phá miền Bắc, được sự chỉ đạo của Trung ương, Khu ủy và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã chú trọng xây dựng và củng cố lực lượng dân quân tự vệ, làm tốt công tác trị an nông thôn, bảo vệ biên giới, tuyên truyền cho nhân dân tinh thần cảnh giác và thực hiện khẩu hiệu "3 không" (không biết, không nói, không nghe). Lập phương án sẵn sàng tác chiến đánh máy bay địch, phát hiện và bắt gián điệp, biệt kích. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương lớn mạnh, hoàn thành nghĩa vụ tuyển quân, cung cấp lực lượng cho bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Ngày 01/01/1967, Nhà nước quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang cho anh Sùng Dúng Lù. Đây là một vinh dự, niềm tự hào đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Hà Giang nói chung, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn nói riêng. Sự kiện này đã có ý nghĩa động viên kịp thời Đảng bộ và nhân dân trong huyện tích cực hăng hái tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, góp phần to lớn giữ gìn trật tự an ninh ở địa phương, chi viện lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhanh chóng giành thắng lợi.

Trong điều kiện chiến tranh lan rộng cả nước và ngày càng ác liệt, nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân là vừa sản xuất, vừa chiến đấu để bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do chiến tranh chưa lan tới, nên Đảng bộ huyện Đồng Văn xác định nhiệm vụ trọng tâm của huyện là phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề đó, đòi hỏi vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện cần phải được tăng cường hơn nữa, nó đóng vai trò quyết định cho sự thắng lợi của kế hoạch Nhà nước.

Trước yêu cầu đó, nhiệm vụ củng cố, kiện toàn tổ chức Đảng được Đảng bộ huyện Đồng Văn đặt lên hàng đầu. Trong Nghị quyết 06 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nhấn mạnh là phải tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ cơ sở "4 tốt" và Huyện ủy "4 tốt". Tích cực củng cố, phát triển Đảng, đưa

công tác xây dựng Đảng ở cơ sở vào nề nếp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt, cán bộ khoa học, cán bộ xã và hợp tác xã.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương về xây dựng Đảng bộ và đảng viên "4 tốt", được sự hướng dẫn, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tổ chức triển khai nghiên cứu, học tập rộng rãi trong toàn Đảng bộ Nghị quyết của Trung ương. Hướng phấn đấu của Đảng bộ huyện năm 1966 là phải có 30% số chi bộ, 50% số đảng viên đạt "4 tốt". Riêng cơ quan phải đạt 70% đảng viên "4 tốt". Quyết tâm xóa bỏ số đảng viên và chi bộ kém, đưa lên trung bình và khá. Đến hết năm 1967, phải xóa được các cơ quan, đơn vị và xã "trắng" về đảng viên; tăng cường công tác phát triển Đảng, trong đó đảng viên nữ phải đạt từ 20 - 30%.

Trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã giành được thắng lợi khả quan. Đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện xuống cơ sở tương đối ổn định, không có biến đổi lớn về nhân sự. Công tác phát triển Đảng càng tăng. Tháng 3/1967, Chi bộ thị trấn Phó Bảng được thành lập với 3 đảng viên[1]. Tỷ lệ đảng viên so với số dân năm 1967 là 1,6%, năm 1968 là 1,75%. Có 5 chi bộ và 20 tổ Đảng đạt "4 tốt"; 11 chi bộ và 20 tổ Đảng đạt khá; 12 chi bộ và 24 tổ Đảng đạt trung bình; 6 chi bộ và 4 tổ Đảng yếu kém. Tổng số đảng viên tính đến hết năm 1968 là 536 đồng chí, trong đó 171 đảng viên đạt "4 tốt", 153 đạt khá, 135 đảng viên đạt trung bình và còn 77 đảng viên yếu kém.

Nhìn chung, công tác xây dựng Đảng của Đồng Văn còn nhiều hạn chế, thiếu sót, tỷ lệ chi bộ và đảng viên đạt "4 tốt" còn thấp; công tác phát triển Đảng tiến hành không được thường xuyên, liên tục, trình độ văn hóa, lý luận chính trị của phần lớn đảng viên chưa đạt yêu cầu, chưa phát huy được tính gương mẫu, vai trò lãnh đạo trong lao động sản xuất và các hoạt động xã hội. Việc kiện toàn các chi bộ Đảng, đặc biệt là chi bộ Đảng ở nông thôn còn nhiều thiếu sót, chất lượng đảng viên thấp; phát triển Đảng đạt tỷ lệ thấp, hiện tượng kết nạp đảng viên sai Điều lệ Đảng chưa được khắc phục triệt để.

Nhiệm vụ củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng được Đảng bộ rất quan tâm.

Chính quyền các cấp trong thời kỳ 1965 - 1970 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng tại địa phương. Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các xã tăng cường và đẩy mạnh công tác xây dựng, cải tiến và quản lý hợp tác xã nông nghiệp; cùng các cấp, các ngành hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch Nhà nước, củng cố quốc phòng, bảo đảm trật tự an ninh xã hội,

[1]. Theo Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018), xuất bản năm 2019, tr 43.

an ninh biên giới. Các đại biểu được bầu vào Hội đồng nhân dân, Ủy ban hành chính các cấp đều là những người có đủ tư cách phẩm chất, năng lực, nhiệt tình với nhiệm vụ được giao. Kiên quyết đưa ra khỏi cương vị lãnh đạo chính quyền những người kém phẩm chất, yếu năng lực lãnh đạo. Vì vậy, bộ máy chính quyền từ huyện đến xã luôn trong sạch, vững mạnh. Điều đáng lo ngại nhất là chính quyền cấp xã. Nhìn chung, chính quyền xã còn yếu kém, chưa đáp ứng được nhiệm vụ, chức năng của mình. Nguyên nhân là năng lực, trình độ văn hóa, lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ xã còn quá thấp, thậm chí mù chữ. Chính vì vậy, việc tăng cường cán bộ huyện xuống xã, đồng thời với việc nâng cao trình độ cho cán bộ chính quyền xã là biện pháp tốt nhất để củng cố và phát huy sức mạnh, hoàn thành nhiệm vụ và chức năng của chính quyền.

Trong những năm qua, Mặt trận Tổ quốc huyện góp phần to lớn vào công tác tuyên truyền, giáo dục và xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong nhân dân các dân tộc, đẩy mạnh tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển sản xuất, nâng cao đời sống; tham gia tích cực vào giáo dục, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; xây dựng nếp sống mới, củng cố các Ban liên lạc Mặt trận xã. Trong 10 năm (1965 - 1975), Mặt trận Tổ quốc huyện và xã đã đóng góp quan trọng vào các Hội nghị Hiệp thương lựa chọn và giới thiệu đại biểu xứng đáng bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Công tác Công đoàn, đã tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị trong cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; bảo vệ của công, chống tham ô, lãng phí... về mặt tổ chức, hầu hết các cơ quan, trường học, bệnh viện, các công trường đều thành lập các tổ Công đoàn. Đẩy mạnh phong trào xây dựng tổ chức Công đoàn và đoàn viên Công đoàn "4 tốt"; phong trào thi đua Tổ lao động xã hội chủ nghĩa, "Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt"... Quan tâm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên. Giám sát thực hiện chế độ nghĩa vụ và quyền lợi của cán bộ, công nhân, viên chức.

Trong công tác phụ nữ, tăng cường xây dựng và phát triển các cấp Hội. Vận động phong trào "Phụ nữ 3 đảm đang" của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ được Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh phát động từ tháng 3/1965, nhưng ở Đồng Văn đến cuối năm 1965 đầu năm 1966, mới được phát động. Phong trào này được Huyện ủy trực tiếp lãnh đạo, tổ chức và hướng dẫn nên đã thu được thành tích bước đầu. Tại Hội nghị "Những người xuất sắc trong phong trào 3 đảm đang" của Tỉnh hội Phụ nữ (10/02/1966) đã ghi nhận những cố gắng cũng như thành tích của phụ nữ Đồng Văn,

được Khu Hội Phụ nữ Việt Bắc tặng Giấy khen. Phát huy thành tích đạt được từ năm 1967 - 1975, phong trào "3 đảm đang" ở Đồng Văn tiếp tục duy trì và phát triển sâu rộng trong các cấp Hội Phụ nữ, vai trò của chị em trong lao động sản xuất, xây dựng hợp tác xã trong học tập, công tác và hoạt động xã hội ngày càng được khẳng định.

Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Xây dựng, kiện toàn tổ chức Đoàn Thanh niên, nhất là các cơ sở Đoàn ở nông thôn là rất quan trọng. Phong trào "Thanh niên 3 sẵn sàng" được triển khai ở tất cả các chi đoàn từ cơ quan, trường học đến công trường và xã. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động nâng cao chất lượng đoàn viên, đưa phong trào Đoàn Thanh niên phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng. Phong trào này được hướng vào các nhiệm vụ cụ thể như xây dựng và củng cố hợp tác xã, áp dụng khoa học kỹ thuật, phong trào học tập xóa mù chữ, lao động sản xuất, nghĩa vụ của người đoàn viên, thanh niên... Tiêu biểu là phong trào: "Làm 1 tấn phân bón" được mọi đoàn viên, thanh niên nhiệt tình tham gia. Trong phong trào này đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu như đoàn viên Mua Pháy Sính đạt 1.600 kg; Ly Mí Sính - Bí thư Chi đoàn xã Vần Chải đạt 1.050 kg phân bón...

Công tác thiếu niên nhi đồng: Hưởng ứng phong trào "Noi gương anh hùng liệt sỹ Nguyễn Bá Ngọc" của Trung ương Đoàn, 342 em trong 5 đội Thiếu niên ở các xã đã được học tập. Trong năm 1965, Huyện đoàn đã tổ chức Hội nghị "Cháu ngoan Bác Hồ" cho 8 đội Thiếu niên với 131 em. Trong phong trào này đã lựa chọn được 74 em xuất sắc được nhận giấy khen "Cháu ngoan Bác Hồ". Từ năm 1970 - 1975, toàn huyện đã xây dựng được 24 Đội thiếu niên ở 20 xã (riêng xã Đồng Văn và thị trấn Phó Bảng, mỗi nơi có hai đội Thiếu niên).

Quá trình xây dựng, kiện toàn, củng cố và hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể quần chúng trong 10 năm qua đã có tác dụng giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, giác ngộ xã hội chủ nghĩa trong đại bộ phận quần chúng nhân dân.

Năm 1968, ở miền Nam, cuộc "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ đã hoàn toàn sụp đổ, buộc Mỹ phải chuyển sang chiến lược mới, đó là "Việt Nam hóa chiến tranh" với âm mưu "Dùng người Việt đánh người Việt", "Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương". Sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Ních-xơn đã tuyên bố chấm dứt hoàn toàn chiến tranh phá hoại miền Bắc và chấp nhận họp Hội nghị Pa-ri để giải quyết vấn đề hòa bình ở Việt Nam. Ngày 03/11/1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong lời kêu gọi, Người căn dặn, đồng thời cũng là quyết tâm của đồng bào, chiến sỹ cả nước là "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta thì ta còn phải

tiếp tục chiến đấu quét sạch nó đi".

Tháng 3/1969, Hội nghị Bộ Chính trị đã khẳng định: miền Nam chưa được giải phóng, miền Bắc tuy đã hết chiến tranh, song chưa có hòa bình thực sự, chúng ta phải nhân cơ hội, tranh thủ thời gian khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật làm cho miền Bắc trở thành hậu phương giàu mạnh, vững chắc đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Đối với huyện Đồng Văn, tuy chiến tranh của đế quốc Mỹ chưa leo thang đến, nhưng tình hình cách mạng hai miền Nam - Bắc lúc này đã kích thích, động viên kịp thời nhân dân các dân tộc vui mừng, phấn khởi và tin tưởng để hăng hái thi đua phát triển kinh tế, văn hóa, góp phần xây dựng và củng cố miền Bắc làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

Từ ngày 18 - 23/3/1969, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ VI với sự tham dự của 80 đại biểu chính thức (không có đại biểu dự khuyết). Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI gồm 19 ủy viên[(1)]. Đồng chí Vừ Mí Kẻ được Đại hội tín nhiệm bầu làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội đã nhận định, đánh giá hoạt động của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua, kiểm điểm và tìm hiểu các nguyên nhân thành công và chưa thành công trong quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới.

Về phát triển kinh tế, Đại hội xác định phát triển cây lương thực vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của huyện. Mọi sự đầu tư, lãnh đạo của Đảng bộ huyện đều tập trung vào phát triển và tăng năng suất nông nghiệp. Nhiệm vụ trước mắt của nhiệm kỳ tới của Đảng bộ huyện là hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Năm 1970, Đồng Văn cơ bản hoàn thành xây dựng hợp tác xã và bước vào giai đoạn phát triển, củng cố và hoàn thiện hợp tác xã. Căn cứ vào tình hình thực tế trên địa bàn huyện do điều kiện dân cư sống không tập trung, nên theo sự chỉ đạo của tỉnh, Đảng bộ huyện xác định quy mô hợp tác xã là quy mô nhỏ, bình quân mỗi hợp tác là 32 hộ, 44 ha và trên 100 lao động, hoàn toàn phù hợp với điều kiện dân cư, địa hình cũng như khả năng lãnh đạo hạn chế của cán bộ. Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã là một thắng lợi rất quan trọng trong việc xác lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Tuy nhiên, đây mới chỉ là thắng lợi bước đầu, nhiệm vụ nặng nề tiếp theo của Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn là thúc đẩy sản xuất, nâng cao đời sống, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhấn mạnh:…"đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, mạnh dạn áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật để tạo ra thêm một khối

[(1)]. Trong đó có 17 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết.

lượng lương thực, nhằm tự túc lương thực trong huyện, nâng cao mức sống của nhân dân và đảm bảo một phần nghĩa vụ đối với Nhà nước, trong lương thực phải lấy cây bắp là chính, coi trọng lúa và đẩy mạnh tăng thêm các loại hoa màu, rau xanh...". Trong sản xuất nông nghiệp, yếu tố thời tiết ảnh hưởng rất lớn tới tăng năng suất, đặc biệt là thời kỳ khoa học kỹ thuật chưa phát triển thì khí hậu, thời tiết đóng vai trò số một. Để tránh được tình trạng hạn hán, mưa đá, lũ quét, từ năm 1969 - 1970, Đảng bộ huyện có chủ trương, kế hoạch cụ thể là phải cấy trước tết 70% diện tích, thời vụ gieo trồng sớm hơn mọi năm một tháng. Tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật, phân bón, thủy lợi để tăng sản lượng nông nghiệp. Một biện pháp để tăng năng suất được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm là tận dụng hết diện tích trồng trọt. Năm 1970, diện tích ngô của Đồng Văn là 7.997 ha, đạt 97,3% chỉ tiêu, tăng 3,6% so với năm 1969, năng suất đạt 17 tạ/ha.

Ngành thủ công nghiệp Đồng Văn vẫn tiếp tục được duy trì, song chưa có sự quan tâm đúng mức của Đảng bộ và chính quyền nên hoạt động gặp nhiều khó khăn, vẫn nằm trong tình trạng sản xuất nhỏ, quy mô gia đình, hiện tượng hàng đổi hàng còn khá phổ biến. Đồng thời lại chưa có cơ chế thích hợp nên ngày càng bị giảm sút. Năm 1970, sản lượng thủ công nghiệp đạt 704.000 đồng, đến năm 1973, chỉ còn 440.000 đồng.

Công tác thu mua có phát triển nhưng rất chậm. Năm 1970, tổng giá trị thu mua đạt 271.000 đồng, tăng 12% so với năm 1964 (năm 1964 đạt 242.000 đồng). Công tác thương nghiệp phát triển khá mạnh, doanh số bán ra của năm 1970 so với năm 1961 tăng 90%. Điều đó cho thấy Đồng Văn cũng như các huyện vùng cao, nền kinh tế tự cung, tự cấp còn rất nặng nề, kinh tế hàng hóa hết sức yếu ớt, không đáng kể và ngày càng bị suy giảm, không phát triển được. Nguyên nhân của sự suy giảm này là do chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức, chưa có chính sách và cơ chế phù hợp để kích thích kinh tế hàng hóa phát triển.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục tiếp tục có sự chuyển biến. Giáo dục - đào tạo phát triển sâu rộng tới hầu hết các thôn bản, hệ thống lớp học ngày càng tăng, số lượng học sinh được huy động đến lớp ngày càng lớn. Phong trào xóa mù chữ, bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và củng cố. Năm 1970 - 1971, số trường lớp ngày càng được phát triển, bao gồm 54 lớp võ lòng, 61 lớp cấp I, 7 lớp cấp II. Tổng số học sinh các cấp là 1.833 em. Tiếp tục phát triển trường Sư phạm 4 + 3 đào tạo giáo viên tại chỗ phục vụ cho công tác xóa mù chữ. Tuy nhiên, phong trào phát triển giáo dục còn nhiều khó khăn, yếu kém, chất lượng giáo dục còn thấp, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học thiếu thốn và nghèo nàn, thiếu giáo viên, đại bộ phận giáo viên chưa có

trình độ hoàn chỉnh; tỷ lệ người mù chữ còn rất lớn.

Phong trào văn hóa văn nghệ được đẩy mạnh. Các hoạt động như chiếu bóng, biểu diễn văn nghệ quần chúng được tăng cường. Văn hóa, văn nghệ dân tộc được bảo tồn và phát huy, trở thành một bộ phận quan trọng trong nền văn hóa các dân tộc Việt Nam. Công tác xây dựng nếp sống mới được tuyên truyền và tổ chức rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân, các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan bước đầu được hạn chế. Đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc Đồng Văn dần dần được cải thiện.

Công tác y tế phòng bệnh: Tăng cường đầu tư vốn, trang thiết bị và thuốc men cho bệnh viện huyện và các trạm xá xã. Mỗi trạm xá có từ 1 đến 2 y tá và nữ hộ sinh. Tích cực đào tạo cán bộ y tế cho tuyến cơ sở. Tiếp tục duy trì và củng cố phong trào vệ sinh phòng bệnh, phun thuốc chống sốt rét. Đến năm 1970, Đồng Văn đã cơ bản đẩy lùi được bệnh sốt rét và một số dịch bệnh khác trên địa bàn.

Trong giai đoạn này, thực hiện Quyết định số 156-CP ngày 07/10/1968 của Chính phủ về một số chính sách đối với công tác y tế ở vùng cao, miền núi, huyện Đồng Văn được tiếp nhập đợt cán bộ y tế tăng cường từ dưới xuôi lên (thường gọi là đoàn cán bộ 156) với 20 người được bố trị tại các trạm y tế xã để đảm bảo công tác khám chữa bệnh, cấp phát thuốc phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Sau khi nhận nhiệm vụ ở Đồng Văn, mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn đủ bề nhưng các cán bộ trong đoàn 156 vẫn nhiệt tình công tác, nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần tô thắm truyền thống và hình ảnh người thầy thuốc trong lòng nhân dân các dân tộc.

Nhiệm vụ củng cố chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm. Việc lựa chọn cán bộ chính quyền cấp xã gặp rất nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ nhiệt tình, có phẩm chất đạo đức cách mạng, song lại rất yếu về trình độ văn hóa, trình độ lý luận và chuyên môn. Vì vậy phải tăng cường cán bộ huyện xuống cơ sở, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kế cận, nâng cao trình độ văn hóa, trình độ lý luận chính trị cho hàng ngũ cán bộ đương chức, đương quyền. Phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân trong quản lý Nhà nước, quản lý hợp tác xã. Cải tiến lề lối làm việc, tác phong, gương mẫu và tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ trong bộ máy chính quyền.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Giang, trong giai đoạn 1965 - 1970, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã lãnh đạo và tổ chức thành công 2 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (nhiệm kỳ 1967 - 1969 và nhiệm kỳ 1969 - 1971) với sự tham dự của trên 95% cử tri trong toàn huyện. Các kỳ bầu cử đều được diễn ra trong không khí

phấn khởi của nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự, bầu đủ số đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và Hội đồng nhân dân các xã theo đúng các quy định của Nhà nước về thực hiện quy chế dân chủ cấp cơ sở. Các đại biểu Hội đồng nhân dân đều là những người có uy tín trong các thôn, xóm, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao, xứng đáng là đại biểu đại diện cho quyền lợi của nhân dân. Qua 2 kỳ bầu cử, đồng chí Vương Quỳnh Quốc được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng dần dần đi vào nề nếp và chiều sâu. Phong trào thi đua "4 tốt", tổ lao động xã hội chủ nghĩa trong Công đoàn, phong trào "Ba sẵn sàng" trong Đoàn Thanh niên, phong trào "3 đảm đang" trong Hội Phụ nữ... tiếp tục được duy trì và phát triển có hiệu quả.

Công tác xây dựng và củng cố hậu phương quân đội luôn được chú ý, các đối tượng, các gia đình thương binh, liệt sỹ và gia đình bộ đội luôn được cấp ủy, chính quyền và các tổ chức đoàn thể quan tâm chăm sóc. Thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự, cung cấp người cho tiền tuyến. Từ năm 1965 - 1970, đã có hàng trăm thanh niên hăng hái tham gia nghĩa vụ quân sự, nhiều người đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở về, tiếp tục đóng góp cho công cuộc xây dựng quê hương và trở thành lực lượng nòng cốt xây dựng dân quân tự vệ; luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan bất kỳ âm mưu xảo quyệt nào của kẻ thù, giữ yên bản làng.

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, là yếu tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phát huy kết quả cuộc vận động xây dựng chi, Đảng bộ và đảng viên "4 tốt", trong 2 năm (1969 - 1970), Đảng bộ huyện Đồng Văn tiếp tục thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Nội dung cuộc vận động là giáo dục, bồi dưỡng đảng viên nhằm nâng cao một bước chất lượng đảng viên, cương quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách, phẩm chất, làm cho Đảng trong sạch và lớn mạnh.

Ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Sự kiện này đã tác động vô cùng to lớn đến tư tưởng, tình cảm của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang đã ra nghị quyết phát động chiến dịch: "Biến đau thương thành hành động cách mạng", phát động phong trào rộng rãi trong toàn Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh học tập Di chúc của Hồ Chủ tịch, Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tư tưởng, đạo đức cách mạng và lối sống của Hồ Chủ tịch.

Cùng với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn, đặc biệt là cán bộ, đảng viên đã nhiệt tình, hăng hái và tự giác tham gia đợt sinh hoạt tư tưởng chính trị do Đảng ta phát động, quyết tâm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước, cùng cả nước "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào", tiến tới thống nhất đất nước theo hoài bão của Bác Hồ.

Qua đợt sinh hoạt chính trị này, tư tưởng và nhận thức, nhất là quyết tâm của cán bộ, đảng viên trong toàn huyện được củng cố, nâng cao thêm một bước.

Công tác phát triển Đảng, nâng cao chất lượng cơ sở Đảng và đảng viên nông thôn còn thấp so với yêu cầu. Quán triệt Chỉ thị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết 195 và 197 của Bộ Chính trị để nâng cao chất lượng đảng viên, kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh và chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, Đảng bộ huyện đã tăng cường cán bộ, đảng viên của các cơ quan huyện xuống các cơ sở Đảng giúp đỡ và hướng dẫn mọi hoạt động của các chi bộ, hướng dẫn kết nạp đảng viên đúng tiêu chuẩn và Điều lệ Đảng. Năm 1970, Đảng bộ huyện đã tổ chức và hướng dẫn tiến hành Đại hội cho 12 chi bộ nông thôn, 13 chi bộ cơ quan, bồi dưỡng đối tượng Đảng cho 89 người, kết nạp được 8 đảng viên. Nhiệm vụ tăng cường số lượng đảng viên là cần thiết, song việc nâng cao chất lượng mọi mặt của đảng viên là quan trọng. Thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Chấp hành Trung ương, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã mở đợt sinh hoạt, kiểm điểm trong các chi, Đảng bộ và đảng viên, cương quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất, kém năng lực. Mức độ nhẹ thì cảnh cáo, giáo dục và thử thách. Từ đó, làm trong sạch hàng ngũ Đảng, tạo sức mạnh cho Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng ở địa phương.

Qua 5 năm (1965 - 1970) phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Quan hệ sản xuất mới đã hoàn toàn được xác lập, kinh tế có bước phát triển cao hơn, văn hóa - xã hội có bước khởi sắc. Song, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Đó là sự yếu kém về trình độ, tốc độ phát triển của kinh tế - xã hội, năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn; văn hóa - xã hội phát triển chậm, tỷ lệ người mù chữ còn rất lớn; kết cấu hạ tầng còn kém... Đây chính là những thử thách lớn đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Văn, phải có biện pháp, chính sách thích hợp mới có thể đưa huyện Đồng Văn tiến kịp các huyện vùng thấp.

2. Củng cố quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1971 - 1975)

Bước sang thời kỳ 1971 - 1973, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta bước vào giai đoạn ngày càng gay go, ác liệt. Cuộc kháng chiến của dân tộc ta càng gần đến ngày thắng lợi, càng nhiều gian lao, nên chủ trương của Đảng ta là huy động đến mức cao nhất tiềm lực kinh tế và quốc phòng, sức lực và ý chí con người, quyết tâm đánh bại cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ và giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng trọng đại đó, tháng 9/1971, Đảng bộ huyện Đồng Văn triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ VII. Dự Đại hội có 93 đại biểu chính thức, 11 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã tập trung phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế trong công tác lãnh đạo, trong phát triển kinh tế - xã hội của nhiệm kỳ qua. Đồng thời, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành khóa mới gồm 17 đồng chí. Đồng chí Hà Cận được bầu làm Bí thư Huyện ủy[(1)].

Đại hội xác định nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện là: Củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế, trong đó nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nhằm nâng cao đời sống nhân dân; củng cố quốc phòng, bảo đảm trị an biên giới và nội địa; nâng cao dân trí, trình độ khoa học kỹ thuật của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước. Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về cuộc vận động cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật để phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc, Đảng bộ huyện nhận thức được nhiệm vụ trọng tâm của nền kinh tế ở Đồng Văn là nông nghiệp, trong đó sản xuất lương thực là then chốt.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (27/3/1971) về công tác kiện toàn, củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, từng bước hướng nền nông nghiệp đi vào thâm canh tăng năng suất cây lương thực, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã chỉ đạo xây dựng và kiện toàn các hợp tác xã nông nghiệp thích hợp với điều kiện cụ thể. Quy mô hợp tác xã nhỏ, quản lý đơn giản, gọn nhẹ, chia thu hoạch không để tích luỹ; trâu bò, nông cụ thuộc sở hữu của hợp tác xã nhưng giao trực tiếp cho cá nhân, các gia đình quản lý. Ở những nơi có điều kiện thì huyện sẽ giúp củng cố hợp tác xã, rút kinh nghiệm chuẩn bị điều kiện để đưa lên quy mô lớn hơn.

Theo sự nhận định chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với Đồng Văn và các huyện vùng cao thì sản xuất và đời sống quần chúng đang đặt ra yêu cầu cấp bách. Vì điều kiện tự nhiên có những đặc thù riêng biệt, sống trên hốc đá, xã hội trì trệ lâu đời. Tiến hành nhiệm vụ sản xuất ở đây phải dựa vào tinh thần lao động cần cù của quần

---

[(1)]. Theo Quyết nghị số 0100-QN/TU ngày 14/9/1971 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn khóa VII.

chúng. Song, cũng đòi hỏi sự đầu tư, giúp đỡ rất nhiều của Nhà nước về vốn, khoa học kỹ thuật. Thực tế bao nhiêu công sức bỏ ra như mở đường giao thông, làm thủy lợi, quy hoạch sản xuất, xây dựng nương đồi mở rộng diện tích, cung cấp vật tư... nhưng kết quả đạt được không nhiều mà chỉ giảm phần nào khó khăn của quần chúng, phần tích luỹ cho Nhà nước rất hạn chế. Công tác điều tra thổ nhưỡng, quy hoạch, phân vùng đất đai, xác định vốn, cây trồng phù hợp... là những khối lượng công việc rất phức tạp và nặng nề phải phấn đấu lâu dài mới đạt được. Tuy nhiên, nếu không kịp thời lo phát triển sản xuất và đời sống cho bà con vùng cao thì sẽ bị động trước tình hình khó khăn nảy sinh trong đời sống, ảnh hưởng đến trị an xã hội. Vì vậy, phải quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc và xây dựng quốc phòng lâu dài trong toàn Đảng bộ, cùng nhau phấn đấu đưa vùng cao tiến kịp vùng thấp.

Trong năm 1971, tình hình khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, hạn hán và rét buốt kéo dài nên ảnh hưởng rất lớn tới năng suất nông nghiệp. Trước tình hình đó, Đảng bộ và chính quyền huyện đã tăng cường cán bộ, đẩy mạnh biện pháp chỉ đạo và giúp đỡ nhân dân tổ chức sản xuất nông nghiệp. Các biện pháp như: Thủy lợi, phân bón, giống, khoa học kỹ thuật đã hạn chế phần nào sự giảm sút của sản lượng nông nghiệp. Năm 1971, tổng sản lượng lương thực đạt 7.175 tấn, so với kế hoạch hụt 3.000 tấn, so với năm 1970 hụt 1.590 tấn. Thực hiện Nghị quyết 09 và 10 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn quyết tâm phấn đấu vượt khó khăn, thử thách, đẩy năng suất và sản lượng toàn huyện đi lên. Đặc biệt là chú ý mở rộng diện tích, tận dụng diện tích trồng trọt. Năm 1972, diện tích ngô đạt 7.707 ha, đến năm 1973 là 7.698 ha, bằng 99% của năm 1972. Năng suất ngô đạt 8,08 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 6.220,8 tấn; lúa đạt 19,54 tạ/ha, tổng sản lượng 947,69 tấn. Nhìn chung, tình hình nông nghiệp của Đồng Văn trong 3 năm qua hầu như chưa có sự chuyển biến, thậm chí có chỉ tiêu năm sau thấp hơn năm trước.

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiếp tục lãnh đạo nhân dân phát huy thế mạnh của vùng khí hậu ôn đới, phát triển mạnh trồng cây su hào, cung cấp giống cho toàn tỉnh và các tỉnh bạn. Năm 1972 - 1973, đã thu được 5.395 kg hạt giống su hào, bán cho Nhà nước thu được 107,914 đồng, tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

Lĩnh vực chăn nuôi nhìn chung phát triển hơn các năm trước. Năm 1971, toàn huyện có 1.506 con trâu, đạt 90,36% kế hoạch; 6.561 con bò, đạt 99% kế hoạch; 8.650 con lợn, đạt 89,9% kế hoạch. Đến năm 1973, ngành chăn nuôi Đồng Văn có bước phát triển vượt bậc, toàn huyện có 1.555 con trâu, đạt 105%; bò 6.724 con, đạt

101,3%; ngựa 1.133 con, đạt 136,6% so với năm 1971.

Ngành lâm nghiệp được Đảng bộ coi trọng tập trung vào 3 khâu cơ bản là khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ và chính quyền huyện, công tác lâm nghiệp đã có bước chuyển biến rõ nét. Năm 1973, tổ chức tu bổ được 632 ha, phục hồi được 858 ha và khoanh nuôi được 964 ha. Tổ chức khai thác rừng hợp lý, vừa bảo đảm nguyên liệu cho Nhà nước, vừa tránh được khai thác rừng tràn lan không phục hồi kịp. Năm 1973, đã tổ chức khai thác 12.185 m^3 gỗ các loại. Bên cạnh đó, tăng cường tuyên truyền, giáo dục và chống đốt phá rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn...

Trong lĩnh vực giao thông, vận tải, Đảng bộ huyện chỉ đạo các xã có trục đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn phải thường xuyên tu sửa, bảo dưỡng để đảm bảo giao thông thông suốt. Tiến hành sửa sang, nâng cấp các tuyến đường dân sinh, đường liên xã, khởi công đường Phố Cáo - Sủng Thài. Trong năm 1973, đã chủ động được 2.035 ngày công làm mới và tu sửa được hàng chục cây số đường, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội. Củng cố và phát triển các đội ngựa thồ đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời hàng hóa phục vụ nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Ngành thủ công nghiệp địa phương mấy năm nay vẫn chưa có chuyển biến lớn, còn mang nặng tính chất tự sản, tự tiêu, thiếu nguyên liệu hoạt động. Năm 1973, cung cấp được 2.535 lưỡi cày, 2.086 con dao, 1.230 chiếc cuốc bướm và một số mặt hàng khác phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân địa phương.

Các ngành kinh tế khác như tài chính, thương nghiệp, thuế, xây dựng cơ bản... có nhiều tiến bộ, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được Đảng bộ huyện hết sức quan tâm, qua đó đạt được nhiều chuyển biến căn bản:

Công tác giáo dục - đào tạo đã có tiến bộ rõ nét. Năm 1971, huyện có 146 lớp (vỡ lòng, cấp I và cấp II) với tổng số học sinh là 1.784 em và 186 giáo viên. Đến năm 1972, tổng số học sinh đã tăng lên 2.147 em cấp I và 5 lớp cấp II với 70 em theo học. Tuy nhiên, giáo dục Đồng Văn mới phát triển về số lượng còn chất lượng vẫn chưa phát triển tương xứng. Năm 1972, tỷ lệ học sinh lên lớp ở cấp I mới đạt 60%, học sinh tốt nghiệp cấp I đạt 77%, học sinh lên lớp ở cấp II đạt 80%. Bước sang năm 1973, được sự quan tâm, đầu tư của Đảng và chính quyền các cấp từ tỉnh đến huyện và xã cùng với sự giúp đỡ của Khu ủy, ngành giáo dục Đồng Văn tiếp tục có bước phát triển mới, toàn huyện có 65 lớp vỡ lòng với 973 học sinh; 116 lớp cấp

I với 1.540 học sinh và 6 lớp cấp II với 81 học sinh. Phong trào xóa mù chữ, bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì và củng cố, song có một khó khăn chưa khắc phục được là số người được xóa mù chữ không có điều kiện học tiếp nên hiện tượng tái mù chữ còn khá phổ biến.

Công tác y tế đã được Đảng và Nhà nước đầu tư hơn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám, chữa bệnh. Phong trào tuyên truyền, giáo dục ý thức vệ sinh phòng bệnh được duy trì và phát triển. Năm 1972, ngành y tế Đồng Văn đã tổ chức tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh cho 7.252 người, tiêm phòng cho 1.112 người, phun thuốc muỗi ở 40 hợp tác xã, khám và phát thuốc cho 8.134 người, khám và điều trị tại nhà cho 3.095 người. Với những cố gắng trên, nhiều dịch bệnh đã được đẩy lùi, uy tín của ngành y tế đối với nhân dân được nâng cao, bảo đảm sức khỏe cho nhân dân lao động sản xuất và công tác.

Hoạt động văn hóa văn nghệ luôn được Đảng bộ quan tâm, đã phát triển khá mạnh về số lượng và chất lượng, đáp ứng được phần nào nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, góp phần hạn chế các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới. Các đội thông tin xã, văn nghệ nghiệp dư được củng cố, tổ chức biểu diễn được 12 buổi phục vụ cán bộ và nhân dân, góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho các dân tộc trong toàn huyện. Đẩy mạnh phong trào triệt phá cây thuốc phiện, vận động nhân dân không hút thuốc và buôn bán thuốc phiện, không mắc các tệ nạn xã hội khác, làm cho không khí ở nông thôn ngày càng lành mạnh và ổn định.

Về lợi ích công cộng, Đảng bộ huyện tập trung vào giải quyết nhiệm vụ cấp bách ở Đồng Văn lúc bấy giờ là phải cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người và gia súc. Năm 1973, huyện đã tổ chức xây bể nước ở các xã Đồng Văn, Ma Lé, Tả Phìn, Tả Lủng, Thài Phìn Tủng, Sính Lủng, Sà Phìn, Sủng Là... Tuy nhiên, kết quả mới đạt 63% chỉ tiêu kế hoạch năm.

Trong công tác xây dựng Đảng, chủ trương của Đảng bộ huyện là phải tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiến hành "Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh" gắn liền với "Cuộc vận động lao động sản xuất, phấn đấu hoàn thành kế hoạch Nhà nước". Tăng cường các biện pháp khắc phục điểm yếu về trình độ, về nhận thức lý luận chính trị và tổ chức của đảng viên và các cơ sở Đảng. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Đảng bộ huyện đã mở nhiều lớp học tập lý luận chính trị, tập huấn công tác Đảng; bồi dưỡng nâng cao nhận thức về mọi mặt cho đảng viên và cấp ủy. Lấy xây dựng chi bộ và đảng viên "4 tốt" làm nội dung sinh hoạt trong các chi bộ; lấy phê và tự phê làm phương tiện để củng cố đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Làm tốt công tác phát

triển Đảng, kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh đúng tiêu chuẩn và Điều lệ, giúp đỡ cơ sở, nhất là cơ sở Đảng ở nông thôn nắm vững nguyên tắc và thủ tục kết nạp đảng viên mới. Đến năm 1973, 100% các xã đều có chi bộ, có xã thành lập được Đảng bộ. Đây là một bước tiến bộ rất lớn của Đảng bộ huyện trong điều kiện kinh tế khó khăn, dân trí thấp và lạc hậu.

Song song với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện còn hết sức chú trọng đến nhiệm vụ kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Về xây dựng chính quyền, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo kiện toàn và củng cố bộ máy chính quyền cấp xã nhằm phát huy hết sức mạnh, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp cơ sở, thực hiện đúng và đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng, xây dựng đơn vị xã thành pháo đài vững chắc trong công cuộc bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ quê hương.

Phát huy sức mạnh và vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và sức lực, Đảng bộ huyện chỉ đạo mọi hoạt động của các tổ chức quần chúng tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là kiện toàn, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng tại địa phương, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cùng cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Bước sang thời kỳ 1972 - 1973, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã và đang thu được nhiều thắng lợi lớn, đế quốc Mỹ đang bị thất bại nặng nề không có lối thoát. Để cứu vãn tình thế, chúng đã leo đến nấc thang cuối cùng trong cuộc chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Trong 12 ngày đêm cuối tháng 12/1972 (từ ngày 18 - 29/12), đế quốc Mỹ đã huy động hàng nghìn máy bay chiến thuật, hàng trăm máy bay chiến lược mở cuộc tập kích vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố, thị xã đông dân khác của miền Bắc với mục đích: "Thêm một tí bom đạn nữa thì Bắc Việt Nam có thể sẽ phải nhận những điều kiện có lợi cho Mỹ hơn, thậm chí có khi phải đầu hàng về quân sự"[1]. Song, những cố gắng cuối cùng của chúng hoàn toàn bị thất bại. Sau thất bại đau đớn này, đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pa-ri (27/01/1973) chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, cam kết rút toàn bộ quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Mỹ đã "cút" nhưng "Nguỵ chưa nhào", cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới - giai đoạn cuối cùng quyết định cho thắng lợi hoàn toàn của chặng đường 30 năm kháng chiến chống xâm lược, thống nhất đất nước.

---

[1]. Gợi ý của Rô bớc Tôn-xơn - chuyên viên người Anh thân cận với Tổng thống Mỹ Ních-xơn.

Trong bối cảnh lịch sử đó, nhiệm vụ xây dựng hậu phương vững mạnh, chi viện đắc lực cho tiền tuyến, cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước là nhiệm vụ cơ bản. Nhiệm vụ nặng nề đó đặt ra cho Đảng bộ huyện Đồng Văn những nỗ lực lớn trong vai trò lãnh đạo và động viên nhân dân các dân tộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, chi viện đến mức cao nhất cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi hoàn toàn, thu giang sơn về một mối.

Từ ngày 10 - 15/9/1973, Đảng bộ huyện Đồng Văn tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ VIII, bầu Ban Chấp hành khóa mới, đồng chí Hà Cận được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Trong Báo cáo Chính trị của Đại hội đã xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ là tiếp tục củng cố, kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp, phát triển lên quy mô lớn hơn. Phát triển nền nông nghiệp toàn diện, vững chắc dựa trên cơ sở, đặc điểm của huyện mà chú trọng cây lương thực để đáp ứng yêu cầu tự túc lương thực và đóng góp cho Nhà nước. Đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng tại địa phương, đó là cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật và cách mạng tư tưởng - văn hóa. Trong đó, cách mạng quan hệ sản xuất sẽ tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế; cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; cách mạng tư tưởng - văn hóa là quan trọng để đưa Đồng Văn tiến kịp các huyện vùng thấp. Bảo vệ vững chắc an ninh chính trị biên giới và nội địa, góp phần cùng cả nước đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Về nhiệm vụ củng cố hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ huyện tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tuyên truyền, giáo dục và bồi dưỡng về nhận thức cho nhân dân, bà con xã viên về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, con đường làm ăn tập thể. Từ đó nhân dân đóng góp tích cực vào củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp.

- Bằng mọi biện pháp, tích cực nâng cao trình độ quản lý hợp tác xã của cán bộ lãnh đạo từ đội trưởng, đội phó trở lên. Trước tiên là nâng cao ý thức trách nhiệm các Ban quản trị, cán bộ cốt cán để củng cố phong trào hợp tác xã.

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, rút kinh nghiệm công tác thí điểm, công tác củng cố phong trào hợp tác xã ở xã Phố Cáo để nhân ra toàn huyện.

- Giải quyết tốt vấn đề ruộng đất đã đóng góp vào hợp tác xã và phần diện tích đất 5% đang có thắc mắc trong nhân dân.

- Bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ban quản trị hợp tác xã và các ngành có liên quan, tập trung khả năng và lực lượng yêu cầu các hợp tác xã phải thanh quyết toán tài chính rõ ràng để nhân dân tin tưởng và phấn đấu sản xuất.

Nhiệm vụ phát triển nông nghiệp vẫn là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ Đồng

Văn. Đảng bộ huyện tập trung làm tốt khâu thủy lợi, tập trung kiểm tra, tu sửa các công trình thủy lợi cũ; củng cố hoạt động của các đội thủy lợi đảm bảo đủ nước tưới.

Năm 1974, huyện tiến hành khảo sát, nghiên cứu hệ thống mương dẫn nước, ống dẫn nước ở các xã Phố Cáo, Phó Bảng, Lũng Táo, Đồng Văn để cung cấp nước tưới cho nông nghiệp ở những nơi thiếu nước nghiêm trọng. Tổ chức đưa giống lúa mới vào gieo trồng, đầu tư phân bón, khoa học kỹ thuật và mở rộng diện tích để tăng sản lượng lương thực. Tuy nhiên, do thời tiết không thuận lợi nên sản lượng lương thực so với năm trước chưa có chuyển biến. Cơ cấu nông nghiệp vẫn chủ yếu là cây ngô, cây lúa nước chỉ trồng được ở một số vùng thuận tiện. Ngoài ra, trồng thêm, trồng xen một số cây hoa màu khác như cây dong riềng, tam giác mạch, một số loại đậu...

Về chăn nuôi, phát huy kết quả năm 1973, nhằm cung cấp sức kéo và phân bón, Đảng bộ huyện chủ trương phát triển mạnh chăn nuôi lên một bước mới. Năm 1974, toàn huyện có 16.000 con trâu, 6.940 con bò, 2.000 con ngựa và khoảng 10.000 con lợn. Do vậy, tổng giá trị sản lượng chăn nuôi ngày càng tăng, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

Trong công tác lâm nghiệp, dược liệu, Đảng bộ huyện tiếp tục thực hiện kế hoạch khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng. Chỉ tiêu năm 1974, huyện giao cho ngành lâm nghiệp 2.000 ha rừng để bảo vệ và trồng rừng, nhưng quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như cơ chế quản lý và trồng rừng chưa hợp lý, thiếu vốn, thiếu giống nên cuối năm mới thực hiện được 60 - 70% chỉ tiêu kế hoạch. Đảng bộ huyện khuyến khích nhân dân trồng các loại cây dược liệu như tam thất, xuyên khung, trẩu để tăng thêm nguồn thu nhập.

Hoạt động của ngành giao thông, thương nghiệp tiếp tục có sự chuyển biến tốt. Hoàn thành tuyến đường dân sinh Phố Cáo - Sủng Thài, mở thêm một số trục đường dân sinh liên xã. Giao chỉ tiêu, kế hoạch cho các xã duy tu, bảo dưỡng đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn thuộc địa phận xã. Tăng cường phương tiện vận chuyển hàng hóa, trong đó chủ yếu là kiện toàn, củng cố lực lượng các đội ngựa thồ. Phối hợp với ngành thương nghiệp đưa hàng hóa đến các vùng sâu, vùng xa, đảm bảo cho mọi người dân đều được Nhà nước phục vụ, được nâng cao mức sống.

Mặt trận văn hóa - xã hội tiếp tục được sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện:

Công tác giáo dục - đào tạo được duy trì cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, một khó khăn rất lớn của Đồng Văn nói riêng và các huyện vùng cao nói chung là việc duy trì sỹ số học sinh trong suốt năm học. Hiện tượng cuối năm học, cuối cấp học sỹ số học sinh ngày càng giảm rất phổ biến, dẫn tới tình trạng học sinh

cuối cấp ngày càng ít, một số học sinh học xong cấp I nhưng không đủ học sinh và giáo viên để mở cấp II, học sinh muốn lên học cấp II phải đi hàng ngày đường đến trung tâm huyện hoặc xã khác để học. Do đó, nhiều xã nhiều năm không đủ điều kiện để mở trường cấp II. Số lượng học sinh cấp II quá ít so với số dân và học sinh ở cấp I.

Phong trào y tế phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe luôn luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện trong các thời kỳ. Nhiệm vụ này không chỉ đơn thuần là bảo vệ sức khỏe cho nhân dân mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Làm tốt nhiệm vụ này sẽ củng cố và nâng cao được uy tín của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa trong quần chúng nhân dân; củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước, quyết tâm phấn đấu đi theo con đường của Đảng và Chính phủ vạch ra.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được duy trì và củng cố. Năm 1974, huyện tiếp tục tăng cường các Ban thông tin ở xã, vì đây là phương tiện thuận lợi nhất, nhanh nhất đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng bộ và chính quyền huyện xuống quần chúng nhân dân, giúp nhân dân nắm được tin tức, tình hình đất nước và thế giới thuận tiện hơn. Tăng cường củng cố các đội văn nghệ nghiệp dư, thường xuyên biểu diễn văn nghệ, chiếu phim và các hoạt động thể dục, thể thao phục vụ các ngày lễ, ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước. Tiếp tục tăng cường xây dựng đời sống văn hóa ở các thôn bản, hạn chế các phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín không phù hợp với truyền thống dân tộc, góp phần xây dựng vùng cao ngày càng văn minh, hạnh phúc.

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, trong Báo cáo Chính trị của Đại hội đã xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng, củng cố các cấp ủy Đảng để đáp ứng tình hình và nhiệm vụ cấp bách của cách mạng đặt ra. Quán triệt Nghị quyết 225 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19 và 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cùng Chỉ thị của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác xây dựng chi bộ, đảng viên theo đúng yêu cầu của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên theo Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 175 của Ban Bí thư Trung ương. Tăng cường sinh hoạt chi bộ, thường xuyên cải tiến nội dung sinh hoạt, kiện toàn các chi bộ Đảng; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết nội bộ; tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, củng cố hợp tác xã; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, bảo vệ trật tự an ninh biên giới và nội địa; chăm lo đời sống vật chất và tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Củng cố chi bộ Đảng yếu kém, chi bộ vùng xung yếu. Rèn luyện, nâng cao trình độ tư

tưởng chính trị cho đảng viên, tích cực bồi dưỡng đối tượng và kết nạp đảng viên mới.

Khâu yếu nhất trong công tác Đảng thời kỳ này là việc kiện toàn chi bộ ở cấp xã. Đảng viên nông thôn đại bộ phận trình độ văn hóa, trình độ lý luận chính trị rất thấp, tỷ lệ đảng viên mù chữ còn lớn. Nhiều chi bộ, Bí thư, cấp ủy còn chưa đọc thông, viết thạo. Vì vậy, ngoài việc tăng cường cán bộ, đảng viên ở các cơ quan huyện xuống cơ sở thì nhiệm vụ xóa mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa, bồi dưỡng, nâng cao lý luận chính trị cho đảng viên và các cấp ủy cơ sở là nhiệm vụ cấp bách. Trong nhiệm kỳ 1973 - 1975, Đảng bộ huyện chỉ đạo và phối hợp với ngành giáo dục tổ chức xóa mù chữ cho hơn 60% đảng viên, 70% cán bộ các cấp ủy; chỉ đạo Ban Tuyên huấn mở các lớp bồi dưỡng nâng cao lý luận chính trị, học tập nghiên cứu các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy. Mở các lớp đối tượng, tổ chức phát triển Đảng, chú ý kết nạp đảng viên nông thôn, phấn đấu đến hết năm 1975 bảo đảm 30% số thôn bản có cơ sở Đảng.

Năm 1975, toàn huyện có 549 đảng viên, sinh hoạt trong 38 chi bộ (trong đó có 20 chi bộ nông thôn với 419 đảng viên); tất cả các xã đều có chi bộ, Đảng bộ. Xã có nhiều đảng viên nhất như Vần Chải với 37 đảng viên, Phú Lũng 32 đảng viên, Sính Lủng 30 đảng viên, Đồng Văn 29 đảng viên, Phố Cáo và Ma Lé 25 đảng viên, Sủng Thài 24 đảng viên, Sà Phìn 23 đảng viên, Sủng Là 22 đảng viên, Lũng Cú 20 đảng viên, Lũng Thầu 19 đảng viên. Còn một số xã phát triển Đảng yếu, ít đảng viên như thị trấn Phó Bảng chỉ có 4 đảng viên; Phố Là 12 đảng viên; các xã Tả Phìn, Tả Lủng, Sủng Cháng có 13 đảng viên; các xã Thài Phìn Tủng, Thắng Mố, Sảng Tủng mỗi xã có 14 đảng viên; Lũng Táo 16 đảng viên[1]. Hầu hết các dân tộc đều có đảng viên, trong đó đông nhất là dân tộc Mông có 323 đảng viên. Nhìn chung, công tác phát triển Đảng ở Đồng Văn còn chậm và yếu so với các huyện khác, nhất là các huyện vùng thấp.

Song song với công tác phát triển Đảng, Đảng bộ huyện còn rất chú trọng đến công tác kỷ luật đảng viên. Năm 1974 - 1975, Đảng bộ huyện tiếp tục thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, tổ chức kiểm điểm, xem xét những đảng viên không đủ tiêu chuẩn đưa ra khỏi Đảng. Đây là quy luật khách quan, là sự đào thải tất yếu trong quá trình vận động và trưởng thành của Đảng, góp phần làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, tăng thêm sức chiến đấu của Đảng, uy tín của Đảng trong quần chúng ngày một nâng cao. Đây là một công tác quan trọng và phức tạp vì nó liên quan tới danh dự, sinh mạng chính trị của đảng viên. Vì vậy, trong quá

[1]. Theo Báo cáo số 18 BC/KT ngày 13/11/1975 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Đồng Văn về tình hình thực hiện Chỉ thị 192 của Đảng bộ huyện Đồng Văn đến ngày 30/10/1975.

trình tiến hành cần hết sức thận trọng, nghiêm túc và chính xác. Lấy việc học tập, kiểm điểm và phân tích ở cơ sở Đảng để đánh giá trình độ nhận thức, giác ngộ chính trị, tư tưởng, phẩm chất đạo đức, uy tín cũng như năng lực và vai trò của đảng viên đó trong quần chúng để sàng lọc, quyết định đưa ra khỏi Đảng. Trong thời kỳ 1974 - 1975, một số đảng viên thấy mình không đủ tiêu chuẩn đứng trong hàng ngũ của Đảng đã tự nguyện viết đơn xin ra khỏi Đảng; một số đảng viên mắc khuyết điểm bị thi hành kỷ luật từ cảnh cáo đến khai trừ.

Trong năm 1974, đặc biệt là từ tháng 4 đến tháng 10, cuộc kháng chiến của dân tộc ta bước sang giai đoạn mới. Nhân dân miền Nam liên tục tiến công địch trên các vùng đất bị cướp đoạt, mở rộng vùng giải phóng, củng cố chính quyền cách mạng. Ở miền Bắc, nhân dân ta đang ra sức lao động, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, ổn định đời sống nhân dân, cung cấp đến mức cao nhất người và của cho tiền tuyến, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trước tình hình phát triển mạnh mẽ của cách mạng trong cả nước, từ ngày 18/12/1974 đến ngày 08/01/1975, Bộ Chính trị họp Hội nghị bàn kế hoạch giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976. Hội nghị còn dự kiến: Nếu như thời cơ đến thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Với tình thế vô cùng khẩn trương của cách mạng miền Nam và nhiệm vụ cấp bách của cả nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Văn quyết tâm phấn đấu với khả năng cao nhất, đóng góp sức mình cho thắng lợi của cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam.

Cuối tháng 11, đầu tháng 12/1974[1], Đảng bộ huyện Đồng Văn triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ IX. Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm của huyện là: Tăng cường củng cố, kiện toàn hợp tác xã, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp; bảo đảm trật tự an ninh xã hội, an ninh biên giới; phát triển kinh tế, văn hóa; cải thiện đời sống nhân dân; góp công, góp sức cùng cả nước quyết tâm đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 21 đồng chí (trong đó có 2 đồng chí dự khuyết), đồng chí Hoàng Việt Tiến được bầu làm Bí thư Huyện ủy[2].

Trong 10 năm (1965 - 1975), nhiệm vụ xây dựng, kiện toàn tổ chức Đảng luôn được gắn liền với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Đảng là xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố hậu phương và chi viện cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước. Công tác xây dựng Đảng trong giai đoạn này là chú trọng đến

---

[1]. Theo Quyết nghị số 0875-QN/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn, trong đó có ghi: căn cứ biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX ngày 01/12/1974.

[2]. Ngày 14/8/1975, tại Hội nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng chí Sùng Nảo Sán được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, thay đồng chí Hà Cận được phân công đi nhận nhiệm vụ mới.

chất lượng đảng viên nhằm nâng cao sức chiến đấu cho các cơ sở Đảng. Tuy công tác phát triển Đảng còn nhiều hạn chế, khó khăn và ít về số lượng, nhưng qua các cuộc vận động, chỉnh đốn Đảng ở Đồng Văn đã chứng minh được vai trò hạt nhân, nòng cốt lãnh đạo của Đảng, là nhân tố quyết định thắng lợi của nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố hậu phương và chi viện cho tiền tuyến giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ chính trị do Đại hội các cấp đề ra, Huyện ủy chú trọng chỉ đạo công tác củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng các cấp. Trong các năm 1971, 1973 và năm 1975, Huyện ủy lãnh đạo thành công 3 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp với trên 95% cử tri tham gia bỏ phiếu, bầu đủ số đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các xã theo đúng luật định. Ở cả 3 kỳ bầu cử, đồng chí Vương Quỳnh Quốc được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện. Thông qua bầu cử, bộ máy chính quyền và các ban, ngành chuyên môn của huyện được kiện toàn. Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính từ huyện đến cơ sở luôn phát huy vai trò, chức năng quản lý, chỉ đạo và đôn đốc kiểm tra các ngành, các cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Mùa xuân năm 1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân dân ta, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Sau 55 ngày đêm chiến đấu liên tục, dũng cảm, đầy mưu trí, ngày 30/4/1975, chính quyền Sài Gòn - tay sai của đế quốc Mỹ đầu hàng vô điều kiện, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Cách mạng Việt Nam nói chung và cách mạng ở Đồng Văn nói riêng chuyển sang giai đoạn mới. Đó là giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước.

*

* *

Chặng đường 1944 - 1975 đầy khó khăn, gian khổ, nhưng cũng đầy tự hào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn.

Sống trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, xã hội đen tối và lạc hậu do sự kìm kẹp của chế độ thổ ty, phong kiến, các dân tộc Đồng Văn từ thế hệ này qua thế hệ khác đã dũng cảm chịu đựng, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, bám trụ kiên cường bảo vệ biên cương lãnh thổ, xây dựng cuộc sống, tạo nên một nét truyền thống đặc trưng quý báu hiếm có trên mọi miền Tổ quốc. Trong mỗi hoàn cảnh, mỗi giai đoạn của lịch sử, các dân tộc sống trên mảnh đất cao nguyên nhiều đá nhưng ít nước này luôn kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp để tô điểm thêm trang sử hào hùng

của các thế hệ đi trước. Từ khi có Đảng đem ánh sáng cách mạng đến soi đường, dẫn lối thì các dân tộc Đồng Văn đã bừng tỉnh, nhất loạt đứng lên, biến truyền thống tốt đẹp của cha ông thành sức mạnh to lớn đạp đổ ách kìm kẹp của thực dân và phong kiến, vượt qua mọi thử thách và khó khăn, khắc nghiệt của thiên nhiên để xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Trải qua hơn 30 năm đấu tranh (1944 - 1975), xây dựng và phát triển, từ khi có Đảng lãnh đạo, các dân tộc Đồng Văn đã làm nên những kỳ tích lớn lao chưa từng có so với hàng ngàn năm lịch sử trước đó. Mùa thu năm 1944, cán bộ Việt Minh, mà tiêu biểu là đồng chí Đặng Việt Hưng đã vượt qua núi non hiểm trở, vượt qua sự kiểm duyệt gắt gao của mật thám, thổ ty đến Đồng Văn gây dựng cơ sở cách mạng, tuyên truyền và giác ngộ quần chúng đứng lên làm cách mạng, thành lập Ban Việt Minh tổng Đường Thượng và xây dựng khu căn cứ cách mạng Đông Minh, hình thành một lực lượng cách mạng hùng hậu làm đối trọng với lực lượng thổ ty và các thế lực phản động khác.

Ngay từ buổi đầu thành lập với vài đảng viên, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã nhanh chóng trở thành lực lượng nòng cốt tập hợp, đoàn kết và lãnh đạo quần chúng các dân tộc Đồng Văn kháng chiến chống Pháp - phỉ thắng lợi, dẹp loạn thành công và bước vào thời kỳ vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Cũng bắt đầu từ vài đảng viên buổi ban đầu ấy, trải qua quá trình tôi luyện với bao khó khăn, thử thách trong thực tiễn cách mạng ở địa phương, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã không ngừng lớn mạnh và trưởng thành về số lượng và chất lượng. Đến năm 1975, Đảng bộ huyện đã có 549 đảng viên. Đây chính là nhân tố quyết định lãnh đạo các dân tộc Đồng Văn đứng lên và đi theo con đường cách mạng do Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, đem lại cuộc sống bình đẳng, ấm no, hạnh phúc cho các dân tộc.

Qua quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng bộ huyện Đồng Văn trong hơn 30 năm qua, ta có thể rút ra các bài học quý báu:

1- Nắm vững đường lối, quan điểm và chính sách dân tộc của Đảng, vận dụng sáng tạo và phù hợp vào thực tiễn địa phương.

Đồng Văn là vùng đất thuộc lãnh thổ Việt Nam, các dân tộc Đồng Văn là một bộ phận của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Vì vậy, cách mạng Đồng Văn nằm dưới sự lãnh đạo chung của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ ngày chi bộ Đảng ở Đồng Văn mới thành lập và lãnh đạo nhân dân các dân tộc Đồng Văn làm cách mạng, chi bộ cũng như Đảng bộ sau này luôn bám sát vào chủ trương, đường lối lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Hà Giang. Chủ trương, đường lối cách mạng của

Đảng là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của dân tộc Việt Nam, nếu đi chệch hướng sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng sẽ phải trả giá khôn lường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, cách mạng ở Đồng Văn tuyệt đối tuân thủ theo nguyên tắc, đường lối chung của Đảng là làm cách mạng đánh đổ chế độ thực dân, phong kiến và thổ ty, đem lại quyền lợi kinh tế - chính trị và văn hóa cho nhân dân; xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội để nhân dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành theo tâm nguyện của Bác Hồ. Đối với vùng cao như Đồng Văn là nơi cư trú của các dân tộc thiểu số, dân trí thấp, lạc hậu, kinh tế chậm phát triển lại bị chế độ thổ ty phong kiến đè nén hàng trăm năm nay, điều kiện địa lý phức tạp, giao thông đi lại khó khăn... Vì vậy, xây dựng và phát triển cách mạng ở vùng này gặp rất nhiều khó khăn, đòi hỏi chi bộ rồi Đảng bộ Đồng Văn phải có sự chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong cuộc vận động cách mạng sao cho phù hợp với điều kiện của Đồng Văn thì cách mạng mới ăn sâu, bám rễ được vào đồng bào các dân tộc, được đồng bào tin tưởng và ủng hộ để cách mạng thành công.

Dân tộc và chính sách dân tộc là vấn đề chính trị nhạy cảm. Chính sách dân tộc của Đảng là đoàn kết các dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng làm cách mạng giành chính quyền. Cách mạng thành công thì phải chăm lo đời sống, phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao đời sống và thực hiện chính sách dân tộc bình đẳng... nhằm từng bước đưa các dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa tiến kịp với đồng bào cả nước, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng bộ huyện Đồng Văn căn cứ vào chính sách dân tộc của Đảng, căn cứ vào đặc điểm tâm lý, phong tục, tập quán cũng như điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh kinh tế - xã hội của các dân tộc mà đề ra chính sách phù hợp với điều kiện cụ thể của Đồng Văn, gắn kết các dân tộc thành một khối thống nhất để làm cách mạng, xây dựng và bảo vệ đất nước.

2- Tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất, đoàn kết các dân tộc, thực hiện sách lược "Qua trên nắm dưới" để vận động các dân tộc, mọi tầng lớp tham gia cách mạng.

Từ chỗ nắm vững và vận dụng sáng tạo, phù hợp chính sách dân tộc của Đảng vào thực tế địa phương, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã nhận thức đầy đủ ý nghĩa và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng ở Đồng Văn. Ngay từ những buổi đầu của cách mạng ở Đồng Văn, cán bộ Việt Minh đã lặn lội tới những thôn bản xa xôi thức tỉnh lòng yêu nước, tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc. Lúc này, cán bộ Việt Minh trở thành trung tâm đoàn kết, tập hợp quần chúng các dân tộc xung quanh mình, đưa họ vào một tổ chức cách mạng gọi là tổ chức Việt Minh. Từ đó, tổ chức họ, giáo dục và giác ngộ họ trở thành cán bộ cốt

cán, lực lượng cách mạng tại địa phương. Thời kỳ chi bộ Đảng chưa thành lập và ngay cả những ngày đầu đã thành lập chi bộ Đảng, Đảng chưa đủ sức vươn tới những vùng xa xôi, hẻo lánh của huyện, do vậy đồng bào tại các vùng này chưa hiểu gì về Đảng mà chỉ biết đến Việt Minh, vì cán bộ Việt Minh luôn gần gũi với họ, cùng ăn, cùng ở và cùng làm với họ. Vì vậy, Mặt trận dân tộc thống nhất lúc đó chính là tổ chức có uy tín và khả năng đoàn kết nhất, tập hợp các dân tộc Đồng Văn đứng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong giai đoạn đầu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Đồng Văn, Đảng bộ huyện đã biết khôn khéo khơi dậy và phát huy lòng yêu nước, tinh thần dân tộc của một bộ phận tầng lớp trên để tổ chức, vận động cách mạng. Đây là tầng lớp giàu có nhưng ít nhiều còn tinh thần dân tộc, có uy lực trong đồng bào, tiếng nói có trọng lượng, dễ thu phục người dân địa phương. Đảng bộ Đồng Văn đã mạnh dạn giao một số trọng trách trong chính quyền từ huyện đến xã cho tầng lớp này dưới sự giám sát của cán bộ Đảng. Đây chính là sách lược "Qua trên nắm dưới" của Đảng bộ Đồng Văn. Sách lược này đã đạt được hiệu quả tốt, đóng góp quan trọng vào cuộc vận động, tập hợp đồng bào các dân tộc đoàn kết nhau lại để làm cách mạng.

3- Đẩy mạnh công tác xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, giữ vững mối quan hệ giữa Đảng với dân, dân với Đảng để tạo sức mạnh tổng hợp hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng phải được tập hợp và đoàn kết vào một tổ chức nhất định dưới sự lãnh đạo của Đảng mới phát huy hiệu quả sức mạnh của mình để làm cách mạng. Trong hơn 30 năm lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Đảng bộ Đồng Văn không lúc nào sao nhãng nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở như Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng khác. Tích cực xây dựng và củng cố Đảng lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên. Thực hiện tốt các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết của Trung ương, xây dựng chi, Đảng bộ trong sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng ở mỗi giai đoạn. Giữ vững mối quan hệ giữa Đảng với dân, dân với Đảng để phát huy được toàn dân tham gia cách mạng. Tăng cường đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số tại địa phương. Thường xuyên chăm lo, củng cố chính quyền các cấp. Năm 1959, kết thúc thời kỳ thực hiện sách lược "Qua trên nắm dưới", đưa cán bộ, đảng viên trung kiên lên nắm chính quyền thay thế tầng lớp trên để đẩy mạnh công tác và nhiệm vụ lên tầm cao mới, đáp ứng nhiệm vụ cách mạng của Đảng. Các tổ chức đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc,

Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... luôn được Đảng bộ huyện Đồng Văn quan tâm kiện toàn và củng cố về tổ chức và hoạt động có hiệu quả. Qua đó đã đoàn kết, tập hợp được mọi thành phần xã hội, mọi dân tộc trong Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các dân tộc vào sự nghiệp cách mạng chung ở địa phương.

4- Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Trung ương, khu Việt Bắc và tỉnh trên cơ sở phát huy nội lực của các dân tộc trong sự nghiệp cách mạng giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Qua hơn 30 năm đấu tranh cách mạng giành chính quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đồng Văn, sự giúp đỡ, ủng hộ và chi viện của Trung ương, Khu ủy Việt Bắc và Tỉnh ủy Hà Giang cho Đồng Văn đóng vai trò hết sức quan trọng. Song, phát huy yếu tố nội lực trong đồng bào các dân tộc ở Đồng Văn lại đóng vai trò quyết định. Sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố bên ngoài và bên trong đã tạo nên sức mạnh phi thường đánh đổ mọi thế lực phản động, giành chính quyền về tay nhân dân và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội sau một phần ba thế kỷ lãnh đạo cách mạng ở Đồng Văn, Đảng bộ huyện đã tích cực chủ động tranh thủ sự giúp đỡ, chi viện của Trung ương, khu và tỉnh về vật chất, tinh thần và con người, đồng thời cũng biết khơi dậy và phát huy nội lực trong đồng bào các dân tộc. Đó là khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước, lòng trung thành với Đảng, đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc; phát huy tính cần cù vượt khó và ý chí tự lực, tự cường của các dân tộc Đồng Văn làm nên thắng lợi to lớn trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu của Đồng Văn trong hơn 30 năm qua không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện. Những thành tựu đó đã in đậm trong tâm trí của các dân tộc Đồng Văn. Việc tổng kết, rút ra những bài học thành công quý báu là để chúng ta nhìn nhận, đánh giá lại những thành tựu cũng như hạn chế của Đảng bộ trong thời gian qua. Đồng thời, qua đó giúp cho Đảng bộ huyện kế thừa và phát huy thành tựu, khắc phục hạn chế lãnh đạo nhân dân các dân tộc Đồng Văn giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa trong các giai đoan lịch sử cách mạng tiếp theo.

Chương V

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐỒNG VĂN TRONG THỜI KỲ CẢ NƯỚC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1985)

I. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO VỆ AN NINH VÙNG BIÊN GIỚI TỔ QUỐC (1975 - 1978)

Đại thắng mùa xuân năm 1975, với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đáp ứng nhu cầu bước chuyển của cách mạng, tháng 9/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị lần thứ 24 (khóa III). Hội nghị đề ra nhiệm vụ chiến lược cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới: "Hoàn thành thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên xã hội chủ nghĩa. Tháng 12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội đã đề ra đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước và chính sách đối nội, đối ngoại quan trọng. Đảng bộ huyện Đồng văn hân hoan đón nhận chủ trương đúng đắn của Trung ương Đảng, lạc quan tin tưởng hướng theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Ngày 25/4/1976, cùng với cử tri cả nước, cử tri huyện Đồng Văn nô nức đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất. Để chuẩn bị cho nhân dân tham gia bầu cử Quốc hội, Đảng bộ huyện đã kịp thời triển khai xuống xã để nhân dân học tập. Đúng ngày bầu cử có 98,72% cử tri toàn huyện đi bầu, có nhiều xã cử tri đi bầu đạt 100% như Lũng Thầu, Thài Phìn Tủng, Lũng Táo, Sủng Là. Kết quả tham gia bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất ở huyện Đồng Văn không chỉ là thành công của công tác chỉ đạo tuyên truyền mà còn thể hiện ý thức trách nhiệm công dân của cử tri các dân tộc đối với vận mệnh đất nước.

Đất nước ta đã chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện kế hoạch mở rộng quy mô tỉnh nhằm tăng cường nguồn lực về tài nguyên, dân số và lao động xây dựng kinh tế địa phương, ngày 27/12/1975, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ra Nghị quyết về việc hợp nhất tỉnh Hà Giang và tỉnh Tuyên Quang lấy tên tỉnh Hà Tuyên. Tháng 4/1977, tại thị xã Hà Giang, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ nhất đã đề ra phương hướng

xây dựng kinh tế có cơ cấu nông - lâm - công nghiệp và chủ trương chỉ đạo cấp huyện về phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng an ninh trong tình hình mới.

Đồng Văn là huyện biên giới, nằm ở phía cực Bắc của tỉnh Hà Tuyên, cũng là điểm cực Bắc của Tổ quốc. Đảng bộ huyện Đồng Văn đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Hà Tuyên, có nhiệm vụ lãnh đạo chuyển từ hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sang thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX, trọng tâm là: Tăng cường củng cố, kiện toàn hợp tác xã, đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, đảm bảo trật tự xã hội, an ninh biên giới, phát triển kinh tế - văn hóa, cải thiện đời sống nhân dân. Lúc này nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ bảo đảm trật tự xã hội, an ninh biên giới gắn bó với nhau, trong đó nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống nhân dân các dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của Đồng Văn.

Về nhiệm vụ tăng cường củng cố, kiện toàn hợp tác xã: Phong trào xây dựng hợp tác xã ở huyện Đồng Văn bắt đầu phát triển từ sau kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Xây dựng hợp tác xã là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của đại đa số nhân dân, nhất là nông dân vì nó xóa bỏ được chế độ bóc lột ở nông thôn, người nông dân được giải phóng và trở thành người chủ ruộng đất, làm chủ xã hội. Do đó, chủ trương xây dựng hợp tác xã của Đảng được người nông dân nhiệt tình hưởng ứng và tham gia. Đến năm 1970, huyện Đồng Văn cơ bản hoàn thành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và bước vào giai đoạn phát triển, củng cố, hoàn thiện. Năm 1971, Đảng bộ huyện Đồng Văn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ V (27/3/1971) đã chỉ đạo và kiện toàn hợp tác xã nông nghiệp thích hợp với điều kiện cụ thể: Dân cư sống không tập trung, trình độ canh tác manh mún lạc hậu, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ thấp. Quy mô hợp tác xã nhỏ, quản lý đơn giản, gọn, chia thu hoạch không để tích luỹ; trâu, bò, nông cụ thuộc sở hữu của hợp tác xã nhưng giao trực tiếp cho cá nhân, các hộ gia đình quản lý. Năm 1973 - 1974, Đảng bộ huyện chỉ đạo củng cố hợp tác xã nông nghiệp tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm: Tuyên truyền giáo dục và bồi dưỡng về nhận thức cho nhân dân, bà con xã viên về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, con đường làm ăn tập thể. Bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý hợp tác xã của cán bộ từ đội trưởng, đội phó sản xuất đến chủ nhiệm hợp tác xã; tập trung nâng cao trách nhiệm của các ban quản trị, cán bộ cốt cán để củng cố phong trào hợp tác xã; giải quyết tốt vấn đề ruộng đất đã đóng góp vào hợp tác xã và diện tích đất 5% đang có thắc mắc trong nhân dân; bồi dưỡng nghiệp vụ cho ban quản trị hợp tác xã và các ngành có liên quan, tập trung khả năng và lực lượng yêu cầu các hợp tác xã phải thanh quyết toán tài chính

rõ ràng để nhân dân tin tưởng và phấn đấu sản xuất. Số hợp tác xã thực hiện được các yêu cầu nêu trên chỉ có 15%; 85% số hợp tác xã còn lại không phát huy được vai trò quản lý sản xuất, nhiều nơi xã viên đã tự động lấy lại ruộng đất để sản xuất cá thể.

Năm 1975, trước nguy cơ tan vỡ của nhiều hợp tác xã, Đảng bộ huyện đã gắn việc củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp với việc triển khai cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng; đưa việc củng cố hợp tác xã là một nội dung chủ yếu của cuộc vận động để xây dựng cơ sở Đảng. Kết quả đã có 134 hợp tác xã trong tổng số 190 hợp tác xã của toàn huyện được củng cố. Đảng viên và các chi bộ Đảng ở các xã đã thể hiện được vai trò hạt nhân lãnh đạo phong trào hợp tác xã. Nhưng cho đến lúc này phần lớn hợp tác xã chưa giải quyết được dứt điểm khâu tài vụ, đất đai, đa số hợp tác xã không xây được phương hướng, không tiến hành được đại hội xã viên, do đó không kiện toàn được khâu tổ chức của hợp tác xã và không báo cáo được tài chính công khai. Phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng Văn đã được củng cố nhưng chưa vững chắc.

Về phát triển kinh tế, Đồng Văn xác định phát triển cây lương thực vẫn là nhiệm vụ trọng tâm của huyện. Mọi sự đầu tư, lãnh đạo của Đảng bộ huyện đều tập trung vào phát triển và tăng năng suất nông nghiệp. Đảng bộ huyện chỉ đạo hoạt động của các cơ quan, ban, ngành phải hướng xuống cơ sở vận động nhân dân sản xuất; huyện cử các tổ công tác đi cơ sở chỉ đạo xây dựng trật tự trị an và thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đều phải gắn với vận động nhân dân phát triển sản xuất, "lấy phát triển sản xuất làm trung tâm". Trong sản xuất nông nghiệp, yếu tố thời tiết ảnh hưởng rất lớn tới tăng năng suất, đặc biệt là thời kỳ khoa học kỹ thuật nông nghiệp của huyện chưa phát triển thì khí hậu, thời tiết đóng vai trò số một. Năm 1975, thời tiết, khí hậu ở Đồng Văn không thuận lợi cho sản xuất. Đầu năm, mưa tuyết, băng giá kéo dài, tháng 4 mưa đá, tháng 6, 7 mưa nhiều, lượng mưa lớn ảnh hưởng đến việc chăm sóc và thụ phấn của cây ngô, một số nơi bị ngập úng và nước cuốn trôi cả hoa màu. Đảng bộ kịp thời nắm được tình hình và có biện pháp hướng dẫn nhân dân tiếp tục trồng hoa màu vào những diện tích đã bị thiệt hại do thiên tai, phát động phong trào kè đá làm ruộng bậc thang để chống xói lở. Đồng thời, Đảng bộ huyện chỉ đạo thực hiện các biện pháp kỹ thuật như cày ải trước tết nguyên đán, bón phân đạt bình quân 2,08 tấn 29 kg phân hóa học cho 1 ha ngô, làm cỏ, vun xới cho 100% diện tích để tăng năng suất cây trồng. Kết quả, vụ sản xuất đã giành thắng lợi, diện tích năng

suất cây trồng đều tăng hơn năm 1974: ngô là cây lương thực chủ yếu của huyện Đồng Văn thực hiện trồng trên diện tích 7.708 ha, tăng 0,08%, đạt sản lượng 6.752,2 tấn, tăng 0,6%; lúa ruộng cấy 493,37 ha, tăng 2,3%, đạt sản lượng 970,38 tấn, tăng 11,38 tấn; các loại đậu và hoa màu đạt sản lượng tổng cộng 18.319,2 tấn.

Để khai thác những điều kiện về đất đai và khí hậu mang tính ôn đới, Đảng bộ huyện đã kiên trì vận động nhân dân trồng các cây dược liệu như tam thất, huyền sâm, xuyên khung, ý dĩ và cây su hào lấy hạt giống đã đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho nhân dân. Để tìm kiếm, xác định những cây trồng mới, tăng nguồn nông sản của địa phương, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo trồng thí điểm một số loại cây như chẩu trơn 4,3 ha, đậu cô bơ 1,5 ha, giống ngô lai 1,7 ha, nhưng chỉ đạo thiếu chặt chẽ, không tổng kết đánh giá kết quả để đưa vào trồng đại trà.

Về chăn nuôi, huyện Đồng Văn chưa đưa vào kinh doanh tập thể hợp tác xã và đưa lên thành ngành sản xuất chính. Chăn nuôi trên địa bàn huyện chủ yếu là gia đình xã viên và hộ cá thể, Nhà nước cho vay vốn phát triển. Năm 1975, đàn gia súc được giữ vững và tăng lên so với năm 1974: đàn bò 6.875 con, tăng 213 con; đàn trâu 1.579 con, tăng 18 con; đàn ngựa 1.160 con, tăng 19 con...

Như vậy, đến năm 1975, kinh tế nông nghiệp của huyện Đồng Văn chủ yếu dựa vào độc canh cây lương thực ngô và lúa, trình độ canh tác lạc hậu, năng suất thấp, tổng sản lượng ngô, lúa và hoa màu quy ra thóc đạt 8.490 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 222 kg/năm, 18,5 kg/tháng. Nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp của Đảng bộ huyện Đồng Văn còn rất nặng nề.

Mở đường ô tô tới trung tâm các xã nhằm mục đích phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội là chủ trương đúng của Đảng bộ huyện. Ngày 05/5/1975, khởi công mở tuyến đường nối đường Hạnh Phúc từ Sà Phìn đến trung tâm xã Lũng Táo dài 3,2 km. Nhân dân các xã Sà Phìn, Lũng Táo, Thài Phìn Tủng do các đồng chí đảng viên trực tiếp phụ trách đã đóng góp hàng vạn ngày công phá đá, san mặt đường, xếp kè ta luy, đến tháng 12/1975, tuyến đường đã hoàn thành đem lại niềm vui cho nhân dân các xã trong khu vực.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo được Đảng bộ huyện chỉ đạo và đầu tư theo quan điểm giáo dục là quốc sách để đào tạo nâng cao dân trí. Nắm vững tình hình đội ngũ giáo viên vừa thiếu, số đông chưa được đào tạo hoàn thiện, Đảng bộ huyện chỉ đạo mở trại xuân để bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thầy, cô giáo trước khi bước vào năm học mới, phát động phong trào thi đua "Hai tốt" (dạy tốt, học tốt), đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động học sinh và nhân dân đến lớp học. Phong trào giáo dục năm 1975 có chiều hướng phát triển tốt. So với năm 1974 thì số học sinh đến lớp

đông hơn, đạt bình quân 6 học sinh trên 100 người dân; số trẻ em ở độ tuổi từ 7 đến 11 có 45% đi học; số người trong độ tuổi từ 18 đến 45 có 0,24% theo các lớp bổ túc văn hóa. Chất lượng giáo dục cũng khả quan hơn: Học sinh vỡ lòng lên lớp 65%, học sinh cấp I (từ lớp 1 đến lớp 3) lên lớp 75%. Hầu hết các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch tỉnh giao từ 23% đến 31%. Tuy nhiên, khó khăn rất lớn của huyện Đồng Văn là việc duy trì sĩ số học sinh trong suốt năm học. Hiện tượng cuối năm học, cuối cấp học sỹ số học sinh ngày càng giảm rất phổ biến, dẫn tới tình trạng học sinh ở các lớp ngày càng ít: ở 65 lớp vỡ lòng có 1.489 học sinh, 51 lớp cấp I có 603 học sinh, 6 lớp cấp II có 105 học sinh; ở các lớp bổ túc văn hóa cũng có tình trạng tương tự: 5 lớp phổ thông lao động có 41 học viên, 20 lớp bổ túc văn hóa nông thôn có 137 học viên.

Phong trào y tế phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe luôn luôn là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ huyện trong các thời kỳ. Làm tốt sẽ nâng cao được uy tín của Đảng trong quần chúng nhân dân, củng cố lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Năm 1975, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo phát động phong trào ăn ở hợp vệ sinh trong nhân dân, chỉ đạo ngành y tế tiêm phòng dịch bệnh. Nhưng việc chỉ đạo phòng chống dịch mùa đông chưa chặt chẽ, chậm thành lập Ban phòng chống dịch, Ban phòng chống dịch hoạt động kém hiệu quả, không nắm chắc dịch bệnh, do đó vụ dịch cúm, sởi cuối năm 1975 đầu năm 1976 lan rộng, 7.198 người trong toàn huyện mắc dịch, làm tử vong 298 người, gây tổn thất lớn cho nhân dân.

Hoạt động văn hóa văn nghệ được duy trì và củng cố. Năm 1975, huyện tiếp tục tăng cường các Ban thông tin ở xã và phát thanh truyền tin bằng tiếng địa phương, vì đây là phương tiện thuận lợi nhất, nhanh nhất đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới quần chúng nhân dân, giúp nhân dân nắm được diễn biến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, động viên toàn dân hăng hái thi đua lao động sản xuất. Các đội chiếu phim lưu động, văn nghệ nghiệp dư được củng cố phục vụ các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước. Tiếp tục tăng cường xây dựng đời sống văn hóa ở các thôn bản, hạn chế các phong tục tập quán lạc hậu, mê tín không phù hợp với truyền thống dân tộc, góp phần xây dựng huyện ngày càng văn minh, hạnh phúc.

Về nhiệm vụ giữ gìn an ninh biên giới và nội địa, Đảng bộ huyện quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Tỉnh ủy, cử các đội công tác chỉ đạo trước tại 11 xã, tiếp theo triển khai rộng rãi tới các xã trong toàn huyện, giáo dục cho nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giữ gìn trật tự trị an và quản lý biên giới. Kịp thời phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm. Lực lượng Công an huyện, xã được củng cố và hoạt động có hiệu quả, năm 1975 đã đấu tranh với bọn buôn lậu

và trộm cắp trâu, bò, ngựa, cải tạo tại xã 353 tên; tuyên truyền, vận động nhân dân nhổ bỏ phần lớn diện tích cây anh túc đã trồng lén lút. Lực lượng dân quân tự vệ đã phát huy vai trò xung kích trong sản xuất và giữ gìn trật tự trị an biên giới và nội địa, hai đơn vị được Bộ Quốc phòng tặng danh hiệu "Đơn vị quyết thắng" là dân quân, du kích xã Sủng Là và tiểu đội du kích Nhíu Sang xã Lũng Táo. Thanh niên hăng hái tòng quân xây dựng quân đội bảo vệ Tổ quốc, năm 1975, qua hai đợt tuyển chọn được 112 thanh niên nhập ngũ. Nhân dân tích cực tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng lực lượng vũ trang, giữ gìn trật tự an ninh ổn định, yên tâm tổ chức các hoạt động chào mừng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thi đua lao động, sản xuất, ổn định cuộc sống.

Về nhiệm vụ xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện đã quán triệt Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, năm 1975, lấy công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức là nhiệm vụ trọng yếu nhằm đáp ứng kịp yêu cầu lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ trong bước chuyển của cách mạng. Đảng bộ huyện đã cử báo cáo viên xuống các xã tuyên truyền về ý nghĩa thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và chủ trương của Đảng về thống nhất đất nước, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, mở 5 lớp bồi dưỡng cho cấp ủy và đảng viên. Nhân dân phấn khởi, tự hào vì đã đóng góp công sức vào thắng lợi chung của đất nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo tài tình của Trung ương Đảng.

Để nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, quán triệt Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Bí thư về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo Đại hội các chi bộ lựa chọn những người đủ tiêu chuẩn vào các Ban chi ủy, 90% số chi bộ đã bầu lại Ban chi ủy. Xây dựng đội ngũ đảng viên, Đảng bộ huyện đã tiến hành sàng lọc theo Chỉ thị 192 của Ban Bí thư, đã kiên quyết đưa ra khỏi Đảng 47 người không đủ tư cách đảng viên. Qua đó đội ngũ đảng viên toàn Đảng bộ đã nâng cao nhận thức về chính trị, về ý thức đảng viên; Tổ chức cơ sở Đảng đã phát huy vai trò, trách nhiệm lãnh đạo thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và chấp hành pháp luật của Nhà nước, nâng cao uy tín của tổ chức Đảng trước nhân dân. Cũng trong dịp này, Đảng bộ đã kết nạp 3 quần chúng ưu tú vào Đảng, nâng tổng số đảng viên lên 478 đồng chí.

Song song với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện hết sức chú trọng đến nhiệm vụ kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Về xây dựng chính quyền, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo kiện toàn và củng cố bộ máy chính quyền cấp xã nhằm phát huy hết sức mạnh, chức năng, nhiệm vụ của

chính quyền cấp cơ sở, thực hiện đúng và đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, xây dựng đơn vị xã vững mạnh trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ quê hương.

Phát huy sức mạnh và vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và sức lực, Đảng bộ huyện chỉ đạo mọi hoạt động của các tổ chức quần chúng tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là kiện toàn, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng tại địa phương, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, để đáp ứng yêu cầu bước chuyển của cách mạng, quán triệt các nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và nhân dân các dân tộc chuyển từ nhiệm vụ xây dựng hậu phương của cuộc kháng chiến sang nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất, công tác, khắc phục mọi khó khăn về thiên nhiên, tích cực đấu tranh giải quyết những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội; phát huy ưu điểm, khai thác những điều kiện thuận lợi của thiên nhiên với vùng cao nguyên Đồng Văn để thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội theo phương hướng của các Nghị quyết Trung ương Đảng và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX Đảng bộ huyện Đồng Văn. Đảng bộ huyện đã chú trọng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị, trong đó xây dựng Đảng là khâu then chốt. Kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, sàng lọc đội ngũ đảng viên được gắn liền với nhiệm vụ trọng tâm là củng cố hợp tác xã, phát triển kinh tế nông nghiệp, giữ vững trật tự an ninh biên giới và nội địa. Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất là chính quyền cấp xã nhìn chung còn yếu, chưa đáp ứng được nhiệm vụ, chức năng của mình. Nguyên nhân là năng lực, trình độ học vấn, lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ xã còn quá thấp, thậm chí mù chữ. Vì vậy, việc tăng cường cán bộ huyện xuống xã, đồng thời với việc nâng cao trình độ cho cán bộ chính quyền xã là biện pháp phải tiến hành đồng thời để củng cố và phát huy sức mạnh, hoàn thành nhiệm vụ và chức năng của chính quyền.

Trước những sự kiện trọng đại của đất nước để lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV trên địa bàn huyện, chấp hành sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Hà Tuyên, từ ngày 24 - 26/10/1976, Đảng bộ huyện Đồng Văn tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X tại thị trấn Phó Bảng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X gồm 23 đồng chí. Đồng chí Sùng Nảo Sán được bầu giữ chức Bí thư

Huyện ủy.

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại trong nhiệm kỳ trước, Đại hội đã đề ra một số phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tiếp theo, trong đó nhấn mạnh:

Đại hội đề ra nội dung mục tiêu phấn đấu nhằm tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật, tư tưởng văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, cụ thể là:

- Phải tích cực củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp về số lượng và chất lượng, xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cụ thể là xây dựng lối làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa đi vào ổn định để mở đường cho cách mạng khoa học kỹ thuật như áp dụng kỹ thuật mới vào các cây, con, xây dựng nương bậc thang, phân vùng ruộng đất, bố trí cây trồng, tăng cường làm đường giao thông, làm giếng nước, mở các tổ thủ công phục vụ sản xuất.

- Phải đẩy mạnh phát triển sản xuất về hai mặt: Lương thực và cây đặc sản bằng cách thâm canh tăng năng suất, xen canh gối vụ để tự túc lương thực và có tiền tiêu dùng nâng cao đời sống, tạo cho đời sống nhân dân đi vào ổn định về ăn, mặc.

- Tăng cường công tác giáo dục, văn hóa, y tế. Quy hoạch đào tạo cán bộ thành nhiều hệ trong trường Đảng ngắn hạn, dài hạn. Tổ chức xây dựng trường tập trung có nội dung bồi dưỡng giáo dục tương đối toàn diện: văn hóa, chính trị, nghiệp vụ, kỹ thuật nông nghiệp. Tạo cho hàng ngũ cán bộ trẻ, khỏe, có trình độ làm được việc, có phẩm chất tốt và tiến tới có đủ cán bộ là người địa phương.

- Xây dựng Đảng về số lượng và chất lượng; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách ở xã, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở; ổn định, chấn chỉnh bộ máy ở huyện đi vào nền nếp, phát huy tác dụng trong mọi hoạt động thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phục vụ đời sống, xây dựng xã hội chủ nghĩa.

Những phương hướng trên gắn bó với nhau, thúc đẩy lẫn nhau xoay quanh thực hiện nội dung của ba cuộc cách mạng.

Về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, Đại hội đề ra nhiệm vụ tích cực củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp về số lượng và chất lượng, xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cụ thể là xây dựng lối làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa đi vào ổn định để mở đường cho cách mạng khoa học kỹ thuật. Kinh tế của huyện Đồng Văn chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện xác định việc xây dựng quan hệ sản xuất mới, củng cố, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là phù hợp. Hợp tác xã nông nghiệp ở huyện Đồng Văn được xây dựng từ năm 1961 - 1965, đến năm 1976, toàn huyện có 142 hợp tác xã, 326 đội sản xuất ở 18 xã trong 20 xã, thị trấn với 60% số hộ, 65%

số nhân khẩu tham gia. Đảng bộ huyện đặt mục tiêu về số lượng là tiếp tục vận động nông dân vào làm ăn tập thể, xóa "xã trắng" về hợp tác xã là đáp ứng nhu cầu thực tế nêu trên. Cuộc vận động nông dân vào hợp tác xã đã được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo, vừa kiên trì giáo dục vừa lựa chọn những hợp tác xã làm ăn có hiệu quả làm gương để thuyết phục.

Đến năm 1978, toàn huyện đã có 142 hợp tác xã ở 19/20 xã, thị trấn trên địa bàn với 80% - 90% số hộ tham gia hợp tác xã. Xây dựng, củng cố hợp tác xã về mặt chất lượng được Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo tuyên truyền cho đảng viên và nhân dân về tư tưởng "hợp tác xã là nhà, xã viên làm chủ", đồng thời chỉ đạo làm rõ về ruộng đất, lao động, phân phối sản phẩm mà xã viên ở một số hợp tác xã đang còn thắc mắc. Đảng bộ đã cử cán bộ trực tiếp chỉ đạo củng cố ba hợp tác xã để rút kinh nghiệm chỉ đạo toàn huyện, đồng thời mở 4 lớp bồi dưỡng quản lý hợp tác xã cho 228 cán bộ. Trong 3 năm đã củng cố được 142 hợp tác xã, trong đó có 17 hợp tác xã đã thực hiện được việc ăn chia chung, 125 hợp tác xã thực hiện ăn chia theo đội sản xuất. Năm 1977, Đảng bộ huyện chỉ đạo mạnh dạn tổ chức hợp nhất Hợp tác xã Lũng Táo. Trong điều kiện của Đồng Văn lúc này, dân cư sinh sống không tập trung, trình độ sản xuất còn lạc hậu, trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn thấp thì việc mở rộng quy mô hợp tác xã toàn xã là quá mức. Tuy nhiên, Đảng bộ đã mạnh dạn nhưng cũng thận trọng chỉ tiến hành thí điểm ở xã Lũng Táo. Sau hơn một năm hoạt động, Hợp tác xã toàn xã Lũng Táo có những kết quả trong quá trình tổ chức sản xuất, từng bước phát huy tác dụng tích cực làm tấm gương sáng cho nhân dân các dân tộc vùng cao đi theo con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa.

Phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở Đồng Văn đã giành được thắng lợi bước đầu, hình thành được quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa ở nông thôn. Tuy nhiên, nhìn chung cơ sở vật chất của hợp tác xã còn nghèo nàn, công cụ lao động chưa được cải tiến, sức lao động của xã viên bỏ ra nhiều mà nguồn thu thấp, điều đó đòi hỏi Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo đồng thời với việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Về cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, Đại hội Đảng bộ huyện xác định: phải đẩy mạnh phát triển sản xuất cây lương thực và cây đặc sản bằng cách thâm canh, xen canh gối vụ để tiến tới tự túc lương thực, ổn định đời sống nhân dân. Đồng Văn là huyện vùng cao núi đá, diện tích đất nông nghiệp chiếm 21%; đất nông nghiệp thực tế canh tác có 8.700 ha, trong đó diện tích trồng ngô 7.750 ha, trồng lúa 500 ha. Việc Đảng bộ huyện chủ trương thâm canh, xen canh gối vụ để đẩy mạnh sản xuất lương thực là đúng đắn. Mặt khác, Đồng Văn có khí hậu tiểu vùng ôn đới thuận lợi

cho trồng cây đặc sản như cây dược liệu, cây ăn quả, lại có nhiều đá vôi phong hóa thích nghi với cây ngô và đậu các loại. Đảng bộ huyện chủ trương phát triển cây đặc sản là để khai thác sự ưu đãi của thiên nhiên với Đồng Văn.

Diện tích trồng cây ngô của Đồng Văn có trên 60% là nương đồi và hốc đá thường bị nước mưa làm xói lở; Đảng bộ huyện đã phát động phong trào xếp đá làm nương bậc thang để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm canh cây ngô. Nhân dân đã nhận thức được lợi ích của việc làm nương bậc thang nên đã nhiệt tình hưởng ứng. Năm 1976, toàn huyện đã hoàn thành được 115,6 ha nương bậc thang; năm 1977, hoàn thành được 40,8 ha nương bậc thang; năm 1978, hoàn thành được 10 ha nương bậc thang. Nương bậc thang Đồng Văn đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thâm canh cây ngô.

Để thực hiện được việc thâm canh cây lương thực thì thủy lợi giữ vai trò quan trọng. Trong điều kiện của Đồng Văn ít suối, chỉ có một khúc sông Nho Quế chảy qua phía Bắc huyện với tổng chiều dài 10 km; cả huyện có 2 con suối nhỏ có nước quanh năm ở xã Đồng Văn và xã Ma Lé; còn lại đều là suối cạn, mưa thì nước xối, tạnh mưa là hết nước. Vì vậy, Đảng bộ huyện đã vận động nhân dân xây dựng các bể chứa nước dựa vào các khe đá để dự trữ nước cho sinh hoạt và sản xuất. Năm 1976, xây dựng 29 bể nước hốc đá đạt dung tích 5.320 m^3, hoàn thành đường ống dẫn nước ở xã Lũng Táo dài 2.000 m; Năm 1977, hoàn thành xây dựng 23 bể nước hốc đá có dung tích 2.362 m^3; việc xây dựng các bể chứa nước đã đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Tuy nhiên, do chỉ đạo chưa chặt chẽ, một số công trình chất lượng thấp. Năm 1978, đã phải huy động 25.895 ngày công và 108.410 đồng tiền vốn để sửa chữa 14 bể chứa nước, vừa tốn sức dân vừa thiệt hại công quỹ.

Tuyến đường ô tô Hà Giang - Đồng Văn dài 164 km, mang tên đường Hạnh Phúc hoàn thành tháng 9/1963, từ đó đã tạo điều kiện cho Đồng Văn phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Nhưng cũng từ đó Đồng Văn vẫn chỉ có 62 km đường ô tô chạy qua địa phận 6 xã, còn lại là đường tiểu mạch. Để tiếp tục phát huy lợi thế của đường ô tô đối với việc phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, làm cơ sở cho việc phát động phong trào "giải phóng đôi vai" ở nông thôn, Đảng bộ huyện chủ trương mở đường ô tô nối trung tâm các xã với trục đường Hạnh Phúc. Tháng 7/1976, huyện thành lập Ban chỉ huy công trường do đồng chí Hùng Đình Quý - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phụ trách, huy động dân công và khởi công xây dựng đường ô tô từ Lũng Táo đi xã Ma Lé tới xã Lũng Cú. Không khí lao động trên công trường mở đường nhộn nhịp, lúc cao điểm tới 1.000 người. Đến giữa năm 1977, đoạn đường Lũng Táo

đến xã Ma Lé dài 12 km đã hoàn thành bằng trên một vạn ngày công đóng góp của dân công các xã. Mùa đông năm 1977, huyện đã vận động dân công của 19 xã, tiếp tục mở tuyến đường từ xã Ma Lé đến xã Lũng Cú. Ban chỉ huy công trường đã thực hiện phương thức khoán diện tích mở đường cho từng hộ gia đình, nhân dân phấn khởi nhận khoán, khắc phục mọi khó khăn hoàn thành trước thời hạn quy định. Đường ô tô đến xã Lũng Cú hoàn thành, đã đưa số xã có đường ô tô đến trung tâm lên 8 xã, một số xã ven đường ô tô đã hình thành các đội vận tải thô sơ góp phần giải phóng đôi vai, tăng sức vận chuyển cho sản xuất. Đường ô tô đến xã Lũng Cú còn mang ý nghĩa lớn lao, đất nước thống nhất thông suốt một dải từ Lũng Cú đến mũi Cà Mau, thể hiện ý chí thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam.

Sản xuất lương thực của huyện Đồng Văn phụ thuộc rất nhiều vào diễn biến phức tạp của khí hậu, thời tiết. Năm 1976, thời tiết không thuận lợi, đầu năm rét kéo dài, sau rét giữa vụ lại bị nắng hạn, Đảng bộ huyện đã tăng cường cán bộ, tăng cường biện pháp chỉ đạo giúp đỡ nhân dân sản xuất nông nghiệp, áp dụng các biện pháp như thủy lợi, phân bón, giống, khoa học kỹ thuật nên sản lượng nông nghiệp giữ vững và phát triển hơn năm 1975: cây ngô đạt năng suất 8,87 tạ/ha, sản lượng 6.853,22 tấn, tăng 1,5%; cây lúa đạt năng suất 18,74 tạ/ha, sản lượng 907,395 tấn; cây mì, mạch, đậu, dong riềng... nhờ cách trồng xen canh gối vụ cũng tăng khá, đạt sản lượng 270,37 tấn; hạt giống su hào đạt 9 tấn; giữ mức bình quân lương thực đầu người 222 kg/người/năm. Năm 1977, tình hình khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp, nắng hạn kéo dài vào tháng 2, 3 và cả quý II gây nên tình trạng thiếu nước, các cây trồng chậm thời vụ hơn một tháng. Trước tình hình đó, Đảng bộ và chính quyền huyện đã tăng cường cán bộ, tăng cường biện pháp giúp đỡ nhân dân sản xuất. Các biện pháp như thủy lợi, phân bón, giống, khoa học kỹ thuật được áp dụng đã hạn chế phần nào sự giảm sút của sản lượng nông nghiệp. Tổng sản lượng lương thực đạt 6.225,152 tấn; bình quân lương thực đạt 155,62 kg/người/năm, thấp hơn năm 1976 là 66,38 kg, gây nên đói giáp hạt. Để khắc phục khó khăn của sản xuất nông nghiệp năm 1977, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã họp hội nghị toàn thể từ ngày 19 - 22/3/1978, do đồng chí Sùng Nảo Sán - Bí thư Huyện ủy chủ trì đề ra chủ trương tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, trồng ngô, cấy lúa hết diện tích, thực hiện tốt các biện pháp khoa học kỹ thuật để có năng suất cao; trồng các loại cây hoa màu, rau, đậu, cây dược liệu để tăng thu nhập cho nhân dân. Quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, chính quyền huyện, nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc, sản xuất nông nghiệp của huyện Đồng Văn năm 1978 có bước phát triển; nhiều chỉ tiêu đạt cao hơn năm 1977: diện tích cây lúa tăng 15%, năng suất

bình quân cao hơn 4%, sản lượng đạt cao hơn 20%; diện tích ngô tăng 9%, năng suất tăng 2%, sản lượng tăng 38%; hoa màu, cây dược liệu, hạt giống su hào thu hoạch cao hơn 17% so với năm 1977. Chăn nuôi cũng có bước phát triển: đàn lợn tăng 5%, đàn ngựa tăng 25%, đàn dê tăng 21%... đáp ứng nhu cầu của nhân dân về lương thực, thực phẩm.

Nhìn chung sản xuất nông nghiệp của Đồng Văn trong 3 năm qua có chuyển biến nhờ việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhưng còn chậm, kết quả đạt được chưa vững chắc. Thực tế bao nhiêu công sức bỏ ra mở đường giao thông, làm thủy lợi, xây dựng nương bậc thang... nhưng kết quả đạt được không nhiều mà chỉ giảm phần nào khó khăn của nhân dân. Để khoa học kỹ thuật tạo chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp của Đồng Văn cần có sự kết hợp chặt chẽ hơn giữa đầu tư của Nhà nước, chuyên tâm của các nhà khoa học, nỗ lực của người nông dân và phải phấn đấu trong thời gian mới đạt được. Vì điều kiện tự nhiên có những đặc thù riêng biệt, sống trên những triền núi đá, xã hội trì trệ lâu đời, trong khi đời sống nhân dân đang đặt ra yêu cầu cấp bách, nếu không kịp thời chăm lo phát triển sản xuất và đời sống cho nhân dân thì sẽ bị động trước tình hình khó khăn nảy sinh trong đời sống, ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng. Vì vậy phải quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và thường xuyên chăm lo xây dựng kinh tế kết hợp củng cố quốc phòng, an ninh trong toàn Đảng bộ, phấn đấu đưa Đồng Văn phát triển về mọi mặt.

Về cách mạng tư tưởng, văn hóa, Đảng bộ huyện chủ trương: Tăng cường mạnh về công tác giáo dục, văn hóa, y tế. Công tác giáo dục - đào tạo được Đảng bộ chỉ đạo về nhiều mặt, chăm lo bồi dưỡng giáo viên về chính trị, tư tưởng và đời sống, chỉ đạo xây dựng cơ sở trường, lớp, truyên truyền nhân dân vận động con em đi học. Năm học 1976 - 1977, ngay từ đầu năm Đảng bộ đã chỉ đạo giáo dục chính trị cho giáo viên quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thi đua dạy tốt học tốt; giáo dục ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, xây dựng lòng tự hào của một dân tộc vừa mới chiến thắng để xây dựng quyết tâm dạy và học, số lớp vỡ lòng và phổ thông đạt 124 lớp với 2.287 học sinh, 44 lớp bổ túc văn hóa và thanh toán nạn mù chữ. Năm học 1977 - 1978, các trường trong huyện đã khai giảng năm học mới với 139 lớp mẫu giáo, vỡ lòng, phổ thông có 2.276 học sinh đến lớp, tăng hơn năm học trước 26%; các lớp thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa có 45 lớp với 6.162 học viên, tăng 29%. Năm học 1978 - 1979, Đảng bộ, chính quyền huyện tập trung chỉ đạo duy trì sỹ số học sinh 133 lớp học phổ thông, đồng thời thực hiện chiến dịch "ánh sáng văn hóa" nhằm thanh toán nạn mù chữ. Công tác vận động người đi học được các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng tiến hành, sau 4

tháng 260 thầy, cô giáo được tỉnh tăng cường cùng số giáo viên huyện đang có đã thanh toán mù chữ cho 61% trong tổng số 9.102 người thuộc diện phải thanh toán mù chữ. Về cơ bản "chiến dịch ánh sáng văn hóa" đạt kết quả bước đầu. Số người đã thanh toán nạn mù chữ do hạn chế trong giao tiếp và sử dụng chữ viết đã tái mù chữ. Thanh toán nạn mù chữ phải hướng tới phổ cập giáo dục tiểu học cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, đòi hỏi Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm công tác giáo dục đào tạo, coi giáo dục là quốc sách.

Công tác y tế đã được Đảng và Nhà nước đầu tư hơn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh. Các bệnh xá xã, bệnh viện huyện được củng cố, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Việc tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân ý thức vệ sinh phòng bệnh được duy trì và phát triển thành phong trào. Năm 1976, đã tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh cho 8.204 người, vận động 100 hộ dân rời chuồng gia súc ra xa nhà và hàng trăm hộ rời đống tro ra ngoài, trên 5.000 hộ gia đình đã che chắn lại nhà trong các vụ rét; triển khai tiêm chủng trên diện rộng; tại trạm xá các xã, 42.846 người khám và điều trị bệnh; tại bệnh viện huyện đã có 4.977 lượt người khám và 947 lượt người điều trị bệnh. Vụ rét mùa đông cuối năm 1976, huyện đã chủ động cử ba đợt cán bộ xuống cơ sở kiểm tra tình hình dịch bệnh đồng thời vận động chống rét cho người và gia súc; triển khai đợt cứu tế chống rét với số tiền 66,55 nghìn đồng, chiếm 3% tổng chi ngân sách cả năm của huyện lúc bấy giờ, đồng thời cấp 4.297 áo mũ các loại cho các hộ nghèo, hộ chính sách nghèo khó khăn. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền huyện đối với hoạt động y tế tạo được chuyển biến tích cực, đến năm 1978, không có dịch bệnh xảy ra, số người khám chữa bệnh tại nhà 9.847 lượt, số người khám bệnh tại trạm xá xã 2.391 lượt, số người bệnh được phát thuốc 56.452 lượt, uy tín ngành y tế đối với nhân dân các dân tộc được nâng cao, bảo đảm sức khỏe cho nhân dân lao động, sản xuất và công tác.

Hoạt động văn hóa thông tin được Đảng bộ quan tâm, đã phát triển khá mạnh về số lượng và chất lượng, đáp ứng phần nào nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, góp phần hạn chế các hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới. Các đội thông tin xã, văn nghệ nghiệp dư được xây dựng, hoạt động chiếu bóng, phát thanh, cổ động được củng cố, phục vụ tốt hơn, góp phần cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân các dân tộc. Tuy nhiên hoạt động văn hóa thông tin còn bất cập, chỉ đạo khai thác vốn văn hóa trong nhân dân các dân tộc còn yếu, việc chuyển tải những nội dung chính trị, tư tưởng trong hoạt động văn hóa văn nghệ chưa cao, do đó hoạt động văn hóa thông tin cần tiếp tục hướng tới xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Thời kỳ 1976 - 1978, dưới sự lãnh đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã triển khai tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt đã đạt được kết quả. Quan hệ sản xuất mới được thiết lập với sự ra đời và củng cố hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp được giữ vững và có bước phát triển nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật, thâm canh, xen canh gối vụ. Đời sống tinh thần của nhân dân được cải thiện, nạn mù chữ được tiến hành xóa bỏ, vệ sinh phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân tiến bộ, văn hóa thông tin phát triển. Tuy nhiên kết quả đạt được nêu trên chưa được như mong muốn, hợp tác xã được củng cố nhưng chưa vững chắc, cơ sở vật chất còn nghèo, trình độ quản lý còn non yếu. Kết quả sản xuất nông nghiệp, năng suất, sản lượng tăng chậm. Xóa nạn mù chữ chưa vững chắc, còn tiềm ẩn khả năng tái mù. Còn hạn chế nêu trên do là bước khởi đầu trong thời gian ngắn ngủi, điểm xuất phát về kinh tế - xã hội của huyện còn thấp, mặt khác kiến thức và kinh nghiệm lãnh đạo thực hiện ba cuộc cách mạng của Đảng bộ huyện còn hạn chế đòi hỏi phải tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện để đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Về địa điểm quy hoạch huyện lỵ Đồng Văn đặt tại thị trấn Phó Bảng lúc này đã bộc lộ những hạn chế về điều kiện tự nhiên, đất đai, giao thông vận tải, điện, nước, môi trường sống, không đủ khả năng bảo đảm cho sự phát triển của thị trấn huyện lỵ. Đảng bộ huyện chọn vị trí xã Đồng Văn để đặt huyện lỵ. Huyện lỵ Đồng Văn mới có điều kiện mở rộng phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng và ở đây trở thành trung tâm về kinh tế, chính trị, văn hóa đối với một huyện miền núi vùng cao; Đồng thời sẽ là điểm hậu cần tốt có điều kiện phục vụ, hỗ trợ với huyện xa hơn. Ngày 06/6/1977, đồng chí Vương Quỳnh Quốc - Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã giao nhiệm vụ di chuyển huyện lỵ từ thị trấn Phó Bảng sang xã Đồng Văn cho các ngành. Di chuyển huyện lỵ lúc này là việc làm cần thiết nhưng khó khăn và phức tạp, cơ sở mới còn thiếu thốn, đi lại, ăn, ở và làm việc gián đoạn... Đảng bộ, chính quyền huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo việc di chuyển an toàn, khắc phục khó khăn sớm đi vào nền nếp ổn định.

Về công tác tổ chức cán bộ, trong tình hình cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tình hình địa phương huyện Đồng Văn gặp khó khăn về sản xuất, đời sống nhân dân thiếu đói, kẻ xấu có nhiều thủ đoạn tuyên truyền phá hoại đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, để giúp huyện có đủ lực lượng chỉ đạo các mặt công tác, đầu năm 1977, Tỉnh

ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên đã điều bổ sung cho huyện 10 cán bộ, trong đó 4 cán bộ Đảng, 6 cán bộ chính quyền. Tháng 7/1978, Tỉnh ủy Hà Tuyên quyết định bổ sung 3 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Việc bổ sung cấp ủy, tăng cường cán bộ của tỉnh đã giúp cho huyện Đồng Văn thuận lợi trong việc ổn định cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo cấp huyện đi vào nền nếp, có tác dụng trong mọi hoạt động thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ở địa phương.

Trong công tác xây dựng Đảng, chủ trương của Đảng bộ huyện là xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên về số lượng và chất lượng. Về số lượng tổ chức cơ sở Đảng năm 1976 có 20 chi bộ xã, 17 chi bộ cơ quan, đến năm 1978, số lượng chi bộ được giữ vững. Về chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ huyện đã hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và tiến hành công tác kiểm tra "chống thất thu đảng phí", chấn chỉnh tình trạng thu nộp đảng phí chưa đúng quy định của nhiều chi bộ cơ sở. Đối với đội ngũ đảng viên, Đảng bộ chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW của Ban Bí thư về việc đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Năm 1976, Đảng bộ đã kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách bằng hình thức kỷ luật khai trừ 47, xóa tên trong danh sách đảng viên 17, cho tự nguyện rút khỏi danh sách đảng viên 24 người. Đến năm 1978, có 10 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 20 chi bộ khá, 7 chi bộ yếu.

Tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh là hạt nhân lãnh đạo phong trào ở đơn vị cơ sở trong toàn huyện, nhất là phong trào xây dựng hợp tác xã, sản xuất nông nghiệp, vệ sinh phòng dịch bệnh, giữ gìn an ninh trật tự; nâng cao tinh thần trách nhiệm đảng viên trong cơ quan, đơn vị. Số lượng đảng viên toàn Đảng bộ đến năm 1978 có 598 đồng chí. Trong 3 năm, toàn Đảng bộ kết nạp được 9 đảng viên mới, đây là khâu yếu nhất trong cả ba mặt: giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển đảng viên mới; trong điều kiện kinh tế khó khăn, dân trí thấp và lạc hậu đòi hỏi Đảng bộ huyện quan tâm hơn nữa để tạo chuyển biến mới trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và đội ngũ đảng viên.

Song song với công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ huyện còn hết sức chú trọng đến nhiệm vụ kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Về xây dựng chính quyền, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, xã, huyện, tỉnh đầu năm 1977, cử tri toàn huyện đi bỏ phiếu bầu đạt 98,17%, thể hiện được sự giác ngộ về quyền lợi và trách nhiệm công dân của nhân dân các dân tộc đã có chuyển biến tiến bộ. Qua bầu cử đã chọn được 6 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 48 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 539 đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đồng chí Vương Quỳnh Quốc được bầu giữ chức Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện. Đảng bộ tập trung chỉ đạo kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền huyện, xã nhằm phát huy hết sức mạnh, chức năng nhiệm vụ, thực hiện đúng và đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ về tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đưa Đồng Văn cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Phát huy sức mạnh và vai trò của các tổ chức đoàn thể quần chúng, tùy theo chức năng, nhiệm vụ và sức lực, Đảng bộ huyện chỉ đạo mọi hoạt động của các tổ chức quần chúng tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là kiện toàn, củng cố hợp tác xã nông nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tình hình biên giới phía Bắc nước ta có những diễn biến phức tạp. Lực lượng vũ trang Trung Quốc đã tổ chức các đợt áp sát biên giới nước ta, tổ chức các đợt xâm canh, xâm cư, khiêu khích, lấn chiếm khiến căng thẳng ngày càng gia tăng. Từ năm 1978, hàng vạn người Hoa trên cả nước bị các phần tử phản động tuyên truyền, lôi kéo đã nhẹ dạ, cả tin để bán đất, bán nhà, rời bỏ công sở, ruộng vườn, đưa cả gia đình bỏ sang bên kia biên giới. Trên địa bàn huyện Đồng Văn thời điểm đó có trên 100 hộ bỏ đi.

Trước tình hình căng thẳng ở biên giới, tháng 11/1977, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Tuyên, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo Huyện đội, lực lượng công an huyện cùng các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp chủ động tiến hành các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc trong toàn huyện, đặc biệt là các xã thuộc khu vực biên giới tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, không nghe lời các phần tử xấu xúi giục vượt biên, đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Lực lượng công an, bộ đội huyện chủ động phối hợp cùng dân quân địa phương đẩy mạnh công tác tuần tra canh gác, nắm bắt tình hình nhân khẩu trên địa bàn, kịp thời phát hiện các đối tượng lạ mặt, khả nghi để có các biện pháp xử lý.

Đáp ứng yêu cầu củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang trong tình hình mới, tháng 11/1977, Tỉnh đội đã thành lập Đại đội 106 - bộ đội huyện Đồng Văn, cùng phối hợp với các lực lượng tiến hành huấn luyện, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh. Công tác vận động thanh niên lên đường nhập ngũ, xây dựng lực lượng dân quân tại các xã đã được triển khai tích cực và đạt hiệu quả cao. Lực lượng dân quân các xã được quản lý và tổ chức chặt chẽ, đạt tỷ lệ 12,1% dân số các xã.

Bước sang năm 1978, ngày 19/01/1978, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 15 (khóa I) quyết định thành lập Ban Vùng cao của tỉnh gồm 10 đồng chí.

Hội nghị quyết định đưa 1/3 số cán bộ từ tỉnh xuống tăng cường cho các huyện vùng cao với thời hạn từ 3 năm trở lên. Huyện Đồng Văn được tăng cường 81 người. Đây là việc làm có tầm quan trọng đặc biệt giúp các huyện vùng cao, biên giới phát triển kinh tế - xã hội.

Trước tình hình khu vực biên giới ngày càng có chiều hướng xấu đi, ngày 06/4/1978, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định thành lập Ban Kiến thiết công trình huyện lỵ mới của huyện Đồng Văn gồm 9 đồng chí. Được sự nhất trí của tỉnh, vị trí huyện lỵ mới của huyện được di chuyển đến xã Đồng Văn, từ đó các cơ quan của huyện chuẩn bị cho phương án di chuyển từ thị trấn Phó Bảng về xã Đồng Văn. Chợ Phó Bảng, Bưu điện, Cửa hàng Thương nghiệp, Lương thực, Vật tư… được chỉ đạo di chuyển ra Lán Xì, thuộc địa bàn xã Phố Cáo. Kể từ thời điểm này, Lán Xì trở thành trung tâm giao thương của các xã phía Tây huyện Đồng Văn và được duy trì đến khi cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc kết thúc, sau đó thành lập chợ Phó Bảng và chợ Phố Cáo.

Trước tình hình biên giới phía Bắc nước ta tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu, ngày 21/6/1978, Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng ký Sắc lệnh số 62/LCT quyết định thành lập Quân khu II gồm 5 tỉnh (Hà Tuyên, Hoàng Liên Sơn[1], Lai Châu, Sơn La, Vĩnh Phú[2]) do Thiếu tướng Vũ Lập làm Tư lệnh kiêm Chính ủy.

Ngày 27/7/1978, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), họp bàn và ban hành Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới. Hội nghị chỉ rõ: nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta là phải tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, đánh thắng chiến tranh biên giới Tây Nam, sẵn sàng chiến đấu và chiến thắng trên hướng Bắc và Tây Bắc, tăng cường phòng thủ các đảo và bảo vệ vùng biển, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc; kiên quyết và kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng, bọn lưu manh côn đồ, bảo đảm tuyệt đối an toàn cho các cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước và các cơ quan cơ mật; kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu gây rối, gây bạo loạn, gây chiến tranh của các thế lực phản động, âm mưu phá hoại, gây bạo loạn của bọn đế quốc đối với nước ta.

Trên cơ sở sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Hà Tuyên, Huyện ủy Đồng Văn đã lãnh đạo các đơn vị đẩy mạnh công tác quốc phòng - an ninh. Lực lượng vũ trang (bao gồm quân sự, công an) của huyện được xây dựng, củng cố, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc.

Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới, ngày 17/6/1978, Bộ Chính trị

---

[1]. Nay là tỉnh Lào Cai và Yên Bái.
[2]. Nay là tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc.

ban hành Quyết định số 21-QĐ/TW về việc thành lập Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất ở các tỉnh, thành và Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất, huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn. Thực hiện Quyết định 21 của Bộ Chính trị, Ban Chỉ huy Quân sự thống nhất huyện được thành lập, do đồng chí Bí thư Huyện ủy làm Chính ủy, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Trưởng Công an huyện làm Chỉ huy phó; trưởng các đoàn thể làm Ủy viên. Ban Chỉ huy Quân sự huyện hoạt động dưới sự lãnh đạo toàn diện của Huyện ủy Đồng Văn.

Tháng 10/1978, Bộ Tư lệnh Biên phòng quyết định thành lập Đồn Công an nhân dân vũ trang Lũng Cú (phiên hiệu Đồn 161) gồm 45 cán bộ, chiến sĩ, do đồng chí Hầu Mí Phú làm Đồn trưởng. Thời điểm mới thành lập, đồn đóng tại bình đồ 1.400 m thuộc điểm cao 1665 với nhiệm vụ quản lý đường biên mốc giới của 4 xã Đồng Văn, Lũng Cú, Ma Lé, Lũng Táo. Ngay sau khi đi vào hoạt động, đồn đã củng cố lại Trạm công an nhân dân vũ trang Lũng Cú và thành lập thêm tổ công tác Sán Trồ đóng tại xóm Sán Trồ, xã Lũng Cú và tổ công tác Đồng Văn đóng tại xã Đồng Văn. Đồng thời, đồn triển khai 4 chốt quân sự: chốt Xín Mần Kha (đóng tại xóm Xín Mần Kha, xã Lũng Cú); chốt 1665 (đóng tại xã Ma Lé); chốt 1902 (đóng tại khu vực Gì Thàng, xã Ma Lé); chốt Xi Ca (đóng tại khu vực cổng trời giữa xã Ma Lé và xã Lũng Cú).

Ngày 08/7/1978, Tiểu đoàn 2 bộ đội địa phương huyện Đồng Văn được thành lập. Sau khi thành lập, tiểu đoàn đã di chuyển về xã Đồng Văn để huấn luyện, sau đó tiếp tục di chuyển về đóng quân tại khu vực Lán Xì (xã Phố Cáo) làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới.

Cuối năm 1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng mở đợt vận động lớn tăng cường lực lượng cho các huyện miền núi phía Bắc, động viên nhân lực, vật lực các địa phương miền xuôi lên phát triển kinh tế và xây dựng lực lượng chiến đấu ở các huyện biên giới. Thực hiện chủ trương này, huyện Đồng Văn đón nhận một lượng lớn nhân lực (trong đó có cả đảng viên) và vật lực từ huyện Sơn Dương, Hàm Yên... (tỉnh Hà Tuyên), từ huyện Tam Đảo, Mê Linh... (tỉnh Vĩnh Phú). Lực lượng này được bố trí vào các lâm trường, công trường, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu.

Cuối năm 1978, Lâm trường Đồng Văn được thành lập, có nhiệm vụ vừa sẵn sàng chiến đấu vừa trồng rừng tập trung dọc tuyến biên giới. Nhân dân các xã biên giới với tinh thần đoàn kết đã đóng góp lương thực, thực phẩm, đóng góp ngày công, vật liệu làm lán trại cho cán bộ, công nhân viên lâm trường. Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, cán bộ, đảng viên và công nhân viên lâm trường đã sát cánh cùng nhân dân các dân tộc trong huyện và các lực lượng bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc,

cùng nhân dân chia ngọt, sẻ bùi, tham gia giúp đồng bào ổn định đời sống, giảm bớt khó khăn trong năm tháng chiến đấu ác liệt. Đặc biệt, với chức năng và nhiệm vụ của mình, cán bộ, đảng viên và công nhân viên lâm trường đã giúp đỡ nhân dân phát triển sản xuất, trồng và bảo vệ hàng ngàn héc-ta rừng (chủ yếu là thông, sa mộc), phủ xanh nhiều diện tích đất trống, đồi núi trọc.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Đồng Văn, từ huyện đến cơ sở, các cơ quan, đoàn thể, trường học, đồng bào các dân tộc tích cực đào hầm hào, chuẩn bị công sự, các lực lượng vũ trang, bán vũ trang tích cực luyện tập hợp đồng tác chiến, chuẩn bị các phương án chiến đấu, cứu thương, tải thương, tuần tra canh gác, trực chiến được thực hiện với chế độ nghiêm ngặt. Huyện tăng cường cho mỗi xã một sĩ quan quân đội trực tiếp làm xã đội phó, chỉ huy lực lượng dân quân. Việc này có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhờ có đội ngũ cán bộ tăng cường, đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã nói chung, cán bộ quân sự và công an nói riêng cũng như lực lượng vũ trang đã có sự chuyển biến rõ nét về tác phong, lề lối làm việc, nhất là trình độ, năng lực chuyên môn về quân sự. Do đó khả năng sẵn sàng chiến đấu được nâng cao đáp ứng yêu cầu bảo vệ biên giới Tổ quốc.

Để đảm bảo tốt trật tự an ninh vùng biên giới, Huyện ủy chỉ đạo lực lượng công an huyện mở đợt tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, phát động quần chúng nâng cao cảnh giác, không mắc mưu khiêu khích của các phần tử xấu, nâng cao tinh thần đoàn kết giữa người địa phương với người mới đến. Đồng thời nắm tình hình nhân, hộ khẩu, lên danh sách phân loại thái độ chính trị để quản lý, giáo dục. Kết hợp với các đơn vị quân đội, huyện đội xây dựng phương án bố trí lực lượng tuần tra kiểm soát. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm một số vụ kích động, tuyên truyền xấu trong nhân dân. Do thực hiện tốt kế hoạch nên tình hình chung của huyện về cơ bản vẫn ổn định, an ninh trật tự trên địa bàn được đảm bảo.

Nhờ sự tập trung lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền và sự nỗ lực của quân và dân các dân tộc, trên địa bàn toàn huyện Đồng Văn đã hình thành thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, những địa bàn xung yếu được củng cố, đảm bảo thế chủ động, không bị bất ngờ khi có tình huống xảy ra.

Giai đoạn 1975 - 1978, Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân các dân tộc chuyển nhiệm vụ xây dựng hậu phương của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước để thực hiện nhiệm vụ cùng cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện đã có bước khởi sắc, đời sống nhân dân các dân tộc tuy còn nhiều khó khăn nhưng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã hứa hẹn một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nhân dân các

dân tộc Đồng Văn tin tưởng vào tương lai xán lạn của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ đó họ càng tin yêu Đảng hơn và quyết tâm đi theo con đường cách mạng của Đảng.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CHIẾN ĐẤU VÀ PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU, BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC (1979 - 1985)

Năm 1979, tình hình an ninh trên tuyến biên giới tỉnh Hà Tuyên xấu đi do kẻ xấu dùng mọi thủ đoạn tuyên truyền trong nhân dân những nội dung xuyên tạc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, lừa gạt, kích động và cưỡng ép người Việt gốc Hoa chạy chốn. Người Việt gốc Hoa ở Đồng Văn đã được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc đối xử bình đẳng như các dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; nhưng do bị kẻ xấu tuyên truyền gây hoang mang, 590 người đã bỏ chạy chốn, trong số đó có người đang là đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức, cán bộ lãnh đạo cấp xã. Họ bỏ trốn làm cho một số ngành thủ công như may gia công quần áo, nhuộm vải bị ngừng trệ.

Trước tình hình biên giới diễn biến ngày càng phức tạp, phía Trung Quốc tăng cường áp lực quân sự, khiêu khích lấn chiếm, gây căng thẳng trên dọc tuyến biên giới Việt - Trung. Ngày 06/01/1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị, nêu rõ chủ trương của ta sẵn sàng chiến đấu ở biên giới phía Bắc và nhiệm vụ của các tỉnh biên giới phía Bắc lúc này là khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, kịp thời phát hiện mọi âm mưu hành động xâm lược của địch, không để bất ngờ, không mắc mưu khiêu khích của địch.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Hà Tuyên, Huyện ủy Đồng Văn đã lãnh đạo các tổ chức cơ sở Đảng mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong vòng hơn 1 tháng, cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được quán triệt học tập đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Qua tuyên truyền vận động, quần chúng nhân dân các dân tộc đã nhận thức rõ hơn nhiệm vụ trong tình hình mới, nhận thức rõ hơn về âm mưu thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, nhất là xuất hiện kẻ thù mới, trực tiếp nguy hiểm với những âm mưu thủ đoạn thâm độc, đang đe dọa độc lập, chủ quyền lãnh thổ nước ta. Trên cơ sở đó ra sức đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, học tập, công tác, góp phần thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược của Đảng là: Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Ngày 17/02/1979, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra. Tại Đồng

Văn, chiến sự nổ ra hồi 4 giờ 45 phút ngày 17/2/1979, pháo binh địch bắn cấp tập 1 giờ liền vào các trận địa phòng ngự của bộ đội ta và 2 đồn Công an nhân dân vũ trang Phó Bảng và Lũng Cú. Đến 18 giờ cùng ngày, khoảng 2 tiểu đội bộ binh địch tấn công vào thị trấn Phó Bảng, lực lượng tiểu đoàn 2 - Bộ đội huyện Đồng Văn phối hợp với các lực lượng tại địa bàn Phó Bảng đã ngăn chặn không cho chúng tiến sâu vào đất của ta. Đồng thời, ta chủ động phá cầu sông Nho Quế (thôn Má Lủ, xã Đồng Văn) để phòng ngừa bước tiến công của địch.

Ngày 08/3/1979, địch sử dụng hàng chục khẩu pháo bắn phá ác liệt vào các xã biên giới suốt hơn một tiếng đồng hồ. Sau đó bộ binh địch tràn qua biên giới đánh chiếm các mục tiêu của ta. Tại Phó Bảng, địch dùng 1 trung đoàn bộ binh chia làm 2 mũi tấn công vào thị trấn Phó Bảng, đánh chiếm đồn Công an nhân dân vũ trang Phó Bảng, đập phá nhà cửa, cướp của, giết người...[(1)]. Cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương, công an vũ trang, dân quân ở các xã biên giới đã hợp đồng chiến đấu đẩy lùi hàng chục đợt tiến công của quân địch. Sau hai ngày 08 và 09/3, ta đã tiêu diệt 114 tên địch buộc chúng phải rút quân về bên kia biên giới. Chiến sự ác liệt ở biên giới đã làm đảo lộn cuộc sống thanh bình của nhân dân, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương bị ngưng trệ.

Trước đòn giáng trả quyết liệt của quân và dân ta, kết hợp với sự lên án mạnh mẽ của dư luận thế giới, ngày 18/3/1979 địch phải tuyên bố rút quân, song chúng vẫn duy trì lực lượng lớn quân sự ở biên giới, chốt giữ nhiều điểm cao có lợi trên đường biên, tiếp tục khiêu khích vũ trang gây tình tình căng thẳng.

Trong 2 ngày 12 - 13/4/1979, dưới sự chủ trì của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đại diện Huyện đội, Công an và phòng Định canh định cư các huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Vị Xuyên, Bắc Quang, Hoàng Su Phì, Xín Mần và thị xã Hà Giang. Hội nghị đã bàn và thảo luận 4 vấn đề lớn, đó là:

1. Vấn đề di chuyển dân cư ở các xã biên giới;
2. Về công tác bình công, báo công;
3. Công tác mở đường giao thông;
4. Việc bố trí kho tàng và vận tải trong tình hình mới.

Theo đó, việc di chuyển dân cư ở các xã biên giới dựa trên nguyên tắc: "Đối với những xã phải di chuyển toàn xã, thì cả bộ máy chính quyền, đoàn thể của xã đó đều đi theo dân về nơi ở mới. Những xã chỉ đi một số thôn, xóm mà số dân còn lại khoảng 300 nhân khẩu trở lên thì chính quyền và tên xã đó vẫn tồn tại. Nếu số dân

---

[(1)]. Nhà của Vương Chí Sinh tại Phó Bảng bị phá hủy trong những trận bắn này. Theo *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, Sđd, tr. 92.

cư còn ở lại dưới 300 nhân khẩu thì sáp nhập vào xã kế cận để dễ quản lý. Ruộng nương, đất đai canh tác của đồng bào nơi di chuyển sẽ giao lại cho các lực lượng vũ trang và bán vũ trang để vừa làm nhiệm vụ chiến đấu, vừa sản xuất". Đối với huyện Đồng Văn, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu việc di chuyển dân cư ở các xã giáp biên giới đi tuyến hai và di chyển vào các xã nội địa, phải hoàn thành vào cuối tháng 5/1979.

Thực hiện chỉ đạo của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn đã tập trung lãnh chỉ đạo việc di chuyển dân cư đi tuyến hai đảm bảo theo kế hoạch; đồng thời đưa toàn bộ cư dân ở các thôn bản biên giới vào sinh sống ở địa bàn các thôn nội địa của xã biên giới và các xã nội địa để đảm bảo an toàn tuyệt đối về tính mạng và tài sản cho nhân dân. Về tài sản, toàn bộ các hộ di chuyển đi tuyến hai được Nhà nước hỗ trợ nhà ở và đất sản xuất ở nơi ở mới, đủ điều kiện để người dân có thể sinh sống ổn định lâu dài ở quê hương.

Riêng đối với thị trấn Phó Bảng, trước khi cuộc chiến đấu nổ ra, ta đã kịp thời di chuyển 107 hộ với 664 nhân khẩu về tuyến sau đảm bảo an toàn (huyện Na Hang, Chiêm Hóa); trên địa bàn chỉ còn một số hộ đồng bào Mông. Ngày 02/02/1979, Ban Thường vụ Huyện ủy họp bàn và quyết định sáp nhập Chi bộ thị trấn Phó Bảng và Chi bộ xã Sủng Là thành Chi bộ xã Sủng Là[(1)]. Sau khi cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra, để thuận tiện cho việc lãnh chỉ đạo, địa giới hành chính thị trấn Phó Bảng được giao cho xã Sủng Là quản lý, số dân cư còn lại của thị trấn gồm 15 hộ, 95 nhân khẩu được tổ chức thành hợp tác xã Phó Bảng, trực thuộc xã Sủng Là[(2)]. Đến năm 1987, địa giới hành chính của thị trấn Phó Bảng được giao cho xã Phố Là quản lý.

Vượt lên trên những khó khăn trong tình hình chiến sự căng thẳng, tháng 5/1979, Huyện ủy Đồng Văn lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn huyện. Đồng chí Hầu Chú Chơ được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Qua bầu cử, Hội đồng nhân dân các cấp được kiện toàn, góp phần củng cố lòng tin của của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Trong hai ngày 27 - 28/8/1979, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XI tại huyện lỵ Đồng Văn. Tham dự Đại hội có 90 đại biểu chính thức đại diện cho 598 đảng viên. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành gồm 27 đồng chí. Tại phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Sùng Nảo Sán được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Đình Đống và đồng chí Hầu Chú Chơ được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

---

(1). *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, xuất bản năm 2019, tr 91.
(2). *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, Sđd, tr. 94.

Đại hội đã xác định phương hướng, mục tiêu chung cho nhiệm kỳ Đại hội lần thứ XI là: dựa trên cơ sở đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước mà tăng cường đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các dân tộc trong huyện với tinh thần tự lực tự cường động viên mọi khả năng tiềm tàng của xã hội và tự nhiên thành sức mạnh tổng hợp phấn đấu xây dựng huyện Đồng Văn thành pháo đài vững chắc trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội để góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cả nước là: Bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Huyện Đồng Văn trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là hậu phương, nay trở thành tuyến đầu chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; nhiệm vụ chiến đấu đặt lên hàng đầu, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội là trung tâm, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện có chiến tranh. Chuyển hướng nhiệm vụ của Đảng bộ huyện Đồng Văn phù hợp với tình hình thực tế.

Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chiến lược trong hai năm 1979 - 1980 của huyện về công tác quân sự và trị an đó là: quyết tâm xây dựng huyện thành pháo đài quân sự vững chắc, kiên cường, để đánh tiêu diệt 1 sư đoàn của địch ngay biên giới, khi địch tiến công vào và loại trừ bạo loạn bên trong, bảo đảm trật tự trị an, chính trị - xã hội bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân các dân tộc để yên tâm sản xuất và xây dựng đời sống.

Đại hội xác định, phải xây dựng các đơn vị bộ đội địa phương theo đúng yêu cầu của Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất tỉnh, tạo thành sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân đủ sức tiêu diệt và đánh thắng một sư đoàn địch trở lên, mỗi chiến sỹ phải tiêu diệt từ 7 đến 10 tên địch; phải xây dựng lực lượng tự vệ cơ quan vững mạnh, đảm bảo chiến đấu và hiệp đồng chiến đấu với các đơn vị. Biết sử dụng các loại vũ khí, chấp hành tốt chế độ quy định 10 giờ lao động, 8 giờ công tác, 2 giờ luyện tập quân sự và canh gác bảo vệ cơ quan, thường xuyên luyện tập báo động theo phương án chiến đấu; xây dựng lực lượng dân quân, du kích đảm bảo chất lượng và số lượng, mỗi xã từ 1B hoặc 1C mạnh để có thể chiến đấu và tiêu diệt 1 đại đội địch trở lên, mỗi dân quân tiêu diệt 3 tên địch trở lên, phấn đấu đưa người vào dân quân từ 12 đến 20% so với dân số; xây dựng bản, làng, xã vững mạnh kiên cường, địch đến là đánh, đánh ngay tại biên giới, địch đi lại tiếp tục sản xuất, làm tốt công tác phòng tránh cho nhân dân, xây dựng tư tưởng chiến tranh nhân dân, mỗi người dân là một người lính.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XI, về mặt chính trị, Đảng bộ huyện chủ trương tăng cường công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân để xây dựng khối đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân. Những năm

1979, 1980, 1981, công tác chính trị tư tưởng đươc triển khai liên tục qua các đợt vận động tuyên truyền học tập các Nghị quyết 4, 5, 6 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IV, Thông tri 22 của Ban Bí thư về công tác củng cố tổ chức Đảng, các nghị quyết của Tỉnh ủy Hà Tuyên, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, tuyên truyền, giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới và thảo luận góp ý kiến vào dự thảo Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Qua học tập đã nâng cao một bước ý thức trách nhiệm và tinh thần gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Cuối năm 1981, Đảng bộ huyện chỉ đạo mở hội nghị đoàn kết các dân tộc, mời gần 100 già làng, trưởng xóm, bản tới dự. Hội nghị đã dân chủ bàn bạc về quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, về phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Hội nghị mang ý nghĩa như hội nghị Diên Hồng bàn kế sách dựng nước và giữ nước.

Xây dựng về chính trị, Đảng bộ huyện chủ trương song song với công tác chính trị, tư tưởng, xây dựng hệ thống chính trị lấy xây dựng Đảng làm then chốt. Nhằm kiện toàn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, ngày 26/3/1979, Tỉnh ủy Hà Tuyên ra Nghị quyết số 473/QN-TU bổ sung 9 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đảng bộ huyện coi trọng công tác củng cố cơ sở Đảng nhằm phát huy vai trò hạt nhân thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Thực hiện Chỉ thị 72 ngày 08/5/1979 của Ban Bí thư về công tác củng cố tổ chức Đảng, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các cơ sở tiến hành Đại hội kiện toàn cấp ủy mới.

Thời kỳ 1979 - 1981, toàn Đảng bộ có 2 đảng ủy (Đảng ủy Quân sự huyện và Đảng ủy Lâm trường Đồng Văn), 34 chi bộ, trong đó khu vực nông thôn có 19 chi bộ, khu vực cơ quan có 17 chi bộ đã được củng cố, kiện toàn với tổng số cấp ủy cơ sở là 102 đồng chí. Công tác phát triển Đảng được Đảng bộ quan tâm, 2 năm (1979 - 1980), huyện đã kết nạp được 69 đảng viên mới[(1)]. Công tác kiểm tra Đảng được Đảng bộ chỉ đạo chặt chẽ, quán triệt Nghị quyết 195, Chỉ thị 192, Thông tri 22 của Trung ương ở 100% cơ sở Đảng. Tiến hành phân loại đảng viên, qua phân loại chỉ rõ được mức độ sai lầm, khuyết điểm của đảng viên đảm bảo cho công tác củng cố Đảng ngày càng vững chắc, nhiều chi bộ đã từ yếu kém vươn lên lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển sản xuất, củng cố hợp tác xã đều hoàn thành được nhiệm vụ.

Trong công tác tổ chức: Đầu năm 1980 đến khoảng giữa năm 1981, đồng chí Sùng Nảo Sán có thời gian đi học, đồng chí Nguyễn Đình Đống - Phó Bí thư Huyện ủy được phân công làm Quyền Bí thư Huyện ủy[(2)].

---

(1). Theo báo cáo số 83/BC/TC ngày 30/6/1981, của Ban Tổ chức Huyện ủy về công tác phát triển Đảng từ 1979 - 1980.

(2). Quyết định số 06/QĐ/HU về phát thẻ đảng viên đợt 19/5/1980 do đồng chí Nguyễn Đình Đống - Quyền Bí thư Huyện ủy ký. Đồng thời, biên bản họp thường vụ tháng 11/1980 vẫn do đồng chí Nguyễn Đình Đống - Quyền Bí thư

Ngày 20/02/1981, Ban Thường vụ Huyện ủy đề ra kế hoạch xây dựng củng cố 5 xã biên giới Sủng Là, Sà Phìn, Lũng Táo, Ma Lé, Lũng Cú. Công tác xây dựng, củng cố cơ sở là nhiệm vụ thường xuyên của huyện Đồng Văn. Việc Huyện ủy chỉ đạo xây dựng, củng cố 5 xã biên giới lúc này là phù hợp với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ, xây dựng, củng cố các xã đứng mũi chịu sào trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc phải vững mạnh toàn diện. Huyện ủy đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng, củng cố 5 xã biên giới do đồng chí Nguyễn Đình Đống - Phó Bí thư Huyện ủy làm Trưởng ban. Các tổ công tác trực tiếp xuống xã gồm cán bộ quân đội, cán bộ các ban, ngành của tỉnh, huyện. Đến cuối năm 1981, ở 5 xã đã tiến hành giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, củng cố lực lượng dân quân và công an, tổ chức thu hoạch ngô, rau, đậu và chuẩn bị cho vụ đông - xuân, chấn chỉnh việc quản lý đất đai và ăn chia của hợp tác xã, vận động số người trong độ tuổi đi học; các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở mỗi xã được củng cố và duy trì nền nếp hoạt động. Củng cố các xã biên giới vững mạnh đã góp phần làm cho tuyến phía trước của huyện vững vàng hơn.

Xây dựng về kinh tế, văn hóa được Đảng bộ xác định là nhiệm vụ trung tâm, vừa để xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời tạo cơ sở hậu cần tại chỗ cho quân dân bám trụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Sản xuất nông nghiệp của huyện trong ba năm 1979, 1980, 1981 gặp nhiều khó khăn. Ngô là cây lương thực chính, năng suất sụt giảm, năm 1979 đạt 8,2 tạ/ha, đến năm 1981 nhích lên 8,5 tạ/ha do áp dụng khoa học kỹ thuật còn hạn chế. Năm 1981, sản lượng lương thực theo đầu người theo kế hoạch là 225 kg/người/năm nhưng thực tế chỉ đạt 217 kg/người/năm. Hạt giống su hào và cây dược liệu đạt 10% sản lượng do thiên tai, địch họa và do chỉ đạo chưa tích cực. Đàn gia súc của toàn huyện được giữ vững, riêng đàn gia cầm đạt 78% kế hoạch do sản xuất lương thực và hoa màu sụt giảm, thiếu thức ăn cho chăn nuôi.

Về quan hệ sản xuất, trong điều kiện có chiến tranh các hợp tác xã vẫn giữ vững, công tác tổ chức lại sản xuất ở Hợp tác xã toàn xã Lũng Táo tiếp tục được duy trì. Toàn huyện duy trì 142 hợp tác xã, số hộ vào hợp tác xã chiếm 80% tổng số hộ nông dân, trong đó 21 hợp tác xã thực hiện ăn chia chung, 121 hợp tác xã thực hiện ăn chia theo đội sản xuất.

Thủ công nghiệp của huyện Đồng Văn nhỏ bé, có một số hợp tác xã may mặc, nhuộm vải, khi xảy ra chiến tranh số hợp tác xã này không duy trì được. Đảng bộ đã chỉ đạo phát triển nghề rèn, đúc của các hộ gia đình để khắc phục tình trạng khan hiếm công cụ lao động như lưỡi cày, cuốc bướm, móng ngựa và đinh đóng móng

Huyện ủy ký. Đến tháng 3/1981, Huyện ủy Đồng Văn ban hành chỉ thị 32 về lãnh đạo tổ chức bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh vẫn do đồng chí Nguyễn Đình Đống - Quyền Bí thư Huyện ủy ký.

ngựa.

Về giáo dục đào tạo, năm 1979, các lớp "ánh sáng văn hóa" không duy trì được, đội ngũ giáo viên hầu hết lui về tuyến sau. Năm học 1980 - 1981, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo tiếp tục duy trì các lớp "ánh sáng văn hóa", các trường phổ thông, trường bổ túc văn hóa, trường thiếu nhi.

Như vậy, chiến tranh đã ảnh hưởng tới sản xuất và làm gián đoạn sự phát triển văn hóa giáo dục, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua khó khăn giữ vững sản xuất nông nghiệp, duy trì phát triển văn hóa giáo dục, xây dựng được lòng tin trong nhân dân yên tâm bám trụ sản xuất và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thực tế chiến tranh ở địa bàn huyện Đồng Văn kẻ địch đã tiến hành đồng thời tiến công quân sự với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt như dùng gián điệp để móc nối, cài cắm, mua chuộc, dụ dỗ cán bộ và nhân dân ta, thực hiện mưu đồ phá hoại ta về chính trị, kinh tế, tư tưởng và tổ chức làm cho ta suy yếu, Đảng bộ huyện chủ trương tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với công tác quốc phòng cùng với công tác an ninh bảo vệ Tổ quốc. Đảng bộ tập trung sức xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân bảo đảm đủ sức đánh địch giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Về lực lượng dân quân tự vệ, huyện thành lập 11 trung đội dân quân tập trung, 25 trung đội dân quân rộng rãi, 1 tiểu đoàn tự vệ, tỷ lệ dân quân chiếm 12% so với số dân. Lực lượng dân quân tự vệ đã thường trực chiến đấu trên các trận địa, gài mìn trên các tuyến đường phục kích... Tự vệ cơ quan đã phát huy được vai trò trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Tiểu đoàn 2 bộ đội địa phương được thành lập cuối năm 1978, đã chú trọng ổn định tổ chức, biên chế và huấn luyện, cùng các lực lượng chiến đấu ngăn chặn địch và lập công xuất sắc tiêu diệt sinh lực địch, phối hợp với lực lượng an ninh làm nòng cốt cho nhân dân đấu tranh phá được âm mưu tấn công từ bên ngoài kết hợp nổi loạn từ bên trong của địch.

Tiểu đoàn 1 Đồng Văn tiền thân là tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn 191, được thành lập ngày 24/8/1978 tại thôn Hát - xã Việt Lâm (huyện Vị Xuyên). Ngày 23/02/1979, khi cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra, tiểu đoàn nhận lệnh tách khỏi đội hình Trung đoàn 191, hành quân lên tăng cường cho Đồng Văn và trở thành Tiểu đoàn 1 của huyện Đồng Văn. Đầu tháng 3/1979, tiểu đoàn đóng quân tại khu vực Thiên Hương, Má Lủ (xã Đồng Văn), sau đó hành quân lên đóng quân tại 3 xã (Ma Lé, Lũng Táo, Sà Phìn), chủ yếu đóng tại khu vực Mã Sồ (xã Lũng Táo)

với các điểm cao 1911[1], 1902, 1500 (Dì Thàng, Má Lũng Kha, Ma Lé, Lũng Hòa A (xã Sà Phìn). Đơn vị có nhiệm vụ bảo vệ 17 km đường biên giới. Trong giai đoạn cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới diễn ra ác liệt, đơn vị luôn hoàn thành nhiệm vụ và lập nhiều chiến công xuất sắc. Tiêu biểu như trận đánh ngày 25/9/1980, Ban Chỉ huy tiểu đoàn đã phối hợp cùng các đơn vị (Bộ đội biên phòng Lũng Cú[2]) tổ chức một phân đội trinh sát dẫn đường, luồn sâu, đánh tập kích và tiêu diệt gọn một đơn vị thám báo địch đang tập kết với ý đồ đánh chiếm điểm cao cổng trời Si Ca (Ma Lé giáp Lũng Cú) nhằm cắt đứt con đường huyết mạch, cô lập xã Lũng Cú với xã Ma Lé, xã Đồng Văn.

Trong suốt 10 năm (1979 - 1989) chiến đấu bảo vệ biên giới tại địa bàn 3 xã Ma Lé, Lũng Táo, Sà Phìn, tiểu đoàn là đơn vị duy nhất trong toàn quân khu không để mất chốt, không để một tấc đất rơi vào tay địch. Cũng trong 10 năm chiến đấu, trên 160 cán bộ, chiến sỹ tiểu đoàn đã hy sinh hoặc để lại một phần thân thể trên chiến trường tại khu vực biên giới huyện Đồng Văn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn hôm nay và mai sau luôn ghi nhớ công lao của các đồng chí.

Để đáp ứng yêu cầu công tác quân sự trong tình hình mới, ngày 18/10/1979, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 1006/QĐ-QP về thành lập Trung đoàn 877 trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Tuyên[3]. Đơn vị đóng tại xã Minh Ngọc, huyện Vị Xuyên (nay thuộc huyện Bắc Mê). Tháng 6/1982, chấp hành sự chỉ huy của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Tuyên, Trung đoàn 877 điều Tiểu đoàn 5 bộ binh (gồm 4 đại đội và 3 trung đội) và 1 tiểu đoàn pháo binh tăng cường hành quân tới đóng tại xã Phố Cáo làm nhiệm vụ nòng cốt xây dựng tuyến phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn huyện. Cuối năm 1982, Trung đoàn đã chỉ đạo các đơn vị trong trung đoàn tham gia lao động mở các tuyến đường, xây dựng cơ sở hạ tầng giúp đỡ các cơ quan của huyện Đồng Văn chuyển vào xã Sính Lủng nhằm đảm bảo an toàn để lãnh đạo, chỉ đạo quân, dân trong toàn huyện phát triển kinh tế - xã hội và củng cố thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Tháng 5/1984, Trung đoàn điều Đại đội 5 cơ động lên Lán Xì đóng tại xã Phố Cáo. Đại đội trinh sát số 20 đóng tại Phố Bảng, đại đội 7 hành quân lên phòng ngự tại điểm cao 1911 xã Lũng Táo, lập tuyến phòng ngự nắm chắc những hoạt động của đối phương dọc đường biên giới từ điểm cao 1911 (Lũng Táo) đến điểm cao 1949

---

[1]. Nay là điểm cao 1926.

[2]. Ngày 10/10/1979, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 22-NQ/TW về việc chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng công an nhân dân vũ trang từ Bộ Nội vụ sang Bộ Quốc phòng. Từ đây, Công an nhân dân vũ trang mang tên Bộ đội biên phòng.

[3]. Theo *Địa chí tỉnh Hà Giang*, tr. 1105.

(Phố Bảng) để sẵn sàng chống lại những hoạt động chống phá của địch dọc theo tuyến biên giới của các xã Phố Cáo, Phố Bảng, Sủng Là, Sà Phìn, Lũng Táo, chủ động tấn công đập tan nhiều cuộc tấn công của địch.

Về công tác an ninh: Lực lượng công an viên từ bản làng đến xã được kiện toàn, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động, nhân dân nhiệt tình tham gia. Nhân dân và lực lượng công an đã phát hiện và bắt giữ hàng trăm tên tội phạm hình sự, chính trị, phá 3 tổ chức do địch cài cắm. Với những thành tích đạt được, Lực lượng công an xã Lũng Táo được Bộ Công an tặng cờ Đơn vị Quyết thắng. Lực lượng công an toàn huyện ngày càng trưởng thành và lập công xuất sắc, tiêu biểu là vụ điều tra, phát hiện, làm rõ hành vi phạm tội của bọn phỉ Lý Nhè Lùng cùng đồng bọn của chúng[1].

Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân huyện Đồng Văn đã trải qua thời điểm gay go, ác liệt nhất, Đảng bộ huyện lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, phát huy sức mạnh của lực lượng tại chỗ, trụ vững nơi đầu sóng ngọn gió, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XII (vòng II) từ ngày 04 - 06/10/1982[2], tại huyện lỵ Đồng Văn[3]. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XII gồm 25 đồng chí, trong đó ủy viên chính thức 23 đồng chí, ủy viên dự khuyết 2 đồng chí, Ban Thường vụ Huyện ủy 7 đồng chí, đồng chí Sùng Nảo Sán được tái cử làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Thiều Khắc Được và đồng chí Hầu Chú Chơ được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội đã quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu nhiệm kỳ tới của Đảng bộ là: "Nỗ lực phấn đấu vài năm tới đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm đáp ứng được nhu cầu đời sống của nhân dân các dân tộc. Muốn vậy, phải có tư tưởng quyết tâm cao, dám nghĩ, dám làm không chờ đợi, ỷ lại vào Nhà nước, từng bước xây dựng huyện mạnh về quốc phòng, vững về kinh tế, chính trị, đủ sức đánh

---

[1]. Lý Nhè Lùng nguyên là tên trùm phỉ năm 1959 đã bị ta bắt đi tập trung cải tạo. Tháng 02/1979, được ân xá tha về, hắn vượt biên chạy đi Trung Quốc, lập ra 1 trung đội thổ phỉ có vũ trang, hoạt động tại vùng núi Sư Tử Sơn. Bọn chúng thường xuyên tổ chức tấn công vào các điểm chốt do bộ đội kiểm soát, tập kích bộ đội, cán bộ, mua chuộc, dụ dỗ một số đồng bào làm tay sai, chỉ điểm cho chúng, gây cho ta nhiều khó khăn trong công tác bảo vệ biên giới. Tháng 5/1980, bọn phỉ Lý Nhè Lùng đã gài mìn tại xã Pải Lủng (huyện Mèo Vạc) làm cho 2 chuyến xe khách của Công ty vận tải ô tô Hà Tuyên chở khách từ Đồng Văn sang huyện Mèo Vạc bị vướng mìn khiến 4 người chết, hơn 20 người bị thương, 2 xe khách bị hỏng nặng, gây hoang mang trong nhân dân. Để nhanh chóng ổn định tình hình, lực lượng công an 2 huyện Đồng Văn, Mèo Vạc đã phối hợp cùng các đơn vị trinh sát của Công an tỉnh điều tra, phát hiện, làm rõ hành vi phạm tội của toán phỉ cùng tên Vừ Xúa Chùng (sinh năm 1937, dân tộc Mông trú tại xã Pải Lủng, huyện Mèo Vạc), lập hồ sơ xử lý theo đúng quy định. Qua đó, tình hình khu vực đã ổn định trở lại, người dân yên tâm sinh hoạt và sản xuất.

[2]. Theo tư liệu đồng chí Đặng Văn Nghiệp - Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đồng Văn cung cấp.

[3]. Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XII (vòng 1) diễn ra từ ngày 23 - 25/12/1981 với 97 đại biểu tham dự.

thắng địch trong mọi tình huống".

Mục tiêu tự trang trải lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện đã thể hiện tinh thần tự lực, tự cường, tư tưởng dám nghĩ, dám làm của Đảng bộ huyện. Bởi vì vào thời kỳ này kinh tế của huyện chủ yếu là tự cung, tự cấp; khí hậu khắc nghiệt; diện tích canh tác phần lớn là đất hốc đá, không có khả năng khai hoang mở rộng diện tích, chiến tranh cùng với việc di dân khỏi vùng giáp biên giới làm cho 420 ha đất canh tác bị hoang hóa; việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế nên đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện còn gặp nhiều khó khăn, bấp bênh, còn xảy ra nơi đói nhiều, nơi đói ít. Cơ cấu bữa ăn của nhân dân các dân tộc chủ yếu là bột ngô (mèn mén) với các loại đậu và rau xanh.

Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất bằng các biện pháp thâm canh gối vụ, tăng hệ số sử dụng đất đai, triệt để sử dụng diện tích để sản xuất cây lương thực chính là ngô và lúa, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào cây trồng. Huyện đẩy mạnh thực hiện các biện pháp thủy lợi đảm bảo nước cho sản xuất và sinh hoạt bằng việc huy động lao động, tiền vốn, vật tư để xây dựng các công trình. Công trình thủy lợi mương Phố Cáo dài 12 km, vốn đầu tư 2,5 triệu đồng, nhân dân đóng góp 50.000 ngày công, tưới tiêu cho 20 ha và chuyển vụ 80 ha; Công trình thủy lợi Lũng Cẩm - Sủng Là, vốn đầu tư 1,5 triệu đồng, nhân dân đóng góp 30.000 ngày công, tưới tiêu cho 50 ha; Công trình thủy lợi Lũng Táo, vốn đầu tư 1,2 triệu đồng, nhân dân đóng góp 28.000 ngày công; Hệ thống đường ống dẫn nước từ Mèo Vạc tới Lũng Phìn dài 26 km. Kết quả đã tăng được diện tích gieo trồng cây lương thực, năm 1982 đạt 6.391 ha, đến năm 1985 tăng lên 7.658 ha. Năng suất cây lương thực chủ yếu là ngô và lúa tăng dần theo các năm: năm 1982, năng suất ngô đạt 8,78 tạ/ha, lúa đạt 19 tạ/ha; năm 1985 năng suất ngô đạt 10,36 tạ/ha, năng suất lúa đạt 21,75 tạ/ha. Diện tích, năng suất các loại hoa màu, rau đậu cũng tăng dần theo từng năm như: dong riềng diện tích trồng năm 1982 là 368 ha, năng suất đạt 77 tạ/ha; năm 1985 diện tích đạt 632 ha, năng suất 112 tạ/ha. Đậu các loại năm 1982 diện tích trồng 511 ha, năng suất 1,9 tạ/ha; năm 1985 diện tích trồng 955,5 ha, năng suất 2,12 tạ/ha... Bằng mọi sự nỗ lực đã đưa mức lương thực bình quân đầu người quy thóc năm 1983 là 160 kg/người đến năm 1985 tăng lên 240 kg/người; năm 1985, đã tạm cân đối được lương thực ở khu vực nông thôn, song chưa ổn định. Đảng bộ huyện chủ trương tiết kiệm lương thực. Ngày 11/11/1985, Thường vụ Huyện ủy ra Nghị quyết số 16 chỉ đạo cấm sử dụng lương thực vào việc nấu rượu, cấm uống rượu trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, đã hạn chế được phần nào tình trạng lãng phí trong sử dụng lương thực.

Song song với phát triển trồng trọt, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi để nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc và một phần cung cấp cho lực lượng vũ trang và cán bộ công nhân viên ở địa bàn huyện. Đàn gia súc qua các năm đều tăng: đàn bò năm 1982 có 5.222 con, năm 1985 tăng lên 6.665 con; đàn lợn năm 1982 có 6.520 con, năm 1985 tăng lên 8.252 con; đàn ngựa năm 1982 có 1.441 con, năm 1985 tăng lên 2.120 con... Đàn gia súc tăng là do năng suất cây lương thực tăng, đặc biệt là diện tích, năng suất các loại hoa màu như dong riềng và các loại đậu có điều kiện đầu tư cho chăn nuôi.

Diện tích các loại cây trồng không có điều kiện tăng, năng suất tăng chậm trong khi đó mức độ tăng dân số còn lớn 2,4%/năm. Do đó đời sống vật chất của nhân dân chậm được cải thiện.

Vào khoảng thời gian này, để tăng nguồn thu và ổn định đời sống, nhân dân còn trồng cây anh túc (cây thuốc phiện). Năm 1980, toàn huyện thu được 1.870 kg nhựa anh túc, đến năm 1983, thu hoạch 2.089 kg. Hàng năm, huyện đều hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước.

Về quan hệ sản xuất, Đảng bộ huyện tập trung chỉ đạo củng cố hợp tác xã nông nghiệp với quy mô thích hợp nhỏ, vừa từ 15 đến 30 hộ gắn với địa bàn từng thôn bản, thực hiện cơ chế khoán đến nhóm và người lao động, khuyến khích, tạo điều kiện cho lao động cá thể. Năm 1982, toàn huyện hình thành 147 hợp tác xã, năm 1985, hình thành 161 hợp tác xã. Quy mô hợp tác xã từ 15 đến 30 hộ gắn với địa bàn thôn bản là phù hợp, tuy nhiên, cơ sở vật chất của hợp tác xã nghèo nàn, hoạt động còn yếu đòi hỏi Đảng bộ cần có chủ trương củng cố, hoàn thiện từng bước.

Về vận động định canh định cư, huyện Đồng Văn từ những năm trước khi xảy ra cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc (02/1979) đã tương đối ổn định về định canh định cư cho 6.263 hộ với 36.212 nhân khẩu. Sau năm 1979, Đảng bộ huyện Đồng Văn thực hiện nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên tiến hành sắp xếp, ổn định dân cư ở các xã giáp biên để xây dựng làng xã chiến đấu và phát triển kinh tế trước mắt cũng như lâu dài với tổng số 2.350 hộ, 13.381 nhân khẩu, không còn để tình trạng du canh du cư.

Song song với chăm lo phát triển sản xuất, cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân các dân tộc, Đảng bộ huyện thường xuyên chăm lo phát triển giáo dục, y tế, văn hóa nhằm cải thiện đòi sống tinh thần của nhân dân.

Về giáo dục - đào tạo, trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, chiến tranh làm cho vùng biên giới luôn căng thẳng, Đảng bộ tập trung chỉ đạo duy trì các lớp học trường phổ thông và các lớp văn hóa tập trung. Đến năm 1984, toàn huyện duy

trì được 21 lớp học vỡ lòng, 41 lớp học cấp I, 5 lớp cấp II, trường thiếu nhi tập trung mở 4 lớp có 64 học sinh theo học. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo thời kỳ này đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để ra khỏi tình trạng bị co hẹp với sự mất đi của phong trào "ánh sáng văn hóa" làm cho số người mù chữ và tái mù chữ có chiều hướng ngày càng tăng, khoảng 12.800 người ở độ tuổi 40 trở xuống. Đội ngũ giáo viên năm 1982 có 189 người trực tiếp giảng dạy, đến năm 1985 chỉ còn 140 giáo viên trực tiếp giảng dạy. Nguyên nhân của tình trạng giáo dục bị co hẹp là do đội ngũ giáo viên không được ổn định, giáo viên người địa phương quá ít, giáo viên "ánh sáng văn hóa" là giáo sinh tốt nghiệp ở các trường sư phạm hệ (10+3), (10+2), (7+3)... lên làm nghĩa vụ 3 năm là chuyển vùng, chưa đủ điều kiện để phát huy, đời sống của giáo viên còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận giáo viên không yên tâm, thiếu nhiệt tình. Cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn, nghèo nàn. Trong các trường học tập trung, vật chất thiếu thốn học sinh không đảm bảo sức khỏe để học tập lâu dài. Rất khó khăn trong việc tạo nguồn để đào tạo cán bộ ở địa phương. Khó khăn của công tác giáo dục, đào tạo thời kỳ này đòi hỏi Đảng bộ cần tập trung lãnh đạo tháo gỡ những cản trở trước mắt, đồng thời chuẩn bị cho lâu dài để đưa sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện phát triển kịp yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về y tế, đến năm 1985, toàn huyện có mạng lưới y tế đến các xã, mỗi xã có một y sỹ và từ 1 đến 2 y tá, phần lớn y sỹ, y tá là người địa phương. Mỗi xã có một trạm xá làm nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn vệ sinh phòng bệnh cho nhân dân, chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, phát hiện kịp thời dịch bệnh. Từ năm 1982 - 1985, toàn huyện không để xảy ra dịch bệnh lớn. Huyện có một bệnh viện để khám và chữa bệnh cho nhân dân, có đội ngũ bác sỹ, y sỹ có trách nhiệm và nhiệt tình nên việc khám chữa bệnh đã hoàn thành tốt. Tuy nhiên, các trạm xá xã chưa thu hút được nhân dân đến chữa bệnh do cơ sở vật chất quá nghèo nàn, giường nằm cho bệnh nhân rất sơ sài, sinh hoạt, ăn uống của bệnh nhân tại bệnh xá gặp nhiều khó khăn.

Văn hóa thông tin thời kỳ 1982 - 1985 tập trung vào việc xây dựng phòng tuyến văn hóa biên giới, Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm, lãnh đạo để đưa ánh sáng văn hóa, đưa Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân các dân tộc. Toàn huyện đã xây dựng 32 điểm đài truyền thanh, một đội chiếu bóng lưu động, một đội thông tin cổ động. Phòng tuyến văn hóa biên giới thời kỳ này hoạt động với những phương tiện còn đơn giản, các điểm truyền thanh đều trang bị đài bán dẫn công suất nhỏ nhưng đã có tác dụng trong việc giáo dục nhân

dân nhận rõ âm mưu thủ đoạn của kẻ địch, nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, nâng cao cảnh giác cách mạng, góp phần tuyên truyền làm giảm đáng kể tập tục tảo hôn, những đám tang dài ngày, những đám cưới to lãng phí.

Trong thời điểm khó khăn do thiên tai, địch hoạ, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã thể hiện ý chí quyết tâm cao, tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát triển kinh tế, văn hóa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân được cải thiện một bước. Nhân dân các dân tộc càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, một lòng theo Đảng bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Năm 1982, huyện thực hiện Quyết định số 179 của Hội đồng Bộ trưởng về phân vạch địa giới hành chính một số xã của huyện Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh. Đối với huyện Đồng Văn: tách 4 xã Phú Lũng, Thắng Mố, Sủng Cháng, Sủng Thài sáp nhập vào huyện Yên Minh. Việc điều chỉnh địa giới hành chính đã tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng trước mắt cũng như lâu dài.

Cuối năm 1982, cơ quan huyện Đồng Văn chuyển vào Sính Lủng nhằm bảo đảm an toàn để lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội và củng cố thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Việc di chuyển cơ quan huyện gặp nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ đã động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân hoàn thành trong thời gian ngắn và đưa các cơ quan vào hoạt động có nền nếp.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lãnh chỉ đạo phát triển sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ biên giới, ngày 03/7/1984 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên ban hành Quyết định số 511/UB-QĐ về việc tạm thời điều chỉnh địa giới hành chính một số huyện, thị xã. Theo đó, các xã Lũng Phìn, Hố Quáng Phìn, Sủng Trái được chuyển giao từ huyện Mèo Vạc về huyện Đồng Văn quản lý.

Bước sang năm 1984, chiến sự trên biên giới tiếp tục diễn ra ác liệt, địa điểm sơ tán của huyện Đồng Văn tại xã Sính Lủng đã gặp phải nhiều khó khăn. Sau hơn 3 tháng tiến hành khảo sát địa điểm, với 4 phương án di chuyển địa điểm, ngày 03/11/1984, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên nhất trí phê duyệt phương án xây dựng địa điểm huyện lỵ Đồng Văn mới tại xã Lũng Phìn. Vì ở Lũng Phìn có giao thông, đất đai, nước sinh hoạt tiện lợi hơn, sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện với các xã biên giới và nội địa, sự hỗ trợ của tỉnh và huyện bạn thuận lợi hơn. Theo phương án được phê duyệt, các cơ quan được bố trí dọc hai bên đường ô tô từ Sủng Lỳ đến Cờ Láng với chiều dài hơn 5 km; Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Công an huyện ở cuối huyện lỵ (Sủng Lỳ), các cơ quan khối dân, khối kinh tế ở đầu huyện lỵ (Cờ Láng). Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, công tác giải phóng mặt bằng được triển khai nhanh chóng, nhiều hộ gia đình đã tự nguyện hiến đất để xây dựng các

công trình trụ sở của huyện. Đến tháng 01/1985, các cơ quan của huyện chính thức di chuyển địa điểm từ Sính Lủng về Lũng Phìn và đi vào hoạt động[1].

Về quốc phòng, an ninh, Đảng bộ xác định nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc được đặt lên hàng đầu. Trên cơ sở nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của địch chống phá ta bằng tiến công quân sự đồng thời tiến hành phá hoại trên nhiều mặt, Đảng bộ huyện đã tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quốc phòng cùng với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đảng bộ huyện đã tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang bao gồm bộ đội địa phương và dân quân tự vệ coi trọng nâng cao chất lượng, trước nhất là chất lượng chính trị. Đối với tiểu đoàn bộ đội địa phương, chỉ đạo củng cố các chi bộ Đảng ở đại đội có đủ đảng viên để hình thành các chi bộ có Ban chi ủy. Chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt dân chủ, giáo dục và quản lý kỷ luật. Đối với lực lượng dân quân tự vệ, chỉ đạo tập trung nâng cao chất lượng 11 trung đội dân quân tập trung, lựa chọn những đảng viên, đoàn viên và quần chúng ưu tú biên chế vào các trung đội để đủ sức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ nhân dân lao động sản xuất ở xã biên giới, tuần tra, canh gác kịp thời phát hiện, đánh địch xâm nhập vào đất ta. Kết quả chiến đấu từ 1981 - 1985, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ huyện đã phối hợp cùng các lực lượng và nhân dân đánh trả 15 trận, tiêu diệt gần 500 tên địch, phá hủy nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh của địch, giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Bộ đội địa phương và dân quân tự vệ đã có bước trưởng thành, chiến đấu lập công suất sắc, tiêu biểu là dân quân du kích xã Phố Là, dân quân du kích xã Lũng Cú.

Về xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, Đảng bộ đã chú trọng chỉ đạo tiến hành nhiều biện pháp.

Nhiệm vụ quan trọng mà Đảng bộ tập trung lãnh đạo là sắp xếp, ổn định dân cư vùng giáp biên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu. Huyện đã vận động 41 xóm với 1.182 hộ, 6.770 khẩu ở sát biên giới vào nội địa, đồng thời tổ chức để hình thành các xóm mới không ít hơn 10 hộ thuận tiện cho việc tổ chức sản xuất và tự bảo vệ. Huyện cũng đã vận động 186 hộ với 1.087 khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới (huyện Bắc Mê) để khắc phục tình trạng thiếu đất sản xuất. Bên cạnh đó, Huyện ủy Đồng Văn đã chỉ đạo hợp tác xã Phố Bảng tích cực lao động sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo tại địa bàn nơi biên giới. Ở từng xã giáp biên, huyện đã chỉ đạo hình thành ba tuyến: Tuyến chiến đấu, tuyến vừa sản xuất vừa chiến đấu, tuyến cư trú và sản xuất trong bố trí thế trận toàn huyện.

---

[1]. Theo Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Lũng Phìn (1945 - 2015), xuất bản năm 2018, tr 95 - 96.

Trong những năm 1981 - 1985, đặc biệt là năm 1984, có ngày địch pháo kích vào các xã biên giới của huyện tới vài trăm quả pháo gây thiệt hại về người và của đối với nhân dân các dân tộc. Địch lén lút tập kích nhiều lần vào các Đồn Biên phòng, các trận địa trên đất ta, bắt cóc bộ đội, cán bộ và nhân dân ta, cướp bóc của cải của nhân dân. Đồng thời địch tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, dùng gián điệp để móc nối, cài cắm, mua chuộc dụ dỗ nhân dân ta, nhen nhóm tổ chức phản động để hòng gây bạo loạn phản cách mạng. Hoạt động của địch làm cho tình hình trên biên giới luôn căng thẳng.

Đảng bộ huyện chỉ đạo kết hợp chặt chẽ quốc phòng với an ninh làm trong sạch địa bàn. Các phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc", "khép kín đường biên", chống vượt biên trái phép do huyện phát động đã được đông đảo nhân dân tham gia. Nhân dân đã phát giác nhiều đối tượng thường xuyên vượt biên trái phép để chính quyền cơ sở giáo dục. Hoạt động tích cực của lực lượng quân sự và an ninh cùng ý thức cảnh giác cách mạng của nhân dân đã chặn đứng và phát hiện những tên gián điệp, biệt kích, thám báo của địch xâm nhập vào địa bàn. Chỉ riêng năm 1985, lực lượng quân sự và công an đã phát giác 7 trường hợp thám báo, qua quần chúng phát giác ta đã bắt giữ một số tên gián điệp của địch nằm vùng, chui sâu và lâu vào nội địa của ta, bóc tách truy quét được mạng lưới cơ sở tay sai của địch cài ở địa bàn huyện, chống được bạo loạn, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội. Nhân dân yên tâm sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Điểm qua các chiến công của huyện phải nhắc tới thành tích của Đồn Biên phòng Phố Bảng. Ngày 17/5/1985, Đồn Biên phòng Phố Bảng nhận được tin báo của quần chúng nhân dân: Có 2 đối tượng là người địa phương dẫn 1 công nhân của trại cây giống Phố Bảng lén lút vượt biên đi Trung Quốc. Qua điều tra, xác minh, các trinh sát đã phát hiện Giàng Chứ Vàng ở xã Sủng Là và Vàng Chá Páo ở Phố Trồ là 2 đối tượng vượt biên đi Trung Quốc. Hai đối tượng trên còn thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng có những kẻ lạ mặt xuất hiện trong nhà chúng.

Được cấp trên phê duyệt cho lập chuyên án, suốt gần một năm đấu tranh gian khổ, với ý chí quyết tâm cao và tinh thần trách nhiệm lớn, trinh sát Đồn Biên phòng Phố Bảng đã làm rõ tội trạng, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, bắt Vừ Chá Páo và Giàng Chứ Vàng khi chúng phạm pháp quả tang. Khám nhà chúng, ta thu được nhiều tài liệu, tiền, hàng của Trung Quốc và hai quả mìn. Tại nhà giam, được đối xử nhân đạo, được tuyên truyền giáo dục, Páo và Vàng đã thành khẩn khai nhận tội làm gián điệp cho tình báo Quân đội Trung Quốc từ cuối năm 1984.

Kết hợp với lời khai của 2 tên gián điệp bị bắt với các tài liệu chứng cứ khác,

bằng các biện pháp nghiệp vụ, trinh sát Bộ đội Biên phòng tỉnh đã xác minh làm rõ, bóc gỡ mạng lưới cơ sở ngầm của địch ở khu vực biên giới Phố Bảng và Đồng Văn. Bọn chúng có tất cả 66 tên. Trong đó, đáng chú ý có 12 đối tượng là cơ sở ngầm của địch hoạt động trong các lực lượng vũ trang và 6 đối tượng là cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan Nhà nước. Chính bọn này chứa chấp những tên gián điệp Trung Quốc xâm nhập hoạt động ở khu vực biên giới, trực tiếp nhận chỉ thị của chúng, báo cáo nhiều bí mật quốc gia cho chúng. Cũng chính bọn này nhận tiền và hàng tâm lý chiến, ráo riết tiến hành chiến tranh tâm lý phá hoại nội bộ ta về tư tưởng và tổ chức, phá hoại kinh tế, quốc phòng của ta. Bóc gỡ được mạng lưới cơ sở ngầm của địch, tăng cường các biện pháp công tác biên phòng, tình hình ở địa bàn biên giới Phố Bảng, Đồng Văn ổn định hẳn. Phòng tuyến bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới ở khu vực biên giới xung yếu này của huyện, tỉnh được củng cố vững mạnh toàn diện.

Trong những năm 1981 - 1985, Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo xây dựng các công trình bảo đảm cho chiến đấu như xây dựng hầm hào, làm đường giao thông, làm nhà cho các điểm tựa, công trình bảo đảm nước sinh hoạt, trồng rừng biên giới, đường dây thông tin liên lạc... bằng việc huy động nhân dân các dân tộc đóng góp công sức. Nhân dân đã ủng hộ chủ trương của Đảng bộ đóng góp công sức xây dựng các công trình làm cho thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ngày càng vững chắc hơn.

Về công trình hầm hào, xây dựng được 2 công trình bê tông kiên cố, 26 hầm bằng đá kiên cố, 274 hầm chữ A, 29.543 m đường giao thông hào, nhân dân đóng góp 152.000 ngày công. Nhờ có công trình hầm hào, các chiến sỹ bộ đội địa phương, dân quân tự vệ đã bám trụ vững vàng ở các điểm tựa chiến đấu, hạn chế được thương vong khi địch pháo kích ác liệt, chủ động đánh địch khi chúng tiến công, đảm bảo cho các cụm chiến đấu ở biên giới hoàn thành nhiệm vụ.

Về công trình làm đường giao thông, huyện đã chỉ đạo mở mới 22,6 km đường ô tô để nối liền các trục đường chính và các đoạn đường lên các trận địa, bảo đảm thông suốt dọc, ngang giữa các tuyến đường của huyện, tạo thuận lợi cho việc cơ động và vận chuyển hàng hóa phục vụ cho nhiệm vụ chiến đấu. Huyện chỉ đạo duy tu, bảo dưỡng 32 km đường ô tô từ Thài Phìn Tủng đến Sủng Trái và tu sửa hàng chục cây số đường dân sinh liên xã, liên thôn thuận lợi cho phương tiện cơ giới, ngựa thồ và người đi lại. Cùng trong hai năm 1985 - 1986, nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã đóng góp hàng trăm nghìn ngày công vào mở mới tuyến đường chiến lược đoạn Cán Tỷ - Đông Hà dài 6 km.

Về thông tin liên lạc, Đảng bộ chủ trương ở bất cứ tình huống nào cũng không để mất liên lạc từ tuyến trước với tuyến sau. Huyện chỉ đạo xây dựng đường dây thông tin dã chiến dài 169 km, nhân dân đóng góp 5.000 cây cột điện và toàn bộ số ngày công xây dựng. Kết hợp chặt chẽ các phương tiện thông tin hữu tuyến, vô tuyến và chạy chân đã bảo đảm cho sự chỉ đạo của Đảng và chỉ huy chiến đấu khi có chiến sự xảy ra.

Các công trình nhà điểm tựa, phản nằm, nước sinh hoạt đã phát huy tác dụng lớn, giảm bớt khó khăn cho bộ đội đặc biệt là các chiến sỹ bám trụ trên các trận địa, huyện đã tiến hành nạo vét và xây mới 60 bể dự trữ nước, nhân dân đóng góp 128.000 ngày công.

Về trồng rừng biên giới, huyện đã có chủ trương trồng rừng dọc dải biên giới vì rừng có ý nghĩa chiến lược trong việc bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc. Dải biên giới của huyện phần lớn lại là rừng đầu nguồn nước nên huyện chỉ đạo trồng rừng theo hai hình thức, trồng rừng tập trung và trồng phân tán. Huyện giao đất giao rừng cho 1.331 hộ gia đình quản lý, bảo vệ và trồng mới trên diện tích được giao là 4.485 ha. Nhưng do sự chỉ đạo chưa được chặt chẽ, tổ chức thực hiện chưa tốt nên kết quả đạt được còn thấp, trồng mới được 194 ha rừng đầu nguồn.

Như vậy, từ năm 1982 - 1985, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đóng góp 933.000 ngày công cho xây dựng các công trình chiến đấu, bình quân mỗi lao động đóng góp 62 ngày công cho nhiệm vụ quốc phòng.

Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo công tác bảo đảm hậu cần chăm lo đời sống chiến sỹ bằng việc chỉ đạo chuẩn bị chu đáo và trước một bước, có lương thực dự trữ từ một đến ba tháng, các mặt hàng thiết yếu như muối, dầu hỏa, pin đèn... đều phải có dự trữ để phục vụ cho chiến đấu. Các kho hàng dự trữ để phục vụ chiến đấu bố trí ở những địa điểm thích hợp, bảo đảm bí mật, thuận tiện vận chuyển trong lúc có chiến sự ác liệt. Do điều kiện lương thực chủ yếu của huyện Đồng Văn là ngô, do đó huyện xây dựng kế hoạch với tỉnh để vận chuyển lương thực và các mặt hàng thiết yếu cung cấp cho lực lượng vũ trang. Từ năm 1982 - 1986, đã vận chuyển 4.000 tấn lương thực và 3.000 tấn thực phẩm cung cấp cho bộ đội. Đảng bộ huyện chỉ đạo việc vận động nhân dân ủng hộ bộ đội hàng trăm tấn rau quả, 147 tấn củi đốt. Việc đảm bảo hậu cần tại chỗ và chăm lo đời sống của các chiến sỹ đã được Đảng bộ xác định đúng đắn, có sự chỉ đạo cụ thể. Với điều kiện và đặc điểm của huyện vùng cao núi đá, đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, việc đảm bảo hậu cần tại chỗ và chăm lo đời sống cho chiến sỹ là một cố gắng lớn của huyện Đồng Văn.

Cùng với sự ưu tiên chi viện của tỉnh và Trung ương cho huyện vùng cao biên giới, Đồng Văn còn nhận được sự chi viện của các huyện tuyến sau, đặc biệt là huyện Sơn Dương kết nghĩa. Năm 1984, huyện Sơn Dương đã chi viện 2 đợt, với 200 người (tương đương 1 đại đội)[1] lên trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu, đồng thời tự túc hoàn toàn về hậu cần và phương tiện là đóng góp lớn của huyện tuyến sau cho huyện biên giới Đồng Văn. Tiếp đó, giữa năm 1984, bệnh viện huyện Sơn Dương điều động đội phẫu thuật cùng trang thiết bị y tế lên chi viện cho huyện Đồng Văn[2].

Thời kỳ 1982 - 1985, công tác quốc phòng, an ninh được Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo toàn diện, tích cực xây dựng phòng tuyến biên giới vững chắc, sẵn sàng phục vụ chiến đấu và chiến đấu cao, giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Nhiệm vụ củng cố các xã biên giới và các xã xung yếu được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo tiến hành đã nhiều năm, đến năm 1982, sự chuyển biến của các xã còn chậm và trì trệ, có cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng rơi vào tình trạng yếu kém kéo dài. Thực hiện các Chỉ thị 92, 83, 24, 33 của Trung ương phải làm cho nội bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng, cấp ủy huyện khóa XII của Đảng bộ đã ra các Nghị quyết số 05 và số 07 tập trung sức để xây dựng các cơ sở Đảng yếu kém vươn lên khá trở thành các cơ sở trong sạch vững mạnh. Huyện ủy đưa một lực lượng cán bộ có năng lực và phẩm chất ở cơ quan huyện xuống giúp cơ sở củng cố, kiện toàn tổ chức; chỉ định bổ sung và thay thế 22 đồng chí cấp ủy cơ sở, trong đó có 10 đồng chí giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư, có cơ sở đưa cán bộ tăng cường xuống trực tiếp làm Bí thư. Đồng thời, Huyện ủy phân công số cán bộ được Trung ương và tỉnh tăng cường năm 1982 là 59 đồng chí, năm 1984 thêm 23 đồng chí xuống cơ sở xã để tập trung củng cố các xã biên giới, phát động phong trào cách mạng của quần chúng và xây dựng nòng cốt cho phong trào. Các cơ sở Đảng được củng cố, kiện toàn đã vươn lên rõ rệt. Năm 1983, toàn Đảng bộ có 29 cơ sở Đảng, trong đó khu vực nông thôn có 15 cơ sở Đảng, được phân loại đạt trong sạch 8 cơ sở Đảng, trong đó khu vực nông thôn có 4 cơ sở Đảng. Đến năm 1985, toàn Đảng bộ có 35 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó khu vực nông thôn có 19 cơ sở Đảng, qua phân loại có 19 cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, trong đó khu vực nông thôn có 10 cơ sở Đảng. Cơ sở Đảng được củng cố trong sạch vững mạnh đã lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng phát triển vững chắc.

Đến năm 1982, đội ngũ đảng viên đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng qua

---

[1]. Theo Quyết định số 353/UB-QĐ ngày 27/4/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên về việc huy động lực lượng dân quân các huyện, thị xã tuyến 2 lên tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các huyện biên giới".

[2]. Theo Quyết số 70/YT ngày 28/6/1984 của Sở Y tế tỉnh Hà Tuyên về định điều động đội phẫu thuật đi chi viện tuyến trước.

thử thách chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Tuy nhiên, trình độ lý luận chính trị, trình độ văn hóa của đảng viên nông thôn còn thấp, mới ở trình độ cấp I, còn khoảng 30% đảng viên chưa biết chữ. Đảng bộ triển khai thực hiện Chỉ thị 79, 80 của Trung ương rà soát đội ngũ đảng viên và tăng cường kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng. Việc phân công đảng viên đảm nhiệm các công tác cụ thể được tiến hành từ tổ Đảng, chi bộ. Đảng viên đã vươn lên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Quá trình thực hiện làm trong sạch Đảng từ 1983 - 1985, đã kiên quyết đưa ra khỏi Đảng 26 đảng viên thoái hóa, biến chất.

Công tác phát triển đảng viên mới được Đảng bộ coi là nhiệm vụ cấp bách, việc bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới tiến hành có trọng tâm và theo quy hoạch, tập trung vào lực lượng vũ trang, cán bộ chủ chốt xã chưa phải là đảng viên, các thôn, bản hẻo lánh và dân tộc ít người, các cơ sở Đảng có ít đảng viên. Từ năm 1983 - 1985, đã kết nạp 192 đảng viên mới. Song chưa đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo, còn 46 người là cán bộ chủ chốt xã chưa phải là đảng viên.

Về công tác tổ chức cán bộ, sau Đại hội Đảng bộ lần thứ XII (1982), do yêu cầu nhiệm vụ có 6 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành và 4 đồng chí ủy viên Ban Thường vụ được chuyển công tác và nghỉ hưu. Ngày 13/02/1984, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn có Tờ trình số 01-TTr/HU gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt, chuẩn y bổ sung cấp ủy huyện. Thời điểm đó, đồng chí Thiều Khắc Được đang làm Quyền Bí thư Huyện ủy[1]. Sau đó, Tỉnh ủy Hà Tuyên đã ra quyết định chỉ định bổ sung 5 đồng chí vào Ban Chấp hành, đồng chí Lệnh Hậu Thi được chỉ định giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

Từ năm 1978 - 1985, huyện tiếp nhận ba đợt cán bộ tăng cường của Trung ương và của tỉnh có 87 đồng chí cùng số cán bộ của huyện tăng cường cho cơ sở xã để củng cố, kiện toàn tổ chức, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, cùng cơ sở hoàn thành các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các tổ cán bộ tăng cường đã phát huy được tác dụng tốt. Đến năm 1985, các Bí thư chi bộ, Chủ tịch xã đều là người tại xã đó, chỉ còn 2 đồng chí Bí thư chi bộ là người các xã kế cận. Bí thư, Chủ tịch các xã có phẩm chất, năng lực, thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương, có khả năng giải quyết những công việc xảy ra ở địa bàn mình đảm nhiệm. Những cuộc vận động lớn và những đợt triển khai Nghị quyết, chủ trương, chính sách lớn của Đảng có 80% số xã cán bộ tự triển khai được, còn lại 20% số xã chưa tự triển khai được phải có cán bộ ở trên xuống giúp. Cuối năm 1985, đội ngũ cán bộ tăng cường rút về huyện bổ sung cho các phòng ban thay thế một số

[1]. Đồng chí Thiều Khắc Được làm Quyền Bí thư Huyện ủy từ đầu năm 1984 đến giữa năm 1984.

cán bộ là người địa phương đi đào tạo, bồi dưỡng tại các trường của Trung ương và tỉnh.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học là giáo viên giảm so với 1982, y sỹ, bác sỹ cũng không tăng, số cán bộ chuyên môn nghiệp vụ công tác ở các ngành Ngân hàng, Tài chính, Thương nghiệp, Lương thực cũng không tăng. Cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ đại học làm công tác nông nghiệp có 5 đồng chí, so với yêu cầu phát triển cây trồng và vật nuôi trên địa bàn huyện thì cán bộ có trình độ đại học chuyên sâu từng cây, con còn thiếu.

Trải qua 10 năm (1975 - 1985) sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước ta còn phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh biên giới rất phức tạp. Đồng Văn là huyện vùng cao địa đầu cực Bắc của Tổ quốc. Đảng bộ huyện đã quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, kịp thời chuyển nhiệm vụ, tranh thủ thời gian hòa bình để xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững vàng, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, vừa sản xuất phát triển kinh tế, văn hóa, ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Đảng bộ huyện Đồng Văn có bước trưởng thành, bản lĩnh chính trị vững vàng trong chiến đấu cũng như trong xây dựng, thực hiện nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng đúng đắn và sáng tạo, được nhân dân các dân tộc tin yêu. Đó là truyền thống và cũng là tiền đề tốt đẹp để Đảng bộ huyện Đồng Văn tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc đi theo con đường cách mạng của Đảng, xây dựng Đồng Văn phát triển về mọi mặt.

Chương VI
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG HUYỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH TRONG THỜI KỲ ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 2005)

I. ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC HUYỆN ĐỒNG VĂN TRONG 10 NĂM ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1995)

Trong những năm 1986 - 1988, người dân Đồng Văn sống trong tâm trạng đặc biệt do tác động của chiến tranh, thời tiết và tình hình kinh tế - xã hội. Chiến tranh đã có phần dịu đi, nhưng tình hình biên giới diễn biến phức tạp, địch tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, mua chuộc, móc nối vào nội bộ ta, đồng thời tiếp tục pháo kích, tập kích vào các điểm trọng yếu thuộc các xã biên giới; về sản xuất, hạn hán kéo dài ảnh hưởng tới thời vụ gieo trồng các loại cây trồng, tình hình thiếu lương thực diễn ra gay gắt. Khủng hoảng kinh tế đất nước tác động trực tiếp đến Đồng Văn, giá cả hàng hóa thị trường tăng vọt, tiền lương của cán bộ và lực lượng vũ trang không tăng, nhu cầu hàng hóa thiết yếu của nhân dân các dân tộc không đảm bảo. Tình hình trên đã gây ra tâm trạng hoài nghi, dao động, giảm sút ý chí chiến đấu của một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang.

Một bộ phận đông đảo hơn chiếm đại đa số cán bộ, đảng viên, nhân dân và các lực lượng vũ trang có tâm trạng chờ đợi thành công của Đại hội Đảng bộ các cấp. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp từ ngày 15 - 18/12/1986 tại Thủ đô Hà Nội đã nghiêm túc tự phê bình những sai lầm, khuyết điểm về lãnh đạo kinh tế - xã hội trong thời kỳ 1975 - 1985, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Đại hội VI của Đảng đã cụ thể hóa quan điểm mới về cơ cấu kinh tế, về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên, từ đó đề ra chủ trương tập trung cho "ba chương trình kinh tế lớn". Đại hội có quan điểm mới về cải tạo xã hội chủ nghĩa, coi cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, phải trải qua thời gian lâu dài và liên tục với những bước đi và những hình thức thích hợp, và nhận rõ ngay khi quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế vẫn tồn tại những thành phần kinh tế khác như kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa, kinh tế tư bản tư nhân ở mức độ nhất định. Đại hội thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và của thị trường, nhưng còn phân chia thị trường có tổ chức và thị trường tự do. Cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã bị phê phán triệt để và khẳng định chuyển hẳn

sang hạch toán kinh doanh. Đại hội VI của Đảng chủ trương phát triển những hình thức kinh tế phù hợp với trình độ tổ chức sản xuất; về phân phối thì coi trọng việc kết hợp với 3 lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội. Đại hội VI của Đảng đã nêu nhận thức mới về vấn đề xã hội, coi đây không chỉ là chính sách giúp đỡ, bao cấp, trợ cấp mà chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố con người.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ IV họp từ ngày 07 - l2/10/1986 tại thị xã Tuyên Quang đã biểu dương những thành tích, tiến bộ mà nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang đã giành được trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng đã xứng đáng được Đảng và Nhà nước tuyên dương Anh hùng(1). Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên lần thứ IV đã nghiêm khắc tự phê bình, đồng thời xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1986 - 1990 trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng.

Đại bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân, chiến sỹ các lực lượng vũ trang theo dõi, đón nhận kết quả Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tuyên, cảm thông, chia sẻ với Đảng về những khó khăn chưa thể vượt qua, phấn khởi, tự hào về những thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà quân dân trong tỉnh đã đạt được, tin tưởng vào đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, quyết tâm đi theo con đường cách mạng của Đảng.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XIII họp từ ngày 13 - 16/9/1986 tại xã Lũng Phìn(2) đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện gồm 35 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất (ngày 16/9/1986), Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Lệnh Hậu Thi được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phan Đức Tuế và đồng chí Hầu Chú Chơ được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Được sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đại hội đã quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng tình hình, phân tích sâu sắc những nguyên nhân chủ quan của những ưu điểm, khuyết điểm trong sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, xây dựng Đảng, củng cố quốc phòng, an ninh. Đại hội chỉ ra nguyên nhân yếu kém trên lĩnh vực kinh tế - xã hội là do điều kiện tự nhiên, là huyện vùng cao núi đá có nhiều khó khăn lại bị thiên tai, chiến tranh biên giới xảy ra liên tiếp. Bên cạnh nguyên nhân khách quan còn có nguyên nhân chủ quan như tư duy kinh

(1). Năm 1985, tỉnh Hà Tuyên được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
(2). Cuối năm 1984, đầu năm 1985, huyện đã quyết định chuyển toàn bộ khối cơ quan huyện từ Sính Lủng về xã Lũng Phìn.

tế, chậm đổi mới; chưa tận dụng khai thác mọi tiềm năng, lao động, đất đai ở địa phương; chưa mạnh dạn tiếp thu cái mới và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực phát triển sản xuất; chưa chú ý đến việc chỉ đạo điểm và làm thử để rút kinh nghiệm; việc quản lý tư liệu sản xuất ở các hợp tác xã còn buông lỏng, hiện tượng tranh chấp đất đai và khoán sản phẩm cho người lao động thiếu công bằng, không hợp lý, không đúng với tinh thần Chỉ thị 100 của Trung ương.

Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XIII quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, kiểm điểm, phân tích, đánh giá tình hình đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu nhằm thực hiện đổi mới trên tất cả các lĩnh vực.

Đảng bộ huyện lãnh đạo thực hiện đổi mới trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh cả về xây dựng lực lượng vũ trang và củng cố thế trận chiến tranh nhân dân.

Từ năm 1985 - 1988, lực lượng phản động phía bên kia biên giới vừa liên tục pháo kích, vừa dùng chiến thuật phân đội nhỏ xâm nhập, tập kích, phục kích các đơn vị và nhân dân ta ở khu vực biên giới. Các phân đội nhỏ cỡ từ một tiểu đội đến một trung đội tăng cường có trang bị gọn nhẹ và hiện đại, cơ động nhanh, ngụy trang kín đáo, có hỏa lực mạnh đặt ở sát đường biên chi viện. Lợi dụng đêm tối, sương mù, bí mật luồn sâu vào khu vực biên giới của ta điều tra nắm tình hình, tin tức, tình báo, bố phòng và quy luật hoạt động của ta. Chờ thời cơ có lợi, bí mật bất ngờ tập kích, phục kích bắt cóc. Mục tiêu chủ yếu là tập kích các phân đội nhỏ của bộ đội địa phương, các đài quan sát, các tổ đội công tác biên phòng đứng chân hoạt động ở các xóm gần biên giới, các đồn biên phòng. Trên địa bàn huyện Đồng Văn, khu vực xâm nhập chủ yếu ở các xã Sủng Là, Phố Là, Sà Phìn, Lũng Cú. Phương thức này của chúng không có gì là mới, đã liên tiếp bị thất bại trong những năm trước, nhưng chúng vẫn tiếp tục reo rắc tội ác lên khu vực biên giới của ta.

Trước tình hình đó, thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 25/02/1987 của Tỉnh ủy Hà Tuyên về công tác quốc phòng - an ninh, Huyện ủy Đồng Văn đã chủ động lãnh đạo việc xây dựng và củng cố lực lượng dân quân của các xã biên giới, đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Sau một thời gian triển khai, tại các địa phương trong huyện đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong đó, xã Lũng Cú đã xây dựng được lực lượng dân quân với biên chế 98 cán bộ chiến sĩ, được trang bị 68 khẩu súng các loại, trong đó lực lượng cơ động có 32 chiến sĩ, 36 chiến sĩ phục vụ tại chỗ, 30 chiến sĩ phục vụ chiến đấu; xã Ma Lé có 118 dân quân, chiếm 5,74% dân số toàn xã, được trang bị 72 khẩu súng các loại, trong đó lực lượng dân quân cơ động gồm 49 đồng chí, lực lượng phục vụ tại chỗ gồm 43 chiến sĩ, 26 đồng chí làm nhiệm vụ phục vụ tại chỗ; lực lượng dân quân xã Lũng Táo với 177 cán bộ, chiến sĩ,

được trang bị 51 khẩu súng, chiếm 10% tỷ lệ dân số, trong đó lực lượng cơ động có 71 chiến sĩ, lực lượng tại chỗ gồm 56 chiến sĩ, phục vụ chiến đấu gồm 50 đồng chí; xã Đồng Văn có 340 cán bộ, chiến sĩ dân quân, được trang bị 80 khẩu súng các loại, chiếm 11,3% dân số toàn xã, trong đó lực lượng cơ động gồm 137 đồng chí, lực lượng tại chỗ có 99 đồng chí, lực lượng phục vụ chiến đấu gồm 104 đồng chí; xã Phố Cáo có 421 dân quân, chiếm 14,6% dân số toàn xã, được trang bị 94 khẩu súng, trong đó có 168 đồng chí thuộc lực lượng cơ động, 159 đồng chí chiến đấu tại chỗ, 94 đồng chí phục vụ chiến đấu; xã Sủng Là có 203 cán bộ, chiến sĩ, chiếm tỷ lệ 8,3% dân số toàn xã, được trang bị 68 khẩu súng, trong đó lực lượng cơ động gồm 38 đồng chí, lực lượng tại chỗ 27 đồng chí; xã Sà Phìn có 196 cán bộ, chiến sĩ, chiếm tỷ lệ 10,9% dân số, được trang bị 51 khẩu súng các loại, trong đó lực lượng cơ động gồm 105 chiến sĩ, lực lượng chiến đấu tại chỗ gồm 32 đồng chí… [(1)].

Trong giai đoạn này, huyện tiếp tục duy trì 11 trung đội dân quân tại các xã biên giới và các xã kề cận, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu khi có lệnh, thường trực chiến đấu tại các điểm cao, vị trí trọng yếu. Các đơn vị dân quân tập trung đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát hiện địch kịp thời, tổ chức chiến đấu đạt hiệu quả, góp phần giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Đến năm 1987, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo giải thể các trung đội dân quân tập trung, đưa chiến sỹ dân quân trở lại làm nòng cốt cho các đơn vị dân quân. Đồng thời, lực lượng dân quân ở các xã cũng được tiến hành sắp xếp lại, có lực lượng dân quân cơ động, có lực lượng chiến đấu tại chỗ, coi trọng chất lượng là chính, giảm số lượng từ 12% so với dân số xuống còn 8%. Việc giải thể các đơn vị dân quân tập trung, củng cố lực lượng theo hướng coi trọng chất lượng của Đảng bộ huyện là phù hợp với tình hình và nhiệm vụ lúc bấy giờ, giảm nhẹ việc chi ngân sách, tăng lực lượng lao động, hoàn thành được nhiệm vụ bảo vệ địa phương.

Cùng với nhiệm vụ xây dựng lực lượng dân quân, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, nhiệm vụ ổn định dân cư, xây dựng làng xã chiến đấu theo tinh thần Nghị quyết số 06 của Tỉnh ủy tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Huyện ủy Đồng Văn đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, các phòng, ban của huyện làm tốt nhiệm vụ quy hoạch, ổn định dân cư 8 xã biên giới hình thành 115 chòm xóm đảm bảo kết hợp tốt giữa kinh tế và an ninh quốc phòng, ở mỗi xóm không để nhân dân sống quá thưa và không dưới 10 hộ, có trưởng xóm được nhân dân bầu chọn quản lý về kinh tế, trật tự trị an, dân

[(1)]. Theo báo cáo của Huyện ủy năm 1987 không liệt kê về xây dựng lực lượng dân quân xã Phố Là. Tuy nhiên, trên thực tế, nhân dân, dân quân xã Phố Là đã có nhiều đóng góp trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc, như: tham gia tuần tra, canh gác các chốt, điểm quan trọng, đào hào, phục vụ chiến đấu và tham gia cùng với lực lượng bộ đội, vũ trang trực tiếp chiến đấu chặn quân địch qua đường Phố Là vào Phố Bảng tại điểm Mao Sao Tủng. Theo tư liệu do đồng chí Lưu Sần Vạn cung cấp.

quân, an ninh, có tổ hoặc tiểu đội dân quân chiến đấu tại chỗ để tự bảo vệ. Đến năm 1988, đã xắp xếp ổn định dân cư ở các xóm tổng số 2.856 hộ, 16.448 nhân khẩu trong đó 7.521 lao động. Đồng thời huyện chỉ đạo định canh định cư ở 8 xã với 17.916 nhân khẩu. Ổn định dân cư kết hợp kinh tế với quốc phòng là một chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy với cách thực hiện sáng tạo của huyện đã tạo cho dân cư vùng biên giới yên tâm sản xuất, góp phần giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Ngày 31/8/1987, Bộ Tư lệnh Biên phòng ra Quyết định số 415/QĐ-BP thành lập Ban Chỉ huy biên phòng 6 huyện và 18 đồn biên phòng, đảm bảo mỗi xã biên giới đều có đồn biên phòng. Theo đó, huyện Đồng Văn có 6 đồn mới được thành lập: Đồng Văn, Lũng Táo, Ma Lé, Sà Phìn, Sủng Là, Phố Cáo[1] và 2 đồn được thành lập từ trước đó là Lũng Cú và Phó Bảng. Năm 1990, Bộ Tư lệnh Biên phòng quyết định giải thể 6 Ban Chỉ huy biên phòng cấp huyện và 14 đồn biên phòng mới thành lập năm 1987. Theo đó, huyện Đồng Văn còn lại 3 đồn: Đồng Văn, Lũng Cú, Phó Bảng.

Để đảm bảo công tác quản lý địa bàn được thuận lợi, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, ngày 21/11/1987, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn ban hành Quyết định số 78/QĐ/UB giao 4 hợp tác xã gồm: Phố Trồ, Phiến Ngài, Tả Kha và Hợp tác xã Phó Bảng từ xã Sủng Là giao cho xã Phố Là quản lý. Kể từ đây, 4 hợp tác xã chịu sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy, chính quyền xã Phố Là[2].

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 4/01/1988 của Tỉnh ủy Hà Tuyên về nhiệm vụ xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, bảo vệ Tổ quốc, ngày 28/4/1988, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện ra Nghị quyết số 07-NQ/HU về nhiệm vụ xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc và Nghị quyết số 08-NQ/HU về nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường giữ gìn an ninh trật tự ở địa bàn nhằm tiếp tục lãnh đạo củng cố quốc phòng, an ninh theo quan điểm mới của Đảng. Kết quả phòng tuyến quốc phòng - an ninh trên biên giới được xây dựng, củng cố vững chắc và phát huy tác dụng, các trận địch tập kích, pháo kích, xâm nhập phá hoại vào các xã Lũng Cú, Đồng Văn, Phố Là, Sủng Là, Lũng Táo, quân và dân địa phương đã dũng cảm chiến đấu đánh thắng địch; các tổ chức gián điệp do địch cài cắm vào địa bàn đều bị quân và dân ta quét bắt, giữ trọn vẹn vùng biên cương của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống ổn định và phát triển sản xuất của nhân dân các dân tộc. Điển hình là ngày 27/9/1988, lực lượng Công an huyện Đồng Văn cùng nhân dân bắt gọn toán gián điệp do địch cài cắm vào xã Phố Cáo. Qua đấu tranh, các đối tượng

---

[1]. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng tỉnh Hà Giang (1959 - 2019)*, Sđd, tr. 234.
[2]. *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, Sđd, tr. 99.

Vừ Sè Chá[1], Giàng Mí Dình, Chảo Mìn Sửu (đều trú tại xã Phố Cáo) đã khai nhận do hám lợi bán các tài liệu của Đảng và Nhà nước Việt Nam và trực tiếp cung cấp nhiều tài liệu liên quan đến tình hình kinh tế, quân sự của ta cho địch. Với đầy đủ chứng cứ, ngày 10/10/1989, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tuyên ra Quyết định truy tố 3 bị can nói trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tuyên về tội làm gián điệp[2].

Về quan hệ sản xuất, do đặc điểm của nền sản xuất địa phương của huyện vùng cao còn ở trong tình trạng sản xuất tự cung, tự cấp, sản xuất nhỏ phân tán. Quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập nhưng chưa được củng cố. Lực lượng sản xuất chủ yếu thủ công, giản đơn. Thực hiện Chỉ thị 100 của Trung ương, huyện đã thực hiện khoán gọn đến hộ nhưng tình trạng chiếm hữu ruộng đất không qua Nhà nước điều hòa còn xảy ra và tồn tại ở một số xã, hợp tác xã.

Nhằm khắc phục những hạn chế trong thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW và triệt để giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, bảo đảm lợi ích của người lao động, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 10-NQ/TW (thường gọi là Khoán 10) về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết đề ra một cơ chế khoán mới thay thế cơ chế khoán theo Chỉ thị 100, xác định Hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với Hợp tác xã (khoán hộ). Nghị quyết đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống, hợp với lòng dân. Đánh dấu một bước tiến quan trọng về đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa.

Ngày 23/5/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TU về một số nội dung trước mắt triển kai tổ chức thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp.

Quán triệt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 27 của Tỉnh ủy Hà Tuyên, ngày 12/9/1988[3], Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện do đồng chí Ly Mí Pó - Phó Bí thư Huyện ủy chủ trì đã ra Nghị quyết số 10/NQ/HU về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp trên địa bàn huyện, quyết định một số công việc cấp bách trong công tác quản lý nông nghiệp, đó là:

- Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, hoàn thành công tác khoán gọn, công tác giao đất, giao rừng có chủ, phát huy các thành phần kinh tế trong nông nghiệp bằng các biện pháp: Tiến hành thống kê, đo đạc, phân loại đất đai, rà soát những cơ sở xã, hợp tác xã, hộ nông dân tự chiếm ruộng đất, không thông qua Nhà

---

[1]. Vừ Sè Chá là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phố Cáo.

[2]. *Lịch sử Công an nhân dân Hà Giang (1945 - 2000)*, xuất bản năm 2000, tr. 264 - 265.

[3]. Dẫn theo Nghị quyết số 10/NQ/HU ngày 12/9/1988 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn. Ban lưu tại Văn phòng Huyện ủy Đồng Văn.

nước điều hành, đã gây nên tình trạng mâu thuẫn căng thẳng trong các hộ gia đình, tiến hành điều chỉnh đảm bảo công bằng ruộng đất và ổn định lâu dài.

- Chấn chỉnh và đổi mới về công tác tổ chức và quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

- Chấn chỉnh và đổi mới về tổ chức quy mô. Những hợp tác xã có điều kiện duy trì thì tiếp tục nâng cao về trình độ quản lý, về chất lượng quản lý, hiệu quả kinh tế trong kinh doanh, sản xuất, thực hiện yếu khâu nào bồi dưỡng khâu ấy. Những hợp tác xã quy mô quá lớn, trình độ quản lý thấp, tình trạng sản xuất trì trệ thì cương quyết tách nhỏ để điều hành khoán gọn đến hộ gia đình. Những nơi chưa hoàn thành hợp tác xã thì tiến hành quản lý theo chòm xóm.

- Tổ chức bộ máy quản lý gọn, có hiệu lực gồm chủ nhiệm và các đội trưởng hoặc trưởng xóm điều hành quản lý.

- Kết hợp chặt chẽ giữa chuyên môn hóa sản xuất lương thực, các loại đậu với việc kinh doanh tổng hợp các thế mạnh của huyện trong mỗi xã, hợp tác xã và mỗi gia đình. Phát triển cây lương thực đi đôi với việc phát triển cây ăn quả, cây dược liệu quý, chăn nuôi... Phát triển các ngành nghề thủ công như rèn, đúc dao, cuốc, lưỡi cày, làm ngói máng...

Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng mô hình kinh tế hộ gia đình nông dân và mô hình kinh tế hợp tác xã.

Mô hình kinh tế gia đình hộ nông dân của huyện Đồng Văn: 10 cây ăn quả (lê, mận), cây dược liệu tam thất 400 mầm, đương, tam quy 400 mầm, đỗ trọng 100 cây, chăn nuôi 3 đõ ong mật, 5 con dê, 1,5 con bò, 2 con lợn, 10 con gia cầm, 30 cây sa mộc.

Mô hình kinh tế hợp tác xã là ngô, đậu, cây ăn quả, cây dược liệu, cây lấy gỗ sa mộc, chăn nuôi, nghề thủ công mỗi hợp tác xã một lò ngói, một lò rèn hoặc đúc...

Khuyến khích mọi tập thể, cá nhân sản xuất cây giống, có chính sách ưu đãi những cá nhân, tập thể lai tạo, nhân giống cây ăn quả, cây dược liệu quý để phục vụ mô hình phát triển kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp được nông dân hưởng ứng, hình thức tổ chức và quản lý hợp lý và phát huy được sức sản xuất, phát huy được truyền thống canh tác lâu đời của nhân dân các dân tộc, khắc phục các hiện tượng tranh chấp đất đai, xâm canh thiếu công bằng trong sử dụng ruộng đất.

Song song với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ huyện Đồng Văn tập trung lãnh đạo thực hiện ba chương trình kinh tế lớn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra và được cụ thể bằng Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần 2.

Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo thực hiện chương trình sản xuất lương thực và thực phẩm nhằm giải quyết cho được nhu cầu cân đối trên địa bàn huyện. Thực hiện từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, thực hiện khoán gọn đến người sản xuất đã thực sự giải phóng sức sản xuất và khai thác triệt để được các thế mạnh, tiềm năng của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi để Đảng bộ lãnh đạo giải quyết hai vấn đề chính là tận dụng đất đai sản xuất nông nghiệp và khắc phục tình trạng thiếu lương thực. Ngô là cây lương thực chính của huyện Đồng Văn, Đảng bộ đã chỉ đạo đưa giống ngô mới TSB2 ngắn ngày vào gieo trồng trên diện rộng nhằm tận dụng diện tích đất sản xuất nông nghiệp gieo trồng vụ hai; Năm 1986 - 1987, vụ một gieo trồng 200 ha, năng suất trung bình đạt từ 8 đến 12 tạ/ha, vụ hai gieo trồng 30 ha, năng suất trung bình đạt từ 3 đến 5 tạ/ha; Năm 1987 - 1988, vụ một gieo trồng 145 ha, năng suất trung bình đạt 8,5 tạ/ha; vụ hai gieo trồng 20 ha, năng suất đạt thấp, nhiều diện tích không cho thu hoạch. Nguyên nhân vụ hai năng suất ngô TSB2 không cao vì các yếu tố đảm bảo cho cây ngô phát triển bình thường như ánh nắng, nhiệt độ, độ ẩm không đủ. Thực tế cho thấy các giống ngô TSB2 có khả năng thực hiện gieo trồng hai vụ trên địa bàn một số xã của huyện. Đồng thời Đảng bộ huyện chỉ đạo phục tráng giống ngô địa phương để tái tạo lại những ưu điểm tốt, năng suất cao. Kết quả trồng thử nghiệm giống ngô địa phương phục tráng đạt năng suất trung bình 1,8 đến 2 tấn/ha, cao hơn giống ngô không phục tráng từ 4 đến 6 tạ/ha. Đảng bộ huyện chỉ đạo gieo trồng 1.500 đến 2.000 ha ngô tăng sản, năng suất bình quân đạt từ 13 đến 14 tạ/ha. Tuy nhiên, tổng diện tích gieo trồng ngô không đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ huyện đề ra, nguyên nhân là do không thực hiện được quay vòng hai vụ bằng giống ngô TSB2, không thực hiện được việc khai hoang mở rộng diện tích từ 400 ha đến 500 ha, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tổng sản lượng lương thực của huyện.

Cây lúa nước hằng năm cấy được trên diện tích 348 ha, đạt năng suất 24 tạ/ha, hụt so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra, do không thực hiện được việc chuyển 70 ha nương sang ruộng cấy lúa nước ở xã Phố Cáo và 20 ha ruộng khai hoang ở xã Đồng Văn chưa cấy lúa được. Các cây lương thực như mì, tam giác mạch, cao lương phát triển cao hơn những năm trước vì tận dụng diện tích thôi trồng cây đặc sản anh túc, riêng tam giác mạch hằng năm trồng 800 ha đến 1.200 ha, năng suất đạt 5 tạ/ha, bổ sung đáng kể vào tổng sản lượng lương thực.

Quá trình lãnh đạo, thực hiện chương trình lương thực, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo trồng giống ngô mới, nhân chọn phục tráng giống ngô tốt của địa phương, đầu tư phân bón, xen canh, gối vụ, gieo trồng các cây họ đậu để cải tạo đất, xây dựng

củng cố hệ thống nương, ruộng bậc thang giữ màu. Nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đã giúp địa phương khắc phục tình trạng thiếu lương thực, bình quân mức ăn của nhân dân trong 3 năm 1896, 1987, 1988 đạt từ 231 kg/năm đến 239 kg/năm, mức ăn tương đối ổn định.

Chương trình thực phẩm của huyện đã trồng các loại rau, đậu và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Các cây rau đậu hàng năm được gieo trồng trên diện tích từ 1.356 ha đến 1.600 ha, năng suất các loại đậu đạt 5 tạ/ha. So với năm 1985 trở về trước, cây rau đậu có chiều hướng phát triển tuy nhiên chưa tương xứng với tiềm năng về đất đai, kinh nghiệm sản xuất của nhân dân và hụt so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra. Nguyên nhân là do chưa chú trọng chỉ đạo phát triển và chưa có chính sách đầu tư thỏa đáng nên chưa tạo thành sản xuất hàng hóa trao đổi với bên ngoài. Về chăn nuôi, Đảng bộ chủ trương vận động phát triển chăn nuôi hộ gia đình để phát huy thế mạnh lao động vừa có tác dụng cải tạo đất. Tốc độ phát triển chăn nuôi đến năm 1988 đạt bình quân theo hộ gia đình: đàn lợn 1,5 con/hộ; đàn ngựa 2 đến 3 hộ/con; trâu bò 1,4 con/hộ, gia cầm 15 đến 20 con/hộ; tổng đàn dê 8.000 con, 1.000 tổ ong. Tuy nhiên, chăn nuôi phát triển chậm do thiếu chính sách rõ ràng về sản xuất con giống chưa giải quyết được thức ăn cho gia súc. Chăn nuôi chưa thành sản phẩm hàng hóa.

Về chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, Đảng bộ huyện chủ trương phát triển ngành nghề truyền thống ở địa phương như rèn, đúc để sản xuất nông cụ phù hợp với điều kiện lao động của nhân dân vùng cao núi đá; phát triển các ngành nghề cổ truyền như đan lát bằng tre, nứa; phát triển sản xuất ngói địa phương để tự giải quyết một phần chất lợp. Qua 3 năm, một số ngành nghề truyền thống khá phát triển như nghề làm ngói đã có 30 lò, nghề rèn có 23 lò, nghề đúc lưỡi cày có 11 lò. Điển hình cho phong trào phát triển ngành nghề thủ công là các xã Tả Phìn, Tả Lủng, Sính Lủng. Tổ sản xuất đồ mộc của huyện được thành lập đi vào hoạt động đạt kết quả tốt. Sản xuất hàng tiêu dùng phát triển đã cơ bản đáp ứng nhu cầu về nông cụ cho nhân dân các dân tộc. Tuy nhiên, tiểu thủ công nghiệp của huyện phát triển chậm do chưa có chính sách khuyến khích, chưa đầu tư vốn và việc cung cấp một số nguyên liệu, nhiên liệu không kịp thời. Cán bộ chỉ đạo chưa đủ năng lực tổ chức thực hiện phát triển ngành nghề truyền thống địa phương, cần phải được đào tạo, bồi dưỡng.

Chương trình hàng xuất khẩu: Huyện Đồng Văn được thiên nhiên ưu đãi, có điều kiện đất đai, khí hậu phù hợp trồng cây anh túc, là loại cây có giá trị kinh tế rất cao. Nhân dân các dân tộc Đồng Văn cách đây mấy chục năm đã có tập quán trồng cây nhựa anh túc nhưng dưới chế độ cũ, với chính sách ngu dân của thực dân phong

kiến, sản phẩm của cây đã gây ra bao tệ nạn xã hội như trộm cắp, buôn lậu, nghiện hút... làm suy thoái giống nòi. Vì thế, một thời gian Nhà nước đã vận động nhân dân bỏ không trồng. Đến năm 1981, nhận thấy trình độ giác ngộ của nhân dân các dân tộc đã được nâng cao, Nhà nước cần phải có kế hoạch phát triển lại để có sản phẩm làm thuốc chữa bệnh. Vì thế tỉnh giao kế hoạch cho huyện và yêu cầu phải tuyên truyền, quán triệt cho nhân dân thi hành đúng những quy định của tỉnh trong việc quản lý trồng, thu hoạch và bán sản phẩm cho Nhà nước. Tuy nhiên, trồng cây anh túc cũng gây ra tác hại rất lớn, tình hình buôn lậu tăng, đặc biệt là số người nghiện thuốc phiện tăng lên nhanh và nhiều, phần lớn là đối tượng thanh niên, năm 1982 có khoảng 100 người nghiện, đến năm 1986 đã tăng lên 1.424 người. Cuối tháng 8/1987, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn triệu tập kỳ họp bất thường để quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương và của Tỉnh ủy Hà Tuyên về việc thôi trồng cây lấy nhựa anh túc từ vụ đông xuân 1987, đồng thời bàn biện pháp trồng loại cây dược liệu khác như huyền sâm, xuyên khung, tăng thêm điểm trồng cây su hào lấy hạt giống. Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương của Đảng, sau vụ đông - xuân 1987, thôi trồng cây nhựa anh túc, chuyển trồng các loại cây đặc sản khác thay thế. Đảng bộ huyện chỉ đạo phát triển trồng cây su hào lấy hạt giống, hàng năm cho thu hoạch trên 5 tấn hạt giống và một số cây có giá trị kinh tế như tam thất, đỗ trọng, đương quy và nuôi ong lấy mật, tuy nhiên, chưa thành quy hoạch lớn và chưa thành hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong những năm 1986, 1988 được Đảng bộ quan tâm củng cố về mọi mặt, xây dựng thêm trường lớp, củng cố, kiện toàn đội ngũ giáo viên ở cơ sở. Huyện mở thêm trường sư phạm 4+3 nhằm đào tạo giáo viên tại chỗ, một trường bổ túc văn hóa cán bộ và xây dựng mới 4 trường ở 4 xã giáp biên giới. Huyện chỉ đạo mở điểm trường bán trú dân nuôi do nhân dân đảm nhiệm về ăn, ở cho học sinh tại xã Lũng Thầu, một mô hình mới về tổ chức nhà trường thực hiện theo phương thức Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo công tác giáo dục đào tạo. Tuy nhiên, mô hình trường bán trú dân nuôi Lũng Thầu chậm được huyện tổng kết để có thể tổ chức ở nhiều xã, trong khi đó tình hình giáo dục phổ thông liên tục bị thu hẹp về số lượng trường, lớp, số lượng học sinh. Năm 1986, toàn huyện có 36 điểm trường với 136 lớp học, 1.983 học sinh theo học, bình quân 12 học sinh/thầy cô giáo; Năm 1987, còn 32 điểm trường với 121 lớp, 1.675 học sinh theo học, bình quân 13 học sinh/thầy cô giáo; Năm 1988, chỉ còn 18 điểm trường với 89 lớp học, 1.572 học sinh theo học, bình quân 13 học sinh/thầy cô giáo. Lúc bấy giờ tình trạng

thu hẹp số trường, lớp và học sinh trong ngành giáo dục bị gọi xuống cấp. Nguyên nhân do huyện chưa quan tâm về chiều sâu, chưa có biện pháp tính cực để phối hợp giữa Phòng Giáo dục với các xã, giữa thầy, cô giáo và phụ huynh học sinh để kịp thời có biện pháp khắc phục tình trạng trường không ra trường, lớp không ra lớp. Đảng bộ cần lãnh đạo quán triệt đường lối đổi mới, quan điểm "lấy dân làm gốc" của Đảng để đưa sự nghiệp giáo dục, đào tạo phát triển.

Đối với công tác xây dựng Đảng, Đại hội XIII của Đảng bộ huyện chủ trương tiếp tục xây dựng các chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh, Đảng bộ huyện vững mạnh nhằm nâng cao năng lực và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, năng lực phẩm chất của mỗi cá nhân đảng viên, quán triệt sâu sắc tư tưởng, quan điểm, lập trường, tác phong của giai cấp công nhân ở trong Đảng để hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình. Công tác tư tưởng đã chú trọng giáo dục, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy và của Đảng bộ huyện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân; học tập Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương về những vấn đề cấp bách của công tác xây dựng Đảng; Giáo dục cho đảng viên về quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, về quan điểm đổi mới của Đảng trên mọi lĩnh vực nhất là đổi mới về kinh tế, đổi mới công tác tổ chức, công tác cán bộ, đổi mới về lề lối, phong cách làm việc. Công tác tư tưởng trong thời kỳ này có thuận lợi nhờ vào đường lối đổi mới của Đảng đúng đắn, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân, có sức cổ vũ và động viên của toàn Đảng và toàn xã hội. Bản thân công tác tư tưởng cũng bước đầu được đổi mới về nội dung, hình thức và phương pháp theo hướng tăng cường thông tin và việc trao đổi ý kiến, đối thoại rộng rãi, tạo sự nhất trí cao về tư tưởng chính trị.

Công tác kết nạp đảng viên mới đã được Đảng bộ coi trọng, trong 3 năm kết nạp 207 đảng viên mới, khắc phục tình trạng những năm trước đây, số đảng viên mới kết nạp quá ít. Kết quả đó trước hết là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng đã tạo ra những thành tựu quan trọng, nhiều cơ sở Đảng và đảng viên đã thực hiện tốt hơn chức năng lãng đạo. Đồng thời, do công tác phát triển đảng viên mới được coi trọng hơn, nhiều cấp ủy sơ kết công tác này, mở nhiều lớp bồi dưỡng tìm hiểu về Đảng, tạo nguồn kết nạp đảng viên, hướng dẫn cơ sở kết nạp đảng viên. Trong công tác kết nạp đảng viên mới đã coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, quan tâm hơn tới việc bồi dưỡng kết nạp các dân tộc ít người; các chiến sĩ lực lượng vũ trang. Những chuyển biến đó càng khẳng định số đông quần chúng,

nhất là lớp trẻ, vẫn gắn bó với Đảng.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VI), việc đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng là một nhiệm vụ trọng tâm có tính cấp bách, Đảng bộ huyện đã tập trung xây dựng các chi, đảng bộ trong sạch vững mạnh, quan tâm xây dựng các cấp ủy và cán bộ chủ chốt ở cơ sở có đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của công tác xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng. Đảng bộ huyện chú trọng củng cố chi bộ yếu kém, tăng số chi bộ trong sạch vững mạnh. Kết quả phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 1986, trong tổng số 35 chi bộ có 10 chi bộ trong sạch vững mạnh, 21 chi bộ khá, 4 chi bộ yếu; Năm 1987 có 10 chi bộ trong sạch vững mạnh, 19 chi bộ khá, 6 chi bộ yếu. Năm 1988, có 13 chi bộ trong sạch vững mạnh, 17 chi bộ khá, 3 chi bộ yếu. Qua đổi mới và chỉnh đốn kết hợp với việc thực hiện nghị quyết khác tạo ra được chuyển biến tích cực ở các tổ chức cơ sở Đảng.

Công tác cán bộ phục vụ cho nhiệm vụ chính trị theo đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ tiến hành củng cố, kiện toàn các phòng, ban ở huyện, bố trí, sắp xếp đưa các đảng viên có năng lực, phẩm chất vào các cương vị lãnh đạo, đã đề bạt được 14 cán bộ lãnh đạo, coi trọng quy hoạch cán bộ để đưa đi đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng các chức danh kế cận cho đội ngũ cán bộ cấp huyện và 4 cán bộ chủ chốt ở xã; đã cử 36 cán bộ đi đào tạo về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ văn hóa. Đảng bộ đã coi trọng đổi mới việc đánh giá và sử dụng cán bộ, chú ý kết hợp các tiêu chuẩn, lấy hiệu quả công việc làm một căn cứ chủ yếu. Trong bố trí cán bộ, đã chú ý kết hợp gữa các độ tuổi, các loại, các lớp cán bộ, từng bước trẻ hóa đội ngũ. Đội ngũ cán bộ đã chứng tỏ bản lĩnh vững vàng trước khó khăn, thử thách, trưởng thành nhanh, bước đầu đáp ứng đòi hỏi của giai đoạn cách mạng mới.

Đội ngũ đảng viên của Đảng bộ có ưu điểm cơ bản về lòng trung thành và kiên định với mục tiêu lý tưởng, về tinh thần khắc phục khó khăn, tận tụy với nhiệm vụ được giao; số đông tiếp tục phát huy được tính tiền phong, gương mẫu, làm nòng cốt và lãnh đạo quần chúng trong sự nghiệp đổi mới trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên, cần thấy rõ những nhược điểm về chất lượng đội ngũ đảng viên trên mọi mặt: một bộ phận đảng viên nhất là khu vực nông thôn ít có điều kiện học tập nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, do đó, trình độ, năng lực công tác bị hạn chế, có khó khăn về hoàn cảnh gia đình, sức khỏe bị giảm sút nên chưa phát huy được vai trò tiên phong và năng lực lãnh đạo theo yêu cầu mới. Một số người thoái hóa, biến chất, về chính trị thì hoài nghi, dao động, thiếu tin tưởng vào đường lối của Đảng, về đạo đức, lối sống thì lợi dụng chức vụ, quyền hạn,

giành cho mình những đặc quyền đặc lợi.

Trong công tác đảng viên, Đảng bộ đã chú trọng 3 mặt giáo dục, bồi dưỡng, chỉnh đốn và phát triển Đảng; đã tiến hành phân công công tác, giao nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên theo địa bàn dân cư, phụ trách các hộ gia đình, phụ trách các đoàn thể quần chúng; đã tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ văn hóa, lý luận chính trị và nghiệp vụ. Kết quả phân tích chất lượng đảng viên cho thấy số phấn đấu tốt ngày càng tăng: Năm 1986, tổng số đảng viên có 468 đồng chí, đảng viên phấn đấu tốt 291 đồng chí, chưa tốt 161 đồng chí, số mắc khuyết điểm 16 đồng chí; Năm 1987, tổng số đảng viên 454 đồng chí, đảng viên phấn đấu tốt 387 đồng chí, chưa tốt 153 đồng chí, số mắc khuyết điểm 14 đồng chí; Năm 1988 tổng số đảng viên 474 đồng chí, đảng viên phấn đấu tốt 403 đồng chí, phấn đấu chưa tốt 56 đồng chí, số mắc khuyết điểm 15 đồng chí. Trong 3 năm, Đảng bộ đã kiên quyết xử lý 55 trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng. Chỉ riêng năm 1988, toàn Đảng bộ huyện đã tiến hành kỷ luật 26 trường hợp, trong đó đã khiển trách 1 đồng chí, cảnh cáo 3 đồng chí, khai trừ 8 đồng chí, xóa tên 14 đồng chí trong danh sách đảng viên (trong đó có 5 đồng chí là Huyện ủy viên).

Về mặt tồn tại trong công tác đảng viên, một số cơ sở chưa nhận thức đúng và làm tốt việc phân tích chất lượng, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên; chưa tăng cường đúng mức các biện pháp giáo giục, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác theo yêu cầu mới; thiếu quan tâm, bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới. Các chi bộ xã chưa chú ý quan tâm kết nạp Đảng ở nơi xa, khó khăn, có chi bộ đảng viên tập trung ở 2, 3 hợp tác xã trong tổng số 10 hợp tác xã. Có chi bộ xã 10 năm không kết nạp được đảng viên mới[(1)]. Đảng bộ phải quan tâm hơn nữa đến công tác kết nạp đảng viên mới, làm tăng thêm sinh lực mới của Đảng, đáp ứng yêu cầu cơ bản và lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Do sức khỏe, đồng chí Lệnh Hậu Thi - Bí thư Huyện ủy được Tỉnh ủy cho nghỉ chữa bệnh từ tháng 3/1988 và quyết định điều động đồng chí Nguyễn Thế Đường giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Đồng Văn từ ngày 15/3/1988.

Ba năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Văn đạt được những thành tích tiến bộ trên nhiều lĩnh vực: quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc; Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, phát huy sức sản xuất, thực hiện ba chương trình kinh tế đạt kết quả, sản xuất nông nghiệp phát triển cân đối được lương thực trên địa bàn, tiểu thủ công nghiệp đáp ứng được nhu cầu nông cụ cầm tay, nhân

(1). Theo Báo cáo số 02-BC/HU ngày 28/8/1988 của Ban Tổ chức Huyện ủy.

dân đồng tình thôi trồng cây anh túc, phát triển cây đặc sản phục vụ xuất khẩu; xây dựng Đảng vững mạnh, đội ngũ cán bộ trưởng thành nhanh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới. Thành công đó trước hết là do đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, được Tỉnh ủy Hà Tuyên chỉ đạo sát sao, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đoàn kết phấn đấu nhằm đưa Đồng Văn tiến lên theo con đường cách mạng của Đảng.

Quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, bên cạnh những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đã đạt được còn bộc lộ những khuyết điểm tồn tại trên các lĩnh vực: kinh tế - văn hóa phát triển chậm, trật tự an toàn xã hội còn diễn biến phức tạp gây ra tâm trạng kém phấn khởi và làm giảm lòng tin của dân với Đảng. Khuyết điểm tồn tại đó do nguyên nhân khách quan là điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, thiên tai hạn hán kéo dài, hoạt động phá hoại của địch làm cho tình hình biên giới căng thẳng. Nguyên nhân chủ quan là việc quán triệt đường lối đổi mới của Đảng chưa sâu sắc, lãnh đạo của Đảng bộ thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực chưa toàn diện. Tuy nhiên đây mới chỉ là những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, nhiệm vụ của Đảng bộ còn rất nặng nề.

Bước sang năm 1989 - 1990, những diễn biến xấu ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã ảnh hưởng đến tư tưởng, đời sống kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước nói chung và đối với huyện Đồng Văn nói riêng. Ở tỉnh Hà Tuyên, trên tuyến biên giới chiến sự đã dịu bớt, Đảng ta chủ trương vì lợi ích trước mắt cũng như lợi ích lâu dài của nhân dân hai nước, của nhân dân các dân tộc ở hai bên biên giới, vì lợi ích hòa bình và ổn định của các nước trong khu vực, sẵn sàng giải quyết bằng con đường thương lượng và khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ huyện Đồng Văn triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ XIV tại xã Lũng Phìn. Đại hội có 126 đại biểu chính thức tham dự, làm việc trong 3 ngày, từ ngày 09 - 11/01/1989. Đại hội đã nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá kết quả ba năm lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực, các mặt công tác. Đồng thời, Đại hội xác định nhiệm vụ chủ yếu trong hai năm 1989 - 1990:

- Về quan hệ sản xuất: Thực hiện khoán gọn triệt để đến từng hộ gia đình. Đưa hình thức quản lý, điều hành sản xuất là đơn vị đội và hợp tác xã, quy mô tổ chức hợp tác xã và đội là đơn vị xóm.

- Về sản xuất nông nghiệp: Phát triển toàn diện, cân đối các cây lương thực (ngô, lúa, mì, mạch); thực hiện thâm canh, gối vụ, tăng cường nhân chọn giống tốt và giống mới; xen canh, gối vụ các cây họ đậu nhằm giải quyết hỗ trợ vấn đề thiếu lương thực. Phát triển kinh tế hàng hóa mũi nhọn như cây dược liệu và cây ăn quả.

- Về lâm nghiệp: Giao đất, giao rừng triệt để cho hộ gia đình quản lý, thực hiện

đất rừng có chủ, khắc phục tệ phá rừng.

- Về thủ công nghiệp: Khuyến khích để phát triển các nghề truyền thống như rèn, đúc, làm ngói.

- Phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình vùng cao.

- Về giáo dục, đào tạo: Các cấp ủy Đảng cần xác định rõ và quan tâm hơn trường, lớp, học sinh, nhân rộng mô hình trường nội trú dân nuôi.

Về y tế: Quan tâm hơn các trạm xá xã, các khu vực chữa bệnh đa khoa, kịp thời phát hiện và ngăn chặn dịch bệnh đảm bảo sức khỏe cho nhân dân. Khuyến khích phát triển y học dân tộc.

- Về văn hóa: cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng theo tinh thần đổi mới, hoạt động văn hóa phong phú, đa dạng, lành mạnh, đáp ứng và phù hợp với thị yếu của nhân dân.

- Về quốc phòng, an ninh: Tập trung xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, trọng tâm là xây dựng thế trận lòng dân, lấy dân làm gốc, đoàn kết quân dân một ý chí, thống nhất hành động giữa lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, công an nhân dân và dân quân tự vệ.

- Về xây dựng Đảng: Tiếp tục triển khai xây dựng các chi, Đảng bộ trong sạch vững mạnh cả về chiều rộng và chiều sâu.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cấp chính quyền, phát huy hiệu lực của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Nâng cao năng lực quản lý kinh tế - xã hội, năng lực tổ chức điều hành các mục tiêu kinh tế, kinh tế với quốc phòng.

- Kiện toàn các tổ chức quần chúng từ huyện đến cơ sở để đảm đương và hoàn thành được nhiệm vụ tổ chức quần chúng thực hiện các nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIV gồm 33 ủy viên chính thức, 6 ủy viên dự khuyết. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hàng bầu 9 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Thế Đường được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Ly Mí Pó và Hầu Chú Chơ giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Ngay sau Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ huyện đã tập trung chỉ đạo ổn định dân cư sau chiến tranh để phát triển sản xuất, ổn định đời sống cho nhân dân. Toàn huyện có 278 hộ với 1.600 nhân khẩu hồi hương về các xã giáp biên. Hồi hương sau chiến tranh là nguyện vọng chính đáng của nhân dân các dân tộc, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo quy hoạch dân cư thành các chòm xóm giáp biên giới, bố trí đất ở, cân đối đất đai để nhân dân tiếp tục sản xuất ổn định đời sống, xây dựng bản làng vững mạnh

về chính trị, kinh tế, xã hội. Các bản làng hồi cư vùng giáp biên giới đã khai hoang phục hóa góp phần mở rộng diện tích đất canh tác, xây dựng vùng biên giới vững mạnh.

Song song với việc chỉ đạo ổn định dân cư, Đảng bộ tiếp tục chỉ đạo thực hiện khoán hộ và xây dựng mô hình kinh tế hộ theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Tranh chấp đất đai là hiện tượng nổi cộm trong quá trình thực hiện khoán hộ, Đảng bộ chỉ đạo: rà soát lại quỹ đất của hợp tác xã và từng xã; Đảm bảo giao đất lại cho người sản xuất công bằng, hợp lý, căn cứ vào quỹ đất đai để giao theo lao động. Cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở xã vận động nhân dân chấp hành Luật Đất đai; Cấp giấy chứng nhận đất đai cho người sản xuất yên tâm đầu tư lâu dài. Tình hình tranh chấp đất đai đã được giải quyết trước khi bước vào sản xuất vụ mùa năm 1989.

Đảng bộ xác định mô hình kinh tế hộ gia đình và phát triển kinh tế vườn, rừng và chăn nuôi, coi đây là thế mạnh nhằm phát huy năng lực sản xuất, tự nâng cao đời sống trong các hộ nông dân, đóng góp tích cực vào thế ổn định phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong kinh tế vườn rừng trước hết là phát triển các cây lương thực, cây màu bổ sung nguồn lương thực, trồng thêm các cây công nghiệp như đậu tương, chè, cây lanh lấy sợi; cây ăn quả như đào, mận, lê; cây dược liệu quý như đỗ trọng, tam quy, đương quy; cây có giá trị xuất khẩu như su hào lấy hạt giống cho nhân dân. Phần đất không sử dụng được dùng để trồng các loại cây lâm nghiệp, kể cả việc trồng mở rộng trên diện tích đất Nhà nước giao phục vụ cho lợi ích lâu dài của nhân dân. Chăn nuôi gia súc và gia cầm là thế mạnh của huyện để phát triển kinh tế ổn định, hỗ trợ đắc lực cho kinh tế vườn, cung cấp trực tiếp phân bón, sức kéo, tiền thu nhập do bán vật nuôi để tái sản xuất, cung cấp thực phẩm cho gia đình và xã hội. Đây là một hướng đi phù hợp, từ mô hình này qua hai năm thực hiện nhiều hộ gia đình nông dân đạt kết quả khích lệ, sản xuất lương thực đạt năng suất cao, hàng xuất khẩu như hạt giống su hào đạt sản lượng lớn, vừa làm giàu cho gia đình vừa có tích luỹ tái sản xuất.

Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu), sản xuất lương thực, chủ yếu là ngô, lúa, cây màu các loại bổ sung nguồn lương thực. Trong hai năm 1989 - 1990, trong điều kiện sản xuất không thuận lợi, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, nắng hạn kéo dài, tổng sản lượng quy thóc đạt 18.448,2 tấn, bình quân lương thực theo đầu người 240 kg/năm.

Về chăn nuôi, hàng năm đều tăng từ 0,3% - 1,4% tổng đàn, dịch bệnh ít xuất

hiện, gia súc gia cầm phát triển; trong đó đàn trâu hàng năm tăng 6%, đàn bò tăng 2%, đàn lợn tăng 4%, gia cầm tăng 5%. Đàn ong phát triển ở khu vực nông thôn, nuôi phân tán trong các hộ gia đình đạt bình quân hàng năm 1.000 tổ, sản lượng mật ong ước đạt 3 tấn, đáp ứng một phần nhu cầu cải thiện đời sống nhân dân.

Về sản xuất hàng tiêu dùng, huyện khuyến khích phát triển các lò ngói, lò rèn nhằm giải quyết một phần về chất lợp và dụng cụ phục vụ sản xuất cho nhân dân. Đến năm 1990, toàn huyện có 43 lò ngói địa phương, bình quân mỗi xã ba lò ngói, 23 lò rèn và một số cơ sở sản xuất đồ mộc, đan lát.

Cây công nghiệp, cây dược liệu quý có giá trị xuất khẩu được huyện khuyến khích nên phát triển khá. Cây chè bắt đầu được đầu tư, cùng với việc mở rộng diện tích chè tự nhiên, trồng phân tán tại các xã trong toàn huyện, từ năm 1990, đã tiến hành quy hoạch và trồng tập trung tại xã Lũng Phìn và một số xã lân cận. Cây đỗ trọng được phát triển mặc dù diện tích không lớn, nhưng hàng năm bán ra thị trường số lượng lớn.

Trong hai năm Đảng bộ huyện lãnh đạo phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp đã tạo được chuyển biến về cơ chế quản lý, thực hiện cơ chế khoán đến các hộ xã viên hợp tác xã, đã tiến hành giao và chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân, đó là việc làm đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, mở ra một khả năng mới trong việc khai thác và sử dụng sức lao động dồi dào trong xã hội, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Tuy nhiên, việc tự cân đối lương thực trên địa bàn huyện đang gặp khó khăn trở ngại lớn. Mặc dù trong hai năm huyện có mở rộng được một số diện tích lớn (250 ha) để phát triển nông nghiệp, chủ yếu là tận dụng đất canh tác, khai hoang phục hóa đất trống đồi trọc, đất sản xuất ở các vùng giáp biên giới khi nhân dân hồi hương sau chiến tranh; nhưng năng suất, sản lượng lương thực hàng năm còn thấp so với nhu cầu của nhân dân. Nguyên nhân do thời tiết, khí hậu khắc nghiệt ảnh hưởng đến kết quả sản xuất chung nhưng cũng cần thấy được thực trạng của huyện Đồng Văn là do đặc điểm vùng khí hậu sản xuất một vụ, đầu tư khoa học kỹ thuật mới ở chừng mực nhất định, công tác dịch vụ phục vụ sản xuất còn nhiều yếu kém là những nguyên nhân chủ yếu tác động đến đời sống của nhân dân, đến sự lãnh đạo của Đảng bộ. Vì vậy, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng để đưa kinh tế huyện Đồng Văn thoát nghèo và tiếp tục phát triển.

Lĩnh vực giáo dục đào tạo, Đảng bộ huyện đã quán triệt quan điểm toàn dân chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, được các cấp chính quyền quan tâm, đội ngũ giáo viên nỗ lực, được Nhà nước đầu tư và nhân dân đóng góp công sức nên trong hai năm huyện tiếp tục phát triển cả bốn ngành học: Giáo dục phổ thông, bổ túc văn

hóa, ngành học sư phạm và giáo dục mầm non; sĩ số học sinh ở các trường được duy trì, năm 1990 tăng 7,69% so với năm 1989. Công tác xóa mù chữ được chú trọng, đã mở 35 lớp tại các cơ sở, 459 người theo học, đã xét công nhận 252 người. Chất lượng chuyển lớp, chuyển cấp hàng năm đạt 68% trên tổng số học sinh bốn ngành học. Giữ vững được phong trào và nâng lên từng bước là nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Văn đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Tuy nhiên, công tác giáo dục, đào tạo của huyện vẫn nằm trong tình trạng yếu kém do khó khăn về đời sống kinh tế và xã hội. Việc vận động người trong độ tuổi đến trường mới chỉ đạt 20% tổng số; tình trạng mù chữ và tái mù chữ ở mức cao, nhất là vùng sâu, xa chưa có điểm trường; mô hình trường bán trú dân nuôi chưa được tổng kết nhằm tìm ra hướng đi đúng, sớm khắc phục yếu kém, ngăn chặn tình trạng xuống cấp, đưa sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện đi lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về quốc phòng - an ninh: Trên tuyến biên giới, đến cuối năm 1988, đối phương ngừng tiến công lấn chiếm và pháo kích sang đất ta, ngày 13/3/1989 đối phương rút khỏi 30 điểm lấn chiếm trên biên giới của tỉnh. Sau sự kiện này, một số đồng bào ở tuyến 2 bắt đầu trở lại thăm quê hương và có nguyện vọng được trở lại quê hương cũ làm ăn, sinh sống.

Ngày 12/4/1989, hội nghị các huyện phía Bắc tổ chức tại (tuyến 1) Hà Giang, đã bàn bạc thống nhất biện pháp tổ chức thực hiện Chỉ thị 118 của Ban Bí thư về chủ trương chính sách đối với đồng bào đi tuyến 2 trở về sinh sống ở quê cũ và cư dân đi lại thăm thân ở hai bên biên giới. Ngày 19/4/1989, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thế Đường - Bí thư Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư và bàn giải pháp tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng trên địa bàn huyện Đồng Văn. Theo đó, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 118 của Trung ương, do đồng chí Hầu Chú Chơ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, đồng thời thành lập Ban tuyên truyền, vận động ở các địa bàn trọng yếu, các ngày chợ[(1)].

Đầu năm 1989, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã họp bàn chủ trương củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững hòa bình ổn định trên biên giới, xây dựng xã, bản làng vững mạnh toàn diện làm cơ sở để củng cố thế trận chiến tranh nhân dân gắn với an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ huyện về chính trị, tư tưởng, vật chất kỹ thuật và lực lượng vũ trang nhân dân. Huyện đã chỉ đạo mô hình xây dựng xã về chính trị, kinh tế - xã hội theo quan điểm lấy dân làm gốc, chỉ đạo làm trước ở

[(1)]. *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, Sđd, tr 101 - 102.

xã Sà Phìn, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách các xã biên giới, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các xã kế cận và nội địa chỉ đạo triển khai toàn huyện. Đồng thời thực hiện điều chỉnh tổ chức biên chế lực lượng vũ trang, giảm quân số lực lượng thường trực, xây dựng lực lượng dân quân theo phương thức do dân bầu chọn, dân nuôi, có số lượng hợp lý được bố trí theo các chòm xóm, điểm dân cư. Sau hai năm thực hiện công tác quốc phòng, an ninh, tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có bước chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn xã hội còn có những diễn biến xấu, lợi dụng sơ hở bọn tội phạm hoạt động trộm cắp, phá hoại công trình công cộng như đường dây thông tin, hầm hố bê tông, tổ chức người trốn đi nước ngoài, buôn bán phụ nữ và trẻ em, biện pháp xử lý, ngăn chặn đạt hiệu quả chưa cao. Nguyên nhân là do huyện chưa vận động tốt nhân dân tham gia tích cực công tác bảo vệ an ninh Tổ quốc, công tác tuyên truyền và giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức cảnh giác chưa sâu rộng. Đảng bộ cần quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng củng cố quốc phòng, an ninh vững mạnh nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện vùng cao Đồng Văn.

Đảng bộ huyện luôn coi trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng thời kỳ này tập trung hướng vào: Kiên trì đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xác định phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Phân tích để thấy cả thuận lợi và khó khăn của đất nước, địa phương nhằm nâng cao ý thức tự lực tự cường, xây dựng địa phương vững mạnh. Tuy nhiên, tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng còn diễn biến phức tạp. Tâm trạng một số cán bộ, đảng viên còn đan xen giữa phấn khởi, tin tưởng và hoài nghi. Phấn khởi vì đổi mới có kết quả, đời sống vật chất tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã có bước cải thiện, đời sống tinh thần thoải mái hơn. Hoài nghi, phân vân vì xuất hiện những khó khăn gay gắt khi nền kinh tế chuyển đổi, nhưng tiến bộ chưa vững chắc và xuất hiện những tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ là thử thách đối với niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, mặt tốt, mặt tích cực ngày càng tăng lên nhờ thành tựu của công cuộc đổi mới, đất nước giữ được ổn định và tạo thế phát triển làm tăng thêm niềm tin ở sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng, Đảng bộ coi trọng củng cố cơ sở Đảng đi đôi với củng cố các địa bàn dân cư, nâng cấp hai chi bộ Đảng lên Đảng bộ xã Đồng Văn

và Lũng Phìn[1]. Mỗi năm Đảng bộ mở hai lớp bồi dưỡng cho cấp ủy cơ sở nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng. Đến năm 1990, toàn Đảng bộ có 32 cơ sở Đảng, trong đó có 3 Đảng bộ, 29 chi bộ. Huyện ủy phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành phụ trách các cơ sở để chỉ đạo xây dựng cơ sở Đảng theo tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, củng cố cơ sở Đảng yếu kém. Qua đó bước đầu đã tạo được một số chuyển biến tích cực ở các tổ chức cơ sở Đảng, lãnh đạo có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Đối với đội ngũ đảng viên, Đảng bộ đã mở 7 lớp giáo dục lý luận chính trị cho 335 đảng viên, tập trung nghiên cứu Nghị quyết 7, 8 của Trung ương cho 196 đảng viên. Song song với giáo dục chính trị, Đảng bộ chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở phân công giao nhiệm vụ cho đảng viên, ở khu vực nông thôn phấn đấu mỗi thôn, xóm, bản có đảng viên phụ trách; Nêu gương những đảng viên tích cực, đảng viên nhiều tuổi Đảng đã trải qua nhiều thử thách trong công tác, chiến đấu. Đồng thời Đảng bộ tăng cường công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, đã kiểm tra 245 đảng viên sinh hoạt ở 22 cơ sở Đảng, số đảng viên chấp hành tốt 227 đồng chí, chiếm 90% số đảng viên được kiểm tra. Công tác kết nạp đảng viên mới được 68 đồng chí, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 414 đồng chí, chiếm 0,9% dân số. Kết quả đó là do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng đã tạo ra những thành tựu quan trọng, nhiều tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đã thực hiện tốt hơn chức năng lãnh đạo; số đông quần chúng, nhất là lớp trẻ gắn bó với Đảng.

Đối với công tác tổ chức và cán bộ, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo về sắp xếp và bố trí lại tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng giảm nhẹ đầu mối và tinh giảm biên chế theo Nghị quyết 50 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên. Việc đổi mới cơ quan Đảng và Nhà nước đáp ứng yêu cầu đặt ra, sau việc củng cố, kiện toàn các nhiệm vụ công tác, các ban ngành thực hiện nhiệm vụ không ách tắc, kết quả công tác từng bước được nâng lên.

Đi đôi với việc củng cố tổ chức bộ máy, Đảng bộ chú trọng quy hoạch và đào tạo cán bộ đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài. Trong hai năm đã cử 96 cán bộ đi đào tạo về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ tại các trường đào tạo ngắn hạn và dài hạn; đào tạo tại địa phương hai khóa sư phạm cấp tốc bổ sung 71 giáo viên cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện.

Việc đánh giá và sử dụng cán bộ, Đảng bộ đã coi trọng việc bảo đảm nguyên tắc gắn liền với việc củng cố tổ chức, bộ máy cơ sở nhằm nâng cao năng lực điều

[1]. Tháng 7/1989, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn ban hành quyết định số 36/QĐ-HU về việc nâng cấp chi bộ lên thành đảng bộ. Theo đó Chi bộ Lũng Phìn và chi bộ xã Đồng Văn được nâng cấp lên thành Đảng bộ.

hành. Phát huy trách nhiệm công tác và quyền lợi chính đáng của đội ngũ cán bộ đang làm việc và công tác tại địa phương.

Về phương thức lãnh đạo, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân đã được phân định, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ công tác trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị. Trong hai năm 1989 - 1990, các đoàn thể nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động huyện và các tổ chức xã hội có những chuyển biến tích cực theo hướng đổi mới. Phát huy dân chủ và đoàn kết, tích cực nâng cao mọi hoạt động của tổ chức mình, quan tâm thích đáng đến lợi ích của đoàn viên, hội viên, vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước ở địa phương. Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, đoàn thể nhân dân trong thời kỳ này bước đầu đã mở ra không khí cởi mở, thẳng thắn trong sinh hoạt, các hình thức đối thoại, tiếp dân, giải quyết các vấn đề vướng mắc trong nhân dân bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực nêu trên còn những hạn chế ở một số cơ sở quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng, còn biểu hiện mất dân chủ, chưa thực sự vì dân. Hoạt động của bộ máy chính quyền và đoàn thể quần chúng ở một số mặt chưa đổi mới nội dung, lúng túng về phương thức hoạt động và xây dựng tổ chức ở cơ sở, còn nhiều khó khăn về vật chất và điều kiện khác trong việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức mình.

Trong hai năm 1989 - 1990, công tác xây dựng Đảng đạt được thành tựu quan trọng. Kiên trì đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ huyện lãnh đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, từng bước tìm tòi được giải pháp vượt qua khó khăn thách thức. Đảng bộ kịp thời có định hướng tư tưởng đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, tạo cơ sở cho sự thống nhất tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách; có tiến bộ về thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội. Đảng bộ đã tích cực thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, kiện toàn hệ thống chính trị. Đổi mới tổ chức, cán bộ nâng cao trình độ và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành điều lệ Đảng có tiến bộ.

Năm năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986 - 1990), Đảng bộ huyện Đồng Văn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc giành được thắng lợi quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh. Sự lãnh đạo sáng suốt, đúng đắn, hợp lòng dân, phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, sự vận dụng sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương là

nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới ở Đồng Văn. Thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Văn đã tạo bước chuyển biến rõ rệt về nhiều mặt trong đời sống kinh tế - xã hội ở địa phương. Đời sống nhân dân, đặc biệt là vùng nông thôn đang từng bước được nâng lên, điều kiện ăn, ở được cải thiện; thị trường mở rộng, lương thực, thực phẩm dồi dào, nhu cầu đời sống nhân dân cũng được từng bước đáp ứng thỏa đáng. Kết quả đó là do tác động của chính sách mới, nhiều hộ gia đình có thu nhập khá nhờ phát triển kinh tế hộ, nhất là các hộ nông dân trồng su hào, cây ăn quả. Tuy nhiên trải qua 5 năm, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện Đồng Văn còn nhiều khó khăn và hạn chế, còn một số lớn nông dân đời sống túng thiếu do thu nhập thấp trong sản xuất nông nghiệp, tình trạng thiếu ăn chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng dân số; khó khăn gay gắt là những hộ gia đình có nguồn thu nhập chính dựa vào lương thực và tiền trợ cấp xã hội, thân nhân gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, người không nơi nương tựa. Nguyên nhân chủ yếu của tình hình khó khăn nêu trên là do mật độ dân cư của địa phương quá đông, vẫn ở mức tăng dân số bình quân hằng năm từ 2,2% đến 2,48%; đất đai canh tác ít, chỉ chiếm 1/3 tổng diện tích tự nhiên; trình độ dân trí thấp, đầu tư khoa học kỹ thuật hầu như chưa có; lực lượng lao động còn dư thừa nhiều, chưa có biện pháp mở mang ngành nghề. Nguyên nhân khách quan của tình trạng khó khăn trên là do thời tiết, khí hậu trong những năm qua rất khắc nghiệt làm thất thu lớn trong sản xuất nông nghiệp, tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân. Trong giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn phải tăng cường đoàn kết, tạo ra sức mạnh vượt qua khó khăn thử thách, phát huy nội lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh để xóa đói, giảm nghèo, xây dựng huyện ngày càng phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của Đảng.

Bước vào thời kỳ 1991 - 1995, trong bối cảnh chung về tình hình kinh tế - xã hội đang chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, từ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh và thiên tai lũ lụt. Mặt khác, những biến động phức tạp của tình hình thế giới nhất là sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô đã ảnh hưởng đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ ngày 24 - 27/6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và nhận định "Công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng nhưng nước ta vẫn chưa bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội"[(1)]. Đại hội đã

[(1)]. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) tại Đại hội VIII, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.80.

khẳng định tiếp tục con đường đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã khởi xướng. Đại hội đã thông qua hai văn kiện quan trọng là "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội" và "Chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000".

Đối với thị trấn Phó Bảng, sau khi cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra (ngày 17/02/1979), đại bộ phận dân cư thị trấn được sơ tán về tuyến sau. Bộ máy hành chính của thị trấn Phó Bảng chính thức dừng hoạt động; địa giới hành chính của thị trấn đươc chuyển giao cho xã Sủng Là, rồi sau đó lại giao cho xã Phố Là quản lý. Trong những năm 1989 - 1990, nhân dân hồi cư về ngày một đông, đồng thời một số đồng bào từ các nơi khác về định cư sinh sống.

Ngày 02/5/1991, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết 51-NQ/TU. Tại phần III của Nghị quyết đã cho chủ trương về khôi phục lại thị trấn Phó Bảng, khôi phục lại bộ máy hành chính, ổn định lại trật tự dân cư trong thị trấn.

Ngày 20/5/1991, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thế Đường - Bí thư Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã họp quán triệt Nghị quyết 51 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và bàn giải pháp, nhân sự để tái lập thị trấn Phó Bảng.

Ngày 29/5/1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn ban hành tờ trình số 35/TTr-UB trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên và Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh Hà Tuyên về việc khôi phục lại thị trấn Phó Bảng và dự kiến bố trí cán bộ thị trấn.

Trên cơ sở đó, ngày 04/6/1991, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tuyên ban hành văn bản số 194 về việc nhất trí cho Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn thành lập Ủy ban nhân dân lâm thời thị trấn Phó Bảng.

Ngày 10/6/1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn ban hành Quyết định số 85/QĐ-UB về việc tái lập Ủy ban nhân dân lâm thời thị trấn Phó Bảng[(1)], chỉ định các chức danh chủ chốt của bộ máy chính quyền. Đồng thời, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập Chi bộ thị trấn Phó Bảng với 5 đảng viên.

Ngày 14/6/1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn ra Quyết định số 88/QĐ-UB về việc tạm thời giao 3 hợp tác xã Phiến Ngài, Tả Kha, Phố Trồ của xã Phố Là sang thị trấn Phó Bảng[(2)] quản lý từ tháng 6/1991[(3)].

Một sự kiện chính trị quan trọng thời điểm này là: Ngày 12/8/1991, tại kỳ họp

---

(1). Ngày 10/6/1991, là ngày tái lập thị trấn Phó Bảng.

(2). Trong quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn không thể hiện việc chuyển giao Hợp tác xã Phó Bảng, nhưng quá trình chuyển giao đã bao gồm cả Hợp tác xã Phó Bảng cho thị trấn Phó Bảng quản lý và sau này là Khu phố I+II.

(3). Từ khi thành lập thị trấn năm 1961, Phó Bảng là thị trấn nội địa. Năm 1991, sau khi tái lập, thôn Tả Kha thuộc địa bàn thị trấn quản lý vì vậy từ đây Phó Bảng trở thành thị trấn biên giới của huyện Đồng Văn. Toàn huyện lúc này có 9 đơn vị hành chính biên giới là: xã Đồng Văn, Lũng Cú, Ma Lé, Lũng Táo, Sà Phìn, Sủng Là, Phố Là, Phố Cáo và thị trấn Phó Bảng.

thứ 9 Quốc hội khóa VIII đã quyết định chia tỉnh Hà Tuyên thành hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Đảng bộ và chính quyền tỉnh Hà Giang chính thức đi vào hoạt động ngày 01/10/1991.

Từ ngày 18 - 20/11/1991, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XV. Đại hội đã quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, kiểm điểm, đánh giá đúng đắn những thắng lợi, yếu kém, khó khăn cần được khắc phục trong nhiệm kỳ tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XV gồm 27 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thế Đường được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Ly Mí Pó - Phó Bí thư Huyện ủy.

Sau khi tỉnh Hà Giang được tái lập, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, ngày 23/10/1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn đã ban hành Công văn số 62/CV-UBND gửi Ủy ban nhân dân các xã trên địa bàn huyện ra Ủy ban nhân dân huyện nhận con dấu mới và bắt đầu sử dụng dấu mới từ ngày 25/10/1991. Con dấu cũ thời tỉnh Hà Tuyên hết hiệu lực vào ngày 24/10/1991. Ngày 25/10/1991, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn ra Thông báo số 19/TB-UBND gửi các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các xã trong toàn huyện về việc sử dụng con dấu mới để giao dịch trong các cơ quan, đơn vị kể từ ngày 25/10/1991.

Đối với trung tâm huyện lỵ Đồng Văn, sau khi di chuyển từ điểm sơ tán xã Sính Lủng về xã Lũng Phìn đã bộc lộ nhiều điểm không thuận lợi cho sự phát triển, như không có nguồn nước, không có mặt bằng, không nằm ở điểm trung tâm của huyện... Tháng 5/1992, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn đã đề xuất với tỉnh xin chủ trương di chuyển huyện lỵ Đồng Văn về một trong hai địa điểm là Phó Bảng và xã Đồng Văn. Sau khi được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức lấy ý kiến (biểu quyết bằng phiếu kín), kết quả Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nhất trí cao với phương án di chuyển về xã Đồng Văn. Được sự nhất trí của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 11/12/1992, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 566/QĐ-UBND về việc di chuyển huyện lỵ Đồng Văn từ xã Lũng Phìn về xã Đồng Văn, thời gian di chuyển từ ngày 15/12/1992 đến ngày 30/3/1993 phải hoàn thành.

Để thực hiện đảm bảo kế hoạch di chuyển theo chỉ đạo của tỉnh, ngày 26/12/1992, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo di chuyển huyện lỵ từ Lũng Phìn về Đồng Văn để xây dựng huyện lỵ mới. Ban Chỉ đạo gồm 11 thành viên, do đồng chí Nguyễn Huy Nạp - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện

làm Trưởng ban. Nhân dân các xã trong huyện tích cực tham gia ngày công vận chuyển, tháo dỡ các công trình xây dựng địa điểm huyện lỵ cũ, tham gia ngày công san mặt bằng và xây dựng các công trình tại khu vực huyện lỵ mới. Tuy nhiên, do điều kiện đi lại khó khăn, thiếu phương tiện vận chuyển, vì vậy, đến tháng 6/1993, các cơ quan của huyện mới hoàn thành việc chuyển trụ sở làm việc đến khu vực xã Đồng Văn.

Ngày 26/6/1993, Ban Thường vụ Huyện ủy ra Thông báo số 80-TB/HU "Về việc thay đổi trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng, chính quyền trong toàn huyện". Theo đó, từ ngày 01/7/1993, trụ sở làm việc của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan đoàn thể chính trị - xã hội của huyện Đồng Văn chính thức làm việc tại địa điểm mới tại xã Đồng Văn (nay là thị trấn Đồng Văn).

Có thể nói, từ sự kiện tái lập thị trấn Phó Bảng, di chuyển trụ sở huyện từ Lũng Phìn về xã Đồng Văn[1], đến việc thay đổi con dấu đã thể hiện sự nhanh nhạy trong tư duy của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn. Đồng thời thể hiện tinh thần, khát vọng, sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân trong huyện trong quá trình hồi sinh mảnh đất vùng cao nguyên đá sau chiến tranh. Đây là những sự kiện chính trị - xã hội lớn có tác động tích cực tới tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Đồng Văn, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ huyện.

Nhiệm vụ đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện xóa đói giảm nghèo do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV đề ra đã được Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ họp từ ngày 02 - 03/4/1994 tại huyện lỵ Đồng Văn cụ thể hóa bằng 8 nhiệm vụ:

1/ Phải coi trọng vấn đề nâng cao dân trí là nhiệm vụ hết sức cấp bách mà Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân phải lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện được mục tiêu Đại hội XV đề ra.

2/ Phải làm chuyển biến nền kinh tế từ tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa bằng phát huy thế mạnh của địa phương, thâm canh tăng vụ, tích cực đưa các loại giống ngô, lúa mới có năng suất cao, các loại cây ăn quả, cây dược liệu, cây chè, cây cải dầu, đậu tương... vào sản xuất. Phát triển các đàn gia súc bò, dê, lợn, ong mật và khai thác triệt để các nguồn thu tại cửa khẩu Phó Bảng, khai thác khoáng sản.

3/ Phát động sâu rộng trong toàn dân hưởng ứng cuộc vận động dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu đến năm 1995, hạ mức tăng dân số toàn huyện từ 3,5% xuống 2,7%.

---

[1]. Huyện Đồng Văn đã 4 lần chuyển huyện lỵ. Lần 1 chuyển từ Phố Bảng đi xã Đồng Văn; lần 2 chuyển từ xã Đồng Văn đi xã Sính Lủng; lần 3 chuyển từ xã Sính Lủng đi xã Lũng Phìn; lần 4 chuyển từ xã Lũng Phìn đi xã Đồng Văn.

4/ Tập trung duy tu bảo dưỡng, nâng cấp và phát triển đường giao thông trong huyện. Đường ô tô mở mới đến xã nào thì giao khoán khối lượng cho xã đó đảm nhiệm, Nhà nước hỗ trợ vật tư, thuốc nổ; đường giao thông liên thôn, xã huy động nhân dân tại chỗ làm. Đây là nhiệm vụ chính trị của cấp ủy, chính quyền xã phải lo tổ chức thực hiện.

5/ Toàn Đảng bộ phải thường xuyên giáo dục nhân dân nâng cao cảnh giác làm thất bại âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và làm tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các ngành chức năng phải có kế hoạch cụ thể tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo trong toàn huyện và trên từng địa bàn trọng điểm.

6/ Mỗi cấp ủy từ cơ sở đến huyện ngoài nhiệm vụ được phân công cụ thể phải đăng ký chỉ đạo một xóm, bản hướng dẫn đồng bào phát triển kinh tế hàng hóa, góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

7/ Tiếp tục làm tốt công tác đổi mới chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3.

8/ Làm tốt công tác chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm, mỗi cấp ủy, chính quyền và đoàn thể nhân dân từng thời gian phải có chương trình cụ thể để kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo công tác này.

Với những nỗ lực và biện pháp cụ thể của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn, sản xuất nông nghiệp trong 5 năm (1991 - 1995) đã có bước phát triển. Cây lương thực chính của huyện là ngô và lúa, với biện pháp đẩy mạnh thâm canh, sử dụng giống mới ngắn ngày năng suất cao, tăng vụ cùng với phát triển đa dạng các loại cây trồng truyền thống. Huyện chỉ đạo đưa giống ngô mới vào sản xuất từ năm 1993 với diện tích 429 ha/năm, năng suất bình quân đạt 21,8 tạ/ha, tăng 88,34% so với giống ngô địa phương. Việc trồng cây ngô giống mới đã nâng năng suất bình quân toàn huyện năm 1994 đạt 11,7 tạ/ha, tăng 11,74% so với năm 1991; đến năm 1995 năng suất ngô bình quân toàn huyện đạt 13 tạ/ha. Quá trình chỉ đạo trồng khảo nghiệm giống ngô mới, Đảng bộ đã khẳng định giống mới ngô thích nghi và phát triển tốt, đạt năng suất cao trên địa bàn toàn huyện; ở một số xã có điều kiện khí hậu, đất đai phù hợp trồng được hai vụ. Các giống lúa mới nhập từ Trung Quốc thích nghi với đồng ruộng của huyện và cho năng suất cao. Việc đưa giống ngô, lúa mới vào sản xuất đã góp phần tăng tổng sản lượng lương thực hàng năm của huyện, năm 1994, đạt 10.101,5 tấn, tăng 9,1% so với năm 1991; năm 1995, đạt 11.637,34 tấn, tăng 15,2% so với năm 1994; bình quân lương thực đầu người đạt 214,8 kg/năm;

nhân dân tin tưởng vào giống mới và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất lương thực.

Đồng thời với việc chỉ đạo phát triển cây lương thực, Đảng bộ chỉ đạo phát triển các loại cây công nghiệp, dược liệu, cây ăn quả truyền thống có giá trị kinh tế như cây chè trồng mới 27,66 ha, cây đỗ trọng trồng 102 ha, cây lê trồng 18,56 ha, cây táo giống Trung Quốc trồng 6,17 ha... Từ năm 1993, với mục đích tìm hướng đi cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng thay thế cây lấy nhựa anh túc đã thôi trồng trên địa bàn huyện từ năm 1987, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo tiếp nhận hạt cải dầu được nhập ngoại và đưa vào sản xuất, đến năm 1995, đã gieo trồng được 500 ha. Cây cải dầu có khả năng sinh trưởng và phát triển được trong vụ đông tại huyện Đồng Văn, là loại cây dễ trồng, dễ chăm sóc, ít sâu bệnh. Tuy nhiên, giá trị sản phẩm không cao nên chưa thu hút được nhân dân đầu tư cho sản xuất, hàng năm Nhà nước phải hỗ trợ việc thu mua và chế biến.

Về chăn nuôi, Đảng bộ chỉ đạo và phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, tốc độ tăng trưởng các đàn gia súc đã được tăng lên, nhất là những con có thế mạnh trở thành nông sản hàng hóa. Đàn bò tăng bình quân 6,9%, đàn dê 1,6%, đàn lợn 1,3%, các đàn gia súc, gia cầm khác tiếp tục giữ vững và phát triển.

Như vậy trong quá trình lãnh đạo để chuyển nền sản xuất của huyện từ tự túc tự cấp sang sản xuất hàng hóa, Đảng bộ huyện đã định hướng được thế mạnh của huyện với những cây trồng, vật nuôi thích hợp, có giá trị kinh tế. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng diện tích các loại cây giống mới ngắn ngày, năng suất cao còn chậm là do công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu biết về khả năng và tính ưu việt của việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế. Do đó một số xóm, xã làm sai quy trình kỹ thuật của việc đưa giống cây mới vào sản xuất làm giảm khả năng cho năng suất, ảnh hưởng chung tới tư tưởng tâm lý của nông dân. Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất nông sản hàng hóa gặp nhiều khó khăn. Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc chậm là do khí hậu, thời tiết rét đậm kéo dài, thiếu thức ăn, thiếu nước và không có đồng cỏ cho phát triển chăn nuôi, chưa vận động được người dân chú trọng đầu tư những biện pháp kỹ thuật, nhất là việc phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ chỉ đạo khoanh nuôi tái tạo rừng cùng với trồng mới là biện pháp cơ bản để nâng cao vốn rừng, kết hợp với việc chỉ đạo thực hiện đóng cửa rừng, kiên quyết xử lý có hiệu quả nạn phá rừng. Qua chỉ đạo thực hiện khoán rừng và đầu tư hỗ trợ trồng rừng qua các dự án, nhiều khu rừng đã tái sinh và phát triển tốt như ở xã Má Lé, Lũng Táo, Sà Phìn, Tả Phìn, Phó Bảng, phủ xanh diện tích

có khả năng phát triển lâm nghiệp được 1.556 ha, nâng độ che phủ từ 24% (năm 1991) lên 29,5% (năm 1995). Tuy nhiên, sản xuất lâm nghiệp còn những tồn tại ở khâu dịch vụ chưa đáp ứng kịp thời như cho vay vốn, cung ứng vật tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật làm cho người sản xuất kém tin vào chủ trương của Đảng bộ huyện về việc đưa lâm nghiệp thành ngành sản xuất để tạo nông sản hàng hóa.

Từ giữa năm 1987, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tiến hành Hội nghị bất thường nhằm quán triệt chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và chỉ thị của Tỉnh ủy về chủ trương thôi trồng cây thuốc phiện từ vụ đông xuân năm 1987. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, việc triển khai bỏ cây thuốc phiện chưa đạt được hiệu quả cao. Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc xóa bỏ cây thuốc phiện, ngay sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, ngày 12/12/1991, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành Chỉ thị số 02-CT/HU "Về quán triệt thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV và Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy" nhằm đẩy mạnh công tác xóa bỏ cây thuốc phiện trên địa bàn huyện. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân các dân tộc trên địa bàn thực hiện việc xóa bỏ diện tích cây thuốc phiện. Huyện ủy đã chỉ đạo thành lập các đoàn kiểm tra về các địa phương, phối hợp cùng cấp ủy, chính quyền các xã vận động nhân dân tự giác nhổ bỏ diện tích cây anh túc đã và đang gieo trồng, ký cam kết không tái trồng lại diện tích đã phá bỏ. Qua sự chỉ đạo của Đảng bộ và Ủy ban nhân dân huyện cùng cán bộ các xã, một số địa phương đã thực hiện tốt chủ trương này như tại các xã Lũng Thầu, Tả Phìn, Sà Phìn, Đồng Văn, Lũng Cú, Ma Lé… và đã được huyện biểu dương, khen thưởng. Tuy nhiên, tại một số xã: Phố Cáo, Sảng Tủng, Phố Là, Hố Quang Phìn, Sủng Trái… tình trạng nhân dân tái trồng lại cây anh túc vẫn diễn ra. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là tâm lý của nhân dân tại các địa phương trên muốn có thu nhập ngay, nhưng lại chưa có loại cây trồng, vật nuôi phù hợp để thay thế. Điều có thể nhận thấy là cây anh túc là cây trồng truyền thống lâu đời của đồng bào các dân tộc Đồng Văn, ngay một lúc thực hiện xóa bỏ là điều khó khăn. Đồng thời, để làm tốt điều này cần có sự vào cuộc của các cấp, các ngành và sự đồng thuận cao của nhân dân.

Ngành thủ công truyền thống được quan tâm chỉ đạo phát triển. Một số ngành nghề đã có sự đầu tư thích đáng như làm ngói địa phương, nghiền đá, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập của người lao động. Đến năm 1995, toàn huyện có 119 lò ngói, tăng gấp 3 lần so với năm 1991; 30 lò rèn, đúc, tăng 30% so với năm 1991; xay xát, chế biến lương thực từ 3 cơ sở

(năm 1991) tăng lên 18 cơ sở (năm 1995).

Năm 1993, nhằm đáp ứng nhu cầu về điện cho phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân các huyện vùng cao Đồng Văn, Mèo Vạc, tỉnh đã quan tâm lắp đặt cho huyện một số máy nhiệt điện và khởi công xây dựng công trình thủy điện có công suất 4.000 KW tại Séo Hồ. Nhân dân cũng đã nhận thức được lợi ích của việc sử dụng điện phục vụ sản xuất và đời sống nên ở một số xóm, xã có nguồn nước đã dấy lên phong trào làm thủy điện nhỏ, gần 200 hộ nông dân người dân tộc Mông ở các xóm Mã Sồ (xã Lũng Táo), Má Lầu (xã Má Lé) đã có điện thắp sáng từ 2 máy thủy điện 10 KW do nhân dân xây dựng. Công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện tuy còn rất nhỏ bé, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều khó khăn nhưng đã góp phần cùng những thành tựu của công cuộc đổi mới tác động làm thay đổi suy nghĩ của người nông dân vùng cao về sự cần thiết phải thay đổi công cụ lao động và cách thức tạo ra sản phẩm. Đó là bước chuyển biến quan trọng để Đồng Văn tiếp tục tiến lên thực hiện xóa đói, giảm nghèo, xây dựng huyện giàu, đẹp, văn minh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về giao thông, bưu điện, Đảng bộ huyện chủ trương phát triển giao thông nông thôn và thông tin liên lạc để phục vụ phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa. Đến năm 1995, có 13 trong tổng số 19 xã và thị trấn đã mở đường ô tô tới trung tâm xã[(1)] và hoàn thành việc nâng cấp 2 km đường huyện lỵ, mở mới 16,5 km đường ô tô phục vụ thi công thủy điện Séo Hồ, Séo Hồ - Má Lé: đường cửa khẩu Phó Bảng - Tả Kha. Quý III năm 1995, được Trung ương và tỉnh quan tâm, huyện đã xây dựng mạng vi ba truyền dẫn tạo điều kiện cho thông tin hòa nhập với trong nước và quốc tế.

Về quan hệ sản xuất, các hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển đổi theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, đảm nhiệm dịch vụ sản xuất như cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, giống cây trồng và hướng dẫn điều hành các hộ xã viên sản xuất hàng hóa, huy động nhân công làm đường giao thông, quản lý đất đai, quản lý rừng. Trong nông thôn nhiều hộ nông dân ở các xã có chuyển biến mới về nhận thức trong hoạt động phát triển kinh tế hàng hóa, trồng các loại cây có giá trị kinh tế như chè, đỗ trọng, mận đào, táo, nuôi ong mật... và đã có sản phẩm lưu thông trên thị trường. Số hộ nông dân biết vay vốn để đầu tư phát triển sản xuất ngày càng tăng. Số hộ nông dân biết làm kinh tế từ nghèo khó vươn lên khá giả đến năm 1995 có 85 hộ. Các xã đều xuất hiện hộ gia đình làm kinh tế giỏi bằng mô hình kết hợp chăn nuôi, trồng trọt, trồng cây ăn quả, cây dược liệu... cho thu hoạch bình quân nhân khẩu một triệu đồng/năm. Xã Đồng Văn có gia đình ông Nguyễn Văn Ngán, ông Lục Văn

[(1)] Còn lại 6 xã chưa có đường ô tô tới trung tâm: Lủng Thầu, Sủng Trái, Vần Chải, Phố Là, Sảng Tủng, Tả Lủng.

Long, kết hợp chăn nuôi, trồng trọt và làm ngói cho thu nhập một triệu đồng mỗi năm. Xã Lũng Cú có gia đình ông Mua Mí Say từ nghèo khó vươn lên đủ ăn và có tích luỹ từ việc khai hoang ruộng bậc thang và thâm canh giống lúa mới cho năng suất cao, hàng năm thu hoạch 3 tấn lương thực và sản phẩm từ hoa màu, chăn nuôi. Xã Má Lé có gia đình ông Hoàng Văn Nanh nuôi cá thả ruộng thu hàng triệu đồng một vụ; gia đình ông Hầu Chá Dế khai hoang ruộng bậc thang, thâm canh giống lúa mới. Xã Lũng Táo có gia đình ông Dinh Vản Páo chăn nuôi lợn, bò, mỗi năm xuất bán 5 đến 6 tạ lợn, 1 đến 2 con bò, thu lãi 2 đến 3 triệu đồng. Thị trấn Phó Bảng có gia đình ông Lý Hội Vần, bà Lục Thị Hải làm nghề thủ công, trồng cây ăn quả, cây dược liệu cho thu nhập khá. Xã Phố Cáo có gia đình ông Thào Sè Páo thâm canh lúa và chăn nuôi cho thu nhập 10 đến 15 triệu đồng mỗi năm. Xã Lũng Thầu có gia đình ông Giàng Nhè Sùng kết hợp trồng trọt với nuôi 40 tổ ong cho thu nhập 10 triệu đồng một năm. Xã Vần Chải có gia đình ông Sùng Ché Vàng trồng lúa thu hoạch 3 triệu đồng một năm, trồng 2 ha cây thông, nuôi 8 con bò, 6 con lợn... Năm 1991, toàn huyện có 3.064 hộ nghèo đói, chiếm 21,8% tổng số hộ; đến năm 1995 đã giảm xuống còn 18%, số hộ kinh tế khá 898, số hộ trung bình đủ ăn 4.385. Sản xuất phát triển, thu nhập của gia đình nông dân tăng, phong trào làm nhà lợp ngói phát triển, đến năm 1995, có 1.916 hộ nông dân có nhà lợp ngói. Sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đối với mô hình kinh tế hộ là phù hợp thực tế, do đó trong vòng 5 năm kinh tế nông, lâm nghiệp có bước phát triển giảm được số hộ đói nghèo, tăng số hộ có thu nhập khá và trung bình đủ ăn.

Song song với việc lãnh đạo phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất, Đảng bộ huyện thường xuyên chăm lo phát triển văn hóa - xã hội, chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc.

Giáo dục đào tạo nâng cao dân trí là nhiệm vụ cấp bách để ngăn chặn tình trạng xuống cấp, trường không ra trường, lớp không ra lớp. Đảng bộ huyện chỉ đạo tập trung ưu tiên vốn mở rộng các điểm trường, lớp học đến từng xóm bản. Do nguồn vốn của huyện ít mà nhu cầu xây dựng trường, lớp học lớn, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục, đào tạo, huyện đã vận động nhân dân tự đóng góp là chính, huyện hỗ trợ một phần. Đến năm 1995, toàn huyện sửa chữa và nâng cấp 93 điểm trường, 144 xóm trong tổng số 218 xóm đã có lớp học. Số lượng học sinh đến lớp, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên. Số trẻ từ 6 đến 14 tuổi đến lớp học chiếm 23,32%; số học sinh đến lớp mỗi năm tăng 28%. Huyện đã cố gắng đẩy mạnh công tác giáo dục bằng nhiều hình thức, giáo viên dạy thêm giờ, thêm lớp, bộ đội biên phòng tham gia dạy học nơi đóng quân; tăng

cường các lớp xóa mù chữ, lớp học linh hoạt, dân nuôi; đào tạo bổ túc văn hóa cho cán bộ xã và giáo viên sư phạm (9+1) để phục vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo. Đối với loại hình trường phổ thông nội trú, huyện chỉ đạo nhân rộng mô hình trường nội trú dân nuôi để nâng cao tính xã hội hóa công tác giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân, nâng cao chất lượng học tập. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện đạt được những tiến bộ trong 5 năm (1991 - 1995) là do Đảng bộ huyện quan tâm lãnh đạo, vận động được đông đảo đội ngũ giáo viên, các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc đóng góp công sức. Tuy nhiên, sự nghiệp giáo dục, đào tạo của huyện còn nhiều khó khăn, cơ sở trường, lớp, trang thiết bị dạy và học còn thiếu thốn; lực lượng giáo viên còn thiếu, số đông là giáo viên đào tạo cấp tốc (9+1) còn hạn chế về khả năng dạy học; nhiều xã chưa đủ cơ sở vật chất và giáo viên để mở các lớp cấp II[(1)], một số học sinh học xong phổ thông cơ sở chưa được học tiếp đã phần nào ảnh hưởng đến sự nghiệp giáo dục và việc tạo nguồn cán bộ địa phương của huyện. Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của huyện. Đảng bộ phải tập trung lãnh đạo để đưa sự nghiệp giáo dục đào tạo phát triển ngang tầm nhiệm vụ cách mạng.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo củng cố tổ chức, kiện toàn mạng lưới cán bộ từ cơ sở đến trung tâm y tế huyện, cơ sở vật chất và thiết bị y tế được bổ sung. Hoạt động y tế phát huy được tác dụng ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh lây lan như não mô cầu, sốt rét... Phòng chống sốt rét đã điều trị dự phòng 7.920 lượt người, tẩm màn chống muỗi 1.000 cái; để phòng chống bệnh bướu cổ đã thực hiện tốt việc kiểm nghiệm muối i-ốt lưu thông trên địa bàn. Tiêm chủng mở rộng đủ 6 loại vắc-xin cho trẻ từ 0 đến 10 tuổi thực hiện đạt 16,7%.

Chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh. Công tác truyền thông dân số, vận động tự nguyện thực hiện và tăng cường các dịch vụ kỹ thuật tại Trung tâm Y tế huyện và các trạm y tế cơ sở có hiệu quả, hạ tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của huyện giảm từ 3,5% (năm 1991) xuống còn 2,74% (năm 1995). Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình ở huyện vùng cao Đồng Văn còn mang ý nghĩa chính trị, kinh tế, thể hiện sự quan tâm toàn diện của Đảng bộ đến sự phát triển của các dân tộc. Nhân dân các dân tộc càng tin yêu và quyết tâm đi theo con đường cách mạng của Đảng.

Đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân được quan tâm, huyện đã chỉ đạo các đội thông tin lưu động phục vụ nhân dân xóm bản vùng sâu vùng xa, hoạt động văn

---

(1). Đến năm 1995, toàn huyện có 3 điểm trường cấp II ở xã Lủng Phìn, Phó Bảng, Đồng Văn; 3 trường nội trú dân nuôi ở xã Lũng Thầu, Tả Phìn, Sủng Là.

nghệ ngày chợ, tổ chức ngày hội văn hóa các cụm dân cư, tổ chức thành công ngày hội văn hóa các dân tộc toàn huyện lần thứ I, đưa trạm thu phát lại truyền hình của huyện vào hoạt động; phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa phát triển, đã khơi dậy bản sắc văn hóa dân tộc, các hủ tục lạc hậu như ma to, cưới lớn và các tệ nạn xã hội giảm dần. Nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng bộ huyện xác định lãnh đạo thực hiện công tác quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trung tâm thường xuyên. Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh công tác giáo dục nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Nhân dân tích cực tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, tuyển chọn thanh niên nhập ngũ hoàn thành chỉ tiêu; tham gia chọn cử người vào lực lượng dân quân; tham gia luyện tập các phương án sẵn sàng đối phó với thủ đoạn gây rối, gây bạo loạn của địch. Đảng bộ chỉ đạo đưa 172 hộ với 1.204 nhân khẩu ra vùng giáp biên giới, tiếp nhận 247 hộ với 1.496 nhân khẩu từ tuyến hai hồi hương. Tập trung chỉ đạo nhân dân ổn định đời sống, rà phá mìn để giải phóng đất canh tác, thực hiện tốt đoàn kết giữa các dân tộc, giữ vững an ninh biên giới. Đồng thời Đảng bộ chỉ đạo và tăng cường công tác đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, thực hành tiết kiệm xây dựng lòng tin của nhân dân với bộ máy Đảng và chính quyền địa phương, không để xảy ra "điểm nóng" về an ninh trật tự, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn. Trong cuộc vận động nhân dân các xã biên giới xây dựng nông thôn mới, nhân dân đã cam kết thực hiện quy ước:

1. Không nghe theo lời người xấu rủ rê.

2. Không nghe lời họ truyền đạo trái phép.

3. Không mang tài liệu đưa cho kẻ xấu, không nhận làm bất cứ việc gì mà họ giao, không nhận tiền, quà biếu rồi bắt buộc phải làm việc cho họ.

4. Tổ chức lại nơi ở để nhiều nhà gần nhau, liên kết với nhau để xây dựng thôn bản.

5. Tham gia tuần tra bảo vệ thôn bản.

6. Chấp hành sự hướng dẫn của chính quyền và bộ đội về việc qua lại biên giới.

7. Tích cực bảo nhau không ma to, cưới to, không đẻ nhiều, tiết kiệm để dành lúc giáp hạt, phải trồng cây giữ nguồn nước, trồng cây ăn quả, cây làm thuốc và chăn nuôi bò, dê, lợn, gà để có thêm thu nhập.

8. Mọi nhà mọi người thi đua giữ gìn an ninh trật tự, lập ra tổ an ninh tự quản để giữ cuộc sống yên lành, hạnh phúc.

Nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được triển khai toàn diện, nhân dân nhiệt tình tham gia đã góp phần bảo vệ vững chắc vùng biên giới của Tổ quốc.

Trong giai đoạn 1991 - 1995, trên địa bàn huyện Đồng Văn đã xảy ra một số vụ phụ nữ, trẻ em bị mất tích không rõ nguyên nhân, gây ra tâm lý hoang mang trong nhân dân các dân tộc vùng biên giới của toàn huyện. Đây là một loại hình tội phạm mới được phát hiện trên địa bàn huyện Đồng Văn, dù số vụ xảy ra chưa nhiều nhưng tính chất của các vụ việc đặt biệt nghiêm trọng, gây mất ổn định về an ninh trật tự trong vùng. Với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân, tinh thần quyết tâm mang lại hạnh phúc cho các gia đình mất vợ, mất con, lực lượng công an huyện Đồng Văn đã phối hợp với các lực lượng kịp thời điều tra, đưa ra truy tố, xét xử nghiêm minh các đối tượng phạm tội, giải tỏa tâm lý lo sợ bị bắt cóc cho đồng bào các dân tộc trong toàn huyện, đặc biệt là tại các địa phương vùng biên giới, giúp nhân dân yên tâm sản xuất[1].

Trên mặt trận đấu tranh chống xâm canh, xâm cư, trong những năm 1991 - 1995 phía đối phương có nhiều thủ đoạn mới. Những nơi mà phía Trung Quốc thường xuyên lấn chiếm, cho dân xâm canh, xâm cư là các khu vực mốc 11 thuộc Phố Bảng, khu vực Séo Lủng, xã Lũng Cú... Đảng bộ Đồng Văn đã lãnh đạo nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, thực hiện nhiều giải pháp, góp phần bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Ngày 04/3/1992, xảy ra sự kiện: có 15 người dân và bộ đội Trung Quốc đem theo vũ khí xâm nhập vào xóm Séo Lủng, xã Lũng Cú, ngang ngược tuyên bố: Đất xóm Séo Lủng là lãnh thổ của Trung Quốc, rồi nổi lửa đốt nhà của nhân dân ta, khiến 18 ngôi nhà bị cháy, 3.520 kg lương thực và nhiều tài sản khác của nhân dân ta cũng bị cháy. Người Mông ở Séo Lủng, xã Lũng Cú bao đời nay yên ổn sinh cơ lập nghiệp tại mảnh đất của cha ông truyền lại. Cuối năm 1979, đầu năm 1980 nhân dân xóm Séo Lủng phải sơ tán vào nội địa, đến tháng 8/1991 mới trở lại xóm cũ.

Trước khi gây ra sự kiện ngày 04/3/1992, phía Trung Quốc đã cho thám báo nhiều lần xâm nhập vào xóm Séo Lủng tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc, yêu cầu dân ta rời khỏi Séo Lủng. Chúng đe dọa, rồi chúng gieo rắc tai họa nhân dân ta ở Séo Lủng.

Trước tình hình đó, Đảng bộ, chính quyền huyện Đồng Văn kết hợp với Đồn Biên phòng Lũng Cú đã có ngay kháng thư gửi sang Trạm biên phòng Mã Lình và chính quyền huyện Ma Ly Pho, yêu cầu họ cử đại diện tới ngay xóm Séo Lủng để cùng phía Việt Nam xem xét, giải quyết hậu quả do hành động sai trái của phía Trung

[1]. Theo *Lịch sử Công an nhân dân Hà Giang (1945 - 2000),* Sđd, tr. 295 - 297.

Quốc gây ra. Phía Trung Quốc làm ngơ, không đến. Đảng bộ, chính quyền huyện và Đồn Biên phòng Lũng Cú đã giúp đỡ nhân dân về lương thực, quần áo, chăn màn, giúp dân xây dựng lại nhà, ổn định tư tưởng và sản xuất cho dân. Đồng thời, ta tiếp tục củng cố, xây dựng phương án đấu tranh bảo vệ nhân dân và lãnh thổ tại xóm Séo Lủng, tổ chức cho dân quân luyện tập, sẵn sàng và kịp thời ngăn chặn mọi hành động lấn chiếm liều lĩnh của phía Trung Quốc.

Nhằm tăng cường công tác quốc phòng - an ninh ở cơ sở, năm 1995, tỉnh và huyện triển khai củng cố các xã vùng biên giới, các khu vực trọng yếu của địa phương. Trọng tâm là nâng cao giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác quốc phòng - an ninh ở địa bàn; Củng cố dân quân xã đủ số lượng, đảm bảo chất lượng và mang tính rộng khắp, tiện huấn luyện và hoạt động phù hợp tổ chức chỉ huy khi xảy ra tác chiến. Qua củng cố đã làm chuyển biến số cơ sở yếu kém vươn lên thành khá và vững mạnh, xóa được nhiều xã yếu kém, nhiều "điểm nóng" về an ninh trật tự ở xã Phố Là và xã Phố Cáo; đồng thời xây dựng được nhiều điểm sáng về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội như ở Sà Phìn, Lũng Cú, Sủng Là, Phó Bảng.

Trong công tác xây dựng Đảng, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) Đảng bộ xác định rõ việc đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng là một nhiệm vụ trọng tâm. Đảng bộ đã đánh giá lại thực trạng tổ chức cơ sở Đảng để xác định kế hoạch đổi mới, chỉnh đốn cho phù hợp. Đối với cơ sở Đảng yếu kém, Đảng bộ phân công cấp ủy, Thường vụ trực tiếp chỉ đạo. Thực hiện đổi mới và chỉnh đốn tình hình các cơ sở Đảng có chuyển biến tiến bộ. Qua phân loại hàng năm có 31% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, 62% loại khá, loại yếu giảm từ 12% (năm 1992) xuống còn 6,9 % (năm 1995). Nhiều tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, xóa đói, giảm nghèo.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới chỉnh đốn Đảng, công tác đảng viên được tăng cường hơn tạo ra chuyển biến mới. Đến năm 1995, toàn Đảng bộ có 473 đảng viên, xóa được 29 xóm trước đây chưa có đảng viên, nâng số xóm có đảng viên lên 143 xóm trong tổng số 218 xóm của toàn huyện. Bước đầu làm tốt hơn việc tổ chức và hướng dẫn đảng viên nâng cao trình độ về mọi mặt như mở các lớp bổ túc văn hóa, lý luận chính trị, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tạo được chuyển biến trong nhận thức của đảng viên trong quá trình thực hiện Nghị

quyết của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, số đảng viên làm giàu từ kinh tế hộ gia đình ngày càng tăng. Qua phân loại hàng năm, đảng viên đạt phấn đấu tốt 65%, số đảng viên hạn chế từng mặt 32,8%, số đảng viên vi phạm cần xem xét 2,15%. Công tác phát triển Đảng được tiến hành thường xuyên, đã mở 26 lớp tìm hiểu về Đảng cho 265 người học, kết nạp 142 đảng viên mới trong đó 50% là đoàn viên, thanh niên, 78% là dân tộc ít người.

Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ được Đảng bộ tiến hành chặt chẽ theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóaVII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, kiện toàn, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phòng, ban chuyên môn[1], thành lập Ban Dân vận, thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân huyện để đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo bằng tổ chức[2]. Đảng bộ lãnh đạo cải tiến tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, đổi mới công tác bầu cử, giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn để nhân dân lựa chọn bầu vào các cơ quan dân cử, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

Ngày 20/11/1994, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn huyện Đồng Văn diễn ra thành công tốt đẹp. Đồng chí Ly Mí Pó được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện[3]; đồng chí Vương Mí Vàng được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế quản lý mới, thực hiện dân chủ hóa xã hội vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong việc vận động quần chúng thực hiện chính sách dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp được Đảng bộ quan tâm lãnh đạo. Xác định rõ ràng trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị, tính tích cực, vai trò chủ động và sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong công tác tập hợp, giáo dục và tổ chức quần chúng. Hoạt động của các đoàn thể được đổi mới, bước đầu đem lại hiệu quả trên nhiều mặt, đáp ứng tốt hơn lợi ích, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, khắc phục một bước tình trạng "xơ cứng", hoạt động hành chính, bảo đảm việc quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ và công tác cán bộ trong các đoàn thể.

5 năm (1991-1995) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII,

---

[1]. Quyết định số 47-QĐ/HU ngày 17/2/1995 của Huyện ủy Đồng Văn về tách chi bộ khối dân Đảng thành ba chi bộ, trực thuộc Huyện uỷ: Chi bộ khối Dân vận, Chi bộ ba Ban xây dựng Đảng và Chi bộ Văn phòng Huyện uỷ.

[2]. Quyết định số 45 - QĐ/HU ngày 02/12/1993 của Huyện ủy Đồng Văn về thành lập Ban Dân vận huyện Đồng Văn. Quyết định số 46 - QĐ/HU ngày 02/12/1993 của Huyện ủy Đồng Văn về thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân huyện. Quyết định số 47 - QĐ/HU ngày 02/12/1993 của Huyện ủy Đồng Văn về thành lập Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân huyện.

[3].Theo tư liệu đồng chí Hoàng Quốc Tôn - Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đồng Văn cung cấp.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XV với phương châm kiên định đường lối đổi mới của Đảng, khắc phục mọi khó khăn, cần cù, chịu khó vươn lên, toàn Đảng bộ đã đoàn kết, nhất trí, phát huy tính tự lực tự cường với sự lãnh đạo và giúp đỡ của tỉnh, của Trung ương đã đạt kết quả trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân từng bước được nâng lên; an ninh chính trị được giữ vững; công tác xây dựng Đảng có những chuyển biến tích cực về số lượng, chất lượng và nội dung phương thức hoạt động. Đạt được những kết quả đó là do Đảng bộ huyện đã quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng bộ tỉnh Hà Giang cụ thể hóa bằng Nghị quyết Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ huyện một cách sát thực, cùng với giúp đỡ của Trung ương, của Tỉnh ủy và sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Đảng bộ huyện và nhân dân tạo thành sức mạnh to lớn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị trên địa bịa bàn huyện, xây dựng huyện Đồng Văn từng bước giàu mạnh và văn minh.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG HUYỆN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN, TĂNG CƯỜNG XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO (1996 - 2005)

Cuối năm 1995, đất nước ta đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tình trạng đình đốn trong sản xuất, rối ren trong lưu thông được khắc phục. Kinh tế tăng trưởng nhanh, nhịp độ tăng tổng sản phẩm trong nước GDP bình quân hằng năm thời kỳ 1991 - 1995 đạt 8,2%. Lạm phát được đẩy lùi từ 774,7% (năm 1986) xuống còn 67,1% và đến năm 1995 còn 12,7%. Đầu tư toàn xã hội bằng nguồn vốn trong và ngoài nước so với GDP năm 1990 là 15,8%, năm 1995 là 27,4%. Lương thực không những đủ ăn mà còn xuất khẩu mỗi năm 2 triệu tấn gạo.

Tháng 6/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội chỉ rõ... "đến nay thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi về chất. Nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài hơn 15 năm, tuy còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới; đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước[(1)].

Từ ngày 25 - 28/4/1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XII họp tại thị xã Hà Giang đã kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI, đồng thời đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: "Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phát triển

[(1)]. Báo cáo chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VII về văn kiện trình Đại hội VIII, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.12.

kinh tế - xã hội trong tỉnh. Khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của cả ba vùng, phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh, sản xuất hàng hóa phát triển trong nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, văn hóa, thông tin, thể thao, y tế và thực hiện kế hoạch hóa dân số, phấn đấu giảm bớt khoảng cách giữa các vùng về đời sống và tiến bộ xã hội. Bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở các cấp, hiệu lực điều hành, quản lý của chính quyền và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể đảm bảo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"[(1)].

Thành tựu to lớn của đất nước, thành công của Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh đã tác động tới tỉnh Hà Giang nói chung và huyện Đồng Văn nói riêng. Trong những năm qua bằng sự cố gắng của chính mình, được sự giúp đỡ của cả nước và của tỉnh Hà Giang, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã giành được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đời sống vật chất của đại bộ phận nhân dân có bước cải thiện, trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa khá hơn trước, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo được nhân dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân các dân tộc với chế độ, với Đảng và Nhà nước được khẳng định. Bên cạnh những thành tựu đạt được cũng còn nhiều khó khăn, yếu kém của một huyện vùng cao núi đá, nhiều thế mạnh, tiềm năng chưa được khai thác.

Để phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những mặt còn yếu kém, đưa huyện Đồng Văn không ngừng phát triển, thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 09/3/1995 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) về tổ chức Đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ XVI, nhiệm kỳ 1996 - 2000, họp từ ngày 03 - 05/02/1996 tại huyện lỵ Đồng Văn với tổng số 126/130 đại biểu được triệu tập đại diện cho 473 đảng viên về dự Đại hội[(2)]. Đại hội đã tập trung thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII sẽ trình Đại hội VIII của Đảng; kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI gồm 33 đồng chí, đồng chí Nguyễn Huy Nạp được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Mai Tiến Hùng và đồng chí Vương Mí Vàng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

---

(1). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XII, tr.27.

(2). Theo Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 05/02/1996 của Huyện ủy Đồng Văn về Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XVI.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XVI đã xác định phương hướng phát triển trong những năm tới là: Tập trung mọi nguồn lực trong huyện, tận dụng thời cơ tranh thủ thu hút mọi nguồn lực vốn đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, phát triển kinh tế - xã hội trong huyện, nhất là về đường giao thông, nước sinh hoạt, công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, trường học, trạm xá... bảo đảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế của từng vùng để tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về sản xuất hàng hóa trong nền kinh tế thị trường, hướng vào mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo, văn hóa thông tin, thể dục thể thao và kế hoạch hóa dân số. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng cường củng cố xây dựng Đảng vững mạnh trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong sạch vững mạnh bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới của Đảng ở địa phương.

Đại hội đã xây dựng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 là: Phải lấy phát triển kinh tế nông - lâm - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp để chuyển nền kinh tế tự cấp tự túc sang kinh tế hàng hóa, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm nhu cầu lương thực. Gắn phát triển kinh tế nông thôn với xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 10,4%; trong đó sản xuất nông - lâm nghiệp đạt 10,13%, công nghiệp - xây dựng đạt 21,2%, dịch vụ 13%. Nâng cấp các tuyến đường ô tô đến Ủy ban nhân dân 6 xã còn lại, đẩy mạnh mở mới các tuyến đường giao thông liên xóm, bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa và đi lại của nhân dân. Về giáo dục, đạt tỷ lệ 80% con em trong độ tuổi đến trường học, xóa mù chữ cho 80% số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi. Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,74% xuống còn 2,2% vào năm 2000. Cơ bản xóa đói, giảm nghèo, đủ nước ăn và nâng cao một bước về đời sống kinh tế, văn hóa tinh thần của nhân dân.

Chủ trương, đường lối, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội những năm 1996 - 2000 do Đại hội VIII của Đảng, Đại hội XII của Đảng bộ tỉnh Hà Giang, Đại hội XVI của Đảng bộ huyện Đồng Văn đề ra được quán triệt sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện. Quá trình tổ chức thực hiện được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và sự giúp đỡ của Trung ương, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã nỗ lực phấn đấu, kiên trì, bền bỉ vượt qua những khó khăn thử thách giành được những thành quả to lớn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện đạt 6,96%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, trong

đó, công nghiệp - xây dựng 6,9%, thương mại - dịch vụ tăng 10%. Tiếp thu khoa học kỹ thuật, trồng các loại cây giống mới năng suất cao; tích cực đầu tư thâm canh đảm bảo đủ lương thực tại chỗ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Về phát triển sản xuất, Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp để xóa đói giảm nghèo, tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 85% tổng thu nhập quốc dân của toàn huyện, việc tăng năng suất sản lượng nông nghiệp đã góp phần vào tăng thu nhập quốc dân 5% - 6%/năm. Đảng bộ chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, phá thế độc canh cây ngô, mở rộng diện tích thâm canh. Diện tích gieo trồng hằng năm tăng so với năm trước[(1)]. Việc đầu tư ngô, lúa giống mới đã được nhân dân chú trọng và chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong tổng số diện tích gieo trồng. Cây ngô năm 1996 có 999 ha trồng giống mới; đến năm 2000, tăng lên 252 ha, gấp 2,5 lần, chiếm 32,8% diện tích trồng ngô. Diện tích thâm canh cây ngô năm 2000 đạt 3.500 ha, tăng gấp 3,5 lần so với năm 1996.

Năng suất bình quân ngô giống mới thâm canh đạt 26 tạ/ha (năm 1999), tăng 30% so với năm 1996. Năm 1996, diện tích gieo trồng giống lúa lai chiếm 30%, đến năm 2000, diện tích gieo cấy đạt 94%. Năng suất bình quân 48,3 tạ/ha (năm 1999), gấp 2 lần so với năng suất lúa địa phương, góp phần đưa sản lượng lúa hàng năm tăng 70% - 80%, tăng đột biến, là do công tác khuyến nông chuyển giao kỹ thuật cho nông dân được đẩy mạnh. Tổng sản lượng lương thực tăng bình quân hàng năm 20%, năm 1996 đạt 13.000 tấn, năm 2000, đạt 16.000 tấn. Bình quân lương thực đầu người năm 2000 đạt 293,2 kg, tăng 9,2% so với năm 1999. Cơ bản huyện giải quyết được cân đối lương thực tại chỗ, góp phần quan trọng đẩy nhanh tiến trình xóa đói, giảm nghèo.

Cùng với việc tích cực gieo cấy cây lương thực, nhân dân chú trọng gieo trồng các loại cây hoa màu, đặc biệt là cây đậu tương giống mới được nhân dân đầu tư, tăng nhanh diện tích gieo trồng, mở rộng diện tích xuống chân ruộng một vụ và đẩy mạnh diện tích gối vụ. Kết quả, cây đậu tương gieo trồng năm 2000 đạt 1.100 ha, tăng 727 lần so với năm 1996, năng suất bình quân 4,6 tạ/ha, tạo ra lượng hàng hóa đáng kể lưu thông trên thị trường.

Chăn nuôi được đẩy mạnh phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Tổng đàn gia súc huyện từ năm 1996 đến năm 2000 tăng bình quân từ 3% đến 5%, riêng đàn ong mật 6,4%. Huyện đã chú trọng công tác thú y, phòng chống dịch bệnh đảm bảo

---

[(1)]. Diện tích trồng ngô năm 1999 tăng 32 ha, diện tích cây lúa tăng 20 ha, diện tích trồng đậu tương tăng 508 ha so với năm 1997.

cho đàn gia súc phát triển. Đặc biệt trong giai đoạn 1998 - 2000, tỉnh có chủ trương cho các hộ nghèo vay vốn mua bò, dê chăn nuôi thì phong trào chăn nuôi ở huyện Đồng Văn ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu sản xuất và cung cấp thực phẩm cho thị trường, tăng thu nhập cho người chăn nuôi.

Về lâm nghiệp, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác khoanh nuôi, quản lý, bảo vệ, tái sinh rừng và cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các tổ chức xã hội và hộ gia đình, thực hiện rừng có chủ. Phát động nhân dân trồng cây lâm nghiệp xã hội hàng năm từ 50.000 đến 60.000 cây các loại. Năm 1999, tổ chức trồng 14.320 cây lê, tương đương 94,4 ha, trồng mới 15 ha chè ở xã Lũng Phìn và Vần Chải, đưa tổng diện tích chè lên 51,6 ha, góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao độ che phủ rừng đến năm 2000 đạt 19,48%.

Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương, của tỉnh, tháng 9/1996, huyện Đồng Văn đã khánh thành thủy điện Séo Hồ cung cấp điện cho huyện Đồng Văn và huyện Mèo Vạc. Đến năm 1999, hòa mạng điện lưới quốc gia. Có điện thắp sáng góp phần nâng cao dân trí, phục vụ sinh hoạt và sản xuất, làm thay đổi bộ mặt của xã hội.

Thủ công nghiệp có bước phát triển, chủ yếu tập trung vào sản xuất vật liệu phục vụ cho xây dựng như khai thác đá, nghiền đá thay cát làm vật liệu xây dựng, sản xuất gạch, ngói địa phương, đồng thời đầu tư phát triển mạnh hệ thống máy xay xát ngô, lúa, bình quân mỗi xã có 4 máy nghiền ngô. Các ngành nghề truyền thống như sản xuất nông cụ, đan lát, thêu của địa phương được duy trì phát triển tạo ra sản phẩm hàng hóa nâng cao đời sống nhân dân.

Giao thông vận tải, với sự đầu tư của Nhà nước và đóng góp của nhân dân, các tuyến đường trên địa bàn huyện đã được nâng cấp và mở mới. Đến năm 2000, 19 xã, thị trấn đều đã có đường ô tô đến trung tâm xã. Từ năm 1996 - 2000, huyện đã xây dựng 15 công trình giao thông, trong đó mở mới 72,45 km đường ô tô, 29 km đường dân sinh, tổng số vốn đầu tư 17.893 triệu đồng, nhân dân đóng góp 864.067 ngày công tương đương 8.640.670.000 đồng. Đi đôi với việc nâng cấp, mở mới các tuyến đường giao thông, trong những năm 1996 - 2000 nhân dân đã tích cực mở mới các tuyến đường liên xóm, liên bản, tạo điều kiện cho việc đi lại giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các xã, các vùng được thuận tiện.

Nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu cũng như mở rộng quan hệ với nước bạn Trung Quốc, ngày 11/4/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 250/QĐ-UB về giao chỉ tiêu kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1995.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao huyện Đồng Văn làm chủ đầu tư xây dựng công trình đường Phó Bảng - Tả Kha. Ngày 30/6/1995, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Quản lý công trình do đồng chí Nông Kim Thành - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn làm Trưởng ban. Quá trình thi công đến đoạn giáp biên giới, để đảm bảo có sự thống nhất, ngày 01/11/1995, Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn đã mời các Sở, Ban ngành liên quan đến thực địa tại cửa khẩu Tả Kha để tư vấn việc mở đường đoạn giáp ranh giữa 2 nước Việt Nam - Trung Quốc, lập biên bản thống nhất và trình tỉnh cho chủ trương thực hiện. Đến năm 1999, tuyến đường được nâng cấp mở rộng, tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp IV miền núi, chiều dài tuyến 3,63 km. Tổng kinh phí 2.499.065.000 đồng, nhân dân đóng góp 23.364 ngày công mở nền đường. Việc đầu tư xây dựng tuyến đường ra cửa khẩu Tả Kha đã tạo một bước tiến mới trong quan hệ với huyện Ma Ly Pho - Trung Quốc, tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân hai bên biên giới quan lại thăm thân, trao đổi hàng hóa phát triển kinh tế địa phương[1].

Về xây dựng cơ bản, huyện đã xây dựng các công trình trường học, trạm y tế, trụ sở làm việc các xã, các cơ quan, ban ngành, cụm xã ngày càng khang trang. Tổng số vốn Nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản 18.406,4 triệu đồng, huyện đã xây dựng 112 phòng học, 4 trạm y tế xã, 11 trụ sở ủy ban nhân dân xã... Nhân dân đóng góp 450.210 ngày công tương đương 4.502.100.000 đồng.

Ngày 06/11/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 1385/UB-QĐ về phê duyệt dự án nghiên cứu khả thi xây dựng trung tâm cụm xã Phó Bảng huyện Đồng Văn. Mục tiêu của dự án là tập trung đầu tư vào trung tâm Phó Bảng, tạo điểm sáng trong vùng. Từ trung tâm cụm xã ở Phó Bảng tạo điều kiện thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào nhân dân trong cụm xã.

Trong những năm 1996 - 1999, thị trấn Phó Bảng đã được đầu tư các hạng mục công trình, bao gồm: Nhà văn hóa, cửa hàng thương nghiệp, kho trại giống, khu vệ sinh chợ, tường rào truyền thanh - truyền hình, trường bán trú (nay là trường Phổ thông dân tộc nội trú Phó Bảng), trường cấp I-II, cấp nước trung tâm thị trấn, đường trung tâm cụm xã (từ km 116), nhà chờ bến xe, trụ sở thị trấn, Trung tâm giống Phó Bảng, trạm cửa khẩu Tả Kha, nhà lớp học thôn Phố Trồ, bể nước trung tâm 50 m^3 và 6 bể nước công cộng khác... Tổng số vấn đầu tư các công trình là 12.996 triệu đồng. Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho bộ mặt thị trấn nơi biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và

[1]. *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Phó Bảng (1961 - 2018)*, Sđd, tr 118.

công tác đối ngoại của địa phương, tạo bước đột phá trong thực hiện thành công chương trình phối hợp giữa Hội Nông dân tỉnh và Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang về xây dựng điểm sáng biên giới thôn Tả Kha.

Thực hiện chương trình nước sinh hoạt, toàn huyện đã xây dựng 2.649 bể chứa nước, sửa chữa số bể đã hư hỏng. Xây dựng và nâng cấp 6 hệ thống nước tự chảy. Tổng số vốn xây dựng chương trình nước là 9.158,3 triệu đồng. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", toàn huyện đã xây dựng được 1.500 bể chứa nước hộ gia đình. Với những cố gắng trên đã giải quyết được tình trạng thiếu nước sinh hoạt cho nhân dân, đặc biệt là vào mùa khô.

Ngành Bưu chính - viễn thông ngày càng phát triển mạnh và hiện đại hóa, huyện được trang bị tổng đài điện tử và liên lạc qua các trạm vi ba số. Đến năm 2000, toàn huyện đã có 9 xã, thị trấn, trong đó có 8 xã giáp biên giới được trang bị thông tin liên lạc, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống. Mạng bưu chính ngày càng được củng cố và phát triển, các xã có nhân viên bưu chính, công tác vận chuyển tài liệu, công văn, thư, báo luôn kịp thời, chính xác, an toàn, cơ bản đáp ứng được sự chỉ đạo nhiệm vụ chính trị của địa phương góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

Có thể khẳng định, những năm 1996 - 2000, đặc biệt trong những năm 1998 - 2000, huyện Đồng Văn đã đạt nhiều kết quả trong công tác xây dựng cơ bản. Từ các chương trình, dự án của trung ương như chương trình 30a, 135 giai đoạn 1, 661... các dự án nước ngoài như Unfpa, Unicep, HPM, ADRA... đến các dự án của tỉnh được cụ thể hóa với công thức "mái nhà - bể nước - con bò và 2 bóng điện", nhân dân được hỗ trợ và đầu tư rất lớn. Các trụ sở làm việc của các cơ quan từ huyện đến xã, trường học, trạm y tế đều được xây dựng kiên cố, khang trang. Nhiều tuyến đường đi các xã, thôn được quan tâm mở rộng, dải nhựa, đổ bê tông. Các chương trình, dự án quy tụ dân cư, hạ sơn, di giãn dân biên giới, ổn định dân cư, nâng cấp và mở rộng chợ. Các trạm TVRO, truyền thanh, điện thắp sáng được phủ khắp huyện... Các chương trình, dự án về phát triển kinh tế - xã hội được Đảng bộ huyện lãnh đạo có hiệu quả. Qua đó, bộ mặt của huyện ngày càng đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được cải thiện một bước.

Bên cạnh những thành tích về phát triển kinh tế, huyện Đồng Văn còn có những mặt tồn tại, khuyết điểm cần phải khắc phục. Trong lãnh đạo về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa mạnh mẽ, chưa khai thác hết tiềm năng và nội lực của nhân dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, chưa đạt chỉ tiêu Đại hội XVI đề ra, tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp còn chiếm tỷ lệ

cao, kinh tế thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng còn chiếm tỷ lệ thấp, chưa tạo thành vùng sản xuất hàng hóa, kinh tế tự cấp, tự túc còn phổ biến, kinh tế quốc doanh chưa giữ được vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể hợp tác xã, mô hình kinh tế trang trại chưa phát triển.

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo của huyện những năm 1996 - 2000 có những bước chuyển biến mới, phát triển cả về số lượng và chất lượng, năm sau cao hơn năm trước. Ngành học phổ thông được duy trì và phát triển, toàn huyện có 22 trường với 182 điểm trường thu hút học sinh của 218 xóm bản ra lớp học. Năm học 2000 - 2001, số trẻ trong độ tuổi từ 6 đến 14 huy động ra lớp học 10.378 em học tại 551 lớp (đạt 95,19% kế hoạch), so với độ tuổi đạt 85,51%, tăng 52,19% so với năm học 1995 - 1996. Năm học 1998 - 1999, huyện khánh thành trường cấp II, III, qua đó tạo điều kiện hơn nữa cho con em địa phương đến trường, góp phần nâng cao dân trí. Thực hiện đa dạng hóa trường lớp, toàn huyện đã có 7 xã mở trường nội trú dân nuôi[(1)] để khắc phục tình trạng học sinh không học hết lớp, hết cấp, nhiều trường đã nâng cấp chất lượng và số lượng học sinh nuôi, dạy. Các cơ quan ban ngành, đoàn thể, đơn vị biên phòng nhận đỡ đầu các lớp xóa mù chữ phổ cập giáo dục tiểu học cho hội viên, đoàn viên, các đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Với những kết quả đã đạt được về giáo dục - đào tạo, năm 1999, huyện Đồng Văn đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học. Với những thành tích đã đạt được, Huyện Đồng Văn được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba. Tuy nhiên, sự nghiệp giáo dục đào tạo của huyện cũng còn nhiều mặt tồn tại: cấp ủy, chính quyền ở một số cơ sở thiếu quan tâm đến công tác giáo dục. Việc duy trì số lượng học sinh đến lớp chưa vững chắc, chất lượng giáo dục, đào tạo chưa đáp ứng với yêu cầu xã hội.

Công tác y tế và dân số - kế hoạch hóa gia đình được Đảng bộ huyện rất quan tâm. Trong những năm 1996 - 2000, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo củng cố mạng lưới y tế từ huyện tới cơ sở; đầu tư cơ sở vật chất, đến năm 2000, 100% số xã có trạm xá, công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đã có nhiều cố gắng. Các trương trình y tế quốc gia được đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả. Nhân dân đã tích cực phấn đấu thực hiện dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên từ 2,55% (năm 1996) xuống còn 2,17% (năm 2000), đạt được mục tiêu Đại hội XVI của Đảng bộ huyện đề ra.

Hoạt động văn hóa - thông tin ở cơ sở đã làm chuyển biến rõ nét nhận thức của nhân dân các dân tộc về đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

---

(1). 7 xã có trường nội trú dân nuôi là Lũng Thầu, Tả Phìn, Sủng Là, Thái Phìn Tủng, Sủng Trái, Vần Chải, Lũng Cú.

Nhân dân thực hiện tốt quy ước, hương ước của làng, bản; xây dựng, củng cố, nhân diện làng văn hóa, gia đình văn hóa. Đến năm 2000, đã có 58 làng văn hóa và 5.190 gia đình hóa.

Công tác truyền thanh - truyền hình của huyện đã thực hiện tốt nhiệm vụ tiếp âm, tiếp sóng Đài tiếng nói Việt Nam, đài địa phương, đáp ứng nhu cầu nghe nhìn của đông đảo quần chúng nhân dân lao động. Đến năm 2000, toàn huyện đã có 17 trạm TVRO, 3 trạm phát lại truyền, 2 trạm phát sóng FM, 5 trạm truyền thanh. Tỷ lệ truyền hình năm 2000 đạt 27,4%, tăng 19,6% so với năm 1996. Nhà nước bán trợ giá máy thu thanh cho nhân dân với tổng số 6.204 chiếc radio giúp cho dân nắm bắt kịp thời đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đạt hiệu quả. Huyện tiến hành điều tra, rà soát các hộ đói nghèo, lập danh sách đề nghị tỉnh hỗ trợ. Tập trung hỗ trợ nhân dân giải quyết khó khăn về nước sinh hoạt, chất lợp mái nhà, hỗ trợ các hộ nghèo vay tiền mua bò. Năm 1996, tỷ lệ hộ đói nghèo toàn huyện là 50,45%, đến năm 1997, còn 46,37%, trong đó có 28,67% hộ đói, 17,69% hộ nghèo. Số hộ đói nghèo toàn huyện được phân theo các nguyên nhân: Do thiếu kinh nghiệm làm ăn, thiếu vốn đầu tư cho sản xuất, do thiếu đất sản xuất, thiếu sức lao động, có đông người ăn theo.

Từ thực tế đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đã đề ra đến năm 2000, toàn huyện cơ bản không còn hộ đói, giảm hộ nghèo. Quan điểm của Đảng bộ huyện xóa đói, giảm nghèo là mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là chính sách lớn của Đảng, Nhà nước nhằm ổn định đời sống nhân dân, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, tạo đà phát triển văn hóa, khoa học kỹ thuật bền vững. Xóa đói, giảm nghèo không phải là bao cấp, cứu trợ xã hội mà phải bằng nội lực cộng đồng dân cư vươn lên bằng chính bàn tay, khối óc của mình, vay vốn phát triển sản xuất, chăn nuôi, ngành nghề. Đảng, Nhà nước gọi vốn cho vay, hướng dẫn cách làm ăn trong điều kiện dân trí còn thấp; với phương cách vừa làm vừa học hỏi, đúc rút kinh nghiệm, để người nghèo có điều kiện vươn lên tự lo cho mình là cơ bản. Với quan điểm xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo, huyện đã xác định những biện pháp chính để thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo:

1. Chính sách đất đai, tư liệu sản xuất đối với các hộ đói nghèo. Sử dụng đất tối đa để làm ra của cải vật chất, bắt đất quay vòng nhiều lần. Định canh định cư ổn định đời sống để phát triển sản xuất. Đẩy mạnh việc giao đất tới hộ nông dân. Điều chỉnh dân cư nội huyện, nội xã một cách hợp lý, tạo điều kiện cho các hộ có đủ đất sản xuất. Vùng thị trấn phát triển ngành nghề thủ công, cho vay vốn tạo tư liệu sản xuất, tạo việc làm tại chỗ tăng thu nhập trong dân.

2. Chính sách cho người nghèo vay vốn. Ngân hàng phục vụ người nghèo phải đảm bảo 90% số hộ đói nghèo được vay vốn để sản xuất. Thực hiện mức lãi suất ưu đãi đối với người nghèo. Các hộ nghèo được vay vốn không phải thế chấp tài sản mà căn cứ vào tín chấp.

3. Hướng dẫn người nghèo chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng tổ chức đội ngũ cán bộ tình nguyện giúp đỡ các xã yếu kém, hộ đói nghèo.

4. Chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhà nước hỗ trợ vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông, trụ sở ủy ban nhân dân xã, trạm y tế xã, trường học, nước sinh hoạt, mở mới các chợ nông thôn... theo phương châm Nhà nước góp vốn, nhân dân đóng góp công sức.

5. Chính sách giáo dục - chăm sóc sức khỏe. Đối với người nghèo không còn khả năng lao động, già cả cô đơn, trẻ em mồ côi cần được thực hiện trợ cấp xã hội hoặc nuôi dưỡng tập trung, ổn định đời sống cho họ. Con em hộ nghèo phải được miễn giảm học phí hoàn toàn ở tất cả các trường lớp. Chú trọng tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên vùng sâu, xa gắn bó với trường lớp, để con em hộ nghèo được đến lớp. Đặc biệt chú trọng đến cơ sở trường lớp, cơ sở vật chất giáo dục ở các xóm, bản vùng sâu, xa.

6. Những biện pháp tạo nguồn vốn. Để có điều kiện gọi vốn, tất cả các ngành phải có sự đầu tư để cùng nhau thực hiện xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn huyện đạt hiệu quả cao.

7. Chương trình vốn vay giải quyết việc làm 120. Các đoàn thể nhất là Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên tiếp tục tăng cường làm chủ dự án, đi sâu xuống xã, cơ sở vận động, tuyên truyền để cho các hội viên tham gia sâu rộng, tích cực vào chương trình xóa đói, giảm nghèo.

Công tác tuyên truyền trong nhân dân được đặt lên hàng đầu để mọi người hiểu tham gia thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm của các ngành, các cấp, các đơn vị, các xã.

Ngày 17/6/1998, huyện kiện toàn Ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo giao cho đồng chí Lưu Sần Vạn - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo đã quyết định phân công 19 thành viên trực tiếp phụ trách 19 xã, thị trấn để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo do huyện đề ra.

Đảng bộ huyện chỉ đạo chặt chẽ các ngành, các cấp và toàn dân tích cực tham gia xóa đói giảm nghèo, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 50,45% (năm 1996) xuống còn

33,29% (đầu năm 2000). Đời sống của cán bộ và nhân dân được cải thiện, các tai tệ nạn xã hội giảm, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Về quốc phòng - an ninh, trong thời gian này quan hệ giữa hai nước Việt - Trung đã trở lại bình thường, Hiệp định biên giới đã được Chính phủ hai nước ký kết, song an ninh chính trị vùng biên giới vẫn chưa ổn định. Tình trạng xâm canh, xâm cư, thay đổi hiện trạng đường biên mốc giới chưa được chấm dứt; các thế lực thù địch và chủ nghĩa đế quốc vẫn tìm mọi cách chống phá công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang nói chung, ở Đồng Văn nói riêng, lợi dụng cuộc sống của nhân dân còn khó khăn, dân trí thấp, chúng thực hiện "diễn biến hòa bình" bằng hình thức truyền đạo trái phép vào các dân tộc thiểu số gây chia rẽ mất đoàn kết dân tộc.

Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Hà Giang, Đảng bộ và chính quyền huyện Đồng Văn luôn cảnh giác và nhận thức rõ được tính thời cuộc, trên cơ sở đó đã có sự chỉ đạo kịp thời về công tác quốc phòng - an ninh. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với địa bàn huyện Đồng Văn, nhằm thực hiện mục tiêu Đại hội XVI của Đảng bộ huyện đề ra: Giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đồng Văn giàu đẹp, văn minh, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo tập trung giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm:

1/ Tổ chức sinh hoạt chính trị rộng rãi trong Đảng, trong quần chúng nhân dân nhằm nâng cao một bước về quan điểm tư tưởng, ý thức cảnh giác cách mạng trong tình hình hiện nay, đồng thời rà soát, đánh giá, phân loại chất lượng đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa biến chất.

2/ Tăng cường công tác nắm tình hình, công tác kiểm tra, kiểm soát đường biên, cột mốc, quản lý người qua lại biên giới.

3/ Tăng cường quản lý hộ tịch, hộ khẩu tại cơ sở xóm, bản.

4/ Đẩy mạnh và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội khác. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06/CP về phòng chống kiểm soát chất ma túy. Phát động sâu rộng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư.

5/ Những người được tiếp xúc và quản lý các thông tin tài liệu bí mật quốc gia phải đề cao tinh thần trách nhiệm bảo vệ, không tiết lộ những bí mật quốc gia với những người không có trách nhiệm, phải trung thực báo cáo tổ chức nếu tiết lộ bí mật cho người khác.

6/ Kiểm tra các dự án, công trình phát triển xây dựng miền núi, đảm bảo đời sống văn hóa, sức khỏe, dân trí cho nhân dân.

7/ Kiện toàn các tổ chức đoàn thể quần chúng ở cơ sở đi vào hoạt động thiết thực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

8/ Cùng với các lực lượng bộ đội biên phòng, công an, các ngành chức năng vận động nhân dân ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả các luận điệu tuyên truyền "Xưng vua, đón chúa" nhằm chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để chống phá cách mạng nước ta.

9/ Tăng cường quan hệ máu thịt các dân tộc huyện Đồng Văn nhằm ổn định và phát triển kinh tế gia đình và xã hội, xây dựng huyện Đồng Văn giàu đẹp, văn minh.

Thông qua sự chỉ đạo sát hợp, kịp thời của Đảng bộ, chính quyền huyện, về cơ bản tình hình quốc phòng - an ninh của huyện Đồng Văn được giữ vững, việc truyền đạo và theo học đạo trái phép đã được kiềm chế và ngăn chặn, nhân dân yên tâm lao động sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã lãnh đạo cả hệ thống chính trị đẩy mạnh việc phá bỏ cây anh túc thay bằng các cây trồng khác có giá trị kinh tế khác như khoai tây, đậu tương, cải dầu. Các ngành, các cấp đã khẩn trương vào cuộc, trong đó Mặt trận Tổ quốc huyện đã phối hợp với các đơn vị sang Vân Nam - Trung Quốc tìm mua 3,5 tấn hạt cải dầu, đậu tương cho các xã, thị trấn trồng để thay thế cây anh túc.

Bằng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, những diện tích trồng cây anh túc trước đây đã được thay thế bằng các cây trồng có giá trị khác, đồng bào không tái trồng cây anh túc, số người nghiện giảm dần, từ đó các tệ nạn xã hội được ngăn chặn và giảm dần, an ninh trật tự được đảm bảo. Với những thành tích đạt được, năm 1998 Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xóa bỏ cây thuốc phiện. Năm 2000, được Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy tặng Bằng khen.

Do trước đây thực hiện chủ trương trồng cây anh túc, nên số người nghiện trong huyện tương đối cao[1] Từ năm 1992, đồng thời với việc thực hiện phá bỏ cây anh túc, Nhà nước, tỉnh đã có chủ trương cai nghiên cho các đối tượng này. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, được sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng cơ sở vật chất, đồng thời thành lập Ban chỉ đạo cai nghiện do đồng chí Lưu Sần Vạn - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban. Trong thời gian hoạt động, Ban Cai nghiện của huyện đã vận động những người nghiện hút phải đi

[1]. Theo thống kê, trong giai đoạn 1992 - 1997, trên địa bàn huyện Đồng Văn có 589 người nghiện.

cai nghiện. Sau một thời gian thực hiện, toàn huyện đã vận động được hàng trăm người đi cai nghiện tập trung và cai nghiện tại cộng đồng. Bước đầu đã có một số người cai nghiện được hoàn toàn và trở về tái hòa nhập cộng đồng[1].

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng và có bước chuyển về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ đoàn kết, thống nhất cao về ý chí và hành động, lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có hiệu quả. Để nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, năm 1996, thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TW ngày 03/6/1995 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành quyết định thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện do đồng chí Triệu Việt Hùng làm Giám đốc, với chức năng bồi dưỡng về lý luận chính trị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên[2]. Thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII các tổ chức cơ sở Đảng tổ chức tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã tăng cường đoàn kết, thống nhất về nhận thức tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Các tổ chức cơ sở Đảng được thường xuyên quan tâm xây dựng, củng cố về tổ chức và năng lực lãnh đạo. Đến năm 2000, Đảng bộ huyện đã có 42 tổ chức cơ sở Đảng, tăng 9 tổ chức cơ sở so với năm 1996. Trong đó có 14 Đảng ủy, tăng 11 Đảng ủy so với năm 1996[3]. Chất lượng tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên, năm 1999 có 60%; tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở yếu kém. Tổ chức cơ sở Đảng làm tròn nhiệm vụ là hạt nhân lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ được nhân dân tin tưởng.

Đảng bộ quan tâm, giáo dục và rèn luyện đại bộ phận đảng viên nâng cao được ý thức, trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ đảng viên. Kết quả phân loại năm 1999, đảng viên đạt loại I có 87,6%, loại II 17,1%, loại III còn 0,7% giảm so với năm 1996 8,4%. Công tác kiểm tra Đảng được thực hiện đúng nguyên tắc, quy trình, Điều lệ Đảng, kết luận chính xác, có biện pháp uốn nắn lệch lạc và xử lý nghiêm minh đối với những tập thể, cá nhân đảng viên vi phạm khuyết điểm. Qua công tác kiểm tra từ năm 1996 đến năm 2000, Đảng bộ đã kiên quyết thi hành kỷ luật 24 đảng viên đã có những vi phạm điều lệ Đảng bằng các hình thức khai trừ, cảnh cáo, khiển trách.

---

[1]. Theo tư liệu đồng chí Lưu Sần Vạn - Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cung cấp.
[2]. Theo tư liệu đồng chí Nguyễn Văn Thanh cung cấp.
[3]. Ngày 26/11/1996, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập Đảng bộ cơ sở xã Sà Phìn. Theo Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Sà Phìn (1945 - 2015), xuất bản năm 2018, tr 135. Ngày 5/5/2000, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quyết định 109-QĐ/HU về việc thành lập Đảng bộ xã Sảng Tủng. Theo Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Sảng Tủng (1961 - 2018), xuất bản năm 2020, tr 156.

Song song với công tác giáo dục và sàng lọc đội ngũ đảng viên, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo sát sao công tác kết nạp đảng viên mới nhằm xóa xóm, bản "trắng" không có đảng viên. Từ năm 1996 - 2000, Đảng bộ đã kết nạp 520 đảng viên mới, vượt chỉ tiêu Đại hội lần thứ XVI Đảng bộ huyện đã đề ra 43%, đưa tổng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 951 đồng chí. Đặc biệt là đến năm 2000, Đảng bộ huyện xóa xóm bản "trắng" không có đảng viên, các xóm, bản trong toàn huyện đều có đảng viên được phân công phụ trách, quan hệ giữa dân với Đảng gần gũi, gắn bó hơn.

Công tác tổ chức cán bộ:

Tháng 5/1999, đồng chí Nguyễn Huy Nạp - Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện chuyển công tác khác, đồng chí Ly Mí Lử được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện đến khi tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện khóa mới (12/1999)[1].

Tháng 9/1999, đồng chí Nguyễn Huy Nạp được điều động về tỉnh nhận nhiệm vụ mới, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện bầu đồng chí Trần Quang Hà làm Bí thư Huyện ủy.

Năm 1999, Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang chỉ định bổ sung 5 đồng chí cán bộ tăng cường tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Đến năm 2000, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện có 34 đồng chí, trình độ văn hóa cấp III có 17 đồng chí, trình độ chuyên môn đại học, cao đẳng 10 đồng chí, trình độ chính trị cao cấp và đại học 7 đồng chí, trung cấp 2 đồng chí. Ban Thường vụ có 11 đồng chí. Việc kiện toàn và nâng cao trình độ đã nâng cao được năng lực lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thực hiện Nghị quyết số 14 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XII) ngày 29/6/1999 về việc "tăng cường cán bộ xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, xóa đói, giảm nghèo", cùng lực lượng cán bộ tỉnh tăng cường cho các xã vùng 3, xã đặc biệt khó khăn, Đảng bộ huyện đã chọn cử nhiều cán bộ, đảng viên xuống các xã để củng cố tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, xóa đói giảm nghèo, đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

Song song với việc bồi dưỡng cán bộ thông qua hoạt động thực tiễn, Đảng bộ huyện quan tâm chọn cử cán bộ đi đào tạo theo quy hoạch và bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên. Từ năm 1996 đến năm 2000, có 15 cán bộ tốt nghiệp đại học, 10 cán bộ tốt nghiệp cao cấp và cử nhân chính trị, trên

[1]. Theo tư liệu đồng chí Mùng Thị Chai cung cấp.

1.000 lượt cán bộ, đảng viên được bồi dưỡng về lý luận phổ thông, tìm hiểu về Đảng, quản lý Nhà nước, nghiệp vụ chuyên môn góp phần nâng cao năng lực của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng ở huyện và các cơ sở.

Công tác xây dựng chính quyền, huyện đã bố trí, xắp sếp lại chức danh một số cán bộ chủ chốt xã và các ngành, từng bước nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong việc cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Đảng bộ đã lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân xã Sính Lủng đạt kết quả, 99,85% cử tri toàn huyện đã đi bầu cử, trong đó có 15 xã tỷ lệ cử tri bầu cử đạt 100%. Ngày 14/11/1999, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo thực hiện cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân huyện đã kiện toàn và bầu cử các chức danh Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân, thành viên Ủy ban nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân huyện. Đồng chí Trần Quang Hà được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Ly Mí Lử được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Hội đồng nhân dân các xã cũng đã tiến hành kiện toàn các chức danh. Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hai cấp đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân từng bước được nâng lên.

Nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng, trong những năm qua Đảng bộ huyện đã quan tâm chỉ đạo củng cố về tổ chức bộ máy cán bộ và đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã phối hợp tổ chức tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua với nhiều hình thức khác nhau. Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư" được gắn liền với việc thực hiện tốt 9 nội dung Hội nghị đoàn kết các dân tộc của huyện đề ra. Vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; Phong trào "tín chấp" cho đoàn viên, hội viên vay vốn phát triển kinh tế gia đình; tham gia vận động xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra.

Đối với chính quyền và đoàn thể nhân dân các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở đã nêu cao được trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và quyết định những vấn đề trọng yếu mà chính quyền, các đoàn thể, các cơ sở đề xuất bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất, từng bước phát huy vai trò chủ động của cơ quan Nhà nước trong quản lý điều hành; phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đoàn thể và tính tích cực xã

hội của nhân dân.

Trong 5 năm (1996 - 2000), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã đạt được nhiều thành tích. Kinh tế có bước tăng trưởng khá, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, tình hình chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng ổn định. Tổ chức Đảng được xây dựng củng cố ngày càng vững mạnh, hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, đồng bào các dân tộc huyện Đồng Văn đoàn kết, gắn bó, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, cần cù trong lao động sản xuất. Tuy nhiên, những thành tựu đó mới chỉ là bước đầu, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì huyện Đồng Văn đang còn nhiều bất cập, hạn chế; tiềm năng, thế mạnh về đất đai, con người chưa được khai thác hết. Trong quá trình tổ chức chỉ đạo, còn có những giải pháp thiếu cụ thể nên một số nhiệm vụ trọng tâm của huyện đạt kết quả chưa cao. Việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn chậm, hiệu quả thấp. Tỷ lệ đói nghèo của nhân dân còn cao. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân còn trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Một bộ phận cán bộ, đảng viên trình độ hạn chế, còn thể hiện tư tưởng bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới cách nghĩ, cách làm, thiếu năng động, sáng tạo. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên có nơi, có lúc chưa sâu sát dẫn đến một số cán bộ, đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng.

Bước sang năm 2001, thời điểm kết thúc thế kỷ XX, bắt đầu thế kỷ XXI, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã trải qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ huyện, 15 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, kinh tế - xã hội Đồng Văn khởi sắc. Vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử trọng đại đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Đồng Văn vui mừng chào đón thành công của Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp tháng 4/2001 tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã kiểm điểm và đánh giá những thành tựu và khuyết điểm thời gian qua, đề ra những quyết sách cho thời kỳ tới, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vững bước tiến vào thế kỷ mới.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XIII họp từ ngày 04 - 06/12/2000 tại thị xã Hà Giang đã thông qua báo cáo kiểm điểm, đánh giá thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ nhiệm kỳ 2000 - 2005 và nêu rõ: "Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Vận dụng vào thực tế địa phương, khai thác tiềm năng, nội lực, thời cơ,

phát huy thành tựu và bài học kinh nghiệm đã đạt được, khắc phục khó khăn của một tỉnh nghèo đang tụt hậu xa hơn về kinh tế - xã hội, trình độ nhận thức hạn chế, cơ sở vật chất thấp kém, đời sống nhân dân còn khiêm tốn, khó khăn... Trong 5 năm tới Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta hãy nỗ lực phấn đấu để xây dựng tỉnh Hà Giang phát triển lên một bước mới, tăng trưởng kinh tế và thu nhập gấp đôi so với hiện nay[1].

Để phát huy thành tích đã đạt được, khắc phục những hạn chế và yếu kém, đưa huyện Đồng Văn vững bước tiến lên giành nhiều thắng lợi mới, từ ngày 18 - 19/10/2000, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVII. Tổng số đại biểu được triệu tập là 120 đồng chí đại diện cho 951 đảng viên của 46 chi, đảng bộ về dự đại hội[2].

Đại hội đã tham gia góp ý kiến vào văn kiện Trung ương chuẩn bị trình Đại hội IX của Đảng; tham gia đóng góp ý kiến vào văn kiện chuẩn bị trình Đại hội XIII của Đảng bộ tỉnh. Đại hội đã thảo luận đánh giá những kết quả đạt được và những yếu kém, tồn tại trong nhiệm kỳ tới, phân tích, nhận định, đánh giá tình hình thuận lợi, khó khăn khi bước vào thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ mới. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2005.

Đại hội xác định mục tiêu chủ yếu đến năm 2005 là: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm từ 10 đến 11%. Trong đó, nông lâm nghiệp tăng từ 6 đến 7%; công nghiệp xây dựng tăng 14% đến 16%; dịch vụ, thương mại tăng từ 12% đến 14%. Cơ cấu kinh tế (GDP) nông - lâm nghiệp chiếm 52%; công nghiệp, xây dựng chiếm 19%; dịch vụ, thương mại chiếm 29%. Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp hai lần so với năm 2000. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 2.400.000 đến 2.500.000 đồng (tương đương 170 - 175 USD), xóa hết hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 15% vào năm 2005; thu ngân sách trên địa bàn mỗi năm từ 1,4 đến 1,5 tỷ đồng. Tổng sản lượng quy thóc đạt từ 18.500 đến 19.000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt trên 300 kg/người/năm. Ổn định, điều hòa dân cư, phấn đấu đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ngoài huyện từ 5.000 đến 10.000 người. Tỷ lệ học sinh đến trường trong độ tuổi (6 đến 14) trên 90%; 30 - 35% số xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 2,17% xuống còn 1,82%. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVII gồm 23 đồng chí. Đồng chí Trần Quang Hà - Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy được bầu làm Bí thư Huyện ủy,

---

[1]. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2000 - 2005, tr.24.

[2]. Theo Nghị quyết số 01-NQHU ngày 19/10/2000 của Huyện ủy Đồng Văn về Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2000 - 2005.

đồng chí Đào Gia Như và đồng chí Ly Mí Lử được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XVII đã góp phần cùng nhân dân cả nước lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX - Đại hội mở đầu thiên niên kỷ mới, là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, thể hiện ý chí kiên cường và niềm hy vọng lớn lao của cả dân tộc. Những quyết sách lớn của Đại hội IX và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã được quán triệt sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ huyện, được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu từng bước vượt qua những khó khăn của một huyện vùng cao biên giới, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội đề ra.

Đảng bộ coi lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu cơ bản về phát triển kinh tế đều đạt và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 9,83%, tăng 1,2% so với nhiệm kỳ trước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm nhưng vẫn theo hướng tích cực, tỷ trọng nông - lâm nghiệp chiếm 51%; dịch vụ - thương mại chiếm 29,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 19,5%; thu nhập bình quân đầu người đạt 3,3 triệu đồng/năm.

Lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp, sản xuất lương thực được Đảng bộ thường xuyên quan tâm, vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu giống, đầu tư thâm canh tăng năng suất. Năm 2005, diện tích trồng ngô giống mới chiếm 24,8% tổng diện tích gieo trồng ngô, diện tích lúa giống mới chiếm 89% so với diện tích gieo trồng lúa. Diện tích trồng ngô thâm canh đạt 5.200 ha, chiếm 81% diện tích trồng ngô và tăng 1,48 lần so với năm 2000, năng suất bình quân đạt 22,5 tạ/ha, tăng 5,3 tạ so với năm 2000. Diện tích lúa thâm canh đạt 580 ha, chiếm 92,3% diện tích lúa và tăng gần 1,5 lần so với năm 2000. Sản lượng lương thực năm 2005 đạt 17.500 tấn, tăng 1.900 tấn so với năm 2000. Bình quân lương thực đầu người đạt 310 kg/người/năm, tăng 24 kg so với năm 2000. Cơ bản đáp ứng được nhu cầu về lương thực trên địa bàn huyện.

Các cây trồng truyền thống có giá trị kinh tế được duy trì và phát triển như chè toàn huyện đã có 255 ha, thảo quả có 5 ha, cây ăn quả 385 ha, đậu tương 1.500 ha, đồng thời nhân dân cũng đã mạnh dạn chuyển đổi diện tích đất trồng ngô kém hiệu quả, trồng cây mới có giá trị kinh tế như trồng hoa hàng hóa, trồng cỏ thức ăn gia

súc theo mô hình cho thu hoạch 15 triệu đồng/ha.

Lĩnh vực chăn nuôi được Nhà nước cho vay vốn hỗ trợ sản xuất nên phát triển nhanh, tổng đàn gia súc hàng năm tăng từ 3% - 5%. Đến năm 2005, toàn huyện có 14.530 con trâu, bò, tăng 2.430 con so với năm 2000; 11.250 con dê, tăng 4.050 con so với năm 2000. Bình quân mỗi hộ gia đình có 1,3 con bò, 1 con dê. Toàn huyện có 18.700 con lợn; 134.600 con gia cầm; 3.400 tổ ong mật.

Lĩnh vực lâm nghiệp, huyện đã chỉ đạo kết hợp chặt chẽ các lực lượng công an, bộ đội biên phòng, quân sự, kiểm lâm của huyện và xã, thị trấn trong công tác phòng chống và chữa cháy rừng. Nhận thức của nhân dân về công tác bảo vệ rừng từng bước được nâng lên. Công tác khoanh nuôi, quản lý, bảo vệ rừng được chú trọng. Trồng mới được 855 ha rừng tập trung, khoanh nuôi và bảo vệ 8.550 ha rừng, năm 2003 - 2004, trồng và chăm sóc được 447,8 ha cây sa mộc, độ che phủ rừng đạt 15,8%, hụt so với chỉ tiêu Đại hội XVII đề ra.

Lĩnh vực công nghiệp - thủ công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, thông tin liên lạc được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo triển khai theo cách Nhà nước đầu tư vốn, nhân dân góp công sức, kết quả làm thay đổi diện mạo của Đồng Văn, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được huyện khuyến khích phát triển, sản xuất vật liệu xây dựng và các ngành nghề truyền thống của địa phương như rèn, đúc nông cụ, dệt may hàng thổ cẩm... đã đáp ứng được một phần nhu cầu phục vụ sản xuất và tiêu thụ của nhân dân. Đến năm 2005, toàn huyện đã có 11 hợp tác xã và 120 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giá trị sản phẩm đạt 4,7 tỷ đồng, thu hút trên 400 lao động. 100% số xã đã có điện lưới quốc gia, 5.434 hộ dân đã sử dụng điện, chiếm 60% tổng số hộ trong toàn huyện. Có điện đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào đường lối của Đảng.

Đường giao thông được Nhà nước đầu tư và nhân dân các dân tộc đóng góp nhiều công sức, đến năm 2005, 100% xã, thị trấn có đường ô tô tới trung tâm xã, trong đó có 12/19 xã, thị trấn có đường ô tô rải nhựa đến trung tâm xã; đã mở được 106 km đường giao thông nông thôn loại B, 290 km đường liên thôn, đưa số xóm có đường ô tô đi qua lên 113 xóm, số xóm có đường dân sinh rộng 3 m đi qua 49 xóm, đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn vùng cao.

Cơ sở vật chất trường học được quan tâm xây dựng, đến năm 2005, có 100% số xã đã có trường học 2 tầng tại trung tâm xã, các trường học khu vực trung tâm huyện được xây dựng khang trang, 149 điểm trường được xây dựng nhà cấp 4, huyện

không còn điểm trường lợp tranh tre, nứa lá; 18 nhà tập thể giáo viên đã được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho các thầy, cô giáo; 22 nhà lưu trú học sinh được xây dựng đáp ứng nhu cầu về ở cho học sinh. Cơ sở vật chất trạm y tế được quan tâm xây dựng ở 100% số xã, trong đó có 8 trạm xá xây dựng nhà hai tầng đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Thông tin liên lạc thông suốt, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cũng như nhu cầu của cán bộ và nhân dân. Khu vực huyện lỵ đã phủ sóng di động, tất cả các xã, thị trấn và các đồn biên phòng đều có điện thoại, xây dựng thêm 3 điểm bưu điện văn hóa xã, lắp đặt thêm 580 máy điện thoại. Năm 2005, toàn huyện có 725 máy điện thoại, bình quân 100 người có 1,2 máy điện thoại.

Thu ngân sách trên địa bàn huyện có nhiều khó khăn do điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội kém phát triển. Đảng bộ huyện đã chú trọng phát triển sản xuất để tạo thêm nguồn thu mới, vì vậy thu ngân sách trên địa bàn đạt 4,1 tỷ đồng, tăng 1 tỷ so với năm 2000, vượt chỉ tiêu Đại hội XVII của Đảng bộ đề ra.

Hoạt động thương mại - dịch vụ bước đầu đã khởi sắc và từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, đặc biệt các mặt hàng chính sách, mặt hàng thiết yếu. Các chợ nông thôn hoạt động thường xuyên, đã mở mới thêm 4 chợ. Đến năm 2005, toàn huyện có 8 chợ. Huyện đã ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế cửa khẩu, tạo tiền đề cho thương mại - du lịch phát triển mạnh hơn.

Ổn định dân cư và xóa đói, giảm nghèo được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Huyện tổ chức di chuyển 45 hộ ra sát biên giới để khai thác tận dụng đất đai sản xuất; tổ chức hạ sơn cho 128 hộ dân; vận động nhân dân khai hoang được 64,3 ha ruộng, 101 ha nương xếp đá, chuyển nương thành ruộng 51,1 ha. Nhiều chính sách xóa đói, giảm nghèo được triển khai đồng bộ. Các biện pháp tuyên truyền, vận động nhân dân xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh. Các đồng chí đảng viên được phân công trực tiếp xuống hộ gia đình tìm giải pháp giúp các hộ nghèo vươn lên. Từ năm 2000 đến năm 2005, đã có 19.163 hộ nông dân được vay 37 tỷ đồng để phát triển sản xuất, chăn nuôi; trong đó, có 5.511 hộ được vay vốn không lãi để mua bò giống, 2.852 hộ được vay vốn không lãi để thâm canh ngô. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 33,3% (năm 2000) xuống còn 20% (năm 2005), hụt so với chỉ tiêu Đại hội XVII của Đảng bộ huyện đề ra.

Năm năm đầu của thế kỷ XXI, Đảng bộ huyện coi lãnh đạo phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, các mục tiêu cơ bản về phát triển kinh tế đều đạt và vượt chỉ

tiêu do Đại hội Đảng bộ đề ra. Đảng bộ coi trọng chỉ đạo phát triển sản xuất, thâm canh đưa giống ngô, lúa mới vào sản xuất; nhân rộng các mô hình trồng cỏ gắn với phát triển chăn nuôi hàng hóa; các mô hình cho thu nhập từ 15 triệu đồng/ha, mô hình kinh doanh, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển ngành nghề truyền thống. Trên cơ sở chế độ chính sách của Trung ương, của tỉnh, Đảng bộ huyện đã vận dụng ban hành cơ chế, chính sách của huyện sát hợp với địa phương, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh hỗ trợ hộ nghèo. Nền kinh tế của huyện giữ được thế phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Các ngành, các địa phương, các lĩnh vực đều chuyển biến và có bước phát triển mới. Cơ sở hạ tầng ở trung tâm huyện, trung tâm xã, thị trấn và một số thôn bản được quan tâm, đầu tư ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên, nền kinh tế của huyện có tăng trưởng nhưng chưa vững chắc, quy mô nền kinh tế còn hết sức nhỏ bé. Nguồn vốn cho đầu tư phát triển còn hạn hẹp so với nhu cầu, chưa phát huy triệt để các nguồn nội lực trong dân để phát triển kinh tế - xã hội, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước trong đại bộ phận nhân dân còn nặng nề. Cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chuyển dịch chậm. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với các huyện trong tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, số hộ thoát nghèo chưa ổn định, nguy cơ tái nghèo cao. Việc triển khai các mô hình cho thu nhập 15 triệu đồng/ha còn nhiều hạn chế, nên hiệu quả chưa cao. Chưa hình thành được các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa. Khoa học công nghệ chưa phát triển, trình độ năng lực của cán bộ khuyến nông còn hạn chế. Tài nguyên rừng chưa được bảo vệ và phát triển tốt, gây ảnh hưởng lớn tới nguồn sinh thủy. Chưa thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư vốn để khai thác tiềm năng thế mạnh về du lịch; hoạt động của các thành phần kinh tế chưa sôi động, hiệu quả còn thấp.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Sự nghiệp giáo dục của huyện có nhiều bước chuyển biến. Song song với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của các trường lớp học, đội ngũ giáo viên đã được huyện quan tâm phát triển cả về số lượng và chất lượng. Huyện đã thành lập Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở gồm 19 thành viên, do đồng chí Hoàng Văn Doanh - Phó Bí thư Trường trực Huyện ủy làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trung học cơ sở đã làm tốt công tác chỉ đạo 19/19 xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo cấp xã và tổ chức Đại hội giáo dục để thành lập Hội đồng giáo dục các cấp; Đại hội thành lập Hội Khuyến học các cấp; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục. Qua đó đã huy động tổng lực về cơ sở vật chất, con người cho việc đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Mạng lưới trường học được chia tách, kiện toàn lại và thành lập mới, đáp ứng nhu cầu học

tập của học sinh. Năm học 2000 - 2001 toàn huyện có 24 trường, đến năm học 2004 - 2005 đã có 32 trường (tăng 8 trường). Đặc biệt, trước năm học 2003 - 2004, ngoài xã Đồng văn, còn lại các xã khác đều chưa có trường mầm non thì đến năm 2005 đã có thêm 7 xã (Lũng cú, Lũng táo, Phố là, Sủng là, Phố cáo, Lũng phìn, thị trấn Phỗ bảng) có trường Mầm non.

Thực hiện chương trình cứng hoá trường lớp học của Trung ương, của Tỉnh, sự đóng góp về ngày công lao động và nguyên vật liệu tại chỗ của đồng bào các dân tộc trong huyện, cơ sở vật chất trường, lớp học ngày càng hoàn thiện, khang trang. Đến năm 2005, toàn huyện có 28 nhà lớp học được xây từ 2-3 tầng, các trường chính ở trung tâm các xã, thị trấn đều có nhà lớp học 2 tầng (có xã có 2-3 nhà 2 tầng); 149 điểm trường, 22 nhà lưu trú học sinh và 18 nhà lưu trú giáo viên được xây cấp 4; 16 trường có sân bê tông.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được tăng cường, được đào tạo, đào tạo lại theo hướng chuẩn hoá, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí. Năm học 2000 - 2001, toàn huyện mới có 686 giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, đến năm học 2004 - 2005, tổng số cán bộ, giáo viên trong toàn huyện là 835 người, trong đó số cán bộ, giáo viên có trình độ đại học và cao đẳng là 209 người, chiếm 25% và tăng gấp 6,5 lần so với năm học 2000 - 2001. Hầu hết cán bộ, giáo viên trong huyện đều nêu cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề, tất cả vì học sinh thân yêu. Số cán bộ, giáo viên được phong tặng các danh hiệu thi đua đều tăng qua các năm. Từ năm học 2000 - 2005, có 2 giáo viên được công nhận chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 79 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp cơ sở và rất nhiều tập thể, cá nhân được Trung ương, Tỉnh, Huyện tặng giấy khen, bằng khen.

Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường năm sau cao hơn năm trước, năm học 2004 - 2005, tỷ lệ huy động trẻ từ 6 đến 14 tuổi đến trường đạt 98,3%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XVII đề ra, tăng 12,8% so với năm học 1999 - 2000. Năm học 2004 - 2005, ngành học Mầm non có 95 lớp với 1.558 cháu; Tiểu học có 555 lớp với 9.212 học sinh; Trung học cơ sở có 59 lớp với 1.467 học sinh; Trung học phổ thông có 9 lớp với 310 học sinh.

Chất lượng học tập được nâng lên một bước, kết quả thi chuyển cấp, chuyển lớp năm học sau cao hơn năm học trước. Năm học 2003 - 2004, kết quả thi chuyển lớp, chuyển cấp bậc Tiểu học đạt 95,8%, tăng 26,4%; bậc Trung học cơ sở đạt 96,2%, tăng 5,1% so với năm học 2000 - 2001. Ngoài kiến thức văn hoá, các cháu học sinh còn được giáo dục một cách toàn diện cả đức, trí, thể, mỹ, số lượng học sinh được công nhân học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh ngày

càng nhiều. Từ năm học 2000 - 2005, toàn huyện có 12 học sinh giỏi cấp tỉnh và 57 học sinh giỏi cấp huyện, ngoài ra còn rất nhiều cháu được tặng danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ, học sinh tiên tiến, học sinh nghèo vượt khó học giỏi… đó thực sự là những tấm gương sáng cho các bạn học tập noi theo.

Xã hội hoá giáo dục ngày càng được đẩy mạnh. Mặc dù thu nhập bình quân thấp, đời sống còn khó khăn, nhưng trong 5 năm qua, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, giáo viên, chiến sỹ các lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đóng góp trên 1,8 tỷ đồng cho sự nghiệp giáo dục (chưa kể sự đóng góp bằng ngày công và vật liệu để xây dựng các điểm trường, nhà lưu trú giáo viên, học sinh…). Ngoài ra, các tổ chức, cá nhân cả trong và ngoài huyện còn quyên góp ủng hộ chăn chiếu, phản nằm, hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho học sinh bán trú dân nuôi, nhờ đó mô hình trường bán trú dân nuôi được duy trì và phát triển từ 12 trường năm 2001 lên 16 trường năm 2005.

Cùng với phát triển giáo dục phổ thông, công tác xoá mù chữ, phổ cập giáo dục, được cấp uỷ, chính quyền các cấp quan tâm đúng mức. Năm 1999 toàn huyện đã hoàn thành xoá mù chữ, được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học. Đến năm 2005, huyện đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong nhà trường được chú trọng. Đến năm 2005, tất cả các trường trong toàn huyện đều có đảng viên, 25/32 trường có chi bộ độc lập. Công đoàn, Đoàn thanh niên trong nhà trường thường xuyên được củng cố, kiện toàn, hoạt động có hiệu quả, vừa bảo vệ quyền lợi chính đáng, vừa chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống cho đoàn viên, vừa động viên đoàn viên, cán bộ công nhân viên tích cực tham gia các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt do huyện cũng như do ngành giáo dục phát động. Thông qua các phong trào thi đua, các tổ chức đoàn thể đã bồi dưỡng, giới thiệu được hàng trăm đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng để xem xét, kết nạp, nâng số Đảng viên trong ngành giáo dục của huyện lên 31,6%, tăng gần 4 lần so với năm học 2000 - 2001.

Hoạt động y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình; các chương trình mục tiêu quốc gia về dân số - kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được tổ chức thực hiện tốt. Năm 2002, huyện Đồng Văn đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba về phòng chống sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2005 còn 1,81%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ huyện đề ra, giảm 0,79% so với năm 2000. Hằng năm, trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở

rộng đạt 90%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng mỗi năm giảm từ 2% đến 3%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của bệnh viện huyện cũng như các trạm xá xã được quan tâm đầu tư. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường, 9 xã đã có bác sỹ, 220 thôn, bản trong toàn huyện đều có cán bộ y tế thôn, bản hoạt động.

Phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, các lễ hội của các dân tộc được khơi dậy và tổ chức có hiệu quả. Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa được triển khai rộng khắp và được nhân dân hưởng ứng. Đến năm 2005, toàn huyện có 146 làng văn hóa được công nhận, chiếm 75,5% tổng số xóm bản; có 7.000 gia đình văn hóa được tỉnh và huyện công nhận, chiếm 62,7% tổng số hộ trong toàn huyện. Năm 2005, làng văn hóa thôn Thiên Hương (xã Đồng Văn) đạt khu dân cư xuất sắc được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba và thôn Quyết Tiến (xã Đồng Văn) được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng Bằng khen(1). Truyền thanh, truyền hình có bước tiến bộ, toàn huyện có 5 trạm phát lại truyền hình, 68 trạm TVRO, tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt trên 85%, tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%.

Các chính sách xã hội được huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt, tổ chức tốt các hoạt động cứu tế, cứu đói cho các hộ gia đình nghèo, hộ đặc biệt khó khăn, các đối tượng người già cô đơn không nơi nương tựa. Các phong trào từ thiện, nhân đạo, vận động quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ người nghèo, ủng hộ học sinh bán trú dân nuôi, học sinh phổ cập... được triển khai rộng khắp, thu hút đông đảo mọi đối tượng trên địa bàn trong và ngoài huyện tham gia.

Năm năm qua Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, ra Nghị quyết chuyên đề về phổ cập giáo dục trung học cơ sở và phát triển sự nghiệp giáo dục. Mạng lưới trường lớp, số lượng giáo viên, học sinh, chất lượng giáo dục phát triển ở các ngành học, bậc học. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia và chăm sóc bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, lễ hội, ngày hội văn hóa các dân tộc được tổ chức tốt, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, chất lượng dạy và học chưa cao, xã hội hóa giáo dục còn hạn chế, tỷ lệ học sinh nghỉ học còn cao. Đội ngũ cán bộ y tế ở các xã, các thôn, bản vừa thiếu vừa yếu nên chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở còn nhiều bất cập. Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh con thứ 3 có chiều hướng gia tăng. Công tác tuyên truyền vệ sinh, phòng bệnh còn hạn chế. Chất lượng của các làng văn hóa, gia

(1). *Truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Đồng Văn (1945 - 2015),* xuất bản năm 2016, tr. 123.

đình văn hóa chưa được nâng lên, có chiều hướng bùng phát việc ma to, cưới lớn trong nhân dân.

Về quốc phòng, an ninh, Đảng bộ huyện đã coi trọng lãnh đạo xây dựng huyện trở thành khu vực phòng thủ vững chắc trên các mặt chính trị, tư tưởng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, xây dựng các lực lượng vũ trang phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Do đó trong 5 năm qua, chính trị ổn định, an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Lực lượng công an viên, dân quân tự vệ, dự bị động viên luôn được bổ sung, củng cố, kiện toàn, thường xuyên được huấn luyện, tập huấn nghiệp vụ và có sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng quân đội, biên phòng, công an nên các vụ việc được giải quyết kịp thời ngay từ cơ sở.

Từ cuối những năm 90, đầu những năm 2000, tình hình an ninh trật tự có chiều hướng diễn biến phức tạp. Ở một số địa phương xảy ra hiện tượng nhân dân di dịch cư tự do; ở những xã Lũng Phìn, Sảng Tủng, Sủng Trái, Phố Cáo, Hố Quáng Phìn... các đối tượng xấu đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết của nhân dân các dân tộc tiến hành truyền đạo trái pháp luật gây mất ổn định an ninh trật tự trên địa bàn.

Trước tình hình đó, Huyện ủy thấy đây là vấn đề nóng cần tập trung lãnh đạo giải quyết. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Giang, Huyện ủy Đồng Văn đã họp và ban hành Nghị quyết chuyên đề về công tác quốc phòng - an ninh. Trên cơ sở đó, huyện thành lập các tổ công tác đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, chỉ đạo lực lượng công an, quân sự, Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành của huyện phối hợp chặt chẽ với các Đồn Biên phòng đứng chân trên địa bàn làm tốt công tác tuyên truyền phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong nhân dân; cử cán bộ trực tiếp xuống xã, điểm khu dân cư, tuyên truyền vận động nhân dân không nghe, không theo truyền đạo, ký cam kết đến từng hộ dân; xây dựng kế hoạch tổ chức luyện tập, diễn tập chiến đấu đến từng thôn bản; rà soát đối tượng, ổ nhóm, đấu tranh bắt giữ các đối tượng có liên quan. Sau một thời gian thực hiện, vấn đề học và truyền đạo trái pháp luật đã được giải quyết. Có nhiều hộ dân tự đem cờ chữ thập, sách kinh thánh ra nộp, một số đối tượng cầm đầu đã ra tự thú trước dân và cam kết không truyền đạo trái pháp luật. Đối với những trường hợp ngoan cố, huyện phối hợp với các đơn vị thành lập chuyên án bắt giữ, truy tố trước pháp luật. Thông qua quá trình tổ chức lãnh đạo và thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng - an ninh trong những năm 2000 - 2005 đã minh chứng thêm sự trưởng thành của tổ chức Đảng ở địa phương, củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đảm bảo quốc phòng - an ninh, chủ quyền biên giới, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền địa

phương với các lực lượng đứng chân trên địa bàn. Tình hình địa bàn ổn định trở lại, nhân dân yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế.

Công tác xây dựng Đảng được Đảng bộ chú trọng cả về chính trị tư tưởng và tổ chức. Trong công tác tư tưởng, Đảng bộ đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân để nắm vững, kiên định và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn địa phương; xây dựng phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, lòng tự hào và tự tôn dân tộc, tình nghĩa thủy chung, lối sống trong sạch, lành mạnh trong cán bộ, đảng viên; nêu cao tinh thần cần, kiệm, tự lực, tự cường xây dựng đất nước, nêu gương người tốt, việc tốt.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng được Đảng bộ quan tâm, thành lập chi bộ ở 216/220 thôn bản, 85% bí thư chi bộ là người tại chỗ, nâng 12 chi bộ lên thành Đảng bộ cơ sở[(1)]. Đến năm 2005, toàn Đảng bộ huyện có 60 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc, gồm 21 Đảng bộ cơ sở, 39 chi bộ cơ sở, 250 chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở. Về chất lượng, qua phân loại tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh hằng năm đều tăng, hai năm 2004, 2005, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu, kém. Tổ chức cơ sở Đảng phát triển, chi bộ được thành lập gắn với địa bàn phù hợp hơn, củng cố được sự thống nhất cao hơn trong Đảng về tư tưởng, chính trị, về đường lối đổi mới của Đảng, nâng cao hơn nữa ý thức xây dựng Đảng của cán bộ, đảng viên và niềm tin của quần chúng đối với Đảng.

Đảng bộ tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đồng thời phân công, giao nhiệm vụ cho đảng viên, chỉ đạo chặt chẽ việc phân loại đảng viên. Số đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt từ 65 - 70%. Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp, chủ động kiểm tra tổ chức Đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm làm cho ý thức chấp hành chỉ thị, nghị quyết, Điều lệ Đảng, ý thức tổ chức kỷ luật của tổ chức Đảng và đảng viên được nâng lên. Công tác kết nạp đảng viên mới được Đảng bộ chỉ đạo chặt chẽ, các cấp ủy Đảng quan tâm, quần chúng ủng hộ, giới trẻ tự nguyện đứng trong hàng ngũ của Đảng ngày càng đông. Đảng bộ đã kết nạp được 1.753 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ đến năm 2005, lên 1.883 đồng chí. Với số lượng lớn đảng viên mới được kết nạp đã khắc phục được tình hình tuổi bình quân của đội ngũ đảng viên ngày càng cao, cơ bản khắc phục được tình trạng thôn, bản "trắng" đảng viên, thu hẹp tỷ lệ đảng viên so với số dân; đồng thời, làm tăng thêm sinh lực mới của Đảng,

---

(1). Ngày 26/3/2000, Huyện ủy Đồng Văn ra Quyết định số 86-QĐ/HU về việc thành lập Đảng ủy cơ sở xã Lũng Cú. Ngày 7/3/2001, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn ban hành Quyết định số 85-QĐ/HU về việc thành lập Đảng bộ cơ sở thị trấn Phó Bảng.

đáp ứng yêu cầu cơ bản và lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ở địa phương.

Công tác tổ chức cán bộ, trong giai đoạn 2000 - 2005, huyện Đồng Văn có một số thay đổi về nhân sự:

Ngày 06/01/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 852-QĐ/TU điều động đồng chí Hoàng Văn Doanh - chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Đồng Văn.

Tháng 02/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động đồng chí Trần Quang Hà - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Đồng Văn về nhận nhiệm vụ mới và chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Chính làm Bí thư Huyện ủy Đồng Văn.

Ngày 19/8/2004, đồng chí Trần Văn Hòa - Tỉnh ủy viên được Tỉnh ủy chỉ định giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Đồng Văn thay đồng chí Nguyễn Văn Chính đi nhận nhiệm vụ mới.

Song song với việc kiện toàn chức danh chủ chốt Tỉnh ủy đã quan tâm kiện toàn Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, do biến động giảm 11 đồng chí đã cho bầu và chỉ định bổ sung 9 đồng chí trong khóa XVII (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng quy chế làm việc toàn khóa, các hội nghị được duy trì đúng quy chế và đảm bảo chất lượng. Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy đã xây dựng được quy chế làm việc và quy định rõ về chức năng nhiệm vụ. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện được quan tâm xây dựng, củng cố về tổ chức đã nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo.

Đảng bộ đã chú trọng và làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trình độ của đội ngũ cán bộ được nâng lên. Đến năm 2005, cán bộ huyện có 90% có trình độ cao đẳng trở lên; 50% có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; 30% đã qua bồi dưỡng về quản lý Nhà nước; cán bộ chủ chốt xã có 53% văn hóa cấp I; 29,2% văn hóa cấp II; 17,9% văn hóa cấp III; 42,3% đã qua các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị. Việc đào tạo, bồi dưỡng gắn với thực tiễn, gắn với yêu cầu sử dụng cán bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng.

Về công tác xây dựng chính quyền, Đảng bộ huyện thực hiện nghiêm túc nguyên tắc Đảng trực tiếp thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và các điều lệ của các tổ chức quần chúng. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã coi trọng cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, chuẩn bị tốt nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 và kỳ họp thứ

nhất Hội đồng nhân dân huyện, xã khóa XVIII. Các chức danh chính quyền hai cấp theo quy định của pháp luật đều được Hội đồng nhân dân bầu đúng cơ cấu dự kiến và trúng cử với tỷ lệ cao. Hội đồng nhân huyện đã bầu đồng chí Lưu Sần Vạn làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa XVIII (nhiệm kỳ 2004 - 2009); bầu đồng chí Sùng Đại Hùng giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Các đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đã làm tốt nhiệm vụ của người đại biểu dân cử, tích cực giám sát việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, các chương trình dự án trên địa bàn, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền ở địa phương, xây dựng huyện Đồng Văn văn minh, giàu đẹp.

Chính quyền các cấp được Đảng bộ huyện lãnh đạo kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; tăng cường các chương trình, mục tiêu; đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực thi pháp luật trên địa bàn. Tổ chức tốt việc tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để xảy ra khiếu kiện đông người và dây dưa kéo dài.

Đảng bộ thường xuyên quan tâm lãnh đạo kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng; tổ chức tốt các lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ xã đến thôn bản; Chỉ đạo thành công Đại hội thi đua yêu nước huyện Đồng Văn lần thứ III và Đại hội Hội Liên hiệp Thanh niên; Đại hội thi đua yêu nước lần thứ III của Hội Cựu chiến binh.

Qua đó, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã cải tiến một bước về nội dung, hình thức, phương thức vận động, tập hợp quần chúng, đoàn viên, hội viên, bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ huyện. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, các phong trào xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng quỹ vì người nghèo, hỗ trợ đồng bào bị thiên tai; vận động cán bộ cơ quan đóng góp ngày công và tiền mặt... đã được Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp triển khai có hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo cho các địa phương. Trong 5 năm (2000 - 2005), toàn huyện đã xóa được 2.678 nhà tạm; quyên góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị thiên tai… được trên 850 triệu đồng; gần 500 hộ được ủng hộ bò, dê nuôi luân chuyển… Các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan giảm so với trước.

Trong phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi toàn huyện có 269 hộ đạt được danh hiệu Hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi ở cấp Trung ương, tỉnh, huyện và cơ sở. Các hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đều là những hộ gương mẫu đi đầu trong chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi có năng suất cao vào sản

xuất; đồng thời cũng tích cực giúp đỡ các hộ nghèo cùng vươn lên xóa đói, giảm nghèo. Tiêu biểu là hộ ông Vừ Xé Cơ xóm Má Xí, xã Má Lé có thu nhập 127 triệu đồng/năm, đã giúp 15 hộ nghèo nuôi dê luân chuyển; Ông Vàng Dúng Sử xóm Lao Xa, xã Sủng Là thu nhập 70 triệu đồng/năm đã giúp 37 hộ chăn nuôi bò rẽ; ông Sùng Nỏ Sáu xã Tả Phìn thu nhập 41 triệu đồng/năm đã giúp đỡ 17 hộ nghèo nuôi dê luân chuyển... Các hộ sản xuất giỏi là những nhân tố tích cực trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, tham gia xây dựng các loại quỹ tại cơ sở, gương mẫu trong việc chấp hành chủ trương, chính sách, phát luật của Đảng và Nhà nước, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Năm năm đầu của thế kỷ XXI, Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua những khó khăn của trình độ dân trí còn thấp, cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu, kinh tế chậm phát triển, điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt... để phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII và đã giành được thế phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Các ngành, các địa phương, các lĩnh vực đều chuyển biến và có bước phát triển mới. Cơ sở hạ tầng ở trung tâm huyện lỵ và trung tâm các xã, thị trấn và một số thôn, bản được xây dựng ngày một khang trang. Văn hóa - xã hội có bước phát triển mới, mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân được nâng lên. Quốc phòng an ninh được củng cố, chính trị ổn định, chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt được những kết quả quan trọng, nhân dân ngày càng tin tưởng sâu sắc hơn vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhìn lại chặng đường đầu thực hiện đường lối đổi mới, được sự giúp đỡ của Trung ương, Tỉnh ủy Hà Giang, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã phát huy truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, khắc phục khó khăn, gian khổ, vươn lên giành nhiều kết quả trên các lĩnh vực.

Với những thành tích của Đảng bộ và nhân dân huyện Đồng Văn được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương, cờ, bằng khen, giấy khen... Tiêu biểu như:

Năm 1996 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen về thành tích xây dựng công trình Séo Hồ.

Năm 1997 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen về công tác xây dựng khu vực phòng thủ 1992 - 1996.

Năm 1998 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về thành tích xóa bỏ cây thuốc phiện.

Năm 1998 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba về

thành tích xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Năm 1998, được Hội đồng nhân dân tỉnh tặng Cờ về thành tích hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Năm 2000 được Ủy ban quốc gia phòng chống ma túy tặng Bằng khen.

Năm 2001 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen về thành tích phát động mua công trái xây dựng Tổ quốc.

Năm 2001 được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang tặng Bằng khen về thành tích tổ chức xây dựng đường điện Lũng Cú.

Năm 2002 được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho xã Sảng Tủng và thị trấn Phó Bảng về thành tích xuất sắc trong việc xây dựng cơ sở chính quyền vững mạnh.

Năm 2003, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích cho vay vốn giải quyết việc làm.

Năm 2004, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho xã Sà Phìn, xã Lũng Thầu về thành tích xuất sắc trong xây dựng cơ sở chính quyền vững mạnh.

Năm 2004, Công an huyện được tặng thưởng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Đặc biệt, ngày 12/7/2005, Chủ tịch nước ra Quyết định số 746/2005/QĐ/CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động cho cán bộ và nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang "Đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ đổi mới từ năm 1995 - 2004, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc". Đón nhận phần thưởng cao quý được Đảng và Nhà nước phong tặng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vui mừng, phấn khởi, vững tin dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, tích cực, hăng hái góp phần cùng cả nước thực hiện thành công đường lối đổi mới, vươn lên thoát nghèo bền vững.

*

* *

Giai đoạn 1975 - 2005 là chặng đường đấu tranh cách mạng đầy khó khăn gian khổ, kiên cường của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn, bằng tất cả trí tuệ, công sức và xương máu của nhiều thế hệ đã dũng cảm vượt qua khó khăn và thử thách để giành được thắng lợi trên nhiều lĩnh vực, góp phần tô thắm thêm những trang sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã trực tiếp lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện khôi phục, phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, vừa đẩy

mạnh sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chuẩn bị đối phó với chiến tranh xâm lược có thể xảy ra; kế đó lại trực tiếp lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện chiến tranh và quá trình đấu tranh chống xâm lược, chống lấn chiếm, chống phá hoại nhiều mặt… để bảo vệ độc lập chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, từng bước tìm tòi giải pháp vượt qua những khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội; lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng, thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn những năm cuối thế kỷ XX và chặng đường đầu thế kỷ XXI. Trong điều kiện của một huyện vùng cao núi đá có nhiều khó khăn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, cơ sở kinh tế hầu như chưa có gì đáng kể, trình độ dân trí thấp. Song, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vốn có truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết dân tộc, dũng cảm, kiên cường chống ngoại xâm, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đồng Văn, truyền thống quý báu đó được phát huy và giành được nhiều thành tích quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam.

Đảng bộ huyện Đồng Văn hoạt động trong những giai đoạn hết sức khó khăn không tránh khỏi những lúng túng và hạn chế, nhất là khi phải đứng trước các bước ngoặt đánh dấu sự chuyển biến của cách mạng. Điều này đã gây ra không ít khó khăn làm ảnh hưởng đến phong trào. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn vẫn giữ vững và giương cao ngọn cờ của Đảng, vừa chiến đấu, vừa xây dựng, khắc phục kịp thời những vấp váp, sai lầm để ngày càng trưởng thành về mọi mặt. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn rất tự hào với những thành tựu đạt được.

Qua 30 năm (1975 - 2005) đấu tranh, xây dựng và phát triển, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã rút ra được những bài học quý báu:

1. Thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cốt cán, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

Thành tựu những năm qua huyện Đồng Văn giành được là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, nhưng nhân tố hàng đầu, quyết định nhất là sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Bởi vậy Đảng bộ huyện Đồng Văn đã xác định công tác xây dựng Đảng là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu cần được chú trọng tiến hành thường xuyên, toàn diện. Để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo nhân dân các dân tộc một cách đúng đắn và hiệu quả, Đảng bộ huyện phải chăm lo xây dựng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng

cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu về mọi mặt. Việc nâng cao chất lượng Đảng còn gắn liền với công tác chọn lọc, bồi dưỡng những quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng và tiếp tục bồi dưỡng thành cán bộ cốt cán ở cơ sở nhất là người dân tộc thiểu số ngay tại địa phương.

Nâng cao chất lượng Đảng phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề quyết định bảo đảm cho sức mạnh thống nhất của Đảng. Đoàn kết thống nhất là một truyền thống quý báu của Đảng và là một nhân tố tạo nên sức mạnh vô địch của cách mạng nước ta. Thực tế ở những bước ngoặt của cách mạng, trong những lúc khó khăn, nguy hiểm, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng đã đi đến thành công. Trong quá trình hoạt động, Đảng bộ thường xuyên chú trọng xây đắp tình đoàn kết và mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa quần chúng với đảng viên, với cơ sở Đảng. Các cơ sở Đảng phải giữ vững uy tín, phải xây dựng niềm tin với đồng bào các dân tộc bằng sự tích cực, gương mẫu, xung phong trong thực tiễn công tác. Sự giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ, đảng viên do Đảng cử đến với cán bộ, đảng viên tại địa phương là yếu tố quan trọng để xây dựng cơ sở Đảng vững mạnh, gắn bó mối quan hệ giữa cơ sở Đảng với quần chúng.

2. Quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện cần năng động, sáng tạo để có sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, sát thực và hiệu quả.

Đường lối của Đảng ta xác định mục tiêu, phương hướng và giải pháp cơ bản của cách mạng (trong thời gian dài và trong từng giai đoạn cách mạng nhất định), thể hiện bản chất của Đảng là ngọn cờ tập hợp, cổ vũ, động viên quần chúng; nó quyết định vận mệnh của Đảng và của dân tộc. Việc quán triệt, thực hiện đầy đủ đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng, của Đảng bộ tỉnh là yếu tố cơ bản quyết định thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương. Trong thực tế, Đảng bộ huyện Đồng Văn luôn quán triệt đầy đủ các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, chính sách, pháp luật của Nhà nước gắn với việc học tập, quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng các chương trình hành động với những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của huyện. Thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đạt được trong 30 năm qua đã khẳng định việc quán triệt và cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng mà Đảng bộ huyện Đồng Văn đã thực hiện là đúng đắn, kịp thời, sát thực và hiệu quả.

3. Đảng bộ phải làm tốt công tác vận động quần chúng, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc để đưa

sự nghiệp cách mạng của Đảng tới thắng lợi.

Cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của nhân dân. Đại đoàn kết dân tộc đã trở thành một truyền thống quý báu, một nhân tố quan trọng đem lại thắng lợi của cách mạng nước ta. Đảng bộ gắn bó mật thiết với nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng, là nhiệm vụ to lớn trong hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ huyện Đồng Văn. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, Đảng bộ phải tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng cho nhân dân; phải rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn bó với nhân dân; phải tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước và các cơ quan Nhà nước phải thực sự của dân, do dân, vì dân; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phải đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân, tổ chức hướng dẫn và đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân; thường xuyên tuyên truyền, giải thích cho đồng bào hiểu rõ chính sách dân tộc của Đảng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ giữa các dân tộc. Trải qua 20 năm (1986 - 2005) thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, sở dĩ Đảng bộ huyện Đồng Văn củng cố được niềm tin với nhân dân, tăng cường được mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân chính là nhờ Đảng bộ đã lãnh đạo thực hiện có kết quả chủ trương, chính sách đúng đắn, hợp lòng dân của Đảng.

Với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát huy dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, với các phong trào xây dựng đường giao thông, trường học, trạm xá, kéo điện tới xã, xóa đói, giảm nghèo, xóa nhà tạm, xây bể nước hộ gia đình, đền ơn đáp nghĩa... đã khơi dậy được các tiềm năng, tạo được nguồn sinh lực mới. Trong tổ chức thực hiện chủ trương và chính sách đó, tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên luôn tận tuỵ, gương mẫu, cụ thể hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; chính quyền nhà nước điều hành sát sao; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tích cực vận động; Thực tế đó đã làm cho Đảng gần dân, dân tin Đảng, khai thác và phát huy được các nguồn lực trong nhân dân, phát động được phong trào thi đua yêu nước gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

4. Phát triển kinh tế gắn với củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước là vấn đề có tính quy luật, được đúc kết từ kinh nghiệm hàng ngàn năm của dân tộc ta. Ngày nay, hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa càng có quan hệ gắn bó hơn bao giờ hết. Quán triệt quan điểm của Đảng kết hợp quốc phòng và an ninh với kinh tế, mỗi bước phát triển kinh tế phải là một bước tăng cường thêm tiềm lực quốc phòng, an ninh và ngược

lại, quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc lại tạo thêm điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế 30 năm qua, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã coi trọng chỉ đạo xây dựng và thực hiện song song, kết hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh, đồng thời thường xuyên xây dựng hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ Đảng, Nhà nước từ huyện đến cơ sở trong sạch vững mạnh, có trách nhiệm chính trị cao, có kiến thức và năng lực toàn diện. Việc thực hiện thành công kế hoạch điều chuyển dân cư ra sát vùng biên giới cư trú và sản xuất ổn định đời sống, đóng góp công sức quản lý biên giới; việc xóa bỏ cây anh túc trên địa bàn huyện... đã thể hiện rõ kết quả kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế trên địa bàn huyện.

Đất nước ta đang tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Với niềm tin tất thắng vào tiền đồ của đất nước, với truyền thống vẻ vang và kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ huyện Đồng Văn kể từ ngày thành lập (06/3/1949), đặc biệt là những bài học của những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta có cơ sở để khẳng định rằng Đảng bộ huyện Đồng Văn sẽ có bước trưởng thành mới, tiếp tục thực hiện trọng trách là hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, xứng đáng với lòng tin yêu và sự mong đợi của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Chương VII
ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC TRONG HUYỆN ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI LÊN TẦM CAO MỚI (2005 - 2020)

I. ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG VẬT NUÔI, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUYẾT TÂM XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO (2005 - 2010)

Sau 20 năm cùng cả nước thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với sự nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Trong không khí phấn khởi trước những kết quả đạt được, từ ngày 26 - 28/10/2005[(1)], Đảng bộ huyện Đồng Văn tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010, với sự tham dự của 197 đại biểu thay mặt cho 1.900 đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Chủ đề của Đại hội là: "Ổn định - Đoàn kết - Đổi mới - Phát triển".

Đại hội thông qua Báo cáo Chính trị; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2000 - 2005 và kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khóa VIII); Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XIV.

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2005 - 2010: Khai thác mạnh mẽ các tiềm năng, thế mạnh của huyện, các nguồn lực, đặc biệt là các nguồn lực tại chỗ để sớm thoát khỏi đói nghèo tạo ra sự phát triển bền vững trên tất cả các lĩnh vực, ở tất cả các địa phương trong toàn huyện. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Chú trọng đưa các loại giống mới có năng suất cao và tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục

---

(1). Theo cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn tập 2 (1975 - 2005), trang 161 có ghi: "từ ngày 26 - 28/12/2005, Đảng bộ huyện Đồng Văn tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVIII". Tuy nhiên, theo các tài liệu lưu trữ tại Huyện ủy Đồng Văn, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XVIII được tổ chức từ ngày 26 - 28/12/2005 là chưa chính xác. Thời gian chính xác là: từ ngày 26 - 28/10/2005.

và chất lượng nguồn nhân lực. Đẩy mạnh phát triển kinh tế với phát triển xã hội, đấu tranh có hiệu quả với các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, mở rộng hợp tác với huyện Ma Ly Pho và huyện Phú Ninh - Trung Quốc. Xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến xã, đến thôn bản trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu quả, hạt nhân là nâng cao năng lực, sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở.

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm 12%. Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Nông - lâm nghiệp chiếm từ 40 - 45%, Công nghiệp - xây dựng chiếm từ 20 - 25%, Thương mại - Dịch vụ chiếm 35%. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 5 triệu đồng/năm. Tổng sản lượng thóc, ngô đạt trên 20.500 tấn. Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2010 đạt trên 6,5 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2006 - 2010 đạt 400 tỷ đồng. Hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,6%. Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 70%; tỷ lệ trẻ 6 - 14 tuổi đến trường đạt 99%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 35% (theo tiêu chí mới), nâng tỷ lệ hộ khá, giàu lên 15%. Tỷ lệ hộ được nghe đài và xem truyền hình chiếm trên 70%. Độ che phủ rừng trên 22,3%. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện 80%. Đến cuối năm 2010, 100% số xã trong huyện thoát khỏi diện đặc biệt khó khăn. Phổ cập trung học phổ thông ở thị trấn Đồng Văn và Phố Bảng. Mỗi năm kết nạp 200 đảng viên mới trở lên. Hàng năm, số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh chiếm trên 90%. Đảng bộ huyện phấn đấu đạt trong sạch, vững mạnh 5 năm liền.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 39 đồng chí. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Văn Hòa được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lưu Sần Vạn và đồng chí Sùng Đại Hùng được bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy.

Tháng 02/2006, đồng chí Trần Văn Hòa chuyển công tác khác, đồng chí Hoàng A Chinh được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy Đồng Văn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, Huyện ủy tập trung lãnh đạo nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Diện tích gieo trồng, thâm canh cây ngô, lúa lai năm sau cao hơn năm trước và chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong tổng diện tích gieo trồng cây lương thực, các cánh đồng mẫu về thâm canh ngô, lúa, mô hình trình diễn giống mới được thực hiện. Năm 2010, diện tích trồng ngô lai đạt 3.593 ha, chiếm 56% tổng diện tích gieo

trồng ngô, tăng 2,3 lần so với năm 2005, năng suất bình quân đạt 32 tạ/ha, tăng gần 10 tạ/ha so với năm 2005. Đồng thời hỗ trợ chuyển 66,19 ha nương thành ruộng, khoai ruộng được 99,58 ha, nương xếp đá 131,46 ha. Tổng sản lượng lương thực trên địa bàn huyện đạt trên 22.000 tấn (tăng 5.500 tấn so với năm 2005), lương thực bình quân đầu người đạt 346 kg/người/năm, đạt 110% Nghị quyết.

Ngoài tập trung trồng, thâm canh 2 cây lương thực chính là ngô và lúa, nông dân tận dụng quỹ đất nông nghiệp trồng xen canh gối vụ cây đậu tương, khoai tây, tam giác mạch, đại mạch, chè, cải dầu, hoa hồng... Đến năm 2010, diện tích gieo trồng đậu tương đạt trên 2.000 ha, năng suất đạt trên 9 tạ/ha. Huyện triển khai trồng thí điểm cây cải dầu trên đất lúa một vụ, trong đó vụ đông xuân 2009 - 2010 gieo trồng 60 ha. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về khách quan, chủ quan dẫn đến diện tích, năng suất cây cải dầu thấp (diện tích thu hoạch 16/60 ha, năng suất bình quân 8,5 tạ/ha) nhưng cây cải dầu vẫn khẳng định là cây trồng vụ đông phù hợp cả về góc độ kinh tế và xã hội: vừa tăng thêm thu nhập, giải quyết lao động mùa nông nhàn, góp phần thay đổi tập quán canh tác trên đất một vụ lúa. Các cây trồng lâu năm cho thu nhập cao, ổn định được quan tâm chăm sóc và trồng mới. Toàn huyện có 607 ha cây ăn quả (chủ yếu là lê, đào, mận), 295,2 ha chè (trong đó điện tích cho thu hoạch là 230 ha), 48,75 ha thảo quả; 24,1 ha hoa hồng; năm 2010, huyện tiến hành trồng thí điểm 10 ha cây óc chó.

Nhằm thúc đẩy chăn nuôi phát triển bền vững, ngày 03/8/2005, Huyện ủy ban hành Nghị quyết 03-NQ/HU về phát triển chăn nuôi giai đoạn 2005 - 2010. Theo đó, huyện tập trung kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ thú y từ huyện đến xã, thôn, xóm theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả, tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh, phòng chống rét cho gia súc, nên hằng năm tổng đàn đều tăng trưởng từ 3 - 5%. Các chương trình hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển chăn nuôi theo mô hình hộ gia đình, theo hướng sản xuất hàng hóa được triển khai tích cực. Trong 5 năm (2005 - 2010), toàn huyện có 10.582 lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển chăn nuôi gia súc. Tận dụng quỹ đất còn hoang hóa, nhân dân đã trồng được 987,4 ha cỏ làm thức ăn cho gia súc. Năm 2010, tổng đàn gia súc 64.252 con, trong đó đàn trâu, bò 19.871 con, đàn dê 22.000 con, đàn lợn 22.202 con, đàn gia cầm 140.590 con; bình quân mỗi hộ nuôi 1,72 con trâu, bò, 1,83 con dê.

Công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi phục hồi, bảo vệ rừng được chú trọng. Với các chương trình, đặc biệt là dự án đặc thù về đầu tư và phát triển rừng của Chính phủ, chương trình Nghị quyết 30a, nhận thức của nhân dân về rừng được nâng lên. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo rà soát, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

lâm nghiệp cho 100% hộ gia đình có rừng và đất lâm nghiệp. Trong 5 năm (2010 - 2015), toàn huyện trồng mới được 2.626 ha rừng tập trung; 100% diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng, diện tích rừng có khả năng phục hồi, tái sinh được giao khoán khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ. Đến năm 2010, độ che phủ rừng đạt 34,5%.

Cùng với các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống như: dệt, may, rèn đúc nông cụ, đóng đồ mộc, làm khèn Mông, xay xát lương thực; một số cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, đóng gạch bê tông hình thành và phát triển. Năm 2010, toàn huyện có 27 hợp tác xã và 120 cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Các hoạt động thương mại - dịch vụ bước đầu khởi sắc, các hộ kinh doanh dịch vụ ngày càng nhiều, rộng khắp đến tận các xã và một số thôn, bản. Ở khu vực huyện lỵ có thêm nhiều tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư vốn xây dựng, cải tạo các cơ sở nhà hàng ăn uống, giải khát, khách sạn, dịch vụ internet và từng bước khai thác, phát triển văn hóa ẩm thực các dân tộc để phục vụ nhu cầu du khách. Huyện tổ chức thành công 2 lượt hội chợ thương mại, thu hút được nhiều doanh nghiệp trong vào ngoài tỉnh tham gia, góp phần quảng bá, giới thiệu tiềm năng của huyện, kích thích phát triển sản xuất hàng hóa trên địa bàn. 100% xã, thị trấn có chợ và điểm chợ (10 xã có chợ, 9 xã có điểm chợ) tạo điều kiện cho giao lưu, trao đổi hàng hóa của nhân dân được thuận lợi. Công tác đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh và quản lý sau đăng ký kinh doanh được thực hiện đúng Luật. Ngoài ra, huyện còn ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích kinh tế cửa khẩu, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển.

Huyện ủy xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết chuyên đề về phát triển du lịch, dịch vụ giai đoạn 2006 - 2010. Cơ sở hạ tầng du lịch được Trung ương, tỉnh tiếp tục đầu tư xây dựng. Từ năm 2006, huyện Đồng Văn tổ chức mỗi tháng 3 "Đêm phố cổ" vào các ngày 14, 15, 16 âm lịch. Theo đó, các hộ dân trong khu phố cổ đồng loạt treo đèn lồng đỏ, một số hoạt động như trưng bày hàng thổ cẩm của các dân tộc, trình diễn văn hóa văn nghệ, bán và thưởng thức bát thắng cố, uống rượu ngô và cùng trò chuyện. Các hoạt động diễn ra rất độc đáo, tạo thêm một điểm nhấn cho khu phố cổ Đồng Văn, thu hút khách du lịch đến địa bàn. Huyện Đồng Văn phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh trong việc xây dựng hồ sơ và được Nhà nước công nhận Phố cổ Đồng Văn và Khu di tích cột cờ Lũng Cú là Di sản văn hóa cấp quốc gia. Xây dựng và đi vào hoạt động 3 làng văn hóa du lịch. Thành lập và đi vào hoạt động đoàn nghệ thuật bán chuyên nghiệp Hoa Lê trắng. Thành lập và duy trì hoạt động có hiệu quả Đội quản lý di tích văn hóa và du lịch

dịch vụ, đảm bảo các điểm du lịch chính như Phố cổ Đồng Văn, Nhà vương Sà Phìn, Cột cờ Lũng Cú đều có tổ phục vụ đón tiếp khách và thuyết minh viên, dịch vụ ăn, nghỉ, biểu diễn văn hóa. Xây dựng trang thông tin điện tử quảng bá du lịch. Hàng năm, lượng khách tham quan, du lịch đến huyện đều tăng (bình quân 21,4%/năm), trung bình mỗi năm có trên 18 nghìn lượt khách, riêng năm 2010 có trên 32.000 lượt khách đến tham quan, du lịch. Có thể thấy rằng, ngành du lịch đã và đang vươn lên trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân, mở rộng các mối quan hệ của huyện, làm thay đổi hình ảnh huyện Đồng Văn trong mắt bạn bè trong nước và quốc tế.

Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" trong xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn tiếp tục phát huy hiệu quả, huy động tối đa nguồn lực trong nhân dân. Trong 5 năm (2005 - 2010), toàn huyện mở mới và nâng cấp được 114,5 km đường giao thông nông thôn (mở mới được 75,5 km, nâng cấp 39 km); xây mới, tu sửa, nâng cấp 45,4 km kênh mương; xây dựng 20 điểm trường, 50 trụ sở thôn, xóm; 35 nhà lưu trú giáo viên; 11 nhà lưu trú học sinh; 12 nhà lưu trú cán bộ y tế; 18 hồ treo; 41 công trình cấp nước hệ tự chảy. Đồng thời, trên địa bàn huyện triển khai một số dự án lớn thúc đẩy kinh tế phát triển như: đường ra mốc 450; chợ trung tâm huyện, đường nội huyện, kè suối chống sạt lở ở thị trấn Đồng Văn... Được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh, cơ sở vật chất của huyện ngày càng được hoàn thiện, khu trung tâm huyện và các xã, thị trấn ngày càng khang trang. Đến năm 2010, 19/19 xã, thị trấn đều có đường nhựa đến trung tâm xã; 100% thôn xóm có đường giao thông nông thôn đảm bảo đi lại được bốn mùa; 84,2% trụ sở các cơ quan trong hệ thống chính trị xã, thị trấn được xây dựng nhà làm việc hai tầng và trang bị các thiết bị y tế cơ bản cùng các công trình phụ trợ: nhà bếp, nhà ăn, nhà lưu trú, cổng hàng rào, 170/224 thôn, xóm được xây dựng trụ sở... Về điện: Lưới điện hạ thế được mở rộng đến các thôn xóm vùng sâu, vùng xa với 157/224 thôn xóm và 9.200 hộ có điện để sử dụng, chiếm 66,8% tổng số hộ trong toàn huyện.

Công tác quy hoạch, xây dựng đô thị được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, tổ chức hạ sơn cho 92 hộ gia đình, từng bước hình thành các thị tứ, các khu dân cư tập trung như: Phố Cáo, Sủng Là, Sính Lủng, Lũng Phìn, Hố Quáng Phìn...; xây dựng quy hoạch được 5 xã, thị trấn, hoàn thành quy hoạch tổng thể thị trấn Phó Bảng. Đồng thời, huyện tổ chức đưa 358 hộ dân các xã biên giới ra định cư, sinh sống giáp biên giới, di chuyển 33 hộ gia đình ra khỏi vùng nguy cơ sạt lở cao, ổn định sắp xếp dân cư tại chỗ theo hình thức xen ghép cho 243 hộ gia đình.

Công tác tài chính được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, triển khai giao chỉ tiêu thu, chi ngân sách, phấn đấu tăng thu và tiết kiệm chi, chống lãng phí. Thu ngân sách trên địa bàn tăng khá, năm 2009 đạt 12 tỷ đồng, tăng 7,96 tỷ đồng so với năm 2005. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng luật, giải quyết kịp thời nhu cầu chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển... Hoạt động của các ngân hàng được đẩy mạnh, đổi mới phương thức hoạt động vốn và cho vay, đáp ứng nhu cầu vốn vay của các tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo. Các nguồn vốn vay được quản lý, hướng dẫn, theo dõi để sử dụng có hiệu quả. Tổng vốn huy động và quản lý của huyện đạt trên 249 tỷ đồng (tăng 190,6 tỷ đồng so với đầu nhiệm kỳ), tổng dư nợ cho vay đạt 213,8 tỷ đồng (tăng 169,8 tỷ đồng so với đầu nhiệm kỳ).

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, ngày 06/5/2005, Huyện ủy Đồng Văn họp và ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo đến năm 2010, nêu rõ quan điểm chỉ đạo: Chú trọng thực hiện giáo dục toàn diện, cả về văn hóa, chính trị, tư tưởng, nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh; Phát triển mạng lưới trường học đi đôi với tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị đồ dùng dạy học một cách đồng bộ; Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đi đôi với duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở...

Với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, ngành giáo dục có chuyển biến tích cực. Đội ngũ giáo viên phát triển cả về số lượng và chất lượng, giải quyết cơ bản về tình trạng dạy treo, dạy ghép, hệ thống lớp mẫu giáo được mở rộng đến các thôn xóm, thành lập được 5 trung tâm học tập cộng đồng tại 5 xã, tạo điều kiện cho mọi người có nhu cầu đều được học tập nâng cao trình độ về mọi mặt. Hệ thống trường lớp, nhà công vụ giáo viên; nhà ăn, nhà lưu trú được đầu tư đồng bộ, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, ăn ở của giáo viên và học sinh. Môi trường nội trú dân nuôi tiếp tục được duy trì và phát triển với tổng số 3.710 học sinh (tăng 1.234 học sinh so với năm 2005). Tỷ lệ trẻ từ 6 - 14 tuổi đến trường đạt 97,8%. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở được duy trì.

Các chương trình mục tiêu quốc gia về dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe nhân dân được tổ chức thực hiện tốt. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,73%, giảm 0,08% so với năm 2005. Hằng năm, tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 7 loại vắc-xin đạt trên 90% và tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đều giảm trung bình 2%/năm. Công tác xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng bệnh viện và

trạm xá xã, phòng khám đa khoa khu vực được chú trọng. 70% số xã có bác sỹ, 100% xã, thị trấn có nữ hộ sinh, 100% thôn, bản có nhân viên y tế, 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII "Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc". Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng phát triển rộng khắp, các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm được tổ chức tốt. 100% các xã, thị trấn đều thành lập được đội văn nghệ quần chúng và đội bóng chuyền, vừa đáp ứng nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị vừa nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân. Thành lập và duy trì các hoạt động chợ đêm Phố cổ Đồng Văn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa đặc trưng của các dân tộc. Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa được nhân dân đồng tình hưởng ứng và tự giác thực hiện. Tính đến năm 2010, toàn huyện có 202 Làng văn hóa (tăng 36 làng so với năm 2005), 69% số hộ đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa.

Chất lượng, nội dung công tác truyền thanh truyền hình được nâng cao, đảm bảo thời lượng tiếp sóng các đài Trung ương, đài tỉnh, thông tin kịp thời các hoạt động của địa phương, đặc biệt là gương người tốt, việc tốt, các mô hình điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội phục vụ nhu cầu nghe, nhìn của nhân dân. Năm 2010, tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%, tỷ lệ phủ sóng truyền hình đạt 41%. Toàn huyện có 2 trạm phát lại truyền hình công suất lớn, 34 trạm phát lại truyền hình công suất nhỏ, 108 trạm TVRO, 6 trạm truyền thành FM không dây được duy trì hoạt động tốt.

Đi đôi với lãnh đạo phát triển kinh tế - văn hóa, Đảng bộ, chính quyền huyện thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân. Các chương trình xóa đói, giảm nghèo được lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, thông qua các chương trình, các chính sách, dự án đầu tư như chương trình 134, 135 (giai đoạn II), 30a[(1)], 167[(2)]. Trung tâm dạy nghề huyện được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả. Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 10,5% (năm 2005) nâng lên 20,3% (năm 2010). Trong 5 năm, huyện giải quyết việc làm cho trên 3.100 lao động, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động được 261 người. Từ năm 2005 - 2010, toàn huyện có 5.690 hộ được xóa nhà tạm; trên 19.000 lượt hộ dân được vay vốn để phát triển sản xuất, chăn nuôi (trong đó có 10.194 hộ

(1). Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ "Về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo".
(2). Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ "Về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở".

nghèo được vay trên 5 tỷ đồng không lãi để phát triển chăn nuôi bò). Với các cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất, hỗ trợ người nghèo, khuyến khích mọi gia đình vươn lên làm giàu chính đáng nên đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc được nâng lên một bước. Đến năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 35%, tỷ lệ hộ khá giàu trên 10%.

Các chế độ chính sách đối với người và gia đình có công với cách mạng, đối tượng xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, đặc biệt là công tác cứu trợ xã hội, khắc phục hậu quả, giảm nhẹ thiên tai, cứu đói giáp hạt được quan tâm giải quyết kịp thời, các hoạt động từ thiện nhân đạo được phát triển rộng khắp, sự hưởng ứng của các cấp, các ngành và các cá nhân trong và ngoài huyện, góp phần giải quyết khó khăn cho nhân dân, tạo được niềm tin của dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Công tác quốc phòng, an ninh được Huyện ủy chú trọng chỉ đạo. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới", dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Chỉ huy Quân sự huyện chủ động tham mưu và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội địa phương phát triển. Huyện chỉ đạo tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện, diễn tập cụm tác chiến biên phòng, diễn tập chiến đấu trị an cho các xã, thị trấn, diễn tập phòng chống tội phạm cho 34/34 thôn xóm biên giới. Huyện thành lập và duy trì hoạt động có hiệu quả 11 tiểu đội dân quân thường trực tại các xã biên giới trọng điểm. Thường xuyên bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị cho lực lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên, công an viên. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân, tự vệ chiếm 23,3%, lực lượng dự bị động viên chiếm 30,8%, lực lượng công an chiếm 51%.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững, không có điểm nóng, bức xúc, phức tạp về an ninh trật tự, không có tụ điểm phức tạp về hình sự. An ninh nông thôn, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh vùng dân tộc được đảm bảo. Huyện quản lý chặt chẽ công tác xuất, nhập cảnh và các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn. Huyện ủy chỉ đạo lực lượng công an huyện tăng cường các biện pháp về phòng chống cháy nổ, vận động nhân dân chấp hành tốt việc giao nộp vũ khí, vật liệu nổ; đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động buôn lậu, gian

lận thương mại, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo, thả "đèn trời" trên địa bàn... Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" được tập trung xây dựng rộng khắp. Huyện củng cố, kiện toàn các tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải, tổ tuần tra chốt chặn, xây dựng khu vực giáp ranh an toàn về an ninh trật tự của các xã, thị trấn, của huyện. Đồng thời, duy trì và phát huy có hiệu quả quy chế phối hợp giữa 3 lực lượng: quân sự, công an, biên phòng nên các thông tin, vụ việc được giải quyết kịp thời.

Hoạt động đối ngoại của huyện được tăng cường, các xã, thị trấn biên giới, các lực lượng vũ trang trên địa bàn thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại vụ về giao lưu, trao đổi với các xã, các trấn, các lực lượng thuộc huyện Ma Ly Pho, Phú Ninh, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) trên các lĩnh vực kinh tế, đảm bảo an ninh trật tự, chủ quyền biên giới quốc gia. Phối hợp tốt với các ngành chức năng hoàn thành công tác phân giới cắm mốc; xây dựng phương án và hoàn thành công tác hỗ trợ đền bù ổn định cuộc sống cho các hộ gia đình sau phân giới cắm mốc.

Công tác xây dựng Đảng được quan tâm trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Huyện ủy chỉ đạo tổ chức quán triệt và triển khai học tập nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ các cấp đến cán bộ, đảng viên và nhân dân; thường xuyên quan tâm giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, bồi dưỡng có hệ thống các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường phổ biến thông tin thời sự tới cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, tăng cường sự thống nhất về tư tưởng trong toàn Đảng bộ và nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006, Hướng dẫn số 11-HD/TW ngày 06/12/2006 của Bộ Chính trị về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", đầu năm 2007, Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng kế hoạch về triển khai thực hiện Cuộc vận động. Ban chỉ đạo Cuộc vận động từ huyện đến cơ sở được thành lập do đồng chí Bí thư cấp ủy làm Trưởng ban; xây dựng Quy chế hoạt động, kế hoạch, chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo, phân công theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện. Trong 4 năm (2007 - 2010), Ban Chỉ đạo chỉ đạo Ban Tuyên giáo (cơ quan thường trực cuộc vận động) hướng dẫn cơ sở tổ chức học tập các chuyên đề: Học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân và "Di chúc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (năm 2007); Học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu (năm 2008); Học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ

Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân và kỷ niệm 40 năm thực hiện Di chúc của Bác (năm 2009); Học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh, "là đạo đức, là văn minh" (năm 2010), coi đó là một tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại đảng viên hằng năm. Sau 4 năm thực hiện, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân có sự chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tác phong, phẩm chất của người cán bộ, đảng viên; nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công việc, ý thức trong tự phê bình và phê bình… Cuộc vận động thu hút sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, đồng thời, khối đoàn kết trong Đảng bộ và nhân dân được xây dựng vững chắc, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cục bộ, chống những luận điệu tuyên truyền, kích động của các thế lực thù địch; tạo niềm tin trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong tình hình mới, trong 5 năm (2005 - 2010), toàn huyện cử 488 lượt cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ. Nhờ chú trọng và làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng nên trình độ của đội ngũ cán bộ được nâng lên. Đối với cán bộ huyện: 93,8% có trình độ đại học, cao đẳng, 44,3% có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên, 32% đã qua các lớp bồi dưỡng về quản lý Nhà nước. Đối với cán bộ chủ chốt xã: 30 đồng chí có trình độ văn hóa trung học phổ thông (chiếm 92,5%), không có cán bộ có trình độ cấp tiểu học, 130 đồng chí có trình độ lý luận từ trung cấp trở lên (chiếm 32,6%); 60 đồng chí có trình độ chuyên môn từ Cao đẳng, Đại học chiếm 15%.

Công tác quy hoạch và rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ từ huyện đến xã, thị trấn được chú trọng. Công tác luân chuyển cán bộ được các cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở chú trọng thực hiện. Trong 5 năm thực hiện luân chuyển 70 cán bộ, trong đó luân chuyển từ huyện xuống xã 29, từ xã lên huyện 16, giữa các xã 25. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo. Trong nhiệm kỳ, kết nạp được 1.116 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 2.781 đồng chí, sinh hoạt trong 67 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc (21 Đảng bộ, 46 chi bộ).

Thực hiện Hướng dẫn số 10-HD/BTCTW ngày 10/10/2007 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập Chi bộ cơ quan xã, thị trấn, Ban Tổ chức Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy có văn bản chỉ đạo 19 xã, thị trấn tiến hành công tác chuẩn bị thành lập chi bộ cơ quan xã, thị trấn. Đến tháng 11/2007, toàn huyện có 19/19 Đảng bộ xã, thị trấn hoàn thành việc thành lập chi bộ cơ quan, với

tổng số 249 đồng chí. Hầu hết các chi bộ cơ quan xã, thị trấn có số lượng đảng viên trên 10 đồng chí nên đều thành lập được ban chi ủy. Sau khi thành lập, Chi bộ cơ quan xã, thị trấn bước đầu đi vào hoạt động nề nếp, xây dựng quy chế hoạt động, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ để thực hiện theo Điều lệ Đảng; phân công nhiệm vụ của cấp ủy viên, bí thư, phó bí thư; duy trì sinh hoạt định kỳ hàng tháng.

Hằng năm, các cấp ủy Đảng tiến hành đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên theo đúng quy định, công tác đánh giá, phân loại được đổi mới, chất lượng ngày càng được nâng lên. Số đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên luôn chiếm trên 94%; tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh qua các năm đều tăng và đạt trên 85%, không có tổ chức cơ sở Đảng yếu kém.

Công tác kiểm tra của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, chủ động kiểm tra tổ chức Đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Hằng năm, cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp đều xây dựng được kế hoạch kiểm tra trong việc chấp hành Điều lệ Đảng, chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành quy chế làm việc và lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của cấp trên và cấp mình. Từ năm 2005 - 2010, cấp ủy, tổ chức Đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp kiểm tra, giám sát được 201 lượt tổ chức Đảng và 368 lượt đảng viên. Qua kiểm tra đã phát hiện và xử lý kỷ luật 71 trường hợp[(1)]. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời phát hiện, xử lý, uốn nắn và phòng ngừa khuyết điểm, vi phạm, góp phần làm trong sạch, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Hoạt động dân vận luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các ngành tham mưu đề xuất cho cấp ủy triển khai và sơ kết, tổng kết kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công tác vận động nhân dân trong tình hình mới. Triển khai quán triệt và đưa các nội dung Quy chế dân chủ đi vào cuộc sống; tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới. Hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng ngày càng được nâng cao, tập trung đề cập đến những vấn đề trọng tâm bức xúc đang được nhiều cử tri quan tâm. Việc trả lời chất vấn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chức năng trước đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri. Công tác giám sát thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, giám sát việc chấp hành pháp luật trên

(1). Trong đó, khiển trách 17, cảnh cáo 35, cách chức 5, khai trừ 14.

địa bàn được tăng cường và đạt hiệu quả tốt, kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm.

Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều cố gắng trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân huyện về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Các biện pháp quản lý nhà nước trong xây dựng cơ bản, triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực thi pháp luật trên địa bàn... được tăng cường. Quy chế dân chủ ở cơ sở và tổ chức thực hiện tốt việc tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện tốt. Các chức danh của chính quyền các cấp cũng như cơ quan chức năng trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện được kiện toàn, chức năng quản lý Nhà nước được thực hiện đầy đủ, toàn diện và hiệu quả hơn.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở có nhiều đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động. Mặt trận Tổ quốc tăng cường hoạt động giám sát và phản biện xã hội, chủ động phối hợp với chính quyền và các ngành chức năng thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tích cực tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc; tham gia hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước... Nhìn chung, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã góp phần đắc lực trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện, xứng đáng là cánh tay nối dài của Đảng tới nhân dân.

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010, phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần tự cường, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Văn nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, giành được những thành tựu quan trọng, nhiều chỉ tiêu cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Kinh tế của huyện vẫn giữ được thế phát triển nhanh (đạt 13,6%/năm), cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng, vật nuôi đều tăng, an ninh lương thực tiếp tục được đảm bảo. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 22.000 tấn (tăng 5.500 tấn so với năm 2005). Chăn nuôi tiếp tục được khẳng định là thế mạnh của huyện, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo trong nhân dân. Cơ sở hạ tầng ở trung tâm huyện, trung tâm các xã, thị trấn và một số thôn, bản được quan tâm đầu tư ngày càng hoàn thiện, tạo tiền đề quan trọng cho kinh tế - xã hội phát triển và phục vụ tốt hơn nhu cầu phát triển sản xuất, sinh hoạt của nhân dân.

Văn hóa - xã hội có bước phát triển, mức hưởng thụ về tinh thần của nhân dân được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, bình quân thu nhập đạt 6,42 triệu đồng/người/năm (tăng 3,12 triệu đồng so với năm 2005). Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 35%. Quốc phòng, an ninh luôn ổn định, chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới và nội địa được đảm bảo. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đạt được những kết quả quan trọng, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường, nhân dân ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

II. ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TẬP TRUNG NGUỒN LỰC TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG; TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VỮNG MẠNH (2010 - 2020)

Từ ngày 21 - 23/6/2010, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2010 - 2015 được tổ chức tại Hội trường lớn của huyện, với sự tham gia của 261 đảng viên đại diện cho 2.781 đảng viên đến từ 67 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc.

Chủ đề Đại hội: "Đoàn kết, đổi mới, đột phá phát triển du lịch - dịch vụ, giảm nghèo bền vững".

Với quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, tiếp tục phát huy những tiềm năng, thế mạnh của huyện, Đại hội xác định mục tiêu tổng quát của nhiệm kỳ 2010 - 2015: Khai thác mạnh mẽ các tiềm năng, lợi thế của huyện, các nguồn lực tại chỗ để thoát khỏi đói nghèo và thoát nghèo bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo cơ cấu nông, lâm; thương mại - dịch vụ; công nghiệp - xây dựng. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng và hiệu quả, chú trọng đưa các giống mới có năng suất cao, có đầu ra ổn định cho sản phẩm vào sản xuất. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Đẩy mạnh phát triển kinh tế với phát triển các lĩnh vực xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc đi đôi với đấu tranh, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự điều hành của các cấp chính quyền. Đảm bảo ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, mở rộng hợp tác giao lưu với các huyện Ma Ly Pho, Phú Ninh - Trung Quốc, trong đó tập trung nâng cấp, thông thương tại 2 cặp cửa khẩu Phó Bảng - Tùng Cản, Điền Bồng - Đồng Văn. Xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở thật sự trong sạch, vững mạnh.

Đại hội đề ra mục tiêu chủ yếu đến năm 2015: Tốc độ tăng trưởng tổng giá trị gia tăng bình quân 18%/năm. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm nghiệp 39%; Công nghiệp

- Xây dựng 25%; Dịch vụ - Thương mại 36%. Thu nhập bình quân 11 triệu đồng/người/năm. Tổng sản lượng lương thực sản xuất trên địa bàn trên 24.000 tấn. Xuất khẩu lao động cả nhiệm kỳ 620 lao động. Sắp xếp, quy hoạch các hộ dân sống rải rác 438 hộ. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm xuống dưới 20%. Tỷ lệ hộ khá giàu trên 25%. Thu ngân sách tại địa bàn bình quân hằng năm 18 tỷ đồng. Tổng đàn gia súc trên 86.000 con. Độ che phủ rừng 38%. Tỷ lệ hộ được dùng điện 98%. Tỷ lệ trẻ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo 92%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,58%. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong độ tuổi xuống dưới 17%. Xây dựng 10 làng văn hóa du lịch; 10 thôn xóm đạt tiêu chuẩn nông thôn mới. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Kết nạp trên 1.200 đảng viên mới; 85% trở lên tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh. Đảng bộ huyện đạt trong sạch, vững mạnh cả nhiệm kỳ.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 45 đồng chí. Tại hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 13 đồng chí. Đồng chí Sùng Đại Hùng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Hưng - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Đình Dích - Phó Bí thư Huyện ủy.

Năm 2011, năm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền cho các sự kiện quan trọng. Các con đường được trang hoàng cờ, panô, khẩu hiệu, cảnh quan xanh - sạch - đẹp. Các công tác chuẩn bị như công bố ngày bầu cử, niêm yết danh sách cử tri, công bố và niêm yết danh sách ứng cử viên, thành lập các tổ phụ trách công tác bầu cử theo đúng thể lệ, nội quy và Luật Bầu cử. Ngày 22/5/2011, gần 100% cử tri huyện Đồng Văn nô nức đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, đảm bảo đúng luật, dân chủ, an toàn, tiết kiệm. Tại kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Ly Mí Vàng được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, đồng chí Nguyễn Đình Dích - Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIX của Đảng bộ huyện có những thuận lợi và khó khăn đan xen.

Sau một thời gian trung tu, tôn tạo, nâng cấp, ngày 25/9/2010, di tích Cột cờ Lũng Cú như ngày nay chính thức được hoàn thành. Đây là công trình chào mừng Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XV, chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI.

Ngày 03/10/2010, hồ sơ "Công viên Địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn"[1] đã được Hội đồng tư vấn Mạng lưới Công viên Địa chất Toàn cầu (GGN) của UNESCO chính thức công nhận là Công viên địa chất toàn cầu. Tối 01/12/2010, tại trung tâm huyện Đồng Văn, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam và Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã long trọng tổ chức Lễ đón nhận Bằng công nhận Công viên địa chất Cao nguyên đá Đồng Văn là thành viên của Công viên địa chất toàn cầu. Sự kiện trên đã mở ra một hướng phát triển mới, bền vững trên vùng cao nguyên đá nói chung và huyện Đồng Văn nói riêng.

Đồng thời, trong giai đoạn 2010 - 2015, các Hiệp định về phân giới cắm mốc, quản lý biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc được ký kết tạo đà cho hoạt động đối ngoại và kinh tế biên mậu có điều kiện phát triển mạnh hơn. Cùng với đó, các chương trình dự án đầu tư của Trung ương, của tỉnh đang triển khai, sự hỗ trợ của các cấp, các ngành trong và ngoài tỉnh tiếp tục được triển khai mạnh. Sự tin tưởng của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tạo động lực quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, củng cố, xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, huyện cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Đồng Văn vẫn là huyện nghèo, xuất phát điểm thấp, nội lực của nền kinh tế còn nhỏ bé. Thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, tỷ lệ đói nghèo cao, trình độ cán bộ cơ sở còn nhiều bất cập. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận cán bộ và nhân dân vẫn còn tồn tại, tình hình an ninh trật tự còn tiềm ẩn những yếu tố bất lợi; thiên tai, dịch bệnh có những diễn biến khó lường.

Trên cơ sở khai thác các tiềm năng, lợi thế và khắc phục những khó khăn, thách thức, quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, Huyện ủy quyết tâm lãnh đạo nhân dân đoàn kết hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện vận dụng "Bốn đổi mới, tám đột phá và mười lăm chương trình trọng tâm" trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010 - 2015 vào điều kiện thực tế của địa phương thành "Bốn đổi mới, sáu đột phá và mười một chương trình trọng tâm", được các cấp ủy, chính quyền lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt với sự tham gia của hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đạt được những kết quả quan trọng. Sau 5 năm, nền kinh tế của huyện có bước phát triển mới: Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ

[1]. Cao nguyên đá Đồng Văn trải rộng trên 4 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ.

tăng. Năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện đạt 19,1%; trong đó nông, lâm nghiệp chiếm 40,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm 21,5%, thương mại - dịch vụ chiếm 38%. Thu nhập bình quân đầu người 12 triệu đồng/người/năm, tăng 5,8 triệu đồng so với năm 2010, đạt 109,1% nghị quyết, mức sống của người dân cao hơn trước.

Để có kết quả trên, huyện Đồng Văn đã xác định rõ tiềm năng, thế mạnh của địa phương để có định hướng phát triển đúng đắn, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Một trong những đột phá quan trọng về kinh tế ở huyện là phát triển du lịch. Sau khi ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 21/4/2011 về phát triển du lịch - dịch vụ giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020, Huyện ủy chỉ đạo tập trung ưu tiên hỗ trợ thị trấn Đồng Văn, các xã Sà Phìn, Lũng Cú, Sủng Là. Điểm nhấn là trung tâm thị trấn Đồng Văn, bằng cách tạo cơ chế thông thoáng cho các tổ chức, cá nhân thuê đất xây dựng khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng ăn uống; khuyến khích các gia đình cải tạo, nâng cấp nhà ở để kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu của du khách. Đến năm 2015, toàn huyện có 1 khách sạn đạt chuẩn 3 sao, 3 khách sạn đạt chuẩn 1 sao, 11 nhà nghỉ, 23 cơ sở lưu trú bình dân với tổng số trên 500 phòng nghỉ; thu hút trên 250 tỷ đồng đầu tư xây dựng khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng... Toàn huyện có 8 tập thể và 12 cá nhân điển hình tiên tiến trong lĩnh vực dịch vụ, du lịch. Bên cạnh đó là tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ hướng dẫn viên, nâng cao chất lượng phục vụ tại các điểm du lịch. Nhờ sự nỗ lực của chính quyền địa phương và các ngành chức năng, Cao nguyên đá Đồng Văn giữ vững danh hiệu là thành viên mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu. Lượng khách du lịch tăng qua các năm, trong 5 năm (2010 - 2015), huyện đón trên 445 nghìn lượt khách, đạt 198% nghị quyết. Thương mại - dịch vụ phát triển mạnh, giá trị sản xuất năm 2015 đạt 811,9 tỷ đồng, tăng 516,9 tỷ đồng so với năm 2010. Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá đồng Văn được Unesco tái công nhận, tiếp tục mở ra nhiều hướng đi mới cho phát triển kinh tế nói chung, phát triển du lịch nói riêng.

Hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu các sản phẩm được đẩy mạnh. Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" gắn với tổ chức thường xuyên các hội chợ thương mại, phiên chợ "Đưa hàng Việt về miền núi" thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia, góp phần quảng bá, giới thiệu tiềm năng của huyện, kích cầu trong phát triển hàng hóa trên địa bàn. Hoàn thành xây dựng và chuyển địa điểm chợ trung tâm huyện lỵ Đồng Văn, chợ trung tâm xã Phố Cáo, thị trấn Phó Bảng, xã Phố Là, xã Lũng Cú, xã Sà Phìn.

Chương trình xây dựng và phát triển cửa khẩu biên giới, kinh tế biên mậu bước đầu đạt kết quả tích cực, tổng giá trị xuất nhập khẩu và trao đổi của cư dân biên giới trong nhiệm kỳ trên 260 triệu USD. Cơ sở vật chất phục vụ phát triển kinh tế biên mậu được đầu tư xây mới, nâng cấp gắn với thực hiện chương trình quy tụ, ổn định dân cư và xây dựng nông thôn mới. Triển khai xây dựng nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ như: kho kiểm hóa, bãi đỗ xe tại cửa khẩu Phố Bảng. Toàn huyện có 1 chợ cửa khẩu và 6 chợ phiên thuộc khu vực biên giới.

Lĩnh vực nông nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực, tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện năm 2015 đạt 808,8 tỷ đồng, tăng 429,6 tỷ đồng so với năm 2010. Diện tích gieo trồng, thâm canh ngô lai đạt trên 60%, lúa lai đạt trên 80% tổng diện tích, các cánh đồng mẫu về thâm canh ngô, lúa tiếp tục được nhân rộng. Sản xuất nông nghiệp dần phát triển theo hướng hàng hóa trên cơ sở đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hình thành các vùng sản xuất tập trung. Năng suất và sản lượng của các cây trồng chính đều tăng so với năm 2010. Năng suất ngô đạt 37,2 tạ/ha, năng suất lúa 57,37 tạ/ha, góp phần đảm bảo an ninh lương thực cơ bản đáp ứng nhu cầu hàng hóa nông sản, thực phẩm của người dân, từng bước giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung ứng từ bên ngoài. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 28 nghìn tấn, tăng 4.800 tấn so với năm 2010, lương thực bình quân đầu người đạt 400 kg/người/năm. Giá trị kinh tế đạt 31,5 triệu đồng/ha canh tác. Đột phá trong lĩnh vực nông nghiệp là việc triển khai Đề án phát triển cây vụ đông để tăng thu nhập, giải quyết lao động lúc nông nhàn, trọng tâm là trồng ngô, đậu tương, khoai tây. Trong 5 năm (2010 - 2015), toàn huyện trồng 1.215 ha ngô vụ 2, năng suất 22 tạ/ha, sản lượng đạt 3,38 tấn, 11.789 ha đậu tương, năng suất 10,62 tạ/ha, sản lượng đạt 12.523 tấn; 389,7 tấn khoai tây, năng suất đạt 10,82 tạ/ha, sản lượng đạt 4.218 tấn. Nhiều vùng chuyên canh hàng hóa được hình thành: hoa hồng (5,5 ha), thảo quả (98 ha) ở thị trấn Phố Bảng, Phố Cáo, Sủng Là, Phố Là; vùng rau xanh, lúa khẩu mang tại thị trấn Đồng Văn, Ma Lé, Sảng Tủng; chè (63 ha) ở Lũng Phìn, Hố Quáng Phìn, Sủng Trái... đã góp phần tăng thu nhập cho nhân dân, xóa đói giảm nghèo.

Đặc biệt, gắn phát triển nông nghiệp với du lịch, năm 2014, huyện chủ trương hỗ trợ cho gieo trồng tập trung, liền khoảnh 142,5 ha tam giác mạch tại thị trấn Đồng Văn, các xã Sủng Là, Lũng Táo, Lũng Cú... thu hút đông đảo du khách và là nguyên liệu chế biến các loại bánh đặc sản địa phương. Năm 2015, tiếp tục gieo trồng 300 ha, với cơ chế hỗ trợ 3 triệu đồng/ha. Ngoài ra, huyện chỉ đạo trồng và thu hoạch trên 15.000 ha bao gồm các loại: bắp cải, su hào, đậu cô ve, đậu răng ngựa và một

số đậu khác.

Trong nỗ lực tìm kiếm cơ hội bứt phá cho ngành chăn nuôi của địa phương, ngày 21/4/2011, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/HU về đẩy mạnh phát triển chăn nuôi giai đoạn 2011 - 2015. Sau 4 năm thực hiện, hàng nghìn hộ nghèo được hỗ trợ vay vốn không lãi phát triển chăn nuôi, thụ tinh nhân tạo, sửa chữa chuồng trại, tiêm phòng vắc-xin; việc hỗ trợ các hộ có trâu, bò chết rét được triển khai hiệu quả. Năm 2015, tổng đàn gia súc đạt 68.600 con, trong đó đàn trâu, bò có 21.250 con, đàn lợn là 28.900 con, đàn dê 18.220 con, đàn ngựa 230 con, đàn ong 5.700 đàn. Nhận thức của nông dân có nhiều thay đổi, chuyển dần sang áp dụng quy trình nuôi bền vững, khép kín, tận dụng nguồn phân bón cho sản xuất nông nghiệp. Nhiều mô hình trong chăn nuôi có hiệu quả và được nhân rộng như: Mô hình vỗ béo bò tại xã Sủng Là; nuôi lợn nái sinh sản tại xã Sà Phìn; "2 con bò, 600 khóm cỏ"... Việc trồng cỏ theo khóm để tận dụng quỹ đất được triển khai với diện tích là 1.217,6 ha cỏ, đạt 135,3% nghị quyết. Qua đó, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc hàng năm từ 4 - 5%, tổng giá trị ngành chăn nuôi đạt trên 180 tỷ đồng (năm 2015).

Chương trình trồng rừng kinh tế, rừng cảnh quan, bảo vệ và phát triển rừng đầu nguồn, các phương án về chuyển đổi chất đốt được quan tâm triển khai. Huyện hỗ trợ xây dựng 11.397 bếp đun cải tiến. Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên; ý thức của người dân được nâng lên; quá trình giao đất rừng đến từng hộ gia đình theo hướng ổn định lâu dài. Tính đến hết năm 2015, toàn huyện trồng 549,6 ha, độ che phủ rừng 34,3%. Ngoài việc được hưởng kinh phí trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng; các hộ gia đình nhận khoán khoanh nuôi và bảo vệ rừng còn được nhận 1.157,6 tấn gạo.

Hoạt động sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá, tổng giá trị sản xuất đạt 262,2 tỷ đồng. Công nghiệp tập trung vào một số lĩnh vực như cung cấp điện, khai thác quặng Vonfram, đá làm vật liệu xây dựng, sản xuất gạch bê tông, chế biến chè phục vụ sinh hoạt và sản xuất của nhân dân. Sản lượng phát điện đạt 5,4 triệu KW, khai thác, tuyển luyện trên 674 tấn quặng tại xã Hố Quáng Phìn, sản xuất trên 14 triệu viên gạch bê tông các loại, chế biến 162 tấn chè tươi. Toàn huyện có 5 làng nghề được công nhận, bước đầu giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động; làng nghề may mặc thị trấn Phó Bảng, thêu dệt thôn Lô Chải (xã Lũng Cú); đan lát thôn Mã Trề (xã Sính Lủng), làm Khèn Mông thôn Tả Cầu Ván (xã Hồ Quảng Phìn), rèn đúc lưỡi cày xã Tả Lủng. Triển khai đưa các loại máy nông cụ như máy cày, máy bừa, máy làm đất, máy xay xát ngô, lúa, thái cỏ... tại các thôn bản, góp phần giảm bớt sức lao động cho người nông dân.

Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, ngày 28/12/2011, Huyện ủy Đồng Văn ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, trong đó chọn các xã Sủng Là, Sà Phìn, Phố Cáo, Lũng Cú và thôn Phố Trồ, thị trấn Phố Bảng triển khai làm điểm. Ban Chỉ đạo cấp huyện, Ban quản lý cấp xã, thị trấn và Ban Phát triển thôn được thành lập, kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Công tác tuyên truyền Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, thường xuyên và liên tục bằng nhiều hình thức phong phú thông qua Đài Truyền thanh - Truyền hình, cổng thông tin điện tử huyện, hệ thống loa truyền thanh ở các thôn, bản, các hội nghị, hệ thống pano, khẩu hiệu, băng zôn, xe lưu động, hội diễn nghệ thuật quần chúng... Qua tuyên truyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới, trong đó nông dân vừa là chủ thể trong thực hiện vừa là người trực tiếp hưởng những kết quả từ xây dựng nông thôn mới. Với phương châm "Dễ làm trước, khó làm sau, việc không cần nhiều tiền thì làm trước, việc cần nhiều tiền thì làm sau", chương trình được phát động sâu rộng trong nhân dân, nhận được sự đồng thuận cao trong xã hội. Qua 4 năm thực hiện, tổng nguồn vốn Nhà nước đầu tư trên 36 tỷ đồng, trong đó tập trung chỉnh trang khuôn viên gia đình, làm đường bê tông, đường lát đá và phê duyệt đồ án quy hoạch. Chỉ đạo phê duyệt quy hoạch cho 17 xã thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030. Qua phong trào, nhân dân đóng góp 35.793 ngày công lao động, hiến 47.664,5 m^2 đất. Công tác khuyến nông, dạy nghề, tập huấn cho nông dân được duy trì; tổ chức lại sản xuất cho nông dân thông qua việc hình thành 329 nhóm sở thích; các nhân tố mới; cách làm hay được kịp thời tổng kết và nhân rộng. Hạ tầng kinh tế nông thôn được cải thiện khá rõ, hình thành trên 42,31 km đường bê tông, 1.164 bể nước hộ gia đình, 183 bức tường ngăn cách nhà và khu vực chăn nuôi; 707 công trình phụ trợ, 1.173 hộ láng bó nền nhà, sân. 35 tập thể và 49 cá nhân được các cấp khen thưởng trong thực hiện chương trình nông thôn mới. Đến năm 2015, các xã được chọn làm điểm đã hoàn thành 9/19 tiêu chí, riêng xã Sủng Là đạt 13/19 tiêu chí.

Với sự đầu tư của Nhà nước qua các chương trình dự án, sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân và sự huy động đóng góp của nhân dân, kết cấu hạ tầng của huyện tiếp tục được đầu tư xây dựng. Huyện xây dựng 3 trụ sở, 4 nhà công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã. 19/19 xã, thị trấn có trụ sở làm việc hai tầng; 6/19 xã, thị trấn cơ bản đáp ứng được nhu cầu về công vụ cho cán bộ, công chức; 110/225 thôn bản có trụ sở kiêm nhà văn hóa. Các tuyến đường từ trung tâm huyện đến trung tâm các xã,

thị trấn, từ các xã đến các thôn bản được nâng cấp, mở rộng. Xây dựng được 164,7 km đường giao thông. 100% xã, thị trấn có đường nhựa đến trung tâm xã. 100% thôn có đường giao thông nông thôn. Hệ thống điện được mở rộng, hoàn thành 12 công trình biến áp và 18 đường dây 0,4 KV, nâng tổng số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia lên 82%. Huyện hoàn thành và đưa vào sử dụng 28 hồ treo, 7 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung và 180 bể chứa nước hộ gia đình, góp phần giải quyết nước sinh hoạt trong mùa khô, nâng tỷ lệ dân cư có đủ nước sinh hoạt đạt 70%. Kết cấu hạ tầng giáo dục, y tế được quan tâm đầu tư. 100% các xã, thị trấn có trường học trung tâm xã, trạm y tế được xây dựng kiên cố 2 tầng. Tập trung đẩy mạnh xóa 864 nhà tạm cho hộ nghèo và cận nghèo. Bên cạnh đó, trong chương trình ổn định dân cư, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức đưa 292 hộ ở những nơi có nguy cơ sạt lở cao về sinh sống tập trung tại các thôn bản.

Cùng với phát huy nội lực, huyện tranh thủ các nguồn ngoại lực, đẩy mạnh việc hợp tác, kết nghĩa với các tổ chức, cá nhân, các tập đoàn kinh tế và các địa phương trong cả nước; đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin qua lại để nắm bắt tình hình, tiến độ triển khai các dự án. Tổ chức các cuộc gặp gỡ định kỳ giữa nhà đầu tư với chính quyền. Trong 5 năm (2010 - 2015), huyện tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện với 8 nhà tài trợ chính[(1)] với tổng số tiền trên 88 tỷ đồng để xây dựng hồ chứa nước, nhà lưu trú học sinh, trang thiết bị dạy và học, xóa nhà tạm, đảm bảo an sinh xã hội...

Kinh tế có bước phát triển nên công tác thu, chi ngân sách ngày càng được thực hiện tốt hơn. Các cấp ủy chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức thực hiện tốt công tác thu thuế, tạo nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ. Trong 5 năm, tổng thu thuế, phí và các biện pháp tài chính là 11,2 tỷ đồng, đạt 133,6% nghị quyết, trong đó năm 2014 là năm cao nhất với 32 tỷ đồng. Công tác quản lý và sử dụng vốn hiệu quả hơn. Việc bố trí kế hoạch, phân bổ nguồn vốn xây dựng cơ bản từ nguồn vốn Nhà nước, các chương trình, dự án đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển. Huyện tập trung vốn thanh toán các chương trình hoàn thành, quyết toán; cắt giảm quy mô đầu tư hoặc giãn, hoãn, tạm dừng và lựa chọn đơn vị thi công mới; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Hoạt động của các ngân hàng được đẩy mạnh, đổi mới về phương thức huy động vốn và cho vay, đáp ứng nhu cầu vốn vay của tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo. Các nguồn vốn cho vay được quản

(1). Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; quận Cầu Giấy, huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội; Quỹ bảo hiểm cơ giới; Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam; Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

lý, hướng dẫn, đánh giá hiệu quả thông qua các tổ chức đoàn thể, cán bộ mạng lưới và tiết kiệm tổ vay vốn.

Công tác quản lý về tài nguyên và môi trường được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật. Huyện đã cơ bản hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015. Các điểm, mỏ khai thác đá được quản lý chặt chẽ, đảm bảo không ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và quy hoạch Công viên địa chất toàn cầu.

Hoạt động khoa học công nghệ được quan tâm; việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cải cách hành chính đạt được những kết quả khích lệ. Năm 2015, các cơ quan Đảng, Nhà nước từ huyện đến cấp xã, thị trấn được kết nối Internet; triển khai họp trực tuyến thông qua hệ thống giao ban điện tử. 100% cán bộ từ huyện đến xã, thị trấn sử dụng thành thạo máy vi tính, 95% cán bộ, công chức có máy tính làm việc. Nhiều mô hình chuyển giao khoa học kỹ thuật trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi thực hiện có hiệu quả và kịp thời nhân rộng, góp phần tạo sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, sức cạnh tranh cao.

Huyện tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, bình đẳng trên cơ sở tiếp cận nguồn vốn vay, cho thuê đất, ưu đãi thuế, đấu thầu mua sắm tài sản, xây dựng cơ bản, tiếp cận thông tin về quy hoạch đất đai, các dự án đầu tư... Kinh tế tập thể có chuyển biến tích cực, góp phần từng bước tổ chức lại sản xuất cho nhân dân, tăng thu nhập cho người lao động. Toàn huyện có 6 doanh nghiệp kinh doanh tập thể, 35 hợp tác xã và 453 hộ kinh doanh cá thể hoạt động đa dạng ở các ngành nghề, lĩnh vực. Tổng số hội viên, lao động hợp tác xã là 382 người, thu nhập bình quân 3 triệu đồng/người/tháng. Các tổ hợp tác phát triển ở tất cả các xã và thị trấn với tổng số 20 tổ, trong đó tiêu biểu là Tổ hợp tác may mặc 4 thôn xã Sủng Là; tổ hợp tác thêu dệt trang phục dân tộc thôn Thèn Pả, thôn Lô Lô Chải xã Lũng Cú; tổ hợp tác nấu rượu ngô men lá thôn Há Đề, xã Sủng Trái...

Song song với việc lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ huyện coi trọng công tác văn hóa - xã hội.

Để đưa công tác giáo dục của huyện phát triển hơn nữa, trong giai đoạn 2010 - 2015, Huyện ủy ban hành 2 nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 07-NQ/HU ngày 28/12/2011 "Về tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, tích cực đổi mới công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020" và Nghị quyết số 12-NQ/HU ngày 08/01/2013 "Về xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2013 - 2015".

Với định hướng đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy cùng các ban

ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, sự nghiệp giáo dục của huyện ngày một tiến bộ. Hệ thống trường lớp học, nhà công vụ giáo viên, nhà lưu trú, nhà ăn cho học sinh tiếp tục được đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, ăn ở của giáo viên và học sinh với 96 phòng làm việc, 874 phòng học, 553 phòng lưu trú giáo viên, 252 phòng lưu trú học sinh, 28 thư viện trường học. Toàn huyện có 71 trường học và cơ sở giáo dục, trong đó có 9 trường đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được ngày càng được chuẩn hóa với tổng số 1.710 cán bộ, giáo viên, viên chức trong toàn huyện. Tỷ lệ huy động học sinh từng bước được được nâng lên. Tỷ lệ trẻ 6 - 14 tuổi đến trường chiếm 98,5%. Năm 2012, huyện được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi. Năm 2015, huyện được công nhận đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi. Phong trào thi đua xây dựng "Gia đình học tập", "Dòng họ học tập", "Cộng đồng học tập" phát triển rộng khắp, được các tổ chức xã hội và nhân dân hưởng ứng, tạo điều kiện cho học sinh nghèo được đến trường. Tính đến tháng 12/2015, toàn huyện có 2.217 gia đình hiếu học, 180 dòng họ hiếu học, 60 cộng đồng khuyến học. Hằng nằm, Hội Khuyến học huyện đều tổ chức lễ tuyên dương, giao lưu giáo viên, học sinh giỏi các cấp và tổ chức cho các cháu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến trong huyện đi tham quan, du lịch hè. Hoạt động khuyến học, khuyến tài là động lực thúc đẩy chuyển biến mạnh mẽ chất lượng giáo dục, có 915 lượt học sinh đạt học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện và 403 lượt giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, giáo viên tổng phụ trách giỏi cấp huyện, cấp tỉnh được khen thưởng. Công tác xã hội hóa giáo dục được thực hiện tốt, các tập thể, cá nhân ủng hộ tiền, tặng quà quy ra tiền trên 70 tỷ đồng. Ý thức của nhân dân trong việc ủng hộ chất đốt, lương thực được nâng lên, trong 5 năm ủng hộ trên 9,5 tỷ đồng. Huy động gần 6 nghìn học sinh nội trú dân nuôi.

Hoạt động chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng tiến bộ. Các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai đồng bộ, hiệu quả, chất lượng công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao. Đội ngũ y sĩ, bác sĩ thường xuyên được đào tạo, nâng cao trình độ, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Toàn huyện có 19/19 xã, thị trấn có bác sĩ định biên và luân phiên (trong đó có 10 xã, thị trấn có bác sĩ định biên); 19/19 xã, thị trấn duy trì chuẩn quốc gia theo tiêu chí cũ (có 10 xã đạt chuẩn quốc gia theo tiêu chí mới). Khám chữa bệnh cho 193 nghìn lượt bệnh nhân, tiêm phòng đủ các loại vắc-xin cho trẻ dưới 1 tuổi đạt 95%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cân nặng là 22,5%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn ở mức cao 2,14%.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục

thể thao có bước phát triển đồng bộ và rộng khắp, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị và nâng cao đời sống tinh thần nhân dân. Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" phát triển sâu rộng, tích cực, hiệu quả. Năm 2015, toàn huyện có 24,9% số thôn, bản đạt danh hiệu "Làng văn hóa", 45% số hộ gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa"[1].

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ phát triển mạnh. Toàn huyện có 60 đội văn nghệ quần chúng thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Huyện tổ chức thành công hội thảo "Đồng Văn - tiềm năng, phát triển"; phối hợp với các ngành của tỉnh tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và công bố tái công nhận tư cách thành viên mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu. Ngoài ra, huyện đã phối hợp với các đơn vị tổ chức Festival Khèn Mông lần thứ nhất năm 2012; triển khai trùng tu di tích Phố cổ Đồng Văn và xây dựng hồ sơ xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể. Trong giai đoạn 2010 - 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 8 di tích, nâng tổng số di tích, di sản toàn huyện được xếp hạng lên 14 di tích[2]. Công tác bảo tồn và phát huy những nét văn hóa truyền thống các dân tộc được quan tâm. Huyện ủy chỉ đạo tổ chức các lễ hội truyền thống và thành lập mô hình Hội nghệ nhân dân gian tại 19 xã, thị trấn, duy trì hoạt động văn nghệ đêm Phố cổ Đồng Văn... Đồng thời, huyện chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Lũng Cẩm Trên, xã Sủng Là gắn với xây dựng Nông thôn mới. Triển khai xây dựng các làng văn hóa du lịch: Thông Chúng Pả A, Phố Cáo, Sà Phìn Â, thôn Lô Lô Chải, Thèn Pá xã Lũng Cú. Hoàn thành việc xây dựng 5 điểm thăm quan du lịch: Bãi đá Hải Cẩu xã Vần Chải, Điểm dừng chân ngã ba Phố Bảng, Thung lũng cây Thiêng Thài, Phìn Tủng, Đồi vọng cảnh cổng trời Sà Phìn và Đền thờ thần nước thị trấn Đồng Văn. Đến năm 2015, thôn Lũng Cẩm Trên, xã Sủng Là được công nhận là Làng văn hóa du lịch.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng của huyện có bước phát triển cả về bề rộng và chiều sâu, thu hút đông đảo cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ, học sinh, các tầng lớp nhân dân tham gia. Trong đó, nhiều môn thể thao được tổ chức và diễn ra sôi nổi góp phần phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của địa phương. Huyện tổ chức thành công Đại hội thể dục thể thao lần thứ nhất năm 2013;

---

[1]. Trên thực tế, giai đoạn 2010 - 2015 số liệu về gia đình văn hóa, làng văn hóa thấp hơn giai đoạn 2005 - 2010, nguyên nhân là do Nhà nước bổ sung một số tiêu chí về xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa.

[2]. Trong đó có các di tích, di sản, di sản phi vật thể cấp quốc gia như: Nhà Vương Sà Phìn, Cột cờ Lũng Cú, Phố cổ Đồng Văn; Lễ cúng thần rừng của dân tộc Pu Péo xã Phố Là, Lễ cúng tổ tiên của dân tộc Lô Lô xã Lũng Cú, Di sản văn hóa thạch tay cuộn Ma Lé, Cụm cây đa thôn Thiên Hương; 3 di sản phi vật thể nằm chung của tỉnh được công nhận cấp Quốc gia: Lễ hội Gầu tào, nghệ thuật khèn Mông, lễ cấp sắc của dân tộc Dao.

thành lập đoàn Vận động viên tham gia thi đấu và đạt thành tích cao tại tỉnh.

Công tác thông tin và truyền thông có bước phát triển, đáp ứng nhu cầu về thông tin liên lạc của nhân dân, kịp thời đưa tin phản ánh các hoạt động kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương. Đến năm 2015, 70% số hộ được xem truyền hình, 58% số hộ có ti vi, 100% số thôn, bản được phủ sóng điện thoại di động.

Nhìn chung, trong 5 năm (2010 - 2015), đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, việc xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh trong xã hội góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra.

Về công tác xóa đói, giảm nghèo, ngày 21/4/2011, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 06-NQ/HU "Về tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm đến năm 2015, định hướng đến năm 2020". Nguồn lực đầu tư từ các chương trình, dự án hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện có hiệu quả. Cùng với sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của nhiều tổ chức, cá nhân, địa phương và nỗ lực vươn lên thoát nghèo của nhân dân các dân tộc, tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm từ 63,25% (năm 2011) xuống còn 39,6% (năm 2015), bình quân mỗi năm giảm 4,73%.

Các chương trình đào tạo nghề và giải quyết việc làm được thực hiện có hiệu quả. Các đơn vị phối hợp tổ chức dạy nghề ngắn hạn cho 26.890 lao động (trong đó tạo việc làm mới cho 6.762 lao động). Ngoài các lớp đào tạo về kỹ thuật gieo trồng, chăn nuôi, sửa chữa điện, xe máy, xây dựng, dân dụng... huyện đã tập trung vào đào tạo các ngành nghề như: dệt, may, đan lát các sản phẩm địa phương, làm khèn Mông... vừa giải quyết việc làm tại chỗ vừa làm phong phú thêm các sản phẩm đặc trưng của địa phương phục vụ khách du lịch.

Chế độ với gia đình chính sách, người có công, các chính sách đảm bảo an sinh xã hội và phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", hoạt động từ thiện được triển khai thường xuyên. Các quyền cơ bản của trẻ em được bảo đảm, chính sách bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ được quan tâm. Công tác cứu trợ xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, cứu đói giáp hạt được giải quyết kịp thời.

Các chương trình, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc luôn được cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quan tâm chỉ đạo và đạt được những kết quả nhất định. Cơ sở vật chất được đầu tư, đời sống của đồng bào các dân tộc thiểu số từng bước được nâng lên. Đảng bộ huyện thường xuyên quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, tuyển dụng cán bộ dân tộc thiểu số. Vai trò của người có uy tín được phát huy, góp phần tích cực

vào công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Năm 2014, huyện tổ chức thành công Đại hội các dân tộc thiểu số lần thứ II, tạo không khí phấn khởi, khơi dậy những giá trị tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số trong huyện. Việc thực hiện Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo được các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm thực hiện, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ chống phá cách mạng, công tác quốc phòng, quân sự địa phương được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, tăng cường đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, luyện tập, diễn tập được tiến hành thường xuyên đảm bảo an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, chất lượng. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh. Sức mạnh và tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, đặc biệt là địa bàn biên giới, trọng điểm. Lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ được tổ chức đồng bộ, chặt chẽ và rộng khắp từng thôn, bản, tổ dân phố. Công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu. Công tác hậu phương quân đội, "đền ơn đáp nghĩa" được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Đội ngũ công an xã, công an viên thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ. Các lực lượng tích cực phối hợp tham gia công tác phòng, chống cháy rừng, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

Các lực lượng vũ trang tăng cường nắm chắc tình hình, chủ động thực hiện các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự; duy trì thường xuyên các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, hạn chế tai nạn giao thông, giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra, đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch; ngăn chặn có hiệu quả việc truyền đạo trái pháp luật, hoạt động thành lập "Vương quốc Mông", sự xâm nhập của các tổ chức bất hợp pháp "Dương Văn Minh"; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, di dịch cư tự do được kiềm chế. Huyện chỉ dạo tập trung đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc", xây dựng cơ quan, trường học, cụm dân cư "An toàn - đoàn kết - văn hóa", thành lập các tổ tự quản người đi lao động tại địa bàn các thôn, bản. Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang địa phương trong thời kỳ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng được khẳng định.

Huyện ủy tăng cường chỉ đạo công tác đối ngoại, chú trọng cả 3 mặt: Đối ngoại

Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Định kỳ tổ chức hội đàm với huyện Phú Ninh, Ma Ly Pho - tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; thực hiện tốt "cơ chế phối hợp", ký kết hợp tác trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên tuyến biên giới, giữ gìn biên giới hòa bình, hữu nghị hợp tác cùng phát triển.

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, trọng tâm là củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong công tác chính trị, tư tưởng, cấp ủy các cấp tổ chức triển khai quán triệt nghiêm túc, kịp thời Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp; các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy, gắn với xây dựng, triển khai chương trình hành động thực hiện cụ thể, bảo đảm kịp thời, sát thực tiễn, góp phần nâng cao nhận thức về đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Sau khi có kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị "Về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" gắn với thực hiện 8 lời Bác Hồ căn dặn Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Hà Giang và Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay" với nhiều giải pháp sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị. Các cấp ủy, chính quyền thực hiện việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, chỉ ra các hạn chế, khuyết điểm, làm rõ trách nhiệm tập thể, cá nhân, đồng thời đề ra các giải pháp khắc phục, sửa chữa các khuyết điểm. Sau kiểm điểm, các cấp ủy rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng; vai trò lãnh đạo của các cấp ủy được nâng lên, đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Đảng được tăng cường; dân chủ trong Đảng được phát huy; kỷ luật, kỷ cương được đẩy mạnh. Việc học tập, làm theo tấm gương của Bác trở thành việc làm thường xuyên, nền nếp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và các phong trào thi đua yêu nước. Huyện ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư và các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, cơ quan, đơn vị, thôn, tổ dân phố. Mỗi đảng viên, cán bộ chủ chốt các cấp đều thực hiện tốt trách nhiệm "nêu gương" và "làm gương". Phong cách, lề lối làm việc của cấp ủy, chính quyền các cấp, của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nhiều đổi mới. Trong 4 năm (2011 - 2014), Ban Thường vụ Huyện ủy khen

thưởng cho 65 tập thể và 160 cá nhân điển hình tiên tiến; Ban Thường vụ Tỉnh ủy khen thưởng cho 2 tập thể, 7 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Đảng ủy các xã, thị trấn khen thưởng cho 230 tập thể và 420 cá nhân.

Công tác tổ chức, cán bộ được các cấp ủy quan tâm thực hiện đồng bộ ở các khâu: Quản lý, đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Các chức danh chủ chốt của 62 lượt cơ quan, đơn vị, các chi, đảng bộ trực thuộc, các xã, thị trấn được kiện toàn. Công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng có nhiều chuyển biến tích cực trong nhận thức và cách làm, cơ bản đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đề ra.

Huyện ủy chỉ đạo triển khai thực hiện thí điểm và sơ kết mô hình nhất thể hóa chức danh Bí thư Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân của 5 xã, thị trấn; Đề án 145 về "Nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy cơ sở vùng nông thôn tỉnh Hà Giang"; Đề cương nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên tại 19 xã, thị trấn; triển khai thực hiện Đề án hợp đồng sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học là người địa phương về công tác tại các cơ quan cấp huyện.

Hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ vừa hồng, vừa chuyên, đáp ứng yêu cầu tình hình mới, ngày 30/12/2011, Huyện ủy ban hành Nghị quyết số 09-NQ/HU về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2012 - 2015 định hướng đến năm 2020. Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp chủ động, quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch cán bộ. Việc xem xét của các đồng chí theo học nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị được thực hiện công khai, dân chủ, phù hợp với thực tiễn công việc và chuyên môn được đào tạo. Bên cạnh đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng tại địa phương với nội dung, chương trình, phương pháp phù hợp theo từng đối tượng. Từ năm 2010 - 2015, Huyện ủy cử 11 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện đi học cao học; 41 cán bộ đi học tại chức chuyên môn; 24 đồng chí theo học lớp văn bằng 2; 60 đồng chí đi học cao cấp, trung cấp lý luận chính trị tại Hà Nội và tỉnh; phối hợp với trường chính trị tỉnh mở 2 lớp trung cấp lý luận tại chức tại huyện cho trên 180 cán bộ. Trong nhiệm kỳ, đào tạo, bồi dưỡng cho 11.872 học viên. Qua đó, hình thành đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy với công việc, đủ năng lực hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự phát triển của huyện.

Công tác xây dựng, củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn với phát triển đảng viên mới

luôn được chú trọng; chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên từng bước được nâng lên. Hằng năm, trên 85% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh, trên 90% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ. Số lượng đảng viên mới ngày càng tăng. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện kết nạp được 1.464 đảng viên mới. Tính đến tháng 6/2015, toàn Đảng bộ có 67 tổ chức cơ sở Đảng (22 đảng bộ và 45 chi bộ); 331 chi bộ dưới Đảng ủy; 3.998 đảng viên, chiếm 5,5% tổng dân số toàn huyện.

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chủ động xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa và hàng năm, tập trung bám sát vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc chấp hành Điều lệ Đảng, các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảng đối với tổ chức Đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Sau kiểm tra, giám sát đều có đánh giá những ưu điểm, tồn tại và yếu kém trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của từng tổ chức, cá nhân; kịp thời xử lý kỷ luật đối với những cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng có sai phạm, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong Đảng. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức Đảng và đảng viên được cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm; hạn chế tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp góp phần ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong 5 năm (2010 - 2015), huyện tiếp nhận và xem xét giải quyết 29 đơn tố cáo; cấp ủy tiến hành kiểm tra, giám sát 370 cuộc đối với 435 tổ chức Đảng và 127 đảng viên; Ủy ban Kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 3 tổ chức Đảng và 35 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra tài chính Đảng 250 tổ chức Đảng, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng với 108 tổ chức Đảng, giám sát theo chuyên đề đối với 188 tổ chức Đảng và 145 đảng viên. Các cấp ủy Đảng và Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã xử lý kỷ luật 52 trường hợp vi phạm, trong đó khiển trách 28, cảnh cáo 13, cách chức 2, khai trừ 9.

Công tác dân vận của hệ thống chính trị được chú trọng triển khai đồng bộ, có nhiều đổi mới về nội dung và hình thức tuyên truyền, vận động đảm bảo sát, phù hợp với nhận thức, nhu cầu và lợi ích của nhân dân. Tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân cơ bản ổn định, luôn tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mô hình "Tổ dân vận ở thôn" ở 19 xã, thị trấn, mô hình "Hội nghệ nhân dân gian", phong trào "Dân vận khéo" được duy trì tốt. Vai trò người có uy tín trong cộng đồng được phát huy trong giải quyết những vướng mắc, bức xúc của nhân dân từ cơ sở, quyền làm chủ của nhân dân được mở rộng,

qua đó củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân đối với Đảng, cũng như khối đại đoàn kết toàn dân.

Chất lượng hoạt động của Thường trực, các ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, Hội đồng nhân dân cấp xã, thị trấn được nâng lên. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của Huyện ủy đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương. Các đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình tại kỳ họp; tổ chức tiếp xúc cử tri để thông báo kết quả, truyền đạt nghị quyết của kỳ họp, giải đáp, tiếp thu, phân loại các ý kiến, kiến nghị của cử tri phản ánh đến Ủy ban nhân dân, các ngành chức năng xem xét giải quyết. Hoạt động giám sát ngày càng đi vào chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung nổi cộm mà cử tri quan tâm. Việc chuẩn bị nội dung, chương trình, các văn bản trình các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện được thực hiện theo quy định của pháp luật. Hội đồng nhân dân 2 cấp (huyện, xã) tổ chức được 196 kỳ họp, ban hành 1.181 nghị quyết; giám sát 523 cuộc, có 1.332 ý kiến kiến nghị sau giám sát chuyển đến các cấp, các ngành xem xét giải quyết; tổ chức tiếp xúc cử tri được 4.135 cuộc và có 2.325 lượt ý kiến, kiến nghị các cấp, các ngành xem xét giải quyết và tỷ lệ đã giải quyết đạt gần 80%... Ban hành và triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2011 - 2016". Qua thực hiện, chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn có nhiều chuyển biến và được nâng lên rõ rệt.

Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới về phương thức chỉ đạo, điều hành, lề lối làm việc và có sự thống nhất cao trong tập thể; đã xác định các lĩnh vực kinh tế trọng điểm, làm cơ sở để tham mưu và đề ra chính sách ưu tiên cho đầu tư phát triển. Công tác chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia. Thường xuyên chỉ đạo các ngành chuyên môn tham mưu, cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, Hội đồng nhân dân huyện thành các đề án, phương án, kế hoạch cụ thể. Từ năm 2011 - 2015, Ủy ban nhân dân huyện ban hành 7 đề án, 708 kế hoạch, 24 chương trình, có lộ trình thực hiện theo từng năm, giai đoạn. Đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình; tổ chức đánh giá kết quả thực hiện và có chủ trương, biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời các vướng mắc, vấn đề mới phát sinh trên địa bàn. Đặc biệt đã quan tâm tham mưu, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết chuyên đề số 20 của Hội đồng nhân dân tỉnh[(1)]; đẩy mạnh cải cách hành chính, xúc tiến đầu tư, quảng bá tiềm năng,

[(1)]. Nghị quyết chuyên đề số 20/2010/NQ-HĐND ngày 31/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về "Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn giai đoạn 2011 -

thế mạnh tạo môi trường thu hút đầu tư phát triển.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương để triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác và các phong trào thi đua, các cuộc vận động. Các tổ chức đoàn thể chú trọng đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng các mặt công tác, hướng mạnh hoạt động về cơ sở, địa bàn thôn, khu dân cư, hộ gia đình. Nhiều cuộc vận động, phong trào có ý nghĩa thiết thực, thu hút đông đảo nhân dân tham gia và đạt hiệu quả cao, tiêu biểu là các phong trào, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Chung tay xây dựng nông thôn mới"... Các đoàn thể nhân dân có nhiều cố gắng củng cố, xây dựng tổ chức vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và phát triển hệ thống tổ chức, nhất là ở các thôn, khu dân cư, tăng cường kết nạp đoàn viên, hội viên. Các hội quần chúng tiếp tục được quan tâm, từng bước đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, dưới sự lãnh, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, sự đoàn kết, ý chí tự lực tự cường của các cấp, các ngành, cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục giành được những thành quả đáng phấn khởi. Kinh tế huyện thường xuyên tăng trưởng với hai con số. Tổng thu ngân sách trên địa bàn trong 5 năm đạt 111,2 tỷ đồng. Tổng sản lượng lương thực đạt trên 28 nghìn tấn (tăng 4.800 tấn so với năm 2010), lương thực bình quân đầu người đạt 400 kg/người/năm, thu nhập bình quân đạt 12 triệu đồng/người/năm (tăng 5,8 triệu đồng so với năm 2010)... Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở đẩy mạnh thâm canh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hình thành các vùng sản xuất tập trung. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch theo hướng tăng năng suất, sản lượng. Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, có nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo. Thương mại, du lịch - dịch vụ phát triển mạnh. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, trình độ dân trí được nâng lên; giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc được khơi dậy và phát huy; các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể thao, thông tin, truyền thông được tổ chức tốt; công tác phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân thường xuyên được quan tâm; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Quan hệ đối ngoại ngày càng được mở rộng, biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Hệ thống chính trị,

2015".

khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được xây dựng, củng cố vững mạnh. Tư duy, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cách tiếp cận giải quyết vấn đề của cấp ủy, chính quyền các cấp có sự đổi mới mạnh mẽ, tác phong, lề lối làm việc của đảng viên, cán bộ có chuyển biến tích cực. Lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên. Hằng năm có trên 85% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh.

Từ ngày 30/6 - 02/7/2015, Đảng bộ huyện Đồng Văn long trọng tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XX (nhiệm kỳ 2015 - 2020), với sự tham dự của 251 đại biểu đại diện cho 3.998 đảng viên của 67 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng bộ huyện. Dự và chỉ đạo Đại hội có đồng chí Đàm Văn Bông - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đại diện các Ban Đảng Trung ương, các đồng chí nguyên là lãnh đạo huyện qua các thời kỳ.

Đại hội diễn ra với chủ đề: "Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; huy động mọi nguồn lực gắn với khai thác tiềm năng văn hóa, du lịch; xây dựng huyện Đồng Văn phát triển bền vững".

Khẩu hiệu hành động: "Đoàn kết, đổi mới vì Đồng Văn phát triển".

Tại Đại hội, các đại biểu đều khẳng định những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn đạt được trong những năm 2010 - 2015 mang tính chiến lược, tạo cơ sở để Đồng Văn phát triển theo hướng nhanh và bền vững, nhanh chóng cùng cả tỉnh và cả nước hội nhập quốc tế.

Đồng thời, các đại biểu cũng chỉ ra những mặt tồn tại, hạn chế như: Kinh tế có tăng trưởng nhưng chưa bền vững, chưa tận dụng tốt tiềm năng, lợi thế công viên địa chất để phát triển mạnh mẽ lĩnh vực du lịch - dịch vụ. Sản xuất hàng hóa chưa phát triển mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng chất lượng, hiệu quả chưa rõ nét. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo, nguy cơ tái nghèo còn cao…

Trên cơ sở phân tích các kết quả đạt được, các mặt hạn chế, tồn tại, Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo bền vững. Từng bước xây dựng huyện Đồng Văn trở thành Trung tâm Du lịch văn hóa lịch sử trong Công viên Địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn. Thực hiện mạnh mẽ việc tổ chức lại sản xuất, từng bước nâng cao giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác. Đẩy mạnh phát triển kinh

tế với phát triển các lĩnh vực xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc đi đôi với đấu tranh, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu. Mở rộng việc hợp tác, giao lưu, kết nghĩa với các tổ chức, cá nhân, tập đoàn kinh tế và các địa phương trong cả nước. Đổi mới đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong thực thi công vụ, tránh phiền hà đối với người dân và doanh nghiệp. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Nhằm hướng tới mục tiêu chung trong giai đoạn 2015 - 2020, Đại hội xác định và biểu quyết thông qua nội dung đột phá về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng công vụ, đẩy mạnh thu hút đầu tư và 3 chương trình trọng tâm là: Chương trình phát triển nông nghiệp mà trọng tâm 3 cây (tam giác mạch, lê, dược liệu), 4 con (bò, lợn, dê, ong); Chương trình bảo tồn văn hóa truyền thống, phát triển du lịch - dịch vụ; Chương trình duy trì sỹ số học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020: Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 36 tỷ đồng. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp 650,7 tỷ đồng. Giá trị sản phẩm thu hoạch/ha đất trồng cây hàng năm 34,2 triệu đồng. Tỷ trọng giá trị chăn nuôi/giá trị sản xuất nông nghiệp 37,6%. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn 145 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa 252 tỷ đồng. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống 150,3 tỷ đồng. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,92%. Số lao động được đào tạo việc làm cả nhiệm kỳ 10.000 lao động. Xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới 3 xã. Số xã, thị trấn đạt chuẩn tiểu học đúng độ tuổi 19/19 xã, thị trấn. Số trường đạt chuẩn quốc gia 17 trường. 19/19 xã, thị trấn có bác sĩ, đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tỷ lệ hộ thoát nghèo hàng năm từ 5% trở lên. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia 95%. Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa 44%. Kết nạp 1.000 đảng viên mới. Tỷ lệ đảng viên từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt 98%. Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt 95%. Đảng bộ đạt trong sạch, vững mạnh cả nhiệm kỳ.

Đại hội bầu 43 đồng chí tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy; đồng chí Ly Mí Vàng và đồng chí Hoàng Văn Thịnh - Phó Bí thư Huyện ủy.

Ngày 22/5/2016, 43.093 cử tri (đạt 98,40%) huyện Đồng Văn tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021,

đảm bảo đúng luật, dân chủ, an toàn, tiết kiệm. Kết quả, các cử tri đã bầu được 3 đại biểu Quốc hội, 5 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 36 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, 486 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.

Ngày 24/6/2016, Hội đồng nhân huyện Đồng Văn khóa XX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 tổ chức kỳ họp thứ nhất tiến hành bầu các chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện. Kết quả, đồng chí Ly Mí Vàng - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện; đồng chí Hoàng Văn Thịnh - Phó Bí thư Huyện ủy được cử giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, trong lĩnh vực sản xuất nông - lâm nghiệp, huyện triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chương trình phát triển "3 cây, 4 con" và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển từ chiều rộng sang chiều sâu, tập trung vào các cây trồng, vật nuôi phù hợp, hiệu quả kinh tế cao để nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích, cải thiện thu nhập cho người dân. Cùng với đó, huyện đã đề ra cơ chế, chính sách, hỗ trợ người dân về giống, vốn. Công tác tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, cải tạo và tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm được triển khai đồng bộ, qua đó mang lại hiệu quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội.

Trong 5 năm, toàn huyện đã trồng mới 160 ha cây lê, nâng diện tích cây lê tập trung lên 195 ha, năng suất bình quân đạt 15 tấn/ha. Đối với cây tam giác mạch, hàng năm huyện bố trí kinh phí hỗ trợ trồng từ 300 - 500 ha cây tam giác mạch, cây hoa cải tạo cảnh quan thu hút khách du dịch và phục vụ lễ hội của tỉnh. Đến năm 2020, diện tích cây tam giác mạch của huyện đạt 1.742 ha. Cây dược liệu được khuyến khích trồng ở các khu vực có điều kiện, tập trung vào các loại dược liệu chính như: Đỗ trọng, đương quy, ấu tẩu, đẳng sâm, bạch truật, xuyên khung, tam thất, thảo quả... Đến năm 2020, tổng diện tích cây dược liệu của huyện đạt 107 ha. Thực hiện theo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, tổ chức cho các hợp tác xã sản xuất chế biến, tiêu thụ sản phẩm Đương quy (tươi) với sản lượng 25 tấn/năm. Các sản phẩm Tam giác mạch, Lê, Dược liệu đã được liên kết chế biến, có nhãn mác và trở thành sản phẩm nông nghiệp đặc trưng như (bánh kẹo, rượu tam giác mạch, quả lê, thành phẩm dược liệu Đương quy ...). Ngoài ra, huyện quy hoạch vùng trồng rau chuyên canh, rau trái vụ tại các xã Sảng Tủng, Phố Cáo, Thài Phìn Tủng, Lũng Cú, thị trấn Phố Bảng, Đồng Văn.

Cùng với đó, huyện đã tập trung khuyến khích phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp để hình thành chuỗi giá trị sản phẩm, tạo sự đột phá trong

việc liên kết từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Nhiều hợp tác xã đã chú trọng việc sản xuất theo hướng an toàn, xây dựng thành công thương hiệu, nhãn mác sản phẩm, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, điều này đã làm chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế hộ gia đình khu vực nông thôn, tiêu biểu như: Hợp tác xã Thành Công, thôn Bản Mồ, thị trấn Đồng Văn với sản phẩm ớt gió ngâm tỏi; Hợp tác xã Dịch vụ tổng hợp toàn thôn Séo Lủng B, xã Sảng Tủng với sản phẩm rau bắp cải trái vụ theo tiêu chuẩn VietGap; Hợp tác xã Bắc Nam với sản phẩm bánh, kẹo tam giác mạch; Hợp tác xã Phong Hưởng với sản phẩm mật ong Bạc hà…

Cùng với phát triển và nâng cao giá trị các loại cây trồng, đảm bảo an ninh lương thực luôn là nhiệm vụ quan trọng được Huyện ủy, cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo. Nhân dân tích cực gieo trồng, chăm sóc và thu hoạch các loại cây trồng chính theo đúng cơ cấu giống và lịch thời vụ. Bình quân hằng năm, diện tích ngô đạt 6.236,4 ha, lúa 802,05 ha, đậu tương 1.836,1 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 28.000 tấn/năm, bình quân lương thực đạt 358 kg/người/năm. Giá trị sản xuất lên 34,6 triệu đồng/ha đất canh tác, tăng 9,8% so với năm 2015, vượt 1,2% so với chỉ tiêu Nghị quyết.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, bám sát chương trình trọng tâm "3 cây, 4 con", ngày 08/4/2016, Huyện ủy họp và ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU về đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025. Mục tiêu dài hạn được đặt ra là đến năm 2025, ngành chăn nuôi của huyện cơ bản chuyển sang sản xuất hình thức gia trại, công nghiệp, đáp ứng phần lớn nhu cầu thực phẩm, bảo đảm chất lượng cho tiêu dùng. Trên tinh thần đó, huyện đã tạo điều kiện cho hàng nghìn hộ dân được vay vốn ưu đãi phát triển chăn nuôi, xây dựng các gia trại chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ. Đến năm 2020, toàn huyện có 114 gia trại. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, huyện đẩy mạnh việc cải tạo đàn bò bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo. Trong 5 năm, toàn huyện tiến hành thụ tinh nhân tạo cho 4.458 con bò - trở thành địa phương dẫn đầu toàn tỉnh trong thụ tinh nhân tạo cho đàn bò. Cùng với đó, huyện triển khai thực hiện ủ chua cỏ dự trữ thức ăn cho đàn gia súc với phương thức Nhà nước hỗ trợ 100% túi nilon, bột cám ngô, muối; người dân đóng góp 100% thức ăn thô xanh, công lao động. Huyện chỉ đạo các xã, thị trấn phân công cán bộ xuống tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi, hướng dẫn kỹ thuật, các bước ủ chua cỏ, đảm bảo dự trữ từ 4 - 5 tháng. Cách làm này đã giúp cho các hộ chăn nuôi chủ động nguồn thức ăn có chất lượng tốt cho gia súc, giảm thiểu tình trạng gia súc chết do đói, rét trong mùa Đông. Trong 5 năm, toàn

huyện đã trồng mới được trên 1.000 ha cỏ; thực hiện ủ chua được 27.390 tấn.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của nhân dân, ngành chăn nuôi của huyện đã có sự bứt phá mạnh. Tốc độ tăng trưởng đàn bò đạt 5,3%/năm, đàn lợn 9,5%/năm, đàn dê 6,5%. Tỷ trọng ngành chăn nuôi ngày càng tăng trong sản xuất nông nghiệp của huyện. Đến năm 2020, số lượng đàn gia súc của huyện đạt 373.753 con, tăng 74.725 con so với 2015; tổng đàn gia cầm 2.583.000 con. Đối với nuôi ong, huyện tổ chức ký cam kết đến người dân không sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ để bảo vệ đàn ong và chất lượng mật hoa; đưa các hộ chăn nuôi ong vào các tổ chức để liên kết sản xuất, tiêu thụ mật ong theo chuỗi giá trị. Tổng số đàn ong của huyện năm 2020 đạt 12.468 đàn, tăng 7.079 đàn so với năm 2015. Mỗi năm sản phẩm mật ong của huyện đạt 40.300 lít. Có thể khẳng định rằng, ngành chăn nuôi của huyện đã và đang phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong sản xuất nông nghiệp, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo trong nhân dân. Từ phong trào phát triển kinh tế nông nghiệp đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, nhiều mô hình kinh tế cho thu nhập cao như mô hình chăn nuôi bò vỗ béo thôn Sà Lủng, xã Lũng Táo; mô hình chăn nuôi lợn nái sinh sản ở thôn Sà Phìn B, xã Sà Phìn; mô hình trồng lê cho thu hoạch trên 100 triệu đồng/năm ở thôn Xín Mần Kha, xã Lũng Cú; nuôi ong mật quy mô lớn ở thị trấn Đồng Văn, xã Sà Phìn, xã Vần Chải; mô hình chăn nuôi tổng hợp và xay xát đá đóng gạch bi cho thu nhập 130 triệu đồng/năm ở thôn Tà Lá, xã Sính Lủng...

Thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm (Ocop), ngày 08/9/2017 Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề số 14-NQ/HU về thực hiện mỗi huyện xây dựng 1 xã, mỗi xã xây dựng 1 thôn điển hình về phát triển kinh tế, mỗi làng một sản phẩm và chọn xã Lũng Cú làm điển hình của huyện, mỗi xã lựa chọn 1 thôn điển hình dựa trên thế mạnh của từng địa phương, có khả năng trở thành hàng hóa. Trải qua hơn 3 năm triển khai, huyện đã xác định và lựa chọn được 19 thôn/19 xã, thị trấn là thôn điển hình về phát triển kinh tế, giai đoạn 2017 - 2020, gắn với 16 sản phẩm đặc trưng có thế mạnh; trong đó có 14 sản phẩm, bộ sản phẩm đã được xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và 03 sản phẩm đạt 4 sao, 04 sản phẩm đạt 3 sao theo chương trình Ocop của tỉnh.

Trong sản xuất lâm nghiệp, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng gắn với bảo tồn đa dạng sinh học nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn; tăng cường phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời những hành vi mua bán, vận chuyển, chế biến, kinh doanh lâm sản trái phép; chuyển diện tích trồng rừng giá trị

kinh tế thấp sang trồng rừng theo hướng thâm canh gỗ lớn, thu hút doanh nghiệp đầu tư trồng rừng kinh tế công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường bền vững. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,6%, tăng 16% so với năm 2015.

Thực hiện phương châm đa dạng hóa các thành phần kinh tế phát triển, ngày 21/10/2016, Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/HU về đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể. Theo đó, huyện tập trung khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế; mô hình liên kết "Bốn nhà"[(1)] trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Ban hành kế hoạch chuyển đổi, giải thể các hợp tác xã theo Luật hợp tác xã năm 2012. Đến năm 2020, toàn huyện có 42 hợp tác xã đang hoạt động, 88 nhóm sở thích, 36 tổ hợp tác. Với sự quan tâm lãnh, chỉ đạo sát sao của huyện, các hợp tác xã trên địa bàn huyện được kiện toàn, quy mô và phạm vi đầu tư sản xuất, kinh doanh ngày một mở rộng. Nhiều hợp tác xã tích cực nâng cấp cơ sở hạ tầng, đổi mới trang thiết bị máy móc, tập trung đầu tư chế biến các mặt hàng nông sản để hình thành chuỗi giá trị sản phẩm từ khâu sản xuất, chế biến đến khâu tiêu thụ sản phẩm. Một số hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp chú trọng sản xuất mặt hàng sạch, xây dựng thương hiệu, nhãn mác sản phẩm, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung như sản phẩm rau bắp cải, mật ong, chè, may mặc, thực phẩm qua chế biến. Tiêu biểu là Hợp tác xã Bắc Nam đầu tư thêm dây chuyền sản xuất bún sợi tam giác mạch với kinh phí lên tới trên 1 tỷ đồng; Hợp tác xã Rượu Thiên Hương đầu tư xây dựng trang trại nuôi bò, ngựa vỗ béo với kinh phí đầu tư trên 2 tỷ đồng. Hợp tác xã Nông nghiệp Po Mỷ mở rộng đầu tư sang trồng cây dược liệu với kinh phí 500 triệu đồng… Hoạt động của các hợp tác xã từng bước phát huy được hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đem lại thu nhập đáng kể cho các thành viên và bà con nông dân, khẳng định được vị trí, vai trò của hợp tác xã trong xây dựng Nông thôn mới.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 xác định du lịch là lĩnh vực mũi nhọn, giúp người dân giảm nghèo nhanh và bền vững. Từ quan điểm trên, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Đồng Văn đã có giải pháp, cách làm nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch.

Một trong những giải pháp đầu tiên là huyện chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ ngành du lịch. Qua từng năm, cơ sở vật chất tại các điểm du lịch đã được chú trọng đầu tư như: Nhà đón khách tại xã Lũng Cú, Sà Phìn; xây dựng hồ sơ xếp hạng các di tích di sản phi vật thể; bảo tồn và tu bổ di tích Phố cổ Đồng Văn, tập trung chỉ đạo xây dựng Làng Văn hóa du lịch thôn Lũng Cẩm Trên (xã Sủng Là),

(1). 4 nhà là: Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp.

thôn Lô Lô Chải (xã Lũng Cú). Đồng thời triển khai xây dựng các điểm dừng chân, Nhà Bảo tàng Không gian văn hóa các dân tộc vùng Cao nguyên đá, Hang Mây xã Tả Lủng. Nâng cấp đường từ Cột cờ Quốc gia Lũng Cú ra đất mũi thôn Séo Lủng, xã Lũng Cú...

Cùng với việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, huyện Đồng Văn đã có cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư như làm thủ tục cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế thuê đất xây dựng cơ sở hạ tầng; áp dụng chính sách ưu đãi về phát triển du lịch, dịch vụ miền núi. Khuyến khích các hộ dân tại thị trấn Đồng Văn, các xã có điểm, khu du lịch như Sủng Là, Lũng Cú, Sà Phìn tu sửa nhà, làm dịch vụ Homstay phục vụ khách du lịch. Kết quả, huyện đã khuyến khích, thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân đến đầu tư phát triển du lịch. Đến năm 2020, toàn huyện đã đưa vào sử dụng 244 cơ sở lưu trú, 20 nhà khách, 30 nhà nghỉ, 194 Homestay, 72 cơ sở ăn uống dịch vụ phục vụ khách du lịch. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh văn hóa, con người Đồng Văn được đẩy mạnh. Huyện đã xây dựng được 88 chuyên trang, chuyên mục giới thiệu về quảng bá tiềm năng, thế mạnh của huyện. Tổ chức tập huấn cho các thuyết minh viên du lịch. Hoàn thành xây dựng 49 hồ sơ (45 homestay và 04 làng nghề sản xuất sản phẩm thủ công) đề nghị tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 35 của Hội đồng nhân dân tỉnh với tổng số kinh phí là 2.780 triệu đồng.

Nhằm tạo điểm nhấn thu hút khách du lịch đến với Đồng Văn, huyện cũng đã xây dựng kế hoạch trồng cây cảnh quan, hoa tam giác mạch theo mùa dọc theo các trục đường chính, tại các điểm tham quan; có cách làm riêng trong việc sản xuất, chế biến những sản phẩm mang tính đặc trưng của địa phương, như mật ong Bạc hà, thịt bò khô, đậu xị, các loại bánh chế biến từ hạt tam giác mạch... Bồi dưỡng đội ngũ đầu bếp có đủ trình độ nấu các món ăn mang đậm bản sắc dân tộc như thắng cố, mèn mén, thịt hun khói, cháo ấu tẩu phục vụ du khách; quy hoạch, khôi phục các làng nghề truyền thống. Đến năm 2020, toàn huyện có 8 làng nghề truyền thống được công nhận[(1)]. Cùng với đó là quan tâm tới việc bảo vệ, bảo tồn và khai thác các di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, di tích tâm linh để phát triển du lịch văn cảnh. Tính đến năm 2019, trên địa bàn huyện Đồng Văn đã có 15 di tích, di sản được công nhận. Đặc biệt, Lễ hội xuống đồng của dân tộc Pu Péo, xã Phố Là là di sản Văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia. Các hoạt động văn hóa - thể thao như: Lễ hội Khèn Mông Đồng Văn, Ngày hội văn hóa dân tộc Mông, Lễ hội Hoa tam giác mạch, giải chạy Marathon... được tổ chức thành công cũng đã đưa hình ảnh Đồng Văn đi khắp

[(1)]. Làng nghề may mặc, thị trấn Phó Bảng; thêu dệt thôn Lô Lô Chải, Lũng Cú; đan lát thôn Mã Trề xã Sính Lủng; Khèn Mông thôn Tả Cầu Ván xã Hố Quáng Phìn; rèn đúc lưỡi cày xã Tả Lủng; hương nhang sạch xã Sảng Tủng; Làng nghề may mặc trang phục dân tộc Mông xã Sà Phìn; Làng nghề chưng cất rượu ngô men lá truyền thống dân tộc Mông xã Lũng Táo.

cả nước và ra thế giới. Với sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền, sự chung tay của nhân dân, tổng lượng khách đến tham quan trên địa bàn huyện trong 5 năm (2016 - 2020) đạt 1,792 triệu lượt người, tăng gấp gần 4 lần so với giai đoạn 2010 - 2015. Có thể khẳng định lĩnh vực du lịch phát triển mạnh đã tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá. Huyện đã có nhiều cách làm linh hoạt, chủ động kêu gọi, thu hút đầu tư. Đến năm 2020, trên địa bàn huyện Đồng Văn có trên 20 công ty, doanh nghiệp đến đầu tư và hoạt động sản xuất. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp trong 5 năm đạt 671 tỷ đồng. Hoạt động công nghiệp tập trung vào một số lĩnh vực như cung cấp điện 12 triệu KW; chế biến 35 tấn chè tươi; sản xuất 1,4 triệu viên gạch; khai thác nước máy 180.000 m^3; sản lượng rượu đạt 39 nghìn lít; khai thác quặng Vonfram, cát đá làm vật liệu xây dựng...

Lĩnh vực thương mại có bước phát triển. Tổng mức hàng hóa bán lẻ cả nhiệm kỳ đạt 2.158 tỷ đồng (tăng 141,1% so với giai đoạn 2011 - 2015), không có hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý. Công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình buôn lậu, hàng giả, hàng cấm, gian lận thương mại được duy trì thường xuyên; các ngành tăng cường kiểm tra hoạt động của các cơ sở kinh doanh hàng hóa trên địa bàn huyện. Các hoạt động trưng bày, giới thiệu sản phẩm địa phương được tổ chức tốt. Ủy ban nhân dân huyện tiến hành khảo sát xây dựng phương án thu hút đầu tư đối với chợ Nhù Xa, xã Lũng Táo, tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động hệ thống chợ trên địa bàn huyện. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông hoạt động ổn định, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của huyện.

Thực hiện Chương trình phát triển kinh tế biên mậu gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Tỉnh ủy, Huyện ủy xây dựng chương trình hành động, triển khai các giải pháp tăng cường các hoạt động thương mại biên giới qua cửa khẩu Phố Bảng và các lối mở. Trong số 9 xã, thị trấn biên giới thì có 6 xã, thị trấn có chợ, 9/9 xã, thị trấn biên giới đều có lối mở, tạo thuận lợi cho việc trao đổi buôn bán của nhân dân vùng biên. Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 1,2 triệu USD, tăng 632% so với năm 2015.

Đẩy mạnh chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy Đồng Văn xây dựng kế hoạch về xây dựng nông thôn mới đến năm 2020, trong đó tập trung chỉ đạo các xã đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng và các dự án phát triển sản xuất theo kế hoạch phê duyệt. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong tham gia xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy quán triệt, chỉ đạo các phòng,

ban chức năng của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Mọi chính sách, chủ trương hỗ trợ của tỉnh, huyện, xã đều được niêm yết công khai để người dân biết, trực tiếp tham gia ý kiến đóng góp, nhất là đối với các khoản thu phí, lệ phí, các khoản đóng góp của người dân. Khi huyện, xã, thị trấn có chủ trương mở mới, nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, làm nhà văn hóa hay có chương trình hỗ trợ xi măng làm nhà vệ sinh, bó láng nền nhà thì người dân đều được bàn và trực tiếp quyết định, qua đó tạo niềm tin, phát huy được nội lực, tinh thần chủ động trong nhân dân. Tính trong 5 năm (2015 - 2020), toàn huyện tổ chức được 3.038 lượt tuyên truyền các nội dung xây dựng nông thôn mới với hơn 159.793 lượt người nghe. Với cách làm hay, đúng đắn đã thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, ủng hộ. Đến năm 2020, nhân dân tham gia hiến 119.944 m^2 đất; đóng góp 26,852 tỷ đồng, đóng góp 115.496 ngày công lao động để nhiều tuyến đường liên xã, liên thôn xóm. Qua đó, toàn huyện đã xây dựng được 200.705 m đường bê tông; 100% đường trục xã liên xã được cứng hóa, 38% đường trục thôn liên thôn được bê tông hóa, tăng 20% so với năm 2015; tỷ lệ đường ngõ xóm không lầy lội vào mùa mưa 32% tăng 18% so với năm 2015. Huyện đã kiên cố hóa 1,6 km kênh mương; xây dựng 02 nhà văn hóa xã, 14 nhà văn hóa thôn; 53 đơn vị trường học trên địa bàn huyện được nâng cấp cải tạo; 17/17 trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trạm y tế xã được cải tạo sửa chữa và nâng cấp; thực hiện chỉnh trang khuôn viên gia đình, láng và bó nền nhà 4.602 hộ; xây dựng 3.705 công trình nhà tắm; xây dựng 6.462 công trình nhà vệ sinh; cứng hóa, di dời 3.687 chuồng trại; xây 12.505 bể nước. Đến năm 2020, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 87% vượt 16% chỉ tiêu Nghị quyết, tăng 58% so với năm 2015. Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng do xuất phát điểm thấp, nên đến năm 2020, toàn huyện có 5 xã hoàn thành 9 tiêu chí[(1)] (tăng 4 xã so với năm 2015); 10 xã hoàn thành 10 - 14 tiêu chí[(2)] (tăng 8 xã so với năm 2015); 2 xã hoàn thành trên 15 tiêu chí[(3)] (tăng 2 xã so với năm 2015).

Với quan điểm vừa tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế vừa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, huyện triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án lồng ghép để cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông đến trung tâm xã, thôn. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm (2015 - 2020) đạt 1.270 tỷ đồng, vượt trên 300% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Đến năm 2020, 100% xã có đường giao thông đi lại thuận tiện đến trung tâm xã, 154/225 thôn

---

(1). Gồm các xã Ma Lé; Sảng Tủng, Vần Chải, Tả Phìn, Tả Lủng.

(2). Gồm các xã: Phố Cáo 12 tiêu chí, Sà Phìn 14 tiêu chí, Lũng Táo 12 tiêu chí, Phố Là 10 tiêu chí, Lũng Thầu 10 tiêu chí, Sủng Trái 10 tiêu chí, Lũng Phìn 10 tiêu chí, Hố Quáng Phìn 10 tiêu chí, Sính Lủng 10 tiêu chí, Thài Phìn Tủng tiêu chí.

(3). Gồm xã Lũng Cú 15 tiêu chí, Sủng Là 16 tiêu chí.

có đường đến trung tâm thôn được cứng hóa, 224/225 thôn (đạt 99,6%) có đường xe cơ giới đến được trung tâm thôn. Để đảm bảo giao thông thông suốt, với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", huyện tiến hành nâng cấp, bảo dưỡng các tuyến đường trọng yếu, có lượng người và phương tiện giao thông qua lại đông như đối với các tuyến Ma Lé - Lũng Cú, Sáng Ngài - Lao Sa, Phố Bảng - Phố Là, Thẩm Mã - Lũng Thầu, đường thôn Mã Sồ (xã Lũng Táo) đi thôn Gì Thàng (xã Ma Lé), Đồng Văn - Tả Lủng, Sủng Là - Sảng Tủng... Chương trình đưa điện về nông thôn tiếp tục được triển khai, đến năm 2020, toàn huyện có 215/225 thôn có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 94%, tăng 14,5% so với năm 2015. Cùng với đó, các công trình trường, trạm, công trình phúc lợi được tích cực đầu tư xây dựng đã và đang mang lại diện mạo mới cho quê hương Đồng Văn, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

Công tác quản lý thu ngân sách được chỉ đạo quyết liệt, bao quát tốt các nguồn thu; thường xuyên rà soát, khai thác các nguồn thu, lấy chỉ tiêu hoàn thành thu ngân sách làm tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền. Công tác điều hành chi ngân sách đảm bảo đúng Luật, tiết kiệm và hiệu quả theo quan điểm "tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên". Công tác chi cho đầu tư phát triển đã tăng 3,2% so với giai đoạn trước. Đồng thời, huyện chủ động thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế, tăng cường hướng dẫn, triển khai các quy định, quy trình nộp thuế cho tổ chức, cá nhân... Tổ chức tín dụng phát triển, huyện có 04 ngân hàng hoạt động (tăng 02 ngân hàng so với năm 2015). Các nguồn vốn chính sách xã hội được giải ngân đúng đối tượng, góp phần tạo việc làm, phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng tín dụng cả nhiệm kỳ đạt 290%; tỷ lệ nợ xấu dưới 0,2%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết.

Thực hiện chương trình trọng tâm của huyện về duy trì sĩ số học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục, ngày 08/4/2016, Huyện ủy ra Nghị quyết số 06-NQ/HU về công tác giáo dục giai đoạn 2016 - 2020, sau đó ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong từng năm học. Có thể thấy, mặc dù là địa phương còn nhiều khó khăn về kinh tế nhưng trong mỗi giai đoạn, Huyện ủy Đồng Văn đều ban hành Nghị quyết cụ thể để phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương. Đây vừa thể hiện truyền thống, tinh thần hiếu học của nhân dân, vừa thể hiện ý chí, khát vọng vươn lên của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Nghị quyết 06 của Huyện ủy về công tác giáo dục và cuộc vận động "Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo", "Xây dựng trường học thân thiện,

học sinh tích cực" được các nhà trường nồng nhiệt đón nhận và triển khai thực hiện tốt. Công tác xã hội hóa giáo dục đẩy mạnh. Với sự đầu tư của Nhà nước, sự đóng góp của các tập thể, cá nhân trong và ngoài huyện[1], trường lớp ngày càng khang trang, đảm bảo đủ các điều kiện cho việc dạy và học. Toàn huyện có trên 1.000 nhóm, lớp với gần 24.000 học sinh. Chất lượng giáo dục được nâng lên. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp bậc Tiểu học và Trung học cơ sở hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch. Đội ngũ giáo viên được nâng lên cả về chất lượng và số lượng, 100% giáo viên đạt chuẩn, trong đó 58% trên chuẩn. Nhiều nhà trường có nhiều cố gắng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, có nhiều học sinh đạt giải qua các kỳ giao lưu, kỳ thi các cấp, tiêu biểu: Trường Tiểu học Đồng Văn A, Tiểu học Lũng Phìn, Trường Tiểu học Phố Bảng, Phổ thông cơ sở Sảng Tủng... Đến năm 2020, toàn huyện có 17/52 trường trường đạt chuẩn quốc gia (chiếm 32,7%, tăng 8 trường so với năm 2015). Đồng thời, huyện thực hiện có hiệu quả Đề án chuyển học sinh tiểu học từ điểm trường về học tại trường chính[2], qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học trên địa bàn.

Nhờ có sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành từ tuyến huyện đến tuyến xã và sự hưởng ứng nhiệt tình của người dân, các chương trình Y tế quốc gia và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân đạt hiệu quả cao. Mạng lưới y tế cơ sở thường xuyên được củng cố và phát triển, đội ngũ cán bộ y tế luôn học tập, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao kỹ năng giao tiếp ứng xử, đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh. Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có bác sĩ làm việc (trong đó có 14 xã, thị trấn có bác sĩ thường trú); 19/19 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011 - 2020 (về đích trước 2 năm so với nghị quyết Đại hội). Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc-xin đạt trên 95%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng về cân nặng còn 20,3%, giảm 3,2% so với năm 2015. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 1,91%. Công tác kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ngày càng được quan tâm. Đồng thời, huyện chỉ đạo các ngành đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao ý thức, trách nhiệm nhằm làm giảm tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết.

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU của Tỉnh ủy về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2012 - 2020 gắn với việc thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn

[1]. Từ năm 2016 - 2020, các tập thể, cá nhân trong và ngoài huyện đã đóng góp được 61 tỷ đồng.
[2]. Quyết định số 84/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành đề án chuyển học sinh tiểu học từ điểm trường về học tại trường chính.

hoá", ngày 08/4/2016, Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề số 05-NQ/HU về bảo tồn văn hóa truyền thống, phát triển du lịch - dịch vụ; khai thác, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh; gắn với bảo tồn văn hóa truyền thống các dân tộc, tập trung bảo tồn văn hóa dân tộc Mông theo Đề án 09 của Tỉnh ủy để phát triển du lịch. Việc thực hiện xây dựng đời sống văn hóa cơ sở được kết hợp chặt chẽ với thực hiện quy chế dân chủ đã phát huy được tính tích cực, quyền làm chủ của nhân dân, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư. Đến năm 2020, toàn huyện có 53% thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa; 70% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết). Huyện xây dựng và công nhận 02 làng văn hóa du lịch[(1)]. Bảo tồn và phát huy các di tích, di sản, hằng năm huyện tổ chức các lễ hội văn hóa tiêu biểu đặc trưng ở địa phương mang đậm nét văn hóa truyền thống[(2)], để quảng bá hình ảnh và kết quả xây dựng Trung tâm công viên địa chất toàn cầu Unesco Cao nguyên đá Đồng Văn thu hút khách du lịch. Thông tin, truyền thông phát triển cả về qui mô và chất lượng. Hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ, thông tin và truyền thông được quan tâm đầu tư và phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 90%, tỷ lệ hộ được xem truyền hình đạt 76%, đều đạt và vượt chỉ tiêu Nghị quyết.

Thấm nhuần quan điểm phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, ngày 21/10/2016, Huyện ủy đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 10-NQ/HU về thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện. Qua đó công tác giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội đã thu hút được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân. Trong 5 năm, toàn huyện đã hỗ trợ xây mới và xóa nhà tạm cho hàng nghìn hộ gia đình chính sách; chi trả chế độ trợ cấp cho các đối tượng chính sách theo quy định. Ngoài ra, huyện tặng hàng nghìn suất quà với tổng giá trị hàng tỷ đồng cho các hộ nghèo, gia đình khó khăn... Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động được triển khai tích cực. Trong 5 năm, huyện tổ chức đào tạo nghề cho 4.401 học viên; giải quyết việc làm mới cho 10.818 lao động, (đạt 108% nghị quyết đề ra). Với những nỗ lực, cố gắng của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, tỷ lệ hộ nghèo của huyện bình quân mỗi năm giảm 6%, vượt 20% Nghị quyết (hộ nghèo đầu năm 2016 là 71% giảm xuống còn 42% vào năm 2020), đời

(1). Làng văn hóa du lịch Lũng Cẩm Trên xã Sủng Là và làng Lô Lô Chải xã Lũng Cú.
(2). Lễ hội truyền thống như: Lễ hội Khèn Mông, Gầu Tào… phối hợp tổ chức thành công Lễ hội hoa Tam giác mạch hàng năm, tham dự các hoạt động Ngày hội văn hóa dân tộc Mông toàn quốc.

sống nhân dân các dân tộc cải thiện rõ rệt.

Trong công tác quốc phòng - an ninh, hàng năm, Huyện ủy đều xây dựng nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Tập trung chỉ đạo các lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên tổ chức huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng dân quân, tự vệ đảm bảo chất lượng, an toàn. Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện và 19 cuộc diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã, thị trấn đúng quy định và đảm bảo an toàn. Công tác tuyển quân hằng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra. Công tác hậu phương quân đội được thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đúng quy định.

Nhận thức rõ phòng, chống tội phạm là nhiệm vụ quan trọng góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường phát triển kinh tế - xã hội, huyện tiếp tục phát huy, nâng cao hiệu quả phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tích cực làm tốt công tác dân vận, kiện toàn, củng cố lực lượng an ninh từ huyện đến cơ sở, các tổ an ninh nhân dân, tổ hòa giải, tổ tự quản; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các lực lượng và các xã giáp ranh. Đồng thời, huyện quản lý chặt chẽ công tác xuất, nhập cảnh và các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; công tác quản lý Nhà nước về trật tự xã hội được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Hằng năm, các vụ phạm pháp hình sự giảm từ 8 - 10%; tỷ lệ phá án tăng dần. Huyện ủy chỉ đạo lực lượng công an huyện tăng cường các biện pháp về phòng chống cháy nổ, vận động nhân dân chấp hành tốt việc giao nộp vũ khí, vật liệu nổ; đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép các loại pháo... Với các biện pháp đồng bộ, huyện Đồng Văn đã chủ động phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại mọi hoạt động phá hoại, tuyên truyền, lôi kéo quần chúng của các thế lực thù địch góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phát huy dân chủ đi đôi với kỷ cương, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, nhân dân yên tâm lao động sản xuất.

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh "Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020"; Thường trực Huyện ủy tổ chức quán triệt lồng ghép với Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện để quán triệt đến cán bộ chủ chốt huyện chỉ đạo 100% chi, đảng bộ trực thuộc triển khai đến các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở; để quán triệt đến cán bộ, đảng viên trên địa bàn huyện. Ngày 05/10/2016, Huyện ủy ban hành Chương trình hành động số 25-CT/TU về việc thực hiện "về tăng cường sự lãnh đạo của

Đảng đối với công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020". Huyện thực hiện tốt việc tiếp xúc, giao lưu, tăng cường chuyến thăm cấp cao giữa đoàn đại biểu huyện với huyện đối đẳng nhằm thúc đẩy giao lưu hữu nghị giữa hai bên. Công tác đối ngoại được duy trì thường xuyên giữa các lực lượng vũ trang hai bên Việt Nam - Trung Quốc; tiến hành 27 cuộc giao ban, hội đàm định kỳ và đột xuất liên quan đến việc tiếp nhận và trao trả công dân, giải quyết vụ việc trên tuyến biên giới, trao đổi tình hình. Qua các cuộc hội đàm, hai bên ký kết biên bản thực hiện các nội dung về giao lưu, trao đổi kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, hợp tác đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; quản lý chợ biên giới, đường mòn lối mở, công dân qua biên giới; phối hợp thực hiện 3 văn kiện pháp lý về biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc; ngày 27/7/2016, đã tổ chức lễ kết nghĩa giữa trị trấn Đồng Văn - Việt Nam và trấn Điền Bồng, Ma Ly Pho (Trung Quốc); ngày 16/12/2016, tổ chức Lễ kết nghĩa giữa thị trấn Phó Bảng và các xã (Phố Là, Phố Cáo, Sủng Là, Sủng Phìn, Lũng Táo, Ma Lé, Lũng Cú) với trấn Đồng Cán, Ma Ly Pho (Trung Quốc). Nhìn chung, hoạt động đối ngoại của huyện với các huyện phía đối đẳng đi vào chiều sâu, thực chất, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội tại địa phương, xây dựng và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hữu nghị giữa hai bên biên giới.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng bộ. Công tác chính trị, tư tưởng được coi trọng, tăng cường. Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện dân chủ trong sinh hoạt Đảng, tăng cường sức mạnh đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng bộ; thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức. Thường xuyên quan tâm giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng đổi mới, nâng cao hiệu quả thiết thực trong triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", nhất là nội dung "xây dựng phong cách, tác phong, nêu gương người đứng đầu của cán bộ, đảng viên", các cấp ủy từ huyện đến cơ sở chủ động triển khai nhiều giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế. Việc tổ chức học tập các nội dung được triển khai linh hoạt, đa dạng, đảm bảo yêu cầu đặt ra thông qua việc lồng ghép vào hội nghị quán triệt học tập Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, hội nghị Báo cáo viên cấp huyện. Đối với các chi bộ trực thuộc tổ chức học tập kết hợp trong các buổi sinh

hoạt chi bộ định kỳ theo tháng. Qua kiểm tra, 100% các chi, đảng bộ tổ chức nghiên cứu, học tập; số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được tiếp thu đạt 100%, quần chúng nhân dân đạt 85%... Kết quả đó góp phần làm chuyển biến về tác phong, lề lối làm việc, ý thức trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức được nâng lên; các tầng lớp nhân dân trong huyện ngày càng nhận thức rõ ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu cơ quan, đơn vị nêu cao ý thức trách nhiệm gương mẫu trước cán bộ, đảng viên và nhân dân. Cá nhân các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chủ động nêu gương, có kế hoạch tu dưỡng rèn luyện trước chi bộ; công khai kế hoạch công tác, tiếp thu ý kiến nhân dân; dành nhiều thời gian đi cơ sở để tiếp xúc, đối thoại với nhân dân. Đối với các chi, đảng bộ trực thuộc, các cán bộ lãnh đạo cơ quan, đơn vị chủ động đăng ký nêu gương tại chi bộ nơi đang sinh hoạt, nội dung đăng ký phù hợp với nhiệm vụ công tác và có tính khả thi với sức lan tỏa rộng.

Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy về thực hiện các Nghị quyết, Kết luận Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, Huyện ủy ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện, tuyên truyền học tập tới đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ và cán bộ, đoàn viên, hội viên các đoàn thể. Đối với cấp huyện, tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành triển khai lấy ý kiến góp ý của các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan theo hướng dẫn của Tỉnh ủy để bổ sung vào báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy. Xác định rõ những biểu hiện suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", mỗi đồng chí phải tự đối chiếu với những biểu hiện mà Nghị quyết chỉ ra để nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình; đồng thời phê bình, góp ý đối với các đồng chí khác trên tinh thần thẳng thắn, đoàn kết, xây dựng. Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức các lớp nghiên cứu, quán triệt, học tập Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đảm bảo chặt chẽ, khoa học, đúng thời gian, giúp cán bộ, đảng viên, cán bộ của Mặt trận và các đoàn thể nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết; nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy và người đứng đầu đối với nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được thực hiện thường xuyên, toàn diện

và đi vào chiều sâu. Ủy ban Kiểm tra các cấp đã chủ động xây dựng, triển khai thực hiện nghiêm túc chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm. Công tác kiểm tra giám sát, thi hành kỷ luật Đảng được triển khai bài bản, đổi mới, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, giám sát theo hướng mở rộng, chú trọng giám sát người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Huyện thực hiện có hiệu quả Đề án số 18-ĐA/TU, ngày 12/9/2017 của Tỉnh ủy Hà Giang đã góp phần nâng cao được nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy các cấp trong công tác kiểm tra, giám sát. Trong 5 năm, cấp ủy các cấp và Ủy ban kiểm tra Huyện ủy đã phát hiện và xử lý kỷ luật 95 trường hợp vi phạm. Qua kiểm tra, giám sát đã làm rõ ưu điểm để phát huy, kịp thời phòng ngừa, ngăn chặn những khuyết điểm vi phạm của tổ chức Đảng và đảng viên.

Huyện ủy tiến hành tinh giản biên chế, thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Huyện tiến hành sáp nhập Trung tâm dạy nghề với Trung tâm giáo dục thường xuyên; Đài Phát thanh Truyền hình với Trung tâm Văn hóa - Du lịch - Thể thao; Đội Dịch vụ công cộng và Môi trường với Trung tâm dịch vụ cấp và thoát nước; sáp nhập 2 đơn vị trường học trên địa bàn xã Thài Phìn Tủng thành một trường. Thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy là Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện; Trưởng ban Dân vận huyện đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở 7/19 xã, thị trấn. Thực hiện tinh giản biên chế, trên cơ sở thực hiện chặt chẽ các khâu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; kết quả đã tinh giản được 8 cán bộ và 85 viên chức sự nghiệp.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện các chính sách đối với cán bộ tiếp tục được thực hiện hiệu quả, đúng quy định. Trong 5 năm, huyện đã cử trên 2.300 lượt cán bộ, đảng viên tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, lý luận chính trị. Thực hiện luân chuyển cán bộ từ huyện xuống xã gồm 16 đồng chí; từ xã lên huyện 07 đồng chí, từ xã này sang xã khác 18 đồng chí. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn huyện ngày càng nâng cao trình độ và bản lĩnh chính trị, gương mẫu đi đầu trong các phong trào thi đua, được quần chúng nhân dân tin yêu.

Công tác phát triển Đảng được quan tâm về chất lượng, tỷ lệ đảng viên mới ở độ tuổi thanh niên, đảng viên nữ, cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo viên ngày càng tăng. Từ năm 2016 - 2020, toàn huyện kết nạp được 1.134 đảng viên mới. Tính đến tháng 6/2020, toàn Đảng bộ có 4.700 đảng viên, sinh hoạt trong 64 tổ chức cơ sở

Đảng[1] (giảm 4 tổ chức cơ sở Đảng so với năm 2015). Công tác đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên được tiến hành nghiêm túc, đúng quy định. Qua đánh giá xếp loại hằng năm 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ, có trên 95% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có tổ chức đảng yếu kém.

Tháng 5/2020, đồng chí Nguyễn Ngọc Thanh được điều động về tỉnh giữ chức Giám đốc Sở Tài chính, Ban Chấp hành huyện họp và bầu đồng chí Hoàng Văn Thịnh giữ chức Bí thư Huyện ủy.

Hội đồng nhân dân huyện thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động; ban hành quy chế hoạt động của các ban, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức hiệu quả hoạt động tiếp xúc cử tri, giải quyết các vấn đề cử tri quan tâm, phát huy vai trò của tổ đại biểu và mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân, đã chuyển các ý kiến, kiến nghị của cử tri đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời.

Để cụ thể hóa nội dung trong nâng cao chất lượng công vụ cũng là khâu đột phá mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã xác định, Huyện ủy xây dựng kế hoạch, vạch rõ lộ trình, có bước đi cụ thể. Trên cơ sở các quyết định ban hành thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động niêm yết công khai bộ thủ tục hành chính thuộc ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã và trên trang thông tin điện tử của huyện; lắp đặt hòm thư góp ý, niêm yết số điện thoại của lãnh đạo tại bộ phận "một cửa" để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đến làm thủ tục biết, phản ánh. Đặc biệt, huyện Đồng Văn phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai hòm thư công vụ (hagiang.gov.vn) cho cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã, thị trấn; đầu tư trang thiết bị, khai trương phòng họp giao ban trực tuyến đến 19 xã, thị trấn và khánh thành Trung tâm giao dịch "một cửa" cấp huyện; triển khai kết nối mạng diện rộng của Đảng (Lotus Notes) đến các cơ quan, đơn vị. Đến năm 2020, 100% cơ quan khối nhà nước, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn sử dụng phần mềm VNPTioffice; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc đạt 98%; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo sử dụng chữ ký số đạt trên 75%... qua đó tạo thuận lợi, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện các nhiệm vụ từ huyện đến xã một cách kịp thời, hiệu quả.

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đã phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật

[1]. Trong đó 22 Đảng bộ cơ sở, 42 chi bộ cơ sở.

của Nhà nước, tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương; tích cực hưởng ứng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, tổ chức giám sát và phản biện xã hội, đối thoại với nhân dân được 84 cuộc, tổ chức 16 hội nghị phản biện xã hội với trên 80 lượt ý kiến tham gia; đối thoại với nhân dân được 11 cuộc… Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân. Lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thành công đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và Hội quần chúng theo nhiệm kỳ. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Hội và hội viên, củng cố, kiện toàn, xây dựng tổ chức hội, đoàn thể vững mạnh. Các Hội quần chúng, Hội đặc thù, Hội nghề nghiệp tiếp tục được quan tâm, hoạt động thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, điều lệ của Hội, tham gia các phong trào thi đua góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Nhìn lại giai đoạn 2015 - 2020, trong điều kiện hoàn cảnh có nhiều khó khăn, song được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, sự giúp đỡ của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh Hà Giang, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đạt được những kết quả quan trọng. Kinh tế tăng trưởng khá. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ. Cơ sở hạ tầng được đầu tư mạnh, giảm dần sự cách biệt giữa các vùng trong huyện. Văn hóa - xã hội có sự tiến bộ và phát triển, dân trí được nâng lên, đời sống dân sinh được cải thiện, nâng cao chất lượng lao động, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu, các đối tượng chính sách xã hội được quan tâm, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 6%/năm. Quốc phòng, an ninh và công tác nội chính được đảm bảo và tăng cường, không có đột biến bất ngờ xảy ra. Hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng; thực hiện lãnh đạo, quản lý, vận động thuyết phục nhân dân chấp hành tốt đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; ổn định chính trị và xã hội. Những thành tựu đạt được là cơ sở, là động lực, là niềm tin để cán bộ và nhân dân phấn đấu cho sự phát triển toàn diện về các lĩnh vực trong nhiệm kỳ tiếp theo.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, Kế hoạch số 478-KH/TU, ngày 22/8/2019 của Tỉnh ủy Hà Giang về tổ chức Đại hội Đảng các

cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tháng 9/2019, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn tổ chức Hội nghị cán bộ toàn huyện để triển khai các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy và Huyện ủy, quyết định chọn Đảng bộ xã Sủng Là làm Đại hội điểm. Huyện ủy thành lập 5 tiểu ban Đại hội, đã triển khai kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên.

Từ cuối năm 2019 và đầu 2020, các công việc chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện và các cơ sở trở nên rất sức khẩn trương. Đến tháng 6/2020, tất cả các chi, Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ huyện tổ chức xong Đại hội và bầu đại biểu dự Đại hội Đảng bộ huyện.

Ngày 13 - 15/8/2020, Đảng bộ huyện Đồng Văn long trọng khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Dự Đại hội có đồng chí Đặng Quốc Khánh, Ủy viên Dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Thào Hồng Sơn, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Nguyễn Mạnh Dũng, Phó Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí trong Ban Tường vụ Tỉnh ủy, nguyên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; lãnh đạo các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy; các đồng chí nguyên lãnh đạo huyện Đồng Văn qua các thời kỳ; 223 đại biểu chính thức, đại diện cho 4.700 đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đồng Văn được tiến hành vào thời điểm lịch sử có ý nghĩa quan trọng. Công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng trải qua gần 35 năm, vượt qua bao khó khăn, thách thức đã thu được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, tạo đà cho giai đoạn tiếp theo.

Chủ đề Đại hội là: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển du lịch, dịch vụ; đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới; đưa huyện Đồng Văn giảm nghèo nhanh, bền vững.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát: Tiếp tục phát huy khối đại đoàn kết các dân tộc; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy tiềm năng, lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực xã hội; tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; phát triển nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất chuỗi giá trị tạo ra các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa đặc trưng chất lượng cao; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe cho nhân dân và đảm bảo đầy đủ các chính sách an sinh xã hội; Đẩy mạnh thực hiện giảm nghèo nhanh, bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới. Phấn đấu đến năm 2025 huyện Đồng Văn từng bước thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, đến năm 2030 thoát khỏi

huyện nghèo (huyện 30a); đến năm 2045 là huyện phát triển trung bình khá của tỉnh.

Với tinh thần "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Sáng tạo - Phát triển", các đại biểu đã tập trung thảo luận và nhất trí thông qua 22 chỉ tiêu, 5 chương trình trọng tâm và 3 nội dung đột phá để phấn đấu thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Các chỉ tiêu chủ yếu là:

Về kinh tế: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 65 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người/năm đạt 40 triệu đồng; Sản lượng lương thực có hạt hàng năm đạt 28.000 tấn; Giá trị sản phẩm thu hoạch/1 ha đất trồng cây hàng năm đạt 40 triệu đồng; Tỷ trọng giá trị chăn nuôi/giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 45%; Tỷ lệ đô thị hóa đạt 10%; Thu hút 2,6 triệu lượt khách du lịch.

Về xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 6% trở lên; Số xã công nhận đạt tiêu chí Nông thôn mới (02 xã đạt chuẩn); Số lao động được giải quyết việc làm mới cả nhiệm kỳ đạt 15.000 người, (trong đó số lao động đi làm việc ngoài tỉnh 3.000 người); Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 51%; Lũy kế tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 50% (26/52) trường; Tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đến trường đạt 98,5%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) đạt 18,56%; Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 1,6%; Tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa đạt 60%; 100% thôn có điện, đường giao thông nông thôn đạt chuẩn Nông thôn mới.

Về môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 41%; Tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của cư dân đô thị 100%, nông thôn 90%; Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, chất thải y tế… đô thị đạt trên 95%.

Về xây dựng Đảng, an ninh trật tự: Hằng năm, trên 95% tổ chức cơ sở đảng xếp loại hoàn thành tốt nhiệm và đảng viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Trên 95% xã, thị trấn, cơ quan đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự.

- 5 Chương trình trọng tâm là: (1) Tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố khối đoàn kết các dân tộc tạo sự thống nhất cao giữa cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến xã. (2) Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế. (3) Tập trung phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao dân trí, thu hút nguồn nhân lực. (4) Tập trung xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. (5) Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững, chăm lo đời sống nhân dân.

- 3 Nội dung đột phá là: (1) Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn. (2) Phát triển sản phẩm du lịch, hạ tầng du lịch, dịch vụ, thương mại gắn với sản phẩm nông nghiệp hàng hóa. (3) Tạo sinh kế, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Sau 2 ngày làm việc, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI (nhiệm kỳ 2020 - 2025) gồm 41 đồng chí; bầu đoàn đại biểu của Đảng bộ di dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020 - 2025) gồm 19 đại biểu (trong đó có 2 đại biểu dự khuyết). Tại Hội nghị lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã bầu 13 đồng chí vào Ban Thường vụ Huyện ủy. Đồng chí Hoàng Văn Thịnh - Bí thư Huyện ủy khóa XX tái đắc cử giữ chức Bí thư Huyện ủy khóa XXI. Đồng chí Ly Mí Vàng được bầu giữ chức Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, đồng chí Dinh Chí Thành - Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đảng bộ huyện Đồng Văn lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 là Đại hội của trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, kế thừa thành tựu của 35 năm đổi mới. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn phát huy truyền thống đơn vị anh hùng, đoàn kết, năng động, sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức; tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đề ra.

*

* *

Trải qua 15 năm (2005 - 2020) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã hòa chung với không khí của tỉnh Hà Giang và nhân dân cả nước tiến hành đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và thu được nhiều thành tích đáng tự hào. Từ một huyện cùng cao núi đá còn nhiều khó khăn, trở ngại, song Đảng bộ huyện Đồng Văn đã quán triệt, cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, tỉnh, trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế và các nguồn lực của địa phương để hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Dù sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn thấp so với mặt bằng chung của các địa phương trong tỉnh, nhưng những kết quả đạt được trong 15 năm qua đã làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội so với chặng đường đầu đổi mới, đặc biệt các xã vùng cao, vùng biên giới. Hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư xây dựng, bộ mặt nông thôn của huyện ngày càng khởi sắc, cơ cấu kinh tế ngày càng được chuyển dịch theo hướng khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của huyện; đời sống nhân dân, trình độ dân trí từng bước được nâng cao; an ninh - quốc phòng được củng cố; biên giới, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Đội ngũ đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng ngày càng lớn mạnh về cả số lượng và chất lượng, phát huy có hiệu quả vai trò năng lực lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện.

Mặc dù còn đó những khó khăn và thách thức nhưng những thành quả của 15 năm (2005 - 2020) đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện trên địa bàn huyện đã tạo niềm tin và nền tảng vững chắc cho Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc

huyện Đồng Văn tiếp tục phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của cả nước, góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", xứng đáng với danh hiệu Anh hùng Lao động mà Đảng và Nhà nước đã trao tặng.

KẾT LUẬN

Đồng Văn là huyện vùng cao núi đá của tỉnh Hà Giang, nơi cực Bắc của Tổ quốc, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh. Một địa phương núi non trung điệp được biết đến với địa danh cột cờ Lũng Cú kiêu hãnh và tự hào.

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, địa danh Đồng Văn đã có nhiều sự thay đổi về địa giới hành chính, về tên gọi. Năm 1906, huyện Đồng Văn được chính thức thành lập, bao gồm địa giới của huyện Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và một phần huyện Quản Bạ ngày nay. Đến ngày 15/12/1962, huyện Đồng Văn được chia tách thành 3 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc và Yên Minh. Từ khi thành lập, Đảng bộ huyện Đồng Văn đã vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đặc điểm thực tiễn của địa phương, phát huy truyền thống đoàn kết, kiên cường trong chiến đấu, cần cù trong lao động, sản xuất, viết nên những trang sử vẻ vang trong quá trình xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Trước Cách mạng tháng Tám, dưới sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp, chế độ phong kiến thổ ty, nhiều phong trào đấu tranh của đồng bào các dân tộc đã nổi lên chống lại áp bức, cường quyền. Truyền thống yêu quê hương, đất nước, tinh thần quật cường bất khuất chống áp bức, bất công của đồng bào các dân tộc nơi đây đã được nâng lên tầm cao mới từ khi có ánh sáng của Đảng soi rọi.

Do tính chất phức tạp của địa phương, trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở Đồng Văn vẫn chưa giành được chính quyền. Nguyên nhân là do ở Đồng Văn lực lượng thổ ty còn mạnh, trong khi đó điều kiện đi lại hạn chế, phong tục tập quán, ngôn ngữ có nhiều nét khác biệt, do vậy việc truyền bá, vận động, giác ngộ cách mạng cho các tầng lớp nhân dân gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, nằm ở vùng đất biên cương xa xôi của Tổ quốc, ngoài ách thống trị của thực dân phong kiến, nhân dân Đồng Văn còn phải chịu sự chống phá của các thế lực phản động, thổ phỉ. Đây là những nét đặc thù riêng có của Đồng Văn.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Đồng Văn diễn ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn và phức tạp. Từ trong gian khổ của cuộc chiến, ngày 06/3/1949, Đảng bộ huyện được thành lập, lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua gian khổ, hy sinh, chiến đấu chống quân xâm lược, làm thất bại mọi âm mưu gây bạo loạn của các thế lực phản động, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, quân và dân Đồng Văn cùng với các địa phương trên toàn miền Bắc bước vào khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù liên tiếp gặp thiên tai, dịch bệnh nhưng Đồng Văn đã nỗ lực thực hiện khai hoang, phục hóa, thâm canh, tăng vụ, làm thủy lợi, phân bón, tăng năng suất cây trồng; từng bước thực hiện việc định canh, định cư. Nhờ vậy, Đồng Văn đã bước đầu đẩy lùi được nạn đói, góp phần quan trọng bảo đảm đời sống, xây dựng kinh tế và phục vụ quốc phòng. Đặc biệt, được sự giúp đỡ của các lực lượng, huyện Đồng

Văn đã dập tắt vụ bạo loạn năm 1959, mở ra một giai đoạn phát triển nhanh hơn, bền vững hơn. Dưới sự lãnh đạo Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã chắt chiu từng từng ki-lô-gam lương thực, thực phẩm gửi ra tiền tuyến; đồng thời con em Đồng Văn đã hăng hái xung phong lên đường nhập ngũ, chiến đấu khắp các chiến trường, góp phần cùng cả nước "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào", giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Song trước âm mưu của các thế lực thù địch, tình hình kinh tế - xã hội địa phương có nhiều khó khăn, thách thức. Ngày 17/02/1979, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra. Trước tình hình đó, Đảng bộ đã động viên nhân dân nêu cao tinh thần cách mạng, quân dân đoàn kết, đồng lòng tích cực góp sức người, sức của chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đảm bảo vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Đồng thời, đối phó với mọi âm mưu phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, tích cực phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Khi cả nước bước vào công cuộc đổi mới đất nước (từ năm 1986), đặc biệt từ năm 1991, khi tỉnh Hà Giang được tái lập, Đảng bộ và nhân dân Đồng Văn có nhiều thuận lợi hơn trên con đường tiến hành sự nghiệp đổi mới quê hương. Điều đáng ghi nhận trong chặng đường lịch sử này là Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân mạnh dạn chuyển sang một cơ chế mới, tìm ra mô hình kinh tế và sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp, tạo ra một bước chuyển căn bản trên chặng đường đổi mới. Ghi nhận những thành tích đạt được, Đảng và Nhà nước đã trao tặng cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn danh hiệu cao quý: Anh hùng Lao động.

Nhìn lại diện mạo quê hương Đồng Văn sau 35 năm đổi mới đã có sự khởi sắc trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... Thu nhập bình quân đầu liên tục tăng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, các ngành và các lĩnh vực sản xuất đều phát triển. Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về tự nhiên, xã hội, Đảng bộ, chính quyền huyện đã quan tâm đầu tư và đưa lĩnh vực du lịch trở thành khâu đột phá, đóng góp vào sự phát triển đi lên của quê hương. Xây dựng kết cấu hạ tầng đã có những chuyển biến quan trọng, ngoài nguồn lực của Nhà nước, đã mở rộng với sự tham gia của toàn xã hội, nhất là đầu tư vào các dự án điện, đường, trường, trạm, thủy lợi. Lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế đều có chuyển biến rõ nét. Đến năm học 2019 - 2020, huyện Đồng Văn có khoảng 24 ngàn học sinh, 17/52 trường đạt chuẩn quốc gia. Tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều đạt chuẩn quốc gia về y tế. Các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy. Tỷ lệ hộ nghèo dù so với các địa phương khác vẫn còn cao, nhưng so với điểm xuất phát của huyện thì ngày càng giảm rõ rệt. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc ngày càng nâng lên.

Có thể khẳng định, mặc dù công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương dù còn nhiều khó khăn, thách thức, sự phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương, nhưng so với trước đổi mới, Đảng bộ và nhân dân

các dân tộc Đồng Văn không ngừng trưởng thành, hệ thống chính trị được củng cố vững chắc, bộ mặt kinh tế - xã hội đều khởi sắc, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Để có được những thành quả đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn đã phải đổ bao xương máu, gánh chịu biết bao hy sinh. Trải qua các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, toàn huyện có hàng trăm thanh niên lên đường nhập ngũ, trong đó có 51 đồng chí đã anh dũng hy sinh được công nhận là liệt sĩ; 12 thương binh; 4 bệnh binh, 8 người bị nhiễm chất độc hóa học; 1 mẹ được danh hiệu "Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng".

Nhìn lại chặng đường cách mạng mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đã đi qua, tuy có những thăng trầm lịch sử, mỗi giai đoạn có khó khăn, thuận lợi khác nhau, song nhìn chung đó là một tiến trình vận động phát triển đi lên. Từ trong lịch sử, trải qua những năm tháng lãnh đạo và trưởng thành, Đảng bộ huyện Đồng Văn rút ra cho mình những bài học kinh nghiệm sau:

Một là, trong mọi giai đoạn lịch sử, thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của địa phương.

Ngay từ khi thành lập (1949), với chỉ vài đảng viên nhưng Đảng bộ hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng cả về tổ chức, tư tưởng và chính trị. Trong đó, nhiệm vụ tập trung trước mắt những năm đầu thành lập Đảng bộ huyện là nâng cao trình độ văn hóa và phát triển đảng viên mới. Trải qua chặng đường phát triển, đến năm 1975 toàn Đảng bộ đã có 549 đảng viên, tất cả các xã đều có tổ chức Đảng.

Khi đất nước chuyển sang thời kỳ đổi mới, quán triệt chủ trương "phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt", vận dụng vào thực tiễn vùng cao biên giới, đang nhiều khó khăn, nhiều yếu tố tác động đến đời sống, tư tưởng của đồng bào dân tộc, Huyện ủy Đồng Văn đã ban hành nhiều văn bản, chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch nhằm triển khai các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy Hà Giang về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, đảng viên "vừa hồng, vừa chuyên", vững mạnh về mọi mặt.

Đảng bộ huyện đã thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và thực hiện có hiệu quả thiết thực "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Qua đó, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ huyện ngày càng được triển khai có chất lượng và hiệu quả hơn.

Để không ngừng nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, Đảng bộ thực sự coi trọng tự phê bình và phê bình từ trong Đảng ra ngoài quần chúng, coi đó là

đòn bẩy để củng cố sức mạnh, tạo ra sự đoàn kết, nhất trí trong nội bộ. Đội ngũ cán bộ chủ chốt thực sự gương mẫu, đầu tàu, không sợ gian khổ hy sinh, tạo niềm tin cho toàn Đảng bộ, cho toàn thể nhân dân các dân tộc trên địa bàn. Qua thực tiễn lịch sử ngày càng khẳng định, Đảng bộ huyện Đồng Văn xứng đáng là niềm tin cho nhân dân các dân tộc trên địa bàn, là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của địa phương.

Thực tiễn cho thấy, trong những ngày tháng cam go nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, phỉ, kẻ thù luôn tìm mọi cách giành giật mảnh đất có vị trí chiến lược này, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự tin yêu và ủng hộ hết lòng của nhân dân các dân tộc, các đảng viên của huyện vẫn kiên trì bám đất, bám dân, bám cơ sở gây dựng và phát triển phong trào đi lên. Trước muôn vàn gian nan trong thời chiến cũng như thời bình, đặc biệt trong thời bình khi phải đối mặt với những vận hội lớn, nhưng cũng không ít những thử thách, nhất là vùng khó khăn, thiếu thốn mọi bề, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu việc thực hiện thắng lợi mục tiêu, lý tưởng của cách mạng. Trong đó, tổ chức cơ sở Đảng là nền tảng của Đảng, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, có vị trí quan trọng trong hệ thống tổ chức Đảng. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ huyện Đồng Văn thường xuyên chăm lo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Thành phần đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm vị trí chủ yếu, các dân tộc trên địa bàn đều tham gia phát triển và xây dựng Đảng. Thông qua quá trình xây dựng, Đảng bộ đã có nhiều chủ trương sát hợp với thực tế, với trình độ giác ngộ, với điều kiện cụ thể của địa phương, đồng thời kết hợp giáo dục chính trị cho đội ngũ cán bộ đáp ứng với yêu cầu cách mạng. Nhờ vậy, Đảng bộ huyện Đồng Văn có quá nửa đảng viên là người dân tộc luôn đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng, tính chiến đấu và tính tiền phong gương mẫu.

Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, qua nhiều năm kiên trì xây dựng và củng cố cơ sở Đảng các thôn, xóm, xã của huyện Đồng Văn đều có những bước tiến vững chắc. Một số nơi từ chỗ chưa có cơ sở Đảng đã từng bước xây dựng được các chi bộ, từ các cơ sở Đảng còn yếu, từng bước trở thành cơ sở Đảng vững mạnh. Từ đó trở thành những hạt nhân trong từng thôn, xóm, lãnh đạo nhân dân địa phương từ chỗ làm không đủ ăn, hàng năm Nhà nước phải giúp đỡ, đến chỗ đủ ăn và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho Nhà nước, bộ mặt kinh tế - xã hội ngày càng khởi sắc.

Trải qua 21 nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ, mặc dù có nhiều khó khăn, vấp váp, khiếm khuyết trong công tác xây dựng Đảng nhưng nhìn lại từ những ngày đầu thành lập Đảng bộ đến nay đã minh chứng trong thực tế Huyện ủy Đồng Văn đã hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng một cách toàn diện. Đây là nhân tố hàng đầu, quyết định mọi thắng lợi của phong trào cách mạng ở địa phương trong các chặng đường lịch sử và là kinh nghiệm vẫn có giá trị hiện hữu trong công cuộc đổi mới hiện nay trên quê hương Đồng Văn.

Hai là, nắm vững chủ trương, đường lối, quan điểm của Trung ương và của tỉnh, vận dụng sáng tạo vào thực tiễn địa phương để đề ra nhiệm vụ, giải pháp tổ

chức, biện pháp đúng đắn, thích hợp.

Nhận thức rõ "chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo", Đảng bộ huyện Đồng Văn từ khi thành lập (1949) đến nay, qua 21 nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ huyện, nhiệm vụ trọng tâm các nghị quyết đại hội luôn chú trọng trang bị cho từng đảng viên hiểu và nắm vững những vấn đề có tính chiến lược trong đường lối chung của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy đề ra trong từng giai đoạn lịch sử.

Huyện Đồng Văn có đặc điểm đất rộng, người thưa, là địa bàn cư trú của nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, địa hình Đồng Văn lại hiểm trở, cơ sở vật chất, kỹ thuật còn hạn chế, giao thông chưa thực sự phát triển. Song, huyện Đồng Văn đã khẳng định: khi được giác ngộ và tổ chức thì đồng bào các dân tộc Đồng Văn có khả năng rất lớn. Để thực hiện mục tiêu đó, Đồng Văn đã chú trọng đến đặc điểm địa phương để đi sâu vào từng thôn, xóm, xã vận động nhân dân nắm vững đường lối và chính sách dân tộc của Đảng, xây dựng tình đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc là nhân tố đưa sự nghiệp cách mạng đến thắng lợi. Huyện đã thực hiện tốt phương châm ở đâu có tổ chức là có lãnh đạo, có quần chúng là có đảng viên, có nhân dân là có dân quân du kích, dân tộc nào có cán bộ của dân tộc ấy.

Chính nhờ sự quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, của Tỉnh ủy mà ở bất cứ hoàn cảnh nào, hay vào thời điểm nào, lúc thuận lợi hay khó khăn, Đảng bộ đã nhanh chóng khắc phục, chủ động tháo gỡ khó khăn để đi lên. Trên cơ sở nắm vững những đặc điểm địa lý, dân cư, thổ nhưỡng, lịch sử... của huyện, do đó những chủ trương của Đảng, của Tỉnh ủy được Đảng bộ Đồng Văn bàn bạc dân chủ từ trong Đảng đến nhân dân. Từ đó tổ chức các phong trào thi đua, thí điểm các mô hình kinh tế - xã hội, tổng kết, xây dựng những chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn huyện nhà.

Điểm lại qua các giai đoạn lịch sử từ khi thành lập Đảng bộ huyện đến nay, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ huyện là hết sức quan trọng. Để đảm bảo được vai trò lãnh đạo, Đảng bộ đã đề ra được những chủ trương, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của địa phương và được quán triệt thông suốt trong toàn Đảng bộ và trong quần chúng nhân dân. Một trong những thành công nữa của Đồng Văn là khi nắm rõ đặc điểm địa bàn, huyện đã quan tâm đến vấn đề tạo nguồn cán bộ địa phương người dân tộc. Số cán bộ này thường đi lên trong điều kiện khó khăn của địa phương nhưng lại quen địa bàn, hiểu biết phong tục tập quán ở địa phương, gắn bó với quê hương. Đảng bộ huyện đã mạnh dạn vận dụng chính sách dân tộc, chính sách cán bộ của Đảng để lựa chọn và bồi dưỡng. Khi được đào tạo, được giác ngộ, các cán bộ người dân tộc đã phát huy kiến thức được học, lại có điểm mạnh vốn có nên đã đem lại hiệu quả rất cao. Nhiều cán bộ của Đồng Văn qua hoạt động thực tế đã trưởng thành, góp phần tăng cường lực lượng lãnh đạo chủ chốt của huyện và tỉnh. Bước vào thời kỳ cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ huyện đã nhận thức sâu sắc rằng: Là người lãnh đạo quần chúng nếu đảng viên không nắm vững

đường lối của Đảng thì không thể có sự vận dụng sáng tạo, không thể thực hiện đúng nhiệm vụ chung của Đảng. Quán triệt các chủ trương, đường lối của Trung ương, của Tỉnh ủy, có sự vận dụng sáng tạo và quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện là bài học thành công trong suốt chặng đường cách mạng của Đảng bộ huyện Đồng Văn.

Ba là: Dựa vào dân, lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân, tuyên truyền, tổ chức, động viên nhân dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta luôn nhấn mạnh "chỉ có lấy dân làm gốc, gắn bó với nhân dân, Đảng mới lắng nghe được ý kiến của nhân dân, những phê bình, đóng góp của nhân dân, thậm chí cả những chê cười oán trách của nhân dân nữa". Vì vậy, "làm việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt... Dễ mười lần không dân cũng chịu. Khó trăm lần dân liệu cũng xong". Thấm nhuần tư tưởng đó, trong suốt chặng đường xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Đảng bộ Đồng Văn luôn dựa vào dân, phát huy sức mạnh của quần chúng nhân dân để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Từ khi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên cho đến nay, Đảng bộ luôn xác định đúng đắn những mục tiêu, nhiệm vụ chính trị nhằm đảm bảo lợi ích của nhân dân, cải thiện đời sống nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân phát huy mọi nguồn lực xây dựng cuộc sống mới, xây dựng quê hương, đất nước. Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mặc dù phải đương đầu với những khó khăn, thử thách, song Đảng bộ luôn coi trọng công tác vận động quần chúng, tin tưởng ở dân, lắng nghe ý kiến nhân dân, phát huy tính chủ động, tích cực của nhân dân để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đóng góp sức người, sức của cho các cuộc kháng chiến thắng lợi. Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng bộ tiếp tục lãnh đạo củng cố, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong nhân dân đối với mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, phát huy truyền thống tương thân, tương ái, truyền thống yêu nước, cách mạng, tạo nên sức mạnh tổng thể để thực hiện toàn diện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Là Đảng bộ của một huyện vùng cao biên giới, lại có nhiều dân tộc sinh sống, phong tục tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, trình độ cán bộ, đảng viên không đồng đều, vì vậy để có thể phát huy sức mạnh của toàn dân thì trước hết, trong Đảng bộ phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần phê bình và tự phê bình để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, làm cho Đảng bộ luôn vững mạnh, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo, là nền tảng vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân, từ đó sẽ tạo ra động lực to lớn, khơi dậy tiềm năng, sức mạnh của quần

chúng nhân dân trong huyện đứng lên xây dựng quê hương, xóm làng.

Có thể nói, coi trọng công tác vận động quần chúng, thường xuyên củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân, đồng thời chăm lo đến lợi ích của nhân dân là một trong những nhiệm vụ quan trọng đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp cách mạng của Đảng bộ huyện Đồng Văn qua các giai đoạn lịch sử. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân. Mọi việc được nhân dân ủng hộ thì công việc đều thông suốt. Do đó, phải thực sự tin tưởng vào khả năng cách mạng to lớn của quần chúng, dám nói thật với quần chúng, thì sẽ giải quyết được mọi khó khăn. Điều đó khẳng định, tính cách mạng của quần chúng nhân dân là luôn trung thành đi theo Đảng đến cùng, chỉ cần người lãnh đạo biết cách tổ chức phát động quần chúng, dựa vào quần chúng thì sẽ hiện thực hóa được mọi chủ trương, đưa phong trào tiến lên, ngược lại nếu không phát động được quần chúng thì phong trào yếu kém, vấp phải nhiều trở ngại trong công việc. Đây là bài học mang tính nguyên tắc, cần vận dụng và thực hiện sáng tạo trong hoàn cảnh mới để đưa Đồng Văn ngày càng phát triển.

Bốn là: Coi trọng phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân từng bước phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong những năm qua đã mang lại kết quả quan trọng, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt và âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, xã hội nhanh và bền vững của huyện. Kết quả đó chứng minh cho sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là một tất yếu có tính nguyên tắc bất biến. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bộ về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đều gắn liền với lợi ích kinh tế, xã hội của cả huyện; bảo vệ tốt an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư phát triển sản xuất, động viên được sức mạnh của toàn dân vào nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân vững chắc.

Thực tế chứng minh, trong những năm qua, Đảng bộ huyện thường xuyên nắm chắc tình hình biên giới, theo dõi sát sao tình hình an ninh khu vực biên giới, xử lý kịp thời và có hiệu quả các vấn đề phát sinh. Công tác di, dãn dân ra khu vực biên giới được tổ chức tốt, vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời xây dựng vành đai biên giới vững chắc về quốc phòng, an ninh. Quan hệ đoàn kết, hữu nghị, hợp tác giữa chính quyền và nhân dân hai bên biên giới ngày càng được tăng cường. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Đồng Văn chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh hợp tác với nước bạn trong phát triển kinh tế - xã hội, quản lý và bảo vệ đường biên, phối hợp phòng chống tội phạm, vừa bảo đảm vững chắc chủ quyền lãnh thổ, vừa tạo môi trường thuận lợi để tăng cường hợp tác phát triển.

Năm là: Thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận, các thành viên trong hệ thống chính trị.

Công tác xây dựng Đảng luôn gắn liền với xây dựng và củng cố chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, trở thành nhiệm vụ cơ bản, thường xuyên trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Ra đời, phát triển trong phong trào cách mạng của dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, các cấp chính quyền cùng với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã tập hợp được khối đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy lòng yêu nước cách mạng và huy động được sức người, sức của trong nhân dân phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng và toàn dân tộc cả trong thời chiến và thời bình. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân Đồng Văn luôn thể hiện rõ nhất bản chất cách mạng của dân, do dân và vì dân, tạo ra sức mạnh to lớn của nhân dân, là cầu nối vững chắc mật thiết giữa tổ chức Đảng với quần chúng nhân dân. Vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể là một tất yếu khách quan. Sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên đất nước ta tiếp tục diễn ra trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, yêu cầu tăng trưởng nhanh và bền vững, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mở rộng và đi theo chiều sâu tạo ra những thuận lợi và không ít khó khăn, thử thách tác động đến xu thế phát triển của huyện. Việc chăm lo xây dựng, củng cố chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đòi hỏi Đảng bộ một mặt tăng cường và cải tiến sự lãnh đạo của mình, thực sự vừa là thành viên, vừa là hạt nhân vững chắc bảo đảm cho hệ thống chính trị chủ động hoạt động, phát huy quyền làm chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mặt khác tăng cường lãnh đạo xây dựng, củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức của chính quyền và các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm tập hợp đông đảo và nâng cao bản lĩnh chính trị của hội viên, đoàn viên, vận động nhân dân hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của huyện, phấn đấu vì mục tiêu chung "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Sáu là: Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, có kiểm tra, đánh giá rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác thi đua, khen thưởng. Người từng nói: "Thi đua khen thưởng là động lực phát triển và là biện pháp quan trọng để xây dựng con người mới. Thi đua yêu nước phải được tiến hành thường xuyên, liên tục hàng ngày". Thấm nhuần tư tưởng đó, trong những năm gần đây, huyện Đồng Văn đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thi đua, khen thưởng. Việc bình xét các danh hiệu thi đua và đề nghị các hình thức khen thưởng phải đảm bảo nguyên

tắc công khai, công bằng, dân chủ và kịp thời. Bên cạnh đó, cần giám sát chặt chẽ việc khiếu nại tố cáo của tổ chức, công dân về thi đua, khen thưởng; thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua và công tác khen thưởng để kịp thời biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, đồng thời đúc kết kinh nghiệm, phổ biến, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong nhân dân.

*

* *

Nhìn lại chặng đường xây dựng và phát triển của huyện Đồng Văn, có thể khẳng định rằng, trước mắt tuy vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn, nhưng Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Đồng Văn đã nỗ lực phấn đấu đưa huyện từ một vùng đất nghèo nàn, lạc hậu với nhiều bất cập về trình độ dân trí, về đội ngũ cán bộ, về kết cấu hạ tầng... từng bước bứt phá vươn lên làm thay đổi đời sống cả về vật chất và tinh thần cho đại bộ phận nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc ở các xã vùng cao, vùng biên giới.

Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc của Đồng Văn ngày nay vô cùng tự hào và đời đời nhớ ơn, tri ân sâu sắc các thế hệ ông cha đã nỗ lực phấn đấu, hy sinh tạo dựng nên những truyền thống vô cùng quý giá cho quê hương và nhận thức sâu sắc rằng, phía trước có nhiều vận hội, nhưng cũng không ít thách thức, khó khăn. Mỗi cán bộ, đảng viên của Đảng bộ huyện Đồng Văn nhận thức rõ yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ra sức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, nâng cao tầm trí tuệ và năng lực lãnh đạo, quản lý, nhằm xây dựng Đảng bộ huyện Đồng Văn trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo nhân dân các dân tộc vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục xây dựng quê hương thoát nghèo, phát triển bền vững, góp phần cùng cả nước hiện thực hóa mục tiêu xây dựng dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

PHỤ LỤC
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN
(1944 - 2020)

DANH SÁCH BÍ THƯ HUYỆN ỦY ĐỒNG VĂN QUA CÁC THỜI KỲ

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian giữ chức vụ
1	Đ/c Triệu Quý Gia	Bí thư Huyện ủy	Thời gian từ tháng 3/1949 - 6/1957 (Thời gian làm Bí thư cụ thể của từng đồng chí trong giai đoạn này chưa xác định được)
2	Đ/c Nguyễn Văn Đồng		
3	Đ/c Hoàng Quốc Nam		
4	Đ/c Nguyễn Tuấn Liêu		
5	Đ/c Vũ La		
6	Đ/c Nông Quốc Việt	Bí thư Huyện ủy	7/1957 - 3/1960
7	Đ/c Vũ Lăng	Bí thư Huyện ủy	3/1960 - 8/1962
8	Đ/c Hoàng Đình Lộc	Bí thư Huyện ủy	8/1962 - 8/1966
9	Đ/c Vừ Mí Kẻ	Bí thư Huyện ủy	8/1966 - 1970
10	Đ/c Hà Cận	Bí thư Huyện ủy	Đầu năm 1971 - 11/1974
11	Đ/c Hoàng Việt Tiến	Bí thư Huyện ủy	12/1974 - 8/1975
12	Đ/c Sùng Nảo Sán	Bí thư Huyện ủy	8/1975 - đầu năm 1980; đầu năm 1981 - đầu năm 1984
13	Đ/c Nguyễn Đình Đống	Quyền Bí thư Huyện ủy	Đầu 1980 - đầu năm 1981
14	Đ/c Thiều Khắc Được	Quyền Bí thư Huyện ủy	Đầu năm 1984 - 6/1984
15	Đ/c Lệnh Hậu Thi	Bí thư Huyện ủy	7/1984 - 3/1988
16	Đ/c Nguyễn Thế Đường	Bí thư Huyện ủy	3/1988 - 9/1995
17	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	Bí thư Huyện ủy	9/1995 - 9/1999
18	Đ/c Trần Quang Hà	Bí thư Huyện ủy	9/1999 - 02/2003
19	Đ/c Nguyễn Văn Chính	Bí thư Huyện ủy	3/2003 - 8/2004
20	Đ/c Trần Văn Hòa	Bí thư Huyện ủy	8/2004 - 02/2006
21	Đ/c Hoàng A Chinh	Bí thư Huyện ủy	02/2006 - 12/2009
22	Đ/c Sùng Đại Hùng	Bí thư Huyện ủy	01/2010 - 7/2014
23	Đ/c Nguyễn Ngọc Thanh	Bí thư Huyện ủy	7/2014 - 5/2020
24	Đ/c Hoàng Văn Thịnh	Bí thư Huyện ủy	5/2020 - nay

DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN QUA CÁC THỜI KỲ

Stt	*Họ và tên*	*Thời gian*	*Chức vụ*
1	Đ/c Ly Mí Pó	11/1989 - 2/1996	Thư ký Hội đồng; Chủ tịch HĐND
2	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	2/1996 - 4/1999	Chủ tịch HĐND
3	Đ/c Ly Mí Lử	4/1999 - 11/1999	Chủ tịch HĐND
4	Đ/c Trần Quang Hà	11/1999 - 10/2003	Chủ tịch HĐND
5	Đ/c Lưu Sần Vạn	10/2003 - 5/2011	Chủ tịch HĐND
6	Đ/c Ly Mí Vàng	6/2011 - nay	Chủ tịch HĐND

DANH SÁCH CHỦ TỊCH UBHC, UBND HUYỆN ĐỒNG VĂN QUA CÁC THỜI KỲ

Stt	*Họ và tên*	*Thời gian*	*Chức vụ*
1	Ông Vương Chí Sình	01/1946 - 4/1959	Chủ tịch UBHC
2	Đ/c Vừ Mí Kẻ	4/1959 - 8/1966	Chủ tịch UBHC
3	Đ/c Vương Quỳnh Quốc	8/1966 - 12/1978	Chủ tịch UBHC, UBND
4	Đ/c Hầu Chú Chơ	01/1979 - 11/1991	Chủ tịch UBND
5	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	11/1991 - 11/1994	Chủ tịch UBND
6	Đ/c Vương Mí Vàng	11/1994 - 11/1999	Chủ tịch UBND
7	Đ/c Ly Mí Lử	11/1999 - 8/2002	Chủ tịch UBND
8	Đ/c Lưu Sần Vạn	8/2002 - 10/2003	Chủ tịch UBND
9	Đ/c Sùng Đại Hùng	10/2003 - 01/2010	Chủ tịch UBND
10	Đ/c Nguyễn Đình Dích	01/2010 - 6/2012	Chủ tịch UBND
11	Đ/c Hoàng Văn Thịnh	7/2012 - 8/2020	Chủ tịch UBND
12	Đ/c Dinh Chí Thành	8/2020 - nay	Chủ tịch UBND

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN
KHÓA VII (NHIỆM KỲ 1971 - 1973)

(Theo Quyết nghị số 0100-QN/TU ngày 14/9/1971 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Hà Cận	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Vương Quỳnh Quốc	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Nguyễn Đình Hoè	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Đ/c Vũ Đình Thăng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Chu Lương Thìn	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Hoàng đình Dương	Huyện ủy viên
7	Đ/c Thào Dúng Sính	Huyện ủy viên
8	Đ/c Sùng Thị Dý	Huyện ủy viên
9	Đ/c Vàng Sính Dế	Huyện ủy viên
10	Đ/c Tạ Cấu	Huyện ủy viên
11	Đ/c Giàng Thị Say	Huyện ủy viên
12	Đ/c Trần Chuyên	Huyện ủy viên
13	Đ/c Chảo Chỉn Mìn	Huyện ủy viên
14	Đ/c Giàng Náo Sình	Huyện ủy viên
15	Đ/c Lù A Hủi	Huyện ủy viên
16	Đ/c Dương Văn Tý	Huyện ủy viên
17	Đ/c Nguyễn Thái Hùng	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA IX (NHIỆM KỲ 1975 - 1977)

(Theo Quyết nghị số 0875-QN/TU ngày 10/01/1975 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy Đồng Văn)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Hoàng Việt Tiến	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Sùng Nảo Sán	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Vương Quỳnh Quốc	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Hoàng Đình Dương	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Ngô Hán Hoà	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Chu Lương Thìn	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Nguyễn Đình Hoè	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Sùng Thị Dý	Huyện ủy viên
9	Đ/c Nguyễn Bảo Kết	Huyện ủy viên
10	Đ/c Lý Thị Máy	Huyện ủy viên
11	Đ/c Hùng Đình Quý	Huyện ủy viên
12	Đ/c Đinh Khắc Thường	Huyện ủy viên
13	Đ/c Thảo Dũng Sính	Huyện ủy viên
14	Đ/c Trần Chuyên	Huyện ủy viên
15	Đ/c Trịnh Quang Đăng	Huyện ủy viên
16	Đ/c Lành Văn Lương	Huyện ủy viên
17	Đ/c Hầu Dúng Na	Huyện ủy viên
18	Đ/c Trần Quốc Hùng	Huyện ủy viên
19	Đ/c Mùng Dỉ Đôi	Huyện ủy viên
20	Đ/c Thào Chứ Nhìu	Huyện ủy viên dự khuyết
21	Đ/c Hoàng Quốc Tôn	Huyện ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XI (NHIỆM KỲ 1979 - 1982)

(Theo Thông báo số 13/TB-HU ngày 7/9/1979 về cuộc họp lần thứ nhất khóa XI của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Sùng Nảo Sán	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Nguyễn Đình Đống	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Hầu Chú Chơ	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Giàng Vạn Sình	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Chu Nhất Khoa	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Nguyễn Văn Chữ	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Vừ Mí Chữ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Phạm Minh Quý	Huyện ủy viên

9	Đ/c Thiều khắc Được	Huyện ủy viên
10	Đ/c Nguyễn Bảo Kết	Huyện ủy viên
11	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
12	Đ/c Chảo Chỉn Mìn	Huyện ủy viên
13	Đ/c Nguyễn Văn Thông	Huyện ủy viên
14	Đ/c Cháng Pháng Diu	Huyện ủy viên
15	Đ/c Trương Văn Kỳ	Huyện ủy viên
16	Đ/c Trần Công Bằng	Huyện ủy viên
17	Đ/c Vũ Xuân Êm	Huyện ủy viên
18	Đ/c Thào Chá Dế	Huyện ủy viên
19	Đ/c Thào Chỉn Dình	Huyện ủy viên
20	Đ/c Đỗ Văn Mùi	Huyện ủy viên
21	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
22	Đ/c Vừ Mí Páo	Huyện ủy viên
23	Đ/c Giàng Pá Páo	Huyện ủy viên
24	Đ/c Mua Mí Páo	Huyện ủy viên
25	Đ/c Vừ Dũng Sèo	Huyện ủy viên
26	Đ/c Vàng Chứ Sèo	Huyện ủy viên
27	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XII (NHIỆM KỲ 1982 - 1986)

(Tại thời điểm bầu)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Sùng Nảo Sán	Bí thư HU
2	Đ/c Thiều khắc Được	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Hầu Chú Chơ	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Đinh Trọng Đảng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Vừ Sè Chứ	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Nguyễn Bảo Kết	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Mai Đình Hướng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Phạm Minh Quý	Huyện ủy viên
9	Đ/c Phan Đức Tuế	Huyện ủy viên
10	Đ/c Nguyễn Ngọc Tiến	Huyện ủy viên
11	Đ/c Tráng Pháng Diu	Huyện ủy viên
12	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
13	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên
14	Đ/c Thào Chứ Sùng	Huyện ủy viên
15	Đ/c Mua Sìa Páo	Huyện ủy viên
16	Đ/c Vàng Chứ Sèo	Huyện ủy viên
17	Đ/c Thào Chính Dình	Huyện ủy viên
18	Đ/c Đào Văn Trí	Huyện ủy viên
19	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
20	Đ/c Hoàng Ngọc Bội	Huyện ủy viên
21	Đ/c Giàng Sính Vư	Huyện ủy viên
22	Đ/c Giàng Chá Phù	Huyện ủy viên
23	Đ/c Vàng Chứ Dính	Huyện ủy viên
24	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên dự khuyết
25	Đ/c Vàng Vản Páo	Huyện ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XIII (NHIỆM KỲ 1986 - 1989)

(Theo Biên bản Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIII, phiên họp thứ nhất ngày 16/9/1986)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Lệnh Hậu Thi	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Phan Đức Tuế	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Hầu Chú Chơ	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Ma Đình Hướng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Đinh Trọng Đảng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Mai Tiến Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Phạm Đình Nhuệ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Nguyễn Đức Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Vũ Văn Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Vàng Chứ Dính	Huyện ủy viên
11	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
12	Đ/c Tráng Pháng Diu	Huyện ủy viên
13	Đ/c Trần Văn Ngoạn	Huyện ủy viên
14	Đ/c Vàng Chứ Sèo	Huyện ủy viên
15	Đ/c Giàng Sính Vư	Huyện ủy viên
16	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên
17	Đ/c Thào Chứ Sùng	Huyện ủy viên
18	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
19	Đ/c Phàn Phủ Sẻn	Huyện ủy viên
20	Đ/c Giàng Pháy Na	Huyện ủy viên
21	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên
22	Đ/c Mua Mí Páo	Huyện ủy viên
23	Đ/c Trần Tiến Chung	Huyện ủy viên
24	Đ/c Đỗ Đức Quang	Huyện ủy viên
25	Đ/c Ly Mí Pó	Huyện ủy viên
26	Đ/c Nguyễn Thị Miễn	Huyện ủy viên
27	Đ/c Trần Quang Nguyệt	Huyện ủy viên
28	Đ/c Nguyễn Văn Thảo	Huyện ủy viên
29	Đ/c Hoàng Ngọc Tường	Huyện ủy viên
30	Đ/c Thào Chứ Vàng	Huyện ủy viên
31	Đ/c Vàng Sính Phủ	Huyện ủy viên
32	Đ/c Lù Dũng Sèo	Huyện ủy viên
33	Đ/c Sầm Vĩnh Điện	Huyện ủy viên
34	Đ/c Vũ Tường Liêm	Huyện ủy viên
35	Đ/c Lành Văn Lương	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XIV (NHIỆM KỲ 1989 - 1991)

(theo Quyết định số 715-QĐ/TU, ngày 25/01/1989 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tuyên về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XIV, nhiệm kỳ 1989 - 1991)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Nguyễn Thế Đường	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Hầu Chú Chơ	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Ly Mí Pó	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Phạm Đình Nhuệ	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Chu Quang Hòa	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Hoàng Trọng Thái	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Mai Tiến Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Tráng Pháng Diu	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Vũ Văn Hải	Huyện ủy viên
11	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
12	Đ/c Trần Tiến Chung	Huyện ủy viên
13	Đ/c Vàng Chứ Sèo	Huyện ủy viên
14	Đ/c Thào Chá Vàng	Huyện ủy viên
15	Đ/c Vàng Vản Phứ	Huyện ủy viên
16	Đ/c Vàng Sính Phử	Huyện ủy viên
17	Đ/c Giàng Sính Vư	Huyện ủy viên
18	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên
19	Đ/c Phàn Phủ Sẻn	Huyện ủy viên
20	Đ/c Hoàng Ngọc Bội	Huyện ủy viên
21	Đ/c Đinh Thế Rực	Huyện ủy viên
22	Đ/c Vừ Mí Cho	Huyện ủy viên
23	Đ/c Đinh Xuân Dũng	Huyện ủy viên
24	Đ/c Thào Chứ Sùng	Huyện ủy viên
25	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
26	Đ/c Mua Mí Páo	Huyện ủy viên
27	Đ/c Vương Mí Vàng	Huyện ủy viên
28	Đ/c Trần Văn Ngoạn	Huyện ủy viên
29	Đ/c Đàm Xuân Lan	Huyện ủy viên
30	Đ/c Thào Mí Giàng	Huyện ủy viên
31	Đ/c Phúc Thị Hội	Huyện ủy viên
32	Đ/c Hoàng Ngọc Tường	Huyện ủy viên
33	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên
34	Đ/c Hà Phúc Dự	Huyện ủy viên dự khuyết
35	Đ/c Triệu Quang Xuyên	Huyện ủy viên dự khuyết
36	Đ/c Vừ Pháy Sính	Huyện ủy viên dự khuyết
37	Đ/c Nguyễn Văn Lục	Huyện ủy viên dự khuyết
38	Đ/c Chẩu Văn Thị	Huyện ủy viên dự khuyết
39	Đ/c Vàng Mí Dính	Huyện ủy viên dự khuyết

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XV (NHIỆM KỲ 1991 - 1995)

(Theo Quyết định số 36-QĐ/TU, ngày 12/12/1991 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XV, nhiệm kỳ 1991 - 1995)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Nguyễn Thế Đường	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Ly Mí Pó	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Đ/c Mai Tiến Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Vương Mí Vàng	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Tráng Pháng Diu	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Trần Tuấn Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Cao Minh Thường	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Thào Chứ Sùng	Huyện ủy viên
11	Đ/c Ly Mí Lử	Huyện ủy viên
12	Đ/c Vương Khánh Thuyền	Huyện ủy viên
13	Đ/c Vũ Hải	Huyện ủy viên
14	Đ/c Vừ Mí Cho	Huyện ủy viên
15	Đ/c Hoàng Quốc Tôn	Huyện ủy viên
16	Đ/c Giàng Sính Vư	Huyện ủy viên
17	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
18	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên
19	Đ/c Vàng Chứ Sèo	Huyện ủy viên
20	Đ/c Phàn Phủ Sén	Huyện ủy viên
21	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên
22	Đ/c Vàng Sính Phử	Huyện ủy viên
23	Đ/c Mua Sấu Páo	Huyện ủy viên
24	Đ/c Mua Mí Sá	Huyện ủy viên
25	Đ/c Giàng Chá Cáy	Huyện ủy viên
26	Đ/c Vàng Chứ Dính	Huyện ủy viên
27	Đ/c Vừ Pháy Sính	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XVI (NHIỆM KỲ 1996 - 2000)

(Theo Quyết định số 847-QĐ/TU, ngày 28/3/1996 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XVI, nhiệm kỳ 1996 - 2000)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Nguyễn Huy Nạp	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Mai Tiến Hùng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Vương Mí Vàng	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Cao Minh Thường	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Tráng Pháng Diu	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Nông Thành Kim	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Ly Mí Lử	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Lưu Sần Vạn	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Vương KhánhThuyền	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Trần Tuấn Hải	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Triệu Quốc Lương	Huyện ủy viên
13	Đ/c Hoàng Quốc Tôn	Huyện ủy viên
14	Đ/c Nguyễn Văn Giang	Huyện ủy viên
15	Đ/c Mùng Thị Trai	Huyện ủy viên
16	Đ/c Bùi Đình Văn	Huyện ủy viên
17	Đ/c Nguyễn Văn Mão	Huyện ủy viên
18	Đ/c Lê Văn Thao	Huyện ủy viên
19	Đ/c Vũ Trung Thông	Huyện ủy viên
20	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên
21	Đ/c Vàng Vản Phứ	Huyện ủy viên
22	Đ/c Mua Sấu Páo	Huyện ủy viên
23	Đ/c Hầu Sè Lúa	Huyện ủy viên
24	Đ/c Giàng Chá Lầu	Huyện ủy viên
25	Đ/c Sùng Chá Páo	Huyện ủy viên
26	Đ/c Giàng Chá Cáy	Huyện ủy viên
27	Đ/c Phàn Phủ Sẻn	Huyện ủy viên
28	Đ/c Vàng Cứ Sèo	Huyện ủy viên
29	Đ/c Sùng Pháy Páo	Huyện ủy viên
30	Đ/c Vàng Sính Dế	Huyện ủy viên
31	Đ/c Hoàng Văn Nanh	Huyện ủy viên
32	Đ/c Giàng Sính Vư	Huyện ủy viên
33	Đ/c Mua Mí Sá	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XVII (NHIỆM KỲ 2000 - 2005)

(Theo Quyết định số 1512-QĐ/TU, ngày 26/10/2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy HG về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XVII, nhiệm kỳ 2000 - 2005)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Trần Quang Hà	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Đào Gia Như	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Ly Mí Lử	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Tráng Pháng Diu	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Cao Minh Thường	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Trương Văn Thắng	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Hoàng Quang Phùng	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Trần Mạnh Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Mùng Thị Chai	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Lưu Sần Vạn	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Cù Duy Man	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Nguyễn Văn Thanh	Huyện ủy viên
13	Đ/c Nguyễn Văn Mão	Huyện ủy viên
14	Đ/c Nguyễn Trung Thực	Huyện ủy viên
15	Đ/c Hoàng Quốc Tôn	Huyện ủy viên
16	Đ/c Nguyễn Văn Hưng	Huyện ủy viên
17	Đ/c Vàng Mí Chứ	Huyện ủy viên
18	Đ/c Mai Thị Hướng	Huyện ủy viên
19	Đ/c Nguyễn Văn Thiện	Huyện ủy viên
20	Đ/c Đỗ Văn Như	Huyện ủy viên
21	Đ/c Bùi Đình Văn	Huyện ủy viên
22	Đ/c Nguyễn Đình Dích	Huyện ủy viên
23	Đ/c Lê Thị Oanh	Huyện ủy viên
24	Đ/c Lý Xuân Đào	Huyện ủy viên
25	Đ/c Trịnh Xuân Huy	Huyện ủy viên
26	Đ/c Vàng Chứ Dính	Huyện ủy viên
27	Đ/c Nhân Thị Nga	Huyện ủy viên
28	Đ/c Lù A Páo	Huyện ủy viên
29	Đ/c Sùng Pháy Páo	Huyện ủy viên
30	Đ/c Vàng Chá Thào	Huyện ủy viên
31	Đ/c Mua Sấu Páo	Huyện ủy viên
32	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
33	Đ/c Vũ Trung Thông	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XVIII (NHIỆM KỲ 2005 - 2010)

(Theo Quyết định số 1554-QĐ/TU, ngày 03/11/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XVIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Trần Văn Hòa	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Lưu Sần Vạn	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Sùng Đại Hùng	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Mùng Thị Chai	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Cù Duy Man	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Nguyễn Văn Thiện	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Vũ Đình Giáp	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Trần Mạnh Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Hoàng Văn Giai	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Vàng Mí Chứ	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Nguyễn Trung Thực	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Phạm Văn Thủy	Huyện ủy viên
13	Đ/c Nguyễn Văn Hưng	Huyện ủy viên
14	Đ/c Hoàng Quốc Tôn	Huyện ủy viên
15	Đ/c Sùng Thị Mỷ	Huyện ủy viên
16	Đ/c Hà Văn Thanh	Huyện ủy viên
17	Đ/c Thào Mí Páo	Huyện ủy viên
18	Đ/c Triệu Việt Hùng	Huyện ủy viên
19	Đ/c Nguyễn Đình Dích	Huyện ủy viên
20	Đ/c Sùng Thị Máy	Huyện ủy viên
21	Đ/c Trịnh Xuân Huy	Huyện ủy viên
22	Đ/c Vàng Chá Thào	Huyện ủy viên
23	Đ/c Vũ Trung Thông	Huyện ủy viên
24	Đ/c Mua Sấu Páo	Huyện ủy viên
25	Đ/c Hoàng Thanh Đạm	Huyện ủy viên
26	Đ/c Nguyễn Năng Khải	Huyện ủy viên
27	Đ/c Lành Văn Sơn	Huyện ủy viên
28	Đ/c Chu Thị Giang	Huyện ủy viên
29	Đ/c Ly Mí Vàng	Huyện ủy viên
30	Đ/c Trương Văn Nam	Huyện ủy viên
31	Đ/c Tráng Thị Mai	Huyện ủy viên
32	Đ/c Phàn Văn Xuần	Huyện ủy viên
33	Đ/c Vừ Sâu Pó	Huyện ủy viên
34	Đ/c Lù A Quẩy	Huyện ủy viên
35	Đ/c Thào Mí Páo	Huyện ủy viên
36	Đ/c Mua Chúng Vư	Huyện ủy viên
37	Đ/c Vàng Pháy Ly	Huyện ủy viên
38	Đ/c Dinh Chí Thành	Huyện ủy viên

39	Đ/c Đinh Phú Lưu	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XIX (NHIỆM KỲ 2010 - 2015)

(Theo Quyết định số 1127-QĐ/TU, ngày 30/6/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn khóa XIX, nhiệm kỳ 2010- 2015)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Sùng Đại Hùng	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Nguyễn Văn Hưng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Nguyễn Đình Dích	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Mùng Thị Chai	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Lê Văn Trân	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Hoàng Văn Giai	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Vàng Mí Chứ	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Lý Trung Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Nguyễn Đức Tính	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Vũ Trung Thông	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Ly Mí Vàng	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Sùng Thị Máy	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Đ/c Nguyễn Văn Chinh	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Đ/c Trương Văn Nam	Huyện ủy viên
15	Đ/c Vàng Mí Chỏ	Huyện ủy viên
16	Đ/c Hà Văn Thanh	Huyện ủy viên
17	Đ/c Hoàng Ngọc Linh	Huyện ủy viên
18	Đ/c Dinh Chí Thành	Huyện ủy viên
19	Đ/c Nguyễn Thanh Tuân	Huyện ủy viên
20	Đ/c Thào Mí Páo	Huyện ủy viên
21	Đ/c Chu Thị Giang	Huyện ủy viên
22	Đ/c Trần Ngọc Ánh	Huyện ủy viên
23	Đ/c Tráng Thị Mai	Huyện ủy viên
24	Đ/c Dương Ngọc Đức	Huyện ủy viên
25	Đ/c Mua Thị Hồng Minh	Huyện ủy viên
26	Đ/c Triệu Long Giang	Huyện ủy viên
27	Đ/c Hoàng Minh Đức	Huyện ủy viên
28	Đ/c Trần Đăng Khoa	Huyện ủy viên
29	Đ/c Trần Mạnh Thắng	Huyện ủy viên
30	Đ/c Nguyễn Trung Kiên	Huyện ủy viên
31	Đ/c Lương Đình Nhất	Huyện ủy viên
32	Đ/c Sùng Thị Xén	Huyện ủy viên
33	Đ/c Lê Đăng Hạnh	Huyện ủy viên
34	Đ/c Giàng Mí Lùng	Huyện ủy viên
35	Đ/c Mai Sỹ Vinh	Huyện ủy viên
36	Đ/c Sùng Mí Sèo	Huyện ủy viên

37	Đ/c Giàng Mí Say	Huyện ủy viên
38	Đ/c Phạm Đức Nam	Huyện ủy viên
39	Đ/c Nguyễn Văn Chiểu	Huyện ủy viên
40	Đ/c Nguyễn Công Văn	Huyện ủy viên
41	Đ/c Nguyễn Thị Dược	Huyện ủy viên
42	Đ/c Giàng Mí Giàng	Huyện ủy viên
43	Đ/c Nguyễn Thanh Viễn	Huyện ủy viên
44	Đ/c Lầu Mí Sắt	Huyện ủy viên
45	Đ/c Vàng Mí Lía	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XX (NHIỆM KỲ 2015 - 2020)

(Theo Quyết định số 1613-QĐ/TU, ngày 20/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy Đồng Văn khóa XX, nhiệm kỳ 2015 - 2020)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Nguyễn Ngọc Thanh	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Ly Mí Vàng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Hoàng Văn Thịnh	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Lý Trung Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Dinh Chí Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Nguyễn Trung Ngọc	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Triệu Long Giang	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Vũ Trung Thông	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Lê Văn Trân	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Dương Thanh Bình	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Vàng Mí Chứ	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Nguyễn Văn Chinh	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Đ/c Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Đ/c Hoàng Ngọc Linh	Huyện ủy viên
15	Đ/c Nguyễn Thanh Tuân	Huyện ủy viên
16	Đ/c Chu Thị Giang	Huyện ủy viên
17	Đ/c Dương Ngọc Đức	Huyện ủy viên
18	Đ/c Mua Thị Hồng Minh	Huyện ủy viên
19	Đ/c Hoàng Minh Đức	Huyện ủy viên
20	Đ/c Trần Đăng Khoa	Huyện ủy viên
21	Đ/c Vàng Mí Chỏ	Huyện ủy viên
22	Đ/c Trần Mạnh Thắng	Huyện ủy viên
23	Đ/c Giàng Mí Lùng	Huyện ủy viên
24	Đ/c Giàng Mí Say	Huyện ủy viên
25	Đ/c Phạm Đức Nam	Huyện ủy viên
26	Đ/c Nguyễn Thanh Viễn	Huyện ủy viên
27	Đ/c Lầu Mí Xắt	Huyện ủy viên
28	Đ/c Giàng Mí Giàng	Huyện ủy viên
29	Đ/c Nguyễn Công Văn	Huyện ủy viên
30	Đ/c Sùng Thị Xén	Huyện ủy viên
31	Đ/c Mua Sè Sính	Huyện ủy viên
32	Đ/c Vương Thị Xuyến	Huyện ủy viên
33	Đ/c Vàng Mí Cấu	Huyện ủy viên
34	Đ/c Nguyễn Thị Ngát	Huyện ủy viên
35	Đ/c Nguyễn Thị Phương Anh	Huyện ủy viên
36	Đ/c Nguyễn Văn Thơ	Huyện ủy viên
37	Đ/c Trần Xuân Long	Huyện ủy viên

38	Đ/c Phan Thị Lan	Huyện ủy viên
39	Đ/c Sùng Văn Thắng	Huyện ủy viên
40	Đ/c Vừ Chè Giàng	Huyện ủy viên
41	Đ/c Phạm Quốc Lập	Huyện ủy viên
42	Đ/c Phạm Hồng Việt	Huyện ủy viên
43	Đ/c Vừ Sấu Pó	Huyện ủy viên

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN KHÓA XXI (NHIỆM KỲ 2020 - 2025)

(Theo Quyết định số 2547-QĐ/TU, ngày 31/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về việc chuẩn y Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy Đồng Văn khóa XXI, nhiệm kỳ 2020 - 2025)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đ/c Hoàng Văn Thịnh	Bí thư Huyện ủy
2	Đ/c Ly Mí Vàng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Đ/c Dinh Chí Thành	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Đ/c Nguyễn Văn Chinh	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Đ/c Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Đ/c Triệu Long Giang	Ủy viên Ban Thường vụ
7	Đ/c Lý Trung Kiên	Ủy viên Ban Thường vụ
8	Đ/c Đào Tuấn Hùng	Ủy viên Ban Thường vụ
9	Đ/c Sùng Mí Vần	Ủy viên Ban Thường vụ
10	Đ/c Phan Thị Lan	Ủy viên Ban Thường vụ
11	Đ/c Nguyễn Thanh Tuân	Ủy viên Ban Thường vụ
12	Đ/c Dương Ngọc Đức	Ủy viên Ban Thường vụ
13	Đ/c Hoàng Ngọc Linh	Ủy viên Ban Thường vụ
14	Đ/c Phạm Đức Nam	Huyện ủy viên
15	Đ/c Phạm Quốc Lập	Huyện ủy viên
16	Đ/c Mua Thị Hồng Minh	Huyện ủy viên
17	Đ/c Hoàng Minh Đức	Huyện ủy viên
18	Đ/c Vàng Mí Cấu	Huyện ủy viên
19	Đ/c Nguyễn Thị Phương Anh	Huyện ủy viên
20	Đ/c Nguyễn Văn Thơ	Huyện ủy viên
21	Đ/c Vương Thị Xuyến	Huyện ủy viên
22	Đ/c Trần Đăng Khoa	Huyện ủy viên
23	Đ/c Vừ Sâu Pó	Huyện ủy viên
24	Đ/c Giàng Mí Say	Huyện ủy viên
25	Đ/c Nguyễn Thanh Viễn	Huyện ủy viên
26	Đ/c Lầu Mí Xắt	Huyện ủy viên
27	Đ/c Giàng Mí Giàng	Huyện ủy viên
28	Đ/c Phạm Hồng Việt	Huyện ủy viên
29	Đ/c Tráng Thị Lan	Huyện ủy viên
30	Đ/c Nguyễn Văn Hùng	Huyện ủy viên

31	Đ/c Ly Việt Hùng	Huyện ủy viên
32	Đ/c Chu Văn Hương	Huyện ủy viên
33	Đ/c Vừ Thị Dính	Huyện ủy viên
34	Đ/c Ly Mí Vàng	Huyện ủy viên
35	Đ/c Nguyễn Văn Hãnh	Huyện ủy viên
36	Đ/c Bùi Văn Đàm	Huyện ủy viên
37	Đ/c Trần Đức Chung	Huyện ủy viên
38	Đ/c Ly Ngọc Long	Huyện ủy viên
39	Đ/c Vàng Mí Già	Huyện ủy viên
40	Đ/c Hoàng Văn Thạch	Huyện ủy viên
41	Đ/c Nguyễn Xuân Cương	Huyện ủy viên
42	Đ/c Đỗ Đăng Nhiệm	Huyện ủy viên (bổ sung tháng 9/2020 - theo Quyết định số 2006-QĐ/TU ngày 07/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang)

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐỒNG VĂN
(1944 - 2020)
****

Chịu trách nhiệm nội dung
Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đồng Văn

Ban sưu tầm, biên soạn cuốn
Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn tập I (1944 - 1975),
xuất bản năm 2004

Đ/c **Phạm Công Đam**

Đ/c **Nguyễn Văn Minh**

Đ/c **Đặng Ngọc Lựu**

Đ/c **Vương Đình Chính**

Đ/c **Trần Thị Minh**

Đ/c **Nguyễn Văn Lạng**

Ban sưu tầm, biên soạn
cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn tập II (1975 - 2005),
xuất bản năm 2006

Đ/c	**Hoàng A Chinh**	Bí thư Huyện ủy Đồng Văn	*Trưởng ban*
Đ/c	**Vũ Đình Giáp**	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	
Đ/c	**Nguyễn Văn Hưng**	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	
Đ/c	**Lê Khắc Kỳ**	Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy	
Đ/c	**Dương Ngọc Đức**	Cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy	
Đ/c	**Nguyễn Vũ Lâm**	Cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy	
Đ/c	**Nguyễn Kim Chung**	Nguyên Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đại tá, Chỉ huy phó Chính trị Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hà Giang	

Ban chỉ đạo tái bản, bổ sung, chỉnh lý
cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn (1944 - 2020)
(Theo Quyết định số 902-QĐ/HU ngày 29/01/2019 của Huyện ủy Đồng Văn)

Đ/c	**Nguyễn Ngọc Thanh**	TUV, Bí thư Huyện ủy	*Trưởng ban*
Đ/c	**Ly Mí Vàng**	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Hoàng Văn Thịnh**	Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Lý Trung Kiên**	UVBTV, Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy	*Phó ban Thường trực*
Đ/c	**Vũ Trung Thông**	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Triệu Long Giang**	UVBTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Trung Kiên**	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Văn Chinh**	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Trung Ngọc**	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Dinh Chí Thành**	UVBTV, Phó Chủ tịch UBND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Dương Thanh Bình**	UVBTV, Trưởng Công an huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Sùng Minh Vần**	Chỉ huy trưởng BCHQS huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Dương Ngọc Đức**	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Phạm Đức Nam**	HUV, Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Trần Mạnh Thắng**	HUV, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	*Thành viên*

Tổ biên tập, tái bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Đồng Văn (1944 - 2020)
(Theo Quyết định số 903-QĐ/HU ngày 29/01/2019 của Huyện ủy Đồng Văn)

Đ/c	**Ly Mí Vàng**	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện	*Tổ trưởng*
Đ/c	**Lý Trung Kiên**	UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy	*Tổ phó*
Đ/c	**Vũ Trung Thông**	UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Triệu Long Giang**	UVBTV, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Trung Kiên**	UVBTV, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Văn Chinh**	UVBTV, Phó Chủ tịch HĐND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Dương Ngọc Đức**	HUV, Chánh Văn phòng Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Phạm Đức Nam**	HUV, Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Mua Thị Hồng Minh**	HUV, Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo	*Thành viên*
Đ/c	**Sùng Minh Vần**	Chỉ huy trưởng BCHQS huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Nguyễn Thanh Tuân**	HUV, Trưởng phòng Nông nghiệp huyện	*Thành viên*
Đ/c	**Đặng Văn Nghiệp**	Phó ban Tuyên giáo Huyện ủy	*Thành viên*
Đ/c	**Lương Triệu Quyền**	Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện	*Thành viên*

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

Chương I
Điều kiện tự nhiên, xã hội huyện Đồng Văn

I. Điều kiện tự nhiên

II. Quá trình hình thành và điều kiện kinh tế - xã hội

III. Truyền thống lịch sử

Chương II
Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong cuộc đấu tranh giành chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1944 - 1954)

I. Nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong cuộc đấu tranh giành chính quyền (1944 - 1945)

II. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954)

Chương III
Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị (1955 - 1960)

I. Xây dựng và củng cố hệ thống chính trị, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân (1955 - 1957)

II. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch 3 năm phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội (1958 - 1960)

III. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân trong huyện cùng với toàn tỉnh dập tắt vụ bạo loạn (1959)

Chương IV
Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1961 - 1975)

I. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

II. Đảng bộ huyên Đồng Văn lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần cùng cả nước đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thống nhất đất nước (1965 - 1975)

Chương V
Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong thời kỳ cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 - 1985)

I. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân tập trung phát triển kinh tế - xã hôi, bảo vệ an ninh vùng biên giới Tổ quốc (1975 - 1978)

II. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc (1979 - 1985)

Chương VI
Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trong thời kỳ đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2005)

I. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Đồng Văn trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1995)

II. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tăng cường xóa đói giảm nghèo (1996 - 2005)

Chương VII
Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới lên tầm cao mới (2005 - 2020)

I. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, phát triển kinh tế - xã hội, quyết tâm xóa đói giảm nghèo (2005 - 2010)

II. Đảng bộ huyện Đồng Văn lãnh đạo nhân dân tập trung nguồn lực tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững; tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh (2010 - 2020)